

Nguyệt san



CHÁNH PHÁP

HOẰNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ



Giai phẩm

XUÂN GIÁP NGỌ 2014

26

THÁNG 01 2014



Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Đồng Trực
Thư ký: ĐĐ. Thích Chúc Thiền
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh

Chủ bút: **Vĩnh Hào**
 Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Vĩnh Hào**

Hình bìa: **Đặng thị Quế Phượng**

LIÊN LẠC:

- **Bài vở:** baivochanhphap@gmail.com
- **Quảng cáo:** (714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai hữu duyên trong cả thế giới của trời và người. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: *"Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."*

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong giáo pháp của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net
www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ◆ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ◆ **TÌM HIỂU HÌNH TƯỢNG PHẬT DI LẠC** (Mãn Đường Hồng), trang 3
- ◆ **THIÊN LÝ MÃ** (Hạnh Chi), trang 5
- ◆ **50 NĂM NHIN LẠI "HAI ÔNG TƯỚNG THÁNG 11"** (ĐNT Tin Nghĩa), trang 9
- ◆ **BÉP LỬA ĐÈM THẦU** (Nguyễn Siêu), trang 12
- ◆ **NĂM UÂN VÀ THIÊN** (Tâm Hạnh), tr. 17
- ◆ **CẢM THỌ THỜI GIAN** (Tuệ Như), tr. 22
- ◆ **TẾT NGUYỄN ĐÁN VÀ PHẬT LỊCH** (Nguyễn Phúc Bửu Tập), trang 24
- ◆ **GIỚI THIỆU KINH DUY-MA-CẬT** (Tuệ Sỹ), trang 28
- ◆ **NƠI DÒNG SÔNG ĐI QUA** (Thích Nữ Hạnh Tâm), trang 32
- ◆ **RÁP TÂM CHIÊM HỮU TƯ TÌNH...** (Tịnh Minh soạn dịch), trang 35
- ◆ **THE STORY OF THERA UPPALAVANNA** (Daw Mía Tin), trang 36
- ◆ **NHỮNG CÁNH HOA CUỐI NĂM** (Mặc Phương Tử), trang 40
- ◆ **KHÓ VÀ VUI - NỘI TRẦN TRỖ CỦA KIẾP NGƯỜI** (Thích Chúc Đại), trang 42
- ◆ **CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN CHÂN HẠNH PHÚC** (Thích Trí Chơn dịch), trang 44
- ◆ **NELSON MANDELA - NGUỒN SÁNG VĨ ĐẠI ĐÃ TÁI!** (Huệ Bình tổng hợp), trang 48
- ◆ **PHẬT TỬ VIỆT NAM - HAI YẾU TÍNH MỘT CUỘC ĐỜI** (Huỳnh Kim Quang), trang 50
- ◆ **ĐỌC THƠ TUYỆT CÚ** (Lam Nguyên), trang 55
- ◆ **CÂY CÂY TRÊN ĐẤT TÂM - Câu chuyện dưới cờ** (Nhóm Áo Lam), trang 56
- ◆ **NHỎ MÙI TÊN ĐỘC - Phật Pháp thứ Năm** (Nhóm Áo Lam), trang 57
- ◆ **NHỮNG ĐÁU LẠNG** (Nguyễn Duy Nhiên), trang 58
- ◆ **LÀM MỚI CHÍNH MÌNH - Lá thư đầu tuần** (GĐPTVN Trên Thế Giới), trang 59
- ◆ **MÁI CHÙA - TRỤ CỘT HỒN DÂN TỘC** (Đào Văn Bình), trang 61
- ◆ **NẤU CHAY: TẤU HỮ KHƠ NƯỚC DỪA** (Diệu An), trang 64
- ◆ **TÁN DƯƠNG CÔNG ĐỨC CỨU TRỢ NẠN NHÂN BẢO HAIYAN** (VP Điều Hợp GHPGVNTN Liên Châu), trang 65
- ◆ **PGVN HẢI NGOẠI CỨU TRỢ NẠN NHÂN BẢO HAIYAN TẠI PHILIPPINES** (Thích Giác Tín), trang 66
- ◆ **DANH SÁCH CỨU TRỢ NẠN NHÂN BẢO HAIYAN TẠI PHILIPPINES & VN** (Thích Diệu Tánh), trang 71
- ◆ **CÁU TRE LÁT LÉO** (Toại Khanh), trang 73
- ◆ **DỪNG SỬA YẾN MẠCH...** (Tâm Diệu biên soạn), trang 75
- ◆ **CON NGỰA CỦA THÁI TỬ** (Huệ Trân), trang 79
- ◆ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 81
- ◆ **ĐẠO PHẬT VÀ CHÍNH TRỊ** (Thảo Hiền Sucitto dịch), trang 88
- ◆ **BẢO VỆ TRÁI TIM PHÁI NỮ** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 91
- ◆ **BIẾT** (Ngọc Bảo), trang 93
- ◆ **CHUYỆN HAI NGƯỜI VÔ GIA CƯ** (Tâm Minh Ngô Tăng Giao), trang 96
- ◆ **ĐỒ GỒM ĐỜI LÝ-TRẦN, THỜI THĂNG HOA** (Bùi Ngọc Tuấn), tr. 99
- ◆ **LỄ HÒA TÁNG TIỀN ĐƯA CỰU TRUNG TƯỚNG TÔN THẤT ĐÌNH** (Bình Sa - VB), trang 102
- ◆ **NGƯỜI MỸ GÓC VIỆT LÀM GÌ VÀO NHỮNG NGÀY TẾT 2014?** (Thích Nữ Giới Hương), trang 104
- ◆ **MÙA XUÂN ĐI QUUA, Ý XUÂN Ở LẠI** (Nhu Hùng), trang 106
- ◆ **KHÔNG MẠC LAN** (Minh Đức Triều Tâm Ảnh), trang 108
- ◆ **ĐUÔI BÁT MỘT MÙI HƯƠNG** (Phan Tấn Hải), trang 112
- ◆ **Ở MỘT NƠI KHÔNG CÓ TẾT** (Hoàng Mai Đạt), trang 117
- ◆ **GIỮA ĐỜI** (Biện Thị Thanh Liễm), trang 119
- ◆ **LÀNG NGHE TRIỀU SÔNG** (Lam Khê), trang 120
- ◆ **SẴN TRƯỚC MỘT DÁNG MAI** (Vĩnh Hữu), trang 123
- ◆ **VIỆC ĐỜI QUA TRƯỚC MẮT** (Thị Giới), trang 125
- ◆ **CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT CỦA PHẬT GIÁO TRONG NĂM 2013** (Tâm Huy), trang 127
- ◆ **VỀ VƯỜN** (Vĩnh Hào), trang 131
- ◆ **CHƯƠNG TRÌNH HỌC PHẬT - KHÓA TU HỌC PHẬT BÁC MỸ LẦN 4 (2014)**, trang 140

CÙNG VỚI THƠ của Tâm Tấn, Trịnh Gia Mỹ, Tâm Nhiên, Nguyễn Tâm Đồ Trọng Hùng, Phù Du, Bạch Xuân Phê, Mỹ Huyền, Nhật Trí, Mặc Không Tử, Lý Thừa Nghiệp, Nguyễn thị Minh Thủy, Thích Minh Tuệ, Tịnh Nghiêm, Huỳnh Nguyễn Lam, Diệu Đức, Minh Lương Trương Minh Sung, Quỳnh Dao, Hàn Long Ân, Nguyễn Hậu, Võ Sĩ Quý, Phan Nhật Tân, Chân Minh Trí, Nguyễn Thân Nguyễn Thiện Thông, Tâm Không, Huyền Cầu Trần Minh Châu, Hiền Nguyễn, Du Tâm Lăng Tử...

Báo Chánh Pháp Xuân Giáp Ngọ số 26, tháng 01 năm 2014, do Chùa Bát Nhã (Santa Ana, California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM
CHÁNH VĂN PHÒNG

704. East "E" Street., Ontario, CA 91764 – U.S.A. | Tel. & Fax: (909) 986-2433



Phật lịch 2557

THÔNG BẠCH XUÂN GIÁP NGỌ - 2014
của Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK

Nam mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật

Kính bạch chư tôn Thiên đức Tăng Ni,
Kính thưa quý vị thiện hữu tri thức, nam nữ Phật tử,

Thời gian luôn là điều trọng yếu cho sự tư niệm của người đệ tử Phật. Đông qua thì Xuân tới như sự suy-thịnh được-mất giữa thế gian này. Hơn thế nữa, cửa tử là con đường độc lộ mà mỗi ngày dẫn ta tiến tới gần hơn. Xin hãy cùng nhau quán chiếu sự mỏng manh của kiếp sống và danh vị. Xin hãy tha thứ những gì cần tha thứ, xin hãy bỏ qua những gì cần bỏ qua. Vì mùa Xuân có nở hoa hay không là tùy thuộc vào đất tâm an lành của chính mình. Sự tranh chấp mãnh liệt luôn thiêu đốt tất cả cây cỏ và bông hoa.

Cuộc sống của người con Phật hiện nay tại Hoa Kỳ có nhiều âu lo: vì sự suy thoái kinh tế dài lâu, vì con cái chúng ta quên Đạo, quên Nguồn, vì Đạo pháp nhiều biến động, xuyên tạc, thị phi. Thay vì trách cứ, chúng ta suy nghiệm thật sâu về giáo pháp Nhân Duyên của Như Lai. Ai thâm tín và hành trì sâu giáo pháp này thì tâm được an. Chúng ta cùng gìn giữ tín tâm kiên cố, nắm lấy tâm bình của chính mình và phát Bồ đề tâm làm hưng thịnh đạo pháp. Chư Phật, chư Tổ luôn gìn giữ và độ trì cho ai đang hành trì và phụng hiến giáo pháp. Nhờ công đức này mà khổ đau, phiền não, điều không may sẽ qua mau. Chúng ta đã làm cho cây trở bông. Chúng ta góp phần cho mùa Xuân của đạo pháp và Cộng đồng trên quê hương mới này.

Mùa Xuân mang đến cho con người niềm vui từ cây cỏ, thời tiết... Người con Phật có thêm một niềm vui lớn nữa là sự hỷ lạc từ giáo pháp, con đường thiền định và sự chuyên nhất trì niệm. Đây là những dòng sông, núi đồi tuyệt đẹp mà người con Phật tự hào mình có được và đang đi trong cảnh giới an lành này. Con người luôn nỗ lực mưu tìm hạnh phúc, mà hạnh phúc ở đâu? Hạnh phúc có mặt ngay trong giờ phút bình lặng của tâm. Chúng quanh ta có đầy châu báu nhưng rất tiếc chúng ta thiếu khả năng để duỗi tay xuống mà nắm lấy. Hãy thực tập giáo pháp để cảm thọ châu báu và nắm lấy châu báu.

Trong năm nay từ Phi Châu đến Á Châu và ngay cả tại Hoa Kỳ, chiến tranh, bạo loạn, thiên tai... đã xảy ra nhiều quá. Điều ấy cho chúng ta thấy được phước báo của loài người đang giảm dần. Do vậy, chúng ta nên dành nhiều thì giờ hơn để quán chiếu những khổ nạn kinh hoàng này. Chúng ta hãy giảm bớt những tiêu xài không cần thiết. Chúng ta có thể tự nguyện nhịn ăn một ngày trong tháng để chia sẻ những thống khổ bi thương mà con người đang gánh chịu. Sau mỗi thời khóa tu tập chúng ta hãy hướng về thế giới khổ nạn để chú nguyện cho các nạn nhân.

Mùa Xuân Giáp Ngọ - 2014, tôi xin thay mặt Hội Đồng Giáo Phẩm nhất tâm đánh lễ chư tôn Thiên đức Tăng Ni và kính chúc quý Ngài vô lượng cát tường. Chư tôn Trưởng lão trong Hội Đồng xin chú nguyện cho tất cả quý thiện nam tín nữ cùng gia đình an lạc và phước báu.

Phật Lịch 2557, California ngày 01 tháng 01 năm 2014

TM. Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK

Chánh Văn Phòng

(Ấn Ký)

Sa môn Thích Thắng Hoan



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
COUNCIL OF MANAGEMENT
CENTRAL OFFICE

803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 * Fax: (714) 568-1009



Phật Lịch 2557

HĐĐH/TCX/CT

THƯ CHÚC XUÂN GIÁP NGỌ - 2014

Kính gửi:

- Chư tôn Giáo Phẩm Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni,
- Chư vị lãnh đạo Tinh Thần các Tôn Giáo bạn,
- Quý vị lãnh đạo các hội đoàn, đoàn thể, tổ chức, cơ quan truyền thanh, truyền hình, báo chí người Việt Quốc Gia tại Hoa Kỳ,
- Quý đồng hương và Phật tử,

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Kính bạch chư Tôn Đức,
Kính thưa chư quý liệt vị,

Mùa xuân luôn là biểu tượng của sinh khí phát triển và thăng hoa của vũ trụ và vạn vật mà trong đó có cuộc sống con người.

Năm cũ với nhiều tai ương và khủng hoảng trên khắp toàn cầu sắp đi qua. Trước thềm năm mới, thay mặt GHPGVNTN HK, chúng tôi xin thành tâm kính chúc:

- ♦ Chư tôn Giáo Phẩm Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni: pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ, Phật sự viên thành;
- ♦ Chư vị lãnh đạo Tinh Thần các Tôn Giáo bạn: thân tâm Khang kiện, đạo nghiệp viên mãn;
- ♦ Quý vị lãnh đạo các hội đoàn, đoàn thể, tổ chức, cơ quan truyền thanh, truyền hình, báo chí người Việt Quốc Gia: bình an, khỏe mạnh để tiếp tục sự nghiệp phục vụ làm thăng tiến cộng đồng, góp phần vận động tự do, dân chủ và nhân quyền cho Việt Nam;
- ♦ Quý đồng hương và Phật tử: thân tâm an lạc, sở cầu như nguyện, vạn sự thăng phước.

Santa Ana, ngày 01 tháng 01 năm 2014

TM. Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN HK

Chủ tịch,
(ấn ký)

Sa Môn Thích Tín Nghĩa



Thư Tòa Soạn

HOA XUÂN

Cuối năm, người ta thường đúc kết những sự kiện, tin tức, những bài học về sự thành công hay thất bại, thu hoạch hay tồn thất, được và thua, còn và mất... trong suốt một năm, qua cuộc đời của từng cá nhân hay tập thể (danh tiếng hay vô danh), của các ngành nghề thuật, nhân văn và khoa học, của tổ chức (tôn giáo, xã hội, quốc gia, cộng đồng nhân loại).

Có những người nằm xuống mà lưu lại danh thơm muôn thủa; cũng có những người đang còn đó mà tiếng xấu đã đồn xa. Bìa miệng và sử sách không thiên vị và khoan nhượng khi ghi lại những tác động và ảnh hưởng do chính chúng ta tạo nên, tốt hay xấu, lành hay dữ, trong đời sống. Lịch sử cũng không ghi lại những biến cố và sự kiện đã qua như là những tình cờ ngẫu nhiên của may/rủi, hên/xui (như câu chuyện của Tái Ông mất ngựa—cho rằng trong rũi có may, trong may có rũi), mà là sự vận hành của nhân/quả, của một chuỗi trùng trùng nhân duyên thuận/hợp, đồng/dị trong dòng tiến hóa bất tận.

Thường khi, chúng ta dễ chạy theo danh vọng và địa vị mà đánh mất chí nguyện cao đẹp ban đầu của mình, làm tổn thương đến những người chung quanh.

Người học đạo, hành đạo không bận lòng chuyện danh thơm hay tiếng xấu mà chỉ lưu tâm nơi ba nghiệp (hành động, lời nói, ý nghĩ) của mình trong từng giây phút, có mang lại lợi ích cho bản thân, gia đình, xã hội, đất nước, nhân loại và chúng sinh nói chung hay không. Biết cái nhân đã gieo, đang gieo, sẽ gieo; và hiểu rõ được cái quả tất nhiên đã gặt, đang gặt và sẽ gặt—đó là thái độ và hành xử quang minh của người hiền trí.

Bức tranh của thế giới và chúng sinh được vẽ nên bởi sự hội tụ và kết hợp từ những mảng màu sắc của từng cá thể. Không có màu sắc nào độc lập và độc quyền hiển thị trong bức tranh ấy. Dù có một màu chủ điểm của bức tranh, chủ điểm kia cũng không là gì nếu chung quanh không có những sắc màu khác, hài hòa hay đối chọi, trắng hay đen, để làm nổi bật nó.

Người ta thường cho rằng phải có sự mâu thuẫn, xung đột, cạnh tranh, mới làm đà cho sự tiến bộ trong mọi phương diện đời sống. Điều này đúng phần nào trên mặt hiện tượng, cụ thể là trong thương trường, chính trường. Nhưng đời sống toàn diện vốn không hạn cuộc trong những ván bài của mua bán, đối chác, đua tranh, loại trừ nhau.

Tột đỉnh của đời sống văn minh vật chất hay tinh thần, chính là sự hòa hợp, an tâm, giữa người với người, giữa lãnh đạo (tôn giáo, quốc gia) và người dưới, giữa người và vật, giữa người với thiên nhiên.

Hãy đọc một đoạn trong bài “Hoa Cúc” (gồm 6 đoạn thơ, 24 câu thất ngôn) của Thiền sư Huyền Quang

– Lý Đạo Tái (1254 – 1334) nói lên tâm cảnh và bức tranh xuân tuyệt đẹp này:

*“Hoa tại trung đình, nhân tại lâu
Phản hương độc tọa tự vong ưu
Chủ nhân dữ vật hân vô cạnh
Hoa hướng quần phương xuất nhất đầu.”*

Trong khí xuân ấm áp, thấp hương ngổi một mình trên lầu, lặng lẽ ngắm hoa cúc nở dưới sân. Lòng vô ưu, quên hết bao phiền muộn. Người với hoa hân nhiên không tranh cạnh. Trong các loài hoa, hoa cúc đứng hàng đầu.

Nói hoa cúc đứng đầu trong các loài hoa không phải là cảm nhận chủ quan của thiền sư về mặt mỹ thuật. Ở đây, thiền sư chỉ muốn nói cái “hôn” của hoa, mà thực sự là cái tâm của đạo nhân. Hoa cúc nở hân nhiên, không cạnh tranh đua sắc khoe hương với các hoa khác. Đạo nhân cũng thế, sống hòa với người, với vật, với thiên nhiên. Không cạnh tranh nhưng không vì vậy mà hoa cúc không biểu lộ vẻ đẹp lặng lẽ, đặc dị của nó. Đạo nhân thực hành con đường trung đạo, chẳng nhằm chán cách ly cuộc đời, cũng chẳng đắm nhiễm tranh đua với người, mà vẫn thể hiện phẩm cách của bậc thượng sĩ xuất trần. Người và hoa như thế, khác gì nhau. Lòng không tranh thì tâm an. Hòa với người thì không còn âu lo, phiền lụy.

Không tranh (vô tranh) là một môn thiền định (vô tranh tam muội). Vô tranh không phải chỉ là không tranh cãi, mà là một trạng thái, một tâm cảnh, ở đó hành giả có thể hòa nhập làm một với tổng thể vạn hữu; không còn sự ngăn cách giữa chủ thể và đối tượng, không còn vướng mắc vào tướng đối đãi, nhị nguyên, mâu thuẫn; vượt khỏi lằn ranh nhân/ngã, bi/thử... Đây cũng gọi là cảnh giới bất nhị, vô phân biệt.

Mùa xuân, nguyện cầu thế giới hòa bình, chúng sinh an lạc, trước hết hãy giữ tâm bình, thân an. Tâm còn tham vọng, hận thù, tranh chấp thì không làm sao có được hòa bình. Thân còn bạo động hung tàn, miệt còn thô ác đối gian, sẽ không sao có được an lạc.

Đốt trầm hương, ngổi tĩnh lặng bên chung trà nóng, lòng buông thư, nhẹ nhàng. Hoa nở ngoài sân. Hoa trong thư phòng. Hoa nơi bàn viết. Nhìn đâu cũng thấy hoa. Và đóa hoa tâm cũng bùng nở trong ngày đầu xuân khi ánh triêu dương rực rỡ ở hiên ngoài. Từ niềm bình an tịch lặng của tự tâm, cảm thương con người và cuộc đời; cất lời nguyện cầu cho trần gian với đi thống khổ, tất cả vui hưởng một mùa xuân bất diệt.

NGÀY XUÂN TÌM HIỂU HÌNH TƯỢNG ĐỨC PHẬT DI LẶC

Mãn Đường Hồng

Hằng năm, cứ đến mùa xuân hoa nở tung bừng, trong các chùa chiền tự viện thường thấy giăng những tấm băng-rôn đề dòng chữ “Mừng Xuân Di Lặc”; trên sách báo của Phật giáo cũng thấy đưa câu này lên trang bìa một cách trân trọng. Nhiều người không phải là tín đồ Phật giáo lấy làm lạ, không hiểu vì sao lại có một mùa xuân mang tên một vị Phật. Hỏi ra mới hay, theo kinh điển của Phật giáo thì ngày mồng Một tháng Giêng âm lịch, tức mồng Một Tết Nguyên Đán, là ngày Vía của Phật Di Lặc, nên Phật giáo mới kính mừng ngày này như để mở đầu cho một mùa xuân, một năm mới với ước nguyện được nương uy đức và đạo hạnh của một bậc Vô Thượng Sư- Chánh Đẳng Chánh Giác mà tu học theo Chánh pháp, đem đạo hòa vào đời sống hằng ngày.

Phật Di Lặc, gọi cung kính hơn là **Di Lặc Tôn Phật**, là một hình tượng quen thuộc trong tín ngưỡng dân gian, và đã quá quen thuộc với mọi người, đó là một vị sư to béo đầy đà, mặc y áo không cúc, thường ngồi chễm chệ phanh ngực, hoặc đứng hiên ngang khoe cái bụng to tròn, mặt mày rạng rỡ, và đặc biệt là mãn nguyện luôn nở trên miệng khiến cho mọi người đều cảm thấy hoan hỷ, vui thích, có cảm tưởng như lúc nào cũng nghe được tiếng cười ha hả vang động của ông. Đó là nụ cười của Từ Bi, của Hỷ Xả, vô cùng cao quý, có thể làm tiêu tan hết mọi thù hận hờn ghét, làm tan biến mọi khổ đau phiền não, triệt trừ hết mọi ma vương quỷ dữ trong lòng dạ con người.

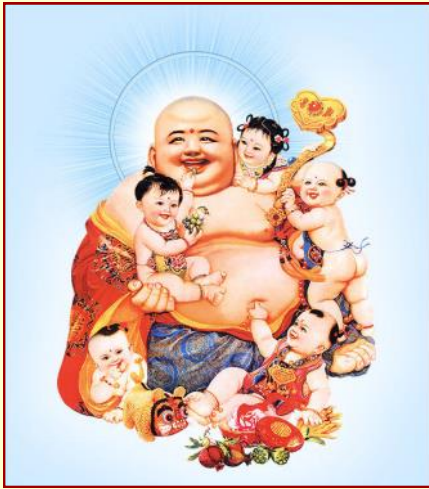
Thật ra, theo kinh sách thì Phật Di Lặc xuất thân trong một gia đình Bà La Môn, dòng quý tộc cao quý, ở thôn Kiếp - Ba - Lợi, thuộc nước Ba La Nại (Nam Thiên Trúc - Ấn Độ cổ đại), có hiệu là A-Dật-Đa (Adijita) nghĩa là “Vô Năng Thắng” không gì có thể thắng nổi!). Di Lặc là tiếng phiên âm từ Phạn ngữ **Maitreya**, nghĩa là “Từ Thị” (người có lòng từ



bi), hoặc “Từ Bi”. Ngài và Phật Thích Ca là người cùng thời. Ngài theo Đức Phật Thích Ca xuất gia, tu tập Chánh pháp và trở thành đệ tử của Phật, sau này Ngài nhập diệt (vào ngày mồng Một tháng Giêng Âm lịch) trước Phật Thích Ca.

Tín ngưỡng Phật Di Lặc đã được lưu hành rất sớm tại Trung quốc theo dòng phật giáo Đại Thừa, mà sau này truyền bá sang nước ta, ảnh hưởng rất sâu đậm. Đời Tây Ấn đã có tranh vẽ tượng Phật Di Lặc (còn được lưu

ở chùa Bình Linh, tỉnh Cam Túc). Còn tượng Phật Di Lặc trước đời Tống, đời Ngũ Đại thì có hai loại hình tượng Phật Di Lặc: Di Lặc Bồ Tát (do dựa theo kinh “Di Lặc thượng sinh”) mặc y phẩm Bồ Tát, giảng kinh cho chư Thiên ở cung trời Đâu Suất; và Di Lặc Như Lai (dựa theo kinh “Di Lặc hạ sinh”) sau khi hạ sinh thành Phật, hình tượng không khác biệt mấy so với Phật Thích Ca (xem tranh minh họa). Phật Di Lặc - vị Phật của tương lai - vào thời ấy thường được mô tả không khác các vị Bồ Tát khác, chỉ khác ở vương miện Ngài đội có phù đồ, và trên tay Ngài có cầm bình nước. Trong suốt thời kỳ thành lập của Phật giáo Trung quốc, Phật Di Lặc được mô tả ngồi trên một chiếc ghế, hoặc một ngai vua, với chân bắt chéo, hoặc chân trái buông xuống, tay phải chống cằm như đang suy nghĩ về tương lai. Cho đến sau đời Ngũ Đại, trong dân gian mới xuất hiện thêm một hình tượng Phật Di Lặc độc nhất vô nhị có miệng cười rạng rỡ hồn nhiên, sau lưng quây bị vài gai, tính tình rộng rãi cởi mở, rong ruổi khắp nơi. Đó là hình tượng Phật Di Lặc chúng ta thường thấy ngày nay trong những tranh tượng, kinh sách ở các tự viện của Phật giáo, được gọi là “**Tiểu Khẩu Di Lặc Phật**”, một hình tượng mà các nhà nghiên cứu phương Tây đã tấm tắc gật gù cho rằng “**một biến đổi độc đáo trong sáng tạo gây kinh ngạc,**” hay “**một sự biến thái kỳ diệu hoàn toàn của người Trung quốc.**”



Tiểu Khẩu Di Lạc Phật, dân gian còn gọi là "Tiểu Phật" hay "Di Lạc Phật bụng phệ", đã xuất hiện hàng loạt tại các tự viện ở tỉnh Chiết Giang (Trung quốc) vào sau thời Ngũ Đại, do người ta tạo hình tượng theo tướng mạo của một vị hòa thượng có tên là Khế (Khiết) Thử. Hòa thượng Khế Thử là người ở vùng Minh Châu (Chiết Giang), hiệu là Trường Đỉnh Tử, thường hay chống tích trượng, trên tượng có quây một túi vải gai, ngao du khắp nơi hành khất và thuyết pháp, mọi thứ xin được đều bỏ vào túi vải, nên người đương thời gọi ông là "**Bồ Đại Hòa Thượng**" (hòa thượng túi vải). Theo truyền thuyết thì Bồ Đại Hòa Thượng có thân hình béo tốt, y phục tùy tiện, cả ngôn ngữ lẫn hành vi đều không câu nệ tiểu tiết, có tài dự đoán được lành dữ, biết trước nắng mưa gió bão rất linh nghiệm, thần bí khôn lường. Năm Minh Trinh thứ 2, đời Hậu Lương (916), Bồ Đại Hòa Thượng ngồi trên một tảng đá ở Nhạc Lâm Tự mà nhập tịch, sau khi để lại một bài kệ rằng:

**"Di Lạc đúng Di Lạc
Phân thân ra muôn vàn
Mọi lúc đi dạy người đời
Mà người đời không tự biết"**

Dựa vào bài kệ đó mà người ta cho rằng hòa thượng Khế Thử chính là Phật Di Lạc hóa thân chuyển thế, bèn an táng nhục thân của ông tại một nơi cách

Long Hoa Tam Hội Nguyệt Tương Phùng

*Quá khứ kiếp Trang Nghiêm Vô Lượng Phật
Nói ngàn sau Chư Phật kiếp Nhân Hiền:
Nương Biên Từ vô lượng kiếp uyên nguyên,
Vâng Chúc Lụy sáng cung trời Đâu Suất.
Cười Từ-Niệm thương đời xoay Bát Thức,
Tâm bao dung xót chúng lụy Lục Căn,
Khi xoa đầu Lục Tặc quấy tung tăng,
Khi cười đẩy Tâm Vương về Tứ Tri.
Đức Thích Ca đã chọn truyền thọ ký
Thiên Nhơn Tôn Từ Thị mở Long Hoa,
Tám giọng Phạm-âm khai chuyên Pháp Tò,
Ba Hội độ Thanh-Văn thiên ức chúng.
"Đại Đố Năng Dung" bao dung tròn bụng,
"Từ Nhan vi tiểu" ban lạc dài cười
Trau Tâm, phụng Đạo, thương Đời,
Lai sanh Ngã Pháp trung, lời Đương Lai!*

TÂM TÂN

thơ



Nhạc Lâm Tự hai dặm về phía Tây, lập tháp thờ phụng đặt tên là "Am Di Lạc", xây gác đắp tượng... Dần dần sau đó, hình tượng Bồ Đại Hòa Thượng lưu hành khắp nơi với bụng lớn, miệng cười tươi tắn đầy lạc quan, khi đứng khi đi với tích trượng quây túi vải, khi ngồi với sáu đứa trẻ tượng trưng cho "Lục Tặc - Lục Căn" (Nhãn-mắt, Nhĩ-tai, Tỷ-mũi, Thiệt-lưỡi, Thân-cơ thể, Ý-suy nghĩ) đã được giáo hóa, có khi chỉ còn 5 đứa trẻ do người ta quan niệm rằng "Ý căn" không có hình tượng. Theo thời gian hình tượng của Ngài biến hóa ngày càng sinh động. Tượng của ông Thần Tài ngày nay cũng có tướng mạo đáng dấp "nhái" chẳng khác gì Bồ Đại Hòa Thượng, với tay

nâng và tung lên những nén vàng lấp lánh, biểu hiện cho sự phồn vinh phú quý, khiến nhiều người rất dễ nhầm lẫn với hình tượng của Phật Di Lạc.

Trên điện Di Lạc trong một ngôi đại tự ở Bắc Kinh, ngày nay còn treo một đôi câu đối xứng tán Tiểu Khẩu Di Lạc Phật rất tuyệt diệu:

**"Đại đố năng dung, dung
thế gian nan dung chỉ sự
Hàm nhan vi tiểu, tiểu
thế gian nan tiểu chi nhân"**

Nghĩa là:

**Cái bụng lớn có thể dung
chứa những việc mà người đời
không dung chứa được**

**Miệng nở nụ cười mím
với những điều mà người đời
khó có thể mím cười được.**

Thiên lý mã

HẠNH CHI



Một thi sỹ Trung Hoa có nói: "Nơi dẫu chân đoàn chiến mã hung hãn, ào ạt băng qua, nơi đó, mười năm sau có chưa thể mọc và gió còn tanh mùi máu!"

Mỗi lần nhớ tới câu nói này, tôi lại nghĩ đến con ngựa già đã đưa Ngài Huyền Trang đi thỉnh kinh.

Nơi đoàn ngựa chiến băng qua, dư vị tang thương chết chóc khiến gió hôi tanh, cỏ chẳng mọc, thì dậm trường thiên lý mà con ngựa già đưa người phát đại nguyện đi thỉnh kinh để trao truyền lời Phật dạy tới nhân gian khắp cõi, dậm trường đó, chẳng phải chỉ mười năm, mà trăm năm, ngàn năm, đời này, đời sau, muôn đời sau nữa, chắc hẳn gió còn thơm ngát hương chiên-đàn, cát còn lóng lánh kim cương, sông suối còn ngọt ngào Ba-la-mật.

Tôi không thích những nhân vật và những tình tiết thần thông xoay quanh câu chuyện này nên chưa bao giờ thực sự cầm một cuốn sách nào viết về giai thoại lịch sử cực kỳ quan trọng mà vị pháp sư đời nhà Đường đã làm nên. Nhưng tôi lại rất muốn biết về con đường gian nan, hiểm nguy cũng cực mà Thầy Huyền Trang đã trải qua khi vượt sa mạc Qua Bích mệnh mỏng khắc nghiệt dài hơn 800 dặm. Sa mạc đó, trên trời không chim bay, dưới đất không thú chạy, không cây, không nước, không một dấu hiệu của sự sống!

Trong gia đình tôi, từ cha mẹ, cho tới anh chị em, ai cũng say mê những bộ truyện kiếm hiệp của Kim Dung và ai cũng đã từng đọc qua Tây Du Ký. Mỗi người, bị mỗi câu chuyện đó lôi cuốn ở mỗi giai thoại, mỗi khía cạnh khác nhau nên những bữa cơm tối, chỉ cần ai đó nói lên truyện nào là thành ngay những "đại hội bất thường" sôi nổi.

Tôi lờ mờ biết đến những nhân vật lừng danh của Kim Dung

như Vô Kỵ, Triệu Minh, Chu Chi Nhược, Tạ Tốn, những môn phái hắc bạch trong chốn giang hồ, là do ngồi dự khán những đại hội đó chứ chẳng thể nhớ được ai bạn, ai thù, ai thiện, ai ác, ai ở bộ truyện nào.

Cũng thế, tôi biết về sự tích Ngài Huyền Trang đi thỉnh kinh là do các "diễn giả không chuyên nghiệp" trình bày. Nhưng vì đã rập tâm chỉ ghi nhận những gì muốn biết và loại bỏ ngay những gì không thích biết nên tôi cũng đã tự phác họa cho mình một bức tranh về sự kiện lịch sử này. Bức tranh hình thành do gộp nhặt những lời kể chủ quan của thành phần gia đình nên tất nhiên sẽ có những chi tiết đúng với người này mà sai với người kia. Xin vị nào đọc tới bài này đừng quá nghiêm khắc với chi tiết. Nếu không đúng ý mình nghĩ thì xin xem như... thần thông biến hóa ra như thế!

Tôi ghi nhận được nhiều tình tiết nhất là từ cha tôi, những tình tiết không có Tôn Ngộ Không, Trư Bát Giới đại náo vào.

Ngài Huyền Trang xuất gia ở đâu, lúc bao nhiêu tuổi thì cha không rõ, nhưng những địa danh mà Ngài bôn ba cầu đạo thì cha biết có vẻ tường tận lắm.

Ngài là một người cầu học tận gốc, cầu biết tận ngọn chứ không phải học để làm dáng trí thức. Nên ở Xuyên Đông, Xuyên Tây, Ngài tìm đến các danh sư mà không ai giúp Ngài thỏa mãn những khúc mắc, bèn lặn lội qua Sơn Đông, Hồ Bắc, miệt mài khắp các tỉnh miền Bắc Trung quốc mà càng đi, lòng càng khắc khoải, khổ đau. Chẳng lẽ khắp trong thiên hạ không tìm ra mình sư ư?

Khi ấy, Ngài chợt nhận ra rằng đa số chư Tăng, trí thức, chưa thấu triệt lẽ đạo vì kinh điển lưu hành quá ít! Phần phiên dịch lại nhiều sai sót, khó hiểu! Từ nhận xét này, Ngài Huyền

Trang đã nảy ý định tới Ấn Độ thỉnh kinh, vì nơi đó là gốc phát sinh Đạo Phật, nơi Đức Thế Tôn thành đạo và lập tăng đoàn đầu tiên hoằng pháp. Nơi đó mới có hy vọng còn giữ những văn kinh bản gốc.

Nhưng thời đó, ý định Tây-du của Ngài Huyền Trang là hoang đường, là điều không tưởng vì đường từ Trung Hoa sang Ấn Độ quá xa xôi, hiểm trở, không có một phương tiện tương đối an toàn nào có thể thực hiện được chuyến đi. Chưa kể, dù có tới đích thì hy vọng đạt được sở nguyện cũng chỉ mơ hồ vì biết có ai còn đủ quan tâm gìn giữ kho tàng kinh điển xưa không?

Ày thế mà dũng mãnh phát tâm không hề lay chuyển. Ngài âm thầm hoạch định lộ trình và thấy rõ đường xa vạn dặm đó không đoạn nào thiếu hiểm trở, gian nguy, thú rừng, cướp bóc... Kinh hoàng nhất là phải vượt qua một sa mạc dài tới 800 dặm mà chỉ có bão cát mịt mù ngày đêm, nơi từng vùi xác bao người, ngựa muốn thử sức với khắc nghiệt thiên nhiên.

Để chuẩn bị cho chuyến đi gian khổ, Ngài đã lập nguyện nhịn ăn, nhịn uống, giải gió đằm sương, luyện thân tâm thành sắt thép.

Cuối cùng, Ngài quyết khởi hành từ tỉnh Lương Châu vì nơi đó giáp ranh đường về miền Tây Ấn Độ.

Khi đó Ngài Huyền Trang vừa ba mươi bốn tuổi.

Chính tại tỉnh Lương Châu này, Ngài gặp một người lái buôn bản xứ, cốt cách đạo mạo, nghiêm minh khiến vừa gặp, Ngài đã sanh lòng tin yêu nên không ngần ngại thổ lộ ý nguyện của mình.

Cũng chính nơi đây, Ngài có được bạn đồng hành, giúp Ngài thực hành tâm nguyện.

Bạn đồng hành rất quan trọng đó là con ngựa già của người bản xứ.

Tất cả những gì tôi được nghe, được biết về dặm trường thiên lý thỉnh kinh của Ngài Huyền Trang, đối với tôi, quan trọng nhất, cảm động nhất, mẫu nhiệm nhất, là ở thời điểm này. Nhưng bất nhân thay, đại đa số những tác giả viết về Đường Tam Tạng thỉnh kinh, tới đây, đều lướt qua, để thêm vào đó những diễn viên thần thông dị hợm! Bằng cứ qua những điều tôi chép nhặt được qua nhiều lời kể, đều không có gì đáng lưu lại ở giai đoạn này.

Khi tới Lương Châu ít lâu, con ngựa của Ngài Huyền Trang không quen thúy thổ, bệnh mà chết! Ngài phải tìm mua con ngựa khác. Ấy thế mà khi gặp, và thổ lộ tâm tư với người lái buôn bản xứ, ông ta trầm tư giây rồi đề nghị đổi con ngựa già của mình lấy con ngựa trẻ trung, tốt đẹp mà Ngài Huyền Trang đang dùng. Ông ta thừa Ngài rằng, Ngài cần con ngựa già này vì nó rất thuộc đường tới phương Tây, nhất là, đã từng chở hàng hóa vượt sa mạc nắng cháy, đã quen dầu giải tuyệt sương nên tuy già mà vẫn khỏe, chứ chú ngựa non sáo đã đẹp để kia không vượt nổi 10 dặm sa mạc gió cát đâu, nói gì 800 dặm!

Đối với người lái buôn bản xứ, chắc hẳn con ngựa già quen đường này quý gấp bội hơn con ngựa non đẹp để kia. Vậy mà sao ông ta sẵn lòng đổi cho một người xa lạ chỉ vừa tình cờ gặp, khi người ấy thổ lộ muốn đi về phương Tây?

Có ai nhìn thấy sự cảm thông kỳ diệu giữa hai tấm lòng này không?

Sự kỳ diệu đó có phải chỉ là ngẫu nhiên đời-thường, hay đó chính là **"Sự cảm thông không thể nghĩ bàn"**?

Chưa hết đâu.

Sự kỳ diệu này chỉ là mở đầu của bao nhiêu mẫu nhiệm mà người đó, ngựa đó đã cùng nhau chia sẻ trên dặm trường hung hiểm.

Với lương khô và những túi da đựng nước đeo trên yên, người và ngựa vượt qua bao đồng cỏ, bao đồn canh, bao hiểm nguy rình rập, bao phen tưởng như thấy Diêm Vương, nhưng chưa quy thì cứ nhắm suốt Dã Mã ở hướng tây mà đi. Ngày đi, đêm nghỉ rồi cũng

tới ranh giới sa mạc tử thần!

Không chút nao núng, con ngựa già bằng bằng lao vào sa mạc. Hai mươi dặm, ba mươi dặm, năm mươi dặm... Nhưng rồi, gió bỗng nổi lên, cát khắp phía mặt mù, cuồng lốc như muốn cuốn thốc cả đại địa. Ngựa, chắc đã từng trải qua như thế; còn người, thì thân tâm đã chuẩn bị cho thử thách này nên bão cát cuồng phong không ngăn được quyết tâm của người và ngựa.



Đi suốt năm ngày như thế, thì cả hai đều mệt lả! Túi da đựng nước đã văng đi đâu mất và phương hướng thì mù tăm, bất định.

Trên sa mạc mà lạc đường, không nước thì cái chết đã đâu đây!

"Nam Mô Cứu Khổ Cứu Nạn Quan Thế Âm Bồ Tát, nêu thân tâm và trí tuệ của kẻ phàm phu này còn làm được gì lợi ích chúng sanh thì xin ân đức Bồ Tát gia hộ cho con."

Chỉ một lời nguyện thành tâm, bão cát chợt dịu lại, và cơn gió mát từ đâu thoảng tới khiến người và ngựa đều choàng tỉnh. Cả hai gắng gượng lần mò đi thêm một đoạn đường ngắn nữa thì con ngựa già bỗng hí vang! Nó vừa nhận ra một lối mòn quen thuộc! Vừa tiếp tục hí, nó vừa phi nước đại vào lối mòn đó. Không bao lâu, Ngài Huyền Trang nghe thấy âm thanh róc rách của giòng suối ngọt, như nhạc trời đang tấu những khúc nhạc hồi sinh.

Suối kia rồi! Ôi là mát! Ôi là trong!

Bạch-mã yêu quý ơi! Hãy xuống uống đi! Hãy uống cho no nê! Hãy tạ ơn Bồ Tát Quan Thế Âm! Hãy uống đi! Ta cũng đang uống nước Cam-Lồ đây! Hãy uống đi, rồi cùng ta ngủ một giấc cho say! Bạch-mã ơi! Hãy ngủ cho say để khi ánh dương vừa rạng, chúng ta sẽ nhắm hướng nước Y-Ngô mà tới. Chắc Bạch-mã đã biết rằng, qua khỏi được sa mạc kinh hoàng này là biên giới Y-Ngô, từ đó, chúng ta dễ dàng đến Cao-Xương, sang Khuất-Chi, qua Đột-Quyết. Chúng ta sẽ vượt Hy Mã Lạp Sơn và sẽ thấy biên giới Ấn Độ. Chư Phật, Chư Bồ-Tát sẽ hộ trì chúng ta thỉnh được kinh điển, làm bản đồ cho khắp cõi chúng sanh tìm về đường Giác Ngộ, giải thoát. Có lẽ, khi con ngựa già nhớ ra đường, tìm được giòng suối cứu tinh thì Ngài Huyền Trang đã vô cùng hoan hỷ như thế.

Nhưng khi tôi hỏi cha, là Ngài Huyền Trang vượt được sa mạc, đến nước Y-Ngô rồi sao, thì cha tôi vui vẻ, giơ cả hai tay lên trời mà nói rằng:

- Ô, tới đây là "Qua cơn bĩ cực tới hồi thái lai rồi."

Từ đây, Ngài Huyền Trang đi qua nước nào cũng được vua nước đó trọng đãi và tặng bạc vàng, thực phẩm, lụa là, nhiều không biết bao nhiêu mà kể, vì hạnh nguyện vĩ đại của Ngài đã được nhân gian truyền nhau, xôn xao từ xứ này sang xứ kia. Có cả những nước muốn giữ Ngài ở lại không được, vua nước đó sai quan quân tiễn Ngài bằng từng đàn ngựa quý! Ngài ở bên phương tây đến hơn 17 năm, sưu tập được hơn 600 bộ kinh cùng rất nhiều bảo vật từ thời Đức Phật tại thế. Khi trở về nước, Ngài lập tức bắt tay vào việc phiên dịch, miệt mài gần 20 năm và hoàn tất được 75 bộ kinh đồ sộ. Ngài đã đạt thành đại nguyện và trở thành vĩ nhân vì sự đóng góp lớn lao đó cho Phật Giáo.

Tôi cũng được nghe từ thầy, cô, từ bạn bè về thành quả cực kỳ tốt đẹp, vinh hiển đó. Nhưng tôi đã không thể không hỏi cha về một chi tiết mà hình như không ai nhắc tới. Đó là bạn đồng hành trên đoạn đường gian khổ nhất với Ngài. Tôi hỏi cha rằng:

- Thế, còn con ngựa già đã

cùng Ngài Huyền Trang vượt dặm trường thiên lý gian nguy thì sao? Sau khi được tặng biết bao ngựa quý thì Ngài có còn cưỡi con ngựa già đó mà đi tiếp hay không?

Cha tôi mở to mắt, nhìn sững tôi.

Có lẽ cha không hề nghĩ đến điều đó!

Có lẽ chẳng ai nghĩ đến điều đó!

Chẳng ai nghĩ đến bạn đồng hành tận tụy đó của Ngài Huyền Trang.

Chẳng ai quán chiếu rằng, nếu cơ duyên màu nhiệm không xảy ra để người đó gặp được ngựa đó, thì có lẽ đại nguyện của người khó mà thành tựu!

Vậy mà, qua cơn bĩ cực, con ngựa già lặng lẽ dừng vó nơi đâu, không ai nhắc tới!

Với tâm tử bi, tôi chắc Ngài Huyền Trang đã giao nó cho một người nhân ái nào, dặn dò chăm sóc nó chu đáo, cho nó được nghỉ ngơi, nhàn hạ lúc tuổi già.

Không hiểu sao, tôi tin như thế.

Nhưng còn tấm lòng bạch mã?

Chắc gì nó muốn nghỉ ngơi khi phải xa người mà nó kính yêu, ngưỡng phục. Thờ thần ra vào nơi chuồng đẹp, cỏ tươi, nó thường nhớ về cơn bão cát, tưởng đã chôn vùi một kiếp. Nhưng lạ lùng thay, chỉ một tiếng niệm Quan Âm mà gió đã ngừng, trăng đã sáng. Nó làm sao quên được giây phút nhiệm màu ấy, giây phút như lần chớp nhưng đủ cho nó mờ hồ thoáng thấy kiếp sau.

Kiếp đó, nó mặc áo phấn tảo, chân trần, ôm bình bát thông dong tự tại đi giữa bao chốn bụi.

Kiếp đó, nó hoan hỷ rao giảng bao công trình mà người vừa cùng nó vượt hiểm nguy đã gom về được.

Nó rất an tâm chờ chuyển hóa, luân hồi. Nhưng nhớ cố nhân, đã nhiều đêm trắng sáng, nó ngước nhìn trời mà hí lên lời hoài vọng:

"Thẳng như con ngựa già vô dụng

Chủ bỏ ngoài trăng,
Đứng một mình!" (*)

Hạnh Chi

(*) Thơ Tô Thùy Yên



MUÔN CHIỀU DIỆU DỤNG

*Đại hòa diệu với trần gian cát bụi
Khắp mười phương mến hết em ơi!
Thập loại chúng sinh đều trân quý
Nhập cuộc chơi cùng toàn thể mộng đời*

*Đời lữ đạo chánh tà hòa dung nhiếp
Chẳng ghét phạm hay yêu thánh chi chi
Không thấy lỗi lầm của ai hết cả
Nên nhìn đâu cũng rất tân kỳ*

*Khi đã thấy tự tâm mình thanh tịnh
Thì đương nhiên vắng lặng những mong cầu
Mầu nhiệm sờ sờ ở ngay trước mắt
Ngay trong từng nhận diện biết thâm sâu*

*Phải không em nơi này hay chốn nọ
Vẫn cung đàn trên nhịp bước thông dong
Thông tay vào chợ nghèo ngao hát
Khúc tiêu dao vô ngại giữa bụi hồng*

thơ **TÂM NHIÊN**

Thắp Hương

Thắp lên ba nén hương đây
Hương Giới, hương Định, với này Tuệ hương
Thấy ra trong cõi vô thường
Mệnh mong trời đất vẫn thường tại đây

Thắp lên ba nén hương này
Cái Tâm là cái thân này, nén hương

Lạy Phật

Chấp tay là đóa hoa sen
Như tâm không nhiễm trắng, đen bụi trần
Cúi xuống, buông hết vọng, chân
Trời cùng đất với tám thân khác gì!
Cúi xuống, xả hết so bì
Thì ta chính Phật, Phật thì chính ta

Mở

Đều đều tiếng mõ vang
Nhập dòng kinh vi diệu
Đánh thức người chiêm bao
Vượt mê tìm bến giác

Êm êm từng nhịp mõ
Tay chấp hoa trầm hương
Thanh tịnh đây cõi Phật
Tự hóa độ mùi phương

Chuông

Lắng lòng theo tiếng chuông ngân
Nghe thanh âm vọng chẳng gân, chẳng xa
Ngân nga cây lá nở hoa
Tiếng lòng hòa với âm ba đất trời

Chuông ngân, ngân mãi tuyệt vời
Nghe ra dứt hết mọi lời nói, thừa
Trang nghiêm đây cõi Phật Thừa
Tiếng chuông mãi vọng đưa lời Tâm Kinh

Niệm Phật

Nam mô, quay trở về mình
Để thấy cái không diệt sinh, vĩnh hằng
Niệm sao không vọng lãng xăng
Thì ta như cái vàng trắng sáng ngời

A Di Đà Phật, ai ơi!
Là cái thể tánh tuyệt vời nơi ta

Thiền

Ngồi cùng hơi thở vào ra
Quay trở về với cái ta nhiệm màu
Ngồi cùng hơi thở cạn sâu
Nghe cõi thanh lặng là câu không lời
Ngồi cùng hơi thở buông rơi
Mệnh mong tòa chiếu tuyệt vời ánh trăng.

thơ TRỊNH GIA MỸ



NĂM MƯƠI NĂM NHÌN LẠI “HAI ÔNG TƯỚNG THÁNG 11”

Điều ngự tử Tín Nghĩa

Duyên kỳ ngộ của tôi là được gặp và thân hai vị anh hùng dân tộc cùng tháng Mười Một, nhưng cách nhau ba năm. Hai vị đều đứng lên làm Cách Mạng để đảo chánh chế độ Ngô triều.

Vị thứ nhất là Cựu Trung tướng Nguyễn Chánh Thi, người làng Dưỡng Mong, cùng quê với đức Đế nhất Tăng Thống Đại lão Hòa thượng Thích Tịnh Khiết.

Hằng năm quý vị Gia đình Nhảy dù thường hay tổ chức tinh thần đồng đội tại Dallas. Những lần như thế, anh em trong binh chủng đều có mời Trung tướng thân lâm tham dự, và mỗi lần như thế, Tướng về thăm gia đình của bà chị dâu ở thành phố Fort Worth mà cũng không quên đến viếng thăm Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại, mặc dầu Từ Đàm đang trong hoàn cảnh thiếu thốn, mái tranh vách đất.

Khi gặp Trung tướng, ông cười và nói:

- Nghe chữ Từ Đàm làm tui nhớ Huế và nhớ quê chi lạ. Tui muốn về quê chết rồi vui thân bên bụi chuối sau hè, cũng vui rồi.”...



Cựu trung tướng Nguyễn Chánh Thi
(1923—2007)

Tôi cũng cười theo với Trung tướng và mời vào nhà uống nước.

Ông còn nói thêm:

- Tui nhớ cái ngày làm Tư lệnh Sư đoàn I, gặp thầy mấy lần ở Từ Đàm và tại Tư dinh, nhưng bận việc quan nên cũng chẳng nghĩ nhiều về chuyện tu Phật. Rửa mà trời xui đất đẩy, chúng mình lại gặp nhau ở đây. À, khi mô thầy sửa chùa hay làm chùa mới cho tui biết để cúng một cục gạch chớ!”

Tôi thưa lại với Trung tướng:

- Thưa Bác, hồi nớ, cỡ như thầy màn rằng mà gần bác được? Thứ nhất là nhỏ bé thuộc hàng con cháu, thứ hai là Bắc đến Từ Đàm, trước lạy Phật, thăm quý Ôn; đồng thời để bàn chuyện đất nước và chuyện lo cho đồng bào ở vùng giới tuyến mà lại là vùng trực thuộc của bác đang cai quản và chịu trách nhiệm với chính phủ.

Tôi nhắc lại cho Trung tướng với câu nói một mực của vị Tướng Tư lệnh Khu 11 Chiến thuật rằng:

“Hỡi đồng bào vùng giới tuyến, hỡi tất cả đồng bào trong Khu tôi, các vị buôn thúng bán bưng, cày sâu cuốc bẫm đang chịu cảnh bom đạn cả hai chiều quá cực khổ. Chính phủ biết như rứa, nhưng hoàn cảnh đất nước gánh chịu, thân làm tướng như chúng tôi cũng không tài nào cải tạo hoàn cảnh cho được...”

Thường thì tôi gọi ông bà cựu Trung tướng Thi bằng bác và cô.

Nói cười với Trung tướng một hồi, ông lên lạy Phật và cáo từ.

Khi ra về, Tướng còn nói với tôi:

- Năm sau, cũng vào thời gian nì, tui xuống Dallas lần nữa, nhưng không biết có ai đưa tới thăm thầy không nữa chớ!”

Tôi cười và thưa:

- Bác yên tâm. Nếu không ai chớ, bác cho người gọi phone rồi thầy sẽ đến thăm bác.

Vào ngày 29 tháng 8, 1997, đã gần 12 giờ khuya, nghe tiếng

gõ cửa, con chó nhỏ trong nhà lại sủa. Tôi mở cửa ra, thì Trung tướng đã nói to:

- Thưa thầy, thầy ngủ chưa?

Tôi đáp:

- Thưa Bác, rằng bác tới khuya dữ rứa?

Ông cười:

- Ôi chao, mấy đứa có dịp gặp nhau, thôi thì đủ thứ,... chừ mới rên, mới xuống thầy đây.

Chân mới bước vào chưa kịp ngồi, ông đã nói to:

- Thầy cho tui cúng một chút phước với chùa với hai chữ Từ Đàm thân thương mà không có dịp gặp lại ở quê nhà.

Tôi thưa:

- Bác uống miếng trà cho vui, thầy lấy cuốn sổ để bác ghi vài chữ lưu niệm.

Ông cười và ngồi xuống viết: “NGUYỄN CHÁNH THI – LANDCASTER, PENNSYLVANIA” với lời chúc “CẦU NGUYỆN HÒA BÌNH THẾ GIỚI. AUG. 29, 1997” với chữ ký nghiêng màu mực đỏ nguyenchanhthi.

Còn số tiền thì tướng bảo tôi tự tay viết vào sổ năm trăm dol-



Cựu trung tướng Tôn Thất Đình
(1926—2013)

lars. Ông cười và xin từ giã là gần 2 giờ sáng, ngày 30 tháng 08 năm 1997.

Ngày Trung tướng hầu Phật, tôi có gọi phone phân ưu với cụ bà và cụ bà cũng gửi ảnh về để thờ. Đáng lý là hài cốt của Cựu Trung tướng Nguyễn Chánh Thi chia làm ba phần. Một cho gia đình, một thờ tại Phổ Đà của Hòa thượng Hạnh Đạo và một thờ tại Từ Đàm; nhưng cô con gái bàn với gia đình là không muốn thi thể bố chia ra mà nên thả xuống biển đông cho tươi mát và trọn vẹn thi thể thì vui hơn.

Ngày cúng Chung thất cho Bác tại Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại có đầy đủ các binh chủng vùng I hiện đang trú xứ tại vùng Dallars - Fort Worth. Trong buổi lễ, quý anh em mà đa phần là Sĩ quan HO đều có phát biểu và ca ngợi cái hùng tâm dũng khí của Trung tướng. Cựu Trung tá HO Lê Chu phát biểu cảm động nhất. Cũng trong ngày này, tại chùa Phổ Đà ở Santa Ana, Hòa thượng Thích Hạnh Đạo cũng tổ chức cúng cho Trung tướng. Hai chúng tôi có diện đàm cho nhau.

Vị thứ hai là Cựu Trung tướng Tôn Thất Đính, cũng người Huế với Tướng Thi.

Tôi không quen biết hay gần gũi với người hùng Cách mạng ngày 01-11-1963 này. Chỉ biết danh tánh và Cấp bậc qua báo chí là một vị Trung tướng đảm lược, trẻ nhất trong hàng tướng, mới 36 tuổi nơi cổ áo ba sao sáng lòa, hiên ngang ngồi hóp.

Khi ra hải ngoại, mỗi lần đi làm Phật sự thì cũng có gặp các vị tướng nhiều như cụ Đỗ Mậu, cựu Trung tướng Trần Văn Đốn, cựu Đại tướng Nguyễn Khánh, cựu Thiếu tướng Nguyễn Văn Chuân ...; ngoài ra có vị tướng thân quen từ quê nhà là Cựu Trung tướng Ngô Quang Trưởng, kể từ khi làm Tư lệnh Sư đoàn 1, khu 11 chiến thuật, rồi Tư lệnh Quân đoàn I, Vùng I Chiến thuật, nhưng qua Mỹ lại không có dịp gặp lại. Khi nghe tướng hầu Phật, tôi gọi điện phân ưu cùng gia quyến và cụ bà đích thân gửi ảnh về Từ Đàm để thờ.

Ngày 10 tháng 10 năm 1998 (nhằm ngày 20 tháng 08 năm Mậu Dần), chúng tôi tổ chức Đại lễ Khánh Thành Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại và cũng là ngày Đại Hội Thường Niên năm thứ hai, nhiệm kỳ 2 của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ.



Hại vị Cựu Trung tướng Nguyễn Chánh Thi và Tôn Thất Đính đã thân lâm tham dự Đại lễ Khánh Thành và Đại hội Thường niên. Hai vị Cựu tướng tháng 11 này gặp nhau tại Tân chánh điện Từ Đàm, cùng hòa vào bầu không khí tươi mát của ngày Khánh thành và Đại hội. Sau đó, hai vị đã đồng góp bài vào cuốn Kỷ Yếu do chúng tôi thực hiện.

Đặc biệt Cựu Trung tướng Tôn Thất Đính, trong ngày Đại hội Tổng vụ Cư Sĩ, chúng tôi là Tổng vụ trưởng đứng ra tổ chức tại Tổ Đình Từ Đàm, Tướng Đính tham dự. Anh em các binh chủng thân quen với tướng mời đi chơi đó đây. Người đưa đón và lo liệu ăn uống, ngủ nghỉ là đạo hữu Nguyên Hỷ Lê Văn Hữu. Không biết đạo hữu Nguyên Hỷ lo liệu như thế nào mà khi ông trở lại Từ Đàm thì không ngớt lời khen ngợi. Tôi hỏi anh Nguyên Hỷ, thì anh chỉ cười chum chim.

Trong giờ giải lao, Tướng Đính thưa với tôi rằng:

- Thưa thầy, tướng muốn quy y Tam bảo.

Tôi thưa:

- Ở đây có Hòa thượng Hộ Giác, Hòa thượng Thăng Hoan và Hòa thượng Trí Chơn, cùng chư Tôn đức đạo cao đức trọng trong Giáo hội. Tướng chọn ai cứ tùy duyên. Thầy chỉ biết giới thiệu.

Ông nói ngay:

- Con muốn quy y với thầy (tức là tôi, Tín Nghĩa).

Tôi thưa:

- Nếu Tướng muốn quy y với thầy, nhận thầy là bổn sư, thì tướng cứ về lại Cali, suy nghĩ kỹ, sau đó vài ba tháng qua đây thầy sẽ làm lễ quy y cho Tướng. Ông dạ một tiếng to và sáu tháng sau, trở lại Từ Đàm xin quy y làm đệ tử Phật.

Ngày Tướng Tôn Thất Đính phát nguyện quy y Tam bảo, có

một vị tướng và hai vị cấp tá, nhưng giờ này tôi không còn nhớ rõ. Chúng tôi đi phải đoàn đi theo Tướng Đính cả nam lẫn nữ 18 vị, một bữa ăn trưa sau khi đã quy y Tam Bảo. Trong lúc ăn, có một hai vị là Thiên chúa giáo nói:

- Chúng tôi là Công giáo, nhưng ăn chay như thế này vừa ngon, vừa đậm đà làm sao..."

Họ định nói thiếp thì Tướng Đính nói thêm:

- Mấy Tôi đi theo Moi tập ăn chay theo nhà Phật thì cũng tránh bớt bệnh tật, vì chất béo không có mấy. Và lại, nhờ ăn chay nên những tánh khí hung hăng cũng giảm dần và dễ hòa đồng với mọi người, ...

Một buổi lễ trao truyền Tam quy Ngũ giới cho Tướng Đính cũng đồng đức Phật tử phát nguyện cùng quy quy, trong đó có vợ anh Nguyên Hỷ là người đưa đón Tướng Đính.

Tôi có làm bài thơ với tựa đề "Trở Về" để tặng cho Tướng Đính, ở trong "Trúc Lâm Thiên Phái Thi Tập" trang 194, có ghi lại bài này như sau:

Trở Về

Gần trọn cuộc đời giữa hồng trần,
Vi dân, vì nước, chẳng vì thân,
Đứng lên diệt bạo, trừ gian tặc,
Vùng dậy phò nguy cứu quân dân.
Đạo nghiệp vừa tròn, quy Tam bảo,
Nhơn duyên tạm đủ, hướng Tứ ân.
Quay về cố quốc, dâng tâm nguyện,
Đốt nén hương lòng, cúng Song thân.

Hòa thượng Thích Tín Nghĩa

(Riêng tặng cựu Trung tướng Tôn Thất Đính, Kỷ niệm ngày phát nguyện Quy y Tam Bảo với Pháp danh Quảng Uy tại Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại)

Tôi đặt Pháp danh cho Tướng



Đính là Quảng Uy, theo dòng kê của Liễu Quán Pháp phái. Và cũng từ đó, tướng Đính gắn bó với chúng tôi nhiều hơn, như là phụ tá Tổng vụ Cư sĩ đặc trách quân nhân. Ông sinh hoạt tích cực với Tổng hội Cư sĩ qua thâm tình với Giáo sư Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê.

Mỗi lần gặp chúng tôi tại Tổng hội Cư sĩ, ông thường bảo:

- Ngày xưa, tướng là tướng, nhưng bây giờ thì tướng đặt dưới sự chỉ đạo của Sư phụ và ông Tiến sĩ Huỳnh Tấn Lê...

Đối với bản thân chúng tôi, khi gặp thì: có khi ông xưng tướng, có khi ông xưng con. Còn đối với mọi người khi nói chuyện, đa phần ông thường xưng tướng, một đôi khi ông xưng tui theo giọng Huế.

Mỗi lần về Cali với những ngày lễ trọng đại như Đại hội của Giáo hội, Ngày Phật Đản Chung, chúng tôi nhờ Giáo sư Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê đưa đến thăm an Cựu Trung tướng; Vì, không buổi lễ nào to nhỏ của Giáo hội mà Tướng Đính bỏ sót. Nhờ vậy, mỗi thâm tình đạo đời ngày càng gắn bó hơn.

Chúng tôi vừa thăm hỏi sức khỏe, nhưng cũng muốn biết một vài điểm về sử liệu Việt Nam mà Ông là người chứng nhân. Tôi thưa:

- Thưa Trung tướng: Trung tướng vừa Tư lệnh Quân đoàn III, vừa là Tổng trấn Biệt khu Thủ đô, quyền hạn chỉ sau Tổng thống và ông Cố vấn; Tướng nghĩ sao mà đứng lên làm Cách mạng trong ngày 01-11-1963?

- Sư phụ ơi! Chuyện đất nước, chuyện lịch sử nó dài dòng và nhiều khúc ngoặc lắm. Tướng nói một chút xíu thôi. Thưa thầy, lúc đầu, Tướng chưa nghĩ đến chuyện đứng lên diệt bạo phò

nguy cho quân dân. Ngay như khi Cựu Tướng Trần Văn Đôn và Cựu Đại tá Đỗ Mậu đến tư dinh gặp riêng Tướng cũng ngập ngừng, vì sợ không biết Tướng sẽ nghĩ gì và chuyện gì xảy ra. Tướng hồi tưởng những ngày đau khổ của chư Tăng Tín đồ, nói chung là Phật giáo và Quần chúng đang bị Ngô triều xiết chặt gọng kềm. Bên cạnh đó trên đài cử rêu rao và đổ tội cho Phật giáo tiếp tay với Cộng sản. Nhưng mấy ai biết, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam đã mở ra cho thế giới biết là đã có mặt tại Miền Nam vào ngày 20 tháng 12 năm 1960, Trận Ấp Bắc sát cánh Sài Gòn nó mở màn vào ngày 02 tháng 01 năm 1963) thì làm sao Tướng không suy nghĩ và không dẫn thân cho được. *(Ai muốn biết hãy vào Bách Khoa Toàn Thư Wikipedia, sẽ rõ hơn, đầy đủ trận đánh và hình ảnh)*. Thật ra, Tướng định viết thêm một số tài liệu, nhưng nhận thấy những nhà viết sử chân chính và báo chí ngoại quốc, cũng như chính phủ Hoa Kỳ đã mở cửa các tài liệu về Việt Nam và vùng Đông Nam Á rồi. Họ viết vừa rõ, vừa hay, vừa gọn.

Nói đến đây, Tướng Đính kêu mệt quá, xin ngừng và xin lỗi chúng tôi, không nói nữa.

Năm nay 2013, Tướng Đính được quý anh em tổ chức ngày sinh nhật và cũng là ngày ra mắt sách: "20 Năm Bình Nghiệp" - Hồi ký của Tôn Thất Đính do Giáo sư Nguyễn Trung Ngô Văn Bằng từ San Jose xuống. Tất cả hội trường đợi hai chúng tôi là Hòa thượng Thích Nguyên Siêu và tôi từ San Diego lên. Trong giây phút cắt bánh Sinh nhật và chụp hình lưu niệm. Chúng tôi có đôi lời cảm niệm với tất cả quý vị hôm đó đã dành thì giờ đặc biệt đợi bản thân chúng tôi tới trễ.

Tôi ngỏ lời với tướng Đính:

- Hôm nay, thầy với tư cách Bổn sư, đại diện chư Tôn đức Hòa thượng Chơn Thành, Hòa thượng Nguyễn Trí, Hòa thượng Nguyễn Siêu, Hòa thượng Giác Sĩ,... cùng tất cả quý vị trong hội trường hôm nay, thân chúc Trung tướng Quảng Uy Tôn Thất Đính, người hùng Cách mạng 01 tháng 11 năm 1963, có một ngày vui đặc biệt. Và, lần này thầy về đây mừng sinh nhật của Tướng và cũng là lần cuối vì Tướng quá yếu; nhưng lần tới, thầy sẽ đích thân bồng thân xác của Tướng đưa vào cỗ áo quan. Cả hội trường cùng cười, vỗ tay và Tướng đáp lời rất nhỏ, hơi ngắn lại:

- Kính cảm ơn sư phụ.

Thế rồi, tôi về lại Từ Đàm chưa bao lâu, thì điện thoại tới tập từ bà phu nhân, Giáo sư Quảng Phước và Hòa thượng Thích Nguyễn Trí,... cho hay là Tướng Đính sẽ không qua khỏi.

Đúng ngày 21 tháng 11, Trung tướng Tôn Thất Đính đã an nhiên khép lại trang sử của đời mình theo luật hữu sinh hữu tử của nhà Phật. Tôi lật đặt lấy về Bát Nhã phụ với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, cùng chư Tôn đức của quý tự địa phương để chung lo tang lễ cho Phật tử Quảng Uy.

Lễ tang của Trung tướng Quảng Uy Tôn Thất Đính diễn ra vô cùng trọng thể. Kính mời quý vị vào các trang nhà Phật Giáo thì sẽ rõ hơn. Đáng lý, bài này còn nói thêm về cái hùng tâm dũng chí, dám bỏ tất cả phú quý, danh vọng đang có để đón nhận sự nguy hiểm cho tánh mạng cũng như gia đình, nếu mọi sự bất thành.

Đã 50 năm trôi qua kể từ khi hai vị tướng nói trên dẫn thân đảo chánh trong biến cố năm 1963. Tất cả những gì muốn nói, muốn viết thì đã có lịch sử chứng dẫn. Chúng tôi không nhắc lại lịch sử để phân giải những điều đúng-sai, tốt-xấu, chỉ xin ngỏ lời cảm ơn và tán dương tinh thần của hai vị tướng, đã vì lợi ích và nguyện vọng chung của dân tộc và đạo pháp mà đứng dậy, bày tỏ khí phách của những người hùng khi giang sơn xã tắc gặp loạn lạc nguy biến.

Nguyện thừa Tam Bảo gia hộ cho Anh linh nhị vị Hùng Tướng Tháng 11 được vắng sanh Tịnh độ.

Điều Ngự Tử Tín Nghĩa

Bếp lửa đêm thâu

NGUYỄN SIÊU

Ánh lửa sáng, đốt cháy những khúc củi khô. Lửa trong lò bập bùng thâu đêm. Lửa nấu chín nồi bánh tét trong đêm 28 tết. Lửa sưởi ấm lòng người trong đêm khuya lạnh. Lửa làm người dừng chân trên mọi nẻo đường. Lửa nung khí nóng cho người bộ hành khi mỗi chân trên vạt đường dài. Lửa là sức sống, kiêu hùng, cuồng nhiệt, đốt cháy mọi chướng ngại trên bước tiến. Lửa là lửa. Lửa mang chí hiên ngang trên ngàn núi cao. Lửa tiềm tàng trong mọi vật thể. Lửa hóa thân có mặt muôn nơi.

Bây giờ là 1 giờ khuya, theo giờ địa phương, giữa chốn núi rừng u tịch, Thầy ngồi đẩy từng khúc củi khô vào bếp, nấu nồi bánh tét. Mọi người đều yên giấc. Loài côn trùng kêu than dưới làn lá khô, trong lòng đất lạnh. Lửa trong lò chảy tí tách, tí tách... Nước nồi bánh tét sôi sùng sục, bốc hơi lên không gian, làm ấm cả một góc Thị Ngạn Am.

Có ai ngờ, Thầy ngồi chụm củi nấu bánh tét để cho dân làng ăn tết vào những ngày cuối năm giữa núi rừng miền cao nguyên. Bởi vì, Thầy được người đời tôn xưng là Thiền sư, Đạo sư, là người làm thông Tam Tạng Kinh Điển; là nhà thơ phiêu bổng, trác tuyệt; là nhà văn hóa, học thuật, giáo dục Tăng Ni nhiều thế hệ; là dịch giả, chú thích lược giảng nhiều bộ Kinh, Luật, Luận; là người tự học và thông hiểu nhiều ngoại ngữ, và còn nhiều tài hoa khác nữa...

Những đức tính có trong Thầy đủ để chúng ta học trọn đời cũng không hết. Học mãi cho đến đời sau khi mà cái tâm u mê, đần độn còn có đó, trí tuệ chưa bùng vỡ, thì trăm kiếp ngàn đời vẫn là u mê, đần độn, thì lấy gì để được như Thầy.

Cái mà người ta không ngờ ấy, chỉ là tri thức của thế gian. Sự cảm nhận thường tình của con người xã hội, hi, nộ, ái, ố... mà thôi. Còn những bậc xuất trần, ly dục, hay nói theo thuật ngữ Phật giáo là "Nhi để dung thông" thì có gì của sự đến đi hay cao thấp. Ngồi trong thư phòng dịch kinh, luật, ngang bằng việc chống gậy

lên non; cuốc đất trồng khoai, tưới nước. Đứng trên bục giảng triết học Đông Tây, như thể bửa củi, gánh nước dưới nhà bếp, giá trị như nhau. Những Thiền sư, Đạo sư, hay những nhà tư tưởng lớn không câu nệ, hẹp hòi trong sự sai biệt của hai phạm trù thế gian và xuất thế gian. Từ những pháp của thế gian tác thành sự tu chứng của xuất thế gian. Từ sự đối đãi, nhị nguyên giữa lòng đời hai bờ sinh tử và giác ngộ có sự tương quan mật thiết với nhau. Không sinh tử thì làm gì có Niết bàn. Không có thế gian thì làm gì có Xuất thế gian. Do vậy, không phạm phu thì muốn đời chẳng có bậc Thánh. Thầy ngồi chụm củi nơi bếp lửa hồng, hình ảnh được thi vị hóa giữa đêm tối vô cùng. Thầy thấp lên ngọn đuốc soi đường cho người đi. Đến nơi tăm tối để thấy được nỗi khổ đau của muôn loài. Có vào địa ngục mới biết nỗi khổ của ba đường ác đạo. Kẻ không có cơm ăn mới biết đói lòng. Người không có áo mặc mới biết lạnh thân. Thầy đang chia sẻ những nỗi niềm ấy.

Cuộc du hành phong sương, tuyệt nguyệt của Thầy hôm nay, có người thuật lại lời Thầy: "*đi vậy mình thấy được Phật giáo dân dã thế nào, chứ trước giờ mình chỉ thấy Phật giáo tự viện đó là Phật giáo của nhà giàu, Phật tử giàu đến chùa giàu... ở Già Lam mười mấy năm chưa từng có người nghèo nàn, bần cùng đến thăm. Bây giờ rất thú vị khi trên đường có cụ già chạy theo cho ổ bánh mì không, có thằng nhỏ kêu cho lon gạo, có thanh niên chở củi cho quả giang đoạn đường đèo v.v...*" Lời Thầy nói giống như hạnh nguyện độ sinh của Bồ Tát hóa thân vào đời ác năm trước, nơi nào có khổ đau, nơi đó có Bồ Tát. Quả thật, lời nói đầy tình nghĩa. Đầy tình yêu thương, đầy trách nhiệm, bốn phận của người hóa độ, hoằng dương Phật pháp của bậc Thánh giả, thấy nỗi khổ của chúng sanh chính là nỗi khổ của chính mình. Vì chúng sanh bịnh nên Bồ Tát bịnh. Vì chúng sanh



nghèo khổ, nên Bồ Tát hóa duyên khất thực để mua cái nghèo khổ của chúng sinh.

Một đời sống quyền quý, giàu có, cao sang, đời sống ấy lắm lúc không thấy nổi cơ hàn của người cùng khổ. Không cảm thông được nỗi niềm chua cay, nghiệt ngã của tầng lớp thấp của xã hội. Lắm lúc kẻ ăn trên ngồi trước, chức tước quyền uy lại được nhiều người trọng vọng, ra thưa vào trình. Nhưng tinh thần Phật giáo không phải là vậy. Giai cấp và nô lệ không có trong Thánh pháp luật của Như Lai. Người thi hành Thánh pháp luật của Như Lai phải là người lấy sự sống của người làm sự sống của mình. Lấy sự thiếu hụt, đối khát của người làm nếp sống của mình. Có vậy, mới không sống đời xa hoa phù phiếm, không có sự ngăn cách giữa giai tầng này với giai tầng nọ, giai cấp nọ với giai cấp kia. Chúng ta hãy bình tâm để thấy đời sống của một số Tăng Ni của xã hội Việt Nam hôm nay, 2012, như thế nào. Có lẽ là một đời sống quan liêu của người giàu có. Một nếp sống bức khời đời sống của chư vị Tổ đức Thiền gia trên dòng lịch sử Phật giáo Việt Nam 2000 năm qua. Ngày nào xã hội Việt Nam còn dung chứa đời sống quan liêu, giàu có của một số Tăng Ni ấy thì ngày đó Phật Giáo Việt Nam bị xa rời quần chúng Phật tử, bị ngăn cách, phân chia, tạo thành giai cấp và không thể hòa đồng trong cộng đồng xã hội để cộng hưởng cái giá trị đích thực của sự sống mà cảm thông, chia sẻ với mọi quần chúng Phật tử.

Thầy nói: "*...đi vậy mình mới thấy được Phật giáo ngoài dân dã thế nào, chứ trước giờ mình chỉ thấy Phật giáo tự viện, đó là thứ Phật giáo của nhà giàu. Phật tử giàu đến chùa giàu...*" "Phật giáo ngoài dân dã." Chúng ta hiểu là người Phật tử sống trong nông

thôn, ruộng vườn, rẫy nương, cày sâu cuốc bẫm. Các ngôi chùa làng, niệm Phật đường mái tranh vách đất. Hình ảnh "Phật giáo ngoài dân dã" đã nói lên cái cảnh nắng lửa, mưa dầu; đời sống vật chất thiếu trước hụt sau. Còn đời sống tinh thần, hay niềm tin nơi ngôi Tam Bảo cũng bị lung lay, hay đôi Đạo là chuyện thường, vì không có hình bóng của Chư Tăng Ni, tổ chức đạo tràng tu học, Bát quan trai, Phật thất... Thuyết pháp, giảng dạy giáo lý cho quần chúng Phật tử dân dã ấy thì lấy gì Phật tử dân dã gắn chặt niềm tin nơi Phật để thấu hiểu Giáo pháp và kính trọng chúng Tăng. Lời nói ấy đã báo động cho "Phật giáo tự viện", "Phật giáo của nhà giàu", "Phật tử giàu đến chùa giàu..." phải cảnh tỉnh để mở mắt thấy được thực trạng của "Phật giáo ngoài dân dã" mà tự nguyện dẫn thân hay chia sẻ đời sống vật chất cũng như tinh thần để đồng cảm với họ, mà không quản chần, trùn kín nơi "Phật giáo tự viện" "Phật giáo của nhà giàu" để rồi mai kia, một nọ, mở mắt ra thấy chung quanh mình toàn là kẻ ngoại đạo.

Đời sống của một tự viện, hay sự hoằng pháp của chư Tăng Ni mà cả đời "... chưa từng có người nghèo nàn, bần cùng đến thăm..." thì quả thật cần phải xét lại. Tinh thần sống của Phật giáo là hòa tan như không khí nuôi sống vạn vật, như ánh nắng trường thành mọi loài. Đời sống thương tăng không khí của những cao ốc sẽ mất hút đi những bóng dáng người đi dưới chân cao ốc, vì quá xa cách trở thành không thấy, không nghe và không biết. Hồi xưa, Đức Thế Tôn thân hành hóa độ người gánh phân - giai cấp thứ tư của xã hội Ấn Độ thời ấy; Tôn giả Đại Ca Diếp muốn mua cái nghèo của bà lão ăn xin nên uống hết mẻ cháo thiêu. Ngài Xá Lợi Phất chú nguyện cho con chó ghè lở được thác sinh cung trời... và còn nhiều chuyện công hạnh hóa độ khác nữa của chư vị Bồ Tát, Tổ đức Thiên sư. Sự hiện diện của Đạo Phật như cỏ nội, mây ngàn, vô tướng như nước. Thênh thang như mây. Tự tại như gió và an lạc như những cơn mưa đầu mùa làm tươi nhuận lá hoa cây cỏ. Nhân sinh quan của Đạo Phật không tu tống, không giới hạn, không đóng khung bởi một phạm trù nào, một môi trường cố định nào, mà đời sống của Đạo Phật là sống cho, đời sống hiển dâng, mà không là đời sống cao



Thị Ngạn Am

sang, phân chia, ngăn cách... Đạo Phật là đạo của con người, cho con người và vì con người. Vậy con người thượng tầng của xã hội hay con người hạ cấp của thôn dã, tất cả đều là người. Người thượng tầng của xã hội là lớp người giàu có, tiền bạc, quý phái được hóa độ, có đủ nhân duyên, phước báu đến với các tự viện khang trang, đầy đủ phương tiện để tu, để học, để hành trì giáo pháp, tiếp xúc với chư vị thiện hữu tri thức, với các bậc tôn túc cao Tăng. Còn đời sống của "người nghèo nàn, bần cùng" thì sao? Ai là người hóa độ? Ai là người chăm sóc đời sống tâm linh? Cầu an, cầu siêu khi hữu sự? Người sống cần có đời sống tâm linh, thì người chết lại còn cần hơn nữa. Hình ảnh của các ngôi chùa làng; hành trạng tiếp xúc của chư Tăng Ni với dân dã là điều quan trọng và cần thiết hay nói cách khác là thể hiện lòng từ bi đến với muôn loài vô phân biệt. Ấy là thực tánh đã có trong Giáo pháp. Là lời dạy của đức Thế Tôn đến với chúng sinh. Hôm nay, Thầy đã ra khỏi đời sống Tự viện để thấy được thực tâm và thực trạng của núi rừng, dân dã; Hình ảnh:

*"Lão già trên góc phố
Quần quai trời mưa đông"*

(Giác mơ Trường Sơn - An Tiêm. tr.81)

Hay:

*"Đàn trẻ nhỏ dắt nhau tìm
xó chợ"*

*Tìm tương lai tìm rác rưởi
mư sinh"*

(Giác mơ Trường Sơn - An Tiêm. tr.51)

Và còn quá nhiều hình ảnh của đời sống dân dã, nghèo nàn, túng thiếu trong Giác Mơ Trường Sơn. Như là:

*"Lon sữa bò nằm im bên
chợ"*

*Con chó lạc
đến vô nhíp
trời mưa
Tôi lang thang
đi tìm cọng cỏ
Nó nhìn tôi
vô tư"*

(Giác mơ Trường Sơn - An Tiêm. tr.74)

Đơn điệu như khúc nhạc miền quê, đã vẽ nên bức tranh miền thôn dã, của buổi chợ chiều trống vắng, của đời sống lang thang loài chó hoang. Nếu không ra khỏi đời sống thị thành, kinh đô, ánh sáng thì làm gì thấy được lão già ăn xin, nằm co ro nơi góc phố, trên vỉa hè, lạnh lẽo, cô đơn, và cũng làm sao thấy được đàn trẻ khốn cùng, không cha, không mẹ, không được học hành của tuổi ấu thơ mà cùng dắt nhau tìm sống trên đồng rác. Nhật từng chiếc bao nylon, từng chiếc ve chai đổi lấy đồ ăn. Ấy là một thực trạng của xã hội, mà nếu không gần gũi, tiếp xúc thì khó có cơ hội để cảm thông, chia sẻ, để khơi dậy lòng từ trong nỗi niềm thương đau.

Đi vào cát bụi để thấy những hạt cát tròn trĩnh dễ thương. Những hạt bụi mang tròn hình hài của vũ trụ. Cát bụi ấy là tinh thể của đất trời, hay nói một cách dân gian là hình ảnh gần gũi với sự sống của vạn loài trên mặt đất. Những hạt cát, những hạt bụi ấy đã tạo thành sự sống thiên nhiên và tự nhiên.

Tầng lớp người dân dã, họ sống chân thành, mộc mạc, như Thầy đã gặp, đã thấy trên con đường phiêu du. "... Có cụ già chạy theo cho ổ bánh mì không, có thanh niên chở củi cho quá giang đoạn đường đèo v.v..." Cả hai nếp sống thượng tầng và hạ lưu đều quý kính và đáng trọng, nếu họ biết thể hiện tấm lòng hộ pháp,

biết thương người, chia sẻ cho nhau. Người mang sứ mạng hóa độ, hoằng dương Phật pháp phải tiếp xúc qua các lớp người của xã hội, nếu không cân cân tình người sẽ bất xứng, và bị sai lệch bởi nhân ngã, tự tha.

Bếp lửa hồng vẫn bập bùng cháy. Cháy từ ngày 28 đến 30 tết. Bao nhiêu nồi bánh tét được vớt ra để trên sàn. Bánh nguội, mang đem cho hàng xóm, dân dã quanh vùng, cùng nhau ăn tết. Hương vị của mùa xuân miền núi cao là vậy đó. Cặp bánh tét dâng cúng Phật. Cúng ông bà Tổ tiên. Đồi quả bưởi hái ngoài vườn, vài nải chuối mới cắt hôm qua, nhưng vẫn không thiếu đôi cúc vàng đại đoá quanh hè để thấy mùa xuân. Đơn sơ nhưng đậm đà. Mộc mạc nhưng chất chứa tình người, tình Đạo của những tâm hồn dân quê, hoang dã.

Giữa chốn rừng xanh, Am Thị Ngạn được cất lên, dưới những tàng cây quanh năm che bóng mát. Khoảng giữa của thất là nơi thờ Phật. Tầng trên của chiếc bàn nhỏ là tôn tượng đức Bốn Sư. Phía dưới là chiếc bàn hình chữ nhật, cặp đèn bạch lạp, chính giữa là lư hương, và dưới sàn nhà là cặp chuông nhỏ nho nhỏ. Hai bên treo hai câu liễn, do Thầy viết chữ thảo. Phía bên tay trái từ ngoài nhìn vào là chiếc bàn thờ Tổ tiên cũng nhỏ nhoi, đơn sơ chỉ có cặp đèn cây tí xíu. Một lư hương cũng tí xíu, chẳng có bông hoa, trà quả. Ngoài hiên thất, trước là vách bình

phong, chạm chữ Phật trong vòng tròn, và chiếc vòng đu đưa bên vài chậu cúc vàng đại đoá. Chừng ấy hình ảnh của Thị Ngạn Am đủ cho thấy đời sống của Thầy đơn sơ, tri túc cỡ nào.

Không khí của những ngày đầu năm nơi Thị Ngạn Am như thế nào, chúng ta nghe lời kể lại của Thầy Thị giả: "Năm nay HV có dịp ăn tết cùng Sư phụ và gia đình của ông, gồm ông anh bên Lào qua, vợ chồng cô em gái Sư phụ bên Pháp về. Có lẽ họ lo lắng cho Sư phụ về việc ông đi lang thang vừa rồi nên năm nay ai cũng về và cuối cùng lại có dịp đoàn tụ bên nhau hưởng một cái Tết thật độc đáo: ở vùng quê nghèo dân dã, giữa núi rừng, tối 28 tết nấu bánh tét biếu tặng dân trong làng, tối 29 cũng cúng giao thừa do Sư phụ làm chủ lễ, HV và thầy Đức Thắng cùng gia đình ông... Thị Ngạn Am mấy ngày Tết Canh Thìn - gian thờ Phật; - Sư phụ nấu bánh tét đến 2 giờ sáng; - hiên nhà tối 30 tết."

Trong Giấc Mơ Trường Sơn, Thầy đề cập đến rất nhiều nơi về đóm lửa, rừng sâu, rừng khuya, phương trời xa, đời lữ khách, bếp lửa giữa rừng khuya, tìm lên núi, sinh lộ viễn trình, ngắm ánh lửa,... Do vậy, hôm nay Thầy đốt lửa hồng trong bếp; Thầy lên đường lang thang qua từng quán trọ, từng chặng đường cát bụi, rừng xanh, sương mù, khói sóng là chuyện bình thường mà chẳng

ai đặt dấu hỏi. Vì sao? Tâm tư suy nghĩ như thế nào, thì biểu hiện qua đời sống bên ngoài là thế ấy. Chúng ta đọc thơ của Thầy như sau:

*"Còn nghe được tiếng ve sầu
Còn yêu đóm lửa đêm sâu
bập bùng"*

(Giấc mơ Trường Sơn - An Tiêm. tr.23)

Thầy "yêu đóm lửa đêm sâu bập bùng", nên 2 giờ sáng vẫn còn ngồi đốt lửa để nấu bánh tét thì có gì phải thắc mắc. Vì yêu đóm lửa trong đêm thâu đã sưởi ấm lòng Thầy, lòng lữ khách viễn phương, lòng bộ hành lữ độ đường. Ánh lửa hồng, ánh lửa sáng, ánh lửa bập bùng cháy, ánh lửa soi sáng tối tăm, ánh lửa ấy luôn âm i cháy trong lòng như là:

"Ai biết mình tóc trắng

Vì yêu ngọn lửa tàn

Rừng khuya bên bếp lửa

Ngồi đợi gió sang canh"

(Giấc mơ Trường Sơn - Bếp lửa giữa rừng khuya - An Tiêm. tr.34)

Ngọn lửa cháy bập bùng Thầy yêu, ngọn lửa tàn Thầy cũng yêu, có nghĩa là Thầy yêu lửa. Lửa cháy thành ngọn gọi là lửa ngọn; lửa cháy củi thành than gọi là lửa than; lửa tàn còn ấm gọi là lửa tro; dù dưới dạng thức nào cũng gọi là lửa. Dù dưới dạng thức nào lửa luôn sưởi ấm quê hương.

*"Chông gối cao không thấy
mặt trời*

*Trên khung cửa con chim
thắt cổ*

*Đàn kiến bò hạt cát đang rơi
Tôi nhắm mắt trầm ngâm
ánh lửa"*

(Giấc mơ Trường Sơn - Loạn thị - An Tiêm. tr.62)

Ánh lửa bình thường thì có gì phải nhắm mắt trầm ngâm. Ánh lửa để Thầy nhắm mắt trầm ngâm phải là một thứ ánh lửa dị thường. Ánh lửa thiêu đốt hết tất cả những chướng ngại của vô minh, phiền não, của những thế lực phi nhân. Ánh lửa đó một thời thấp sáng quê hương, từ thuở sơ khai, từ thời lập quốc, từ buổi ban đầu đốt lên ngọn lửa dẫn đường quê hương. Ngọn lửa ấy, soi tỏ từng bước chân đi qua các triều đại. Ngọn lửa ấy, soi tỏ tâm can, bùng dậy lòng hộ quốc, an dân của giống nòi Tộc Việt.

Nhắm mắt lại để suy tư, để nghiền ngẫm, để đắm chìm một cách sâu xa, một cách lặng đọng. "trầm". Trầm tư, trầm mặc, trầm tưởng... thì dù biết không phải là một thứ ánh lửa đơn điệu, đơn độc, đơn sơ, đơn giản như bao



Thầy đứng nhìn một phương trời mộng

nhieu thứ ánh lửa trong bếp, trong lò trong củi khô, gỗ mục... Trầm ngâm về ánh lửa để thấy cái gì trong ánh lửa? Để gởi gắm một tâm sự? Một bầu nhiệt huyết dâng cho? Hay chút hơi ấm để lòng người được ấm lại? Nhắm mắt để "trầm ngâm ánh lửa" là một triết lý sống thực tình người. Là chất liệu trưởng thành của trời đất. Là bài trường ca của giống Đại Việt. Là sinh thái, tình tự quê hương. Trầm ngâm ánh lửa là nghĩ về hơi ấm của con tim đồng bào, đồng loại. "Trầm ngâm ánh lửa" để sống thật chân tình. Sống trong tình thương mình có. Sống một cách linh động, linh hoạt, linh thiêng như ánh lửa đang cháy. "Trầm ngâm ánh lửa" để thấy mình hiện hữu, trong sự hiện hữu của con người.

Bếp lửa đang cháy bên hiên Thị Ngạn Am, giữa vùng núi rừng u tịch những ngày cuối năm, như là ảnh tượng hiện hữu một cách sống động trong Giấc Mơ Trường Sơn:

"Yêu rừng sâu nên khóc mắt rừng rừng..."

Mười năm sau anh băng rừng vượt suối..."

Anh cúi xuống nghe núi rừng hợp tấu..."

Vẫn chân tình như mưa lũ biên cương."

Tất cả những lời thơ: "yêu rừng sâu", "băng rừng vượt suối", "núi rừng hợp tấu", "mưa lũ biên cương" như là chất liệu, dựng thành Giấc Mơ Trường Sơn bất hủ, để sống mãi trong lòng người qua nhiều thời gian.

Thị Ngạn Am cất giữa núi rừng cao nguyên đây cũng là điều tất nhiên trong tâm tư của Thầy



Thầy đội nón chống gậy tre

muốn sống giữa núi rừng, giữa đêm thâu, giữa đôi cao, suối ngàn, thác lũ... Thầy đứng dưới hiên Thị Ngạn Am, đưa mắt nhìn phương trời xa, như mơ về cảnh đời nào đó. Dõi mắt xa xăm một cuộc lữ. Một bước đường. Một hành trình vô định.

"Chân trời xanh luống cải

Đời ta xanh viễn phương

Sống chết một câu hỏi

Sinh nhai lỗ đố đường."

(Giấc mơ Trường Sơn - Luống cải chân đồi - An Tiêm. tr.28)

Xanh viễn phương, như là "Nhứt bát thiên gia phạn, cô thân vạn lý du. Kỳ vi sinh tử sự. Giáo hóa độ xuân thu."

Thầy đang chống gậy đợi ai, trong đôi mắt đăm chiêu, điều gì? Ai có thể đọc được những gì chất chứa trong đôi mắt đó. Một

chiếc nón lá, một cây gậy tre chống nhìn về phương trời xa giữa chốn rừng xanh núi thẳm, để cho thi nhân nào viết trọn hồn thơ, cho nhà họa sĩ nào vẽ xong bức ảnh chân dung tuyệt tác. Hay hình ảnh vị Thiền sư chống gậy lên non mà nhìn mây trắng. Như thế nào thì chỉ có Thầy mới biết. Cái biết đó được trả lời trong tận cùng tâm thức u u minh minh, hay một trí tuệ lâu lâu xuyên qua đôi mắt như hai hố thẳm.

Đầu đội nón. Tay tựa gậy, đứng để nhìn. Cúi xuống để nhìn. Nhìn thật sâu. Nhìn thật rõ. Nhìn thật thắm thiết, như lưu giữ hình bóng ai. Như mơ về một thời. Như mơ về một xa xăm, tí mù không bờ bến, không hẹn hò. Vô ngôn. Tịch lặng. Ấy là cái nhìn của tư tưởng vượt thoát. Cái nhìn của cảm nghĩ từ bi.

"Ta cúi xuống trên chân người bụi đời

Để nhìn sâu trong vết tích hoang đường

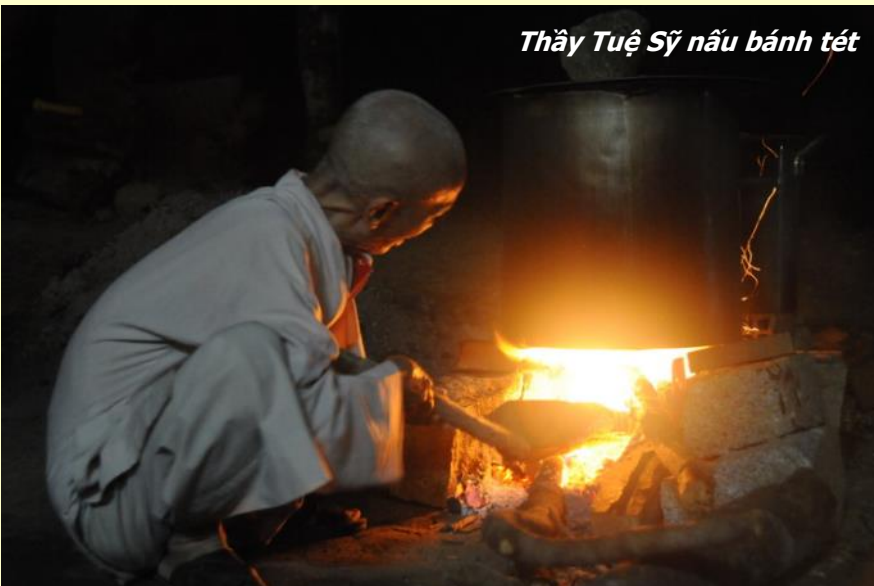
Ta sống lại trên môi cười rạng rỡ

Để nhìn sâu trong ngọn nến tàn canh."

(Giấc Mơ Trường Sơn - An Tiêm. tr. 38)

Bếp lửa ngoài hiên Thị Ngạn Am vẫn cháy. Đốt cháy những khúc củi khô. Lập lòe khi tỏ khi mờ. Giờ Giao thừa đã đến, Thầy Y hậu chỉnh tề, thắp 3 cây hương bạch Phật đón giao thừa và lễ vía đức Phật Di Lặc đầu năm. Lời Kinh tụng. Tiếng chuông mõ canh khuya làm sống dậy cảnh núi rừng u tịch. Trăm cây ngàn là như chấp tay, cúi đầu thắm niệm Nam Mô.

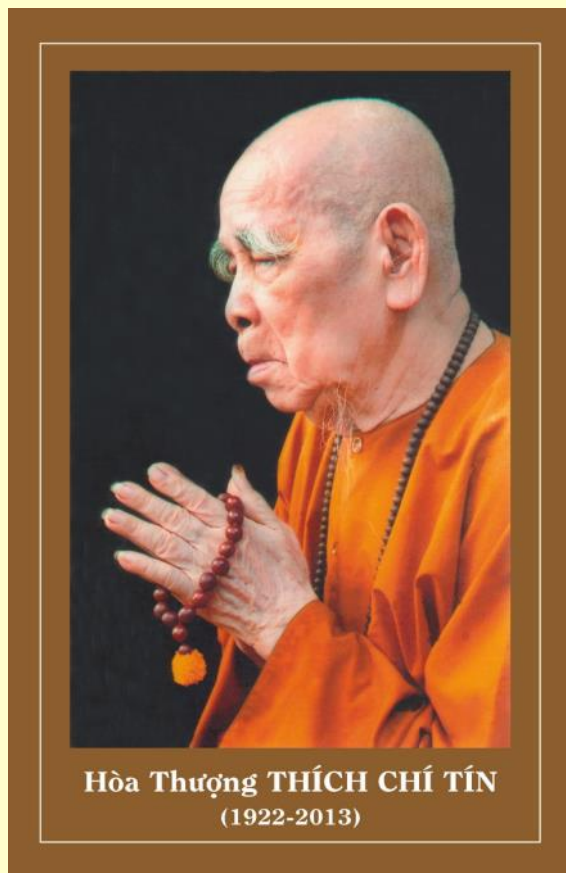
Nguyễn Siêu



Thầy Tuệ Sĩ nấu bánh tét

Kính Lạy Giác Linh Thầy

Biển khổ lao xao sóng dữ ùa về từ vạn lối,
Long Sơn âm đạm, trăng thu nhàu úa một màu tang.
Thầy bỏ lại chúng con, vào cõi Niết Bàn .
Nhưng công hạnh vẫn in sâu trong lòng đồ chúng.
Tâm Nhẫn bao dung, **Hạnh Từ** diệu dụng.
Hai viên ngọc thiêng liêng Thầy trao tặng muôn người.
Chín mươi hai năm, lân mẫn với Đời
Sáu mươi bảy hạ, chan hòa cùng Đạo.
Một tối mùa thu, buông rũ đôi mày đại lão
Mãn nguyện trở về cõi tịch diệt vô dư.
An bần lạc đạo, không một chút riêng tư
Thầy thị hiện giữa Ta Bà vào một đêm trăng sáng (16/2)
Rời ra đi giữa đêm Rằm tháng Tám
Trăng sáng trong như chính cuộc đời Thầy
Một đời thanh cao không lệ thuộc tiền tài
Sống kham nhẫn không màng giường cao chiếu rộng.
Một chiếc xích đu, dầm ba chông kính tượng
Thầy ngồi một nơi mà pháp thí khắp mười phương.
Chiếc xích đu vừa là ghế, vừa là giường
Mà như pháp thuyền trên mệnh mông biển ái
Để cứu vớt những tâm hồn mê đại
Đang trầm luân trong bể khổ tham sân.
Y phục vàng thâm mỗi năm giặt đôi lần
Thân tứ đại không cần thường xuyên tắm gội.
Sợ ngộ sát các loài vi tế côn trùng vô tội.
Thầy thường khuyên: "*Sợ Tâm dơ chứ đừng sợ Thân dơ*"
Hàm bao nghĩa thâm cao trong lời dạy đơn sơ
Chúng con hiểu: Tâm đứng đầu; tạo tác.
Phải điều phục thân tâm, xa lìa đường ác
Nên chúng con luôn lấy "**niếp luật nghi giới**" làm đầu
Chúng con cũng thường nhắc nhở lẫn nhau
Không ngừng tinh tu "**niếp thiện pháp giới**"
Học theo hạnh Thầy không màng danh lợi
Một đời thông dong, coi nhẹ kim tiền
Nhưng vẫn tử bi mở rộng Phước điền
Để Phật tử gần xa gieo trồng giống phước
Tất cả tịnh tài mỗi khi Thầy có được
Biến thành lon sữa, trái cam tặng người bệnh, khó nghèo.
Bệnh viện Tỉnh từng quen mỗi sáng, mỗi chiều
Không quản ngày mưa lạnh hay trưa hè nóng bỏng
Thầy đến với bệnh nhân bằng lòng tử bi vô lượng
Chung tay cùng lương y thấp cho họ niềm tin.
Một đời thương yêu vạn loại hữu tình
Thầy đem an vui cho các loài chim, cá
Dòng sông Hương ngoài kia lặng thầm xuôi về biển cả
Có biết bao sinh linh Thầy đã phóng sanh
Và những đàn chim đang ríu rít giữa trời xanh
Chắc cũng có những chú chim non mà Thầy từng thả
Hành tung của bậc thượng nhơn có nhiều điều rất lạ
Chúng con nhiều khi không hiểu nổi việc Thầy làm
Thầy ban bố khắp cùng, nơi nằm gạo, chút đường
Để chuột, kiến cũng được nhuần ớn mưa móc
Trái chuối, củ khoai dành phần cho chú sóc
Mon men giữa trưa, xuống núi nhận quà...
Suốt chín mươi hai năm sống giữa cõi Ta Bà



Thầy lấy việc **niêu ích hữu tình** làm trọng.
Như lời sám mỗi khuya thầy thường trì tụng:
*"Tật dịch thế nhi hiện vi dược thảo cứu liệu trầm kha.
Cơ cấn thời nhi hóa tác đạo lương tế chư bản nổi..."*
Thầy nguyện là gạo, là ngô cho quần sanh bớt đói.
Là thần dược, tiên đơn giúp người bệnh chóng lành...
Để rồi giữa đêm Trung Thu trăng sáng yên bình
Thầy nhẹ bước nhàn du về miền Cực Lạc.
Chúng con chắc rằng khi gặp cơ duyên khác
Bằng nhiều hóa thân, Thầy sẽ hồi nhập Ta Bà
Tiếp tục viên thành hạnh nguyện độ tha.
Thầy trò mình hôm nay tạm thời chia cách
Nhưng chúng con tin, bằng một niềm tin vững chắc
Long Sơn ngàn sau vẫn còn rợp bóng hình Thầy
Bao nhiêu tâm sự với đây
Làm sao nói hết lúc này. Thầy ơi!
Chúng con xin nguyện trọn đời
Thương yêu tất cả vạn loài chúng sanh
Chuyên tâm làm các hạnh lành
Noi theo hạnh nguyện độ sanh của Thầy.

Nam Mô Nguyệt Quang Biển Chiếu Bồ tát Ma ha tát.

thơ

NGUYỄN TÂM- ĐỖ TRỌNG HÙNG

NĂM UẨN VÀ THIỀN

Tâm Hạnh

Thân tặng các Phật tử cùng tôi học và hành môn học này

I. Khái quát: Theo các tôn giáo khác, sự an lạc hạnh phúc của chúng ta tùy thuộc vào lòng tin đối với Thượng đế và thần học từ thánh đường của các tôn giáo ấy. Đức Phật dạy, hạnh phúc của chúng ta do chính chúng ta tạo ra, tùy thuộc vào sự hiểu biết quy luật của đời sống và sống đúng theo quy luật đó mà không hề do ai đem đến cho ta hay do bàn tay của thần thánh hay Thượng đế nào sắp đặt cả.

Thái tử Gotama trở thành một vị Giác ngộ khi Ngài thấy Pháp. Ngài đã tuyên bố: "Ai thấy pháp là thấy Ta, ai thấy Ta là thấy Pháp."

Từ sự giác ngộ, Đức Phật chỉ dạy các nguyên lý để thấy Pháp. Những người học theo lời dạy của Ngài, tùy theo khả năng, hoàn cảnh của mình mà vận dụng những nguyên lý đó ra phương pháp để thấy pháp. Do thấy pháp, người Phật tử đoạn trừ vô minh, phiền não để đạt đến giác ngộ giải thoát như Đức Phật. Vậy là Tam bảo xuất hiện.

Pháp (Dhamma Rule) là gì? Pháp theo định nghĩa chung là nhiệm trì tự tánh _ 任持自性 (attha lakkhanam dhareti _ những gì tự nó có đặc tính của nó_paramattha sacca). Học pháp Duy thức cho thêm nghĩa quỹ sinh vật giải_軌生物解 (nó có hình thức gì đó làm cho ta có khái niệm nó là gì_ pannatti sacca). Nói rõ hơn, pháp là tất cả sự vật trong và ngoài thân thể của chúng ta, gồm vật lý, sinh lý và tâm lý cùng với sự vận hành hoạt động của chúng.

Theo Phật học, hoạt động thân (nội thân và ngoại cảnh) và tâm (sinh lý và tâm lý) của chúng ta, có 3 lĩnh vực.

1, Khái niệm (pannatti sacca_concept): là những thông tin, nhận thức với hình ảnh, màu sắc, ngôn ngữ xuất hiện trong ý nghĩ của chúng ta về những đối tượng mà sáu giác quan của ta đang tiếp xúc. Những thông tin ấy do loài người chúng ta quy định để gọi chúng, diễn tả chúng, qua nhiều thời gian không gian trở thành văn hóa, kiến thức, cài vào bộ não của chúng ta từ khi còn bé cho đến lúc chết. Ví dụ, khi mắt ta tiếp xúc 1 vật hình (chữ nhật) màu (đen) trong lớp học. Hình ảnh ấy đi vào nhãn cầu rồi đi lên não. Hình ảnh ấy kết hợp với những dữ liệu mà ta đã có trong não bộ (chủng tử), cho ta ngay một thông tin định dạng về nó (khái niệm về hình dạng) và gọi tên nó là cái bảng viết (khái niệm về ngôn ngữ). Sự thấy biết bằng thông tin đó được gọi là thức (hiện hành). Màu sắc là vẻ bề ngoài của vật chất do chúng ta quy định như xanh, vàng, đỏ, trắng... Ngôn ngữ có nhiều loại. 1, ngôn ngữ chỉ cho thật tâm lý, vật chất, cảm giác... 2, ngôn ngữ hoàn toàn là khái niệm như giám đốc, cha, mẹ... 3, các loại ngôn ngữ gồm 2 phần trên như cảm giác của mẹ.

2, Thực tại (paramattha sacca_reality): Thân thể của chúng ta và những đối tượng của sáu giác quan (vật lý), những cảm giác (sinh lý), và tâm lý, tâm lý phụ tồn tại, luôn luôn thay đổi, hoạt động



theo thuộc tính của chúng với ba trạng thái vô thường, khổ và vô ngã mà không hề tùy thuộc theo ý nghĩ, ý muốn của chúng ta.

3, Quy luật vận hành hoạt động của thực tại hay sắc (căn và cảnh), cảm giác, tâm, tâm sở. Quy luật vận hành này không thay đổi dù Đức Phật có xuất hiện hay không thì quy luật ấy vẫn vận hành theo cách của chúng. Đức Phật đã thấy ra các quy luật ấy nên đã giải thoát khỏi đau khổ và sợ hãi. Ngài dạy cho chúng ta những nguyên lý, phương pháp tìm ra quy luật ấy để thoát khổ. Quy luật ấy cũng được gọi là Pháp.

Đời sống chúng ta có hai phần, hoàn cảnh chúng ta đang sống và thái độ của chúng ta đối với chúng. Tất cả chúng ta đều phải học hành, làm việc, v.v... với mục đích thay đổi đời sống cho tốt hơn với những gì mà ta đang gánh chịu, kéo dài những hoàn cảnh tốt đẹp mà ta đang tiếp cận, tìm một đời sống mới thay thế cuộc sống chán nản, đơn điệu như hiện nay. v.v... và v.v...

Thay đổi hoàn cảnh thật không dễ gì bởi vì chúng bị ràng buộc bởi rất nhiều yếu tố chủ quan và khách quan. Do đó, muốn thay đổi hoàn cảnh, ta phải thay đổi thái độ của ta đối với hoàn cảnh bằng cái nhìn thật chính xác về hoàn cảnh và về chính ta. Muốn thay đổi thái độ thì ta phải biết điều chỉnh ý nghĩ của ta. Muốn điều chỉnh ý nghĩ thì ta phải biết rõ tâm ta để điều chỉnh cho phù hợp vì ý nghĩ, lời nói, hành động chỉ là biểu hiện của tâm. Muốn biết rõ tâm thì ta phải quán sát tâm ta và tìm ra quy luật hoạt động của chúng.

Một trong những cách để khảo sát thân và tâm là khảo sát về năm uẩn và sự hoạt động vận hành của chúng.

II. Đức Phật chia đời sống chúng ta thành nhiều cách để khảo sát và tìm ra quy luật của chúng như 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới, tương quan 6 đại chủng, 4 cách ăn, danh và sắc v.v... Một trong những cách trên là phân tích đời sống chúng ta thành 5 thành phần, còn gọi là 5 uẩn để khảo sát, tìm ra quy luật của chúng.

Năm uẩn là, sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn.

Uẩn (蘊) là dịch ngữ của từ khandha có nghĩa là tập hợp nhiều thành phần.

Sắc uẩn (Rupa khandha) là gì? Chúng ta tuần tự tìm hiểu về những chữ sắc (rupa) trong Phật học.

- Sắc (rupa) khi đứng một mình thì chỉ cho vật chất, gồm 2 yếu tính là thay đổi (hoại) và ngăn ngại (chiếm lĩnh). Sắc là một tổ hợp 4 thành tố: địa đại,

thủy đại, hỏa đại, phong đại (chú ý: đất nước gió lửa như ta thường thấy là 4 trần chứ không phải là 4 đại được nói ở đây)

Địa đại là thành tố có những yếu tính cứng mềm, chiếm lĩnh

Thủy đại là thành tố có những yếu tính kết dính, nâng đỡ, ẩm ướt

Hỏa đại là thành tố có những yếu tính nhiệt độ, làm thay đổi trạng thái vật chất

Phong đại là thành tố có những yếu tính xua đuổi, di động

(tham khảo A-tỳ-đạt-ma Câu-xá luận_ phẩm Giới)

- sắc trong danh sắc chỉ cho vật chất gồm thân thể vật lý (và các đối tượng của nó). Sắc thân tồn tại và hoạt động do 4 yếu tố: tâm, nghiệp, thức ăn và thời tiết.

- sắc trong sắc trần chỉ cho đối tượng của mắt (gồm 3 thành phần màu sắc, hình dáng và chất liệu).

- sắc trong sắc pháp chỉ cho 5 giác quan và sáu đối tượng (6 trần).

- sắc trong sắc uẩn chỉ cho 5 giác quan và 5 trần đang hoạt động với tâm.

- sắc trong pháp trần là hình ảnh của 5 trần xuất hiện trên ý nghĩ của chúng ta.

- sắc trong thiền định là hình ảnh làm đối tượng trong khi tu tập thiền định, thô tướng (mitta) hay quang tướng (nimitta) ánh sáng xuất hiện trong tâm khi nhập định.

A) Sắc uẩn (rupa khandha), là sự hoạt động của 5 căn cùng với 5 cảnh với sự hợp tác của tâm. **Sắc uẩn hoạt động theo căn, cảnh và thức.** Ví dụ, khi mắt (căn) tiếp xúc đối tượng (cảnh) thì nhãn thức xuất hiện (thức), cả 3 thành phần này hợp tác do tâm sở xúc. Nhãn thức chỉ cho ta thấy về hình dáng và màu sắc của đối tượng nhưng khi có sự hợp tác với ý thức thì ta thấy "cái gì". Cái gì ở đây chỉ cho hình ảnh của đối tượng xuất hiện trong tâm thức của ta và được gọi là gì theo ngôn ngữ mà ta đang sử dụng (khái niệm). Như vậy, những gì mà chúng ta đang thấy chỉ là những thông tin, hình ảnh về đối tượng do tâm cung cấp, chứ không phản ảnh trung thực về đối tượng.

Tương tự, đối với tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy.

- Căn có 2 phần, phần bên trong tiếp thu hình ảnh đối tượng như đồng tử, màn nhĩ, thần kinh người, thần kinh ở đầu tiêm mao trên mặt lưỡi, thần kinh xúc giác trên da, thân. Những phần này có chức năng tiếp thu hình ảnh của 5 trần để cho ta nhận thức. Ngoài ra, phần bên ngoài thuộc thân như nhãn, cầu, vành tai, mũi, lưỡi, thân thể, có nhiệm vụ hỗ trợ phần bên trong.

- Cảnh (trần), Sắc cảnh gồm màu sắc, hình dáng, chất liệu. Thanh cảnh gồm âm thanh. Hương cảnh gồm mùi thơm hôi, dễ chịu, khó chịu, Vị cảnh gồm mặn, nhạt chua cay ngọt bùi. Xúc cảnh gồm trơn, láng, nhám, nóng, lạnh, nặng, nhẹ, mềm cứng, đối khát.

Như vậy, khi sắc uẩn hoạt động, tùy theo căn nào đang tiếp xúc với đối tượng gì thì căn ấy hoạt động (thức), mắt chỉ thấy, tai chỉ nghe... Tuy nhiên, mỗi căn hoạt động còn tùy thuộc ít nhất là 2 căn khác, như mắt thấy phải hợp tác với thân thể và ý nghĩ, v.v... Riêng thân thức có thể chỉ hoạt động với ý thức.

Căn, trần, thức không hoạt động đơn thuần như ta suy nghĩ mà chúng hoạt động theo quy luật của



chúng, rất phức tạp, nhưng trật tự. Những gì ta đang thấy nghe hay biết chỉ là những thông tin do tâm ta cung cấp từ những hình ảnh bên ngoài đưa vào kết hợp với những kinh nghiệm, kiến thức mà ta đã cài vào tâm ta chứ không hề phản ảnh trung thực về đối tượng bên ngoài. Có lúc, uẩn không hoạt động như khi ngủ say không mộng, bất tỉnh, v.v...

Chúng ta cần hiểu rõ, năm thức trước chỉ nhận ra đối tượng một cách trực giác (thức tri), biết sự hiện diện của đối tượng mà chưa cho chúng ta biết rõ đó là gì. Ví dụ, khi mắt xúc tiếp với một màu sắc, màu xanh chẳng hạn, nhãn thức liền phát sinh (căn + trần = thức = xúc) nhưng đây chỉ là sự nhận thức về hiện diện một màu sắc, chứ chưa nhận ra đây là màu xanh. Ở giai đoạn này, nhãn thức chưa cho ta biết đó là gì. Chính tri giác (tướng uẩn) nhận ra màu xanh và ý thức cho ta thông tin về màu xanh. Theo thuật ngữ của Duy thức học, sự nhận thức này gọi là "thức biến." **Thức biến không hề có nghĩa là tất cả sự vật có mặt trong thế giới này là do thức biến ra** (như Tề Thiên Đại Thánh biến ra trái đào) **mà có nghĩa là khi giác quan tiếp xúc với đối tượng, kích hoạt sự hoạt động của tâm và tâm sở tạo thành sự nhận thức.** Thức biến là thông tin (tướng phần: thông tin về đối tượng; kiến phần: biết về đối tượng) về những sự vật được nhận thức theo từng cá nhân. Ví dụ, khi tiếp xúc với một vật có hình dáng và màu sắc gì đó, ta nhận biết đó là núi, đồi... Nhận biết núi hay đồi là thông tin hay khái niệm do nhãn thức kết hợp với các tâm sở và ý thức của ta. Sự thực, tự thân núi hay đồi chỉ là một khối vật chất với hình dáng và màu sắc do bốn đại chủng hợp thành. Ở đây, chúng ta cần ghi nhận, khi ta nhận thức, có hai loại thức khác nhau hoạt động. Thứ nhất, thức kết hợp với căn và trần. Ví dụ như nhãn thức chỉ là thấy. Danh từ "nhãn thức" là một từ ngữ triết học ám chỉ cùng một ý như chữ *thấy* thông thường. Thấy (nhãn thức) không có nghĩa nhận biết (là cái gì, vật gì, tên gì). Các loại thức khác (nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức) cũng thế. Thứ hai, nhận biết cái gì, tên gì là sự hoạt động kết hợp nhãn thức, các tâm sở và ý thức. Ta có công thức: nhãn căn + sắc trần + nhãn thức + xúc... các tâm sở + ý thức = thấy cái gì, tên gì.

Tại sao uẩn được gọi là **thủ uẩn**?

6 căn, 6 trần, 6 thức hợp lại là xúc, từ xúc sinh thọ, từ thọ sinh ái, từ ái (phi hữu ái, hữu ái, dục ái) sinh **THU**, từ thủ sinh hữu (nghiệp trong ba cõi, dục giới, sắc giới và vô sắc giới)

THU (Upadana) ở đây là dục thủ, kiến thủ, ngã luận thủ và giới cấm thủ.

Dục thủ: thích thú đam mê hay chán ghét thủ hận đối với đối tượng.

Kiến thủ: cố chấp với ưa ghét đưa đến thành kiến, quan niệm. Ưa thích tạo ra thường kiến; thù ghét sinh ra đoạn kiến, rồi chấp chặt, lệ thuộc các thành kiến, quan niệm đó.

Ngã luận thủ: dựa vào dục thủ, kiến thủ mà hình thành bản ngã rồi bám chặt, lệ thuộc vào nó.

Giới cấm thủ: từ dục thủ, kiến thủ, ngã luận thủ, con người tạo ra những phong cách, tập tục, cấm kỵ, lễ nghi theo từng dân tộc, văn hóa rồi tin tưởng, cuồng tín, lệ thuộc vào những quy định, nghi lễ ấy và cho đó là sự thật hoàn hảo không thay đổi. Một số tôn giáo tin tưởng rằng thực hành một số nghi thức nào đó, tin tưởng vào sự cầu nguyện, tụng niệm nào đó, giữ gìn một số cấm kỵ, giới luật nào đó, thực hành những sự khổ hạnh nào đó thì sẽ được giải thoát đau khổ và sợ hãi. Tất cả những hình thức ấy đều là giới cấm thủ.

Từ hoạt động của 5 uẩn cùng với thọ, tham ái mà sinh ra thủ, nên gọi là 5 thủ uẩn, 5 uẩn do thủ mà có luân hồi sinh tử, ưu bi khổ não...

Tâm hoạt động dựa vào 2 yếu tố là các giác quan (căn) và những đối tượng của chúng (trần). Trong 5 uẩn, các uẩn thuộc về tâm là:

B) Thọ uẩn (vedana khandha).

Khi các giác quan của ta tiếp xúc với đối tượng của nó, theo phản ứng tự nhiên (mà không theo ý muốn của ta) cho ta một trong 3 cảm giác.

Khổ thọ: cảm giác khó chịu, khi chúng xuất hiện, ta có phản ứng muốn vắng mặt cảm giác đó.

Lạc thọ: cảm giác dễ chịu, khi chúng xuất hiện thì ta muốn chúng tồn tại, kéo dài mãi, không mất.

Xả thọ là cảm giác không thuộc 2 cảm giác trên, trống trải, thiếu thốn, thờ ơ với đối tượng đang là, muốn tìm cảm giác mới.

- Từ cảm giác khổ thọ, hợp với khái niệm về

hình ảnh của đối tượng đang xuất hiện trong ý nghĩ của ta, tâm ta có khuynh hướng chống lại, xua đuổi cảm giác ấy, tâm phi hữu ái (yêu thích sự vắng mặt đối tượng và cảm giác đang có) xuất hiện. Do phản ứng của tâm phi hữu ái, tâm ta càng khó chịu, bức bối với cảm giác đang có. Vậy là **ào giác khổ khổ** xuất hiện hành hạ ta. Khi tu tập, ta càng nôn nóng muốn diệt khổ bằng nhiều cách thì càng khổ thêm do phi hữu ái hay sân đối với khổ.

- Từ cảm giác lạc thọ, kết hợp với khái niệm về hình ảnh của đối tượng đang xuất hiện trên ý nghĩ của ta, tâm ta có khuynh hướng lôi kéo, nắm giữ cảm giác ấy, tâm hữu ái (yêu thích sự có mặt của cảm giác và khái niệm về đối tượng) xuất hiện. Do phản ứng của tâm hữu ái, ta càng thêm muốn, bám lấy, lệ thuộc vào cảm giác đang có và đau khổ với sự thay đổi mất mát của nó. Nếu cảm giác vừa ý kéo dài thì ta lại chán, muốn từ bỏ. Vậy là **ào giác hoại khổ** xuất hiện hành hạ ta. Khi tu tập, nếu ta ham muốn tìm cầu sự an lạc (theo kinh nghiệm từ quá khứ hay ước vọng về tương lai) hay càng mong muốn nắm giữ sự an lạc (trong hiện tại) thì càng khổ thêm do hữu ái hay tham đối với cảm giác an lạc.

- Từ cảm giác xả thọ, hợp với khái niệm về hình ảnh của đối tượng, tâm ta có khuynh hướng tìm cảm giác khác, mới hơn, tâm dục ái (yêu thích theo ý muốn do khái niệm của mình dựng lên từ kiến thức đã học). Do sự lôi kéo của dục ái, tâm ta lăng xăng tìm cầu cảm giác này đến cảm giác khác, theo khái niệm này đến khái niệm khác, vậy là **ào giác hành khổ xuất hiện** và hành hạ ta. Khi tu tập, lăng xăng cố gắng, hết sức khống chế mình, thực hành những nghi thức nào đó để tìm cầu những cảm giác an lạc, những tự tánh, chân tâm, những giải thoát, giác ngộ theo kiến thức từ sách vở, từ thầy dạy hay do bản ngã ta tưởng tượng nhào nặn lên thì lại càng khổ thêm do ái dục hay si mê sai khiến.

Cả 3 khổ trên đều do vô minh sai khiến. Nếu tu tập mà không do sự thấy pháp, thực hành pháp đúng theo pháp (pháp tùy pháp hành_法 隨法行 _dhammanudhamma patipati) mà chỉ bằng lòng tin hay kiến thức sách vở thì chỉ là lấy cảm giác này không chế cảm giác khác, mong cầu sự an lạc, giác ngộ giải thoát theo những khái niệm do kiến thức sách vở, theo sự tin tưởng của ta, theo sự vọng tưởng từ vô minh ái dục để tìm cầu những kết quả do bản ngã ta nghĩ ra thì giống như ta cố gắng giải bài toán tìm đáp số theo ý muốn của mình.

C) Tưởng uẩn (sanna khandha) nhận thức do

tâm sở tưởng (sanna) dựa trên những kiến thức, hiểu biết, do giáo dục, gia đình, nhà trường xã hội, văn hóa, văn minh, tuổi tác, giới tính, v.v... mà hình thành. Nói chung, đó là nhận thức riêng của từng cá nhân được giáo dục, đào tạo, quy định theo từng cộng đồng, xã hội, thời đại khác nhau. Tưởng là sự nhận thức sự vật theo quy ước, không phải nhận thức sự vật theo chính tự thân của sự vật. Như vậy, tưởng uẩn là những khái niệm về đối tượng, là hình ảnh, màu sắc, ngôn ngữ của đối tượng. Nhờ tưởng, ta biết vật ấy là gì, màu gì, và gọi nó tên gì theo kiến thức của ta (quỷ sinh vật giải).

Theo Thắng Pháp tập yếu của Thượng tọa bộ, khái niệm về sự vật có 7 trường hợp.

1, Khôi: sự liên kết của 4 đại chủng, như núi, đồi, sông, biển, v.v...

2, Tập hợp: sự liên kết của các thành phần như cái nhà, cái xe...



3, Không gian: khoảng không, chỉ cho sự gian cách của 4 đại chúng, như hổ, hang, lỗ...

4, Phương hướng: dựa vào hướng mặt trời mọc, mà đặt ra phương đông, tây, nam, bắc, ranh giới, phân chia đất nước...

5, Thời gian: dựa vào vòng quay của quả đất, mặt trời, mặt trăng mà đặt ra năm tháng ngày giờ.

6, Chúng sinh: dựa vào 5 uẩn mà đặt ra người, đàn ông, đàn bà, thú vật, chư thiên...

7, Thiên tướng: hình ảnh như xanh vàng đỏ trắng do tướng, xuất hiện trong trạng thái thiên định.

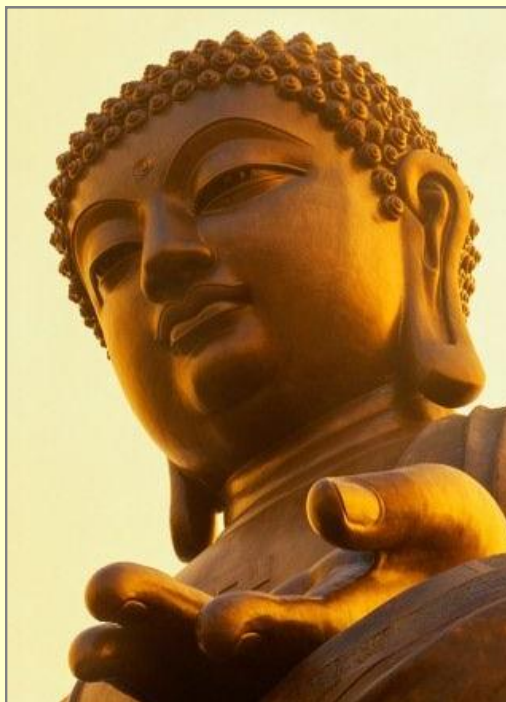
Khái niệm về ngôn ngữ có 6 loại: 1. Một khái niệm thật sự có, 2. một khái niệm không thật sự có, 3. một khái niệm không thật sự có do một khái niệm thật sự có, 4. một khái niệm không thật sự có do một khái niệm thật sự có, 5. một khái niệm không thật sự có do một khái niệm không thật sự có, 6. một khái niệm không thật sự có do một khái niệm không thật sự có.

Theo Duy thức học thì khái niệm về sự vật được gọi là Tâm bất tương ưng hành pháp (các pháp không phải là tâm hay tâm sở nhưng thuộc về hành uẩn) gồm có 24 pháp như đặc, mạng căn, chúng đồng phân, dị sinh tính, thời, phương, số,...

Khi tướng hoạt động với đối tượng, có 3 trường hợp: 1, hiện tướng: khái niệm về đối tượng đang xuất hiện với ta. 2, hồi tướng: do kinh nghiệm quá khứ. 3, tưởng tướng: về tương lai do sự rập nối của tướng hiện tại với quá khứ. Ngoài ra còn có sân tướng, dục tướng, hại tướng, vọng tướng, ảo tướng v.v... là khi tướng hợp tác với tham sân si, tư duy, ý chí hay tư tâm sở... Từ tướng mới có khái niệm, tướng có tướng đúng và sai, thiện ác, nên khái niệm cũng có đúng sai, tốt xấu.

Do đó, chúng ta không phải loại bỏ tướng, hay khái niệm, kinh nghiệm, kiến thức mà là hiểu đúng về chúng, để dùng chúng, theo đúng, bỏ sai, theo thiện, bỏ ác, đúng lúc, đúng nơi, đúng trường hợp, mà không bị lệ thuộc chúng, không nhầm lẫn chúng với thực tại.

D) Hành uẩn (samkhàrakkhandha) là những hoạt động của tâm thức. Nhóm này bao gồm tất cả các hoạt động của ý chí, xấu hay tốt. Những gì thường được xem là karma (nghiệp) cũng thuộc vào hành uẩn. Ở đây nên nhắc lại định nghĩa của Phật về nghiệp: "Này các Tỳ kheo, chính tư tâm sở hay ý muốn (cetanà), Ta gọi là nghiệp." Khi đã muốn, người ta liền thực hành bằng thân, miệng, ý. Ý muốn là sự tạo tác hoạt động bằng tâm ý. Công việc của nó là dẫn tâm làm những hoạt động xấu, tốt hoặc không xấu không tốt. Cảm giác và tri giác (thọ, tưởng) không phải là những hoạt động cố ý nên không phát sinh nghiệp quả. Chỉ những hoạt động do ý chí thúc đẩy như tác ý (manasikàra), dục (chanda), thẳng giải (abhimokkha), tín (saddhà), định (samàdhi), tuệ (pannà), tinh tấn (viriya), tham



(ràga), sân (patigha), vô minh (avijjà), kiêu mạn (màna), thân kiến (sakkàyaditthi) v.v... mới có thể phát sinh nghiệp quả. Có tất cả 52 tâm sở (hoạt động tâm ý) như thế, tạo nên hành uẩn. Tuy hành uẩn có nhiều tâm sở cùng hoạt động, nhưng tâm sở lãnh đạo chính là tư tâm sở. Ở đây, tư tâm sở không phải là suy nghĩ mà là ý chí.

Trong trường hợp tạo nghiệp ác thì hành uẩn là tập hợp tạo tác, có chức năng tập hợp. Hành uẩn ở đây chính là hoạt động tùy theo trường hợp của phi hữu ái (sân), hữu ái (tham) và dục ái (si) cùng các tâm sở đi theo nó. Với sự lãnh đạo của tư tâm sở, ba tâm sở tham, sân và si thông qua hành động từ thân và miệng, tạo ác nghiệp rồi chịu kết quả đau khổ.

Theo Thắng Pháp tập yếu luận của Thượng Tọa bộ thì: "Trong 89 Dục giới tâm, có 12 bất thiện tâm chia thành 8 tâm câu

hữu với tham, hai tâm câu hữu với sân, hai tâm câu hữu với si. Trước hết là 8 tâm câu hữu với tham."

1, tâm tham hợp với lạc thọ, hợp tà kiến, không cần nhắc bảo.

2, _____; cần nhắc bảo

3, _____, không tà kiến, không cần nhắc bảo.

4, _____; cần nhắc bảo.

5, _____ xả thọ, hợp tà kiến, không cần nhắc bảo.

6, _____, cần nhắc bảo.

7, _____; không tà kiến, không cần nhắc bảo.

8, _____, không tà kiến, cần nhắc bảo.

A, Tâm đầu là tâm tham câu hữu với hỷ, tương ưng với tà kiến, không cần nhắc bảo. Khi một người làm một việc bất thiện một cách thích thú, thì tâm tham người ấy câu hữu với hỷ (somanassahagatam), nếu làm một cách thân nhiên thời câu hữu với xả (Upekkhàhagatam). Có người nghĩ rằng giết sanh vật để cúng tế, cướp bóc giết hại những người không đồng với tín ngưỡng của mình là những việc phải, việc thiện, thời tâm của người ấy tương ưng với tà kiến (ditthigatasampayattam). Trái lại, không có những tà kiến ấy gọi là Ditthigatavippayuttam. Có người làm việc ác một cách tự nhiên, mau lẹ không cần người khuyến khích xúi giục, thời tâm ấy gọi là Asankhàrikam (không cần nhắc bảo). Nếu cần người xúi giục khuyến bảo mới làm thì gọi là sasankhàrikam.

Trong chương trước, tâm chia thành bốn tùy theo cảnh giới, như Dục giới tâm, Sắc giới tâm, Vô sắc giới tâm và Siêu thế tâm. Tâm cũng có thể chia làm 4 loại tùy theo tánh cách của chúng, như Akusala (bất thiện), Kusala (thiện), Vipàka (dị thực) và Kiriya (duy tác). Sở dĩ gọi là Bất thiện vì chúng phát sanh từ Lobha (tham) Dosa (sân) và Moha (si). Trái với bất thiện tâm là Thiên tâm (Kusala) vì chúng phát sanh từ Alobha (vô tham), Adosa (vô sân) và Amoha (vô si). Nhưng Bất thiện tâm và thiện tâm

thuộc về Kamma (nghiệp) và kết quả Di thực của những tâm này gọi là Vipàka (Di thực tâm). Cả Kamma và Vipàka thuộc về ý. Còn tâm Kiriya (Duy tác) là tâm của vị A la hán, tuy có hành động nhưng không có kết quả di thực vì đã diệt trừ sanh tử.

B, Tâm sân có 2 trường hợp.

1, Tâm sân hợp ưu thọ hợp phần hận, cần nhắc bảo.

2, _____, không cần nhắc bảo.

Một tâm câu hữu với ưu, tương ứng với hận, không cần nhắc bảo; một tâm cần được nhắc bảo. Hai tâm này gọi là tâm câu hữu với hận.

Khi một vật khiến ta không ưa thích hoặc trở ngại sự thực hiện ý muốn của mình, chúng ta bắt đầu ghét vật ấy. Dần dần sự ghét ấy tăng lên một mức độ đến nỗi chỉ nghĩ đến vật ấy cũng khiến ta tức tối, chán ghét. Tâm trạng như vậy gọi là Domanassa. Domanassa thúc dục kích thích chúng ta muốn tiêu diệt, công phá vật ta chán bỏ, sự kích thích ấy gọi là Patigha hay hận. Tâm ấy là asankhàrika, nếu trong khi giận dữ, một người làm một tội ác không gì ngăn ngại, không cần người xui giục khuyến bảo. Tâm sasankhàrika là nếu có ngăn ngại, cần có người xui giục sai bảo mới làm. Trong 2 tâm này, lẽ dĩ nhiên không có somanassa (hỷ), hay upekkhà (xả), cũng không tương ứng với tà kiến vì khi quá tức giận, không còn thì giờ mà suy nghĩ phải với trái nữa.

C, Tâm si. Có 2 trường hợp.

- Tâm si hợp với xả thọ, tương ứng hoài nghi.

- Tâm si hợp với xả thọ, tương ứng phóng dật.

- Moha: Si, là một điều kiện tất yếu đối với các bất thiện pháp. Lobha và Dosa (tham, sân) không thể khởi lên nếu không có Moha (si). Nhưng nếu chỉ có Moha thôi, thời khiến cho tâm trí bị mê mờ. Nên tâm ấy được gọi là "Momuhacitta". Một tâm trí như vậy khó mà hiểu sự vật rất rõ ràng, có nhiều nghi ngờ, nên gọi là vicikacchāsampayuttam. Một si tâm cũng không thể chuyên nhất trên một đối tượng nào. Tâm ấy xao động, nếu xao động mạnh thì gọi là Uddhaccasampayuttam: tương ứng với trạo cử. Hai tâm này không thể có Somanassa (hỷ) hay Domanassa (Ưu). Chúng tương ứng với Upekkhà (xả). Nghi và trạo cử khởi lên do mê mờ, không thể tự dụng ý tạo lên được, vì mê mờ và hiểu biết tương phản. Lại không thể có ai xúi giục để nghi ngờ và trạo cử nên không có asankhàrika và sasankhàrika.

Tóm lại, hành uẩn là một nhóm tâm sở thiện ác và vô ký hoạt động, làm động cơ cho ý nghĩ, hành động và lời nói. Hành động, lời nói do ý chí phát động, tự nó không phải là thiện hay ác, khi nào nó bắt nguồn từ tâm thiện ác nào thì hành động, lời nói ấy mới nhuộm màu thiện ác và khi đủ điều kiện sẽ đưa đến kết quả đau khổ hay hạnh phúc tương xứng. Hành uẩn do tâm sở tư (cetana_ý chí) lãnh đạo chủ yếu trong việc tạo nghiệp thiện ác, thiện đường, địa ngục, đau khổ hay hạnh phúc, luân hồi sinh tử đều do hành uẩn tạo ra. Như vậy muốn có đời sống không còn bị lệ thuộc vào đau khổ và sợ hãi, thoát ly luân hồi sinh tử phải hiểu rõ và phá tan hành uẩn, nhất là tâm sở tư. Tu tập là quá trình thấy rõ và xử lý hành uẩn. Hành uẩn khi biểu hiện ra ngoài thì đối trị bằng chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Khi ở trong tâm thì đối trị bằng chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

E) Thức uẩn: thức uẩn chính là tâm, là hoạt động của tâm, như 2 câu đầu trong kinh pháp cú: "Tâm dẫn đầu các pháp, tâm làm chủ, tâm tạo tác. Nếu nói hay hành động với tâm tư ô nhiễm, khổ não



sẽ theo ta, như bánh xe theo con vật kéo" (D.P 1) "Tâm dẫn đầu... Nếu nói hay hành động với tâm tư trong sạch, an lạc sẽ theo ta như bóng không rời hình." (D.P 2)

Thức uẩn là kết quả của 4 uẩn trên vừa làm nền tảng cho sắc uẩn, thọ, tưởng, hành uẩn hoạt động theo công thức: ...thức uẩn 1 .===) sắc uẩn+ thọ uẩn+ tưởng uẩn + hành uẩn = thức uẩn 2 ==) sắc uẩn (thức uẩn 2)+ thọ uẩn (thức uẩn 2) + tưởng uẩn (thức uẩn2) + hành uẩn (thức uẩn2) ===) thức uẩn 3 ==)... thức uẩn n.....

Thức uẩn lại có công năng ghi nhận lại các hình ảnh của 6 trần, rồi lại nhào nặn chúng trở thành nhận thức mới, nhận thức của riêng mình. Ở đây, thức uẩn có thể hiểu như là thức A-lại-da (Di thực thức di thời nhi thực, di loại nhi thực, biến di nhi thực) theo Duy thức học.

Thức uẩn hoạt động được do các tâm sở xúc, tác ý, thọ, tưởng, tư (nhất tâm, mạng căn). Quan trọng nhất là tác ý. Tác ý (manasikara) không phải là ý muốn, ý nghĩ mà chỉ là tâm sở có chức năng dẫn tâm đến đối tượng và cho tâm biết đó là gì theo kinh nghiệm của ta. Tác ý giống như bánh lái của chiếc ghe. Mũi ghe hướng về hướng nào theo sự điều khiển của bánh lái. Ví dụ khác, tác ý giống như tay lái của xe, hướng dẫn xe chạy theo đường nào, đúng hay sai. Tư (ý chí) là động cơ xe. Thức là người cầm tay lái. Xe chạy là tạo nghiệp. Ví dụ, tư như cục nam châm, thân như cây kim, cây kim chuyển động theo theo cục nam châm, sự di động của cây kim là nghiệp. Do đó, nếu điều chỉnh được tác ý, hướng dẫn đúng ý chí thì điều chỉnh được tâm đưa tâm nhận thức đúng, tâm nhận thức đúng thì lời nói hành động sẽ đúng (thiện nghiệp, bất động nghiệp) và tất nhiên sẽ không đưa đến đau khổ, sợ hãi, luân hồi sinh tử...

Tác ý có 2 trường hợp:

1, Phi lý tác ý (Ayoniso manasikharatác ý sai theo kinh nghiệm do bản ngã, do tư duy cá nhân, do khái niệm, do tưởng)

2, Như lý tác ý (yoniso manasikharatác ý đúng theo trí tuệ thấy thực tại)

(xem tiếp trang 136)

Cảm thọ thời gian

TUỆ NHƯ

(Nhân một ngày về thăm lại chùa xưa)

Vào những năm 1974-1996, khi ấy tôi còn ở một ngôi chùa tọa lạc ngoại vi thành phố. Trước đó, ngôi chùa này có một lần trùng tu lại, vì nguyên thủy của nó chỉ xây dựng bằng phương tiện vật liệu nhẹ như mái, vách tôn, cột, kèo bằng gỗ thảo lao, nền chùa lát bằng gạch tàu trông vẻ đơn sơ, mặt sân đất thoáng rộng; dân cư chung quanh còn thưa thớt lắm, nên không gian ở đây còn yên tĩnh hơn bây giờ nhiều.

Tôi còn nhớ năm ấy (1973), cùng đi với cha tôi đến chùa dự lễ cầu nguyện nhân ngày Rằm tháng giêng (Nguyên tiêu). Hình ảnh đầu tiên đã chạm vào mắt và tâm tư của tôi, đó là một mái chùa đơn sơ núp dưới những cành mít, cành xoài, cành thị, đong đưa phía sau xa là những ngọn tre tàu, tầm vông. Bức tranh chấm phá một phối cảnh tươi mát của màu xanh hiền dịu và bình dị. Kế đến, trông những nhà sư khoác lên chiếc y vàng lợt trong những sắc màu của thể tục, hiển hiện một nét "Diệu hạnh" một trong những hạnh đức của nhà sư, của một vị có tâm tu tập, có được tâm nhu nhuyễn, và có tâm an hòa để sử dụng giữa muôn trùng pháp duyên sanh diệt.

Cái đơn sơ thoáng đãng của cảnh chùa, sự bình dị trong sáng hạnh đức của nhà sư, những hình ảnh ấy đã giúp tôi có một cảm giác ý thức về đời sống tịnh lạc, siêu hóa giữa cuộc đời thường của những bậc cổ đức xa xưa đã có được. Một thoáng nghĩ, một thoáng biển mẫn trong tâm tưởng ở thời tuổi trẻ, tôi lại mừng tượng hình ảnh ấy về thời Đức Phật và chư Thánh đệ tử khi còn lưu trụ ở những ngôi tịnh xá như Tịnh xá Kỳ Viên thuộc Xá Vệ Thành, Tịnh xá Trúc Lâm trong rừng trúc gần thành Vương Xá hay Tịnh xá Nirodha ở thành Ca-Tỳ-La, v.v...

Khi một hình thức đã được chuyển hóa nội dung đến với cuộc sống trong thế gian, và khi mà nội

dung ấy thật sự đã trở thành chất sống cho muôn sự sống, hiển bày sự trầm hùng, mầu nhiệm, đặc thù pháp ý lan tỏa từ cội nguồn nguyên nguyên hiển thị giữa bao lớp sóng trầm luân, rộn ràng, lao xao trong cõi tử sinh. Và cũng chính từ những cảm thọ ấy mà thời gian đã đưa tôi đến việc xuất gia học đạo.

Sau khi vào chùa như một đứa trẻ còn nằm trong chiếc nôi (Giáo Hội), được sự nuôi dưỡng bởi dòng sữa "Giới pháp" của Phật của Tổ Thầy và của Tăng thân, từ ấy mỗi lúc được lớn dần lên, nên sự nghe, sự thấy, sự cảm thọ cũng được chuyển hóa tăng thượng tâm, từng lúc hướng về phương trời chân lạc. Nhưng phải đầu chừng ấy việc như trong lòng bàn tay nhỏ bé, để được thành tựu, nào là vô lòng theo tiếng chuông khuya, chuông chiều, với đôi chân kiệt già, lưng thẳng, với đôi mắt nhìn đời tinh thức, với tiếng keng báo thức đầu ngày, với tiếng keng báo Ngọ (trưa), với tiếng keng dự lớp học tập (giáo lý)... mà người xuất gia nào cũng phải có một thời đi đến thọ nhận và tiêu hóa khi đã được ngang qua.

Rồi thời gian cứ lặng trôi, nay lại tiếp nhận một cảm thọ mới. Cái cảm thọ của sự kính trọng, của sự lễ bái, của sự cúng dường, cái cảm thọ có thấy mình giữ giới, thấy mình có tu thiền, tụng kinh, niệm Phật, thấy mình có học hiểu giáo lý, biết lý sự phân biệt, biện minh, tự phụ và hơn thế nữa, thấy mình có một vài chức danh, lợi lộc trong tăng đoàn, v.v... Để rồi từ đó có tín đồ cận sự, có nhóm bạn nhóm bè, bởi thuận dòng tâm thức với nhau, chiêu cảm nhau mà trở thành, xu hướng ấy là một từ trường, là một vòng xoay đồng cảm, gặp nhau rồi duyên với nhau giữa muôn vạn hướng đời xuôi ngược.

Vẫn biết rằng, bao hạnh phúc bình yên, hay những niềm đau khổ lụy trên muôn ngã đường đời cũng không ngoài kết quả từ hành động của tâm.

Chính những dòng lực dục nhiễm, ái nhiễm tự bao đời nó làm cho ta vấp phải. Nhưng với những cường lực về tâm nguyện, nó lại giúp cho ta trên con đường trở về nơi cứ điểm siêu hóa của tâm linh, vì:

"Sâu muộn của con người
Chính do sự sanh y
Ai không có sanh y
Không thể có sâu muộn"
(K. Tiểu Bộ I, 470, 34)

Thay vì tìm về nguồn tâm qua sự tu tập để được an tịnh lạc, giải thoát lạc hay thiên lạc, an trú qua lời dạy của Phật để được hiện tướng pháp hỷ, tăng trưởng thêm nhiều duyên lành, thì ở đây chúng ta có thể dễ dàng rơi vào duyên thế lợi. Một giao lộ cảm thọ mới, một xu hướng không ít phiền tạp giữa tốt và xấu, giữa bình yên và náo động, giữa chân thật và giả tạm, giữa xây dựng và phá hoại. Sự nghiêng chao nếu không có năng lực chánh trí quán chiếu, không có sức sống thật sự của Tăng thân, thì sẽ bị mất hút vào mê lộ lạc thú thỏa thích trong cảm giác ảo huyền sương khói bồng bềnh theo điệp khúc giữa dòng đời hư thực; và cũng từ sắc màu, vị ngọt của cuộc đời, mà ta cùng đến, cùng đi, cùng ngồi lại để nghe và nhận lan man những cảm thọ trập trùng ngàn mây.

Không cuộc chơi nào lại không tàn cuộc; tiếng nhạc du ngân nào lại không rụng mất thanh âm; giấc mộng nào lại không phải pha cho cuộc lãng du khi đã thấy vàng trăng bóng xế canh tàn! Có còn chăng, chỉ là hoài niệm xa xôi, mà thực tế và thực chất là câu trả lời đích thực hơn bao giờ hết. Đối với vị theo pháp của Phật, thì cái được trong cõi phù du, dù đã qua hay đang có, rồi có còn chăng, hay còn lại một mình ta! Hư thực là đâu, bi ngạn là đâu, thị ngạn là đâu!?

Đức Khổng Tử khi còn sanh tiền và Ngài còn được tôn vinh "Vạn thế sư biểu", có lần Ngài gọi các thầy Tử Cống, Tử Lộ và Nhan Hồi để hỏi về đức "Trí và Nhân". Nhưng cuối cùng, người đệ tử tâm đắc là thầy Nhan Hồi đã làm cho Đức Khổng Tử thỏa mãn ý nguyện của mình: Nếu như người có Trí, là trước tiên phải tự biết mình, và người có Nhân là phải tự thương mình, vì tự biết mình là Trí và tự thương mình là Nhân. Lời phát biểu ấy là kết quả của sự tu tập, lắng đọng nguồn tâm, thương mình thương người, biết mình biết người, với tâm nhận thức và truyền đi một cảm thọ, một nguồn

nhân lực và trí lực đến tất cả... Như vậy, thời ấy Đức Khổng Tử có được một Nhan Hồi.

Thế nhưng ở thời Đức Phật, với lời tán dương công đức "Thiên nhân chi đạo sư, tứ sanh chi từ phụ." Lúc ấy trong giới cư sĩ có hai vợ chồng nhà vua là Pasenadi (Ba tư nặc) và hoàng hậu Mallika (Mạt Lợi), vua đang trị vì thiên hạ lại có một cảm nhận về ý thức giác ngộ thâm sâu trong lời dạy của Phật rằng: Một hôm trên thượng lầu hoàng cung, vua hỏi: "Này Mallika, có ai thân ái với hoàng hậu hơn là tự ngã của hoàng hậu? Được trả lời: "Thưa đại vương, không có ai khác thân ái với thiếp hơn là tự ngã của thiếp." Và trái lại, nhà vua cũng trả lời như vậy khi được hoàng hậu hỏi lại. Sau khi nghe và biết chuyện như thế, Đức Phật chứng minh qua lời kệ :

*"Tâm ta đi cùng khắp
Tất cả mọi phương trời
Cũng không tìm thấy được
Ai thân hơn tự ngã..."*
(Kinh Tương Ưng I. III)

Thế thì thiết nghĩ trong đời, tùy vào tính chất và hình thành cuộc gặp gỡ của nó, có cuộc gặp gỡ thánh thiện, trong sáng, lành mạnh, hướng tâm đến sinh lộ pháp của bậc Thánh, bậc Chân nhân. Nhưng cũng có cuộc gặp gỡ phát xuất từ một ý niệm tha hóa, hoang vu, náo động, những yếu tố ấy thành một dạng thức trí nô, ký sinh tạm bợ, hạ liệt.

Nhưng, cho dù ở một trạng thái nào đi nữa, một khi đã hiển thị trong dòng cuộc sống, tất cả những công và việc, thực hay phi thực, chơn hay giả, theo cái nhìn của đạo Phật cho rằng; đều có một tác dụng lớn, nhằm đánh động tâm thức con người trên lộ trình Sanh tử và Niết bàn.

Nếu như không có chuyện thành công hay thất bại, còn hay mất, tốt hay xấu, khổ đau hay hạnh phúc, chơn hay vọng, v.v..., thì đạo Phật biết tựa vào đâu mà giáo hóa cho đời, và con người biết lấy chi mà làm tâm điểm để nhận thức trong cõi vô thường dầu bể này. Do đó, với lẽ thịnh suy, thăng trầm, tan hợp nơi kiếp sống của con người, điều này tưởng cũng không xa lạ gì đối với người đệ tử Phật. Điều mà chúng ta cũng cần thấy rằng; ta có còn dong ruổi hay đang đứng lại bước thênh thang giữa dòng đời ào hóa của buổi chợ phú hoa.

Như vậy, kết quả tâm có tụ tập, tâm có nhu nhuyễn, tâm dễ sử dụng, trước hết là người "biết



sống một mình", quán chiếu chính mình, tự nghe và tự dừng lại chính mình, thì muôn pháp trở thành nhút tằm, và từ đó tỏa sáng, biến mãn khắp phương trời. Cảm thọ cũ lại một phen vụt tắt đi, để tiếp nhận một cảm thọ mới nổi tiếp vào khoảnh khắc nơi đây và bây giờ.

Như dòng thác tuôn đi từ đỉnh cao, qua bao nhiêu khúc quanh, hốc đá, lùm cây, ngang qua dòng trong, dòng đục. Nhưng đầu phải để dừng lại những khúc đoạn ấy, dòng thác vẫn mài miết đi, đi để gặp những dòng sông lớn hơn và rồi cùng xuôi ngọn về đại dương, va chạm với đại dương, hòa nhập trong đại dương. Cùng thế ấy, nếu như không ngang qua và cảm nhận được những tấn tuồng, những vỡ bi hài của trò đời muôn mặt, những ý vị bụi đời đắng cay..., thì ta nào biết được;

*"Đâu là lời kinh Phật tụng
Giữa dòng đời thiên miên
Mở ra nguồn tuệ giác
Người về cõi trang nghiêm"*

Có lúc ngay cả Đức Phật cũng trở thành người độc hành giữa hội chúng tỳ kheo, sự kiện cuộc đấu tranh ở Kosambi (Kiều Thường Di) đã cho ta biết điều đó, và hơn ai hết, chính Đức Phật là người biết sống một mình, lặng lẽ, chiêm nghiệm dưới một gốc cây, cảm thọ giải thoát lạc giữa cảnh rừng không tiếng động ban trưa. Có lần Ngài cũng từ khước 500 vị tỳ kheo ở thôn "Xa đầu tụ lạc", để tránh đi một hội chúng đệ tử đầy nhiệt nảo, ồn ào, thảo động, hơn thua

phải quấy, khởi nguồn từ lợi dưỡng, địa vị, chức danh bèo bọt phù du, ở đây, ta mới thấy rằng:

*"Khác thay duyên thế lợi
Khác thay đường Niết bàn".*
(PC. 75)

Chiều nay, mây nghiêng bên thềm hoa cỏ, tiếng chim khách gọi trên cành xa, những giọt nắng rơi thành vô số những chấm vàng rây trên lối cỏ, bờ hoa, bên chung trà nghe vắng tiếng chuông đưa, giây phút trở về và ngồi dưới chùa nay mà nhớ chùa xưa, nơi mà đã hơn 30 năm trải bao cuộc thăng trầm, buồn vui ấm lạnh, với thời gian không ngừng biến đổi. Mái chùa đơn sơ xưa mắt đi ít nhiều của thời xa xưa, hình ảnh bình dị tươi mát "điều hạnh" của nhà sư xưa cũng nhòa đi và trôi xa theo chiều bụi vắng hôm nào, cũng nghe trống vắng đi bao lớp bạn bè cả đời và đạo thường tới lui với bao câu chuyện vơi đầy.

Thay vào đó, nay có một ngôi đạo tràng khang trang hoành tráng, từ mọi phương tiện thờ phượng, phòng ốc và những hình thức khác cũng được nâng lên theo cấp thời đại. Nếu như cùng thế ấy, sự khang trang hoành tráng, sự nâng cấp mọi sinh hoạt và hình thức theo tầm thời đại được thắp sáng từ một Tầng thân, từ một dòng lực "trực hạnh, chánh hạnh..." thì điều đó đáng được cung kính trân trọng hơn bao giờ hết.

Tất cả mọi sự thay đổi đều đưa đến một cảm thọ mới, ý thức và từ bỏ một cảm thọ cũ, thay đổi là để tiến hóa, siêu hóa tâm linh, thay đổi là để nhận ra từng cung nhịp thời gian, không gian là "vô thường, khổ, vô ngã..." và để như:

*"Với ai các tùy miên
Hoàn toàn không hiện hữu...
Vị tỳ kheo từ bỏ
Bờ này và bờ kia
Như loài rắn thoát bỏ
Da rắn cũ già xưa"*

(Tiểu bộ, I, chương I).

Từ một năm, mười năm, rồi ba mươi năm và có hơn thế nữa, từng cột mốc thời gian được nhỏ lên, từng khoảnh khắc thời gian được thay đổi siêu hóa. Và tuyệt cùng hơn trong từng ý niệm tinh giác, tự mình quán chiếu với sự nhập cuộc trong dòng chày, nhận thức đúng đắn khi đổi diện với mọi hiện tượng... và cho đến:

*"Bao giờ tôi hiểu sâu lòng đất
Là thấy đường lên cõi Niết bàn"*

(VHC)

TẾT NGUYÊN ĐÁN VÀ PHẬT LỊCH

Nguyễn Phúc Bửu Tập

Nhân ngày Tết Nguyên Đán, mọi gia đình Á Đông sẽ làm lễ Phật và vui Tết. Ta thử tìm hiểu niên lịch dùng trong sinh hoạt Phật giáo nguồn gốc ở đâu, thuộc về hệ thống nào, và ngày Tết có phải là một ngày lễ Phật chăng? Đức Thích Ca khai sáng ra đạo Phật tại Ấn Độ hai nghìn sáu trăm năm trước, và Ấn Độ cũng đã có nền văn minh và tôn giáo hai nghìn năm trước Phật Thích Ca.

Vậy ta có thể xác quyết là không thể có một niên lịch, hay là nói rộng hơn, là một hệ thống tính thời gian riêng biệt của đạo Phật. Tìm hiểu niên biểu Phật giáo tức là đi tìm các thông lệ đã được áp dụng trong các cộng đồng Tăng già ngày xưa về cách thức để áp dụng thời biểu trong năm để tu hành và tế lễ. Bài này sẽ không bàn đến các ý niệm triết lý, siêu hình và hướng linh về thời gian và không gian trong giáo lý nhà Phật.

Văn minh Ấn Độ trước thời đức Phật gọi là văn minh Vệ đà của giống người Arya từ trung bộ châu Âu tràn xuống đồng bằng sông Indus và sông Gan-ga; tôn giáo Ấn Độ trước là đạo Bà la môn. Văn minh Vệ đà và tôn giáo Bà la môn dựa trên bốn bộ kinh Vệ đà căn bản, mà quan trọng nhất là bộ Kinh Rig-Veda. Rig-Veda gồm có, theo lý thuyết, 1028 bài ca tán tụng sức mạnh của tạo vật như mặt trời, mưa, gió, sấm sét..., biến các sức mạnh thiên nhiên này thành ra thần linh, và cầu xin thần linh ban phúc cho giống người Arya đang theo đạo Bà la môn. Đọc kỹ các bài ca chúc tụng này, ta tìm lại rõ các nét chính trong tư tưởng, phong tục và tập quán của giống người Arya này.

Phu nhân Rhys Davids (vợ chồng giáo sư Rhys Davids được nhìn nhận đã đóng góp rất nhiều trong công trình khảo cứu văn minh Ấn Độ và đạo Phật) đã phân tích kỹ quan niệm về niên lịch của người Arya Ấn Độ. Thời gian được tính bằng ba đơn vị: năm, tháng và ngày. Trong Rig-Veda quyển I đã thấy ghi rõ cách tính ngày tháng. Mỗi năm (sam vachara) gồm có 12 tháng (masa), mỗi tháng có 60 đơn vị [ban ngày kể là một đơn vị; đêm kể là một đơn vị (ratinvida); hai đơn vị góp lại thành một

ngày]. Mỗi năm còn chia ra mùa (utu), và vì thời gian tính theo hai hệ thống mặt trời (dương lịch) và mặt trăng (âm lịch) bị so le, không theo sát nhau được, nên đã tính phải có một tháng "nhuận", gọi là "tháng sinh sau" trong hệ thống âm.

Thời đó, giai cấp Bà la môn ngự trị đời sống tinh thần và vật chất của dân chúng. Niên lịch liên hệ tới việc cúng tế không để tiết lộ ra khỏi giai cấp giáo sĩ. Tuy vậy, vì niên lịch Vệ đà cũng đem dùng trong dân gian, nên nhà Phật chắc chắn đã dựa theo đó mà thiết kế mọi sinh hoạt trong cộng đồng Tăng già.

Trong số kinh điển khổng lồ của đạo Phật (chỉ nói tới văn hệ Pali), bà Rhys Davids không tìm được phần nào đặc biệt chuyên chú về niên lịch, và chỉ rút ra được đây đó vài đoạn nói về niên biểu, đem chấp lại để tìm hiểu ý niệm thời gian trong đạo Thích Ca. Để chứng minh là đức Phật đã áp dụng và có sửa đổi quan niệm niên lịch Vệ đà, bà Rhys Davids dẫn hai sự kiện. Thứ nhất là một vị đệ tử thân cận của đức Phật, Kumara Kassapa, trong Trường bộ kinh (Dighanikaya), đã thuật lại là đức Phật chấp nhận cách phân chia thời gian áp dụng và giảng giải trong kinh Rig-Veda. Thứ hai là trong Tăng chỉ bộ kinh (Anguttaranikaya), bộ kinh quan trọng hàng thứ tư trong năm bộ kinh lớn của văn hệ Pali, cũng có nhắc lại cách giải thích niên lịch của đức Phật, không những tính theo mặt trời, mặt trăng mà còn theo các hướng tinh. Nét nhận xét được rõ là niên lịch Phật giáo có khuynh hướng theo âm lịch nặng hơn, chứng cứ là đức Phật đã dùng thêm ngày trăng tròn (addhamassa) giữa tháng, cắt tháng ra làm hai đoạn, và như vậy đơn vị thời gian từ ngắn đến dài sẽ là : ngày, nửa tháng, mùa, năm.

Vào thời kỳ nguyên thủy, đạo Phật chú trọng nhất là việc tổ chức đời sống Tăng già, và mục đích thiết thực của niên lịch là để lập thời khóa biểu áp dụng cho Tăng chúng trong cộng đồng. Ngày chia làm hai đơn vị: sáng và đêm (ratindival), cốt để định thời khắc hai bữa ăn của người tu sĩ. Nhưng theo quy ước chung áp dụng ngoài đời, hai đơn vị sáng và đêm phải nhập làm một để gọi là ngày. Phân tích hơn nữa, ngày sáng chia làm ba đoạn (ta cứ gọi là khắc), và đêm tối chia làm ba canh (yama). Khi trời âm u thì lấy sao Kim tinh là chuẩn hiệu. Đêm bắt đầu từ khi hết thấy mặt trời. Trên thực tế, chỉ trừ thời khắc giữa trưa (đúng Ngọ), để quy định giới hạn bữa ăn của người xuất gia, ý niệm thời gian trong ngày được áp dụng khá lơ lửng. Trong các chùa Nguyên thủy, từ xa xưa cho đến bây giờ, người ta vẫn lấy thời khóa biểu của đức Phật làm mẫu mực. Sáng bắt đầu ngày mới, đức Phật tắm gội, choàng áo và cầm bình bát đi khất thực; gần trưa về chia bữa ăn với đệ tử; buổi chiều ở trong tịnh xá thiền định và làm việc.

Giờ quan trọng nhất trong ngày là lúc giữa trưa (ta gọi là Ngọ; văn tự Pali majjhanha), được đánh dấu bằng cách đo ngón tay, bóng ngả về phía hữu một đốt và quay sang phía tả một đốt. Vì lẽ đó mà ngày có ba khắc: buổi sáng, giờ Ngọ, và buổi



chiều (aruna, majjhanha, sayamha). Đức Phật còn dùng một đơn vị lớn hơn ngày gọi là tuần (sattaha), mà trước đó, trong kinh Vệ đà không bao giờ nói tới. Sahatta không có nghĩa là tuần lễ bảy ngày như ta quan niệm ngày nay, mà bất cứ số lượng bảy ngày nào góp chung lại với nhau trong lịch trình sinh hoạt Tăng già thời nguyên thủy.

Tháng tính làm hai đơn vị: đơn vị một bắt đầu từ ngày trăng tròn, đơn vị hai bắt đầu từ ngày không trăng. Lúc đức Phật còn tại thế, khi cộng đồng Tăng già đã phát triển mạnh trên lưu vực sông Hằng, hai ngày đầu kỳ bán nguyệt là hai buổi lễ lớn của cộng đồng. Tăng già sống trong viện hay đi hoạt động ở ngoài đến hai ngày đó phải tựu họp để đọc bốn Luật Kinh Patimoka (tức là bốn liệt kê 227 điều luật của người xuất gia; về sau môn phái Đại thừa tăng lên 250 điều luật, môn phái Tây Tạng 253 điều).

Đến bây giờ, trong các chùa ở Thái Lan, Miến Điện, Tích Lan, theo Phật giáo Nguyên thủy thuần túy, luật lệ này vẫn thông dụng. Trong cộng đồng Tăng già thời nguyên thủy, năm được chia làm bốn mùa. Ba mùa chánh: mùa nắng (ginshala), mùa mưa (vassa) và mùa gió (hemanta); mỗi mùa kéo dài bốn tháng. Cuối mùa mưa lấy một tháng, gọi là tháng Serada làm một mùa tương đương với mùa Thu của ta bây giờ. Tại Ấn Độ, vào mùa serada, "khí trời rất trong sáng nên mặt trời hiện rõ, đừng nhìn lên trời mà hại mắt" (Trường bộ kinh, Dighanikaya). Dưới thời đức Phật, cách thức phân chia ba mùa không nhất định, tùy theo hoàn cảnh trong năm, nhưng nói chung, mùa gió lạnh Hemanta đi trước đầu năm, kế theo là mùa nắng gimha, và mùa mưa vassa. Vassa kể như là mùa quan trọng nhất vì tu sĩ "vào hạ" lúc này. Vào hạ là biến cố quan trọng nhất trong năm, trong đời sống người đi tu, mọi chi tiết đều được định rõ trong Luật Kinh Vinaya. Để điều chỉnh thời gian luân chuyển so le giữa mặt trăng và mặt trời, tháng nhuận thường để vào đầu mùa mưa vassa và do chính đức Phật quyết định và công bố (về sau, do hệ thống chi đạo của Tăng già).

Trong Luật kinh (Pali tạng) cũng ghi rõ là đức Phật đến thành Vesali, năm trên vĩ tuyến 26 (tương đương ở xứ ta vào vùng trên Cao Bắc Lạng, rất lạnh) sống vào những tuần lễ giá lạnh nhất trong năm hầu thí nghiệm xem người tu sĩ cần bao nhiêu y phục vào mùa lạnh, để phán vào Luật kinh. Ngoài các đơn vị tháng, mùa, năm, đức Phật cũng đã nói đến các đơn vị thời gian dài hơn như thập niên vassa dasa

(mười năm), thế kỷ vassa satam (trăm năm). Vassa satam tượng trưng đời sống của một kiếp người, như dân gian ta thường nói "trăm năm trong cõi người ta", hay "ba vạn sáu nghìn ngày". Sau thế kỷ, nhà Phật dùng một đơn vị gọi là Kapa (Anh : Aeon ; Pháp : eon), chi thiên thiên, vạn vạn niên, một số lượng vĩ đại ngoài sức đếm. Ví dụ một hôm có người đệ tử hỏi đức Phật là Ka-



pa dài bao nhiêu năm, Ngài trả lời (luôn luôn đức Phật trả lời bằng tỉ dụ và so sánh): "Nếu bây giờ tạ có một khối núi đá mỗi bề dài bốn trượng, không chỗ nào sút mẻ. Và nếu bây giờ cứ mỗi trăm năm có một người cầm tấm vải mềm đến chùi trên chóp khối đá. Ngon núi kia sẽ tiêu mòn hết trước khi một Kapa chấm dứt". Ý đức Phật nói là Kapa chỉ định một thời gian dài vô tận. Một đoạn khác trong kinh, đức Phật cũng nói là mỗi Kapa có thể tạo ra một đức Phật, hàm ý là phải khổ công tu học lắm mới thành được chánh quả.

Bây giờ ta trở lại tìm hiểu các chi tiết nhỏ của thời gian dùng trong giáo lý đức Phật. Ngày chia ra làm đơn vị nhỏ. Trong Tăng chi bộ kinh (đã dẫn) có đoạn: "Như nước trong nguồn chảy quanh co, lôi kéo tất cả theo giòng, không bao giờ ngừng một lúc (khana), hoặc một khắc (layo) hoặc một giây (muhutto), và đây cũng là đời sống con người". Thầy Huyền Trang sang Ấn Độ thỉnh kinh hồi thế kỷ thứ 7, đã giải thích rõ ràng ý niệm thời gian nhỏ dùng trong đạo Phật: "Đơn vị thời gian nhỏ nhất (trong kinh) gọi là t'sana (còn viết là Kshana) tức "Sát-na"; 120 sát na làm thành một đại sát na (tak-shana); 60 đại sát na làm thành một lafo (lava); 30 lava làm thành một muhurta; năm muhurta làm thành một kala và sáu kala làm thành một ngày".

Ta mặc nhiên đồng ý là các chi tiết vừa kể trên ngày nay chỉ còn giá trị lịch sử. Ta thử tìm hiểu các điểm thiết thực hơn, như ngày đầu tháng, tháng đầu năm... để ăn Tết!

Tháng bắt đầu ngày nào? Như trên đã nói, Phật lịch thiên về mặt trăng, và trong hai bán nguyệt (một, bắt đầu từ ngày không trăng; hai, bắt đầu từ ngày trăng tròn), thường vẫn kể bán nguyệt bắt đầu với đêm trời tối đi trước. Như vậy là tháng bắt đầu với ngày không trăng, tương đương với ngày mồng một âm lịch của chúng ta vẫn tính thời bây giờ.





Câu hỏi thứ hai là năm bắt đầu với tháng nào? Ý niệm tháng là một phần cấu tạo của mùa thường được nhắc trong kinh, như "tháng đầu mùa lạnh", "tháng cuối mùa mưa". Cũng có chỗ trong kinh nhắc đến tên tháng như tháng Asahi, tháng Kattika, nhưng không hề chỉ định một tháng đầu năm. Bà Rhys Davids dẫn chứng một đoạn kinh Samannaphala Sutta nói về vua Ajattasatu, đương thời với đức Phật, và giải thích là ngày đó, người ta dùng tháng Savana (giữa tháng 6 qua giữa tháng 7 dương lịch ngày nay) làm tháng đầu năm. Nhiều cuộc biên khảo mới sau này chứng minh là bà Rhys Davids nhầm. Trong một bản Luận Kinh Aghidhanapitaka chép vào thế kỷ thứ 13 tại Tích Lan, người ta tìm được bốn danh sách hoàn hảo đủ 12 tháng niên lịch Phật. Năm chia làm 12 tháng, bắt đầu là tháng Citta (giữa tháng 2 qua đến giữa tháng 3), và tháng quen thuộc với chúng ta là tháng Visakha (giữa tháng 3 tới giữa tháng 4). Đại hội Kiết tập Phật giáo thế giới lần thứ sáu họp tại Miến Điện năm 1954 lấy ngày trăng tròn tháng Visakha làm ngày lễ long trọng nhất của đạo Phật, kỷ niệm vào một ngày ba lễ lớn: Thích Ca đản sanh, Thích Ca thành đạo và Thích Ca nhập niết bàn. Ngày nay hầu hết các cộng đồng Phật giáo trên trái đất đều thuận hiệp với quyết định trên.

Như vậy, ta buộc phải nhìn nhận là trong thời kỳ nguyên thủy, đạo Phật chỉ chú trọng vào lễ lối tu hành, và không để ý tới những điều trong đời sống như hội hè đình đám. Các tục lệ truyền thống (đối với chúng ta ngày nay) như đi chùa hái lộc, như lễ Phật đêm Giao thừa và ngày Tết, hầu như không có ý nghĩa thích nghi với giáo lý. Có thể như vậy được chăng?

Tìm hiểu lịch Phật, ta phải sưu tầm kinh điển; bây giờ muốn trả lời thỏa đáng câu hỏi vừa đặt ra, ta phải tạm gác kinh điển và nhìn vào lịch sử văn hóa. Năm 1939, để kỷ niệm 300 năm thành lập Viện Đại học Harvard, giáo sư Hồ Thích, là người được xem như là lý thuyết gia của cuộc cách mạng tam dân Trung Hoa, được mời đến đọc một bài diễn văn gợi ý cho giới trí thức, nhan đề là "Nước Ấn Độ chinh phục Trung Hoa". Ngày đó, vừa sáng chói nền văn minh vật chất Tây phương, và nước Tàu đang bị chìm đắm trong quên lãng, đang bị hiếp đáp đủ bề từ tinh thần đến vật chất. Bác sĩ Hồ Thích là người có tư tưởng hướng về phát triển, đóng khung trong những nguyên tắc tu, tề, trị, bình. Ông phân tích các lý do chậm tiến của người Trung Hoa: đáng lẽ xã hội Trung Hoa phải ngồi sáng vì trào lưu phát triển mới đang dựa vào cơ khí kỹ thuật, mà cá tính

Trung Hoa chính lại là thiên về hiện thực, thuận tiện cho phát triển. Và ông nêu lên những điểm mâu thuẫn giữa đạo Phật chuộng xuất thế, xa những mối vướng lụy với cuộc đời, với thực chất phát triển là đời sống hiện thực. May thay cho xã hội Trung Hoa sau một nghìn năm cực thịnh lúc đạo Phật mới du nhập Trung Hoa, sang đời Tống các tư tưởng và sinh hoạt truyền thống của Trung Hoa lại thăng thế. Người Trung Hoa đã chấp nhận nhiệt thành, nhưng cũng quyết cường biến đổi đạo Phật thành một tôn giáo thích hợp với đời sống của người Trung Hoa hơn.

Bốn mươi năm sau, cũng tại một trung tâm Đại học lớn ở Hoa Kỳ, đại học Yale, một nhóm học giả do giáo sư Kenneth Chen dẫn đầu đã trở lại đề tài này với một nhãn quan mới lạ hơn. Thay vì quan niệm như Bác sĩ Hồ Thích là đạo Phật từ Ấn Độ đã chinh phục Trung Hoa ("The Indianization of China by Buddhism"), nhóm tư tưởng gia mới đặt vấn đề sát với sự thật hơn là "Trung Hoa đã biến đổi đạo Phật" ("The Chinese Transformation of Buddhism"). Đạo Phật, như một hạt giống mầu nhiệm, đi vào Trung Hoa là một môi sinh vừa súc tích vừa hãm hại. Súc tích vô cùng, làm nảy nở đạo của Thích Ca trên một nửa địa cầu và nhân loại ngày đó; đồng thời cũng hãm hại vì đạo của Thích Ca đã phải thay đổi nhiều trong giáo lý căn bản để tập quán và phát triển tại Trung Hoa và các nước láng giềng Trung Hoa, như Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam...

Bởi lẽ đó mà tại các quốc gia theo Phật giáo Đại thừa của Trung Hoa, nét phân biệt giữa nếp sống xã hội và các sinh hoạt thuần túy tôn giáo bị xóa nhòa, và ngày Tết đồng hóa với một ngày lễ Phật. Tại Trung Hoa và Việt Nam lại còn có một truyền thống đã lâu đời (trước đời Đường, thế kỷ thứ 7) là trong dịp Tết lại làm lễ Phật Thượng nguyên vào ngày rằm tháng Giêng. Thượng nguyên là một ngày lễ Phật lớn, "lễ Phật quanh năm không bằng ngày rằm tháng Giêng", tiếp theo mấy ngày Tết. Ngày trước bên Trung Hoa, lễ này còn gọi là "Hội Hoa đăng", kéo dài ba ngày từ 14 đến 16 tháng giêng. Tại chùa và trong mỗi gia cư đều thắp đèn và dân chúng cầm đèn đi lại suốt đêm. Giáo sư Kenneth Chen, dẫn sách "Đường lục điểm" kể lại là ngày đó, dưới đời Đường, các chùa rất giàu có nên cấp dầu cho mỗi gia cư để làm hội đèn, vui lễ Phật.

Như vậy, nhờ các buổi lễ Phật như ngày Tết Nguyên đán và Hội Hoa đăng mà lễ Phật không còn riêng của những người trong tầng chúng, những người "đi tu tại gia" mà là của đại chúng. Người ở địa vị cao sang, kẻ bần cùng; người giàu kẻ khó; người thuộc quý tộc, kẻ trong tầng giới và đám dân gian đại chúng, tất cả hòa đồng vào ý niệm đoàn kết và hỗ trợ, chung một lòng tin.

Ngày xưa tại Trung Hoa, lễ lạc được thiết nghi phù hợp với nếp sống của từng giai cấp xã hội. Các buổi lễ cúng tế theo đạo Khổng trong miếu đường, ngoài phủ thất rất nhiều nghi lễ và đầy chi tiết phiền toái, đám dân gian không hiểu nổi. Mặt khác, các buổi lễ theo đạo Lão, sau sinh thời của Lão Tử đã biến thành tà thuật, bùa phép chỉ gây thêm sợ hãi cho đám bình dân. Chỉ có lễ Phật trong tinh thần hỷ xả, an vui là thích hợp với nhu cầu hưởng thiện, hưởng lạc của đại chúng. Vì lẽ đó mà ta hiểu được là Tết Nguyên đán, từ lâu đã được người Việt Nam ta xem như là một ngày lễ có nhiều tính cách Phật giáo.

Nguyễn Phúc Bửu Tập



TẬN HƯ KHÔNG BIÊN

*lối về rợp bóng thu bay
chừng như thiên cổ đã say nộ tình
em là thoáng của mộng mênh
mênh mông là thoáng phù sinh của lòng
điều em vào đến vô cùng
tận hư là điểm mịt mùng của không
nộ cười trầy nhíp phiêu bông
bên ngoài là đến bên trong là về
đường dài tình sử lệ thê
mưa dôn nắng đập bên rìa thế gian
và em điếm mộng huy hoàng
soi trên thanh sử có ngàn thanh xuân
và tôi cố ngủ ru lòng
bên kia một chớm vô chừng mở ra.*

SINH CẢNH

*hoàng hôn từ độ hằng hà
trong sa số mộng la đà mưa mây
người về dưới lũng tà huy
thâm sâu cổ tích đã quỳ gọi hương
em đi kéo gió vô thường
bay theo sơ ngộ ngã đường biệt ly
và trong chiều muộn tôi về
chín mùi vô thức thâm thì gọi nhau.*

VÂN HÀNH

*thân như bèo cỏ bênh bồng
trôi trong hư tịch long rong nhân tình
hai bờ lá cỏ nổi chìm
ánh sương cảm ứng thâu đêm hành trì
giọt mồ hôi đậu bờ mi
rơi từ hơi thở từ ly ngút ngàn.*

BÓNG TRẮNG LOANG

*chảy sương trắng óng lùa vàng
bến bờ tịch mịch ngân loang theo chiều
thuyền chài ghé bên cô liêu
mái chèo rẽ sóng dập điều trắng to*

NHỚ MỘT NGƯỜI

*muộn rồi trưa đã ngang lưng nắng
quán rượu bên sông gió thổi nhiều
tư lự tôi ngồi trong trống vắng
tình xưa rớt giọt xuống cô liêu.*

TIÊU TRỪ

*gió lùa gác trống hững hờ
con dơi đập cánh qua tờ lịch cao
không thời bỗng chốc đổ nhào
thiên sư toé mộng trên cầu tuệ duyên.*

VỌNG ĐỘNG

*lăn trong ảo mộng triền miên
tắm thân giả hợp nương duyên qua bờ
trương sinh sóng đập vào mùa
vỡ ra bào ảnh lô xô hiện hình
sẩy chân một thoáng phiêu linh
hôn ôm tạp loạn đang trình nơi nao
mở ra xa lác lối vào
đường về quê cũ thâm sâu khói mù.*

VỀ ĐÂY NGHE GỌI

*về đây nghe biển gọi xanh
nghe rừng gọi lục, nghe kinh gọi người
nghe em rục rờ gọi đời
nghe âm gọi nhạc, nghe lời gọi thơ
về đây nghe bến gọi đò
nghe mây gọi gió, nghe mùa gọi nhau
nghe hôn tử biệt gọi sầu
sinh ly gọi nhớ, mong cầu gọi thương
về đây nghe phố gọi phường
nghe tim gọi máu, nghe vườn gọi trăng
nghe phôi pha gọi vĩnh hằng
nghe tôi gọi mãi một lần gọi tôi.*

thơ

PHÙ DU

GIỚI THIỆU KINH DUY-MA-CẬT

Tuệ Sỹ

I. NHÂN CÁCH HUYỀN THOẠI.

Vaisālī (Tỳ-da-li)[1], thủ phủ của Vraji (Bạt-kỳ), một cường quốc theo chế độ cộng hòa thị tộc của người Vraji, mà các lân bang quen gọi là Licchavī, là một đô thị phát triển trù phú thời đức Thích Tôn tại thế, và những người Licchavī giàu có, vinh quang, được ví như các thiên thần cõi trời Đao-lợi (Trayastrīṃsa)[2].



Một buổi sáng, có tiếng trẻ khóc trước vườn Thượng uyển của nhà vua. Người giữ vườn ra xem, bắt gặp một bé gái bị bỏ rơi dưới một gốc xoài. Ông ẵm bé gái về nuôi và đặt tên là Amrapālī[3], với ý nghĩa là người con gái được bảo vệ bởi gốc xoài.

Lớn lên, sắc đẹp của nàng không những rực sáng cả nước, mà còn chói rang xa đến những địa phương mà tiếng đồn có thể lan đến. Nhan sắc của nàng che mờ trí tuệ và dũng lược của các vương tôn, công tử, những người Licchavī giàu có, thế lực. Nàng trở thành đối tượng tranh chấp của họ. Để tránh cho sự tranh chấp không trở thành xung đột quyết liệt, họ thỏa thuận Amrapālī là bảo vật chung. Định mệnh bắt nàng phải trở thành một kỹ nữ. Và cũng từ đó, Vaisālī trở thành một vườn hoa chói lọi bởi sắc đẹp thiên kiều bá mỵ của Amrapālī, thu hút khá nhiều tài sản vật chất của các vương tôn, và của cả những quân vương đầy quyền uy. Trong đó có cả vua Bimbisāra[4], vua nước Magadha hùng cường bậc nhất vào thời bấy giờ. Vua một thời là bạn của Thái tử Siddhārtha, và sau đó là đệ tử thành tín của Phật. Amrapālī sinh cho Bimbisāra một người con [5]. Một con người được sinh ra từ những đam mê truy lạc của một quân vương và một kỹ nữ. Nhưng, đó sẽ là một đóa sen từ bùn lầy hôi tanh mà vươn lên với hương sắc thuần tịnh. Họ đặt tên cho con mình là Vimāla[6], không ô nhiễm, hay sẽ dứt sạch ô nhiễm. Quả nhiên, về sau Vimāla xuất gia theo Phật, rồi chứng đắc quả A la hán.

Đó là một Vimāla ân sỹ. Từ thanh lâu đi vào rừng tía. Lang thang với một bình bát và ba y. Hạnh phúc với đời sống tri túc.

Nhưng, còn một Vimāla khác không chỉ làm chói sáng Vaisālī như một nhân vật huyền thoại. Một con người mà danh tiếng không chỉ được đồn đãi giữa các vua chúa, các phú gia địch quốc, giữa các trà đình tửu quán, giữa các chốn thanh lâu truy lạc; mà danh tiếng ấy còn vang xa đến tận cùng biên giới của vũ trụ, nếu vũ trụ có biên giới; được các Thánh nhân, các Bồ-tát kính trọng; được các đức Phật tán dương. Đó là danh tiếng không chút ô nhiễm ngay dù được truyền tụng giữa bùn lầy ô nhiễm. Đó là một Vimāla-kīrti. Là một Thánh nhân nhưng không hề ở trên cõi Thánh thanh tịnh vô vi. Đó cũng là một tay lạc phách giang hồ, mà trong

lòng tay, dung sắc vi diệu của các thiên nữ trở thành thể tính Chân không vi diệu.

Có một nhân vật lịch sử như thế chẳng, hay đây chỉ là một nhân vật hư cấu để biểu tượng một tư tưởng triết học hay một lý tưởng Bồ-tát đạo của Phật giáo Đại thừa?

Có thể trả lời một cách dứt khoát rằng đó là một nhân vật lịch sử, xuất hiện trong một giai đoạn đặc biệt của lịch sử phát triển Phật giáo nói chung, và trong thời kỳ vận động của Đại thừa.

Một con người có thật được trang bị với một cơ sở tư tưởng bất nhị (advaita) để có thể tự nâng lên hàng Thánh giả vượt ngoài tam giới nhưng đồng thời có thể hạ mình

ngập lụt trong thế gian ô nhiễm mà vẫn không tách lia thế giới thuần tịnh vô nhiễm.

Một con người có thật, sống trong trạng thái an nhiên giải thoát bất khả tư nghị, đã bừng ngọn đèn trí tuệ ra khỏi các hàng động tịnh mặc, từ các thâm sơn cùng cốc, để rọi sáng đường đi cho những con người đang mãi chìm đắm trong bùn lầy hôi thối bóng phát hiện chân diện mục của mình nguyên lai là thanh tịnh. Đó là một nghệ sĩ lớn, bằng du hí thần thông tam muội, hăng rong chơi trong sáu nẻo luân hồi, với những chất liệu thấp hèn, dơ bẩn, đã nắn thành những tác phẩm thánh thiện tuyệt vời. Lịch sử nhân loại nếu chưa từng xuất hiện một, hay nhiều nhân vật như vậy, thì thế giới này chỉ là một sa mạc nóng bức đầy quái tượng dã thú. Đó là một khẳng định mang tính bản thể luận, và cũng là yếu tính lịch sử phát triển của xã hội loài người.

Chính vì, trong một thời kỳ nhất định, tất yếu xuất hiện một nhân vật hiện thực như vậy để làm sáng tỏ khát vọng vĩnh cửu của con người, thúc đẩy lịch sử chuyển hướng sang một giai đoạn mới; và đã có nhiều nhân vật lịch sử như vậy, cho nên hình ảnh một Vimālakīrti hiện thực được hoá thân thành nhân vật huyền thoại. Nói cách khác, từ một con người hiện thực, Vimālakīrti trở thành biểu tượng cho tác nhân lịch sử. Thế nhưng, đó là con người mà chúng ta sẽ học tập ở đây, như là một cách người nhân cách hóa cho lý tưởng của Đại thừa Bồ-tát.

II. Ý NGHĨA NHÂN CÁCH VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ

Vimālakīrti-nirdeśa, đó là đề kinh tiếng Phạn được khôi phục dựa trên các bản dịch và chú giải của Hán tạng.

Chủ Duy-ma-cật kinh[7] dẫn lời giải của La Thập (Kumarajīva): «Duy-ma-cật, tiếng nước Tần (Trung hoa) nói là Tịnh Danh. Tức là một người trong số năm trăm đồng tử[8]. Từ nước Diệu hý[9], du hành đến cõi này. Sau khi làm xong những việc cần làm, lại trở về chỗ cũ.» Cùng tác phẩm, dẫn lời giải của Trúc Đạo Sinh[10]: «Duy-ma-cật, tiếng Hoa



nói là Vô Cấu Xưng. Do bởi lần hành vi trong ngũ dục mà siêu nhiên không vấy bẩn, danh thơm lan khắp xa, nên có tên như vậy.»

Tịnh danh huyền luận[11], Cát Tạng, dẫn chứng giải thích của Chân Đế Tam tạng: «Nói đủ theo tiếng Phạn, thì phiên âm là Tỳ-ma-la-cật-lị-đế. Trong đó, tỳ nghĩa là diệt, ma-la nghĩa là cấu (cấu bẩn), cật-lị-đế nghĩa là minh (tiếng hót). Tổng hợp lại, có nghĩa là diệt cấu minh (tiếng hót không vấy bẩn).» Và Cát Tạng nêu ý kiến: «Minh (tiếng hót) cũng có nghĩa là danh (tiếng tăm) vậy.» Trước đó [12], Cát Tạng cũng nêu ý nghĩa có tính cách biểu tượng về Tịnh Danh: «Do tịnh đức được chứa đầy bên trong, và danh tiếng tốt đẹp truyền khắp thiên hạ, nên được gọi là Tịnh Danh.»

Theo những giải thích dẫn trên, Tịnh Danh được hiểu như một danh từ mô tả một nhân cách hay một phẩm tính được nhân cách hóa. Tịnh Danh, như vậy, không nhất thiết phải là tên của một nhân vật lịch sử có thật nào đó, mà là một đức tính hay một giá trị phổ quát được nhân cách hoá từ lý tưởng Bồ-tát đạo của Đại thừa. Nói rõ hơn, Tịnh Danh, hay Vô Cấu Xưng, biểu trưng tinh thần nhập thể của Đại thừa Bồ-tát. Và như vậy, tên kinh Vimalakīrti-nirdeśa, dịch là Duy-ma-cật sở thuyết theo ngài La Thập, hay Thuyết Vô cấu xưng theo ngài Huyền Tráng, có thể được hiểu theo hai nghĩa. Thứ nhất, đó là tác phẩm ghi lại những trần thuật của Vimalakīrti, một nhân vật lịch sử sáng chói nhất trong phong trào vận động Đại thừa. Thứ hai, đó là tập hợp của học thuyết về sự vinh quang không ô nhiễm. Với ý nghĩa thứ hai này, kinh còn có tên khác nữa, gọi là Bất tư nghị giải thoát[13]. Căn cứ theo nội dung, tư tưởng của Vimalakīrti thuộc hệ Bát-nhã, mà đỉnh cao ở đây là lý bất nhị (advaita) được diễn tả bằng sự im lặng của Vimalakīrti trước câu hỏi của Bồ-tát Văn-thù (Mañjuśrī). Về mặt thực tiễn hành đạo, như giải thích của Đại sư Trí Khải, Duy ma kinh huyền số[14], dẫn chứng phẩm 7 «Quán chúng sinh»: «Đối với hạng người tăng thượng mạn, Phật nói diệt trừ dâm, nộ, si là giải thoát. Với hạng người không tăng thượng mạn, Phật nói thể tính của dâm, nộ, si chính là giải thoát.» Và Đại sư nêu ý kiến: «Thể tính dâm, nộ, si là chân tính bất tư nghị, lấy giải thoát làm thể.»

Bởi vì Đại sư Trí Khải là người sáng lập Thiên thai tông, lấy kinh Pháp hoa (Saddharma-puṇḍarīka-sūtra) làm sở y, do đó từ ngữ tăng thượng mạn (abhimāna) trong trích dẫn trên cần được hiểu theo nội hàm của Pháp hoa. Đó là từ ngữ chỉ những vị A-la-hán tự thỏa mãn với Thánh quả mà các ngài đã

chúng, với một cứu cánh duy nhất là nhập Niết-bàn không lưu lại dấu tích như ngọn lửa tắt khi chất đốt đã hết.

Trên phương diện tư tưởng, Duy-ma-cật phê phán tất cả giáo pháp không chỉ của Thanh văn, mà còn luôn cả Đại thừa; dù rằng các giáo pháp ấy được tin tưởng là do chính đức Thích Tôn đã thuyết giảng. Nhưng rồi, như chúng ta sẽ thấy trong chính văn, sự phê phán của Duy-ma-cật không có tác dụng đả kích và bác bỏ, mà là lật ngược các điểm giáo pháp để có thể nhìn rõ những hàm ẩn dưới nhãn quang khác. Tuy khẳng định, «Tính thể của tham dục, sân hận và si mê chính là giải thoát,» nhưng khi hiện bệnh, Duy-ma-cật ứng dụng sự hiện bệnh ấy như là phương tiện thực tiễn để diễn giải cho các cư sỹ tại gia về bản chất của tồn tại: «Này các nhân giả, thân này là vô thường; là pháp yếu ớt, không chắc thật, chóng mục rữa... Thân này vốn như huyền, tử phiến nào sinh. Thân này vốn như mộng, được nhìn thấy do hư vọng... Thân này như rắn độc, như kẻ thù, như một đồng rỗng không...»[15] Nếu nhìn trên lý luận hình thức, hai đoạn văn vừa dẫn hoàn toàn mâu thuẫn nhau. Nhưng nếu bằng lý luận biện chứng siêu nghiệm của kinh điển Bát-nhã thì cả hai đều là một thực tại tuyệt đối bất nhị.

Khi gặp ngài Xá-lợi-phất (Śāriputra) đang tĩnh tọa trong khu rừng vắng, Duy-ma-cật phê phán: «Thưa ngài Xá-lợi-phất, bắt tất ngồi như thế mới là tĩnh tọa... Không khởi diệt tận định (samjñāveditānīrodha-samāpatti) mà hiện các oai nghi; đó mới là tĩnh tọa... Không đoạn phiền não mà nhập niết-bàn; ấy mới là tĩnh tọa...»[16]

Khi lên viếng đức Di-lặc (Maitreya) trên cung trời Đâu-suất (Tuṣita), Duy-ma-cật hỏi: «Thưa ngài Di-lặc, Thế Tôn thọ ký cho ngài một đời nữa sẽ thành Phật. Nhưng ngài được thọ ký theo đời nào? Quá khứ chăng? Quá khứ đã qua rồi. Vị lai chăng? Vị lai chưa đến. Hiện tại chăng? Hiện tại không dừng.»[17]

Rõ ràng, những phê phán ấy không có tác dụng phá huỷ, mà bằng vào biện chứng siêu nghiệm của hệ tư tưởng Bát-nhã, triển khai những ý nghĩa ẩn tàng thâm sâu trong những giáo pháp mà Phật đã dạy. Đó là phê phán để thành tựu. Thành tựu như thế được gọi là bất tư nghị (acintya).

Trên nền tảng nhận thức ấy, Duy-ma-cật mở ra con đường thực tiễn hành động. Con đường đó được gọi là bất tư nghị giải thoát (acintya-vimokṣa). Mục tiêu cứu cánh cho những giáo pháp của Phật là giải thoát. Trong giáo pháp được cho là nguyên thủy, thì ý nghĩa của giải thoát là diệt trừ tham, sân, si; đoạn tận phiền não, để chấm dứt khổ đau. Trong Đại thừa, giáo pháp ấy không hoàn toàn bị bác bỏ. Nhưng giải thoát được xác nhận với nhận thức trực quán về thể tính của tham, sân, si. Từ đó, Duy-ma-cật được coi là đỉnh cao trong phong trào vận động của Đại thừa. Về một phương diện, cuộc vận động để xác lập Đại thừa trong giáo nghĩa của Phật bị chỉ trích gay gắt là xu hướng thể tính hoá đạo Phật. Bởi vì nó đề cao vai trò của cư sỹ tại gia trong quá trình tu đạo và hành đạo ngang với chúng đệ tử xuất gia. Giáo pháp nguyên thủy, những yếu nghĩa căn bản do đức Thích Tôn giảng dạy chỉ có thể được thành tựu với điều kiện thoát ly mọi ràng buộc thế tục. Cư sỹ tại gia chỉ có vai trò hộ đạo, mà chính yếu là cung cấp các nhu yếu thường nhật cho các đệ tử xuất gia của Phật. Đó là điều được xác nhận rõ ràng, tất nhiên là mặt ngoài, trong tất cả kinh điển nguyên thủy hay sơ kỳ Phật giáo.

Về mặt giáo nghĩa, cả bốn chúng đệ tử Phật đều có khả năng thành tựu Thánh đạo như nhau, và tục gia đệ tử cũng có thể chứng đắc quả vị A-la-hán vốn được coi là mục đích cứu cánh trong quá trình tu đạo. Nhưng tất nhiên đệ tử tại gia với nhiều ràng buộc khó đạt đến mục đích ấy.

Ý nghĩa của sự so sánh ấy, cho đến ngày nay, hay trong những thời kỳ hay nơi những địa phương mà Đại thừa hưng thịnh nhất, vẫn còn nguyên giá trị. Thế nhưng, trong những thế kỷ đầu Phật lịch, ý nghĩa ấy được nhận thức như là tuyệt đối. Vì vậy, nhiều tác giả viết sử Phật giáo gọi thời đó là thời kỳ Phật giáo tu viện, nghĩa là thời kỳ mà giáo pháp của Phật chỉ dành riêng cho đệ tử xuất gia, chỉ được nghiên cứu và tu tập trong các tu viện.

Tất nhiên, lịch sử phát triển của đạo Phật không tách ngoài phát triển chung của xã hội. Khi xã hội phát triển đến một hình thái nhất định nào đó, hình thái sinh hoạt Phật giáo, về mặt hành trì cũng như trên phương diện tư tưởng, phải thay đổi cho phù hợp với hình thái xã hội mới. Thế nhưng, tích cực tiếp nhận những thay đổi mới để tiến bộ là một khía cạnh tâm lý của con người, thì tinh thần bảo thủ, sợ thay đổi, cũng là một khía cạnh tâm lý khác. Cái cách, và bảo thủ, là hai thế lực luôn luôn cọ xát nhau tạo thành những xung động thường xuyên của lịch sử. Sự tồn tại của Phật giáo, của các cộng đồng đệ tử Phật giữa các cộng đồng xã hội khác cũng chưa hề thoát ly các quy luật ấy. Có lẽ tránh cho các chúng đệ tử sau này không bị khóa chặt bởi quán tính lịch sử, cho nên, trước khi nhập Niết-bàn, đức Thích Tôn cho phép chúng tỳ kheo có thể lược bỏ một số điều khoản giới luật nếu xét thấy không phù hợp. Nhưng trong cuộc kiết tập lần đầu tại Rājagṛha, trưởng lão Ca-diếp (Kaśyapa), với tư cách là trưởng lão cao niên nhất trong các đệ tử Phật, đã quyết định, những gì Phật đã thiết chế, dù lớn dù nhỏ, không một tỳ kheo nào được quyền thay đổi.[18]

Chỉ một trăm năm sau ngày Phật Niết-bàn,[19] nhóm tỳ kheo ở Bạt-kỳ (Pali: Vajji) đã đề ra một số sửa đổi trong các lễ luật sinh hoạt. Tất nhiên họ gặp phải sự chống đối quyết liệt của nhóm tỳ kheo bảo thủ. Một hội Tăng đoàn được triệu tập tại Vaiśālī để phán quyết tính cách hợp luật hay vi luật đối với những sửa đổi của nhóm tỳ kheo Vajji. Kết quả của hội nghị là giáo đoàn bị phân liệt thành hai bộ phái: Thương tọa bộ gồm các tỳ kheo cao niên có tinh thần bảo thủ, và Đại chúng bộ gồm số đông các tỳ kheo trẻ có xu hướng cải cách.

Mâu thuẫn và xung đột như vậy là quy luật phát triển của xã hội. Sự phân liệt giáo đoàn là một chứng minh tích cực rằng Phật giáo không tồn tại ngoài những quá trình thay đổi và phát triển chung của xã hội. Điều đó cho thấy sự xuất hiện của Đại thừa là tất yếu lịch sử. Và điều này cũng chứng minh tính cách hiện thực của Duy-ma-cật như một nhân vật lịch sử trong dòng vận động của Đại thừa. Có thể chỉ có một Duy-ma-cật trong một thời điểm nhất định, mà cũng có thể có nhiều Duy-ma-cật trong nhiều thời điểm khác nhau.

Nói một cách vắn tắt, sự xuất hiện của Duy-ma-cật là xu hướng khẳng định vai trò tích cực của chúng đệ tử tại gia trong giáo pháp của Phật, về các mặt hành đạo cũng như hóa đạo. Tuy nhiên, trước khi vai trò này được khẳng định, một quá trình biến thái của tư tưởng đã phải xảy ra.

Trước hết, vị trí của bậc A-la-hán được hạ thấp xuống. Quả vị A-la-hán không còn được nhận thức như là cứu cánh trong quá trình tu đạo. Và phẩm

cách của Thánh giả A-la-hán cũng chưa phải là toàn thiện. Cũng như mục đích học tập của các người con của một gia đình là để thừa kế và quản lý sản nghiệp của gia đình. Cũng vậy, người tu Phật chỉ có một cứu cánh



duy nhất phải thành tựu là kế thừa sự nghiệp của Như lai. So sánh hai mục đích với nhau, các đệ tử chỉ mong muốn chứng quả A-la-hán và nhập Niết-bàn ngay trong đời hiện tại; các đệ tử ấy được nói là những người đi trên cỗ xe nhỏ - Tiểu thừa. Ý nghĩa của sự phân biệt Tiểu thừa và Đại thừa là như vậy.

Cứu cánh thành Phật không phải là ý tưởng mới mẻ của các nhà vận động Đại thừa. Ngay trong các kinh điển được cho là nguyên thủy, nhiều vị Phật trong quá khứ thường được đề cập. Và chính đức Thích Tôn cũng huyền ký về vị Phật tương lai kế tiếp Ngài là Phật Di-lặc. Có nhiều chúng sinh đã thành Phật và sẽ thành Phật, như vậy, trong quá khứ cũng như trong hiện tại và vị lai có nhiều chúng sinh đã, và đang tu hành để thành Phật. Thế nhưng, ngay quả vị A-la-hán vốn được nhận thức là thấp như vậy mà đời sống cư sỹ tại gia còn khó có thể thành tựu, huống gì quả vị cao như Phật. Vậy, cần một nền tảng tư tưởng để đề cao cứu cánh ấy. Nền tảng ấy, trước vận động của Duy-ma-cật, là hệ tư tưởng Bát nhã.

Trong nguyên thủy, giáo pháp mà Phật giảng cho đệ tử tại gia tu học là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm thí, niệm giới và niệm thiên. Thực tiễn thường nhật, hành đạo của người tại gia chủ yếu là bố thí, và mục đích là để được sinh thiên. Bố thí, tức là đem tài sản của mình sở hữu phân phát cho người khác. Trước hết, tài sản được sử dụng như là phương tiện hộ đạo. Bằng tài sản sở hữu của mình, cư sỹ tại gia cung cấp cho chúng xuất gia bốn nhu yếu sinh tồn: thực phẩm, y phục, thuốc trị bệnh, và các phương tiện cư trú. Bố thí cho những người nghèo khổ cũng là hình thức hành đạo của người tại gia.

Trong Đại thừa, sự hành đạo chủ yếu của Bồ-tát cũng vẫn là bố thí. Nhưng, trên nền tảng tư tưởng Bát nhã, sự bố thí bây giờ không thuần chỉ là sự ban phát của cải vật chất, mà là phương tiện dẫn vào bản thể thâm sâu của thực tại. Sự bố thí ấy không nhằm mục đích sinh thiên nữa, mà là nhằm thẳng đến cứu cánh thành Phật. Nội dung của bố thí không chỉ thuần của cải vật chất nữa, mà bao hàm cả ba phương diện: Tài thí, pháp thí và vô úy thí. Để thực hành tài thí, Bồ-tát phải giàu có. Để thực hành pháp thí, Bồ-tát phải có kiến thức uyên bác. Để thực hành vô úy thí, Bồ-tát cần có nghị lực và dũng cảm. Như thế, Bi-Trí-Dũng là phương châm hành đạo của Bồ-tát.

Chúng ta cũng thấy rằng các Bồ-tát với sự hành đạo như vậy không phải hoàn toàn là lớp người mới, hay một thế hệ Phật tử mới, hay những người mới quy y mà tập quán tư tưởng cố hữu chưa dứt bỏ. Mà đó lại là các đệ tử kỳ cựu trong hàng đệ tử xuất gia của Phật. Như ngài Subhuti (Tu-bồ-đề) chẳng hạn.

Subhuti là một Đại thanh văn, mà môn vô hành tam muội của ngài không có vị Thanh văn nào khác



có thể so sánh. [20] Trong Kim cang Bát- nhã, khi Subhuti hỏi về ý nghĩa phát bồ đề tâm và làm thế nào để củng cố và phát triển tâm bồ đề ấy, Phật chỉ ra pháp môn tu tập thích ứng là bồ thí ba-la-mật. Chỉ duy nhất

bằng vào bồ thí ba-la-mật, Bồ-tát có thể thành tựu nhiều Phật pháp vi diệu khác như thành tựu giới đức, chứng đắc các thiền định và tam muội, thể hiện được trí tuệ.

Để chứng quả A-la-hán, tỳ kheo cần có thiền định. Muốn có thiền định, tỳ kheo cần ở những nơi yên tĩnh, cần sống trong những khu rừng vắng vẻ. Nhưng Bồ-tát có thể thực hành bồ thí ba-la-mật ngay giữa thế gian náo nhiệt. Do thế, giải thoát của Bồ-tát không thể nhận thức được một cách hợp lý bằng tri thức thường nghiệm. Và do ý nghĩa này, đời sống hành đạo của Duy-ma-cật được nói là bất tư nghị giải thoát.

Trong nguyên thủy, giải thoát được hiểu là diệt trừ phiền não ô nhiễm, dứt sạch tham, sân, si, để chứng nhập niết-bàn. Còn trong Duy-ma-cật sơ thuyết, giải thoát có nghĩa là gì, và mục đích hành đạo của Bồ-tát là gì? Ngay giữa dòng đời ô nhiễm mà không hề bị ô nhiễm, vì bản chất của tồn tại là vô nhiễm. Cho nên, hành đạo và giải thoát của Duy-ma-cật nhằm đến một cứu cánh hiện thực. Cứu cánh ấy được thể hiện qua hai phương diện, tuy hai nhưng là một thực đối bất nhị. Hai phương diện đó là tịnh Phật quốc độ và thành tựu chúng sinh. Chúng ta gọi đó là tông chỉ của Duy-ma-cật sơ thuyết.

III. CƠ SỞ TƯ TƯỞNG

Như đã biết, Duy-ma-cật sơ thuyết còn có một tên khác nữa là Bất tư nghị giải thoát. Đó là tên kinh mà cũng là tông chỉ của kinh. Chúng ta có thể đi sâu vào tông chỉ của kinh qua hai phạm trù: tông thể và tông dụng. Tông thể là cơ sở tư tưởng để từ trên đó Bồ-tát triển khai thực tiễn hành đạo của mình. Tông dụng là mục tiêu và cũng là thực tiễn hành đạo của Bồ-tát. Như vậy, cơ sở tư tưởng của Duy-ma-cật là bất tư nghị giải thoát, mà thực tiễn hành đạo của Duy-ma-cật cũng là bất tư nghị giải thoát. Nói cách khác, ở đây tông thể của kinh là "nhập bất nhị pháp môn" và tông dụng của kinh là "tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sinh."

Từ quan điểm triết học mà nhìn, chủ điểm mà kinh lấy làm nền tảng và triển khai nhận thức về thực tại là nguyên lý bất nhị (advaita). Để nhận thức được thực tại chân thực, Bồ-tát cần đi qua cánh cửa bất nhị.

Nguyên lý bất nhị hướng dẫn nhận thức khởi đi từ những thực tại sai biệt mà khám phá ra thực tại tối hậu là Tuyệt đối thể ngay trong các tồn tại sai biệt ấy. Tức siêu việt những mặt đối lập của thực tại vốn chỉ tồn tại trong thế giới danh ngôn và khái niệm, như sinh và diệt, nhiễm và tịnh, sinh tử và Niết-bàn. Trước hết, hiện thực được phơi bày với bản tính mâu thuẫn nội tại của nó. Các khái niệm mâu thuẫn nhau, loại trừ lẫn nhau, cùng tồn tại như là yếu tính của tồn tại, khiến cho hiện thực xuất

hiện trước nhận thức như là thực tại hư huyền, và như vậy nhận thức không có nội dung, trống rỗng.

Thế nhưng, thực tại tối hậu, mà nhận thức đạt được ở đây như là Tuyệt đối thể, nguyên lai là chính thể thống nhất của hai thái cực mâu thuẫn biện chứng.

Tuyệt đối thể đó là kết luận của quá trình tư biện, là giới hạn của tri thức duy lý. Nó tồn tại như khái niệm vô hạn hay vô cực trong toán học. Bản thân của khái niệm vô hạn là một nghịch lý toán học. Không một phép toán nào khả dĩ chứng minh tồn tại hiện thực của một thực thể vô hạn. Nhưng nếu loại bỏ khái niệm vô hạn, thì không một phép toán nào khả dĩ được thực hiện trong toán học. Cũng vậy, Tuyệt đối thể là một khái niệm nghịch lý trong triết học. Nguyên lý bất nhị không thủ tiêu các mặt đối lập và mâu thuẫn của hiện thực để cho nhận thức đối diện một thể giới trống rỗng, hư vô. Nguyên lý bất nhị dung hợp các mặt đối lập và mâu thuẫn của hiện thực thành một Tuyệt đối thể. Nhưng Tuyệt đối thể không được nhận thức trong từng hiện thực sai biệt; và lại, ngoài hiện thực sai biệt cũng không thể nhận thức được Tuyệt đối thể. Nguyên lý bất nhị đẩy nhận thức diễn qua nhiều đợt khủng hoảng, để rồi cuối cùng đạt nhận thức trước, hay trong, một thực tại vô ngôn, hoàn toàn im lặng.

Nguyên lý bất nhị, mà cũng là thực tại bất nhị, là giải thoát bất tư nghị, như vậy là cánh cửa giao thông cho Bồ-tát qua lại giữa Niết-bàn và sinh tử. Nếu không được trang bị bằng nguyên lý bất nhị, Bồ-tát sẽ không đủ nghị lực và dũng mãnh để trụ vững trên bờ đề tâm, dù chưa đoạn tận phiền não. Do đã thấu triệt nguyên lý bất nhị mà thiên nữ, hiện thân như là thị nữ của Duy-ma-cật, đã đề xuất một tiền đề khiến cho ngài Xá-lợi-phất phải sửng sốt: đam mê dục vọng, thù hận, và vô minh, chính là chân tính của giải thoát.

IV. THỰC TIỄN HÀNH ĐẠO

Trong Duy ma kinh huyền sơ, Đại sư Trí Khải phân tích nội dung của kinh theo năm lớp huyền nghĩa, trong đó huyền nghĩa thứ ba, thứ ba, tông chỉ của kinh, là nhân và quả của Phật quốc bất khả tư nghị. Bởi vì ý nghĩa Phật quốc được giới thiệu ngay ở phẩm tựa, theo bản dịch của Huyền Tráng, mà theo bản dịch của Cư-ma-la-thập thì có tiêu đề là phẩm Phật quốc. Theo đó, cư sỹ Bảo Tích (Ratnarāsi), trưởng đoàn của năm trăm cư sỹ, sau khi cúng dường và xưng tán Phật, bày tỏ ước nguyện muốn nghe Phật nói về sự thanh tịnh của quốc độ Phật và hành động của Bồ-tát để thành tựu quốc độ thanh tịnh ấy.

Ở đây, căn cứ theo thỉnh cầu của cư sỹ Bảo Tích, chủ đề của kinh có thể nói một cách vắn tắt, gồm hai khía cạnh: tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sinh.

Nhưng, Phật quốc ở đây cần được hiểu như thế nào? Nói theo ý nghĩa tổng quát nhất, đó là phạm vi mà trong đó giáo pháp của Phật được lưu truyền. Hoặc nói, đó là môi trường chịu ảnh hưởng giáo hóa của một đức Phật nhất định trong một thời gian nhất định. Hoặc nói rõ hơn, và gọn hơn, đó là thế giới của Phật.

(xem tiếp trang 133)

Nơi dòng sông đi qua

THÍCH NỮ HẠNH TÂM

Ni Liên Thiên, tên gọi dòng sông gắn liền với sự chứng đắc của bậc Thánh nhân xuất thế. Thái tử Tất Đạt Đa từng đến khu rừng khổ hạnh bên dòng sông tham thiền tĩnh tọa và đã tìm ra con đường thoát khổ cho muôn loài. Dòng sông êm trôi lặng lẽ bắt đầu cất lên tiếng nói từ đạo ấy.

Hơn hai mươi lăm thế kỷ trước... một sự kiện quan trọng từng xảy ra bên dòng sông Ni Liên Thiên để rồi từ đó, dòng sông bé nhỏ hiền hòa được người đời nhắc đến với tất lòng cảm kích tôn trọng. Là chứng nhân đặc biệt, Dòng Sông thường kể lại câu chuyện mà mình từng chứng kiến:

... Một buổi sáng ngày cuối đông, cuộc sống im lìm của cư dân quanh khu rừng bỗng sôi động hẳn lên. Người người bảo nhau:

- Mọi người đến mà xem. Là lắm. Hoa rừng nở rộ bên dòng sông Ni Liên Thiên kia.

Không chỉ vậy, họ còn bảo trong khu rừng có cả muôn loại chim cùng tụ về hót vang rộn rã. Hoa nở chim hót vào mùa đông, quả là điều khác thường. Có người hiểu biết vội lên tiếng giải thích: "Đức Phật Thích Ca vừa chứng đạo quả bên khu rừng, nên mới có điềm lành xuất hiện như thế đây."

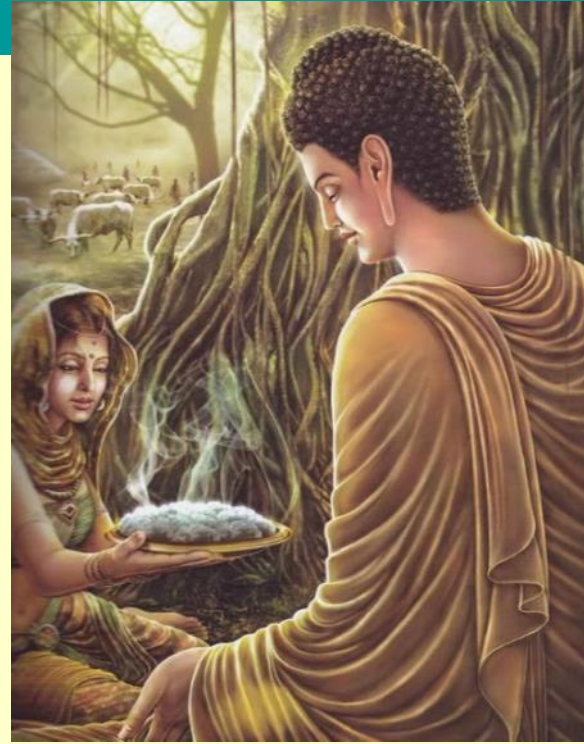
Con người thông thái ấy lại kể cho dân làng nghe về dòng đời xuất thân của Thái tử Tất-Đạt-Đa cùng lời tiên đoán của vị tiên A Tư Đà khi người vừa chào đời tại xứ Ca-Tì-La-Vệ xa xôi nào đó. Đến tuổi trưởng thành, Thái tử đã chọn con đường tu tập sau khi chứng kiến cảnh sanh lão bệnh tử đầy khổ lụy của kiếp người. Từ bỏ ngai vàng điện ngọc, vợ đẹp con ngoan... Thái Tử cùng người hầu cận Xa Nặc vượt thành trốn đi trong đêm. Từ đó... trải qua nhiều năm tu hành khổ hạnh cho đến ngày chứng đạo, Người vẫn chưa một lần trở lại quê hương...

Dòng sông yên lặng lắng nghe và cảm nhận rất rõ điều gì đang xảy ra. Hơn ai hết... chính Dòng Sông đã chứng kiến gần

như toàn bộ quá trình tu tập và chứng ngộ của Sa môn Cù Đàm trong suốt sáu năm qua. Sông cũng biết là thời gian trước đó, Sa môn từng đi nhiều nơi tìm sư học đạo và thọ giáo với các vị danh sư đạo hạnh. Ngày qua tháng lại, không bao lâu Người sớm nhận ra là không pháp tu nào khả dĩ có thể đưa đến một chân trời an lạc giải thoát toàn mỹ. Cuối cùng, Sa môn quyết định tìm đến khu rừng vắng vẻ và tự mình nỗ lực chuyên tâm thiền định...

Hôm ấy, cảnh tượng bên Dòng Sông thật lạ thường. Mặt đất tỏa sáng, chim chóc kéo về làm tổ đông vui nhộn nhịp hơn mọi ngày. Và kia... dưới gốc cây cổ thụ cao to, một vị Sa môn đang ngồi tư duy tịnh niệm. Khu rừng Khổ Hạnh xưa nay thường có những vị đạo sĩ sa môn tìm đến tu tập. Nhưng vị Sa môn này, Dòng Sông nhận ra một điều phi phàm khác hẳn. Vóc dáng gầy gò trong mảnh y bạc màu sương khói, ấy thế mà sắc tướng của Người sáng diệu như trăng rằm, nội tâm tĩnh lặng, tâm đức cao ngời như vầng thái dương chiếu tỏ xuống mặt đất âm u tăm tối. Người ngồi yên lặng suốt ngày thâu đêm và chỉ đứng dậy khi bóng mặt trời lên cao, thư thả đi lại rồi cúi xuống nhặt vài hạt đậu mè mà chim rừng thả về xuống vãi bên gốc cây dùng làm bữa ăn duy nhất trong ngày. Đã sáu năm trôi qua, Sa môn Cù Đàm—dân làng thường gọi người như vậy—chưa từng bước xuống dòng sông. Người cũng không bận lòng đến sự thay đổi thời tiết nắng mưa, không nghe cả tiếng chim hót thú kêu. Trong cõi lòng sâu thẳm của Người chỉ chuyên chú vào một điểm duy nhất. Đó là tìm ra con đường an vui giải thoát cho khắp cõi nhân sinh vũ trụ.

Sáu năm ròng rã chuyên tâm tu khổ hạnh, Sa môn đuổi sức dần. Khi nhìn thấy vị chơn sư gần như ngất lịm bên bia rừng, Dòng Sông vội cất tiếng kêu cứu nhưng chỉ nghe tiếng xào xạc của



lá cây cùng dòng chảy miên man vọng lại giữa chốn đại ngàn xa thẳm. Sông ngơ ngác kiếm tìm. Đây rồi... cô gái chần chừ vừa bước đến. Cô nhiều lần đến đây nên thường gặp vị Sa môn có phong thái thoát tục đáng kính. Nhận ra vẻ tiêu tụy, hơi thở thoi thóp của Người và cô chợt hiểu ra vấn đề. Không chần chừ, cô vội lấy bát đi xuống sông rửa sạch, vắt lấy sữa cừ, sau đó đổ vài giọt sữa vào miệng Sa môn. Người hồi tỉnh, mở mắt nhìn chung quanh. Cô gái nhỏ—vì thuộc dòng tộc thấp kém hơn—nên chỉ dám dâng bát sữa từ xa cúng cho vị Sa môn. Nhờ bát sữa, Sa môn Cù Đàm hồi phục sức lực nhanh chóng. Dùng xong, Người đặt bát xuống gốc cây rồi thầm chú nguyện cho cô gái.

Mặt trời ngả dần về Tây. Không gian sáng bừng trước mắt bậc đại giác vừa bước qua dòng thác vô minh vọng tưởng. Lắng đọng tâm tư trong khoảnh khắc thời gian hiện hữu, Sa môn đứng dậy đi lần ra bờ sông và lần đầu tiên Người bước xuống tắm rửa, gội sạch hết trần cấu bám chặt trên cơ thể lâu nay. Dòng sông trong xanh mang hương vị nồng dịu của muôn thứ cỏ hoa khiến tinh thần Người trở nên sáng khoái minh mẫn. Sau khi lên bờ, Người đã kịp nhận ra một chân lý tối thượng. Người biết mình đi gần tới đích của con đường. Cần phải trải nghiệm thêm một giai đoạn ngắn nữa để chứng thực. Quán xét lại sự tu tập trước nay, Sa môn nhận ra một điều chính yếu. Không thể



có sự chứng ngộ trong một thân thể gầy mòn suy kiệt cùng tâm hồn khô cứng như sỏi đá. Con đường trung đạo là bước khởi đầu để vươn tới một chân trời an lạc vĩnh cửu. Chơn lý giải thoát rồi sẽ tìm ra trước khi ánh bình minh tỏa rạng.

Thời khắc diệu mầu ấy đã xảy ra vào đêm mùng 8 tháng chạp, đêm trăng rằm xứ Phật cũng đủ cho Dòng Sông cảm nhận một sức sống mới đang lan tỏa. Ánh trăng trên bầu trời soi sáng cả lòng người. Sa môn Cù Đàm vừa trải qua giai đoạn tranh luận mạnh mẽ với nội tâm, khắc phục hết mọi ma chướng vây bủa. Từng bước... rồi từng bước chậm rãi trôi qua... bức màn vô minh được vén mở dần, để lộ cả khoảng trời trong xanh dịu vợi. Từng đợt sóng trần trôi qua rồi vụt tan biến nhanh như chưa từng hiện hữu trong tâm trí rạng chiếu của Bạc giác ngộ. Một thân xác tự tại trong một trạng thái an nhiên tạo thành vùng hào quang sáng rực quanh gốc cây bồ đề Phật tịnh tọa. Có cả ánh sáng của chư Thiên, Long, Thần... hiện đến từ khắp tứ để hầu cận và tận cảm

bao điều kỳ thú trong giây phút Phật chứng đạo quả vô thượng bồ đề.

Chứng kiến cảnh tượng ấy, Dòng Sông vội dừng hết mọi cuộc phiêu du của mình. Thời khắc quan trọng đang đến. Bạc Đại giác đã chứng ngộ. Một vị Phật sắp ra đời. Thế gian tăm tối rồi đây sẽ được tận hưởng ánh sáng huy hoàng của ánh đạo từ bi bất diệt. Cuộc đời khổ đau bởi mãi đắm chìm trong vòng vây tranh chấp vị kỳ, bởi những ham mê dục lạc, rồi sẽ được tắm gội bên dòng nước thuần lương thanh khiết. Không gian mở rộng và thời gian gần như ngưng đọng dưới chân Bạc Đại giác. Cảnh vật bên dòng sông bỗng trở nên vi diệu, thâm trầm và sắc nét đến diệu kỳ. Trước lúc ánh ban mai đánh thức muôn loài, Sa môn Cù Đàm xả thiền và hoàn toàn chứng ngộ đạo quả xuất thế. Người rời khỏi gốc cây Pippali mà sau này được gọi là cây Bồ đề, rời khỏi khu rừng thiêng yên tịnh để tìm về với phố thị xóm làng. Trước tiên, Phật đến vườn Lộc Uyển chuyển Pháp luân độ cho năm vị sa môn đồng học ngày

trước còn tu tập tại đây. Thế rồi trong suốt bốn mươi chín năm hành đạo, bánh xe chánh pháp lưu chuyển khắp cả lưu vực sông Hằng. Những nơi đi qua, đức Thế Tôn đều mang đến niềm tin ánh đạo, cứu khổ cho muôn triệu mảnh đời đang chìm đắm trong bể ái nguồn mê.

Người ta bảo sông Ni Liên Thiên là con sông huyền thoại, là dòng sông thiêng. Chỉ có dòng sông mới biết rõ tính chất rất đổi bình thường dung dị của mình. Vì là chứng nhân nên người đời đã không bỏ quên nó. Vì mang dòng chảy đi qua nơi đức Thế Tôn từng tu tập thành đạo nên dòng sông trở thành nguồn cảm xúc thiêng liêng vô tận với những ai một lần bước chân đến.

Theo dòng thời gian, người người tìm đến Khổ hạnh lâm, Bồ đề đạo tràng để chiêm bái lễ lạy thánh tích nhưng vẫn không quên trái lòng lắng nghe dòng sông đang miên man kể lại câu chuyện một thời còn lưu dấu.

Thích Nữ Hạnh Tâm

CỤC LẠC HOA KHAI

Tin từ gia quyến và pháp lữ cho hay:

Cư sĩ **ĐẶNG NGỌC CHỨC**

Pháp hiệu: **TỊNH MINH**

sinh năm 1947 (Đinh Hợi) tại Phù Cát, Bình Định

Vừa mãn phần lúc 9 giờ tối ngày 12/11/ Quý Tỵ (14-12-2013) tại Sài-gòn, Việt Nam
Hưởng thọ: 67 tuổi.



Đôi nét về Thầy Đặng Ngọc Chức:

- Nguyên Hiệu trưởng Trường trung học đệ nhất và đệ nhị cấp Bồ Đề Ninh Hòa, Khánh Hòa.
- Nguyên giảng viên Phân khoa Phật học Viện Đại Học Vạn Hạnh, Sài Gòn, Việt Nam.
- Nguyên giảng viên Anh ngữ tại Già Lam (1980 – 1984), một số Trường Đại học và Học Viện Phật Giáo Việt Nam
- Nhà Nghiên Cứu Phật Học, đã để lại hàng chục tác phẩm, dịch phẩm giá trị cùng hàng trăm bài viết về Nhân Vật Phật Giáo Việt Nam.

Những tác phẩm đã ấn hành:

- *Từng Giọt Nắng Hồng* (Truyện Tích Kinh Pháp Cú), tập 1, tập 2, tập 3, 121C, Pháp Tạng Phật Giáo Việt Nam. (Soạn dịch Anh-Việt)
- *Thi Kệ Pháp Cú Kinh* (Biên dịch, song ngữ Anh-Việt)
- *Cuộc Đòi Đức Phật* (Biên dịch Anh-Việt)
- *Đức Phật Và Giáo Pháp Của Ngài* (Biên dịch, song ngữ Anh-Việt)
- *Nguyên Tắc Dẫn Giảng Trước Thánh Chúng* – Tài liệu dành cho tân giảng sư. (Biên soạn)
- *Minh Tâm Bảo Giám Tinh Tuyền* (Biên dịch, song ngữ Hán-Việt)
Thành kính chia buồn cùng gia quyến.

Nguyện cầu hương linh cư sĩ Tịnh Minh vãng sinh Cực lạc quốc.

Nam mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

- **Chư tôn đức và cư sĩ thành viên Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Hoa Kỳ**
 - **Ban chủ trương và Ban Biên Tập Nguyệt san Chánh Pháp**
 - **Hội Thân Hữu Già Lam cùng các học trò cũ tại hải ngoại**
 - **Ban Bảo Trợ Phiên Dịch Pháp Tạng PGVN**

RẤP TÂM CHIẾM HỮU TƯ TÌNH XẢO NGÔN MƯƠ MỌ ĐIỆU LINH TÀN ĐỜI

Tịnh Minh soạn dịch theo *Pháp Thoại Pháp Cú*

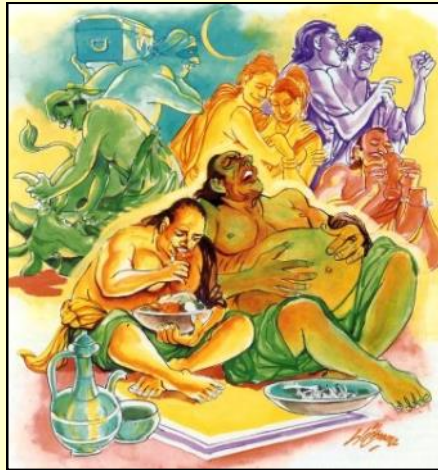
Truyện kể rằng trải qua trăm ngàn kiếp luân hồi sanh tử, khi hiện thân ở nhân gian, lúc thác sanh nơi thiên giới; khi là thiện nam, lúc là tín nữ; cuối cùng Thanh Liên (Uppalavanna) đầu thai vào nhà một thương gia giàu có tại thành Xá-vệ dưới dạng một ái nữ kiều diễm, nổi bật nhất là nước da xanh tươi mơn mớn tợ đài sen nên nàng được đặt tên là Thanh Liên. Đến tuổi lập gia đình, tất cả các công tôn vương tử, nghệ sĩ thương nhân từ khắp nơi tranh nhau đến nhà nàng xin cầu hôn. Thấy con gái mình mỗi ngày một rực rỡ như đóa sen xanh dưới ánh nắng hồng, rồi ong bướm tới lui, rập rờn qua lại, nhất là khái niệm: "Trai chưa vợ như ngựa không cương, gái để thương như bom mìn nổ chậm" cứ lâng lâng trong đầu, nơm nớp ái ngại, khiến cha nàng trầm nghĩ:

- Đúng là mỗi nhánh môi hoa, mỗi nhà một cảnh. Có đứa con gái thông minh tú lệ thế này mà nhờ xảy ra bề gì thì không những tội nghiệp cho con mà còn tổn thương danh giá đến gia tộc. Tuy không thể đáp ứng hết nguyện vọng của con nhưng ta đã có cách.

Ông gọi Thanh Liên đến, ôn tồn nói:

- Con ơi, con biết đấy! ...Cha mẹ chỉ có một mình con duy nhất. Gia nghiệp đồ sộ, uy thế vững vàng. Lâu nay biết bao thanh niên thuộc dòng trâm anh thế phiệt, vương tướng công hầu đến cầu hôn con, nhưng con vẫn một mực từ chối. Cha mẹ không đoán ra ước vọng của con, không thỏa mãn được chí nguyện của con. Cha mẹ buồn lắm! Nếu con thấy trần gian tạm bợ, thế sự vô thường; con chán cảnh tay xách nách mang, chân quàng duyên nợ thì con nên xuất gia đầu Phật, gia nhập Ni chúng, tinh tấn tu hành cho đạt thành chánh giác. Được thế là con đã dương thanh danh, hiển phụ mẫu, báo hiếu cứu huyền thất tổ, đền đáp trọn vẹn bốn ân. Ý con thế nào?

Như hạn hán gặp mưa rào, khổ nghèo được châu báu, nàng sung sướng đáp:- Thưa cha, con muốn



tu hành phạm hạnh, tránh nghiệp hồng trần. Con muốn xuất gia.

- Hay quá!... Vậy là ý nguyện của con hợp với hoài vọng của cha rồi.

Sáng hôm sau, hai cha con đến yết kiến Thế Tôn, và Thanh Liên được vào Ni viện.

Nếp sống tu hành khiêm cung, dung dị và rất phù hợp với những người cùng chung chí hướng. Ít lâu sau, cô được phân công chăm sóc một thiền thất đặc biệt, dành riêng cho việc tịnh tâm quán niệm. Một hôm, sau khi quét dọn và thắp đèn xong, cô nhìn ngọn đèn dầu bập bùng nhảy múa một lát rồi đứng yên sừng sững như một mũi kiếm tỏa ánh hào quang. Cô ngồi lặng người, nhìn trân trân ngọn đèn không chớp mắt. Cô tập trung tư duy quán tưởng về những nguyên tố tạo ra ánh lửa và từ từ đi vào chánh định lúc nào không hay. Đến khi xả thiền, cô chứng quả A-la-hán với thần thông diệu dụng, pháp lực cao cường.

Ít hôm sau, cô vào làng thiền hành khất thực, rồi vô rừng ẩn cư dưới một tàng cây bên vách đá. Thấy cô quyết tâm hành đạo, tịch tịnh công phu, các Phật tử chung nhau xây cho cô một thảo am tương đối ổn định. Thế là cô ngày ngày vào thành Xá-vệ khất thực, xong lui về trú xứ nỗ lực tinh cần,

phát huy đạo nghiệp. Bấy giờ có A-nan-đa (Ananda), một thanh niên Bà-la-môn, anh họ của cô, đã âm thầm phát điên vì cô từ khi cô chưa xuất gia nhưng chưa có cơ may tiếp cận. Nay được tin cô sinh hoạt một mình trong rừng, cậu quyết ra tay thực hiện mưu kế để thỏa mãn dục vọng. Cậu manh tâm rình rập, chờ đến một sớm mai nọ, như thường lệ, cô bưng bát thiền hành khất thực, cậu bí mật lên vào thảo am, chui nằm dưới gầm giường, chờ giây phút nồng nàn mà cam chịu kiến vàng đốt chích thân thể.

Khất thực xong, cô về am thất, đóng cửa, thay đồ, và vừa ngồi xuống giường thì A-nan-đa từ dưới gầm giường chui vọt ra, chụp hai vai nàng lật ngửa và đè nàng xuống. Mặc cho nàng vùng vẫy, quát mắng: "Đồ khốn nạn!... Đồ khốn nạn! Buông ta ra!... Buông ta ra! Bà con ơi cứu tôi với! Bà con ơi cứu tôi với!" Rất tiếc, lời cầu cứu của cô quá lẻ loi, đơn độc, mất hút giữa núi rừng. A-nan-đa tha hồ tung hoành bạo lực, vung vít ngôn từ, rồi vội vã ra đi, mặc cho cô ngắt xiu trên tấm ván gỗ.

Vừa lo sợ, vừa ân hận, A-nan-đa cầm đầu cầm cổ đi một mạch. Bất giác cậu sa chân xuống một hố sâu. Cậu cũng cất giọng thất thanh cầu cứu: "Bà con ơi cứu tôi với!... Bà con ơi cứu tôi với!" nhưng giọng điệu của cậu cũng lẻ loi, đơn độc và mất hút giữa núi rừng. A-nan-đa chết thể thảm dưới lòng hố lạnh, và chắc chắn堕 vào địa ngục A-tỳ.

Đến lúc tỉnh dậy, Thanh Liên, vì đau buồn âm ức, đem chuyện riêng kể cho một thân hữu nghe. Cô này mau miệng mách chuyện với các thầy, và các thầy liền trình vụ việc lên Thế Tôn. Được tin, Thế Tôn họp chúng, dạy rằng:

- Nay các thầy Tỳ-kheo, kẻ ngu si thiếu trí, thô lậu hồ đồ, dù xuất gia hay tại gia, Tăng Ni hay Phật tử, vương tử hay thường dân; nói chung, những ai ham mê khoái lạc, sắc dục trần gian đều buông lung phóng túng, nhếch nhác bê tha; không biết rượu

nồng là thuốc độc, mỹ vị là bùa mê; cứ ngựa cổ khê khà, dang tay bầu víu. Họ đang phóng tâm tạo tội, hủy diệt giống nòi mà cứ tưởng như thể đang nhắm nháp đề hồ, ngậm nghe đường mật. Tiếc thay!

Ngài đọc kệ:

*Ác nghiệp chưa chín muồi,
Kẻ ngu tưởng đường mật,
Ác nghiệp khi chín thật,
Kẻ ngu gánh khổ đau.*
(PC. 69)

Nhưng rồi một đêm nọ, sau thời tịnh niệm, một số sư trẻ còn thắc mắc, ngồi nán lại trong chánh điện, tiếp tục luận bàn và đánh giá sự thể. Sư Quảng Điền ra vẻ thông thái, nhanh nhẩu phát biểu:

- Quý huynh đệ thấy đấy, ngay cả những bậc đạo cao đức trọng, suốt đời ẩn cư trong hang động núi rừng, đã vượt ra ngoài vòng vây hãm của lạc thú đam mê; vậy mà mỗi khi gặp nữ sắc là tâm can dồn dập, huyết mạch căng phồng. Còn họ... chưa phải thánh nhân! Họ đâu phải là cây khô gỗ mục, gò mối đá ong. Họ là những con người bằng xương bằng thịt, cũng ăn uống ngủ nghỉ và hỷ nộ ái ố như mọi người. Họ có quyền yêu thương hưởng thụ và say đắm với nhau. Tự nhiên và dễ hiểu quá!

Thấy ngôn từ của Quảng Điền thao thao, sắc bén, các sư khác ngồi im re, không biết nói gì thêm.

Ngay lúc đó, Thế Tôn bước vào, mỉm cười hỏi:

- Các thầy còn luận bàn chuyện gì mà chưa về phòng nghỉ?

Các sư nhìn nhau, im lặng. Để xua tan nghi hoặc, Thế Tôn tiếp:

- Nay các thầy Tỳ-kheo, những ai đã vượt ra ngoài vòng vây hãm của lạc thú đam mê, ái ân trần thế thì không còn vướng kẹt trong sắc dục nhân tình. Giống như giọt nước rơi trên lá sen, nó sẽ lăn mất chứ không thể đọng lại trên đó. Cũng thế, hạt cải không thể nằm gọn trên đầu mũi kim; nó sẽ vượt mất. Cho nên, tình yêu đôi lứa, ái dục nhân quần có tăng lên gấp đôi, gấp ba lần cũng không khuấy động được tâm trí của người đã đoạn trừ lậu hoặc, dứt bật ái nhiễm. Các thầy thấy sao? Hết phân vân rồi chứ!

- A Di Đà Phật! Các sư đồng chấp tay và cúi đầu niệm.

Ngài đọc một kệ trong phẩm Bà-la-môn:

Như nước trên lá sen,

The Story of Theri Uppalavanna

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (69) of this book, with reference to Theri Uppalavanna.

Once there was a young daughter of a rich man in Savatthi. Because she was so beautiful, with looks so tender and sweet, like a blue lotus flower, she was called "Uppalavanna", the blue lotus.

The fame of her beauty spread far and wide and there were many suitors: princes, rich men and many others. But she decided that it would be better for her to become a Bhikkhuni, a female member of the Buddhist Order. One day, after lighting a lamp, she kept her mind fixed on the flame and meditating on the fire kasina (object of concentration) she soon achieved Magga Insight and finally attained Arahatsip.

Some time later, she moved to the 'Dark Forest' (Andhavana) and lived in solitude. While Theri Uppalavanna was out on her alms-round, Nanda, the son of her uncle, came to her monastery and hid himself underneath her couch. Nanda had fallen in love with Uppalavanna before she became a Bhikkhuni; his intention obviously was to take her by force.

When Uppalavanna returned she saw Nanda and said, "You fool! Do no harm, do not molest." But he would not be stopped. After satisfying himself, he left her. As soon as he stepped on the ground, the earth opened wide and he was swallowed up.

Hearing about this, the Buddha spoke in verse as follows: Verse 69.

***As long as the evil deed does not bear fruit,
the fool thinks it is sweet like honey;
but when his evil deed does bear fruit,
the fool suffers for it.***

At the end of the discourse, many attained Sotapatti Fruition.

The Buddha next sent for King Pasenadi of Kosala and told him about the dangers that Bhikkhunis living in forests had to face from irresponsible persons obsessed with sex. The king then promised to build monasteries for Bhikkhunis only in towns or close to the towns.

Translated by

Daw Mya Tin, M.A.,

Burma Pitaka Association,
Rangoon, Burma 1986.

*Đầu kim hạt cải mèn,
Dục lạc không vướng mắc,
Ta gọi Bà-la-môn.*

Sau đó Thế Tôn cho mời quốc vương Pa-xen-na-đi, Kô-xa-la (Pasenadi Kosala) đến tu viện Kỳ Viên, nói:

- Quốc vương, như ngài đã thấy, càng lúc càng có nhiều nam nữ thanh niên từ già già đình, xuất gia học đạo, tu hạnh giải thoát, ẩn cư trong rừng. Nhưng phụ nữ tu tập trong rừng thì bất tiện quá. Những gã lông bông mắt nết, ngôn hạnh hoang

sơ cứ làng vàng rình rập, chờ cơ hội là đột nhập vào am thất mà tung hoành, gây rối. Các cô khó bề an tâm lập nguyện. Nếu có một tu viện dành cho Ni chúng tu học trong thành thị hay quá.

- Sao Thế Tôn không cho con biết sớm! Quốc vương hoan hỷ nhận lời và hứa sẽ ban hành một đạo luật nghiêm phạt những ai xâm phạm thiền môn và đạo hạnh Ni phái.

Từ đó, nhiều Ni viện mọc lên trong thành, và Ni chúng không được phép ẩn cư tu tập trong rừng nữa.

BẢN CHẤT CỦA TÂM THỨC

Tác giả: His Holiness the Fourteenth Dalai Lama

Anh dịch: Alexander Berzin

Việt dịch: *Tuệ Uyển*

NHỮNG TRÌNH ĐỘ CỦA TÂM THỨC

Có sự phân giới của chúng sinh và không phải chúng sinh, và việc quan tâm đến các chúng sinh cùng hành vi tinh thần trong đời sống hằng ngày của chúng ta, cũng có những trình độ khác nhau. Khi chúng ta thức giấc, khi chúng ta mơ ngủ và khi chúng ta ở trong giấc ngủ sâu và rồi thì khi chúng ta bất tỉnh - ở tại mỗi giai tầng, có một trình độ sâu hơn của tâm thức. Rồi thì cũng ngay tại thời điểm lâm chung khi tiến trình của tan biến của tâm thức tiếp tục sau khi hơi thở chấm dứt - tại thời điểm ấy, lại có một trình độ thậm chí sâu hơn của tâm thức. Chúng ta không có kinh nghiệm của những gì xảy ra tại thời điểm lâm chung, nhưng chúng ta thật sự biết những gì là kinh nghiệm thức giấc và mơ ngủ và vào lúc ngủ sâu như thế nào.



NHỮNG KHÁC BIỆT GIỮA NHỮNG TÂM THỨC CHÍNH VÀ CÁC NHÂN TỔ TINH THẦN

Theo truyền thống Ấn Độ cổ xưa, những sự thực tập tinh thần chính yếu luôn luôn đối diện với tâm thức, thí dụ với định, tập trung chăm chú (định - *samadhi*), và với việc traу đổi quán, phân tích (tuệ quán - *vipashyana*), một thể trạng nhận thức ngoại hạng của tâm thức. Cả hai thứ này đối diện với tâm thức và với khía cạnh suy tư và sử dụng tâm thức; do thế, thật rất thiết yếu để xác định điều gì là tâm thức.

Có nhiều giải thích về những gì tâm thức và những đặc trưng khác nhau của tâm thức. Thí dụ, có một sự khác biệt được thực hiện trong Đạo Phật giữa những tâm thức chính và các nhân tố tinh thần. Trong thực tế, chúng ta có điều này trong tất cả những truyền thống cổ truyền của Ấn Độ.

Trong truyền thống Đạo Phật, có vài sự diễn dịch khác nhau [của sự khác biệt giữa những tâm thức chính và nhân tố tinh thần]. Có hai loại chính: một làm sự phân biệt theo những khác biệt trong đối tượng của tâm thức và thứ kia làm sự phân biệt theo bản chất tự nhiên của tâm thức. Di Lặc, thí dụ thế, trong Phân Biệt Trung Đạo với Cực Đoan, thực hiện vị thế thứ nhất. Cách thứ nhất này về phân biệt theo một sự khác biệt trong đối tượng của tâm: tâm thức chính được tập trung trên một đối tượng như toàn thể, trái lại những tâm thức thứ yếu hay nhân tố tinh thần tập trung trên sự phân biệt những nhân

tố bên trong đối tượng. Với những tâm thức chính, các đối tượng được kinh nghiệm bởi tâm thức như toàn bộ, quan tâm những nhân tố tinh thần hay những tâm thức thứ yếu, ở đây các đối tượng được kinh nghiệm bởi những khía cạnh đặc thù của tâm hay những chức năng của tâm thức.

Bây giờ, trong cả hai thứ này, những tâm thức chính và những nhận tố tinh thần, chúng ta có thể nói về hai đặc trưng rộng: có những thứ đòi hỏi các tâm thức cảm giác và những thứ không đòi hỏi. Những thứ đòi hỏi tâm thức cảm giác và những thứ không đòi hỏi một cơ quan cảm giác là những tâm tinh thần. Bây giờ sự thảo luận của chúng ta đến gần hơn với những gì các nhà khoa học nói đến. Do vậy, chúng ta có những thức cảm giác đối với những thức tinh thần, mặc dù đôi khi tâm được sử dụng chỉ để liên hệ đến những thức tinh thần.

Bây giờ đối với thức tinh thần, có hai lại: một được đem tới bởi nhận thức cảm giác như điều kiện tức thời trước đó và thứ kia không có nhận thức cảm giác như điều kiện diễn tiến tức thời trước đó. Trong những tài liệu của chúng tôi, chúng tôi cũng nói về năm nhân tố chức năng tinh thần luôn hoạt động ở đây với tất cả những tâm thức, kể cả những tâm thức cảm giác. Do vậy, thí dụ, chúng ta có sự phân biệt, cảm giác một trình độ của hạnh phúc, và v.v... Như cho sự phân biệt, điều có nghĩa "có phải nó là thứ này hay có phải nó là thứ nọ," các nhà khoa học nói rằng điều này không xảy ra trên căn bản của những cơ quan cảm giác thấy được mà chỉ trong não bộ. Chúng ta nói nhận thức cảm giác tự nó không nghĩ "điều gì đây là thứ này" hay "điều ấy là thứ kia", nhưng nhận thức cảm giác có [nhân tố tinh thần của] sự phân biệt với nó, thí dụ ánh sáng với bóng tối.

NHỮNG SỰ PHÂN BIỆT XA HƠN

Bây giờ, tư tưởng và các trường phái của Đạo Phật dĩ nhiên cũng có những ý kiến khác nhau về điều này và những ý tưởng quan tâm đến vấn đề nhận thức hoạt động như thế nào. Theo vị thế của Tỳ Bà Sa Luận Sư, thí dụ thế, không có khía cạnh tinh thần được xem như một trung gian cho việc nhận thức điều gì đây, trái lại theo các nhà Kinh Lượng Bộ có một khía cạnh, một phương diện tinh thần, và và đây là những gì được kinh nghiệm thật



sự. Ý kiến thứ hai thì gần gũi với quan điểm khoa học.

Do vậy trong những trường phái Đạo Phật có nhiều sự tranh luận liên quan đến kiểu thức của vấn đề nhận thức hoạt động như thế nào: thí dụ nhận thức liên hệ đến sự thấy. Có thảo luận giữa Kinh Lượng Bộ và Duy Tâm (duy thức), là khi chúng ta nhìn vào một đối tượng có nhiều màu sắc, thì có phải có một số lượng tương đồng của những khía cạnh đa dạng của đối tượng và khía cạnh đa dạng của nhận thức thấy hay không? Hay có phải có những khía cạnh đa dạng của đối tượng được nhận thức bởi một phương diện đơn độc của nhận thức thấy? Hay có phải có một khía cạnh đơn độc của toàn bộ đối tượng đa dạng màu sắc được nhận thức bởi một khía cạnh của nhận thức thấy? Sự giải thích là, bất chấp những màu sắc đa dạng, tâm nhận thức tất cả chúng ta như một tổng thể dường như gần gũi với quan điểm của khoa học.

Đối với những cảm xúc, không có những dạng thức thật sự tương đồng với khoa học. Thí dụ những nhà khoa học đương thời, Paul Eckman - nói rằng thật khó khăn để phân biệt giữa cảm xúc, tình cảm và cá tính. Các nhà khoa học không căn cứ trên những trích dẫn của kinh luận từ những tài liệu cổ điển, mà trên sự khảo sát. Thế nên, nó có thể đầy kết quả đối với sự phối hợp xa hơn trong nghiên cứu: sẽ lợi lạc vô cùng cho cả những nhà khoa học và Phật học.

Như cho những đối tượng, có những thứ có những phẩm chất vật lý; có những thứ có những cách nhận biết sự vật; và rồi thì có những thứ không thuộc vào hai đặc trưng trên, nhưng tuy thế luôn thay đổi, thí dụ thời gian.

BẢN CHẤT TỰ NHIÊN CỦA TÂM THỨC

Bây giờ, đối với nhận thức hay tinh thức, có một hiện tượng được định nghĩa trong những dạng thức của hoạt động tinh thần: hoạt động tinh thần của sự hiểu biết hay tinh thức đối với việc gì đó. Những đặc trưng xác định của nó là (1) rõ ràng, (2) tinh thức, tinh thức về việc gì đó hay nhận thức về việc gì đó, và (3) kinh nghiệm việc gì đó. Trong kinh

ngiệm việc gì đó, có những cảm xúc khác nhau, tích cực hay tiêu cực; nhưng, tuy thế, bản chất của hành vi tinh thần tự nó là trung tính. Cho dù một hành vi tinh thần là hữu ích hay tai hại tùy thuộc vào loại nhân tố tinh thần mà nó thật sự là [và không trên bản chất tự nhiên của nó như hành vi tinh thần].

Thí dụ, sân hận không là một bộ phận của bản chất tự nhiên của tâm thức: nhưng đúng hơn, sân hận tùy thuộc vào những nguyên nhân và điều kiện [nhằm để nó sinh khởi. Bản chất tự nhiên của việc gì đó, trái lại, không gián đoạn từng cơn và không tùy thuộc vào các nguyên nhân và điều kiện nhằm để sinh khởi và hiện diện]. Những nhân tố tinh thần nào đó, rồi thì [chẳng hạn như sân hận], được sản sinh căn cứ trên các nguyên nhân và điều kiện và chỉ trở thành ưu thế lúc ấy.

Khi sân hận được phát triển hoàn toàn, lúc ấy thật khó khăn để phân biệt sân hận với tự tâm thức hay hành vi tinh thần. Tuy thế, qua thực tập, chúng ta có thể nhất tâm để nhìn vào sự sân hận ấy khi nó phát triển, và chúng ta có thể quán sát nó sinh khởi và dừng lại. Tự hành động ấy, của việc quán sát, có khả năng để làm giảm thiểu năng lực của sân hận. Do vậy, khi một thể trạng hay nhân tố tinh thần nào đó sinh khởi, nó có thể bị ảnh hưởng.

Đó là một ít về bản chất tự nhiên của tâm thức.

MỐI QUAN HỆ GIỮ CẢM XÚC VÀ THÂN THỂ

Một vấn đề hấp dẫn khác nữa mà tôi muốn hướng dẫn cho việc nghiên cứu thêm sau đây. Qua sự thay đổi của những yếu tố nào đó của thân thể vật lý, một số cảm xúc nào đó có thể sinh khởi. Sự phát triển một thái độ tinh thần cũng có thể ảnh hưởng những sự thay đổi nào đó trong thân thể. Lấy thí dụ, sân hận và thù oán. Khi sân hận xảy ra, sự tuần hoàn máu trong một bộ phận nào đó của não bộ là lớn mạnh hơn; trái lại một bộ phận khác của não bộ trở nên nặng động hơn với tư bi. Cho nên, trong trình độ vi tế, chúng ta cần khảo sát với những gì đến trước: một sự thay đổi trong não bộ đem đến một cảm xúc, hay một cảm xúc mang đến một sự thay đổi trong não bộ. Điều này cần nghiên cứu xa hơn.

Thí dụ, có những thay đổi trong tế bào thần kinh. Bây giờ điều này hơi vi tế, nhưng khi chúng ta có một tích lũy những thay đổi ở trình độ vi tế, sau đó chúng ta thấy sự thay đổi ở trình độ thô. Khi chúng ta sợ hãi, thí dụ thế, nhiều máu tràn đến chân vì thế chúng ta chạy; khi sân hận đến, nhiều máu chạy đến tay vì thế chúng ta đánh. Vậy nên, chúng ta có thể thấy từ những thí dụ đó rằng mối quan hệ giữa các cảm xúc và thân thể thô phù thay đổi. Sự lưu chuyển của máu, thí dụ thế, là một hình thức thô mà trong ấy sự thay đổi biểu hiện, nhưng ở tại trình độ nào mà ở đây có sự nối kết này giữa những thay đổi trong tinh thần và những sự thay đổi trong thân thể?

Mật tông Đạo Phật và Ấn Độ giáo nói về một trình độ vi tế của năng lượng: hành vi của tâm thức hay tinh thần chuyển động trong ấy. Nó được nói như một loại "gió bên trong (nội phong)" và điều ấy phải muốn nói đến điều gì đây như năng lượng đã làm cho sự nối kết giữa trình độ thân thể thô và hành vi tinh thần. Đây là điều gì đó chung nhất giữa những phân tích của Ấn Độ giáo và Phật Giáo. Cho nên đó là vấn đề thật sự cho các nhà khoa học khám phá: Điều gì là sự trung gian hay cơ cấu cho mối liên



kết cho những thế giới tinh thần và vật lý?

Trong những truyền thống cổ truyền Ấn Độ, cả Phật Giáo và không Phật Giáo, có điều gì đây gọi là một "sự tinh thức tiếp xúc nội tại". [Phật Giáo định nghĩa nó, nhân tố tinh thần mà trong sự tiếp xúc với đối tượng nhận thức, phân biệt rằng đối tượng này là vui, khổ, hay trung tính, và vì thế phục vụ như nền tảng cho việc kinh nghiệm nó với một cảm giác hạnh phúc, khổ não, hay trung tính]. Căn cứ trên sự tinh thức tiếp xúc nội tại này điều kiện đạt được, nhận thức thân thể sinh khởi và đây là điều kiện tức thời trước đây cho nhận thức tinh thần của khổ đau hay vui sướng.

Cũng thế, những cảm giác khác có một vị trí nhận thức ở một giác quan đặc thù - thí dụ, cái thấy ở con mắt - tuy thế, thức xúc giác sinh khởi căn cứ trên những cảm giác thân thể và nó lan rộng toàn bộ thân thể và tất cả những giác quan cảm giác khác. Theo khoa học, những cơ cấu cảm giác của thấy và nghe, v... mỗi thứ có một vị trí nhận thức; nhưng tất cả chúng được liên hệ với não bộ. Tất cả chúng lan tỏa khắp não bộ. Cho nên ở đây, chúng ta phải tìm tra ý kiến về một trình độ nhận thức nào đó đã lan tỏa đến tất cả những trình độ nhận thức khác [vì cả Phật học và khoa học dường như hàm ý rằng có một trình độ như vậy].

Khi chúng ta thẩm tra não bộ, các tế bào thần kinh, chúng ta phải thực hiện một sự phân biệt giữa trình độ thô của tâm thức và một trình độ vi tế hơn. Bây giờ, chúng ta có thể xác định trình độ thô của tâm thức [trình độ của nhận thức cảm giác] cả trong con người và con chó. Nhưng qua những sự khác biệt não bộ giữa cả hai, cho nên có những khác biệt trong tâm thức của cả hai và vấn đề cả hai biểu hiện chức năng như thế nào trên trình độ thô. [Vì thế, thí dụ, những con chó có một cảm giác phát triển cao độ hơn về hửi mùi so với con người]. Nhưng phải có một trình độ vi tế hơn [của tâm thức hay hành vi tinh thần hơn là trình độ cảm giác thô].

Theo mức độ mà ở đây tâm thức tùy thuộc trên thân thể vật lý, có những trình độ khác biệt vi tế của tâm thức. Trình độ thô hơn của nhận thức cảm giác [là tùy thuộc nhất vào thân thể]. Những cảm xúc phiền não, trái lại sẽ ở trong trình độ vi tế hơn của tâm thức., một thứ ít tùy thuộc vào thân thể vật lý. Vậy thì điều gì khác biệt giữa con người và con thú [liên hệ đến những trình độ vi tế hơn của những cảm xúc và giấc mơ?]

Bây giờ chúng ta có những thí nghiệm khoa học để khảo sát tiến trình của sự chết. Loại nghiên cứu này đã diễn ra trong mười lăm năm qua. Nhưng để thử nghiệm thể trạng tinh thần của một người đang chết trong khi các điện cực được gắn vào đầu của người ấy - không ai thật sự đã chết trong khi làm thí

nhệm ấy. Nhưng bây giờ chúng ta cần nghiêm túc hơn về một thể nghiệm như vậy. Chúng ta cần cầu thỉnh người nào đây hãy vui lòng để chết trong khi có những điện cực trên đầu của họ. Nhưng điều ấy là rất khó khăn để yêu cầu; chúng ta phải đợi một cơ hội thích đáng.

Mặc dù không một thử nghiệm nghiêm túc nào được thực hiện để đo lường những gì đang xảy ra qua tiến trình của sự chết, nhưng những luận điểm Ấn Độ đã nói về ba trình độ của hoạt động tinh thần. Trình độ thứ ba chỉ xảy ra trong thời khắc lâm chung. [Một cách đặc biệt hơn, nó xảy ra khi] hơi thở và những chức năng của trái tim đã dừng, nhưng tuy thế, vẫn có một tiến trình nào đó của trạng thái kết quả của hoạt động tinh thần xảy ra. Trình độ này dường như thậm chí ít lệ thuộc trên trình độ vật lý [hơn bất cứ trình độ nào của tâm thức]. Vì vậy, trình độ thô là lệ thuộc trên não bộ và các tế bào thần kinh; còn trình độ vi tế hơn này: đây vẫn là một câu hỏi.

Cũng thế, tôi đã tự hỏi tại sao những cảm xúc phiền não của chúng ta bao gồm [theo sự giản đồ phân loại của Đạo Phật] trên trình độ vi tế, không phải trên trình độ thô. Tại sao chúng ít lệ thuộc vào thân thể vật lý thô phù? Một lần trong một cuộc gặp gỡ với những nhà khoa học tôi đã hỏi, "Không có bất cứ một tiến trình vật lý nào, có thể rằng một hoạt động thuần tinh thần có thể đem đến một tác động thân thể không?" và nhà khoa học trả lời, "Trong lý thuyết là vâng [có thể]; nhưng trong thực tế, là không thể".

Đây không phải là một sự tiếp cận khoa học lắm. Có một thử nghiệm đơn giản có thể hoàn tất. Khóc lóc hay tuôn nước mắt là một phản ứng vật lý đối với một tình trạng tinh thần, nhưng nó có thể xảy ra hoặc là với vui hoặc buồn. Có một khác biệt lớn lao trên trình độ tinh thần giữa hai thứ này, nhưng sự phản ứng thân thể là giống nhau. Nếu khóc chảy nước mắt từ một niềm vui của mắt bên phải và nước mắt chảy ra từ mắt bên trái do buồn rầu, thế thì trên trình độ thân thể vật lý chúng ta có thể phân biệt chúng. Nhưng, không phải là vậy: sự phân biệt không phải trên trình độ thô. Do vậy, để khảo sát trình độ cảm xúc, chúng ta phải nhìn sâu hơn trình độ vật lý thô nhất. Nhưng để khảo sát tâm thức bằng việc nghiên cứu

[chỉ trình độ vật lý của] não bộ - chúng ta cần hỏi rằng điều này vẫn tồn tại việc gì đó chứ, nếu nó vẫn quá tổng quát.

Trong luận lý Phật Giáo, chúng ta nói về những hình thức suy luận khác biệt. Thí dụ, bằng việc quán sát những phẩm chất tương tự trong những thứ giống nhau, chúng ta có thể khái quát hóa và suy ra một đặc trưng. Hay nếu điều gì đây không quán sát thấy những phẩm chất này, chúng ta có thể suy ra rằng nó rơi vào trong một đặc trưng khác. Nhưng những thứ này là [những hình thức lý trí] quá bao quát và không đi đến kết luận cho việc đi đến một quyết định về loại vấn đề này liên hệ đến mỗi quan hệ giữa những cảm xúc và thân thể.

Nguyên bản: **The Nature of the Mind**

Tuệ Uyển chuyển ngữ - Ấn Tâm Lộ ngày 24-7-

2013

http://www.berzinarchives.com/web/en/archives/sutra/level4_deepening_understanding_path/mind_mental_factors/nature_mind.html

Những cánh hoa cuối năm

MẶC PHƯƠNG TỬ

Vào những ngày cuối tháng của năm, tôi có dịp lên thành phố, không khí sinh hoạt nhộn nhịp hẳn lên, bao hình ảnh xem như đã chuẩn bị trước từ nhiều tháng qua, những sắc màu, những âm thanh ấm ì của người, xe cộ và sự va chạm của mọi thứ xung quanh trong cuộc sống quay cuồng, làm chóng mặt và choáng ngợp cả mắt...

Cảm giác đầu tiên làm cho tôi không ít suy tư đến cường độ lao động, và bươn bả của con người hôm nay, khi mà nền công nghiệp hóa đang trên đà phát triển, và mỗi lúc trên lộ trình đối mặt với tầm khoa học cùng các nước trên thế giới. Những công trình đầu tư xây dựng nhà máy, xí nghiệp ở các khu công nghiệp, những công trình dự án mở rộng đường giao thông, những khu đô thị mới, với những chung cư cao tầng, mô hình kiến trúc kiểu mẫu hài hòa, mang đậm nét văn hóa dân tộc, vừa là mang tính hiện đại đang được thi công, để kịp thời gian đưa vào sinh hoạt. Nhưng được biết có những công trình chỉ thực hiện từng giai đoạn, bởi nhiều lý do... dở dang, nên treo lửng thời gian, cũng đành gối đầu năm sau sẽ tiếp.

Quang cảnh ở thành phố lớn vào những ngày chuẩn bị đón xuân, phần lớn được phơi bày một bộ

mặt rạng rỡ, sạch đẹp, lịch sự hơn mọi khi, nhưng cũng không đâu hết những bộn bề, luộm thuộm... phía sau đó. Từ khu vực chợ Bến Thành (Saigon), đường hoa Nguyễn Huệ, Lê Lợi, Bến Bạch Đằng, công viên Văn hóa Tao đàn, Thảo Cầm Viên, Văn Thánh, v.v... Những tiếng xập xình vang ra từ những quán cà phê, những tiếng hô to "Zô" từ lon bia cụng nhau cho một ngày Tết niên. Đạo qua qua khu vực hoa trái, bánh mứt, rượu bia, những thực phẩm tiêu dùng để phục vụ cho 3 ngày Tết, được trưng bày đầy ắp nơi những gian hàng trông rất hấp dẫn. Người mua người bán mặc cả với nhau nghe ồm ồm. Những y phục thời trang "mốt" cũng được diễu hành dọc theo những dãy phố đầy hoa lệ với những sắc màu muôn vẻ của thời nay. Đi đâu rồi cũng thấy "đủ thứ" trên đời. Nhìn chung thì cũng không ngoài những quan yếu cấp bách cho mọi sinh hoạt ăn mặc tiêu xài, thậm chí còn vung vãi hoang phí cho thỏa thích dục tính thường tình trong cuộc sống.

Cuộc sống, luôn diễn biến vô cùng phức tạp của nó, dù trong bất cứ thời đại, xã hội nào đang, sẽ đến hay đã qua đi... Tuy nhiên, phía sau tầm nhìn ấy, là sự thực cổ nhiên, như cái lồng vô

hình được dành cho những thân phận kiếp người, khi họ đang ở trong giai cấp nhẹ tênh nào đó... để nhận lấy không ít túi cực, mà họ phải đối diện giữa lòng cuộc sống muôn mặt này!

"Nếu ta để mắt nhìn về phía trước

Phía sau ta còn lắm kẻ đau thương!"

Thế nhưng, không ai dễ chấp nhận ai, nếu hiểu một cách khác đi, đó chính là lực hấp dẫn, và được chấp nhận bởi một từ trường cùng sở thích. Do đó, cùng cảm thụ khi có mặt với nhau.

Trở lại chuyện ngày cuối năm, phía trước hay bề mặt của một bức tranh được phối thức bởi những nghệ sĩ tài hoa trong cuộc sống, thì ở phía đằng sau đó, sự phản ánh một hình thái, mẩn cảm... điều ấy không ngoài thực tế tất yếu cho bất cứ một xã hội hay bất cứ một thời đại nào. Điều mà chúng ta có thể nói rằng: không có cuộc vui nào kết thúc toại mãn, một khi con người còn dậm đạp lên chính cái bóng của mình, và cái bóng ấy vẫn còn đồ dài về phía trước. Nhưng thế rồi:

*"Có khác gì đâu
Trên những cánh hoa,
Khi giữa ngày thường
Hoa vẫn nở..."*

Ở sau ta, xung quanh ta, trước đây, bây giờ và mai sau, vẫn còn bao người gánh lấy những thân phận... nếu ta để mắt nhìn sâu lắng vào cuộc sống, thì ta sẽ thấy ngay điều đó, như: một người bị vỡ nợ vì chuyện làm ăn, chuyện tất bật vì cơm áo, chuyện hụt hẫng bởi bao lợi dưỡng riêng tư đã bị bào mòn theo năm tháng, chuyện nhần nhục của kẻ làm thuê mượn nơi xứ người, chuyện một cơn bệnh ngặt làm tiêu hết tiền của, chuyện phá sản sau một canh bạc, một em bé cô cút, một cảnh già nua cô độc, một nạn nhân thời cuộc, dị tật, v.v... Tất cả những hoàn cảnh ấy, những mảnh đời và tâm hồn ấy, những nỗi đau ấy, phải chăng ở nơi đó có một mùa xuân đích thực, khi:



"Bên góc phố,
Vía hè, ngõ đời chật hẹp
Ai mang cho giọt nắng vào
chiều đông !"

Với đạo lý của con người, với bao tâm tư từ ái, với tinh thần "lá lành đùm lá rách", đó chính là cái hồn của mùa xuân, và còn nhiều hơn thế nữa, cho dù mặt đất chưa có màu hoa nở, nhưng ta vẫn đi giữa mùa xuân. Đi giữa mùa xuân đây những cảm thông, những yêu thương... thiết nghĩ, ở nơi đó có cánh họa nào đẹp hơn, tuyệt diệu hơn? Ở nơi đó chỉ có hơi thở và hương vị của trái tim, nó luôn lan tỏa về mọi phía của cuộc đời áo lụy này.

Từ bộ mặt được trang hoàng hoành tráng, với những sắc màu diễm lệ, cùng với sự ấm no, những lạc thú thường tình, những tư duy gầy guộc... cùng khi ấy, ánh sáng văn minh, đỉnh cao của lương tâm và lương tri cũng phải được tỏa rộng đến mọi lớp người còn kém phần may mắn, vì họ cũng được có mặt, được quyền sống trong cộng đồng nhân loại, bởi:

"Phải đâu xuân của mênh
mông

Trên màu lá vẫn xanh lòng
bao la".

Hôm nay, một chiều cuối năm, cứ mỗi năm có dịp vào những chiều này, tôi thường ra phố để xem cái cảnh rộn rịp và kết thúc những ngày cuối năm, bao hình ảnh vui buồn, được thua, v.v... không thể dấu được trong ánh, tâm tư.

Vẫn biết rằng; trong những khoảnh khắc này, mỗi gia đình sum họp với nhau bên bàn thờ gia tiên, với làn hương phảng phất giữa tâm linh siêu hình và thực tại, bên chậu cúc, chậu hồng, chậu thước dước, những cành mai vàng chớm nụ, mâm trái cây, bánh mứt, rượu bia, thịt cá, và những thứ tiêu dùng cho 3 ngày Tết.

Thế nhưng, đối với tôi, vẫn thấy những ai đó đang lặng thầm bên bàn thờ Tổ tiên, đơn sơ với cành vạn thọ ta, phong bánh in, với thể nhang loại rẻ tiền, mà khẩn nguyện ông bà về vui Tết với con cháu. Và hơn thế nữa, rồi chiều nay còn thấy những cánh hoa đại bên đường, ngoài hàng giậu, góc tường rêu nhạt, như đang chuẩn bị gởi chút hương vào đêm trừ tịch.

Những ngày cuối năm 2013
MẠC PHƯƠNG TỬ



MÙA XUÂN NHỚ THẦY TUỆ SỸ

*Thầy là một bậc chân tu, một cao tăng thạch đức.
Thầy dày công đóng góp sâu rộng cho Phật Giáo
và văn học Việt Nam cũng như trên thế giới
Qua những công trình khảo cứu, văn thơ, dịch thuật,
Giảng giải Kinh, Luật Luận, tư tưởng triết học Đông Tây
Thầy là thạch trụ, tông lâm của Phật giáo Việt Nam
Nhưng đối với Thầy thì Có Không hay
"Đến đi vó ngựa mơ hồ
Dầu rêu còn đọng bên bờ mi xanh"
hay chỉ là "Hương tan trên dầu lặng
Giai điệu tròn lung linh"
Thầy mãi là, bạch hạc vỗ cánh vô thanh
Qua sông không nhiễm tinh anh phách người.*

thơ BẠCH XUÂN PHÊ

KHỔ VÀ VUI – NỖI TRĂN TRỞ CỦA KIẾP NGƯỜI

Thích Chúc Đại

1. Dẫn nhập

Hạnh phúc và khổ đau không phải là đề tài mới mẻ trên mọi diễn đàn của mọi thời đại, nhưng nó cũng sẽ không bao giờ cũ đối với con người. Bởi con người luôn đang trên đường tìm kiếm hạnh phúc, càng tìm kiếm thì con người càng trần trở và thốn thứt với biết bao câu hỏi tại sao...? làm thế nào...? Và dường như, sự ra đời của mỗi con người đều mang theo những kết quả khác nhau, có người được sinh ra trong hạnh phúc, lại cũng không ít người sinh ra trong sự bất hạnh. Nếu hạnh phúc hay khổ đau của kiếp người là kết quả của những gì đã làm trong quá khứ, thì liệu chúng ta có thể thay đổi được những kết quả ấy trong kiếp sống hiện tại không? Lời giảng dạy của Đức Thế Tôn về khổ đau và hạnh phúc, được ghi lại bằng bạc trong Kinh Tạng, ở đây tác giả xin trích dẫn một bài kinh ngắn trong Tăng Nhất A Hàm, như một lời giải đáp cụ thể nhất cho vấn đề trên.

2. Khổ và Vui

Trong “Tăng Nhất A Hàm”, Phẩm Khổ Lạc (1), Đức Thế Tôn đã khuyên dạy các thầy Tỳ kheo, có bốn hạng người xuất hiện trên cuộc đời này. Thứ nhất, có người trước khổ, sau vui; thứ hai, có người trước vui sau khổ; thứ ba, có người trước khổ sau khổ; thứ tư, có người trước vui, sau vui.

Để giải thích rõ cho bốn hạng người trên, kinh văn đã luận giải như sau:

Thứ nhất: Hạng người trước khổ, sau vui

Thế nào là người trước khổ sau vui? Hoặc có một người sinh nhà tì tiện, hoặc dòng sát nhân, hoặc giới thợ thuyền, hoặc sinh nhà tà đạo, cùng các giới bần khổ khác, áo cơm không đủ. Tuy họ sinh vào những nhà đó, nhưng người kia lại không có tà kiến, thấy rằng: có bố thí, có người nhận, có đời này, có đời sau, có Sa-môn, Bà-la-môn, có cha, có mẹ, đời có A-la-hán, người lãnh thọ giáo pháp, cũng có quả báo thiện ác. Nếu thấy có nhà nào rất giàu, thì họ biết đó nhờ báo đức bố thí, báo không phóng dật ngày xưa. Hoặc họ lại thấy nhà không áo cơm, biết những người này không tạo đức bố thí thường gặp bần tiện. Nay ta lại gặp bần tiện, không có áo cơm, đều do ngày xưa không tạo phước, mê hoặc người đời, hành pháp phóng dật. Duyên báo ác hạnh này, nay gặp nghèo hèn áo cơm không đủ. Khi thấy Sa-môn, Bà-la-môn tu pháp thiện, người ấy liền hướng về sám hối, sửa đổi những việc làm xưa. Nếu có của dư, đem chia cho người. Người này sau khi qua đời sinh về xứ thiện, lên trời. Nếu sinh cõi người thì làm tiền nhiều của báu, không thiếu hụt. Hạng người này gọi là trước khổ sau vui.



Thứ hai: Hạng người trước vui sau khổ

Hạng người nào trước vui sau khổ? Ở đây, hoặc có một người sinh vào nhà hào tộc, hoặc dòng sát-lợi, hoặc dòng trưởng giả, hoặc nhà dòng họ lớn; hoặc sinh vào các nhà giàu sang, áo cơm đầy đủ. Nhưng người đó thường ôm lòng tà kiến tương ứng cùng biên kiến. Họ thấy như vậy: không có bố thí, không có người nhận, cũng không có báo đời này đời sau, cũng không có cha mẹ, đời không có A-la-hán, cũng không có người tác chứng, lại cũng không có báo thiện ác. Người đó có những tà kiến như vậy. Khi thấy nhà giàu sang, họ nghĩ, người này lâu nay vẫn có của báu này; người nam đã lâu vẫn là người nam, người nữ đã lâu vẫn là người nữ, súc sanh đã lâu vẫn là súc sanh. Người ấy không thích bố thí, không giữ giới luật. Khi thấy sa-môn, bà-la-môn vâng giữ giới, người này nổi sân nhuế nghĩ, người ấy hư nguy, nơi nào sẽ có phước báo ứng? Người này sau khi qua đời sinh vào trong địa ngục. Nếu được làm người thì sinh vào nhà bần cùng, không có áo cơm, thân thể lở loét, cơm áo thiếu thốn. Hạng người này gọi là trước vui sau khổ.

Thứ ba: Hạng người trước khổ sau khổ

Hạng người nào trước khổ sau khổ? Ở đây, có người sinh vào gia đình bần tiện, hoặc dòng sát nhân, hoặc giới thợ thuyền; hoặc sinh vào những gia đình hạ liệt, không có áo cơm. Nhưng người này thân ô nhiễm tà kiến, cùng tương ứng với biên kiến, nên họ thấy như vậy: không bố thí, không có người nhận, cũng không có báo thiện ác đời này đời sau, cũng không có cha mẹ, đời không A-la-hán. Người ấy không thích bố thí, không vâng giữ giới. Khi thấy sa-môn, bà-la-môn, người ấy liền nổi sân nhuế đối với các bậc Hiền thánh. Người này thấy người nghèo thì cho rằng đã vậy từ lâu; thấy người giàu thì cho rằng đã vậy từ lâu; thấy cha, xưa đã là cha; thấy mẹ, xưa đã là mẹ. Người này sau khi qua đời sinh vào trong địa ngục. Nếu sinh cõi người thì rất là nghèo hèn, áo cơm không đủ. Hạng người này gọi là trước khổ sau khổ.

Thứ tư: Hạng người trước vui sau vui

Thế nào là hạng người trước vui sau vui? Ở đây, hoặc có một người sinh vào nhà giàu sang, hoặc dòng sát-lợi, hoặc dòng bà-la-môn, hoặc sinh vào dòng quốc vương, hoặc sinh dòng trưởng giả, cùng sinh vào gia đình làm tiền nhiều của. Nơi sinh ra không bị thiếu hụt. Người này sinh vào những nhà như vậy, nhưng người này lại có chánh kiến không có tà kiến. Họ có cái thấy này: có bố thí, có người nhận, có đời này đời sau, đời có sa-môn, bà-la-môn, cũng có báo thiện ác, có cha có mẹ, đời có A-la-hán.

Người này khi thấy gia đình giàu sang lắm tiền nhiều

của, liền nghĩ thầm, người này có được là nhờ ngày xưa bố thí. Hoặc lại thấy nhà nghèo hèn thì nghĩ, người này trước kia do không bố thí. Nay ta nên tùy thời bố thí, chớ để sau này sinh nhà nghèo hèn. Vì vậy nên người này thường thích bố thí cho người. Người này nếu thấy sa-môn đạo sĩ thì tùy thời thăm hỏi sức khỏe, cung cấp y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men trị bệnh; thầy đều bố thí hết. Nếu sau khi mạng chung tất sinh xứ thiện lên trời. Nếu cõi người tất sinh vào nhà giàu sang, lắm tiền nhiều của. Hạng người này gọi là trước vui sau vui.

Qua cái nhìn thấu triệt và lời giảng giải cụ thể của Bạc Giác Ngộ về sự xuất hiện của bốn hạng người ở đời, chúng ta có thể nhận ra rằng, con người có mặt ở đời là do chiêu cảm của nghiệp quá khứ, nhưng con người cũng có thể chuyển hóa nghiệp quá khứ ngay trong hiện tại, bằng cách hướng đến điều thiện, hoan hỷ với điều thiện, biết tin sâu nhân quả. Chúng ta luôn ý thức rằng, những việc làm, lời nói và ý nghĩ của ngày hôm nay là chất liệu để tạo nên hạnh phúc hay khổ đau cho ngày mai. Bên cạnh đó, chúng ta phải biết tin tưởng vào khả năng chuyển hóa, tức là ý thức con người sinh ra không phải bị đóng đĩnh trong một kết quả đã định, ai khổ đau thì mãi khổ đau, ai hạnh phúc thì luôn hạnh phúc. Mà chúng ta phải biết tu tập thiện nghiệp, huân tập thiện nghiệp, nuôi lớn và phát triển thiện nghiệp, dùng tuệ giác để chuyển hóa những khổ đau thành an lạc, chuyển hóa những bế tắc thành niềm hy vọng, chuyển hóa phiền não thành Bồ đề. Nếu ý thức được như vậy, thiết nghĩ cuộc đời chúng ta sẽ có hướng đi mới, hướng đi của hạnh phúc và an lạc.

3. Kết Luận

Khổ đau hay hạnh phúc luôn tồn tại và chi phối trong mỗi con người. Chỉ có điều, hạnh phúc hay khổ đau ấy không phải do ai ban tặng, cũng chẳng phải do một vị thần linh nào sắp đặt cả, mà do chính mình tạo ra. Khi thân, khẩu, ý khởi lên ác nghiệp thì con người sẽ gặt hái quả bất hạnh, bằng ngược lại... sẽ đưa con người sống trong hạnh phúc an vui. Vì vậy, mỗi người hãy **"tự mình là hòn đảo của chính mình, nương tựa mình và nương tựa pháp"**, nỗ lực hành trì thiện pháp, chuyển hóa những hạnh nghiệp bất thiện từ trong tâm thức của chính mình bằng ánh sáng của tuệ giác. Như vậy, con người sẽ không phải vất vả đi tìm kiếm hạnh phúc mà hạnh phúc vẫn luôn hiện hữu một cách chân thật nhất ngay trong cuộc sống hiện tại này.

Thích Chúc Đại

(1) 《增壹阿含經》卷21 (1經) 〈29 苦樂品〉 (大正2, 655a6 -656a5).

Đối chiếu: Thích Tuệ Sỹ dịch, Kinh Tăng Nhất A Hàm, quyển 21, Phẩm khổ lạc, kinh số 1.



ĐI TÌM VÀN THƠ

*Bao năm sống trong phố chợ
Không viết được một vản thơ
Nay ta vào rừng lên núi
Lánh xa cuộc sống xô bồ*

*Ung dung ta lên chóp núi
Ôm mây gối mộng ban đầu
Đêm về làm bạn trăng sao
Sương khuya hờ hững trên đầu*

*Sáng mai mặt trời rực rỡ
Chim muông vui hót líu lo
Cảm nghe trong từng hơi thở
Vui hết bao nỗi âu lo*

*Nhẹ nhàng vản thơ cất cánh
Bay đi khắp bốn phương trời
Âm vang quyện vào làn gió
Tiều phu vui hát dưới đồi.*

*Thành thơ ta vào rừng sâu
Dừng chân bên con suối nhỏ
Cất lên am tranh lộng gió
Đêm cùng giun đế nhỏ to*

*Từng hạt sương sớm long lanh
Đọng trên muôn ngàn cỏ lá
Suối reo đón chào khách lạ
Chim rộn ràng khúc hoan ca*

*Bài thơ viết từ đỉnh núi
Tan như mây trắng nắng hồng
Khúc nhạc viết từ rừng sâu
Trôi theo dòng suối mát trong*

*Nhìn chiếc lá trôi theo dòng
Bồng bênh như kẻ chơi rong
Giật mình xuôi về phố thị
Hành trang vẫn một vản KHÔNG.*

thơ

MỸ HUYỀN

CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN CHÂN HẠNH PHÚC

Nguyên tác: “THE BLUEPRINT OF HAPPINESS” by Ven. ANOMA MAHINDA

Người dịch: **HT. Thích Trí Chơn**

(tiếp theo kỳ trước)

LÒNG TÔN KÍNH ĐỐI VỚI ĐỨC PHẬT

Sự quy ngưỡng và tôn kính đối với đức Phật là một biểu tượng tán dương tính cách vĩ đại của Ngài, và sự an lạc mà chúng ta đã tìm thấy nơi giáo pháp của đấng Giác Ngộ. Đức Phật luôn luôn là tấm gương sáng trong ý tưởng và hành động của một phương thức và cách sống để chúng ta noi theo. Cho nên sự tôn kính này đã được người ta hết lòng diễn đạt qua các môn nghệ thuật, cùng điêu khắc tinh xảo và thắm mỹ nhất mà thế giới đã từng chứng kiến.

Các pho tượng Phật chúng ta thấy, là tượng trưng cho những đức tính và chúng không giống như là các “tấm hình.” Khoảng hàng trăm năm sau ngày đức Thế Tôn diệt độ, những pho tượng này mới bắt đầu xuất hiện. Vào giai đoạn rất xưa của nghệ thuật điêu khắc và hội họa, đức Phật được diễn tả qua hình ảnh của bánh xe Pháp hay dấu chân, và trong vài trường hợp, người ta dùng một khoảng trống hơn là bức họa, để nói lên sự hiện diện của đức Thế Tôn. Các tượng Phật đầu tiên do những người Hy Lạp theo Phật giáo làm ra tại xứ Gandhara (1) miền tây bắc Ấn Độ. Những thợ thủ công Hy Lạp đã tạo nên các tượng Phật giống như tượng thần mặt trời Apollo (2). Những công trình điêu khắc này, và hàng triệu tượng Phật khác sau đó, đã trình bày một biểu tượng cụ thể về đức Phật đối với mọi người.

Đức Thế Tôn đã không dạy những giáo lý bí truyền hay kỳ lạ, Ngài không thuyết giảng điều này cho quần chúng và giữ lại vài điều khác bí mật dành cho một số đệ tử chọn lọc. Giáo pháp nào đức Phật nhận thấy cần cho sự giải thoát của con người, Ngài đã hết lòng truyền dạy cho tất cả.

Tuy vậy, tượng nên biết rằng, mặc dù không có sự phân biệt giữa giáo lý thần bí và phổ biến, nhưng vẫn có sự sai khác đáng kể về trình độ hiểu biết giữa hàng triệu tín đồ của Ngài. Sự thấu triệt hoàn toàn giáo pháp (Dhamma) đòi hỏi có cái nhìn sâu xa hơn sự nhận thức mà nhiều người đang có.

Tại A châu ngày nay, có vô số triệu người đã xem đức Phật như một pháp bảo để kính thờ. Hơn nữa, vì Phật Giáo là một phương pháp sống bao gồm tất cả, cho nên người nông dân bình dị, với những ý kiến đơn giản của y cũng thích hợp để trở thành đệ tử (của đức Phật) như một nhà sư hay học giả. Hàng người bình dân của các chủng tộc, đòi hỏi những giáo lý dễ hiểu của một hình tượng, hay khóa lễ. Thiếu những hình thức của sự sùng bái cụ thể này, họ rất ít hiểu được (Phật Pháp).

Theo lời dạy của đức Thế Tôn, chúng ta biết rằng những ai trong đời này không sẵn sàng sống theo chánh kiến, kiếp sau họ cũng sẽ hành động như vậy. Điều quan trọng là nên hướng dẫn những người đó đi theo con đường của đạo đức chân chính ngõ hầu sự phát triển (tu học) của họ được tiến bộ hơn ở đời sau. Trong Phật Giáo (Buddha Sanana), chúng ta

nhờ kính trọng trình độ hiểu biết của kẻ khác và quan điểm của những người khác biệt với chúng ta. Người Phật tử giác ngộ là một dẫn đạo viên chứ không phải là người hay chỉ trích.

Chính đức Phật đã dành rất ít thì giờ cho việc cúng bái và nghi lễ, vì phương pháp sống của Ngài là một đường lối thực tiễn của việc làm và hành động. Trọng ý nghĩa cao hơn, quy tắc và lễ nghi đã trở thành những ràng buộc làm cản trở cho sự tiến bộ. Đức Phật dạy chúng ta rằng, người thực hành giáo pháp của Ngài tinh tấn nhất là người tôn kính Ngài nhiều nhất.

Tượng cũng nên nhấn mạnh rằng người tu theo đức Phật họ không cần phải từ bỏ nhà cửa, gia đình và sống cuộc đời ẩn dật. Ngày nay, có nhiều Phật tử giàu đạo tâm, là những thiện nam tín nữ đã lập gia đình và có thể duy trì cuộc sống hằng ngày bình thường của họ. Những Phật tử đó đã trở nên xuất sắc trong cộng đồng, nhờ vào đạo hạnh, và công đức tu hành của họ, cũng như do bởi công tác họ làm nhằm truyền bá Phật Giáo đến mọi kẻ khác.

Không phải tất cả ai cũng sẵn sàng muốn trở thành tu sĩ Phật Giáo; và thà làm một cư sĩ tại gia thuần thành còn hơn là một nhà sư thiếu tu trong đoàn thể Tăng Già (Sangha).



HOMAGE TO THE BUDDHA

The homage and respect paid to the Buddha, is but a symbolic veneration of His greatness and the happiness we find in His Teaching. The Master is, at all times, an example in thought and deed, of the way and manner we should conduct ourselves. It is therefore, not unnatural that this respect should express itself in some of the finest and most beautiful art and sculpture the world has ever seen.

The images we see of the Buddha, are symbolic representations of qualities and do not pretend to be 'photographic' likenesses. It was hundreds of years after the Master's death that these images began to appear. In the very oldest sculptures and paintings, the Buddha was represented by a wheel or footprint, while in some cases; a blank space was used to indicate, rather than portray, His presence. The first images were made by Greek converts to Buddhism, at Gandhara in North-West India. These Greek craftsmen gave the images the same likeness as Apollo. These sculptures, and the millions which have followed, have given a tangible representation of the Buddha to many.

There are no esoteric or exotic Teachings of the Master. He did not expound one thing to the public and keep back some secret information for a few chosen disciples. That which He knew was necessary for man's salvation, He taught freely to all.

It must, however, be realized, that though there is none of this esoteric and exoteric discrimination, there remains a considerable difference of understanding among the millions of His followers. discrimination, there remains a considerable difference of understanding among the millions of His followers. Complete understanding of the Dhamma, requires a greater depth of vision than many possess.

In Asia today, there are among the many millions, those to whom the Buddha is simply an object of veneration. Yet because the Dhamma is an all-embracing way of life, the simple peasant with his simple views, is just as much a disciple as the monk or scholar. Simple people of all races require simple doctrines and many only conceive a mental idea through a symbolic image or ceremony. Without these tangible forms of devotion, they would have little to grasp.

Consistent with the Master's Teaching, we know that those who are not ready for right understanding in this life, will do so in a successive birth. The important thing is to guide these people along a path of good morality so that their development is advanced in another birth. Within the Buddha Sasana we must respect the degree of another's understanding and the point of view of those differing from ourselves. The enlightened Buddhist should be a guide but not a critic.

The Buddha, Himself, had little time for ceremonies and rituals because His way of life is a practical one of deeds and actions. In its higher stages, rules and rituals become fetters which impede the progress. The Master tells us that, the man who honors Him most is the one who practices His Teachings best.

It should also be stressed, that to follow the Buddha does not require one to abandon their home and family and to live the life of a recluse. There are many fine Buddhists today who are married men and women with families and go about their daily life in a normal way. They become outstanding among their fellow men, by virtue of their morality and good conduct and the work they are doing to make the Dhamma available to others.

Not all are ready or willing to become Buddhist monks and it is better to be a good layman than a failure in the Sangha.

(to be continued...)

GHI CHÚ CỦA DỊCH GIÃ:

1. GANDHARA (tiếng Pali): Là một trong 16 tiểu quốc của Ấn Độ thời xưa, bao gồm thành phố Takshasila hay Taxila và Kashmir, nằm về phía tây bắc biên giới Ấn Độ. Theo tài liệu ghi chép trong tập Niddesa (Nghĩa Thích) thuộc bộ Tiểu A Hàm (Khuddaka Nikaya), cuốn 1; vào thời vua Tần Bà Xa La (Bimbisara: 543-493 trước tây lịch) cai trị nước Magadha (Ma Kiệt Đà) thì Gandhara lúc ấy do vua Pukkusati trị vì, với kinh đô đóng tại thành Taxila. Vua Pukkusati bấy giờ có gởi thư và sứ thần qua nhằm kết tình thân hữu với vua Tần Bà Xa La. Thời vua A Dục (Asoka: 272-232 trước T.L.), Gandhara trở thành một phần đất thuộc vương quốc rộng lớn dưới quyền thống trị của ông ta. Ngày nay, Gandhara thuộc hai quận Rawalpindi và Peshawar của Hồi Quốc (Pakistan), miền nam Á Châu.

2. APOLLO: Tên một trong các vị Thần chính yếu của thời cổ Hy Lạp. Theo thần thoại học Hy Lạp, Appolo sinh tại đảo Delos, là con của Thần Zeus và Leto. Ông được dân chúng cổ Hy Lạp kính thờ như vị Thần trừng phạt (God of punishment), Thần âm nhạc, nghệ thuật, thi ca; và Thần mặt trời cho con người ánh sáng lẫn sự sống. Appolo còn được xem như Thần chữa lành các bệnh nan y, vừa có thể gieo rắc bệnh dịch cho con người. Ông cũng được gọi là Thần mang lại sự công bình và sắc đẹp của nam giới (masculine beauty). Thần Appolo, còn được dân chúng thờ tại La Mã (Rome) của Ý Đại Lợi (Italy). Năm 430 trước tây lịch người ta đã thiết lập một ngôi đền đầu tiên để thờ Thần Appolo tại La Mã.



Tượng đức Phật theo nghệ thuật điêu khắc Gandhara



Thần Apollo theo thần thoại Hy Lạp

thơ NHẬT TRÍ

VÌ ĐỜI PHƯƠNG TIỆN TIÊN TU

Mỗi ngày buổi sáng công phu
Lặng Nghiêm ngũ phẩm thập chú “tổng trì”
Mông, Rằm sớm, tối tụng gì?
Thù ân, Chúc tán Tổ... truy cội nguồn.
Sám hối - Tụng giới thỉnh chuông
Thân tâm tĩnh lặng quán muôn pháp lành
Thập thiện, Bồ-tát chính danh
Tại gia Năm giới vẹn thành, suốt tuôn....
Thứ hai: đến Thứ bảy luôn
Tụng kinh thiên tọa... chẳng buồn thể nhân
Đồ chay buồn bán chuyên cần
Góp công bồi đức trừ sân thoát phiền.
Thứ ba: Tụng niệm, Tọa thiền
Lương hoàng sám pháp diệu huyền quả nhân
Đế vương tên Vũ có gân?
Cũng không xa lắm nhưng cần nhắc nhau.
Thứ năm: kinh tụng thao thao
Mười năm hơn đã thấm vào Pháp Hoa
Bảy quyển kinh như lời ca
Đại thừa diễn đạt thấy ta - Bồ đề.
Thứ bảy: thu xếp trở về
Đúng mười giờ sáng lời thề vọng lên
Chánh điện nhỏ âm thanh rền
Đại Bi Tâm Phật làm nền độ sinh.
Chủ nhật: buổi sáng trời xanh
Dù mưa, nắng cũng tâm thành đến đây
Lớp võ dạy tuổi thơ ngây
Học thêm Việt ngữ thầy say sưa truyền.
Các em thế hệ ‘thần tiên’
Trên nền văn hóa đa nguyên chốn này
Chúng ta sau, trước đèn đây
Là vì..., phải học cái hay xứ người.
Đạo, đời bổ túc thêm tươi
Ngàn sau con cháu nụ cười hồn nhiên
Thế gian đau khổ triền miên
Ta đi gieo khắp mọi miền... an vui.

THÀNH VIÊN TẶNG NI

Thành viên Pháp Vũ công phu
Ngoài nêu phẩm hạnh trong tu miệt mài
Đàn na cơm sống qua ngày
Chùa nơi tạm trú bước dài hoàng dương.
Dâu đi thì, có con đường
Khi về đã sẵn Tăng phường ở yên.
Sống sao để khỏi lụy phiền
Trụ trì, Tín thí dâng tiền của trao.
Thặng trầm qua những hư hao
Giữa trong dòng sống chảy vào đại dương
Nội hàm Tăng thể tựa nương
Chừng như Mạnh Hổ vấn vương “Nhớ Rừng”.*

(*) **Hổ nhớ rừng.** Thơ Thế Lữ

XÂY CHÙA

Đắn đo nợ trả bao lâu?
Tính sao, nghĩ chước bạc đầu tìm phương
Cách nào cho khỏi vấn vương
Nợ đầy thiên hạ than, thương, bẽ bàng!
Mỗi gia đình góp... bặt ngàn
Chừng xong **đợt một** theo hàng bốc thăm
Nợ dân vơi chỉ vài năm
Khi xong sẽ thấy ngàn, trăm nụ cười!
Đến nên kinh tế “xinh tươi”
Tổ thì có bảy, **Phật** mười, **Linh** ba
Đợt hai là thế đó mà
Chùa xong, chẳng nợ trẻ già hân hoan ...
Đợt ba ‘Học xá’ thẳng hàng
Trang nghiêm phòng ốc lập Đàn tri ân...
Kiết hạ an cư tịnh cần
Lạc Thành lễ thỉnh một lần thiết tha.
Đạo tràng sớm tối gần xa
Người từ khắp nẻo về ‘nhà Như Lai’
Tặng, tục chẳng kể là ai
Kẻ công, người của chẳng hai - một lòng!

LỄ HỘI TRUYỀN THÔNG

Lễ hội Phật Đản, Vu Lan
Trung thu, Thành đạo... đông sang lạnh lừng
Tiết xuân Nguyên đán tương phùng
Khóa tu - Lễ hội tận dùng thời gian.
Lý tưởng Đạo pháp chiếu ngang
Chiều dài Dân tộc cưu mang tâm lòng...
Tự mình gạn đục khơi trong
Ngàn năm trang sử ‘Tiên Rồng’ xứng danh!

PHẬT TỬ

Xoay quanh giữa kiếp phù sinh
Nào phiền đã lắm, rõ mình muốn chi ?
Về đây phát nguyện Quy-y
Nghĩa là theo Phật kể gì thế gian.
Mục tiêu là thoát lâm than
Đúng, sai nhân, ngã bỏ sang bên đường
Một lòng niệm chữ vô thường
Sáng tu Tịnh Độ chiếu đương nhiên ‘Thiền’.
Thị phi giữa chốn đảo điên
Khôn về với Phật bình yên tháng ngày
Đại khờ lý luận đeo dai...!
Đồ thừa khô nào do ai hại mình?
Chợt khi thức dậy bình minh
Liễu ‘Nhân-Quả’ thật: Vô minh đi đầu
Đời mình khô hải chìm sâu...
Đến khi biết rõ hồi đầu tu tâm.
Nguyên ai cũng hết mê lầm
Dù thân, sơ cũng uơm mầm nở hoa
Bồ-đề sáng đẹp lời ca
Nụ cười rạng rỡ chan hòa tình thương!



CỰC LẠC HOA KHAI



Nam mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

Được tin Thân Mẫu của Ni Sư Thích Nữ Diệu Tánh (Tổng Thủ Quỹ HĐĐH, kiêm Thư Ký Tổng Vụ Kinh Tế Tài Chánh GHPGVNTN Hoa Kỳ) là:

Cụ Bà **NGUYỄN TÚY HOA**

Pháp danh: **DIỆU TRANG**

Sinh năm Giáp Tuất 1934,

Vừa mãn phần Montreal, Canada, vào lúc 10 giờ sáng
ngày 15-11-Quý Ty nhằm ngày 17-12-2013

Thượng thọ 80 tuổi.

Xin chân thành phân ưu cùng Ni Sư Thích Nữ Diệu Tánh và toàn gia quyến thuộc.
Nhất tâm nguyện cầu Hương linh vãng sanh Cực Lạc quốc.

- *Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Hoa Kỳ*
- *Ban chủ trương và Ban Biên Tập Nguyệt san Chánh Pháp*
- *Chư Phật tử Thiên Tịnh Đạo Tràng, Garden Grove, California*
 - *Phật tử Quảng Nguyên và gia đình*

NELSON MANDELA NGUỒN SÁNG VĨ ĐẠI ĐÃ TẮT!

Huệ Bình (theo AP, Reuters)



Tổng thống Nam Phi Jacob Zuma tối 5-12 thông báo cựu Tổng thống Nam Phi Nelson Mandela, biểu tượng của phong trào chống phân biệt chủng tộc, đã qua đời ở tuổi 95 sau một thời gian dài điều trị căn bệnh viêm phổi.

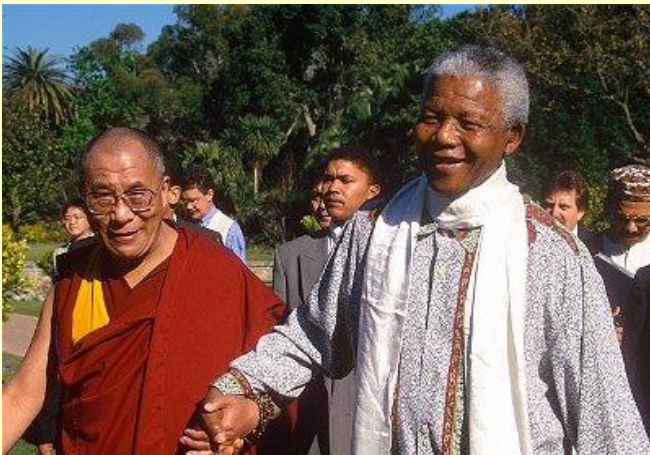
Ông Mandela qua đời trong vòng tay gia đình tại nhà riêng ở Johannesburg lúc 20 giờ 50 phút (giờ địa phương). Lễ tang của ông sẽ được tổ chức trọng thể theo nghi thức lễ tang cấp nhà nước và cả nước treo cờ rủ. “Quốc gia chúng ta đã mất đi người con vĩ đại nhất của mình. Điều làm Nelson Mandela vĩ đại chính là yếu tố làm nên một con người ở ông ấy” – Tổng thống Zuma nói.

Đám đông đã tụ tập bên ngoài nhà ông Mandela, cất tiếng hát ca ngợi cuộc đời tranh đấu của ông. Phóng viên đài SkyNews tường thuật: “Mọi người đang buồn bã. Họ mang hoa và khá xúc động”.



Cựu Tổng thống Nam Phi Nelson Mandela có đến 67 năm đấu tranh không mệt mỏi vì sự nghiệp của hòa bình, nhân đạo, công bằng xã hội và hòa giải dân tộc. Ông từng bị cầm tù 27 năm vì chống lại chế độ phân biệt chủng tộc cho tới khi được thả vào năm 1990. Bốn năm sau đó, ông trở thành tổng thống da màu đầu tiên của Nam Phi, chấm dứt chế độ phân biệt chủng tộc của người da trắng.

Ghi nhận những đóng góp to lớn của ông Mandela trong cuộc đấu tranh cho một thế giới tốt đẹp hơn, từ năm 2009, Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc đã tuyên bố lấy ngày 18-7 hàng năm làm “Ngày quốc tế Mandela”, còn được gọi là Ngày Mandela.



Nelson Mandela được nhiều người khắp thế giới yêu mến

Ảnh: OFFICIAL COLLEGE LIFE



Người dân Nam Phi tập trung bên ngoài nhà của ông Mandela tại Johannesburg ngay trong đêm 5-12.

Ảnh: AP

Lãnh đạo thế giới tiếc thương

Lãnh đạo nhiều quốc gia và tổ chức trên thế giới đã bày tỏ thương tiếc trước sự ra đi của ông. **Tổng thống Mỹ Barack Obama** thương tiếc người mà ông ca ngợi là có "phẩm giá, tính kiên cường", "hy sinh cả tự do của mình để giành lại tự do cho người khác".

Nhiều cựu tổng thống Mỹ khác cũng tỏ niềm thương tiếc. Ông George H.W. Bush nói: "Ông ấy đã thay đổi lịch sử của đất nước". Còn ông Bill Clinton, người làm tổng thống Mỹ cùng thời điểm ông Mandela nắm quyền ở Nam Phi hoài niệm: "Nelson Mandela đã dạy chúng ta nhiều điều. Bài học lớn nhất có lẽ là nếu điều xấu chẳng may xảy ra với người tốt thì chúng ta vẫn có quyền tự do và trách nhiệm để quyết định cách đáp trả lại sự bất công, độc ác và bạo lực". Ông Clinton gọi ông Mandela là "nhà vô địch về phẩm giá và tự do của con người".



Hội đồng Bảo an tưởng niệm ông Mandela ngày 5-12. Ảnh: Reuters

Tổng thư ký LHQ Ban Ki-moon ca ngợi ông Madela: "Nhiều người trên thế giới đã chịu ảnh hưởng của cuộc đấu tranh vì nhân phẩm, sự công bằng và tự do cho người khác của ông".

Thủ tướng Anh David Cameron viết trên Twitter: "Một nguồn sáng vĩ đại đã tắt... Nelson Mandela là anh hùng của thời đại chúng ta. Tôi đã yêu cầu treo cờ tại số 10 phố Downing (Văn phòng Thủ tướng Anh)".

Thủ tướng Úc Tony Abbott khen ngợi cựu tổng thống Nam Phi là "người đàn ông vĩ đại đích thực". "Nelson Mandela là một trong những nhân vật vĩ đại nhất thế giới thế kỷ trước".

NGỒI LẠI

VỚI ĐÊM

*Đêm khuya
chung trà bạn lữ
ngâm đời ta
mây trắng lãng du hoài
dòng sông cũ
con mưa ngày hội ngộ
chuyện đời người...
thu đến lá vàng phai*

*đêm đất khách
mơ vàng trắng cố xứ
cùng nên khuya
tâm sự chuyện tàn canh
nhìn Phật tượng
túi buồn
"còng già bỏ tổ"
mộng non cao
đành phố thị mơ màng
nửa đời người
ngủ ngơ
kiếm tìm ảo vọng
xây bảo đài
trên bãi cát mênh mang*

*ngày tháng qua đi
chỉ có trán tăng thêm vết hằn
chuyện tử sinh đại sự
nạn Đấng Già
giận mình
đạo lực chẳng cao thâm
thôi già biệt
chi người
chi ta
bỏ sáo trúc
bỏ luôn trâu đương gặm cỏ
giữa đồng hoang
mục tử lại lên đường
gỗ gậy ca vang.*

thơ MẠC KHÔNG TỬ

PHẬT TỬ VIỆT NAM: Hai Yếu Tố, Một Cuộc Đời

Huỳnh Kim Quang

Trước khi Phật Giáo truyền vào Việt Nam trong khoảng một hoặc hai thế kỷ trước Tây Lịch, trên mảnh đất nằm ở phía đông nam của Châu Á trông ra Biển Thái Bình bao la này đã có một dân tộc Lạc Hồng hiện hữu. Như thế nói theo ngôn ngữ khoa học, trong dòng máu của người Phật tử Việt Nam có hai nhiệm sắc thể: Người Việt Nam và người Phật tử. Trên danh nghĩa là hai yếu tố, nhưng thực tế đó chỉ là cuộc sống của một người, một người Phật tử Việt Nam.

Vậy thì một người Phật tử Việt Nam (xuất gia tu sĩ và tại gia cư sĩ) ứng xử như thế nào trong tư cách và vai trò một người Phật tử là công dân nước Việt?

Để trả lời câu hỏi này, chúng ta không thể không biết đến quyền và bổn phận của một công dân và hạnh nguyện của một Phật tử.

Thực thể công dân luôn gắn liền với thực thể quốc gia. Công dân luôn có hai yếu tố: quyền và trách nhiệm của một con người sống trong một quốc gia. Quyền công dân mà Công Ước Về Quyền Chính Trị và Dân Sự của Liên Hiệp Quốc gọi là dân quyền, là quyền lợi mà một người dân phải có và phải được nhà nước bảo vệ. Đó là quyền sống và làm việc hợp pháp trong một quốc gia, là quyền tự do tư tưởng, tự do phát biểu, tự do tôn giáo, tự do hội họp, và tự do sinh hoạt chính trị.

Bổn phận của một công dân nước Việt là làm một người dân tốt. Khái niệm này có vẻ rất mơ hồ và người ta có thể diễn giải theo nhiều cách tùy tầm nhìn và thể đứng, nhất là đối với các cơ chế chính trị điều hành đất nước.

Thế nào là người công dân tốt?

Chúng ta có thể hiểu nghĩa một người công dân tốt, trong quan điểm lịch sử chung của dân tộc trải dài từ mấy ngàn năm qua, mà không đứng trên một thể chế chính trị, một chủ nghĩa, một hệ thống lý thuyết, hay một ý thức hệ nào cá biệt, gồm hai yếu tố: Tốt đối với tự thân, và tốt đối với đất nước và dân tộc.

Tốt đối với tự thân là gì? Là một người sống đạo đức, biết làm lành lánh dữ, biết nhân quả nghiệp báo, biết nhân nghĩa lễ trí tín, có lòng nhân ái, làm tròn trong trách đối với gia đình vợ chồng con cái, không làm ra những điều sai trái, tội lỗi gây phương hại đến bản thân, gia đình và xã hội.

Tốt đối với đất nước là sao? Là biết đem tài đức của cá nhân để đóng góp vào công cuộc xây dựng và phát triển con người và xã hội, và biết tận sức để bảo vệ nền đạo đức và văn hóa truyền thống



của dân tộc, cũng như biết hy sinh để giữ gìn biên cương lãnh thổ mà bao đời tiền nhân đã dày công kiến tạo.

Mỗi người dân là thành tố cơ bản để hình thành cộng đồng dân tộc, giống như từng viên gạch trong một ngôi nhà. Mỗi người phải là một công dân tốt ngay chính trong tự thân họ thì dân tộc đó mới phát triển bền vững, giống như mỗi viên gạch phải là từng viên gạch nung chín bền chắc thì cơ đồ của ngôi nhà mới tồn tại lâu dài. Từng cá nhân tốt thì cộng đồng xã hội và dân tộc sẽ tốt. Từng cá nhân xấu thì cộng đồng xã hội và dân tộc sẽ xấu theo. Một người dân xấu sẽ ảnh hưởng xấu đến một số người dân khác. Một số người dân xấu khác đó rồi sẽ tác động xấu đến nhiều người dân khác xấu nữa. Đó là nguy cơ bất an của một cộng đồng xã hội và dân tộc. Đặc biệt, nếu cá nhân xấu mà đảm trách chức vụ lớn lao trong cơ chế chính trị điều hành đất nước thì tác hại của cái xấu còn rộng lớn và nguy hiểm gấp nhiều lần.

Quan điểm về phương hại xã hội cũng cần phải được hiểu cho đúng. Điều cần phải phân biệt cho rõ là phạm trù xã hội. Xã hội là cộng đồng dân tộc gồm các cá nhân của từng người dân chứ không phải là một tập thể nhân sự của cơ chế chính trị, hay một đảng chính trị điều hành đất nước. Tập thể nhân sự của cơ chế chính trị, hay đảng chính trị đang điều hành đất nước không phải là toàn xã hội. Vì vậy, khi tập thể nhân sự của cơ chế chính trị, hay đảng chính trị điều hành đất nước không còn đúng vai trò lãnh đạo bởi dân, vì dân và cho dân thì người dân có quyền lên tiếng chống đối hay có quyền đòi hỏi bầu cử một chính quyền hợp pháp khác. Như thế, một người dân lên tiếng chống đối chính quyền hay đòi hỏi chính quyền phải thực thi những quyền lợi cho công dân của mình như quyền tự do, quyền làm người, các quyền chính trị và dân sự mà công ước quốc tế đã thừa nhận thì không có nghĩa là người dân đó xấu.

Ngày nay, một số chính quyền trên thế giới thường viện dẫn lý do gây phương hại an ninh quốc gia để ngăn chặn sự lên tiếng chống đối hay đòi hỏi chính quyền thi hành các quyền lợi công dân của họ. Nhưng thế nào là phương hại an ninh quốc gia? Trả lời cho câu hỏi này thì phải xem mục đích và phương thức lên tiếng và đòi hỏi quyền công dân của người dân. Nếu mục đích chống đối chính quyền của người dân không nhằm đến việc lật đổ cơ chế chính trị cầm quyền bằng bạo lực thì hành động đó không thể bị kết tội là phương hại đến an ninh. Còn nữa, nếu người dân chỉ lên tiếng và đòi hỏi một cách ôn hòa qua phương thức bất bạo động những quyền

lợi công dân chính đáng thì cũng không thể gọi đó là hành động phương hại an ninh. Tất nhiên, nếu vì lý do bảo vệ an ninh quốc gia mà cơ chế chính trị điều hành đất nước lại sử dụng bạo lực hay vũ lực để trấn áp và giết hại người dân lên tiếng đòi hỏi các quyền công dân chính đáng của họ bằng phương thức bất bạo động, thì cũng cần phải đặt lại vấn đề một cách nghiêm túc là chính quyền đó có còn đủ tư cách đại diện người dân để điều hành việc nước hay không. Các cuộc cách mạng tại những nước Bắc Phi và Trung Đông trong vài năm gần đây là một điển hình cụ thể về thái độ của người dân đối với các chế độ độc tài quân phiệt bất chấp nguyện vọng, quyền lợi công dân, và tiếng nói chính đáng của dân tộc họ.

Vậy còn hạnh nguyện của người Phật tử là gì?

Người Phật tử, gồm những người xuất gia tu hành và những cư sĩ sống tại gia, là những người phát nguyện nương tựa vào Tam Bảo — Phật, Pháp và Tăng— để thực hành Chánh Pháp hướng đời mình đến mục tiêu giác ngộ vô minh và giải thoát khổ đau.

Hạnh nguyện của người Phật tử cũng có hai lãnh vực: đối với tự thân và đối với tha nhân. Đối với tự thân thì người Phật tử nỗ lực thực hành lời Phật dạy qua ba phương cách: Giữ gìn giới luật, tu tập thiền định, và phát huy trí tuệ. Cả ba phương pháp tu đều nhằm đến mục đích cuối cùng là giác ngộ vô minh để giải thoát đau khổ. Lãnh vực tự tu để đạt giác ngộ cho mình gọi là tự giác. Đối với tha nhân thì người Phật tử đem kiến thức và kinh nghiệm tu tập Chánh Pháp của chính mình để giới thiệu đến cho người khác cùng thực hành, giống như sau khi nhờ lương y và thuốc hay chữa trị được bệnh tật có hiệu quả thì người bệnh nhân giới thiệu thầy thuốc và cách chữa bệnh này cho những người khác cùng được lợi lạc. Đó là lãnh vực giác tha, tức là giúp người khác giác ngộ. Việc giới thiệu Phật Pháp đến cho người khác, cho cộng đồng xã hội và dân tộc cùng tu tập gọi là hoằng pháp, tức là làm cho Chánh Pháp lan rộng ra khắp nơi.

Tại sao phải thực hành lời Phật dạy? Vì để giải khổ. Đời sống con người dù có giàu sang phú quý, hay khỏe mạnh thể chất đến đâu thì cũng không thể không có phiền não khổ đau. Khổ đau đến từ hai ngã: thân và tâm. Thân đau bệnh là khổ. Thân thiếu ăn đói khát là khổ. Thân ham muốn mà không có được thỏa mãn là khổ. Thân bị cô thế, bị hiếp đáp, bị hàm oan là khổ, v.v... Tâm lo lắng là khổ. Tâm suy nghĩ buồn bực là khổ. Tâm phiền não việc nhà, việc làm ăn, việc công, việc tư là khổ, v.v... Thân tâm làm việc quá độ, bê tắc, áp lực, căng thẳng là khổ, v.v... Nhiều chứng bệnh, nhiều đau khổ thuốc uống không hết, bác sĩ trị không lành. Hơn nữa trạng huống tâm thức ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe của cơ thể vật chất. Trong những tình huống đó, thực hành Phật Pháp bằng việc quán sát sự vô thường của cuộc đời, thực chứng các pháp là vô ngã, là không có tự tánh cố định, tịnh tâm thiền định buông xả bớt những lo âu phiền não, tiết chế ba nghiệp thân, miệng, ý, làm nhiều việc thiện nguyện, để chuyển đổi nghiệp lực, v.v... giúp giảm thiểu hay trừ khổ đau.

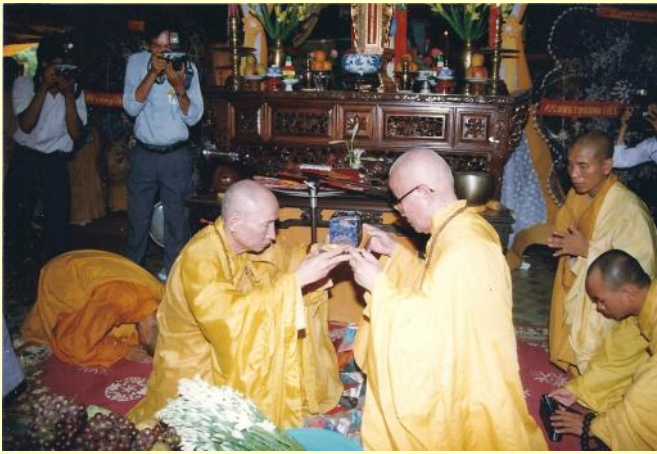
Tại sao phải hoằng pháp? Tự thân chứng nghiệm được lợi ích lớn lao của Phật Pháp trong đời sống hàng ngày thì lẽ tự nhiên là chúng ta muốn đem Phật Pháp giới thiệu cho người thân, bằng hữu, và người chung quanh để cùng được lợi lạc. Hơn



nữa, Phật Pháp không chỉ giúp giải khổ cho cá nhân mà còn giúp xây dựng và phát triển cộng đồng xã hội, dân tộc và đất nước. Chẳng hạn, một người dân là Phật tử biết nghe lời Phật dạy không trộm cắp tài của người thì không những bản thân người đó có được cuộc sống thanh liêm trong sạch được mọi người tin yêu kính mến mà còn làm gương tốt cho con cháu, anh em, gia đình, và giúp cộng đồng xã hội bớt đi tệ nạn trộm cắp, tham nhũng, hối lộ, làm động lực phát triển thịnh vượng quốc gia xã tắc. Một thí dụ khác, là một người công dân Phật tử biết giữ gìn lời Phật dạy không uống rượu say sưa thì không những bản thân người đó được khỏe mạnh, sáng suốt, tránh được nạn say rượu hành hung gia đình và lái xe gây nguy hiểm cho người khác, mà còn giúp cho cộng đồng xã hội giảm thiểu tệ nạn say rượu hành hung và uống rượu lái xe gây bất ổn xã hội. Thêm một ví dụ khác, một người công dân Phật tử làm theo lời Phật dạy không nói dối thì không những có được phẩm đức cương trực và mọi người tin tưởng mà còn giúp cộng đồng xã hội xây dựng và phát triển niềm tin yêu và quý trọng lẫn nhau.

Làm sao ứng xử hài hòa giữa bốn phận của một công dân nước Việt và hạnh nguyện của một người Phật tử?

Từ lý thuyết cho đến thực tế cả hai vai trò đều không có gì chống trái nhau. Tại sao? Bởi vì ước vọng của người công dân nước Việt là làm sao để trở thành một người dân tốt và có thể đem hết khả năng của mình ra để góp phần xây dựng và phát triển đất nước, trong khi nguyện vọng của người Phật tử Việt



Năm 1992, HT. Thích Huyền Quang tiếp nhận ấn tín của Viện Hóa Đạo GHPGVNTN, khởi xướng công cuộc phục hoạt Giáo Hội sau nhiều năm bị ngăn cấm sinh hoạt.

Nam cũng là mong muốn đem Chánh Pháp để giúp xây dựng và phát triển con người theo chiều hướng thăng hoa, hạnh phúc và an lạc, trong đó có chính mình, và cộng đồng dân tộc. Một người công dân tốt là người sống đạo đức, làm tròn bốn phận và trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và đất nước. Một người Phật tử tốt cũng là người sống đạo đức, biết phục thiện, biết tu tập Chánh Pháp để giảm trừ tham sân si, biết từ bi thương yêu mọi người, và biết nỗ lực góp phần xây dựng và phát triển cộng đồng xã hội.

Trong Chánh Pháp của đức Phật, một người thành Phật là trước hết trở thành một con người toàn thiện cho tự thân và cho cộng đồng xã hội. Một người thành Phật chỉ đem lại lợi ích cho tha nhân và cộng đồng nhân loại chứ không bao giờ đem lại bất cứ điều gì thiệt hại cho con người. Bằng chứng cụ thể là đức Phật Thích Ca Mâu Ni, xuất hiện tại Ấn Độ vào thế kỷ thứ 6 trước Tây Lịch, chỉ đem lại lợi lạc to lớn cho đất nước và xã hội Ấn Độ chứ tuyệt nhiên không gây ra một bất lợi nào. Lịch sử truyền bá Phật Giáo trên thế giới từ hai mươi lăm thế kỷ qua cũng thế, chỉ cho thấy sự lợi ích thiết thực khi Phật Giáo được truyền vào các dân tộc và chưa hề có sự chống trái nào giữa Phật Giáo và dân tộc bản địa ấy. Đặc biệt là tại Việt Nam, có thể nói là Phật Giáo truyền bá vào Việt Nam sớm hơn so với một số quốc gia Á Châu khác kể cả Trung Quốc, Tây Tạng, Đại Hàn, Nhật Bản, v.v... ít nhất là vào một hai thế kỷ trước Tây Lịch và trong suốt quá trình lịch sử có mặt tại Việt Nam cho đến nay, Phật Giáo Việt Nam đã góp phần xứng đáng vào công cuộc dựng nước, giữ nước và phát triển đất nước.

Phật Giáo rất dễ bám rễ sâu trong lòng dân tộc vì có một giáo nghĩa rất phù hợp với đời sống con người ở mọi thời đại, mọi quốc độ, cũng như các Phật tử, xuất gia và tại gia, nhờ thấm nhuần giáo pháp Phật Đà mà có một phong thái sống rất uyển chuyển và dễ thích nghi với môi trường bản địa mới. Giáo pháp của Phật chỉ dạy cho con người biết rõ bản chất của cuộc sống là khổ, nguyên nhân gây khổ là vô minh và các hành tác của nghiệp lực bất thiện. Giáo pháp ấy cũng chỉ cách làm sao để con người có thể giải thoát khổ một cách cụ thể và hiệu quả. Giáo pháp ấy cũng nói đến kết quả an lạc, niết bàn, có được từ sự tu tập Chánh Pháp. Khổ thì ai cũng có, dân tộc nào cũng có, xã hội nào cũng có. Giải thoát khổ thì ai cũng muốn, dân tộc nào cũng

mong cầu, và xã hội nào cũng nhắm tới để thành đạt. Chính như thế mà Phật Giáo được người Việt Nam tiếp nhận một cách hoan hỷ ngay từ những năm tháng đầu mới truyền bá vào đất nước này.

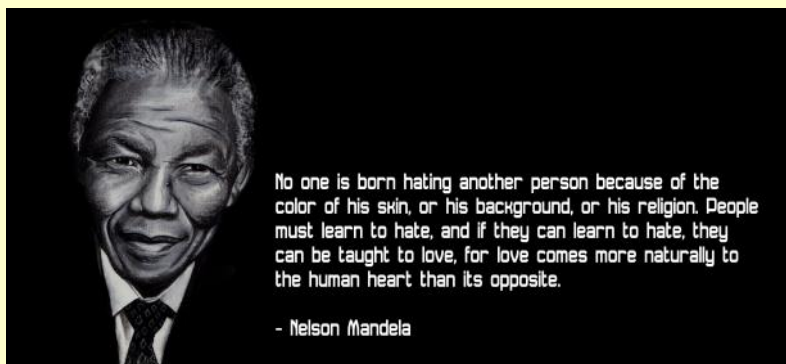
Đó là nói về mặt cá nhân con người, còn mặt quốc gia dân tộc thì sao?

Phật Giáo đóng góp được gì vào công cuộc xây dựng và phát triển quốc gia dân tộc Việt Nam?

Phật Giáo không chủ trương một thứ vương quốc toàn cầu nằm dưới sự thống trị của quyền lực tôn giáo để chi phối tất cả chính sách và hoạt động của những nước Phật Giáo thành viên khác trên thế giới. Chính đây là yếu tố cực kỳ quan trọng góp phần vào việc để cho Phật Giáo đi vào lòng dân tộc của từng quốc gia mà Phật Giáo được truyền bá vào một cách trọn vẹn. Người Phật tử, Tăng, Ni và cư sĩ Phật tử, là công dân của mỗi đất nước có quyền tự quyết hoàn toàn về các hoạt động của Phật Giáo trong mỗi quốc gia đó mà không phải lệ thuộc vào bất cứ quyền uy tôn giáo toàn cầu nào khác. Đó cũng là yếu tố then chốt làm cho người công dân Phật tử giữ vững được lập trường dân tộc tự quyết của mình trước mọi hoàn cảnh và sẵn sàng hy sinh cho sự sống còn của dân tộc bản địa. Lịch sử đóng góp của các Phật tử Việt Nam vào công cuộc bảo vệ nền văn hóa dân tộc, sự toàn vẹn lãnh thổ và lãnh hải của quốc gia mình trong suốt chiều dài trên hai ngàn năm qua là bằng chứng cụ thể.

Trong suốt chiều dài lịch sử đó, Phật Giáo Việt Nam chưa bao giờ mưu cầu hay có hành động độc tôn tôn giáo. Vào thời cực thịnh của Phật Giáo trong các triều đại Lý, Trần, cũng chính những vị minh quân Phật tử là những người đi tiên phong và hậu thuẫn toàn diện cho việc truyền bá tư tưởng Khổng Giáo và học thuyết Nho Gia để làm nền tảng cho các chương trình giáo dục chính thức trong hệ thống học đường nhà nước hầu đào tạo nhân tài ra giúp nước. Khi Phật Giáo bị thế lực Khổng Nho trong giai cấp quan lại triều đình lấn lướt và tranh đoạt ảnh hưởng thì Tăng, Ni và Phật tử Việt Nam âm thầm hoằng pháp trong nhân gian với việc xây dựng chùa chiền đình miếu tại thôn làng địa phương để bảo vệ văn hóa và Chánh Pháp trong lòng dân tộc.

Đức Phật không dùng quyền lực chính trị để truyền bá Chánh Pháp hầu chuyển mê khai ngộ cho nhân sinh. Vì Ngài biết rõ rằng các chủ thuyết chính trị, các quyền lực thế tục không thể là giải pháp cứu cánh đưa tới giác ngộ và giải thoát. Nhưng phong thái nhân cách siêu việt và phương thức khai mở trí tuệ của Ngài cho quần chúng đã ảnh hưởng rất lớn đến giai cấp Sát-đế-lợi cầm quyền và mở đầu cho



No one is born hating another person because of the color of his skin, or his background, or his religion. People must learn to hate, and if they can learn to hate, they can be taught to love, for love comes more naturally to the human heart than its opposite.

- Nelson Mandela

“Let us bring peace and happiness to women everywhere by putting a stop to rape and gender violence that create humility and fear.”

~Aung San Suu Kyi



cuộc cách mạng xã hội toàn diện đất nước Ấn Độ thời bấy giờ cũng như nhiều quốc gia khác về sau này. Nhờ tuệ giác siêu việt và thần chứng giải thoát cứu cánh của chính cá nhân, cũng như một phần thừa hưởng di sản văn hóa dân chủ của đất nước Ca Tì La Vệ, đức Phật thiết lập nề nếp sinh hoạt dân chủ hoàn hảo cho Tăng Đoàn ngay trong những năm đầu hóa đạo của Ngài. Đây có thể nói là một trong những sinh hoạt tập thể mang tính dân chủ đầu tiên của nhân loại được duy trì cho đến ngày nay trong Tăng Đoàn đệ tử Phật. Pháp Yết Ma (karma) của Tăng Già là một trong những phương thức thể hiện trọn vẹn tinh thần bình đẳng và dân chủ nhất trong lịch sử loài người. Trong Pháp Yết Ma, sự đồng thuận của tập thể đạt đến mức tuyệt đối với mọi thành viên có mặt đều phải hoan hỷ tán đồng một Phật sự nào đó. Nếu có bất cứ sự bất đồng nào thì Yết Ma không thành và do đó phải bắt đầu lại tiến trình thảo luận để tìm giải pháp dung hòa. Lời đức Phật dạy tôn giả A Nan về bảy phương thức làm hưng thịnh quốc gia để gián tiếp cản ngăn vua A Xà Thế (Ajatasattu) định xâm chiếm nước Bạc Kỳ (Vajji) là một trong những chứng liệu hiếm hoi cho thấy tầm nhìn cao rộng và thích đáng của đức Phật đối với phép trị quốc an dân.

Chính nhờ thừa hưởng truyền thống dân chủ lâu đời đó mà Phật Giáo luôn luôn tôn trọng sự tự giác và tinh thần dân chủ trong sinh hoạt tập thể. Hội Nghị Diên Hồng lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam để tìm sự thống nhất ý chí toàn dân chống lại cuộc xâm lăng của giặc Nguyên Mông được ví minh quân Phật tử Trần Thánh Tông tổ chức là bằng chứng cụ thể của tinh thần dân chủ Phật Giáo áp dụng trong sinh hoạt quốc gia đại sự.

Tự do, dân chủ và nhân quyền là những giá trị phổ quát được nhân loại thừa nhận trong Tuyên Ngôn Nhân Quyền được Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc thông qua vào ngày 10 tháng 12 năm 1948, và Công Ước Quốc Tế Về Quyền Dân Sự và Chính Trị được Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc thông qua vào ngày 16 tháng 12 năm 1966. Đối với Phật Giáo điều này không có gì mới lạ vì đức Phật đã công nhận từ lâu giá trị làm người và quyền bình đẳng trong xã hội, cũng như thể thức sinh hoạt dân chủ để mang lại thịnh vượng cho tập thể hay một quốc gia.

Chính đó là chất liệu và động lực để cho người Phật tử Việt Nam luôn luôn tích cực góp phần xây dựng một xã hội Việt Nam công bằng, tự do, dân chủ và tôn trọng phẩm giá con người. Cuộc vận động nhân quyền và bình đẳng tôn giáo dưới chế độ của Tổng Thống Ngô Đình Diệm vào năm 1963, cuộc vận động quốc hội lập hiến để thiết lập nền dân chủ vào năm 1966 tại miền Nam, cuộc vận động hòa bình cho dân tộc vào những năm đầu thập niên 1970 tại miền Nam Việt Nam, và cuộc vận động nhân quyền từ sau năm 1975 dưới chế độ Cộng Sản Việt Nam của Phật Giáo Việt Nam nói chung và Giáo

Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất nói riêng là thể hiện tinh thần khai phóng, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng phẩm giá con người trong truyền thống Phật Giáo.

Tăng sĩ Phật Giáo không làm chính trị. Hãy nhìn vào thực tế lịch sử để thấy rằng các nhà Tăng sĩ Phật Giáo chỉ vận động cho tự do, bình đẳng, dân chủ, và nhân quyền cho người dân mà không mưu cầu hay đòi hỏi quyền lợi hay địa vị chính trị nào. Không có vị giáo phẩm lãnh đạo nào sau các cuộc vận động nổi trên ra ứng cử hay đảm nhận chức vụ này địa vị kia trong chính quyền. Điều cần lưu ý là trong tất cả mọi cuộc vận động nói trên của Phật Giáo Việt Nam từ năm 1963 đến nay, Phật Giáo không bao giờ chủ trương lật đổ bất cứ chế độ nào. Phật Giáo chỉ đòi hỏi chính quyền nào chà đạp quyền tự do, bình đẳng, dân chủ và nhân quyền thì hãy trả lại cho người dân những quyền căn bản phải có đó mà thôi. Một điều nữa cũng cần thấy rõ là Phật Giáo không chủ trương chống đối với tâm thù hận và hành động bạo lực đối với bất cứ cá nhân, chính quyền, tôn giáo, đảng phái hay chủ nghĩa nào trong suốt các cuộc vận động nói trên.

Vậy tại sao Phật Giáo phải vận động?

Vì quyền lợi của người dân và vì xây dựng và phát triển đất nước.

Quyền lợi gì của người dân? Quyền tự do, bình đẳng, dân chủ, và nhân quyền mà mọi người dân đều đáng phải được có, và các chính quyền tự nhận là “cộng hòa,” “dân chủ” phải có trách nhiệm thực thi các quyền tự do, bình đẳng, dân chủ, và nhân quyền cho mọi công dân. Khi những quyền phải có này của người dân không được thực thi hay bị chà đạp thì người Phật tử với tư cách là những công dân có quyền đứng lên vận động và đòi hỏi các chính quyền phải nghiêm chỉnh thi hành.

Xây dựng và phát triển đất nước như thế nào?

Một đất nước muốn văn minh, tiến bộ, giàu mạnh, có nội lực dân tộc vững chắc để bảo vệ quyền tự quyết dân tộc, đủ sức chống lại các cuộc xâm lăng của ngoại bang, và giữ gìn toàn vẹn lãnh thổ thì dân tộc trong đất nước ấy phải có tự do, bình đẳng, dân chủ, và nhân quyền. Các cuộc vận động nhân quyền, tự do và dân chủ từ 50 năm qua tại Việt Nam không ngoài mục đích giúp xây dựng nội lực dân tộc để chống lại các cuộc xâm lăng của ngoại bang, gồm có các cuộc xâm lăng văn hóa, ý thức hệ và quân sự. Cũng như khi lãnh thổ của đất nước Việt Nam bị xâm lăng thì người Phật tử Việt Nam phải có bổn phận và trách nhiệm bằng cách này hay cách khác để bảo vệ. Các Phật tử Việt Nam như minh quân Trần Nhân Tông, danh tướng Lý Thường Kiệt, danh tướng Tuệ Trung Thượng Sĩ Trần Tung, danh tướng Trần Hưng Đạo, hiền thần Nguyễn Trãi, v.v... đã đóng góp xứng đáng công lao cho công cuộc bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ. Trong lịch sử Việt Nam có rất nhiều gương sáng của những người cư sĩ Phật tử tham gia vào công việc điều hành quốc sự đã là những minh quân, hiền thần, danh tướng, và chính khách đạo đức biết hy sinh cho đại sự quốc gia dân tộc. Người cư sĩ Phật tử được khuyến khích tham chính để đem tài đức của mình ra xây dựng và phát triển đất nước.

Nhiều người nghĩ rằng tham chính là làm chính trị là trái với tinh thần từ bi trí tuệ của đạo Phật. Có lẽ quan niệm này bắt nguồn từ sự chứng kiến những thủ đoạn, ác tâm, dã tâm, vị kỷ, đảng

phái, chủ nghĩa cá nhân và ý thức hệ trong chính trường đã và đang xảy ra mỗi ngày trên thế giới và ngay trên đất nước Việt Nam. Nhưng, điều đó không có nghĩa rằng tự thân chính trị là xấu, và tất cả những người làm chính trị đều xấu. Chính trị là quyền căn bản mà mọi người dân đều phải có và các chính quyền phải có trách nhiệm bảo vệ quyền ấy cho mọi công dân, theo Công Ước Quốc Tế Về Quyền Dân Sự và Chính Trị của Liên Hiệp Quốc. Như thế, làm chính trị không phải là xấu mà là cái quyền của người dân để giúp dân giúp nước. Đối với hàng ngũ cư sĩ Phật tử việc tham chính được khuyến khích vì để đem tinh thần từ bi trí tuệ và lợi tha xây dựng và phát triển xã hội. Nhiều nhà chính trị nổi danh hiện nay được cả thế giới kính nể vì hành xử trong sạch và tấm lòng vì dân vì nước thực sự của họ, như Cố Tổng Thống Nam Phi Nelson Mandela vừa từ trần đầu tháng 12 năm 2013, như nữ Dân Biểu Miền Điện Aung San Suu Kyi là một Phật Tử làm rạng danh dân tộc Miền Điện của bà.

Tuy nhiên, tất cả những thứ tự do, dân chủ và nhân quyền bên ngoài xã hội đều tương đối và giới hạn. Có nhiều người suốt đời vận động cho tự do, dân chủ và nhân quyền, nhưng lại bị trói buộc trong cái vỏ ốc của vị kỷ nhỏ hẹp và bị nô lệ bởi lòng tham lam, thù hận và si mê để đến nỗi chỉ biết có thứ tự do, dân chủ và nhân quyền của cá nhân mình mà quên mất tự do, dân chủ, và nhân quyền của người khác. Khi chính con người chưa tự giải thoát ra khỏi xiềng xích vô minh, vị ngã, chưa tự làm chủ được thân tâm trước những thao túng của tham, sân, si và chưa thăng hoa đời mình lên giá trị nhân bản thực sự, thì không thể có được sự tự do, dân chủ, và nhân quyền đích thực cho chính họ cũng như cho những gì họ làm với người khác.

Thực hành Chánh Pháp giác ngộ và giải thoát của đức Phật có hiệu quả sẽ giúp người Phật tử đạt được tự do thực sự trong chính mình đối với tất cả mọi trói buộc của lòng vị ngã, tham lam, thù hận và si mê. Thực hành Chánh Pháp trí tuệ và từ bi của đức Phật, người Phật tử sẽ biết lắng nghe và tôn trọng ước nguyện và phẩm giá của người khác. Đó chính là những yếu tố tính cơ bản từ trong nội thể của một người để có thể thể hiện ra bên ngoài lối sống tự do, dân chủ và tôn trọng nhân phẩm của người khác.

Như thế, bằng phẩm đức của người Phật tử có tu tập và đạt được lợi lạc trong Phật Pháp, người Phật tử Việt Nam sẽ sống có ý nghĩa và góp phần xứng đáng trong vai trò và bổn phận của một người công dân nước Việt.

Huỳnh Kim Quang



SỪNG SỪNG NÚI

*Sừng sừng bốn tâm, sừng sừng núi
Mây xanh ngăn ngắt rừng bạt ngàn
Trái tim thiên địa còn tươi rói
Tiếng hống vang rền Kinh Kim Cang.*

*Con chim vỗ cánh bay ngàn dặm
Bốn biển đong đầy những hạt mưa
Chớp mắt mà xem hề! kim cô
Cánh cò vi vút tiếng chèo khua.*

*Trăng vẫn tròn lên, trăng vẫn mặt
Ngày ta cởi áo bỏ lên ngàn
Trùng con mắt ngó trần sa hoặc
Đất vẫn đầm đìa bụi hồng mang.*

*Sừng sừng chơn tâm, sừng sừng núi
Người về dệt lại áo hoàng hoa
Bình minh thông thả châm trà mới
Thả khói trôi đây cả biển xa.*

thơ **LÝ THỪA NGHIỆP**

Độc thơ Tuyệt Cú

LAM NGUYỄN



Có một số người thích viết và thích đọc thơ "tuyệt cú" (絕句), vì thơ tuyệt cú có những nét độc đáo. Nay chúng tôi giới thiệu một trong những bài tuyệt cú mà nhiều bậc tiền bối của chúng ta đã ưa thích là bài "Nam Hành Biệt Đệ" (南行別弟) của Vi Thừa Khánh (韋承慶) nhưng có một số sách Trung Hoa cho rằng bài này có tên là "Ký Nhân" (寄人) mà tác giả là Thôi Đạo Dung (崔道融) như sau:

Ký Nhân

*Đạm đạm Trường giang thủy,
Du du viễn khách tình.
Lạc hoa tương dữ hận,
Đáo địa nhất vô thanh.*
(Thôi Đạo Dung)

寄人

淡 淡 長 江 水,
悠 悠 遠 客 情.
落 花 相 與 恨,
到 地 一 無 聲.
崔 道 融

Cụ Bùi Khánh Đan dịch bài Nam Hành Biệt Đệ của Vi Thừa Khánh như sau:

Nam Hành Biệt Đệ

*Trường giang trôi lặng lẽ
Tinh viễn khách ngủ ngủ
Hoa cũng chung lòng hận
Âm thầm cánh nhẹ rơi.*

Và Cụ dịch bài 2:

*Lững lờ dòng nước Trường giang
Ngâm ngủ tình khách mênh mang
một trời
Hoa kia cũng hận theo người
Đầy trên mặt đất cánh rơi âm thầm.*

Còn nhà thơ Tuấn Việt đã phỏng dịch bài Ký Nhân của Thôi Đạo Dung như sau:

*Mênh mông giong Trường giang,
Viễn khách lòng mang mang.
Hận tình theo hoa rụng,
Chạm đất không tiếng vang.*

Và bài dịch 2 của nhà thơ Tuấn Việt:

*Nhìn sông nước bao la
Mang mang tình viễn khách
Hận lòng rụng theo hoa
Không tiếng vang chạm đất.*

Người xưa thường bảo thơ "Tuyệt Cú" phải lấy "thần vị" làm chủ - vị là màu, là mùi hương. Còn Dương Ngự Vương lại gọi là "thần vận" - vận là tiếng đồng thanh với nhau. Thơ tuyệt cú bị hạn hẹp trong bốn câu nên thi nhân phải khéo léo mới tìm ra được câu ngắn mà chứa đựng ý thâm sâu. Phê bình gia Tây Đắc Lâm gọi là "cú đoàn ý thâm". Thơ "thất tuyệt" đã khó mà làm thơ "ngũ tuyệt" lại khó hơn nữa - xin đừng lầm với "ngũ ngôn" (五言) vì ngũ ngôn có thể dài hơn 4 câu!

Trong bài "Ký Nhân" (寄人) này tác giả Thôi Đạo Dung đã lấy 2 chữ "giang thủy" (江水) làm cảm hứng. Sở dĩ thi sĩ họ Thôi dùng "đạm đạm" (淡淡) là để tả thể nước dầy mà không chảy xiết nên nhà phê bình Tây Đắc Lâm đọc xong bài "Ký Nhân" đã viết: "Trường giang chi thủy, nhất vọng vô tể" (Nước trường giang nhìn không thấy bến bờ đâu cả!). Thi sĩ họ Thôi đã dùng 3 chữ "viễn khách tình" (遠客情) để tả tâm trạng lữ khách nhìn nước mà chợt nhớ đến thân phận lưu lạc của mình. Thường đối cảnh hay sanh tình nên thi nhân đã hạ bút "trường giang thủy" (長江水) trước, rồi mới tiếp 3 chữ "viễn khách tình" (遠客情) sau. Tác giả dùng điệp ngữ "du du" (悠悠) để tả lòng mình như nước mênh mang vậy! Vì thể thơ "tuyệt cú" câu đầu gọi là "khởi", câu thứ 2 là "thừa" mà làm sao "ý" (意) phải hỗ trợ cho nhau, không thể đơn điệu được vì phải nói lên nội dung minh bạch. Còn câu thứ 3 phải chuyển tả cảnh huống tâm tình như trong bài "Ký Nhân" này. "Lạc hoa tương

dữ hận lạc" (落花相與恨- Hoa rơi hận cũng rơi theo). Trong thi văn Trung Hoa thường dùng chương pháp "Phiên tiến nhất tầng" - nghĩa là Tiệm tiến như lật từng trang giấy - Phương pháp "Thiên liên nhi hạ" - như ve kêu trầm bổng, tiếng này liên tiếp tiếng kia - Bài "tuyệt cú" trên thi sĩ Thôi Đạo Dung đã dùng chương pháp "Thiên liên nhi hạ" vì ta thấy từ chữ "thủy" (水) dẫn xuống chữ "tình" (情) rồi tình đưa dần đến chữ "hận" (恨) và cuối cùng thi sĩ đã kết bài thơ bằng 2 chữ "vô thanh" (無聲) nên khi đọc xong bài thơ ta có cảm giác man mác buồn! Tác giả dùng "lạc hoa" (落花) để đưa đến "hận" (恨) qua trung gian 2 chữ "tương dữ" (相與) để chỉ tình cảnh của hoa lạc này lại cũng là tình cảnh của thi nhân, hận vì không có người thân bên cạnh, hận vì lưu lạc trên đất khách quê người như tâm trạng của chiếc hoa rơi xuống đất không một tiếng động hay nói đúng hơn không một tiếng than! Từ câu đầu dắt dẫn xuống câu thứ tư - tức câu kết - "Đáo địa nhất vô thanh" (到地一無聲), thật là lặng lẽ buồn thảm vô cùng!

Một bài thơ hay như vậy nên được tiền nhân khen là "thần bút" (神筆) cũng không lấy gì làm ngoa!

Ghi chú: Trong quyển dịch Đường-thi của Cụ Trần Trọng Kim thì bài thơ này mang tựa đề "Nam Hành Biệt Đệ" và tác giả bài thơ này của Vi Thừa Khánh. Còn trong quyển "Thi Tử Bình Thường" của Tây Đắc Lâm (Trung Hoa Thư Cục ấn hành) thì mang tựa đề là "Ký Nhân" và tác giả là Thôi Đạo Dung. Ngoài ra 2 chữ "đạm đạm" (澹澹) trong quyển Đường-thi của Cụ Trần khác với chữ "đạm đạm" (淡淡) của họ Thôi. Vậy kính mong quý thức giả bổ túc nghi vấn văn học này để chúng tôi được thọ giáo, cảm ơn!



CÀY CÂY TRÊN ĐẤT TÂM

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)

Thưa Anh Chị Em Huynh trưởng bốn phương,

Nhiều người do suy nghĩ lệch lạc, cho rằng tu sĩ là những người ẩn bám xã hội, chỉ dựa vào sự cúng dường của chúng sanh chứ không làm ra của cải vật chất ích lợi cho xã hội. Suy nghĩ này không phải chỉ ở thời đại văn minh, vật chất, đồng tiền quyết định tất cả mới có, mà tự ngàn năm trước đã có rồi.

Thật vậy, đức Phật Thích Ca, trước đó là một vị thái tử của một đất nước phú cường (Xứ Ca Tỳ La Vệ), ngài đã bỏ cung vàng điện ngọc, ngôi báu giang sơn quyết chí ra đi tìm cho được con đường cứu độ chúng sanh; nhưng vẫn còn có người không hiểu khi ngài khoác chiếc áo cà sa đi khất thực. Xin kể lại câu chuyện đức Phật tiếp xúc với những nông phu và những ông trưởng giả, phú hộ thời đó và cách giáo dụ tư tưởng cho một vị trưởng giả có tư tưởng lệch lạc kia...

Vào một ngày mùa đông vui của làng quê, nông phu tụ họp lại

để ăn mừng mùa gặt, không khí hân hoan phấn khởi. Đức Phật và Tăng đoàn của ngài ghé thăm nông trang. Nhiều gia đình nông phu cung kính đem phẩm vật đến cúng dường ngài và Tăng đoàn, chỉ có một vị trưởng giả (trước đây cũng là nông phu nhưng bây giờ đã trở nên giàu có) ganh tị trước sự kính ngưỡng của mọi người với đức Phật, lên tiếng trách móc đức Phật rằng:

“Chúng tôi hằng ngày phải siêng năng cày cấy, làm việc mệt nhọc mới có ngày thu hoạch như hôm nay; tại sao ngài không học làm theo chúng tôi?”

Đức Phật từ tốn trả lời: “Này ông trưởng giả, tôi cũng có cày ruộng vậy.”

Ông trưởng giả ngạc nhiên: “Ngài cũng là một người nông phu sao? Thế thì trâu của ngài đâu? hạt giống và ruộng của ngài ở đâu?”

Đức Phật nói: “Tâm địa của chúng sanh là ruộng của tôi, bát chánh đạo là hạt giống của tôi, hạnh Tinh tấn

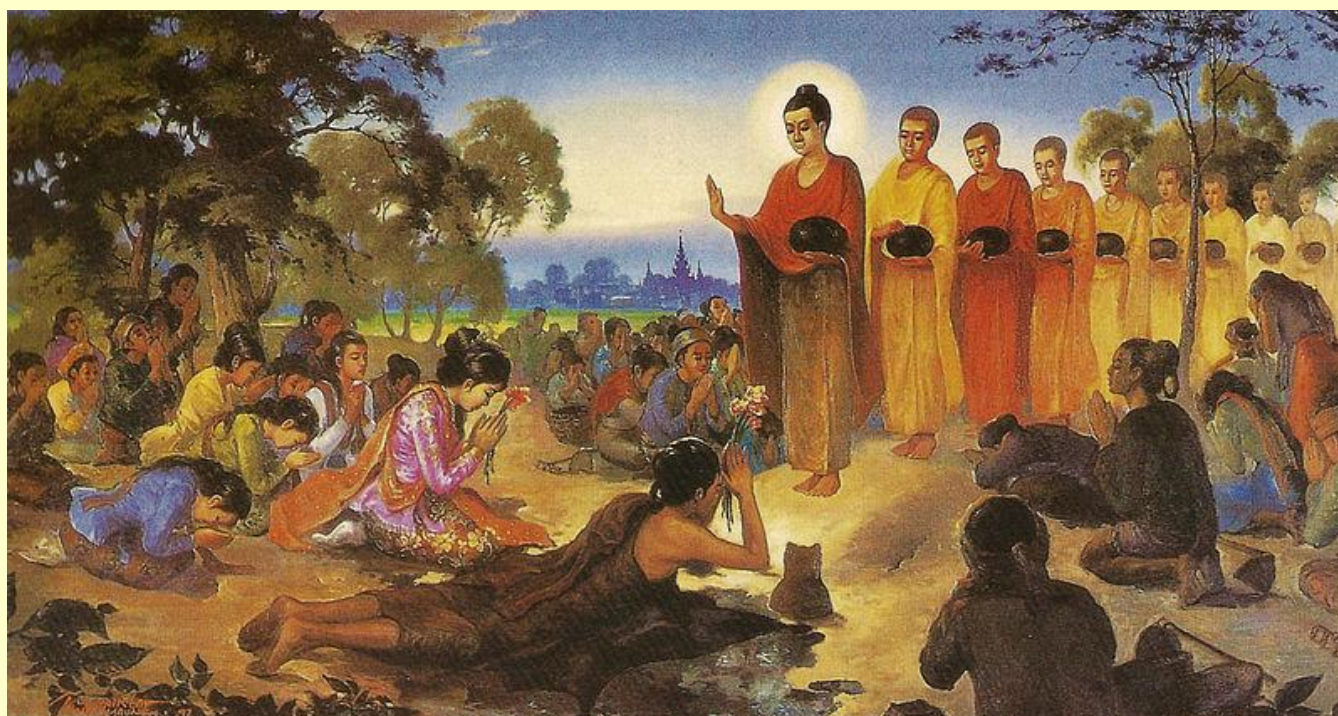
là con trâu cày ruộng của tôi. Tôi gieo hạt giống bát chánh đạo vào mảnh ruộng là đất tâm của chúng sanh, siêng năng cày cấy trên đất tâm của chúng sanh, khiến họ khổ trừ được phiền não khổ đau, đạt được an lạc, đó là sự thu hoạch của tôi.”

Ông trưởng giả nghe xong, cảm nhận sâu sắc lời Phật dạy, lập tức đánh lễ sám hối với đức Phật, sai gia nhân đem sữa và gạo tốt nhất ra cúng dường đức Phật và Tăng đoàn của ngài; rồi ông quy y xin quy y với ngài và cảm động thưa:

“Xin đức Thế Tôn nhận đồ cúng dường của con. Ngài đã cày trên ruộng Tâm con, gieo hạt giống hiền thiện vào Tâm con, con sẽ gặt hái được quả phúc.”

Thân kính chúc Anh Chị Em siêng năng cày cấy trên đất Tâm của mình cho đến ngày hạt giống Bát Chánh Đạo nở ra đóa hoa Giải thoát.

Trân trọng,
BBT





NHỎ MŨI TÊN ĐỘC

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)

Thưa Anh Chị Em Áo Lam,
Đức Phật dạy: “Một lá cây, một ngọn cỏ cũng dạy cho chúng ta nhiều bài học quý.” Thật vậy, nếu chúng ta biết quan sát, cảm nhận, lắng nghe, v.v.. thì cỏ cây hoa lá, tiếng chim hót, tiếng suối reo... cũng là những bài Pháp tuyệt vời.

Hôm nay Nhóm Áo Lam xin giới thiệu với Anh Chị Em một tấm gỗ nhỏ xíu trên đó có hình ba con khỉ, một con bịt mắt, một con bịt tai và một con bịt miệng—đây là một món quà lưu niệm được bày bán trong một gian hàng của một phi trường quốc tế. Chỉ cần chú ý đến hai con Khỉ bịt mắt và bịt tai chúng ta có phải đã nghĩ ngay đến hạnh “phản văn, văn tự tánh” của Bồ tát Quán Thế Âm hay không? Hạnh phản văn (văn là NGHE) là xoay cái khả năng nghe, nhìn bên ngoài vào bên trong để nhìn sâu và lắng nghe tự Tâm, chân Tâm bên trong. Thấy vì nhìn ra ngoài để thấy lỗi của người khác để phê phán, chê bai, nói xấu người thì hãy lắng nhìn sâu vào Tâm của mình, để thấy được những chỗ đen tối của lòng mình, nhìn sâu vào những tư tưởng sai lầm như cổ chấp thành kiến, ganh tị, tham đắm, sân si, ngã mạn v.v... (đây chính là “vô minh” trong 12 nhân duyên!)

Khi nghe những lời nịnh hót, tăng bốc, chúng ta hãy xoay vào trong để lắng nghe và nhìn rõ bộ mặt của cái tâm không ổn định của mình, cái tâm luôn ràng buộc với lời khen và sợ hãi những tiếng chê, cái tâm yếu đuối, nhu nhược, đầy ngã tính... Đó chính là chúng ta đang huấn luyện Tâm mình bằng cách lắng nghe tiếng nói nhỏ nhiệm chân thật của Tâm—những tiếng nói mà vì chạy theo thị phi đối đãi nên đã bị chôn vùi trong thành kiến và những tập khí lâu đời.

Còn nhìn ra ngoài thì sao? Từ con khỉ bịt mắt, chúng ta thật sự đã có nhiều đề tài để quán chiếu; thật là thú vị!

Thưa Anh Chị Em,
Người ta nói “Con mắt là cửa

sổ của Tâm” ý nói “cách nhìn và lối sống là một,” hay “nhìn làm sao thì sống như vậy”; đó là lý do mà trong phẩm Tịnh Hạnh của Kinh Hoa Nghiêm, Bồ tát Văn Thù dạy chúng ta sửa đổi cách nhìn, nghĩa là sửa đổi những phản ứng của mình trước những hoàn cảnh. Hễ mắt nhìn thấy cái gì thì óc lập tức phản xạ, liên kết với những dữ kiện đã sẵn có... ví dụ thấy con rắn, lập tức nhảy ra xa, thấy xe chạy lại phía mình thì tránh v.v... đó là những phản xạ tự nhiên về thân. Còn có những phản xạ tâm linh quan trọng hơn như gặp người mình ngưỡng mộ, yêu mến... thì tim đập mạnh, cảm giác khoan khoái nhẹ nhàng; trái lại, gặp người không ưa hay chán ghét thì cảm thấy khó chịu, bực bực, căng thẳng... Nói tóm lại, nếu chúng ta không biết điều chỉnh cái nhìn trở nên vô tư, bỏ ra ngoài sự yêu-ghét lấy-bỏ thì chúng ta sẽ phiền não đau khổ do khó chịu hay căng thẳng (là stress đó!) của chính mình gây ra.

Như vậy, từ khi mở mắt ra đón chào một ngày mới cho đến khi nằm xuống giường để ngủ, chúng ta tiếp xúc với muôn ngàn cảnh sắc của cuộc đời, và có bấy nhiêu phản ứng, chúng ta phải làm sao để những phản ứng ấy đem lại an lạc cho mình và cho

người chứ đừng để đưa đến phiền não, bệnh hoạn. Chúng ta đã từng dạy cho đàn em của mình những bài thi kệ nói lên lời nguyện vị tha của mình, ví dụ:

**Mức nước để rửa tay
Xin nguyện cho mọi người
Có đôi bàn tay sạch
Giữ trái đất này**

Phần chúng ta, còn tiếp xúc với những cảnh sắc phức tạp hơn ví dụ như “ngũ dục” — là đối tượng của dục vọng, như tiền bạc, tầu sắc, hưởng thụ, v.v... và bài kệ chúng ta đã được đọc trong phẩm Tịnh Hạnh là:

**Được hưởng ngũ dục,
Nguyện rằng chúng sanh
Nhỏ mũi tên độc
Cứu cánh yên ổn**

Đây chính là vấn đề rất thường nhưng rất đáng cho Anh Chị Em chúng ta suy gẫm quán chiếu để soi rọi lại mình từng ngày, từng giờ hay có thể từng giây phút... Thật vậy, đặc tính của ngũ dục là khiến người ta nghiện ngập, chìm đắm trong đó; chúng ta cũng không ngây thơ mà nghĩ rằng chỉ có rượu hay ma túy mới làm người ta nghiện ngập; mà danh vọng, địa vị, sắc đẹp, cờ bạc..., cũng làm người ta say đắm và có thể nhận chìm người ta trong biển trụy lạc, thân bại danh



liệt trong khoảnh khắc. Điều này
đâu cần chứng minh—vì sử sách
có đầy ra cả, không chỉ ở phương
Tây mà chúng ta gọi là xã hội văn
minh vật chất, ngay cả ở phương
Đông cổ kính cũng vậy thôi!

Thưa Anh Chị Em,
Chính vì thế mà đức Phật đã dạy:
"Ngũ dục là gốc rễ của địa ngục
đọa lạc, giống như mũi tên độc đã
ngắm vào da thịt, khó nhổ cho
ra, và dù có nhổ ra được thì đau
đớn biết bao nhiêu vì chất độc đã
ngắm vào cơ thể rồi!" Chúng ta,
người Huynh trưởng Gia Đình
Phật Tử có lẽ ít ai "chết" vì danh,
sắc, ăn uống, nhậu nhẹt... vì ít
nhiều chúng ta cũng có sự tu tập,
nhưng chúng ta—nhất là nam
Huynh trưởng—lại vướng vào
vòng cờ bạc rất dễ dàng. Thật
vậy, cả trong nước lẫn hải ngoại,
thật đúng là chuyện khó tin mà
có thật, phải không các bạn?

Như đã nói, cờ bạc mà kiểu mạc
chược hay tổ tôm hay xì tố hay
"chơi số đề" v.v... là quá xưa rồi;
cờ bạc của thế kỷ 21 không chỉ là
casino hay "đại thế giới hiện đại,"
cờ bạc hôm nay là cá độ, cá con
ngựa nào hay nhất, cá đội bóng
nào thắng, cá nước nào được
nhiều huy chương vàng nhất
trong kỳ Olympic này, v.v... thôi
thì muôn ngàn hình thức cờ bạc—
sát phạt nhau đến nỗi phải tan
gia bại sản.

Tất nhiên, hiện tượng này không
phổ biến, vì được giấu rất kỹ, chỉ
có những người đồng hội đồng
thuyền mới biết thôi! Tuy nhiên,
chúng ta thử nghĩ xem, nếu một
ngày nào đó, có một Huynh
trưởng Gia Đình Phật Tử dù trong
nước hay ở hải ngoại—bị phá sản
vì cờ bạc, hay bị kiện tụng vì
những lý do "ngũ dục" thì đâu
phải một mình Huynh trưởng ấy,
mà cả tập thể chúng ta đều phải
cúi đầu xấu hổ, và làm sao trả lời
trước đàn em của chúng ta? —

Xin thưa, rất may, mọi việc đều
chỉ đang là một chuyện giả tưởng
do mấy chữ "ngũ dục" gợi ra!

Vì vậy chúng ta hãy hết sức tỉnh
giác và giữ tâm thanh tịnh, quán
chiếu về giới thứ 5 (không uống
rượu) để tránh xa tất cả những
thứ gì vật chất hay tinh thần, có
thể làm chúng ta say sưa
("ghiền") đến nỗi quên hết bốn
phận, mất khả năng lý luận, phán
đoán... rồi lạc mất hướng đi!
Mong lắm thay!

Trân trọng,
Nhóm Áo Lam

Những dấu lặng

NGUYỄN DUY NHIÊN



Chúng ta thường nghĩ rằng một người thành công, hay là một người có ích cho đời là một người rất bận rộn. Người ta thường nói thì giờ là vàng bạc, vì vậy lúc nào ta cũng phải biết tận dụng thì giờ của mình, không được hoang phí. Nhưng có một nhà văn Trung Hoa, ông Lâm Ngữ Đường, nói rằng, "Thì giờ có ích lợi nhất khi nó không bị bắt dừng vào một việc gì hết. Thì giờ cũng được ví như khoảng trống trong một căn phòng." Khoảng trống ấy đâu có sử dụng cho việc gì đâu, nhưng nó rất là cần thiết.

Cũng như trong nghệ thuật cắm hoa. Một yếu tố quan trọng trong sự cắm hoa là khoảng không gian chung quanh những nhánh hoa, những cành lá. Chứ không phải hề càng cắm cho nhiều hoa, chen chúc với nhau, là đẹp. Nhìn vào ta phải thấy nhẹ mát, phải cảm nhận được nơi ấy một không gian thênh thang. Ta có thể ví dụ cuộc sống như là một bài nhạc. Trong một bài nhạc bao giờ cũng có những dấu lặng, và những khoảng cách giữa hai nốt nhạc với nhau. Thiếu những khoảng trống ấy, thì bản nhạc không thể là một bản nhạc, nó chỉ là một âm thanh kéo dài vô nghĩa mà thôi.

Một nhạc sĩ dương cầm tài danh, *Artur Schnabel*, chia sẻ về nghệ thuật chơi đàn của ông như sau, "Tôi không nghĩ là mình chơi đàn hay hơn bất cứ một nhạc sĩ nào khác, những nốt nhạc trong một bài nhạc đều giống y như nhau, chúng cũng chỉ có vậy thôi. Nhưng tôi biết cách sử dụng những khoảng cách giữa hai nốt nhạc. Mà nghệ thuật nằm ở những nốt nghỉ đó. Chúng làm cho bản nhạc hay hơn."

Bạn biết không, mọi vật trên vũ trụ đều có một nhịp điệu riêng, từ sự chuyển động của một hạt nguyên tử nhỏ bé, cho đến trái đất, mặt trăng, và các dãy ngân hà xa xôi. Tất cả đều có một *rhythm* riêng của nó. Chung quanh ta, trời có mưa nắng, thiên nhiên cây lá có bốn mùa, thủy triều có lên xuống...

Sự sống của ta cũng vậy, cũng có những sự mất còn, đến đi, cần thiết của nó. Có những lúc ta bước tới, nhưng cũng có những lúc ta cần sự dừng lại. Nếu như ta chỉ biết đi tới mà không còn dừng nghỉ, thì sự sống này chỉ còn có một chiều duy nhất mà thôi, nó sẽ lạc mất nhịp điệu.

Bạn hãy làm cho cuộc sống mình được tốt đẹp hơn, hạnh phúc hơn, trong sáng hơn, bằng cách chú ý và trân quý đến những khoảng trống, những dấu lặng trong đời mình. Và bạn biết không, nghệ thuật sống đẹp của chúng ta nằm ở nơi những khoảng trống đó.

Lá Thư Đầu Tuần:

Bài viết hàng tuần của GDPT trên trang nhà GDPTVN Trên Thế Giới

LÀM MỚI CHÍNH MÌNH



Thưa Anh Chị Em Lam viên bốn phương,

Mặc dù đạo Phật có mặt trên thế gian rất lâu, hơn 2 ngàn năm trăm

năm rồi, nhưng không ai nói giáo lý Phật đã cũ kỹ, bởi vì những giáo lý về Nhân quả, Duyên Khởi v.v... thì muôn đời vẫn là chân lý; có những điều đức Phật nói mà cho đến nay khoa học vẫn chưa chứng minh được chứ chưa có điều nào đức Phật nói mà khoa học hiện đại bác bỏ được.

Về Tổ chức GDPT, một tổ chức giáo dục của Phật giáo, thì ban đầu ban lãnh đạo chỉ gồm những thanh niên chưa đầy 20 tuổi, nhưng cho đến bây giờ GDPT đã có đủ các thành phần: nam nữ thanh thiếu niên, phụ nữ, nam nữ cao niên, bô lão, đồng ấu... Vì tổ chức đã lớn lên sau hơn 70 năm sinh hoạt rồi! Đó là về mặt hình tướng bên ngoài, còn về tánh tình, tính chất, tình cảm... bên trong thì không thể định nghĩa được thế nào là TRẺ, GIÀ v.v...

Một nhà tâm lý học Pháp đã nói: "Tuổi trẻ không phải là một giai đoạn của cuộc sống, đó là một trạng thái của tinh thần, một hệ quả của ý chí, một phẩm chất của trí tưởng tượng, v.v..." (la jeunesse n'est pas une période de la vie; elle est un état d'esprit, un effet de la volonté, une qualité de l'imagination...)

Như vậy, khi chúng ta nói "phải làm mới phương pháp tu học", "phải có hướng nhìn mới," hay "phải cải tiến sinh hoạt của GDPT" v.v... có nghĩa là chúng ta phải làm mới chính mình... Đó là chưa nói nhiều khi chúng ta trẻ (tuổi) nhưng đã già từ bao giờ; là do cuộc đời chưa làm nhẵn da mặt chúng ta nhưng đã làm nhẵn tâm hồn chúng ta bởi những lo toan quá mức, những nghi ngờ, thành kiến, cố chấp, những thất vọng... hay khi chúng ta đã đánh mất niềm tin và lý tưởng.

Chúng ta làm mới mình, nghĩa là làm trẻ tâm hồn mình, là

khi chúng ta không những không bức mình mà còn thích thú khi được nghe các em hỏi "tại sao", "rồi sao nữa" v.v... và tìm cách trả lời thật thoả đáng cho các em. Chúng ta làm mới mình bằng lòng tin vào Tam Bảo, vào Tổ chức, vào chính mình; ngược lại chúng ta sẽ già đi, sẽ tàn tạ nếu chúng ta xa lìa "anh nhi hạnh" (Hạnh trẻ thơ mà Kinh Pháp Hoa đã dạy đó!)

Chúng ta giữ cho mình trẻ lâu bằng cách tự huấn luyện mình biết tiếp nhận, biết học hỏi không ngừng, không mệt mỏi; tiếp nhận những gì tốt đẹp và cao cả, tiếp nhận những thông điệp từ thiên nhiên, từ con người, từ thời gian vô cùng, và không gian vô tận.

Mặt khác, tuổi TRẺ là cái tuổi đầy năng lực và nhiệt huyết, tuổi của hy vọng rất nhiều và tuyệt vọng cũng rất chóng; tuổi phá hoại cũng dữ nếu mất niềm tin, nhưng xây dựng rất lớn nếu được hướng dẫn, huấn luyện tốt. Vì vậy tuổi trẻ rất cần sự quan tâm và trao truyền kinh nghiệm của các thế hệ đàn anh.

Thưa Anh Chị Em, Là Huynh trưởng GDPT, dù trẻ hay già, dù theo nghĩa hình tướng hay lý tánh, chúng ta cũng hứa với nhau, luôn nắm vững 3

món hành trang này trong khi sinh hoạt GDPT từ Địa phương đến Trung Ương để giữ gìn sự thống nhất trong tư tưởng và hành động:

• **Cương quyết một cách mềm dẻo:** đó là nương theo chiều thuận mà đi nhưng không bao giờ quên cái ĐÍCH nhắm đến; phải bơi theo dòng nước chảy nhưng đừng bao giờ quên BẾN BỜ mình đã định. Mềm dẻo đối với mọi người và trong mọi việc nhưng không phải mềm yếu để ai muốn lái đi đâu thì lái.

• **Tiến nhanh tiến vững một cách tuân tự:** đừng chạy mà vấp ngã vì khi ngã phải mất thì giờ đứng dậy để đi lại. Đùng nóng này, hãy bước những bước vững chắc vì những bước ấy sẽ đưa ta đi nhanh hơn những bước nhảy vọt bởi những

• **Hãy nghĩ đến tương lai mà làm việc hiện tại,** hãy nghĩ đến quả mà gieo nhân, hãy nhìn xa mà bước để nhìn thấy những hố hãm phía trước mà tránh. Muốn làm việc lớn thì phải có tầm nhìn xa nhưng đừng quá xa để mất cả thực tế.

Xin kính chúc Anh Chị Em Lam viên bốn phương luôn tươi tắn Hạnh Anh Nhi của mình từng ngày, từng giờ để Tổ chức chúng ta ngày càng thích hợp với Tuổi Trẻ, đàn em chúng ta được trao truyền một nền giáo dục Phật giáo từ các bậc đàn Anh, đàn Chị, đầy đủ 3 đặc tính: nhân bản, dân tộc và khai phóng.

Kính chào Tinh tấn!

Trân trọng,

BBT



Như bóng

gặp người xưa lại
một chiều mưa êm
tim yêu chợt xót:
duyên người đã yên

đây hôn em mềm
đây vai em xuôi
người qua, cứ bước
em buồn đã quen

sông nào chẳng sóng
sóng chẳng là sông
tình yêu như bóng
nhập nhòa sắc không!

Đời giữa đêm sâu

ai thấp trong tôi niềm tin tuổi dại?
tin ngày mai đường ngọc mát chân son
tin tương lai vàng ửng quả ngọt ngon
chờ tay hái từng nhánh đời, vô ngại
hôm ấy mười lăm, dòng trăng lụa chảy
trăng rờ ràng gọi sáng khoảnh vườn con
trăng diệu kỳ ngào ngọt ngậm môi non
đêm-con-gái mơ vén mây tình ái

ai lay thức tôi đêm xuân mười bảy?
ren rén chong đèn ngòi dệt mơ riêng
tình âm tràn như đợt nắng tháng giêng
ve vuốt bờ lưng, ấp nồng huyền thoại
sẽ có một đời bên nhau mãi mãi
sẽ chung cánh bay vạn nẻo tinh cầu
thách thức ngàn sao như tình ngang trái
chuyện nàng Juliet yêu Romeo!

khuya khoắt trời swong, trăng chìm nguyệt lặn
trái tương lai chín héo tóp teo dần
mây hoàng kim tan tác khóc điêu tàn
môi tê tái ngậm bao lân lệ mặn

hun hút đêm sâu, chớp lòa mưa nặng
gió đập vùi muôn nụ đóa thanh tân
đường gập ghềnh mỗi bước một chênh vênh
đèn leo lét cuối hầm, hay ảo vọng?



Lục bát từ biển, buổi chiều

biển chiều, bãi vắng, sóng dồn
nghe đời như đã hoang hôn ít nhiều
trời quạnh hiu, ý quạnh hiu
có con chim nhắc trăm điều lao đao
có tôi sống giữa ba đào
hôn trôi theo nhịp sóng gào đêm đêm
có người soái cánh đi tìm
mà trong mù mịt đã chìm tăm hơi
có khuya giờ sách tìm lời
lấy tình xa dễ giấc đời long đong

muốn say, uống hớp rượu nồng
âm lòng giây phút, bênh bóng nỗi đau
muốn quên, như nước qua cầu
nước thành mây vẫn ngậm sâu khôn tan

còn ai tiếc giấc mộng tàn
như tôi, ngời nhớ chuyện hàn ôn xưa?

thơ

NGUYỄN THỊ MINH THỦY

MÁI CHÙA TRỤ CỘT HỒN DÂN TỘC

Đào Văn Bình

Cách đây hơn một thế kỷ, tại những quốc gia bị ngoại bang đô hộ, đất nước bị chia cắt, văn hóa bản địa bị triệt hủy, tâm linh dân tộc bị nhục mạ, dày xéo thì kẻ khôn ngoan biết thời biết thế đã chạy theo ngoại bang để kiếm miếng đỉnh chung rồi quay trở lại kết tội và chửi rủa ông bà tổ tiên mình. Tại Việt Nam trong bối cảnh mà:

*Trên ghế bà đầm ngoi đít vịt
Dưới chân ông cử ngồng đầu rồng
(Trần Tế Xương)*

Và khi nhà cửa, đình, chùa, miếu đền của đất nước tan nát:

*Bến Nghé của tiền tan bọt nước
Đồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây
(Nguyễn Đình Chiểu)*

...thì tưởng nhớ hoặc **tiếc thương hồn dân tộc** chỉ là những tiếng khóc than hoặc tiếng thờ dài. Ngay cụ Tản Đà muốn bày tỏ lòng ái quốc cũng chỉ dám nói bóng nói gió:

*Nước non nặng một lời thề
Nước đi đi mãi không về cùng non.*

Rồi nhà thơ Vũ Đình Liên muốn hỏi tưởng lại **uy linh của dân tộc** năm xưa cũng chỉ đặt một dấu chấm hỏi:

*Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?*

Thật đau khổ cho dân tộc Việt Nam với một quá khứ huy hoàng. Thế nhưng bây giờ thì có khác. Sau khi thoát khỏi ách đô hộ, các quốc gia độc lập đã học được bài học xương máu là nếu không phục hồi lại **khí phách và tâm linh dân tộc** thì không thể nào đoàn kết để đối đầu với những cuộc xâm lăng của đủ thứ loại ngoại bang, công khai cũng như ngầm ngầm dưới mọi hình thức. Sự trỗi dậy của các quốc gia Hồi Giáo, ngoại trừ hành động quá khích của thiểu số, nó còn là một nỗ lực để bày tỏ khí phách và bảo vệ giá trị tâm linh mà họ nghĩ rằng giá trị đó lúc nào cũng có thể bị Tây Phương xâm thực và hủy hoại. Vậy thì tâm linh dân tộc là cái gì mà người ta phải dùng xương máu để bảo vệ? Chỉ cần nhìn vào thực tế chúng ta sẽ thấy ngay câu trả lời. Chúng ta có thể nói mà không sợ sai lầm rằng tâm linh của dân tộc Do Thái là Do Thái Giáo. Tâm linh của các dân tộc Âu Châu, Canada, Úc Châu, Hoa Kỳ là Kỳ Tô Giáo, tâm linh của dân tộc Ấn Độ là Ấn Độ Giáo...và hiển nhiên tâm linh dân tộc của Tích Lan, Tây Tạng, Miến Điện, Lào, Trung Hoa, Nhật Bản, Thái Lan, Căm Bốt và Việt Nam là Phật Giáo. Thế nhưng khác với các Thần Giáo, tâm linh dân tộc của các xứ thuần nhuần tư tưởng Phật Giáo, chính yếu không phải là sự tuân phục và thờ phượng thần linh – mà là sự thể nhập giáo lý một cách hài hòa vào cuộc sống. Tại đây, sự thờ phượng là thứ yếu còn **"cứu khổ độ sanh, hộ quốc an dân"** mới là cứu cánh. Đối với người Việt Nam, **tâm linh của dân tộc rất linh thiêng nhưng không huyền bí**. Nó không huyền bí vì nó không dựa vào Thần Linh. Đó là niềm tin vào giáo lý của Đức Phật bằng xương bằng thịt, rồi từ đó rút ra những giá trị đạo đức cao nhất, rồi chan hòa trong

cuộc sống qua một thời gian rất dài **rồi trở thành truyền thông dân tộc**. Chính tâm linh này đã soi rọi cho cách cư xử, nếp nghĩ, phương châm hành động của ông bà chúng ta trong mấy ngàn năm, chẳng hạn như:

- *Chị ngã em nâng.*
- *Một con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ.*
- *Thương người như thể thương thân.*
- *Chín bỏ làm mười.*
- *Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài.*
- *Làm lành lánh dữ.*
- *Ở hiền gặp lành.*
- *Hiếu thảo, báo đáp công ơn sinh thành.*
- *Báo tử trọng ân (Ân tổ tiên, ân đất nước, ân Tam Bảo, ân đồng bào và nhân loại)*
- *Tháng Bảy ngày Rằm xá tội vong nhân...*

Và chính ngôi chùa, qua bao ngàn năm kia đã là biểu tượng cho tâm linh đó **một cách tự nhiên**. Cứ thử nhìn vào cấu trúc và sinh hoạt của làng quê, xã thôn Việt Nam thì sẽ thấy:

- **Đình làng** là nơi hội họp để bàn về việc làng, việc nước, việc vua, việc quan. **Nó là biểu tượng của uy quyền thế tục**. Tại đình làng phải có tôn ti, trật tự và thứ bậc đầu vào đó. Đình làng sắp đặt thể lệ, thuế má, đôi khi cũng trở thành tòa án để xét xử những vụ tình yêu trai gái vụng trộm v.v.. Thành Hoàng Làng là vị thần mà dân làng tin tưởng sẽ đem lại mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt vì ngày xưa người dân sống về nông nghiệp.

- **Miếu, Văn Miếu** để ghi công và thờ phượng các danh nhân, các bậc sĩ phu của đất nước như miếu thờ Cụ Cao Bá Quát, Cụ Nguyễn Dữ, Cụ Chu Văn An, Bà Công Chúa Liễu Hạnh, Cụ Ôn Như Hầu, Cụ Nguyễn Công Trứ, Cụ Nguyễn Trãi, Cụ Nguyễn Bình Khiêm, Cụ Lê Quý Đôn v.v.. Miếu và Văn Miếu **biểu tượng cho văn hóa dân tộc**.

- **Đền** là nơi thờ phượng các vị anh hùng hoặc các vị có công dựng nước như đền thờ Vua Hùng, Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Bà Lê Chân, đền thờ Vua Lê Đại Hành, Vua Đinh Tiên Hoàng, Vua Lý Thái Tổ, Đức Thánh Trần, Vua Lê Lợi, đền thờ Vua Quang Trung



Cl. Văn Xuân - Hanoi (Tonkin)

103. Tonkin - HANOI - Pagode Mật Cột

v.v..Đền thờ các anh hùng là **biểu tượng sống động của lịch sử và khí phách dân tộc**. Tới Đền Kiếp Bạc để chiêm bái Đức Thánh Trần chúng ta thấy khí phách hào hùng của dân tộc đã đánh tan ba cuộc xâm lăng của Đế Quốc Nguyên Mông.

- Còn Ngõ Chùa là nơi thờ Phật và hiển nhiên là **biểu tượng tâm linh của dân tộc**, như HT. Thích Mãn Giác đã nói:

"Mái chùa che chở hồn dân tộc"

Tất cả những gì nói ở trên, những sinh hoạt của Đình, Chùa, Miếu, Đền của làng quê Việt Nam đã kết hợp nhuần nhuyễn, hài hòa từ mấy ngàn năm để trở thành **bản sắc dân tộc**. Dưới đây chúng ta sẽ nói thêm về những nét đẹp, nét dễ thương, nét hiền hòa, nét đôn hậu, nét trữ tình, nét từ bi, nét bao dung của ngôi chùa.

1) Mái chùa không phải là nơi gieo rắc oan khiên mà là chỗ **giải oan**. Chính vì vậy mà Đạo Phật không gieo rắc oan khiên cho nhân loại là như thế đó. Bao nhiêu oan oán giang hồ hể tới chùa thì phải **tiêu tan**. Chùa không phải là nơi phân xử đúng sai, có tội hay không có tội. Chùa là nơi xả bỏ tất cả những gì gọi là Đúng Sai. Đạo đức của chùa nằm ở lòng Từ Bi, Hỉ Xả. Muốn biết Đúng Sai, muốn biết có tội hay không có tội xin đến tòa án, đến ông luật sư, dùng đến chùa.

2) Chùa không phải là nơi bàn bạc âm mưu khuất lấp mà **cửa chùa rộng mở**. Nhà chùa không có gì phải che giấu cho nên Phật Giáo không có dòng tu kín. Chỗ hành thiền, chỗ ở của ni /sư, nhà trù, nơi thọ trai, chánh điện, nơi thờ Tổ ...mọi người có thể thăm viếng. Sự linh thiêng của một ngôi chùa không phải là phép màu hoặc là nơi bao trùm bí mật...mà là giới luật, đạo hạnh của sư, ni.

3) Mái chùa không phải là nơi mưu việc thống trị thiên hạ mà là nơi **cứu khổ độ sanh**. Chùa không phải là trung tâm quyền lực của đất nước hay của thế giới. Trung tâm quyền lực của đất nước nằm ở quốc hội, nằm ở chính phủ, nằm ở người dân. Chùa không phong chức cho ai. Chùa không ủng hộ ai mà cũng không bài bác ai. Chùa không phải là nơi chia chác lợi lộc ngoài đời. Trải qua các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, Nguyễn, nhiều Thánh tăng đã trở thành quốc sư, sứ thần của triều đình nhưng chùa không bao giờ là nơi để thế gian thậm thụt tới lui xin xỏ quyền chức.

4) Mái chùa không phải là nơi gom góp tiền bạc, mà là nơi chu cấp cô nhi, giúp người nghèo khó. Tiền bạc của đàn na thí chủ thì được **dùng vào việc phước thiện**. Bởi vì đạo Phật quan niệm rằng không có **sự giàu có và phước báu** nào bằng **Bố Thí**. Chất chứa của cải, vàng bạc đầy kho chỉ là biểu hiện của lòng Tham. Đạo Phật là đạo diệt Tham chứ không phải là đạo ôm ấp, bảo vệ lòng Tham. Người Nam trước đây có câu nói thật dễ thương "**Tiền Chùa**". Mượn tiền của người ta xài đã rồi không trả, chủ nợ tức quá hỏi "**Bộ tiền chùa há?**" Tiền chùa là tiền ai đến xin cũng được. Chùa **chỉ cho không và không bao giờ tính lời, tính lãi**.

5) Dù bao nhiêu hưng-phế, bao cuộc hý trường, cười đau khóc hận đã qua nhưng trái tim của chùa, **tâm lòng** của chùa vẫn hằng trụ, vẫn bất biến,



không bị hoen ố theo thời gian đó là cái **Tâm Lành** và **Thủy Chung** với đất nước. Chùa có thể bị phá tan, nhưng chùa không bao giờ bị khuất phục bởi bất cứ thế lực Cường Quyền, Thực Dân, Đế Quốc, Xâm Lược nào.

6) Qua vài ngàn năm, mái chùa là hình ảnh quen thuộc đã đi vào tiềm thức của dân tộc. Tại sao thế? Bởi vì chùa – nơi mà sự cụ, sự bác thì hiền từ, sự bà, sự cô thì dịu dàng. Đời sống của chùa đơn sơ đạm bạc, phong cảnh chùa thì tịch

tĩnh nên thơ, tiếng chuông chùa êm ả như tiếng tỉnh thức của lòng mình:

*Thoảng bên tai một tiếng chày kinh,
Khách tang hải giạt mình trong giấc mộng
(Chu Mạnh Trinh)*

Mùa xuân Tết đến, sau những ngày vui chơi với gia đình, làng nước, người người bảo nhau đi lễ chùa. Khi xuân còn phơi phới, lòng người hân hoan, gió xuân hiền hòa, trăm hoa đua nở... thật trên đời không có gì đẹp hơn là **Đi Lễ Chùa**.

*Rủ nhau xem cảnh Kiếm Hồ
Xem Cầu Thê Húc xem Chùa Ngọc Sơn
Đài Nghiên, Bút Tháp chưa môn
Hỏi ai xây dựng nên non nước này?
(Ca Dao)*

Chính vì thế mà Hội Chay Chùa Hương là một hội lớn của dân tộc, giống như những cuộc hành hương về Mecca mỗi năm của hàng triệu người Hồi Giáo.

*Hôm nay đi Chùa Hương
Hoa cỏ mở hơi sương
Cùng thầy me em dậy
Em vẫn đâu soi gương
(Nguyễn Nhược Pháp)*

Thế nhưng lễ chùa để làm gì đây? Trước hết để cho tâm hồn thanh thản, trút bỏ bớt muộn phiền, xả bỏ bớt Tham-Sân-Si, rồi nhân đó thấp một nén nhang cầu nguyện cho cứu huyền thất tổ. Sau đó đóng góp một phần nhỏ làm công đức với chùa, rồi một phần lại đem về. Nhưng khác với đồ ăn thức uống hoa trái chưa cúng Phật. Những gì sau khi đã cúng Phật rồi đều được coi là **lộc** đem lại tốt lành cho gia đình. Người Việt mình tin như thế cả ngàn năm rồi và cả tôi nữa, dù ở trên đất Mỹ hơn 25 năm cũng vẫn tin như thế. Bữa cơm chay ở chùa dù là tương chao, dưa muối vẫn linh thiêng hơn là bữa cơm thịnh soạn ở nhà. Chính vì thế mà người Tây Phương thấy lạ là tại sao người Việt Nam, người Trung Hoa cứ thích tới chùa ăn cơm chay. Xin thưa đó là **nét đẹp** của dân tộc chúng tôi mà nếu không phải là người Việt Nam hoặc người Trung Hoa thì quý ngài không sao hiểu được.

7) Mái chùa còn là nơi nung nấu khi chúng ta gặp hoạn nạn, cùng đường mà không ai dung chứa. Lỡ đại yêu nhau, sinh con không tiền nuôi nấng, sợ làng xóm chê cười bèn đem con bỏ chùa. Do đó nhiều chùa đã trở thành cô nhi viện để nuôi nấng trẻ em bần phước. Chẳng hạn như Chùa Bồ Đề ở bên kia sông Hồng, Chùa Đức Sơn ở Hương Thủy, Huế đã nuôi nấng, dạy văn, dạy võ thuật cho 198 trẻ em khuyết tật hoặc mồ côi hoặc bị cha mẹ bỏ rơi, để các em tự tin, dũng cảm để tự vượt qua nỗi bất hạnh của cuộc đời. Mới đây nhất là chuyện một mục sư Nam Hàn đã vào chùa để lánh nạn suốt 34 năm trời.

Rồi chuyện của nhà độc tài quân phiệt khét tiếng Nam Hàn là Tổng Thống Chun Doo Hwan sau khi hết quyền hết thế, bị lôi ra tòa kết án tử hình. Cuối cùng phải cạo đầu, xin nường nấu ở chùa, sau được giảm án thành chung thân rồi được ân xá. Dĩ nhiên chùa đầu phải là nơi dung chứa tội phạm. Thế nhưng khi một kẻ gặp bước đường cùng như thế, nhà chùa làm sao có thể đuổi họ ra ngoài? **Cửa chùa rộng mở** là tôn chỉ của chư tăng, ni mà. Cho nên kẻ phạm tội có thể tạm thời lưu tại đó cho đến khi nhà chức trách biết được và mời ông ấy đi, chứ chùa không xua đuổi ai cả.



một nền **đạo đức chung**. Chúng ta hãy nghe học giả Moni Bagghee nói "Thế giới ngày nay ngày càng hướng về Đức Phật vì ngài là người duy nhất tiêu biểu cho lương tâm của nhân loại." (*) Cho nên sự hiện diện của ngôi chùa, dù bất cứ ở đâu sẽ là biểu tượng của một nền đạo đức cao cả nhất mà con người cần phải vươn tới. Chúng ta có thể tin tưởng vững chắc điều này như nhà bác học Albert Einstein đã khẳng định cách đây hơn nửa thế kỷ "Tôn giáo của tương lai

sẽ là một tôn giáo toàn cầu, vượt lên trên mọi Thần Linh, Giáo Điều và Thần Học. Tôn giáo ấy phải bao quát cả phương diện Tự Nhiên lẫn Siêu Nhiên đặt trên căn bản của ý thức đạo lý, phát xuất từ kinh nghiệm tổng thể gồm mọi lãnh vực nói trên, trong cái Nhất Thể đầy đủ ý nghĩa. Phật Giáo sẽ đáp ứng được các điều kiện đó." (*)

8) Mái chùa còn là bối cảnh nảy nở bao mỗi tình đẹp như hoa còn truyền tụng cho tới ngày nay. Trong Bích Câu Kỳ Ngộ Tú Uyên đã gặp Giảng Kiều nên cảnh Phật:

*Ngọc Hồ có đám chay tăng,
Nước nõ cảnh Phật, tưng bưng hội Xuân.
Dập diu tài tử giai nhân,
Ngõn ngang mã tích xa trần thiếu ai.
Thường Xuân sinh cũng đạo chơi,
Thơ lưng lưng túi, rượu với với bầu.*

Rồi quan huyện Từ Thức, đẹp trai, hào hoa, may mắn gặp Tiên Nữ cũng tại một ngôi chùa nổi tiếng của Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh. Rồi chuyện Vua Lý Thánh Tông đi thăm Chùa Dầu mà gặp cô thôn nữ tên Yến Loan tại đây. Vua ưng ý đem về cung phong làm Ý Lan Phu Nhân, sau là Nguyên Phi cuối cùng là Hoàng Thái Hậu. Bà sinh cho Vua hai hoàng tử nổi đời ngài vàng. Nếu Vua không đi chùa, may mắn gặp cô Yến Loan thì chắc chắn sẽ tuyệt tự vì năm đó Vua đã 40 tuổi mà không con. Có lẽ vì giai thoại này được truyền tụng trong dân gian cho nên những ai hiếm muộn đều đến Chùa để xin Phật Bà Quan Âm ban cho một mụn con gọi là "con cầu tự". Chuyện **cầu tự** có thể thấy trong suốt chiều dài lịch sử Việt Nam.

9) Ngày nay do xã hội phát triển quá nhanh, nhanh đến chóng mặt và nhiều hư hỏng, cảm dỗ cho nên nhu cầu giáo dục thanh-thiếu-niên là nhu cầu bức thiết. Chính vì thế mà chùa đã trở thành trung tâm sinh hoạt của các đoàn sinh Gia Đình Phật Tử. Các em đến đây để sinh hoạt, vui chơi, huấn tập để trở thành một công dân tốt được trang bị bằng những giá trị đạo đức vững chắc, khi trưởng thành vào đời cố gắng vươn lên, góp phần vào việc lành mạnh hóa xã hội và không quên giúp đỡ kẻ khác trong tinh thần Bi-Trí-Dũng. Chùa làm bao lợi ích cho đời như thế cho nên những ai nói rằng chùa yếm thế, chỉ lo việc Đạo không lo việc Đời hoặc "trốn việc quan đi ở chùa" kẻ là thiếu hiểu biết hoặc ác khẩu.

10) Hiện nay trên toàn thế giới, từ Âu sang Á, thậm chí cả Phi Châu, Tân Tây Lan, Úc Châu, Ấn Độ đã có khoảng 300 ngôi chùa do ni, sư Việt Nam trụ trì. Dù có nơi còn rất khiêm tốn và chỉ như một ngọn đèn rất nhỏ trong đêm tối. Thế nhưng dù là một ngọn đèn nhỏ vẫn là ngọn đuốc Từ Bi và Trí Tuệ được thắp lên, những chủng tử lành bắt đầu được gieo trồng. Mỗi bộ tộc, mỗi quốc gia đều có lương tâm và đạo đức riêng của họ. Nhưng muốn thế giới này tồn tại trong yên vui thì con người cần phải có

Lời Kết:

Trải bao hưng phế, chùa đã nổi trôi theo dòng lịch sử và gắn liền với vận mệnh dân tộc. Khi nào đất nước hưng thịnh, tự chủ thì chùa chiến đông đức, trăm họ âu ca, giáo lý hiền hòa phổ cập trong dân gian. Khi nào đất nước loạn ly, ngoại xâm dày xéo thì chùa chiến tan nát và cũng là lúc mà tâm linh của dân tộc tan nát, trầm vong!

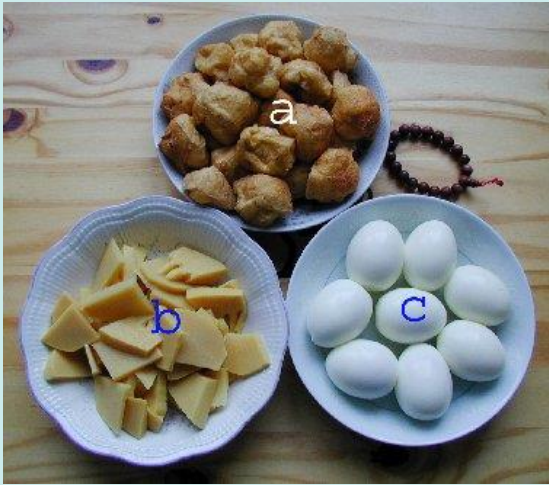
Kinh qua lịch sử đau thương của những thời kỳ mất nước, và nhìn vào những xung đột của thế giới ngày hôm nay chúng ta thấy **vũ khí tối tân** để bảo vệ đất nước là điều phải có, nhưng sức mạnh của một dân tộc không hoàn toàn nằm ở vũ khí. Một dân tộc muốn kết thành một khối hùng mạnh nó phải dựa trên ba trụ cột: **Văn Hóa, Khí Phách (Lịch sử) và Tâm Linh**. Chúng ta có thể mua vũ khí ở nước ngoài, nhưng chúng ta không thể **chờ** hoặc **nhờ** ngoại bang tới để dạy dỗ văn hóa dân tộc, rao giảng, truyền bá khí phách và tâm linh cho dân tộc chúng ta. Cứ thử tưởng tượng ngày mai đây, tất cả các nhà thờ tại Âu Châu, Hoa Kỳ biến mất và được thay vào đó bằng các thánh đường Hồi Giáo thì Hoa Kỳ và Âu Châu có còn là Hoa Kỳ và Âu Châu nữa không? Ngược lại, tại các quốc gia Trung Đông và Ả Rập, các đền thờ Hồi Giáo biến mất và được thay bằng các nhà thờ Kỳ Tô Giáo thì Trung Đông và Ả Rập có còn là Ả Rập và Trung Đông nữa không? Như vậy, xét về mặt tâm linh dân tộc, ngôi chùa là một biểu tượng linh thiêng bất khả thay thế. Vậy thì đối với người Việt Nam, tô thăm cho các ngôi chùa, khuyến khích mọi người đi lễ chùa, duy trì sự hiện diện của ngôi chùa - là bảo vệ tâm linh và bản sắc dân tộc. Muốn đất nước tồn tại, độc lập, hùng mạnh, tự chủ và phát triển trong tinh thần nhân ái mà không mất bản sắc, thì từng giây, từng phút chúng ta **không thể phó mặc tâm linh của dân tộc muốn ra sao thì ra. Nói khác đi không thể phó mặc chùa còn hay mất, sao cũng được.**

Đào Văn Bình

Cước chú: dấu (*) Trích trong *Đạo Phật Dưới Cái Nhìn Của Các Nhà Trí Thức: Buddhism in the Eyes of Intellectuals.*

MỠI KỶ MỘT MÓN CHAY

TÀU HŨ KHO NƯỚC DỪA



Vật Liệu:

- 1) 3 miếng tàu hũ
- 2) 1 hộp măng
- 3) 8 trứng gà
- 4) 3 hộp 15 oz. nước dừa tươi
- 5) 2 muỗng Tbsp bột nấm đông cô
- 6) 5 tép tỏi
- 7) 1 muỗng Tbsp đường

Cách Làm:

Cắt tàu hũ ra từng miếng nhỏ khoảng 2x1 phân và để ra rổ cho ráo nước. Bắc chảo lên và chiên tàu hũ cho đến khi dòn bên ngoài (a). Cắt măng ra thành từng miếng nhỏ vừa ăn (b). Luộc trứng cho chín và bóc vỏ (c). Bắc nồi lên lò, khi nồi vừa nóng cho vào 1 muỗng Tbsp đường, khi đường vừa vàng thì cho vào nồi 3 hộp (15oz.) nước dừa tươi. Đợi cho nước dừa vừa sôi lên thì đập 5 tép tỏi cho vào nồi cùng với trứng, măng và 2 muỗng Tbsp bột nấm. Vặn lửa nhỏ lại, nấu thêm khoảng 15 phút cho trứng và măng thấm nước nấm. Cho tàu hũ vào và tắt lửa. Dùng đũa nhấn tàu hũ xuống cho thấm nước nấm. Lấy ra cho vào tô là quý vị sẽ có được một món Tàu Hũ Kho Nước Dừa rất là ngon miệng.

Nếu thích quý vị có thể dùng món Tàu hũ Kho Nước Dừa (d) này với một dưa leo (e) và dưa cải chua (f) thì buổi cơm sẽ thật tuyệt diệu. Chúc quý vị có được một buổi cơm ngon và bổ dưỡng.



Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

Nếu cần hỏi thêm về cách thức nấu hay để đóng góp, chia sẻ thêm ý kiến, xin liên lạc với chị Diệu An qua điện thư dieuan@sinhthuc.org

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT LIÊN CHÂU
VĂN PHÒNG ĐIỀU HỢP

615 North Gilbert Road, Irving, TX 75061-6240; Tel. (972) 986-1019

TÁN DƯƠNG CÔNG ĐỨC

**Cứu Trợ Nạn Nhân Bão Haiyan Tại Philippines của Chư Tôn Đức
Tăng, Ni và Phật Tử thuộc Các GHPGVNTN Úc Châu, Âu Châu,
Hoa Kỳ và Canada**

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn đức Tăng, Ni,
Kính thưa quý Thiện Nam Tín Nữ Phật Tử,

Trước sự tàn phá vô cùng to lớn của cơn bão Haiyan đã đổ xuống Phi Luật Tân vào ngày 8 tháng 11 năm 2013, làm cho gần 6,000 người thiệt mạng, 4 triệu dân phải di tản, và 1.1 triệu căn nhà hư hại, toàn thể Tăng, Ni và đồng hương Phật tử Việt Nam thuộc các GHPGVNTN tại Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan, Châu Âu, Hoa Kỳ, và Canada đã đồng tâm cầu nguyện và vận động quyên góp cứu trợ để thể hiện lòng từ bi ban vui cứu khổ và lòng tri ân báo ân đối với dân tộc và đất nước Phi Luật Tân đã cứu mang hàng trăm ngàn đồng bào Việt Nam tị nạn cộng sản trong các thập niên trước.

Các GHPGVNTN Liên Châu đã cử phái đoàn gồm 24 vị Giáo Phẩm Tăng, Ni và cư sĩ đích thân đến tận nơi bị thiên tai trong những ngày từ 11 đến 13 tháng 12 năm 2013 để ủy lạo và giúp đỡ tài chánh cho khoảng 3,500 nạn nhân, giúp tái thiết 8 trường học bị thiệt hại nặng nề với số tịnh tài lên tới gần 400,000 Mỹ Kim.

Văn Phòng Điều Hợp GHPGVNTN Liên Châu xin thành tâm tán dương công đức của chư tôn đức Tăng, Ni và cư sĩ đã hy sinh thời giờ và tài chánh tự lo liệu việc di chuyển và ăn ở đến tận nơi thiên tai thay mặt Phật Giáo đồ Việt Nam chia sẻ nỗi đau thương mất mát và bày tỏ lòng tri ân báo ân đối với dân tộc và đất nước Phi Luật Tân. Văn Phòng Điều Hợp GHPGVNTN Liên Châu cũng xin chân thành cảm ơn tất cả những tấm lòng vàng của chư Tăng, Ni và đồng hương Phật tử khắp năm châu bốn biển đã góp lời cầu nguyện và đóng góp tịnh tài để cứu trợ nạn nhân bão Haiyan tại Phi Luật Tân.

Thành kính nguyện cầu chư Phật gia bị cho chư tôn đức Tăng, Ni pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ, và Phật sự thành tựu; đồng kính chúc quý đồng hương Phật tử bỏ đi tâm kiên cố, phước tuệ trang nghiêm, thân tâm thường an lạc.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát tác đại chứng minh.

Phật Lịch 2557, Irving, Texas, ngày 13 tháng 12 năm 2013

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Liên Châu

Văn Phòng Điều Hợp

Chánh Văn Phòng

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

PHẬT GIÁO VIỆT NAM HẢI NGOẠI CỨU TRỢ NẠN NHÂN BÃO HAIYAN TẠI PHI LUẬT TÂN

Thích Giác Tín tường thuật

Ngày 8 tháng 11 năm 2013, siêu bão Hai Yển (Haiyan) đã tàn phá gần hết miền Trung của Phi Luật Tân, bao gồm thành phố Tacloban và những vùng lân cận, cướp đi hơn 7,738 sinh mạng (5,959 người chết và 1,779 mất tích), hơn 27 nghìn người chịu thương tích, hàng triệu căn nhà đổ nát (gây đổ vỡ, điều linh cho hơn 2,5 triệu gia đình sinh sống tại 12 nghìn Làng Xã của 591 Quận và 57 Thành phố thuộc 44 Tỉnh) và để lại cho hơn 12 triệu người dân tại đây biết bao nỗi khổ đắng cay, cuộc sống cơ hàn, màn trời chiếu đất.

Sau cơn xúc động lớn, và qua 3 tuần lễ tích cực trong mọi biện pháp gây quỹ trong cộng đồng Việt Nam, và tâm linh những lời khuyến thỉnh thiết tha của hàng giáo phẩm các Giáo Hội, hàng chục nghìn Phật tử tại hằng trăm Tự Viện khắp nơi hải ngoại đã nhiệt tình đóng góp. ngày 9/12/2013, có 13 vị Tăng Ni và 11 Phật tử từ Hoa Kỳ, Úc Đại Lợi và Canada, tổng cộng 24 người, đã tự lo mọi chi phí để cùng lên đường hẹn gặp nhau tại Manila, thủ đô Phi Luật Tân, tìm đường ủy lạo cứu trợ.

Ngày 10/12/2013, Heritage Hotel là nơi dừng chân đầu tiên trong chuyến đi 4 ngày cứu trợ tại Philippines của những người con Phật trong hạnh nguyện làm với bất phận nào đau thương, mất mát của dân Phi. Đoàn từ Úc Đại Lợi có 8 vị Tăng: HT Thích Minh Trí, HT Thích Quảng Ba, TT Thích Tâm Phương, TT Thích Thiên Tâm, TT Thích Như Định, TT Thích Phước Tấn, TT Thích Giác Tín, ĐĐ Thích Phước Thế và 6 Phật tử. Đặc biệt trong nhóm 6 Phật tử có nhà báo Lưu Dân, anh Nguyễn Hải Sang chuyên viên quay phim cho VietfaceTV, và Bác sỹ nhãn khoa Khánh Tiên, cũng là biên tập viên và phát thanh viên của chương trình phát thanh Hương Từ Bi. Đến từ Canada có HT Thích Bốn Đạt và TT Thích Trường Phước; đến từ Hoa Kỳ có HT Thích Nguyên Trí, TT Thích Tuệ Uy, Ni Sư Diệu Tánh, và trong 5 Phật tử có 2 vị đại diện cho GDPT Thế Giới và 2 từ Hội Từ Bi Quán Thế Âm.

Lấy phòng khách sạn xong, bữa trưa đạm bạc bằng những thực phẩm mang theo từ bốn quốc (không ngoài bánh chưng, mì gói, rong biển...) được mang ra cùng chia nhay sè. 6.15pm cùng ngày, một phiên họp khẩn cấp diễn ra. Mở đầu phiên họp, TT Thích Tâm Phương điều hợp chương trình thưa rằng: **"Kính thưa chư tôn Thiên đức và quý Phật tử, chuyên đi cứu trợ hôm nay vì không hạn cuộc trong từng Giáo Hội, nên xin được mệnh danh chung là ĐOÀN ỦY LẠO PHẬT GIÁO VIỆT NAM HẢI NGOẠI. Để đoàn làm việc được hiệu quả, chúng ta nên bầu một Ban Tổ Chức (BTC) ..."** và trong không khí hài hòa, chỉ vài phút sau một Ban Tổ Chức được hình thành với nhân sự như sau: Cố vấn: HT Thích Nguyên Trí; Trưởng Đoàn: HT Thích Quảng Ba; Phó Trưởng Đoàn: HT Thích Bốn Đạt và HT Thích Minh Trí; Thư ký: TT Thích Giác Tín; Thủ Quỹ: TT Thích Phước Tấn, TT Thích Trường Phước, NS Thích Nữ Diệu Tánh, thêm ĐĐ Thích Phước Thế và Phật tử Giác Quý phụ tá. Tiếp theo, cuộc họp thảo luận tiến trình những công việc cho thời gian 4 ngày làm việc sắp tới; cũng như thông kiểm số tài chánh do các Giáo Hội, các nhóm gây quỹ, các chùa và các hội đoàn từ Âu châu, Canada, Hoa kỳ và Úc mang đến chung góp lại. Nếu tất cả tiền Anh, tiền Âu châu, tiền Mỹ và tiền Canada đều quy thành tiền Úc thì sẽ được 401,000 Úc kim (AUD); trong đó đến từ Úc Châu 253,201 AUD và 700 Mỹ kim (USD), từ Hoa Kỳ 88,988 (USD), từ Canada 15,360 Gia kim (CND), 1,000 AUD và 1,000 USD; Giáo Hội PGVNTN Âu Châu do HT Tánh Thiệt nhờ chuyển đến Đoàn ủy lạo giúp số tiền 17,000 AUD và 8,000 USD. Phiên họp kết thúc vào lúc 8pm (giờ Phi Luật Tân).

Chiều ngày 10/12/2013, chúng tôi mang hơn 400 nghìn đô tìm đến mấy nhà băng chính ở Manila để xin đổi ra tiền Phi (Pesos), trở về hotel cùng nhau phân chia thành gần 3,500 phong bì để chuẩn bị chuyển đi Roxas ủy lạo. Mọi việc tuy đơn giản,



Bão Hai Yển tàn phá tại Tacloban

những cũng đòi hỏi rất nhiều thời gian, thiện chí, nhân nại, cần trọng của mọi thành viên trong Đoàn.

Vào lúc 3.30am ngày 11 tháng 12, Đoàn làm thủ tục trả phòng và đáp chuyến bay đi Roxas City, máy bay cất cánh vào lúc 5.10am, một tiếng đồng hồ trôi qua thật nhanh, máy bay hạ dần độ cao và đáp xuống đường băng, những hình ảnh đầu tiên được ghi lại trong đầu chúng tôi là Trại Không Lưu không còn mái ngói mà được thay thế bằng tấm nhựa lợp lại. Phi trường Roxas không nhộn nhịp lắm, những căn phòng làm việc nơi đây phần nhiều bị hư hỏng, cột kèo thên thùng với nắng sương, nhà dân dọc theo bên ngoài phi đạo xiêu vẹo, chơ vơ với ngày tháng.



Phi trường thành phố Roxas thiệt hại bởi bão Hải Yến gây ra



Ông Bryan Mari Agustin, phụ trách Sở Du Lịch thành phố Roxas, được Thị Trưởng đề cử hướng dẫn Đoàn trong 2 ngày về cứu trợ tại đây, đã có mặt tại phi trường từ sáng sớm cùng với vài anh em nhân viên công lực chính quyền. Ông mời chúng tôi lên chiếc xe bus 24 chỗ ngồi đã nổ máy chờ sẵn. Xe lăn bánh trên đường về khách sạn, Ông Bryan nói: **"chiếc xe này được ông Thị Trưởng dành riêng để phục vụ đưa đón Đoàn trong thời gian lưu lại nơi đây"**. Sau thủ tục lấy phòng tại khách sạn và điểm tâm với mì gói, 10.30am Đoàn đi một vòng khảo sát hậu quả khốc liệt mà bão Yolando đã ập xuống địa phương này. Dọc theo con đường chúng tôi đi, biết bao ngôi nhà tốc mái, đổ nát, người dân

nghèo sống nơi đây sẽ có những tháng ngày sống màn trời chiếu đất. Những cây cổ thụ bật gốc nằm chông chênh bên lề đường, bao nhiêu hàng dừa gãy ngọn không còn cùng gió hòa tấu khúc nhạc giao mùa, những cột điện đường xẹo xiên không còn hiện ngang đứng sừng sững giữa đất trời, những ngôi trường nhiều phòng học tốc mái tan hoang nhìn thấy cảnh điêu tàn, trong lòng ai cũng chạnh lòng thương cảm.



Ngôi trường học tốc mái



Trụ đèn đường xiên xẹo

Sau khi tham quan, khảo sát một vòng, từ nội ô Roxas City vòng qua các Làng, Xã ven núi và ven bờ biển, như đã dự trừ trước, khi đi ngang khu rừng dừa dọc bờ biển, bị bão đánh tới tấp, Đoàn dừng bus, xuống xe thiết lập đạo tràng bên vệ đường. Dưới bóng tàn của vài cây dừa còn sót lại, bày lễ phẩm ngay trên mặt đất, với tranh Bồ tát Địa Tạng treo lên thân cây dừa, giữa 2 câu biểu ngữ 3 thứ tiếng Phi-Anh-Việt của Đoàn. Mùi hương trầm quyện tỏa giữa đất trời bao la. HT Nguyên Trí chủ trì một khóa lễ tuy ngắn nhưng rất tha thiết, cảm động. Mọi người lễ phục trang nghiêm, cầu nguyện cho những nạn dân Phi bất hạnh đã bị trận bão cướp đi mạng sống, được sanh về thế giới an lành, và nguyện cầu những người còn lại sớm ổn định cuộc sống. Ông Bryan nói: **"khi biết được tin cơn bão sẽ đi qua nơi này, chính quyền địa phương lập tức thực hiện một cuộc di dân đến vùng an toàn cho nên số lượng người dân tử vong không đáng kể so**

với những thành phố khác. Thành phố Tacloban, chính quyền nơi đó chưa chuẩn bị kịp cho cuộc di tản dân của mình với hơn nửa sức gió mạnh, tốc độ gió đi quá nhanh, chính quyền không sao trở cho tay kịp nên sinh mạng người dân bị bão cướp đi quá nhiều...". Theo thống kê cho đến thời gian này, tại tỉnh Tacloban có hơn 5,000 người thiệt mạng, thành phố chỉ còn là một đồng đống nát, người dân còn sống sót lại phải chịu cảnh cơ cực lẫn than, cơm không có ăn, áo không đủ mặc và không có nhà ở.



Khóa lễ cầu nguyện trong rừng dừa bên bờ biển của thành phố Roxas

Chiều 11/12, đúng 2.30 phút, theo lịch trình là ngày ủy lạo đầu tiên của phái đoàn Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại trao 1,500 phần quà (48 phần phát sinh thêm) đến tận tay nạn nhân bão Hải Yến, mỗi phần là một bao thư trị giá hiện kim 4,500 Pesos (bằng 1 tháng lương cô giáo dạy Tiểu học). Khi Đoàn vừa bước vào bên trong City Hall, tiếng vỗ tay chan hòa, tiếng reo mừng vang lên của bao người dân Phi đã đợi chờ, như gởi gắm cho đoàn một lời chào mừng nồng thắm. Thủ tục hành chánh vừa xong, Bryan đọc danh sách (do Văn Phòng Xã và Sở An Sinh Xã Hội phối hợp chọn lựa, gần 40 Xã, mỗi Xã chừng 30-50 gia đình) mời người dân từng Xã lên nhận quà. Mấy chục tình nguyện viên của Sở Xã Hội gởi đến phụ giúp Đoàn trong việc tổ chức, ngay khi Đoàn chúng tôi chưa đến hội trường. Họ bắt tay vào việc rất nhịp nhàng, kiểm lại tờ phiếu bé tí có đóng dấu Xã phát mấy ngày trước, và mời từng người lần lượt bước lên, trong khi chư vị Tăng Ni, Phật tử của Đoàn luân phiên trao quà ủy lạo. Ai nấy hoan hỷ chấp tay cung kính đón chào nạn dân, trước khi hai tay cẩn trọng dâng tặng bì thư, còn nói lên vài lời cảm ơn dân chúng Quận Roxas đã cho cộng đồng Việt hải ngoại cơ hội được đền ơn đáp nghĩa và được chia sẻ chút ít khổ khó của họ. Họ rất vui, và mừng lắm! Vài người không cầm được được sự xúc động đã để dòng nước mắt vô tình chảy dài trên khuôn mặt khắc khổ, bàn tay họ nắm chặt bàn tay của chúng tôi, nói lên tiếng nói "thank you very much, thank you very much"! HT Thích Bôn Đạt, TT Thích Tâm Phương là những người luôn bị xúc cảm thể hiện ra ngoài nhiều nhất, nét mặt đăm chiêu nhìn xuống hội trường, Ngài nói khi bị chúng tôi phát hiện "sao thấy

thương họ nhiều quá!" Còn Hòa Thượng Nguyên Trí lòng thương cảm dâng trào đến nỗi không cầm được niềm vui, nên một vài lần phát luôn một người tới hai bao thư mà Ngài không hay biết.



Đoàn phát trên 3000 phần quà cho nạn nhân bão Hải Yến tại Roxas City

Sáng sớm ngày 12/12/2013, Đoàn đón tiếp 4 vị Hiệu trưởng của bốn trường Tiểu học và vị Phụ tá Giám Đốc Sở Giáo Dục thành phố Roxas tại khách sạn, và sau đó mời cùng toàn Đoàn đi thăm một ngôi trường bị cơn bão tàn phá đến 70% thiệt hại. Tại Don Manuel Arnaldo Memorial School, ngôi dưới cơn mưa nắng chói chang, dưới một căn phòng trống cả 4 vách và chỉ còn 1/3 mái tô che. Đoàn thảo luận tìm hiểu từ 4 vị Hiệu Trưởng thăm cảnh riêng của từng trường, ước tính mỗi trường sẽ cần 5-10 triệu pesos cho việc sửa chữa, nhưng hoàn toàn chưa nhận được gì, ngoại trừ chỉ UNICEF đã đem tặng mỗi trường 1 hay 2 lều nhựa 6m x 6m để làm phòng học tạm. Ngân quỹ của đoàn có giới hạn, không sao đáp ứng nguyện vọng cần trợ giúp, nên chỉ góp ghem gởi tặng mỗi trường \$175,000 Pesos (mua được gần 400 tấm tô lợp mái).

Ngoài ra, cũng ngay chiều hôm 12/12, sau khi cấp phát xong thêm cho 1050 gia đình [27 Xã] có nhà hư, cũng với \$4,500 Pesos cho mỗi nhà, diện đặc biệt với 300 cụ lão trên 60 tuổi, thêm 158 người tàn tật và khiếm thị, mỗi người nhận \$6,000,00 Pesos (tương đương 80-100 ngày công lao động không chuyên nghiệp ở vùng quê nghèo). Sau khi kiểm lại quỹ Ủy lạo, Đoàn đã nhờ Bryan và Sở Giáo Dục tìm mời đến để tiếp xúc tìm hiểu nhu cầu thêm nơi 5 vị Hiệu trưởng của năm ngôi trường khác, cũng hư hỏng nhiều. Kết quả Đoàn tặng cho 5 trường và ngay cả Văn Phòng Sở Giáo Dục, bị hư hại mái ngói, mà cũng không có quỹ để sửa chữa, mỗi nơi \$150,000 Pesos.

Lúc 1.15 pm, Bryan đưa đoàn chúng tôi đến thăm ông Tỉnh Trưởng Lapiz (chúng tôi quan sát thấy ngay cả Tòa Tỉnh trưởng tuy xây rất kiên cố nhưng cũng có bị tróc một mảng lớn nóc ngói, và 36 ngày sau đang vẫn còn đắp tạm bằng tấm platic). Ông ra tận cửa phòng làm việc bắt tay từng người một, nét mặt mừng vui kèm theo nụ cười hoan hỷ. Ý nghĩa thăm viếng, thảo luận không ngoài sự chia sẻ mất mát do Bão Hải yến gây ra cho đất nước này, và Trưởng Đoàn nói lên lời tri ân đáp nghĩa thời gian chính phủ Philippines cứu mang người Việt Nam tị



Đoàn tiếp chuyện với 4 vị Hiệu Trưởng của 4 trường

nạn cộng sản và không thực hiện chính sách cưỡng bức hồi hương như những chính phủ khác đã làm. Ông Tỉnh trưởng Lapiz có lời cảm ơn Đoàn và tấm lòng cao quý của người Việt Nam khắp nơi đã giúp đỡ đất nước Phi và chia sẻ nỗi bất hạnh của người dân của đất nước này.



Đoàn đến thăm Văn phòng làm việc của ông Tỉnh Trưởng Lapiz

2.30 chiều, Đoàn chúng tôi trở lại hội trường phát quà, Ông Thị Trưởng dù rất nhiều công việc nhưng cũng dành thời gian đến đây cùng với người dân chào đón chư tôn Thiền đức và quý Phật tử trong Đoàn. Ông nói lên lời tri ân người Việt Nam hải ngoại chúng ta đã đem tiền bạc, vật phẩm đến đây cứu giúp người dân Phi trong cơn thiên tai hoạn nạn vừa xảy ra. Ngày cuối cùng phát quà tại đây, gần 2000 phần được gói ghém chứa đựng nghĩa tình trong bao thư được chia ra như sau: 448 bao thư \$6,000 Pesos được gửi tặng cho những gia đình có người già yếu, tàn tật, dui mù, câm điếc. 1,050 bao thư \$4,500 Pesos cho những nhà hư hại bởi trận bão Hải yến gây ra. 200 bao thư \$2,000 Pesos cho những gia đình nghèo khổ thuộc diện trợ cấp của chính phủ, nhưng không được Xả cấp phiếu nhận ủy lạo chính thức; và 73 bao thư \$3,000 Pesos gửi biếu cho những người thiện nguyện (*voluntary staffs,*

guards, security, etc...).

Bao thư tiền chuẩn bị cũng đã hết, người trong hội trường được phiếu nhận quà cũng đã ra về, nhưng trên khuôn mặt quý Ngài vẫn chưa nở được một niềm vui trọn vẹn. Vì sao? phải chăng vì còn rất nhiều người dân nghèo khổ không có phiếu nhận quà đang đứng bên ngoài hướng đôi mắt nhìn vào trong khuôn viên hội trường qua khung cửa sổ, đôi mắt ướt lệ trong niềm khắc khoải, đưa những cánh tay yếu đuối mong được giúp đỡ. Trái tim của những người con Phật nói chung, trái tim chư tôn đức và thành viên trong đoàn nói riêng sao không đau nhói được. Chúng tôi cùng nhau đứng trang nghiêm chấp tay hồi hướng rồi lần lượt đi ra xe; bên ngoài chiếc xe là hình ảnh bi cảm xót xa: những đôi mắt tuyệt vọng hướng nhìn về chúng tôi. Ước gì chúng tôi có thêm được nhiều tiền để chia sẻ nỗi niềm khổ đau của họ.

Chiếc xe lăn bánh, đoàn chúng tôi ra về nhưng làm sao quên đi những hình ảnh thương cảm đó. Đời người là một chuỗi dài thăng trầm bị cực, giàu và nghèo, sống và chết trong khoảng khắc, trong chúng ta có ai biết được rồi ngày mai sẽ ra sao. Trước khi rời khỏi quốc gia bị trận bão Hải Yến tàn phá này, xin mọi người khắp nơi cùng nhau hướng về cầu nguyện cho người dân Philippines cũng như những người sống trên quả địa cầu này đang lâm vào cảnh khốn khổ, bởi thiên tai gây ra được với đi kiếp sống lầm than khổ cực, có được cuộc sống ấm no hạnh phúc.

Manila ngày 14 tháng 12 năm 2013

Thích Giác Tín

TIN GHI THÊM:

Phái đoàn cứu trợ của các Giáo Hội đã rời Manila, Philippines vào ngày 14.12.2013. HT Thích Nguyên Trí đã về đến Nam California rồi cấp tốc lái xe đi Bắc California để thăm TT. Thích Nhựt Huệ bệnh nặng. TT Thích Nhựt Huệ có tên trong danh sách phái đoàn cứu trợ Philippines nhưng phút chót phải hủy bỏ chuyến bay vì bệnh nặng cấp cứu phải vào bệnh viện.

Ngoài việc cứu trợ Philippines, Giáo Hội PGVN Thống Nhất Hoa Kỳ cũng ủy nhiệm Ni sư Thích Diệu Tánh đi cứu trợ nạn nhân bão Haiyan tại các tỉnh miền Trung Việt Nam. Số tiền mà GHPGVNTN Hoa Kỳ cứu trợ tại VN không nằm trong ngân khoản dành cho cứu trợ Philippines. Sẽ có bản báo cáo hay tường thuật riêng khi việc cứu trợ hoàn tất.

Kính thông tri.

Ban Biên Tập Chánh Pháp

THƯƠNG PHẬN NỖI TRỜI

*Ầm ầm ầm ầm...
Mây phủ kín trời
Mưa giăng ngập đất
Giông tố toi bời
Khô đau chông chát*

*Người thiếu phụ tìm con trong nước mắt
Bao cụ già run rẩy giữa mưa sa
Chịu đói khát, ruột gan đau quặn thắt
Nơi đầu đường, bao thân mạng lê la...*

*Sống nheo nhóc với màn trời chiếu đất
Nước cuốn trôi nhà cửa sập tan hoang
Bao công sức có còn chi thu hoạch?
Đòi về đâu? dòng lệ chảy hai hàng...*

*Cơn giông bão gieo kinh hoàng tang tóc
Dân nghèo nản nay gánh chịu nạn tai
Bao em thơ phận mồ côi lã lóc
Cánh cơ hàn biết nương cậy vào ai?*

*Lương thực hết, thùng không còn mì gói
Nước đục ngầu, biết uống nước chi đây?
Điện đứt hết, giờ sống trong tăm tối
Thiếu chần mên qua rét buốt đêm nay.*

*Nước trắng xóa dâng ngập tràn khắp chốn
Gió từng cơn xô xơ xác hàng cây
Thân yếu đuối chịu giày vò khôn đốn
Trời tối mù tìm đâu thấy tương lai?*

*Cơn đói khổ chát chông thêm chia cắt
Bãi cát sinh chính là bãi tha ma
Trong khố sâu đã khô dòng nước mắt
Dáng người thân biệt tích, chẳng tìm ra!*

*Có người hỏi: tại sao vùng mưa bão
Dân không đi tìm nơi khác sinh nhai
Ở lại chỉ hứng chịu bao thâm nã
Làm nạn nhân trước giông tố, thiên tai?*

*Mảnh đất đỏ là quê hương đất Tổ
Nhà cửa kia họ thờ phượng Ông Bà
Sống đùm bọc cùng bà con dòng họ
Sao đành lòng bỏ lại để đi xa?*



*Cảnh thương tâm kẻ làm sao cho xiết
Lòng thiết tha cầu Bồ Tát Quán Âm
Kẻ trôi hụp, Ngài ra tay cứu vớt
Cho trời quang, mây tạnh, sóng lặng yên.*

*Em bé thơ chờ tình thương nhân đạo
Góa phụ mang khăn xô trắng trên đầu
Xin bà con hãy nhường cơm xẻ áo
Góp bàn tay, voi nổi khổ niềm đau.*

*Cơn ngựa đau thì cả tàu bỏ cỏ
Hàng vạn người đang điêu đứng lênh đênh
Là đồng loại, là ân nhân ta đó
Hãy sẻ chia cùng cứu giúp, đáp đền!*

*Tay trong tay tiếp sức nhau vững chãi
Sau cơn mưa trời sẽ sáng huy hoàng
Trong đổ vỡ, tình thương hàn gắn lại
Niềm tin yêu nhuận thấm khắp nhân gian.*

Mạnh Đông, Quý Ty, 2013, Đêm nguyệt cầu

thơ THÍCH MINH TUỆ

DANH SÁCH CỨU TRỢ NẠN NHÂN BÃO HAIYAN TẠI PHILIPPINES VÀ VIỆT NAM CỦA CÁC CHÙA và PHẬT TỬ

Danh sách này được đúc kết ngày 05.12.2013, trước khi các phái đoàn lên đường qua Philippines vào ngày 08.12.2013. Phương danh quý vị ủng hộ giữa và sau thời gian này sẽ được bổ túc sau. Thành thật sám hối nếu có sự thiếu sót nào trong phương danh ủng hộ này. Tổng Thủ Quỹ: **Thích Diệu Tánh**.

CÁC CHÙA GHPGVNTN ÂU CHÂU: = \$8,000.

- Chùa Thiện Minh - Lyon, France \$2,500 US; Chùa Khánh Anh - Paris, France \$2,500 US;
- Chùa Trí Thủ - Berne, Suisse \$2,000 US; Chùa Vạn Hạnh - Nantes, France \$1,000US.

HT. NGUYỄN TRÍ, CHÙA BÁT NHÃ = \$15,904.

Chùa Phật Bảo \$1,070; Chùa Tường Vân \$843; Thiên Ân Buddhist \$1,396; Chùa Phước Bình \$700; Thầy Chơn Tịnh VN \$1,000; Nga Hoàng \$200; Thăng Nguyễn \$30; Long Nguyễn \$35; Kim Nguyễn \$100; Kiên Triệu \$100; Vạn Nguyễn, Bích La \$50; Nguyễn Phát Nam \$100; Quý Ngọc Sơn \$50; Mặt Thương Nhìn Đời \$200; Lâm Bích Phượng \$200; Kiu A Lộc \$100; Nam Thị Nguyễn \$100; Eric To \$50; Nguyễn Hữu Phước \$50; Bình Nguyễn \$50; Thảo Lương \$200; Hồ Thị Nga \$100; Diệu Tâm, HI \$150; Quảng Phước, Nguyễn Long \$100; Minh Phạm \$50; Diệu Quang \$50; Andy An Trương \$100; Vũ Thị Hai \$20; Hoàng Xuân Trung \$150; Tâm Bích \$50; Diệu Đạo \$100; Diệu Hiền \$100; Diệu Thiện \$50; Quảng Thường \$200; Kiều Mỹ Duyên \$1,000; Hoan N. Võ \$200; Trương Bích Tiên Pd. Quảng Quý \$500; Đoàn Thị Dung \$100; Thảo Nguyễn \$30; Quảng Thông \$100; Diệu Hạnh \$10; Larry Ngô \$60; Nguyễn Mai Lê \$100; Phùng Ngọc Nữ \$50; Littoe Polatoes Inc. \$2,000; Leanna Thị Lâm \$800; Đan Ngô \$100; Kiều Ngọc Nguyễn \$200; Bùi Q. Hùng \$100; Lê Thanh Tâm \$100; Kelly Nguyễn \$100; Julie Nguyễn \$50; Bùi T. Hà \$100; Minh Nguyễn, Thanh Nhã \$100; Huỳnh Thị Dung \$100; gđ. Lê Công Lực \$100; Hoàng N. Thụy \$200; Trang Nguyễn \$200; Thúy Huỳnh Wong \$50; Hiền Văn \$150; Vũ Tuyết Dzung \$100; Nguyễn T. Qui \$100; Jenet Dung Lê \$20; Tao Võ \$50; Ngan N. Doan \$70; Toàn Lê \$20; Sanh Nguyễn \$50; Mai T. Trần \$100; Today Premiere, Inc \$700; Nail Turbo & Spa \$100; Minh Lê \$100; Long Hữu Lê \$50; Sadi Tâm Định \$100; SC. Nguyễn Châu \$40; SC. Chơn Phụng \$50; Hương Linh TT. Tôn Thất Đỉnh \$200; Nguyễn Minh \$10; Tâm Hỷ \$20; Tâm Trần \$10; Trúc Nhuận \$20; Giác Xuân \$20; Viên Ngân \$20; Viên Mãn \$40; Ngọc Liên \$20; Quảng Phụng \$20; Diệu Hạnh (lớn) \$20; Diệu Trinh, Diệu Hòa \$70; Quảng Ngọc \$20; Diệu Minh \$20; Diệu Như \$20; Diệu Lành \$20; Hương Linh TT. Tôn Thất Đỉnh \$200; Bác Thảo Hiền \$20; Trần Nhân \$20; Nguyễn Thị Thảo \$15; Giác Tâm \$5; Đặng Tuyết Vân \$300; Melissa Novy \$200; Lê Thị Ngọc, Nguyễn Văn Dũng \$50; Minh Phạm \$160; Diệu Hồng \$10; Tín Hạnh \$50; Diệu Âm, Tâm Bôi \$20; Kim Tiên \$20; Cindy Ly \$20; Chính Trương \$100; Ngô Chiếu \$50; Andrew Nguyễn \$70; Diệp Văn Phạm \$100; Huỳnh Thị Dung \$100; Huỳnh Tâm \$100; Kim Lương \$100; Minh or

Bông Đàm \$200; Chính Mai \$200; Jasnine Nails \$200;

TT. THÍCH MINH CHÍ, PHV QUỐC TẾ = \$23,762.

Phật Học Viện Quốc Tế \$10,000; TT. Minh Chí \$500; ĐĐ. Quảng Định \$200; ĐĐ. Thiện Niệm \$100; ĐĐ. Nhuận Đức \$60; Chiêu Nguyễn, Khanh Nguyễn \$2,000; Diệu Lợi - Vương Mỹ Linh \$100; Phước Lành \$200; Hà Ngọc Sương \$50; Ngân Ngọc \$100; Ân Danh \$100; Viên Hải \$50; Tịnh Chơn \$50; Diệu Thanh \$50; Tâm Từ Hỷ \$100; HL. Văn Thị Ba Pd/. Diệu Đào \$50; Nhật Đức-Tăng Thị Sanh \$100; Nhật Phước-Tăng Thị Thọ \$50; Diệu Cúc - Trần Hoa \$50; Nguyễn Phụng \$200; Diệu Hiền \$200; Phan Túy Phụng \$100; Thiện Tấn \$100; Tịnh Ngô \$100; Thanh Đài \$50; Diệu Trí \$30; Huyền Bích \$20; Diệu Hỷ, Diệu Hiếu, Diệu Hiền \$300; Chơn Thọ \$100; Diệu Anh, Bảo Hương \$150; gđ. Diệu Đắc \$300; Diệu Phước \$50; Phước Hiền \$100; Khánh Ngọc \$50; Như Hậu, Hoàng Trí \$500; Chơn Giới \$200; Hồ Quế Trân \$100; Tịnh Phương \$200; Thanh Chánh, Diệu Tiến \$200; đại gđ. Bốn Hoa, Phước Lực \$1,620; Thúy Nguyễn \$50; Tịnh Liên \$100; Nguyễn Trinh \$120; Nguyễn Minh Tô \$120; Từ Huệ \$20; Anny Nguyễn \$30; Đồng Duyên \$50; Phước Hải \$100; Phúc Học, Minh Tâm \$400; Quảng Chơn, Từ Nhật \$200; Phổ Hạnh \$50; Diệp Mai \$100; Trần Văn Bửu \$100; Đồng Đức \$100; Thiền Lực, Tịnh Thân, Ngọc Trang \$200; Bùi Mai \$100; Nguyễn An \$50; Hằng Thụy \$50; Bốn Duyên \$200; gđ. Diệu Hoàng, Từ Quang \$400; Diệu Tấn \$100; Chân Tâm Xuân \$20; Oanh \$50; Sáng Vương \$50; Diệu Huệ \$100; Mạch Phần Phước \$100; Vương Kim Chung \$50; Thanh Dung \$30; Từ Nguyễn \$50; David Đặng-Joshua \$20; Ngọc Hoa \$40; gđ. Hồ Đắc Huấn \$30; Hoa Hồng \$40; Quách Đệ, Quách Hương \$20; Quách Gấm \$20; Liêm \$100; Lưu Hoành Tôn \$50; Lưu Kim Ngọc \$50; Đồng Minh \$100; Diệu Hương \$50; Từ Phong \$300; gđ. Minh Kiến \$100; Thiện Diệu \$12; Tobi Mai Lê \$20; Tâm, Ngôn \$200; Lê Thị Thanh Hằng \$20; Lê Mỹ Diệu \$20; Lê Trinh \$50; Bốn Hương \$500; Nguyễn Hữu Phước, Bích Hồng \$50; Henry Dong, Ngọc Loan \$40; Minh Hoa \$10; Nhật Quang Diệu \$50; Ân Danh \$20; Chúc Hương \$50; Khanh Trần \$40; Quảng Tâm \$40; David Huỳnh \$50;

HT. TÍN NGHĨA - CHÙA TỪ ĐÀM - TEXAS = \$600

HT. THÁI SIÊU - NIỆM PHẬT ĐƯỜNG FREMONT - SAN JOSE = \$2,140

TT. MINH HẠNH, CHÙA QUANG MINH (Chicago, IL) = \$7,200

HT. NGUYỄN AN - CHÙA CỔ LÂM (Seattle, WA) = \$2,900

**HT. NGUYỄN SIÊU:
- CHÙA PHẬT ĐÀ - San Diego = \$1,950**

- TV Pháp Vương, Escondido: **\$2,200**
- Chùa Tường Vân, New Jersey: **\$843**
- Chùa Phật Bảo, Philadelphia: **\$1,070**
- Chùa Phật Ân, Minnesota: **\$7,000** (đã gửi cho Red Cross)
- Chùa Diệu Đế: **\$5,000**

ĐD. NHẬT THIÊN - HỘI THƯỜNG BẮT KHINH - SAN JOSE = **\$2,000**

ĐD. THƯỜNG TỈNH - CHÙA PHẬT TỔ - LONG BEACH = **\$8,848.**

TT. TUỆ UY - TU VIỆN HỘ PHÁP - EL MONTE = **\$2,000**

TT. TRÍ THƯỜNG - SACRED MOUNTAIN MONESTARY = **\$2,500**

NI SƯ HUỆ NGHIÊM - CHÙA HẢI ẤN - Goergia = **\$2,700**

NI SƯ GIỚI CHÂU - CHÙA QUANG MINH - NORTHGLENN, CO = **\$2,050.**

Chơn Phước \$500; Hải Chân Ngọc \$300; Thanh Như \$200; Ngọc Hà \$100; Diệp Kim Lan \$100; Tắc Diệu \$100; Vấn Hương \$100; Diệu Bảo \$50; gđ. Pt. Ngọc Xuân \$140; Hồ Thị Lang \$50; nhân viên tiệm Pretty Nail \$60; các em Phật tử nhỏ quyền góp tại Chùa Quang Minh \$230; Chùa Quang Minh bán bánh tét nhỏ \$120;

NI SƯ GIỚI HƯƠNG - CHÙA HƯƠNG SEN-PERRIS = **\$860**

SC. Thông Hoa \$100; Diệu Ngọc \$150; Viên Bảo Bi \$100; Quảng Lộc \$50; Viên Bảo Giác \$50; Viên Bảo Sen \$50; Viên Bảo Quý \$20; Viên Bảo Tu \$40; Nhứt Hoa \$20; Diệu Thiện \$20; Andy Quách \$10; Nguyễn Đàm - Minh Tú \$250;

PT. QUẢNG NGUYỄN - BRODARD RESTAURANT/ CHATEAU - BAMBOO BISTRO = **\$10,000**

NI SƯ DIỆU TÁNH - THIỀN TỊNH ĐẠO TRÀNG = **\$10,181**

Diệu Chánh \$1,000; Diệu Đài \$500; Thuốc Bắc Tân Sanh \$250; Diệu Tâm Hỷ \$200; Danh Hà \$50; Diễm \$200; Nguyễn Ngọc Anh Pd. Diệu Ánh \$100; Trần Thị Sự Pd. Diệu Hiền \$500; Phạm Thị Lan \$60; Nga Phạm \$200; Trần Bửu Châu \$200; Trần Linh \$100; Quách Bích Xuân \$50; Tâm Huy \$100; HL. Văn Thị Ba Pd. Diệu Đào \$200; Minh Thủy \$500; Ung Mân Mimi \$100; Phạm Thị Thông \$1,000; Đỗ Tiến Giang \$500; Nguyễn Ngọc Trúc Pd. Thiện Thanh \$100; Định Trần \$150; Giác Liên \$200; Chơn Tịnh Tâm \$100; Quảng Thiện, Quảng Thanh \$150; Vương Mỹ Linh Pd. Diệu Lợi \$100; BS. Sam Wang \$100; gđ. Nguyễn Cẩm \$1,080; Nguyễn Tú \$100; Kiệt \$60; Hoa \$20; Liên \$20; Phượng \$20; Bình \$10; Mỹ Nguyệt và gđ. \$100; Tăng Thị Sanh \$300; Thủy Trâm \$100; Kimberly \$10; BS. Nguyễn Hữu Tuấn \$200; Steve Lu & Phước Hỷ \$450; Giao-Thơ \$260; Châu Thạch \$100; Bình Đặng \$100; Thủy Đăng \$20; Huệ Tịnh \$10; Thảo Mi \$20; Dương Phan Pd. Diệu Chi \$200; Võ Thị Nga \$100; Ngô Thanh Căn, Phương Khanh \$200...

(Danh sách còn bổ túc)



Slum On River!
Venerable THICH THIEN LONG

NỖ NIỀM KHẮC KHOẢI

*Bảo ơi, xin đừng đến
Quê nhà không bình yên,
Mọi người lo cây cấy,
Cuộc đời đủ nuôi thân.*

*Bảo ơi, xin đừng đến
Quê nhà không còn chi,
Mỗi năm mẹ lam lũ
Ba bán mặt đất đai.*

*Bảo ơi, đừng đến nữa
Cảnh cửa nát nhà tan
Mồ côi, dòng lệ ứa
Suốt cuộc đời đau thương.*

*Con quỳ, để cầu xin
Ngài dũ lòng bi mẫn
Trầm luân nghiệp dứt khỏi
Bể khổ, ngàn cơn đau!*

*Bồ Tát thấu lòng con
Xin rưới nước cam lồ
Tình thương ngài ban bố
Rửa sạch nghiệp trần duyên.*

*Nam mô Đại Từ Đại Bi
Cứu khổ cứu nạn
Quán Thế Âm Bồ Tát*

thơ

TỊNH NGHIÊM

CẦU TRE LẮT LỎ

Toại Khanh

Để ngắn gọn, tôi đã thay đổi tựa đề bài viết. Bản thân người viết bài này chưa hề có một mảnh bằng đại học nào hết. Một ngày ngẫm chuyện chung quanh, tôi muốn viết ra chút tâm tư cho nhẹ lòng và điểm tựa cho bài viết cũng chỉ là một vài tổ chức học Phật cũng không thuộc đại học.

Đó là lớp Hán cổ ở chùa Già Lam (Gò Vấp) mấy năm đầu thập niên 90 do quý thầy Nguyên Hồng, Thái Siêu khởi xướng và bên cạnh đó là mấy lớp hướng dẫn dịch kinh Hán Văn ở Đại Tòng Lâm do thầy Trí Không, sau này còn thêm một chương trình tương tự do HT. Minh Cảnh tổ chức (gọi là nhóm phiên dịch Huệ Quang thì phải). Hiện Hòa thượng còn đang thông báo chiêu sinh khóa mới tại Việt Nam. Cả ba chương trình này đã đào tạo hàng trăm tăng ni cư sĩ thực học và họ cũng đã chung sức nhau thực hiện hàng chục công trình phiên dịch đồ sộ mà đến cả giáo hội Phật Giáo trung ương của nhà nước, gồm cả Viện Nghiên Cứu Phật Học và cả ba trường Cao Cấp Phật Học ở ba miền cũng không làm nổi.

Cả ba lớp học tự túc vừa kể trên đều không thuộc một trường đại học nào hết, nhưng hiệu quả theo tôi thì bao nhiêu khóa Cao Cấp Phật Học sau 1975 không sao bì được.

Trong bài viết này, tôi muốn thử đưa ra vòn ven hai tiêu đề: Tăng ni cư sĩ phải học gì, và học để làm gì.

I. HỌC GÌ



Trước hết, dù tăng ni cư sĩ thuộc hệ phái nào và đang tu học trong hay ngoài nước nói chung, mất bốn năm ở các trường Phật Học làm gì nếu người tốt nghiệp không có được ba thứ này:

A. Một hiểu biết căn bản về hai truyền thống Phật học Nam Tông và Bắc Phái qua tối thiểu vài ba bộ kinh luận tiêu biểu của hai bên (chẳng hạn Kim Cang, Duy Thức, Hoa Nghiêm, Trí Độ, Thanh Tịnh Đạo, Vô Ngại Giải Đạo, Thắng Pháp Tập Yếu Luận). Điều kỳ lạ là Phật giáo Việt Nam đã tỏ ra thờ ơ rồi chậm bước trong việc phiên dịch hai bộ luận Câu Xá của ngài Thế Thân (Vasubandhu) và Phát Trí của ngài Ca Chiên Diên Tử (Katyaniputra) vốn đáng được xem là những chiếc cầu nối tuyệt đối quan trọng để Nam Tông Bắc Truyền gần lại với nhau hơn. Hay là vì một lý do khó nói nào đó mà đến tận giờ những người có thẩm quyền vẫn để mặc hai truyền thống này tại Việt Nam tiếp tục sầm thương với vợi. Ta có thể không phải là học giả hay luận sư gì hết, nhưng nếu đã học xong mấy năm đại học Phật Giáo (hoặc tương đương) thì một cách căn bản phải nói được điểm tinh yếu của các truyền thống Phật Giáo lớn.

Không có được khả năng này, trộm nghĩ danh xưng tốt nghiệp đại học Phật Giáo là bất xứng.

B. Khả năng ngoại ngữ tối thiểu để tham cứu kinh điển Phật Giáo gồm ít nhất hai trong năm thứ tiếng Pali, Sanskrit, Hán, Nhật, Tây Tạng. Trong trường hợp tăng ni cư sĩ đang theo học ở các xứ Phật Giáo Theravada thì còn phải thêm tiếng bản xứ, chìa khóa tối cần để mở cửa kho tàng kinh Phật ở đó. Riêng khả năng đọc hiểu Anh ngữ thì coi như bắt buộc, vì đại học Phật Giáo trên mặt hành chánh cũng được xem tương đương đại học bên ngoài.

Tôi coi trọng kiến thức ngoại ngữ ở một người chỉ vì mấy lý do ai cũng biết. Kho tàng kiến thức của nhân loại đã, đang và sẽ được lưu trữ bằng các thứ tiếng khác nhau. Trông đợi các bản dịch rồi thỏa mãn với chúng đều là chuyện không nên. Đọc truyện Kiều phải qua bản tiếng Việt mới đúng mức, và một người ngoại quốc ngồi chờ có bản dịch truyện Kiều bằng ngôn ngữ mẹ đẻ của mình thì biết đến kiếp nào, đã vậy đọc bản dịch theo tôi là uống cà phê nước nhè, cái mùi vị nguyên chất không còn nữa. Thứ đến, đọc hiểu thêm một ngôn ngữ là ta làm quen được một nền văn hóa, biết thêm một cách nhận thức. Thế giới bao la gì cũng có, mà ta chỉ biết quẩn quanh với cái mình có (thường cạn và hẹp hơn là sâu với rộng) thì hoang phí quá.

Thử nghĩ nếu không có kinh Phật từ Ấn Độ thì loài người hôm nay làm sao có thể tưởng tượng ra được một kho tàng triết bất khả tư nghị đến vậy, và đặc biệt là kho tàng ấy đã được một phần nhân loại biết đến trên mặt đất này từ hơn hai ngàn năm trước. Và đối với người học Phật mà nói, ai cũng biết rằng Phật giáo mỗi xứ đều có những điểm độc đáo riêng tư bên cạnh cái chung nhất là Tam Tạng bằng tiếng Pali. Không đọc hiểu được các thứ tiếng Miến, Tích, Thái, Khmer thì coi như ta đã bỏ qua mấy khu rừng kinh văn quan trọng. Chuyện đó còn đau hơn sự thiệt thòi của một người mù điếc bẩm sinh trước nền điện ảnh thế giới.

Nếu chương trình trong bốn năm đầu ở đại học Phật giáo tập trung một chút, bớt hẳn các môn không thật sự cần thiết cho Phật học thì việc người tốt nghiệp đọc hiểu được vài ba cổ ngữ vừa kể trên đây là chuyện bình thường. Tôi nói những môn không thật sự cần thiết là ám chỉ những môn kiểu kinh tế, xã hội, chính trị gì đó mà tăng ni sinh có thể trau dồi sau này khi thấy cần. Điều tối cần của một người học Phật trong mấy năm đầu tu học ở học viện, theo tôi, là ba kiến thức vừa kể trên (**Phật**

học, ngoại ngữ và tiếng mẹ đẻ). Thà ít mà đủ sâu để xài được, còn hơn một mớ hổ lốn gì cũng có mà chỉ là đồ đồng nát (ve chai). Tôi biết nhiều người đọc đến đây sẽ mắng tôi không tiếc lời, chẳng hạn đồ dốt mà bày đặt dạy đời, nhưng tôi van các cha làm ơn ngó lại chương trình các khóa Cao Cấp Phật Học gì ấy từ năm 1981 đến nay, nếu tăng sinh không tự trau dồi thêm, không có vốn liếng sẵn, thì hàng chục môn trong mỗi khóa đó đã đem lại được gì cho họ khi môn nào cũng được học kiểu cưỡi ngựa xem hoa.

Nói vậy hoàn toàn không có nghĩa là tôi xem nhẹ kiến thức bách khoa ở một người. Biết thêm một chuyện, chỉ có tốt chứ không xấu. Dốt một chuyện chỉ có xấu chứ không tốt. Ai từng cầm bút hay micro thì biết, kiến thức càng rộng thì khả năng xoay sở càng thoải mái, càng hiệu quả hơn. Kiến thức hẹp quá, dễ mắc thành kiến và trên hết là không đủ đồ xài. Tôi không có ý kêu gọi ai trở thành một người kiểu vậy. Những trình bày này giờ của tôi chỉ có một ý nghĩa duy nhất là trong mấy năm đầu học tập, tăng ni cư sĩ nên theo cách **sâu trước rộng sau** sẽ tốt hơn là ngược lại. Nói vậy vì tôi ngại điều là nếu chọn cách học rộng trước sâu sau, chỉ cần có chút danh lợi hay bận rộn gì đó thì người ta sẽ không còn hứng thú để đào sâu những cái mình chỉ mới biết đại khái. Thứ nữa, tăng ni có chiều sâu sẽ an toàn hơn và cuối cùng điều kiện tâm lý của một người từ sâu đi qua rộng luôn dễ dàng hơn là từ chỗ rộng tìm đến chỗ sâu. Tâm lý con người kỳ lạ vậy. Trong giao tiếp, tôi nhận thấy những người có chiều sâu thường dễ nhận ra chỗ thiếu của mình hơn là người bắt đầu từ chiều rộng, có khuynh hướng tự cho mình cái gì cũng biết!

C. Khả năng ngôn ngữ đủ để trao truyền kiến thức mình có cho người khác một cách thoải mái. Ngôn ngữ ở đây trước hết là **tiếng mẹ đẻ**, thêm được ngoại ngữ càng tốt, và bao gồm cả hai kỹ năng nói viết. Khả năng đọc hiểu và giao tiếp căn bản đã nói ở phần B.

Anh giỏi chuyên môn, có một hay nhiều sở trường, nhưng không thể chia sẻ cho người khác (đồng bào hay người xứ khác) bằng cách thức nào đó thì rõ ràng sở học của anh đã mất đi một nửa ý nghĩa. Ngôn ngữ anh dùng phải đủ giúp người ta hiểu điều anh muốn nói, mà nếu được, cũng nên đủ trơn mềm trong sáng để trình bày những vấn đề khó cứng, khó nói.

Trộm nghĩ, một chương trình đào tạo tốt không chỉ tạo ra khả năng hiểu biết mà còn là khả năng chia sẻ. Anh không thể chỉ là một học giả uyên bác chỉ biết tra tra lật lật cho riêng mình, anh còn phải là một suối nguồn lợi tha.

Tôi nghĩ người Việt không tệ, nhưng có lẽ do thời cuộc hoặc bối cảnh văn hoá xã hội sao đó, nhu cầu học đạo của Phật tử mình khá đơn giản. Có thể độc tiền cất chùa, nhưng không hứng thú trong việc thúc đẩy học thuật của Phật giáo. Có đủ bạo dạn để nói xúc phạm người khác, nhưng không đủ gan để tham vấn kẻ khi học đạo với tăng ni. Lý do chỉ đơn giản là ngại hỏi kỹ quá lỡ các vị không biết thì kỳ, hoặc sợ bị la mắng là vớ vẩn nhiều chuyện. Hình như không nên thế. Cứ can đảm nhưng lịch sự, lễ phép hỏi lại chỗ tồn nghi. Chẳng hạn, xin hỏi còn có thể đọc thêm vấn đề này ở đâu.

Đại khái thế. Điều tối kỵ trong Phật pháp nói riêng và học thuật trên đời nói chung, là nhắm mắt tin thầy. Sau vài thế hệ cường tín kiểu đó, cái tinh

hoa nguyên thủy chỉ còn là tấm ảnh không hồn. Đừng sợ bị chê dốt mà không dám hỏi, đừng để mình bị lòng quý kính thái quá chặn mắt cơ hội tìm hiểu.

Khi cư sĩ có thái độ học hỏi nghiêm túc kiểu đó, tăng ni tự dưng cũng phải nghĩ đến việc quay về trau dồi ngon lành hơn. Thảm nhất là trò học qua loa, thầy dạy sơ sài, kẻ cầu học thiết tha cần trọng không biết tìm thầy bạn ở đâu. Cái đó mới là mạt pháp.

II. HỌC ĐỂ LÀM GÌ

Có không dưới 1001 câu trả lời trong trường hợp này. Ở đây người viết chỉ xin hai gạch đầu dòng thôi:



Học cho mình

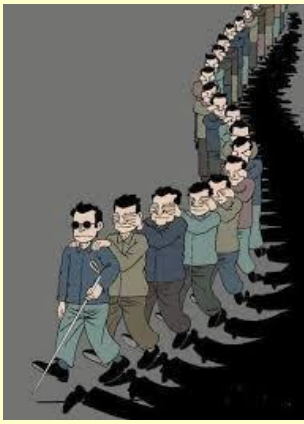
Ta không thể là một người sống giữa đời mà không biết tí gì về thế giới quanh mình. Tăng ni cư sĩ cũng không thể tu Phật theo cách má tin thì con tin, ai rù thì theo. Vậy mục đích đầu tiên là ta học cho mình.

Cho mình ở đây không đơn giản là để mình có được một số vốn kiến thức kiểu "biết thì tốt", mà trên hết, ta dùng cái học trường lớp để xác định con đường mình phải đi, cách mình phải hiểu Phật Pháp, một cách xác định của riêng mình, không phải vay mượn từ ai khác. Thậm chí mang danh tiến sĩ mà không có nổi một nhận thức độc lập thì hình như vẫn còn có chỗ bất cập, bất xứng. Phải có chủ kiến trên nền tảng chánh kiến. Nói kiểu trong nước là kẻ thừa mà có phê phán.

Ta không thể nói thầy tôi dạy vậy thì tôi tin vậy. Bởi nếu ta có hơn hai ông thầy, mỗi vị nói một cách thì ta phải tính sao đây chứ. Vậy rõ ràng việc học đầu tiên là đem cái biết của người về gặm nhấm với riêng mình để sau cùng chọn lấy cái mình thấy là đúng, là thích hợp. Đừng bao giờ vì sợ chống trái với ông thầy rồi không dám động não một cách độc lập. Theo tôi hiểu, và theo kinh Kalamasutta, Phật không dạy ta thờ thầy kiểu đó.

Hôm nay sang Miến Điện giữa lúc đất nước này đang từng ngày thay đổi với một tốc độ đáng nể, tôi vẫn có chút khó chịu khi thấy kiểu Niệm Xứ Phồng Xẹp của ngài Mahasi vẫn được tôn thờ một cách căn cứ như một truyền thống lớn nhất.

Cạnh đó, lý tưởng và công trạng của ngài Vicittasara đối với nền học thuật của Phật giáo Miến Điện đúng là không thể phủ nhận, nhưng kiểu học



cổ hủ là cái gì cũng phải đọc thuộc lòng (oral) như trẻ con tiểu học cứ tiếp tục được giữ lại ở đây một phần lớn cũng là do thái độ kẻ thừa tinh thần của ngài ở những người hậu học trung thành. Họ làm như đã quên rằng nếu nay vẫn còn sống thì Ngài đã trên trăm tuổi rồi và trong cách nghĩ của Ngài có nhiều thứ đã được thừa tiếp từ mấy trăm năm nay ở một xứ sở xa khuất như Miến Điện.

Một cái giá phải trả của Phật giáo Thái Lan sau này chính là thái độ theo tổ quốc Phật của Phật tử xứ này. Ai tìm hiểu ít nhiều về trung tâm Dhammakaya ở Thái chắc chắn sẽ hết hồn. Cơ sở to rộng như một phi trường, lượng người ủng hộ không dưới số triệu, khả năng tài chánh gần như vô hạn, muốn là có, và uy tín đối với chính phủ giống hết như người nhà với nhau. Nhưng pháp môn chủ yếu của Dhammakaya là gì? Lũng lờ giữa các truyền thống và Chỉ hay Quán có trời mà biết. Vậy mà người theo cứ đông như kiến cỏ, quân Nguyễn gì đó chỉ là chuyện nhỏ. Các truyền thống một thời lấy lũng như của ngài Achahn Chah, Achahn Neab, Achahn Asabha, thậm chí thần tượng của tuổi trẻ trí thức Thái Lan là ngài Buddhadasa cũng không sao có nổi ảnh hưởng ghê gớm cỡ đó.

Và người học đạo trước hết phải nhắm đến mục đích không để mình trở thành một nô lệ hay chuột bạch cho bất cứ ai.

B. Học để giúp người.

Một người chịu đạo kinh Phật một cách đàng hoàng, dù có là Phật tử hay không, cũng phải nhận rằng Phật Giáo là một suối nguồn minh triết của toàn nhân loại. Không biết đến lời Phật rõ ràng là thiệt thòi lớn của một người trên hành tinh này. Ai từng đọc qua các kinh Koran của Hồi giáo, Tân-Cựu Ước của Cơ Đốc Giáo, Talmud của Do Thái Giáo, Phê Đà của Ấn Giáo, Đạo Tạng của Lão Giáo,... rồi làm một so sánh, chắc chắn cũng đều phải thấy như vậy. Và ai đã rao giảng trao truyền dòng chảy minh triết đó cho người chưa biết đến Phật Giáo? Ai cũng biết đó chính là những người tu học theo Phật Giáo và có khả năng chuyển tải truyền đạt.

Anh hiểu đúng, làm đúng, nhưng không biết làm sao để giúp tôi được như anh, thì cũng thiệt là đáng tức và thực là đáng tiếc lắm vậy.

Nhưng anh làm sao để trao truyền Phật Pháp cho tôi? Nói kiểu gì thì cũng chỉ nằm gọn trong ba cách: Bằng chữ viết (dịch, soạn, sáng tác), bằng ngôn ngữ thuyết giảng và bằng chính cách hành sống cho tôi nhìn mà học theo. Có thể anh không có đủ cả ba khả năng này, nhưng một người tu Phật muốn sống lợi tha thì tối thiểu cũng phải có một trong ba. Và tôi tin chắc rằng nếu không sở hữu ít nhất ba thứ kiến thức mà tôi vừa nói đến ở phần Phải Học Gì thì anh rất khó lòng mà giúp được ai.

1. Bằng chữ viết

Có nhiều động cơ để một người cầm bút. Anh có thể nói với tôi rằng anh chỉ cầm bút cho riêng anh, không nhằm đến ai, nhưng nếu anh là một người thực học và thực tài thì anh phải chịu trách

nhiệm với bất cứ thứ gì anh viết, dịch, soạn. Đó lại cũng là một kiểu lợi tha. Thứ đến, có lúc ta cầm bút vì một công trình mà ta tâm đắc hơn là vì nghĩ đến nhu cầu của thiên hạ, dù đó là công trình được công bố rộng rãi. Trường hợp cuối cùng, người cầm bút lấy lợi ích của thiên hạ làm trọng để vui đầu vào công trình. Sao cũng được, miễn là người cầm bút thì phải luôn có ý thức trách nhiệm và biết tôn trọng công trình của mình bằng cách thực hiện một cách cẩn trọng, yêu nghề. Được vậy coi như anh đã giúp đời nhiều lắm rồi vậy.

Xin nhớ giùm, lời nói có thể sẽ bay mất, nhưng chữ nghĩa thì mãi hoài nằm lại đó. Đâu ai còn dịp nghe lại giọng nói của các cụ Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Ngô Tất Tố, Huỳnh Tịnh Của, Trương Vĩnh Ký... Nhưng các công trình của họ đến tận giờ vẫn còn đây ra đó, từ các thư viện quốc gia đến tư tập cá nhân.

Làm gì thì làm, một công trình nào đi nữa cũng phải có đủ lý do để tồn tại lâu bền trong đời. Cóp nhặt bừa bãi, nông cạn, bắt cần đều là những lý do khiến một công trình sớm bị đóng bụi. Chỉ với tâm huyết vẫn chưa đủ, còn phải chất lượng bên trong nó nữa. Thiếu hai điều kiện này, cầm bút chỉ hoài phí thời gian, trong khi ta đâu có nhiều thời gian để để chơi sang như vậy. Và thiên hạ cũng đâu dư hơi để chờ một tác phẩm/dịch phẩm kiểu đó.

Xưa giờ có ai thúc ép một bà mẹ phải sinh non trước ngày, cũng như đâu có ai cưỡng cầu một người cầm bút phải hồi hải trình làng một công trình chưa được chín muồi. Để non thường khó nuôi, ẻo uột thiếu sức rồi trách sao đi sớm. Một công trình chữ nghĩa cũng vậy.

2. Bằng ngôn ngữ thuyết giảng.

Tôi không phải một pháp sư hay giảng sư gì ráo, làm được ông sư là mừng rồi. Ở đây chỉ là chút lạm bàn, nhớ gì viết đó, theo kinh nghiệm của một anh bán ve chai bán vẽ cổ vật.

Dù ta may mắn có được một khả năng văn tài hay lợi khẩu ghê gớm đến mấy, trộm nghĩ cái quan trọng vẫn là trách nhiệm đối với thiên hạ. Viết cho hay, đọc đã đời rồi người ta vẫn không bỏ túi được cái gì. Nói cũng thế. Bay bướm hoa hòe cả giờ để rồi chính mình không thể rút gọn được một nội dung xài được. Cả hai trường hợp đều đáng trách, đáng tiếc.

Cái nguy hiểm nhất của một người là khả năng



lôi cuốn thiên hạ cộng với tinh thần vô trách nhiệm. Ai cũng thích có kẻ ái mộ, nhưng không gì bằng việc lấy đó làm động lực chính để nói năng, viết lách. Anh có biết nhiều người có thể vì nghe anh mà tan nhà nát cửa, tiêu tủng một đời không? Đôi khi một dòng chữ hay một câu nói có thể giúp người ta đổi đời, thì ngược lại lắm lúc chúng cũng thừa sức khiến người ta hết đời, tàn đời. Xin nhớ lại giùm đã có biết bao vị đạo sư, giáo chủ, thầy bà gì đó người Việt ở hải ngoại đã một thời khuynh đảo tâm hồn cửa hàng ngàn người nhẹ dạ bằng mấy pháp môn tự chế. Tội nghiệp người ta buông hết Phật pháp chánh thống để dồn hết tâm tư thời gian theo mình, đến lúc ngã ngựa ra mới hay thời gian qua đi cảm trại ở Phi Châu còn tốt hơn trăm lần.

Nếu sử dụng văn tài và khả năng lợi khẩu để tìm fan ủng hộ mà không chịu nghĩ đến lợi ích của người ta thì kể ra cũng quá tàn nhẫn vậy. Và trong chuyện này hình như chính người nghe hay đọc giả cũng tự có một phần trách nhiệm. Ai bảo anh dễ bảo quá, ham vui quá, mới xui tôi muốn nói viết gì cũng được. Nếu anh biết phân biệt rõ cái mình thích và điều mình cần thì tôi đâu dám tung tẩy kiểu đó. Nói kiểu trong nước, có cầu mới có cung chứ. Trong bài này tôi muốn nhấn mạnh nguồn Cung, nhưng dĩ nhiên không thể bỏ qua phía Cầu. Đi nghe thuyết pháp mà cứ chăm bẵm những thơ ca, chuyện cười, truyện ma để ghi nhớ (dù nhiều khi người thuyết giảng chỉ nhắc phớt qua khi cần thiết), thì trách gì lần sau người ta cứ tiếp tục bốn cũ soạn lại. Lâu dần rồi thành lệ, pháp sư nào thuyết giảng chuẩn mực coi như hết đất sống và cư sĩ cũng không còn cơ hội được nghe những gì đúng là Pháp Nhũ Phật Thân. Cái loạn đi ra từ đây!

Nói chân tình cho nhau nghe, việc thiện ha chạy theo vẻ ngoài của chữ nghĩa ngôn từ buổi đầu thấy hay là thế, nhưng về lâu dài lành ít dữ nhiều. Nếu hôm nay họ theo ta vì những hoa lá cành vô bổ nào đó, thì mai kia họ cũng có thể chạy theo những ông thầy sắc sỡ hơn ta bây giờ nữa. Trong khi đó, nếu người nói Phật chỉ nhằm vào hai tiêu điểm là **nói đúng lời Phật và lợi ích thiết thực** của người nghe thì cứ cho là đối thủ của ta mai này cũng phải là bậc thạch đức thạch học, không có chỗ cho kiểu thầy bà bá vợ chen vào. Phật Pháp nhờ vậy mà mạnh, chúng sinh được nhờ.

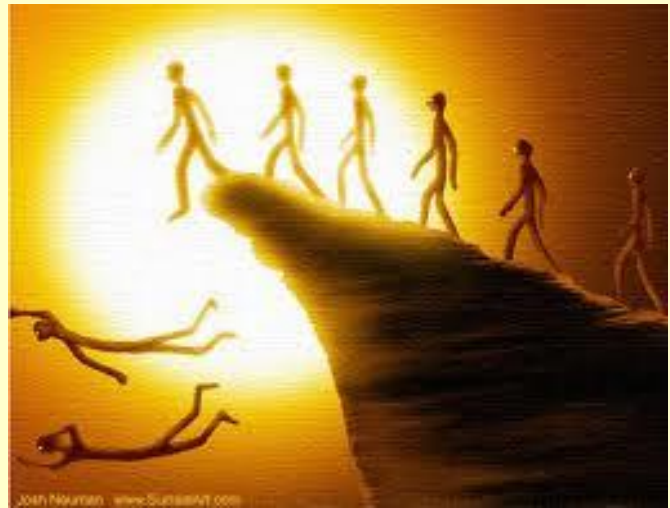
3. Bằng cách sống của mình.

Phải nhận rằng tôi hơi nhột khi viết đến chỗ này mà cứ nhớ đến kiểu sống của mình, nhưng hết đường lựa chọn rồi, phải xuống tay mà viết thôi.

Phật giáo có ít nhất hai cách dạy người, ngôn giáo (bằng lời) và thân giáo (làm gương cho người ta bắt chước). Cả hai cách viết và nói đều nằm trong phần Ngôn giáo. Cách dạy đạo thứ hai là lấy chính kiểu sống của mình làm bài mẫu cho người ta học theo. Sở dĩ có cách dạy này là bởi vì nhiều khi người ta không thích nghe hay đọc điều mình nói hay viết, mà lại muốn ngó vào từng chi tiết nhỏ trong sinh hoạt của sư phụ.

Trăm buổi giảng về giới luật, chánh niệm, tâm úy, từ tâm...lắm lúc xem ra không hiệu quả bằng một tuần lễ trò quan sát thầy. Sống động hơn, thuyết phục hơn, và đỡ tốn kém trí nhớ. Đặc biệt là niềm tin rằng thầy nói được và đã làm được. Nếu mình làm giống hệt thầy thì cũng sẽ an lạc ngon lành như thầy. Đó chính là thân giáo vậy.

Có một thời gian khá dài, tôi cứ nghĩ rằng hình thức trang nghiêm trước đám đông hình như là giả



dối nếu khi về ở một mình mà lại không thu thúc được như vậy. Nhưng rồi vài vị huynh đệ đã vô tình giúp tôi bỏ đi cách nghĩ đó. Một vị, trong lúc tình cờ kể cho tôi nghe một chuyện vui trên đường, đã nói rằng dù thực ra mình không phải người nghiêm trì cẩn cẩn nhưng trước người lạ ít nhiều cũng nên giữ lại chút đại thể, cho mình và cho đoàn thể mà mình có mặt. Vị này dùng một ví dụ nghe không đẹp lắm, nhưng theo tôi thì hay tuyệt và xác đáng. Sư nghĩ xem, ai không biết mình có áo quần cần giặt và phơi, nhưng đem phơi bãi ngoài cửa sổ chung cư kiểu như nhiều người A Châu thì kỳ cục quá. Mình có bê bối cỡ nào đi nữa, đôi khi cũng phải kín đáo một tí, không cần thiết phải vạch áo cho người xem sọc bên trong. Minh trang nghiêm không chỉ cho bản thân, mà còn cho đạo, cho thầy bạn, hệ phái nữa. Hay!

Câu chuyện thứ hai, xảy ra ở Việt Nam mấy chục năm rồi, mà tôi cứ nhớ hoài như một bài học bằng vàng. Một vị sư bạn của tôi, lớn tuổi hơn nhiều, đã kể cho tôi nghe một chuyện xảy ra với sư trong một lần đi xe bus ở Sài Gòn, kiểu xe Karosa của Tiệp Khắc có cửa đóng mở bằng hơi và được điều khiển từ chỗ ngồi của tài xế. Hôm đó, xe chật như nêm, sư bạn tôi lên được xe thì mới hay chỗ đứng cũng không còn nói gì chỗ ngồi. Sư đành chịu trận ngay cửa xe. Lát sau, cô nhân viên soát vé thấy có chỗ trống để đón khách vào sâu bên trong, bèn hô hét: Ông thầy phải chừa chỗ cho người ta mở cửa xe chứ. Vị sư bạn tôi lúc đó nhỏ nhẹ: Tôi bị kẹt ngón tay trong cửa xe cô ơi. Cô nhân viên hết hồn nhìn lại: Trời ơi, sao thầy không chịu la lên? Ông sư bạn tôi rần cười: Sắp đến trạm kế rồi, xe sẽ mở cửa. Cảm ơn cô.

Kể xong câu chuyện, sư cười với tôi: “Đó cũng là hoằng pháp. Nhiều người khách lúc đó nhìn tôi rồi tôi nghe ai đó xầm xì. Người ta là ông thầy mà!”

Tôi rất muốn gọi hai câu chuyện vừa kể là những bài học về Thân giáo. Mà muốn làm được chuyện này, tăng ni bắt buộc phải có một nội hàm thật vững, thật sâu và cũng xin nhớ giùm một chuyện: Muốn biết đường hành trì hay lợi tha thì phải học trước. Nhưng học cái gì, ta cần có mô hình giáo dục thế nào? Xin trở lại đầu bài.

Ký túc xá Mahachulalongkorn 2013
Toại Khanh cẩn bút

DÙNG SỮA YẾN MẠCH (OAT MILK) TRONG NĂM TUẦN LÀM GIẢM LƯỢNG MỠ VÀ CHOLESTEROL XẤU TRONG MÁU

Tâm Diệu biên soạn

Tổng số cholesterol và loại cholesterol xấu LDL cao trong máu (hypercholesterolemic) được coi là yếu tố nguy cơ chính gây bệnh tim mạch. Yến mạch β -glucan, một chất xơ hòa tan được tìm thấy trong các tế bào nội nhũ của yến mạch, đã tạo ra lợi ích đáng kể do tính chất làm giảm cholesterol của mình. Vào năm 1997 cơ quan Thuốc và Thực phẩm Hoa Kỳ (FDA) đã công nhận chất xơ hòa tan β -glucan từ yến mạch có khả năng giảm mức cholesterol trong máu và giảm nguy cơ bệnh tim. Tương tự như vậy, vào năm 2004 tổ chức Joint Health Claims Initiative ở Anh Quốc (JHCI) cũng công nhận yến mạch β -glucan có tác dụng giảm cholesterol. Các kết quả của các phân tích cho biết những nghiên cứu trong suốt 13 năm qua rằng mỗi ngày dùng ít nhất 3 gam yến mạch β -glucan có thể làm giảm tổng số cholesterol 5% và giảm cholesterol xấu LDL 7%. Dữ liệu này phù hợp với kết luận ban đầu được thực hiện bởi FDA và JHCI. [01]

Một nghiên cứu vào năm 1999 được thực hiện bởi các nhà Y sinh Dinh dưỡng học (Biomedical Nutrition) thuộc trường đại học University of Lund, Sweden thực hiện, cho biết **sữa yến mạch** có khả năng làm giảm lượng cholesterol trong máu, đặc biệt giảm loại cholesterol xấu LDL. Trong thử nghiệm này, sáu mươi sáu người đàn ông được tuyển chọn từ một chương trình kiểm tra sức khỏe với tình trạng moderate hypercholesterolemia, được phân ra làm hai nhóm một cách ngẫu nhiên. Một nhóm uống sữa yến mạch và nhóm kia uống sữa gạo trong 5 tuần với dung lượng ¾ lít một ngày. Sữa yến mạch có chứa nhiều chất xơ, đặc biệt là β -glucan (0,5 g/100 g) so với sữa gạo (< 0.02 g/100 g). Sau giai đoạn thử nghiệm, so sánh với nhóm uống sữa gạo, kết quả cho



biết tổng lượng mỡ (cholesterol) và loại mỡ xấu LDL trong máu của nhóm uống sữa yến mạch giảm 6%. Triglycerides trong máu của nhóm uống sữa yến mạch không thay đổi, trong khi đó có sự gia tăng đáng kể đối với nhóm uống sữa gạo. Các nhà nghiên cứu đã kết luận rằng sữa yến mạch có chứa chất xơ không hòa tan (insoluble fiber) và chất β -Glucan (beta-glucan) đã làm giảm cholesterol xấu trong máu. [02]

Tương cũng nên biết β -glucan là một hỗn hợp sinh học polysaccharide được tìm thấy trong nhiều nguồn thực phẩm tự nhiên như yến mạch, đại mạch, rong biển, nấm... có **khả năng tăng cường hệ miễn dịch tự nhiên, tức phòng chống nhiễm trùng**, chống lại bất cứ yếu tố ngoại lai nào xâm nhập cơ thể, kể cả các tế bào ung thư. Ngoài ra nó còn tăng cường sức khỏe hô hấp và kích thích tăng tiết nhiều cytokines nhằm tiêu diệt các mầm bệnh xâm nhập từ bên ngoài, giúp giảm hệ số chuyển đổi thức ăn, kích thích tiêu hóa, phòng các bệnh đường ruột, nhiễm trùng do vi khuẩn, vi rút [03].

Một nghiên cứu khác của trường đại học The University of Zulia, Maracaibo, Venezuela cho

biết chất β -glucan chiết xuất từ yến mạch (oat) có khả năng gia tăng cholesterol tốt HDL và làm giảm cholesterol xấu HDL. [04]

CÁCH LÀM SỮA YẾN MẠCH (Tâm Linh)

So với sữa đậu nành, làm sữa yến mạch dễ hơn vì không cần đun nấu, và một điều quan trọng chúng không bị biến đổi gene và enzymes do không qua việc xử lý bằng nhiệt. Giá thành rẻ hơn sữa đậu nành và sữa hạnh nhân (almond milk).

Nguyên Liệu:

- •• 1 cup steel-cut oats or old-fashioned or rolled oats
- •• 4 cups filtered water
- •• ¼ tsp sea salt (optional)
- •• 2 Tbsp pure maple syrup or honey (optional)

Thực Hành:

- Ngâm yến mạch trong nước khoảng 8 giờ hay qua đêm.
- Sáng dậy bỏ nước cũ, xả vài lần với nước ấm cho sạch và sau cùng đổ 4 cups nước ấm (dưới 100 độ C)
- Xay tất cả trong máy xay sinh tố, có thể thêm 1 cup nữa nếu muốn cho lỏng thêm.
- Lọc lấy phần nước với 1 cái khăn vải xô.
- Nếu thích ngọt thì cho chút đường hay chút mật ong hoặc một chút muối
- cất giữ trong tủ lạnh để dùng trong một vài ngày.
- Phần còn lại có thể dùng làm bánh hay nấu cháo yến mạch.
- Cho được từ 5 đến 6 cups sữa.

CHÚ THÍCH:

[01] Nutr Rev. 2011 Jun;69 (6):299-309. <http://www.ncbi.nlm.nih.gov/pubmed/21631511> Cholesterol-lowering effects of oat β -glucan.



[02] *Ann Nutr Metab.* 1999;43 (5):301-9. <http://www.ncbi.nlm.nih.gov/pubmed/10749030> Consumption of oat milk for 5 weeks lowers serum cholesterol and LDL cholesterol in free-living men with moderate hypercholesterolemia.

[03] *Vaclav Vetvicka, Tiến sĩ Phó Giáo sư tại Khoa Bệnh học, Phòng thí nghiệm và khoa miễn dịch học của Trường Y, Đại học Louisville, Hoa kỳ (Louisville, KY 40202, United States) Đăng trên tạp chí ung thư lâm sàng thế giới ngày 10/02/2011; 2(2); 115-119 (World J Clin Oncol 2011 February 10; 2(2): 115-119) [xem bản pdf: <http://www.glucan.us/Glucan%20immunostimulant.pdf>*

[04] *Am J Ther.* 2007 Mar-Apr;14 (2):203-12. <http://www.ncbi.nlm.nih.gov/pubmed/17414591> Oat-derived beta-glucan significantly improves HDLC and diminishes LDLC and non-HDL cholesterol in overweight individuals with mild hypercholesterolemia.

Total Cholesterol Level (mg/dL)

< 200 Desirable
200-239 Borderline high
240 and above High

LDL Cholesterol Level (mg/dL)

Less than 100 Optimal
100-129 Near optimal/above optimal
130-159 Borderline high
160-189 High
190 and above Very high

Source: The National Cholesterol Education Program (NCEP).

HANDPRINTS

*Five little snowmen sitting on a hill
The first one said, "Oh my i'm getting a chill!"
The second one said, "There are flakes in the air".
The third one said, "We don't care".
The fourth one said, "let's roll and roll and roll"
The fifth one said, "let get off this knoll"
Then up went the sun and on went the light
And five little snowman melted out of sight.*

HUỖNH NGUYỄN LAM

thơ

DẤU TAY TRÊN TUYẾT

*Năm chàng người tuyết đứng trên đồi,
Khí hậu mùa Đông lạnh quá thôi.
Tuyết trắng rơi rơi từng miếng nhỏ,
Gió về thổi nhẹ áng mây trời.
Lá vàng quay mãi, không ngừng nghỉ,
Đồi nhỏ ngừng chơi... lại phải rời.
Ánh nắng chiếu tà bông vạt tắt,
Dấu tay trên tuyết âm thầm trôi.*

DIỆU ĐỨC dịch thơ



Con ngựa của Thái tử

HUỆ TRẦN

Kanthaka (Kiền Trắc) là tên con ngựa của Thái-tử Tất Đạt Đa, con vua Tịnh Phạn, giòng họ Thích Ca.

Hạnh phúc lớn nhất của nó là được vua Tịnh Phạn chọn làm quà sinh nhật thứ mười lăm cho Thái-tử. Nó còn nhớ, một ngày vào năm đó, nó được tuyển lựa kỹ càng trong một trăm ngựa quý từ kinh thành Tỳ-Da-Ly, mang về đây. Nó chẳng hiểu nhiệm vụ nó về đây làm gì mà phải chọn kỹ thế, nhưng nó hãnh diện vì đã đánh bại các bạn nó. Rồi một hôm, nó nghe xôn xao mọi người đi dự lễ hội thể thao về, bảo rằng, Thái-tử đã thắng hầu hết những giải quan trọng như bắn cung, cưỡi ngựa, đánh kiếm, và nhận được giải thưởng cao quý là một thớt voi trắng uy nghi, tuyệt đẹp. Khi nghe tin đó, Kanthaka tưởng rằng, từ nay, Thái-tử sẽ du hành bằng voi. Như thế thì Thái-tử sẽ không thường đi chơi xa được vì voi to lớn, rềnh ràng quá!

Trong những suy nghĩ mông lung đó, nó được Channa, người hầu của Thái-tử dắt đi tắm rửa, chải bờm, khoác đai mới màu bích ngọc điểm nhiều hạt trai trắng ngần và những đá quý lấp lánh muôn màu. Xong, Channa ngẫm nghĩa nó, gặt gù có vẻ hài lòng rồi dắt nó chậm rãi từng bước về phía hoàng cung, nơi, từ sân trước, nó đã thấy vua Tịnh Phạn, hoàng hậu Kiều Đàm Di và Thái-tử Tất Đạt Đa đang chuyện trò vui

vẻ. Khi Channa dắt nó tới gần thì nhà vua tiến về phía nó, cầm lấy giây cương, rồi đích thân vua trao giây cương cho Thái-tử và âu yếm nói:

- Đây là quà sinh nhật của con. Kanthaka là con ngựa đẹp nhất của vương quốc lẫn bang mà vì tình giao hảo, cha đã có được.

Kanthaka ngược nhìn Thái tử và chạm vào đôi mắt nhân từ mà nó chưa từng được thấy bao giờ. Chỉ đôi mắt đó cũng đủ khiến từng sợi tơ bờm trắng của nó rung rinh. Và khi Thái-tử nghiêng xuống, dịu dàng vòng hai tay ôm lấy đầu nó thì đôi vành tai nó không thể không lay động, và bốn vó nó khó mà không nhún nhảy theo giòng nhạc rất êm ái nó đang nghe được trong trái tim vui mừng.

Từ hôm đó, nó được gần gũi với Thái-tử. Đi đâu, Thái-tử cũng có Channa theo hầu. Gọi là người hầu nhưng nó thấy Channa được cư xử như một người bạn thân thiết vì Channa cũng trạc tuổi Thái-tử. Với hồng-mã cho Channa và bạch-mã là nó, cho Thái-tử, khi thì đôi bạn song hành khắp nơi trong vương quốc, khi thì nó được móc vào một chiếc xe xinh đẹp, sơn vàng óng ánh cùng với hồng-mã, và đôi bạn thay nhau cầm cương. Trên đường, Channa tuân lời Thái-tử, không bao giờ dùng đến roi, vì chỉ cần nhích nhẹ giây cương là nó và hồng-mã đã biết ý chủ.

Channa không chỉ cùng Thái-tử thưởng ngoạn bao cảnh đẹp của non sông cấm tú mà Thái-tử còn thường muốn tới những nơi cùng khổ, đói nghèo để thăm viếng, giúp đỡ. Chính những nơi đây, Thái-tử đã từng ngạc nhiên và cảm phục khi tình cờ thấy công nương Da-Du-Đà-La, một cành vàng lá ngọc, thường cùng thị nữ đến những xóm nghèo, thuộc giai cấp hạ-tiện để chăm sóc, tắm rửa, mang thực phẩm cho những đứa trẻ lê la đất cát vì cha mẹ chúng phải tới những nhà giàu làm việc từ sáng sớm!

Kanthaka và hồng-mã đã nhìn nhau mỉm cười khi nghe

Thái-tử ân cần hỏi thăm Channa về công nương Da-Du-Đà-La. Tình cảm nảy nở giữa Thái-tử và công nương là niềm vui mừng của vua Tịnh Phạn vì vua luôn bị ám ảnh bởi lời tiên tri của lão đạo-sỹ A-Tử-Đà, một ẩn sỹ nhiều năm đã chống gậy xuống núi ngày Thái-tử chào đời. Vua Tịnh Phạn đã nghe tiếng vị ẩn sỹ này nhưng chưa từng gặp được. Nay, khi quân lính báo tin đạo sỹ đang đứng chờ ngoài cửa thành thì nhà vua liền thân chinh ra đón. Lão đạo-sỹ nói ngay ý mình, là xin được thăm Thái-tử.

Đứng trước chiếc nôi hồng, trong đó vị Thái-tử vừa chào đời đang say sưa trong giấc ngủ thiên thần, lão đạo sỹ lặng người thật lâu, rất lâu, rồi bỗng bật khóc. Đức vua và hoàng hậu đều hốt hoảng, cùng thưa:

- Ngài thấy điềm gì không tốt cho Thái-tử chăng?

Lão đạo-sỹ vẫn vừa khóc vừa cười, vừa nghẹn ngào dứt quãng:

- Tâu bệ hạ, lão thần khóc là khóc cho chính mình vì nghiệp đầy phước mỏng, sẽ không kịp có cơ duyên được nghe Đạo Cả từ một bậc vĩ nhân. Vâng, Thái-tử đây không chỉ làm vua một nước mà sẽ là một vị Thánh-vương của khắp bốn chúng. Nghĩa là, Thái-tử sẽ là một vị sa-môn, tự tìm ra con đường giác ngộ, giải thoát cho mình, rồi sẽ độ tha cho khắp hết hàng nhân, thiên, trời, rồng... những ai đủ duyên tiếp nhận con đường sa-môn tìm ra. Ôi, tôi nay đã già yếu rồi, tôi sẽ chết trước ngày thế gian này được cứu vớt!

Khóc rồi, lão đạo sỹ bước nhanh ra khỏi hoàng cung, vua giữ thế nào cũng không được.

Thế nên, nếu Thái-tử tìm được người ý hợp tâm đầu mà gả bỏ, có nghĩa là Thái-tử sẽ không đi tu, sẽ nối ngôi vua cha chặn dặt thần dân sau này. Đó là điều vua Tịnh Phạn thăm mong muốn.

Quả nhiên, việc vui mừng đã đến. Kanthaka còn nhớ, ngày trọng đại đó, nó được dẫn đầu, đàn ngựa quý cùng với voi, xe, đoàn kỹ nữ ca múa, diễn hành qua cổng thành hoa đèn rực rỡ, trong khi dân chúng nô nức hưởng



về Ca-Tỳ-La-Vệ để chờ được thấy Thái-tử và công nương xuất hiện trên lan can hoàng cung.

Áy thế mà ngày vui không bao lâu sau khi công nương sanh một tiểu hoàng-tử, đặt tên là La-Hầu-La. Thời gian này, Kanthaka thấy Thái-tử thường dăm chiêu, buồn bã. Trước kia, đi đâu cũng có Channa cưỡi hồng-mã theo hầu nhưng nay, Thái-tử thường chỉ đi một mình. Ra khỏi hoàng thành, Thái-tử thường thả lỏng giây cương, mặc nó muốn đi hướng nào thì đi. Mới đầu, nó bối rối lắm vì không biết phải đưa Thái-tử đi đâu cho Thái-tử đỡ buồn, nhưng sau, nó vận dụng sự suy nghĩ, quyết định đi về những cánh rừng thưa, những ngọn đồi xa đô thị, những bờ sông êm ả vắng bóng đò. Nó mơ hồ thấy như Thái-tử đang có điều gì bận tâm lắm. Vậy thì, chỉ những nơi tĩnh lặng Thái-tử mới thông thả suy nghĩ được mà thôi. Đôi khi nó cảm động đến chảy nước mắt khi Thái-tử thì thầm, tâm sự với nó: "Kanthaka ơi, chắc rồi ta phải ra đi. Đi đâu, ta chưa biết chắc, nhưng phải đi mới tìm được. Tìm gì ư? Ta cũng chưa thấy rõ hình dáng cái ta muốn tìm là gì, nhưng chắc chắn phải có cái đó, ở đâu đấy, hay đang ở chính trong ta không chừng. Đó là cái có thể vượt ra ngoài những giây trời của bao đau khổ chập chùng trong kiếp người. Nếu tìm được, hiểu được từ đâu mà đau khổ thì mới mong diệt khổ. Nhưng này, Kanthaka, làm sao ta có thể tĩnh tâm tìm được cái điều sâu thẳm, mơ hồ đó, khi hàng ngày, hàng giờ ta mãi quần quanh trong trời buộc của phù phiếm, xa hoa? Ta phải chặt đứt giả tạm này mới mong tìm ra chân lý. Ta đã quyết thể rồi, Kanthaka ơi! Nhưng ta không thể chia xẻ điều này với bất cứ ai, vì nhân danh tình thương, ta sẽ bị những người yêu thương ta cản bước."

Kanthaka đã nhiều lần nghe Thái-tử bồi hồi nói như thế, và lần nào nó cũng cọ đầu vào lòng Thái-tử. Nó muốn nói rằng, dù Thái-tử đi đâu thì chắc chắn nó cũng đi theo, chắc chắn như thế, vì Thái-tử làm sao đi bộ được!

Nhưng Kanthaka đã lầm!

Một đêm mồng tám tháng hai, nó đã thiu thiu ngủ thì thấy Channa mở cổng bước vào. Không nói năng gì, Channa lặng lẽng đắp yên cương, đeo túi da gồm bánh ngọt, trái cây và nước uống. Nó dậm nhẹ vó, ý hỏi "Thái-tử đi đâu giờ khuya khoắt này?" nhưng dáng điệu Channa bồn chồn như chính Channa cũng chưa biết.

Một lát thì từ phía đông-cung, một bóng người nhẹ nhàng, thoăn thoắt đi xuống. Đó là Thái-tử Tất-Đạt-Đa.

Channa đứng bật dậy. Thái-tử cũng ngạc nhiên khi thấy Channa và nhất là nhìn thấy nó đã được trang bị đầy đủ cho một chuyến đi. Đi đâu? Nó không biết. Nó nghe Thái-tử hỏi nhỏ Channa:

- Anh biết ta sẽ đi đêm nay?

Và giọng Channa đầy nước mắt:

- Thưa, thần không biết. Chỉ tuân lời lệnh bà xuống chuẩn bị cho Kanthaka.

Và giọng Thái-tử xúc động, như nói với chính mình:

- Da-Du-Đà-La yêu quý, thì ra em đã đoán biết.

Rồi không chậm trễ, Thái-tử vừa nháy lên mình nó, vừa bảo Channa:

- Thôi được, anh đã ở đây thì cùng đi với ta một đoạn đường.

Channa cũng vội vã dắt hồng-mã ra.

Thoáng chốc, đôi bạn đã ra ngoài cửa thành mà không một ai hay biết.

Bên ngoài thành, Thái-tử chợt dừng lại, quay nhìn hoàng cung, rồi vòng tay, lạy ba lạy. Sự việc xảy ra trong thẳm lặng, chớp nhoáng, nhưng đủ cho nó cảm nhận điều gì đó, rất nghiêm trọng trong chuyến đi này. Bất ngờ, Thái-tử bảo Channa:

- Về hướng Nam.

Rồi giật giây cương.

Nó lập tức tuân lệnh, phi nước đại. Hồng-mã cũng chồm lên, theo sau.

Trên trời đêm, trăng và sao lấp lánh soi đường cho đôi bạn. Đôi ngựa cũng phi nhanh theo tay cương, đi mãi như thế đến khi ánh dương vừa rạng cuối chân trời thì tới biên giới vương quốc lân bang. Nơi đây có con sông nhỏ, hiền hòa chảy ngang. Thái-tử và Channa cùng xuống, dắt nó và hồng-mã qua chỗ sông cạn. Sang bên kia bờ, đôi bạn vẫn nhắm hướng Nam, đi thêm một đôi nữa. Tới bìa rừng đây hoa vàng và trúc xanh thì Thái-tử ghìm cương, bước xuống. Channa cũng làm theo như thế.

Hình như khi đó, trên trời có một vầng mây xám bay ngang.

Thái-tử xõa tóc ra phía trước, rút thanh đoản kiếm đeo bên hông, và trong tích tắc đã cắt đứt mái tóc xanh, trao cho Channa. Bây giờ Thái-tử mới nói rõ:

- Channa, người bạn thân thiết của ta, anh hãy mang lọn tóc này về, dâng phụ hoàng và mẫu hậu. Hãy thay ta mà thưa rằng, ta quyết

phải tìm cho ra con đường giải thoát khổ đau cho bốn chúng. Ta chưa biết rõ sẽ bắt đầu từ đâu và đi đâu, nhưng lại biết chắc chắn là ĐÁ TỐI LÚC TA PHẢI BIẾN NHỮNG THỜI THỨC TRONG LÒNG THANH HÀNH ĐỘNG. Hành động đó là xuất gia. Từ nay, ta sẽ sống đời sa-môn không nhà, ta sẽ tự chăm sóc mình trên đường tìm đạo.

Channa còn ngẩn ngơ thì Thái-tử quay sang, xoa đầu nó:

- Con không chỉ là một con ngựa giỏi mà còn là một người bạn tốt. Con đã đưa ta đi biết bao đoạn đường và ở đoạn cuối này, con vẫn hoàn tất nhiệm vụ tốt đẹp. Con đã đưa ta đến nơi ta muốn. Nhưng nơi đây, chúng ta phải chia tay. Channa sẽ dắt con và hồng-mã cùng trở lại hoàng cung. Khi nào tìm ra đạo cả, ta hứa sẽ về thăm. Ta cảm ơn Channa. Ta cảm ơn con.

Bây giờ, Channa mới lượng định được phần nào sự nghiêm trọng. Channa quỳ sụp xuống trước Thái-tử, khóc òa lên:

- Con lạy điện hạ, điện hạ đi đâu cũng xin cho con theo hầu. Điện hạ là cành vàng lá ngọc, làm sao sống đời sa-môn lang thang cực khổ được. Làm sao con dám quay về, đưa tin hãi hùng này lên hoàng gia! Trăm lạy điện hạ, xin điện hạ thương con.

Khi ấy, Thái-tử vừa cảm động, vừa buồn cười, nhìn Channa mà nói rằng:

- Có vị sa-môn nào đi tu mà còn mang theo người hầu không? Và lại, anh là người duy nhất có thể giúp ta mang tin về, anh cũng biết như thế, phải không? Giờ này, có lẽ mọi người đang nhốn nháo tìm ta. Anh nên giúp ta, về mau đi.

Channa là một người thông minh nên đã hiểu rõ ngay trạng huống. Thái-tử ôm bạn, vuốt ve nó và hồng-mã rồi quay lưng, đi vào rừng.

Channa đứng lặng, nhưng bật khóc thành tiếng, khóc nức nở.

Cả ba, người và ngựa đều đứng lặng như thế, rất lâu. Ba trái tim đều như theo sát bước chân vị Thái-tử vừa rời bỏ cung vàng điện ngọc, vợ đẹp con khôn, bước những bước chân trần đầu tiên, quyết đi tìm những sự thật màu nhiệm từng bị vô minh che lấp khiến muôn loài triền miên trong luân hồi đau khổ.

Cả ba, người và ngựa đứng lặng như thế cho đến khi hình dáng vị Thái-tử đã khuất hẳn sau bóng lá cây rừng.

Đó là ngày Thái-tử Tất-Đạt-Đa xuất gia.

Huệ Trân

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

ANH QUỐC: Tỉnh xá Phật giáo Luân Đôn tổ chức Lễ Kathina

Ngày 3-11-2013, Tỉnh xá Phật giáo Luân Đôn tổ chức lễ kết thúc Mùa An cư với sự tham dự của đông đảo tín đồ.

Buổi lễ bắt đầu với tiếng trống Magul Bera (trống lễ) và dẫn đầu là các em bé mặc đồ trắng cầm cờ Phật giáo, theo sau là vải y Kathina và các vật phẩm cúng dường khác.

Tham dự buổi lễ có 11 nhà sư đến từ các ngôi chùa Tích Lan ở nội ngoại vi của Luân Đôn.

Trong bài thuyết pháp của mình, Đại đức Bogoda Ven Seelawimala, Trưởng Tăng đoàn Nayaka của Liên hiệp Anh giảng về ý nghĩa và những giá trị lịch sử và tôn giáo của Lễ Dâng Y Kathina. Buổi lễ kết thúc với phần giảng pháp bởi thượng tọa Konwewe Ariyaratana và phần tụng niệm Pariththa của toàn thể chư tăng.

(Sri Express – November 8, 2013)



Một số hình ảnh của lễ Dâng Y Kathina tại Tỉnh xá Phật giáo Luân Đôn

Photos: Tissa Madawela

THÁI LAN: Phật tử cúng dường lớn để đúc tượng tại chùa Dokkrai ở Rayong

Ngày 28-10-2013, hàng trăm Phật tử từ khắp nơi trên đất nước Thái Lan đã đến thành phố Rayong để cúng dường cho việc đúc một tượng Phật mới tại Chùa Dokkrai.

Tất cả những vật phẩm quý giá như vàng, đồng, đồ trang sức, thép và đá được cho vào phần đầu của tượng trong một lễ làm công đức lớn để đúc pho tượng Đức Phật Somdet Ong Prathom, được gọi là "Đức Phật đầu tiên".

Sư Baideeka Kittisak Attakovito, trụ trì Chùa Dokkrai, nói rằng việc cúng dường này là công đức lớn vì Phật tử đã mang đến chùa những vật phẩm mà họ gìn giữ từ nhiều năm nay.

Khi hoàn thành, pho tượng này sẽ cao 12 m và lòng tượng có bề ngang 6,5 m.



Vật phẩm cúng dường quý giá được thêm vào tượng



Sư trụ trì Chùa Dokkrai thu nhận vật phẩm cúng dường từ Phật tử



Một dây chuyền chuyền xô xi măng và vật phẩm quý được tạo thành để đổ lên đỉnh của pho tượng Phật mới



(Pattaya Mail – November 8, 2013)

THÁI LAN: Việc chọn vị Tăng Thống mới sẽ bắt đầu sau khi các nghi thức tang lễ dành cho Đức cố Tăng Thống kết thúc

Tiến trình chọn vị Tăng Thống mới dự kiến sẽ được tiến hành sau khi kết thúc lễ tang cố Tăng Thống Phra Nyanasamvara.

Chủ nhiệm Văn phòng Phật giáo Quốc gia Nopparat Benjawanun nói rằng tiến trình lựa chọn sẽ không bắt đầu cho đến khi các nghi thức tang lễ cho Đức Tăng Thống thứ 19 kết thúc vào ngày 31-1-2014.

Theo tiến trình, Hội đồng Tăng đoàn Tối cao sẽ đề cử 1 trong 7 vị cao tăng hàng đầu trong hệ thống cấp bậc tu viện Thái và chuyển tiếp sự đề cử này đến Thủ tướng. Sau đó Thủ tướng sẽ trình lên Đức Vua.

Theo Phần 7 của Đạo luật Tăng đoàn năm 1992, quyết định bổ nhiệm chức vị Tăng Thống là đặc quyền của nhà vua.

(Buddhist Door – November 8, 2013)

ĐÀI LOAN: Hội Phật giáo Từ Tế gửi các phòng học tạm thời đến nạn nhân của Bão Yolanda (Haiyan)

Đài Bắc, Đài Loan – Hội Từ Tế sẽ gửi đến Phi Luật Tân 160 phòng học tạm thời để giải quyết nhu cầu cấp thiết về nơi trú ẩn cho nạn nhân của trận Bão Yolanda ở Visayas và của xung đột vũ trang ở Zamboanga.

Các phòng học này, vốn được lắp ráp bởi các tình nguyện viên của Hội Từ Tế tại Đài Trung, Đài Loan, sẽ đến Phi Luật Tân trong tháng 11-2013. Giám đốc Điều hành của Từ Tế tại Phi Luật Tân là Alfred Li cho biết rằng mỗi phòng học có thể chứa 75 học sinh và có thể phục vụ như nơi trú ẩn tạm thời cho các nạn nhân của trận bão.

Chi nhánh Đài Loan của Hội Từ Tế cũng đã gửi đến Phi Luật Tân chăn ấm và cơm ăn liền. Các mặt hàng này sẽ được tặng cho nạn nhân thảm họa tại Leyte, nơi các tình nguyện viên Từ Tế sẽ thực hiện một cuộc khảo sát và các hoạt động cứu trợ lớn từ ngày 13 đến 16-11-2013.

(Mahabhodi IP – November 14, 2013)

NHẬT BẢN: Ngôi chùa ở Kyoto lần đầu tiên triển lãm 3 pho tượng cổ

Kyoto, Nhật Bản – Từ ngày 15-11 đến 8-12-2013, chùa Bishamon-do Shourinji ở Phường

Higashimaya sẽ lần đầu tiên trưng bày cho công chúng chiêm bái 3 pho tượng cổ vốn được cất giấu bên trong thân một pho tượng lớn hơn tại chùa này.

Vào năm 2009, 3 tượng nhỏ nói trên được phát hiện bên trong pho tượng chiến thần Bì Sa Môn Thiên cao 1,5 m - là tượng chính của chùa.

Chùa Bishamon-do Shourinji (thuộc trường phái Tofukuji của Phật phái Lâm Tế) đã quyết định triển lãm cho công chúng xem "3 tôn tượng của Bì Sa Môn Thiên" này - bao gồm tượng Bì Sa Môn Thiên cao 16,7 cm có niên đại khoảng 1.000 năm, và 2 tượng vợ và con trai của chiến thần này là tượng nữ thần Kisshoten (cao 9,4 cm và Zennishidoji (cao 8,4 cm) được tạo tác vào năm 1763 - cùng với pho tượng Bì Sa Môn Thiên chính của chùa, nhân kỷ niệm năm thứ 250 của 2 tượng nhỏ Kisshoten và Zennishidoji.

(The Asahi Shimbun – November 15, 2013)



3 tượng nhỏ phía trước đã được cất giấu bên trong pho tượng Bì Sa Môn Thiên lớn hơn tại chùa Bishamon-do Shourinji ở Kyoto
Photo: Noboru Tomura

ẤN ĐỘ: Chư ni Tây Tạng được Đức Đạt lai Lạt ma ủng hộ và động viên

Dharmasala, Ấn Độ - Đức Đạt lai Lạt ma gần đây đã gặp gỡ hàng trăm ni cô Tây Tạng sau thời gian họ trải qua hội nghị kéo dài một tháng về thảo luận chuyên sâu. Cuộc tập trung của chư ni là một sáng kiến của Dự án Ni cô Tây Tạng, vốn đang tạo các cơ hội giáo dục cho cả chư ni chứ không chỉ dành cho chư tăng như trước đây. Dự án đã đạt tiến bộ lớn kể từ khi thành lập vào năm 1987. Trong số các ni cô thoát khỏi Tây Tạng để đến Ấn Độ và Nepal có nhiều người thất học hoặc không được học hành chính thức, thậm chí mù chữ; nhưng vào năm 2013, một điều chưa từng có là 27 ni cô đã dự kỳ thi Geshama, tương đương với bằng Tiến sĩ trong Phật giáo Tây Tạng.

Trong cuộc gặp gỡ này, Đức Đạt lai Lạt ma đã kêu gọi chư ni thực hiện các vai trò lãnh đạo của họ. Ngài nói rằng đến nay chư ni vẫn dựa vào sự giảng dạy của chư tăng, nhưng trong tương lai việc có cả các ni cô đảm nhiệm giảng dạy cho chư ni là rất quan trọng.

(Shambhala Sun – November 15, 2013)



Đức Đạt lai Lạt ma gặp gỡ chư ni Tây Tạng
Photo: Tenzin Choejor

CAM BỐT: Chư tăng Cam Bốt diễn hành để bảo vệ rừng nhiệt đới

Chư tăng tại Cam Bốt gần đây đã phản đối các kế hoạch xây dựng một đập thủy điện trên Sông Areng của chính phủ Cam Bốt và các tập đoàn nước ngoài. Dự án đập Stung Chey Areng, do tổng công ty Guodian của Trung quốc đề xuất, sẽ tạo ra một hồ chứa làm ngập khoảng 20.000 hecta rừng nhiệt đới và di dời khoảng 1.500 cư dân của thung

lũng này, tàn phá một trong những khu rừng nhiệt đới đa dạng sinh học nhất còn lại tại châu Á.

40 nhà sư ở các độ tuổi khác nhau đã diễn hành 25km xuyên rừng để đến làng Pra Lay trong thung lũng Areng để động viên cư dân tại đó dựng cảm đương đầu với chính phủ. Họ mang theo một tấm vải cà sa dài 80m; sau khi đến làng Pra Lay, họ đã thực hiện các nghi lễ ban phúc khi dùng vải này để quấn quanh một số cây cổ nhất và lớn nhất, xác lập thung lũng này như một nơi thiêng liêng cần được bảo vệ khỏi sự xâm phạm của những người khai thác.

(Shambhala Sun - November 16, 2013)

ẤN ĐỘ: Tu viện tại Tawang triển lãm Xả lợi Đức Phật

Ngày 15-11-2013, các vị sư trưởng và chư tăng ni của Tu viện Galden Namgyal Lhaste ở huyện Tawang (bang Arunachal Pradesh) tọa lạc gần biên giới Ấn Độ - Trung quốc cung nghinh xả lợi của Đức Phật trong một buổi lễ nhạc tôn giáo.

Xả lợi đã được chuyển từ Bảo tàng Quốc gia ở New Delhi đến đây bằng đường hàng không để tín đồ chiêm bái cho đến ngày 23-11-2013.

Tu viện Galden Namgyal Lhaste là một trong những tu viện lớn nhất châu Á, được xây ở độ cao khoảng 10.000 feet tại Thung lũng Tawang-Chu vào năm 1680-1681 theo nguyện vọng của Đức Đạt lai Lạt ma thứ 5.

(Buddhist Door - November 17, 2013)



Tu viện Galden Namgyal Lhaste ở huyện Tawang, bang Arunachal Pradesh, Ấn Độ
Photo: AFP

SINGAPORE: Phật tử thả nến vì hòa bình quốc gia

Ngày 15-11-2013, Sân vận động Trong nhà Singapore rực

sáng với 10.000 ngọn nến điện khi tín đồ Phật giáo tham dự một buổi lễ được chủ trì bởi Hòa thượng Hsing Yun, người sáng lập Phật Quang Sơn Đài Loan và là chủ tịch sáng lập Hội Phật Quang Quốc tế.

Thủ tướng Lý Hiển Long và một số nghị sĩ đã tham gia cùng với họ trong việc thả một ngọn nến vì hòa bình và thịnh vượng của Singapore. Ông ca ngợi việc thiện mà các giáo hội Singapore của cả 2 tổ chức nói trên đã thực hiện. Ông nói ngoài việc hướng dẫn về tinh thần cho tín đồ, các hội viên còn giúp đỡ người nghèo và chăm sóc y tế cho người cao tuổi mà không phân biệt chủng tộc và tôn giáo.

Vị Hòa thượng 89 tuổi Hsing Yun đã hướng dẫn khán giả cầu nguyện cho hòa bình quốc gia, cho một chính phủ chính trực, kinh tế thịnh vượng và xã hội hòa hợp không xung đột sắc tộc.



Thủ tướng Lý Hiển Long (áo sơ mi nâu) ngồi ở hàng ghế thứ hai tại buổi lễ cầu nguyện hòa bình cho Singapore
Photo: Andrea Ong

ẤN ĐỘ: Dát vàng mái vòm của đền Đại Giác ngộ

Bồ đề Đạo tràng, Ấn Độ - Mái vòm của đền Đại Giác ngộ sẽ được dát với 300 kg vàng do vua Thái Lan và các tín đồ khác cúng dường.

Số vàng trị giá khoảng 14,5 triệu USD này đã đến Ấn Độ vào ngày 11-11-2013 trên một chuyến bay đặc biệt từ Bangkok, Thái Lan. Hiện nay vàng đang được bảo vệ có vũ trang tại đền Đại Giác ngộ.

Ông N. Dorjee, thư ký của ban quản lý ngôi đền này, cho biết rằng khoảng 100 kg vàng đã được cúng dường bởi vua Thái Lan và phần còn lại bởi các tín đồ Phật giáo. Ông nói, "Giai đoạn đầu của công việc là phần xử lý hóa học, vốn đã hoàn tất vào tháng 8. Phần này đã chuẩn bị nền tảng cho việc dát vàng. Bây

giờ cầu thang đã được lắp đặt xung quanh mái vòm của ngôi đền để cho phép các chuyên gia lên đến đỉnh của cấu trúc này và dát nó bằng những miếng vàng mỏng".

(Mahabhodi IP - November 23, 2013)



Các công nhân người Thái đang dát vàng mái vòm đền Đại Giác ngộ -Photo: The New Paper

SINGAPORE: Phòng thường trực Phật giáo Singapore (SBL) tặng nạn nhân động đất Philippines \$25,000

SBL đã tặng \$25,000 cho các nạn nhân của trận động đất 7,2 độ richter xảy ra vào ngày 15-10-2013 tại Bohol và Cebu, Philippines.

Trong một buổi lễ tại River Valley ở Singapore vào ngày 20-11-2013, Đại sứ quán Philippines tại Singapore, thông qua Đại sứ Minda Calaguian-Cruz, đã nhận số tiền cứu trợ này từ SBL, một nhóm nổi tiếng về các hoạt động từ thiện và phúc lợi.

Chủ tịch SBL là Lee Bock Guan nói rằng ngay khi nhận được tin về trận động đất, SBL đã ngay lập tức tổ chức một đợt vận động từ thiện. Ngân phiếu sẽ được chuyển đến Bộ Phúc lợi và Phát triển Xã hội Philippines.

SBL cũng đã thu thập được 8 tấn gạo và nước đóng chai và sẽ gửi đến Philippines cho những người sống sót của trận siêu bão Yolanda. Nhóm này cũng sẵn sàng giúp dựng một trường học hoặc thư viện cho trẻ em tại những khu vực bị ảnh hưởng bão.

(Manila Bulletin - November 25, 2013)

LIÊN BANG NGA: Phật tử Nga chào đón ngọn lửa Olympic Mùa đông

Sự tiếp rước ngọn đuốc của Đại hội Thể thao Mùa đông đã đến

Zabaikalsky Krai, một trong 6 khu vực của Nga có sự truyền bá rộng rãi của Phật giáo, và đường rước đuốc đã chạy gần ngôi đền Phật giáo Damba Braibunding.

Đến ngày 21-11-2013, các nhà sư Phật giáo đã đón chào ngọn lửa Sochi Olympic này trên đường đi của nó qua các con đường của thành phố Chita ở Đông Siberia.

Từ Chita, ngọn lửa được một xe lửa chuyên dụng chở đến thủ đô Ulan-Ude của nước Cộng hòa Buryat, nơi nó sẽ viếng ngôi đền quan trọng Ivolginsky, là đền thờ Phật giáo đầu tiên được xây tại Liên Xô sau Thế Chiến II, đánh dấu sự hồi sinh của tôn giáo tại đất nước này.

Việc tiếp rước ngọn đuốc cho Đại hội Thể thao diễn ra từ ngày 7 đến 23-2-2014 này đã bắt đầu tại Quảng trường Đỏ ở Nga vào ngày 7-10-2013. Nó sẽ đi qua tất cả 83 vùng miền của Liên bang Nga trên hành trình 56.000 km của mình.

(Tipitaka Network – November 26, 2013)

ISRAEL: Thành lập đền thờ Phật giáo Tích Lan đầu tiên tại Israel

Ngày 26-11-2013, đền thờ Phật giáo đầu tiên đã được thành lập tại Israel để phụng sự cho cộng đồng khoảng 7.000 người Tích Lan tại đất nước này.

Nằm trong một khu chung cư cao ở thành phố Tel Aviv, cơ sở hiện nay sẽ phục vụ như một đền thờ tạm thời cho đến khi tìm được một địa điểm rộng rãi thuận tiện hơn cho cộng đồng người Tích Lan.

Sứ trưởng đương nhiệm là Thượng tọa Dhammathilaka và Đại sứ Tích Lan tại Israel đã phối hợp giám sát việc sắp xếp để bảo đảm cho việc thành lập đền thờ này, vốn là một sự kiện mang tính bước ngoặt lịch sử, vì đây là lần đầu tiên một đền thờ Phật giáo Tích Lan được thành lập tại Israel kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao giữa 2 nước.

(Daily Mirror – November 27, 2013)

NEPAL: Phát hiện “đền thờ Phật giáo cổ nhất thế giới” tại Lâm Tì Ni

TIN ẢNH: Một phát hiện khảo cổ học nổi bật tại Lâm Tì Ni - địa điểm hành hương Phật giáo tương truyền là nơi Đức Phật đản sinh - đã mở ra suy đoán rằng ngày sinh của Đức Phật sớm hơn một thế kỷ

so với người ta thường nghĩ.

Nhà khảo cổ học Robin Coningham dẫn đầu một đội khai quật bên dưới ngôi chùa Maya Devi - có từ thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên, hiện còn tồn tại - đã phát hiện một đền thờ cổ hơn nhiều, có niên đại từ thế kỷ thứ 6 trước Công nguyên. Coningham tuyên bố trong một bài báo đăng trên tạp chí Cổ vật rằng đội của mình đã tìm thấy “đền thờ Phật giáo lâu đời nhất trên thế giới”.

(Shambhala Sun – November 27, 2013)



Các nhà sư Thái Lan tụ tập trên lối đi quanh Chùa Maya Devi, nơi các nhà khảo cổ đang khai quật một đền thờ cổ



Đền thờ này được cho rằng từng có cái cây nơi Đức Phật đản sinh



Cuộc khai quật tại Lâm Tì Ni cũng phát hiện bằng chứng mới về ngày sinh của Đức Phật



Giáo sư Robin Coningham thuộc trường Đại học Durham là một trong số 15 nhà khảo cổ người Anh làm việc tại di tích này



Tại đây các nhà sư học phải đi chân trần hoặc mang dép, vì cấm mang giày trong ngôi chùa linh thiêng này



Chùa Maya Devi từ lâu đã được xác định là nơi Đức Phật đản sinh



Mỗi năm có hàng trăm nghìn Phật tử từ khắp nơi trên thế giới hành hương đến chùa này

Photos: Ira Block/ National Geographic

NEPAL: Xây dựng Bảo tháp Đại giác Hòa bình Thế giới

Việc xây dựng Bảo tháp Đại giác Hòa bình Thế giới đã được khởi công tại Lâm Tì Ni, Nepal với sự tham dự của một số các vị quan chức và chức sắc.

Chương trình xây dựng Bảo tháp đã được lãnh sự Ấn Độ tại Nepal là ông Ranjeet Rae chính thức khởi động vào ngày 24-11-2013. Ông nói, “Triết lý và tôn giáo của Đức Phật đã đóng một vai trò quan trọng để củng cố mối quan hệ Ấn Độ - Nepal thông qua

các mối liên kết về xã hội và văn hóa.”

Ông nhấn mạnh về việc xây dựng mạng mạch Phật giáo – vốn sẽ nối kết Lâm Tì Ni, nơi Đức Phật đản sinh và Bồ đề Đạo tràng, nơi Đức Phật giác ngộ và những địa điểm khác liên quan đến Đức Phật.

(Tipitaka Network – December 1, 2013)



Chùa Phrathat Kham Kaen
Photo: thai-tour.com



Chùa Phra-Mahathat-Kaen-Nakhon, tỉnh Khon Kaen, Thái Lan—Photo: 123rf.com



Tượng hộ pháp Shukongojin trước và sau khi tái tạo màu
Photos: The Tokyo Times & Asahi Shimbun

ẤN ĐỘ: Lễ Tụng Kinh Tam tạng Quốc tế tại Bồ đề Đạo tràng

Lễ Tụng kinh Tam Tạng Quốc tế đã bắt đầu vào ngày 3-12-2013 tại Bồ đề Đạo tràng với sự tham dự của hàng nghìn tăng sĩ và tín đồ từ khắp thế giới.

Lễ hội 10 ngày này sẽ kết thúc vào ngày 12-12-2013. Các vị cao tăng và tín đồ từ các nước như Bangladesh, Cam Bốt, Ấn Độ, Nepal, Miến Điện, Thái Lan, Tích Lan và Việt Nam sẽ tham gia sự kiện này.

Như một phần của lễ hội, một nhà sư đã thổi sáng các ngọn đèn trước khi bắt đầu phần tụng niệm kinh Tam tạng thiêng liêng



Bản vẽ mặt tiền bảo tháp Đại giác Hòa bình Thế giới
Photo: montagna.tv

THÁI LAN: Tour tham quan 2 ngôi chùa nổi tiếng và Lễ hội Tư lỵ Quốc tế tại Đông bắc Thái Lan

Hai trong số những ngôi chùa nổi tiếng của miền Đông bắc Thái Lan và Lễ hội Tư lỵ Quốc tế tại tỉnh Khon Kaen sẽ là điểm nổi bật của chuyến đi đường bộ duy nhất diễn ra trong 4 ngày (từ 7 đến 10-12-2013) do Văn phòng Khon Kaen của Tổng Cục Du lịch Thái Lan (TAT) và 2 nhà khai thác du lịch New Routh Co. và 111thailand phối hợp tổ chức.

Cả hai ngôi chùa nói trên tọa lạc tại tỉnh Khon Kaen và đều lưu giữ xá lợi của Đức Phật. Chùa thứ nhất có tên là Phrathat Kham Kaen (nghĩa là Bảo tháp bằng lõi cây me) là một trung tâm lễ lạc hàng năm vào rằm tháng 6 âm lịch. Chùa thứ 2 là Phra Mahathat Kaen Nakhon, một ngôi chùa cao 9 tầng, có lưu trữ những kinh điển Phật giáo quan trọng.

Hành trình qua 4 tỉnh miền Đông bắc này cũng sẽ đến với Lễ hội Tư lỵ Quốc tế tại Khon Kaen, nơi trưng bày các sản phẩm tư lỵ tốt nhất từ Thái Lan, Trung quốc, Lào, Việt Nam, Cam Bốt và Miến Điện.

(Buddhist Art News – December 1, 2013)

NHẬT BẢN: Tái tạo màu sắc nguyên thủy của tượng hộ pháp Shukongojin

Màu sắc rực rỡ của pho tượng có niên đại từ thế kỷ thứ 8 của vị hộ pháp Shukongojin đã được tái tạo, nhờ công nghệ đồ họa vi tính do một nhóm nghiên cứu chung của trường Đại học Nghệ thuật Tokyo (TUA) và Đại học Khoa học Tokyo (TUS) thực hiện.

Trường nhóm là ông Sato Yabuuchi, Giáo sư nghiên cứu về bảo quản và phục chế tượng điêu khắc tại trường Mỹ thuật của TUA.

Là kết quả của 2 năm nghiên cứu, nhóm này đã sử dụng công nghệ đồ họa vi tính để tái tạo các mẫu nhiều màu của pho tượng Shukongojin, cao 173 cm, có từ thời Tenpyo (729 – 749) nói trên, dựa vào các sắc tố vẫn còn trên bề mặt của tượng.

Tượng Shukongojin là một bảo vật quốc gia, mỗi năm chỉ được trưng bày một lần cho công chúng tại chùa Todaiji ở Nara.

(Asahi Shimbun – December 2, 2013)

của Phật giáo. Bộ kinh này bao gồm 18.000 bài pháp giảng và khoảng 84.000 câu chuyện về Đức Phật.
(ANI – December 4, 2013)



Chùa Đại Giác ngộ tại Bồ đề Đạo tràng (bang Bihar, Ấn Độ)

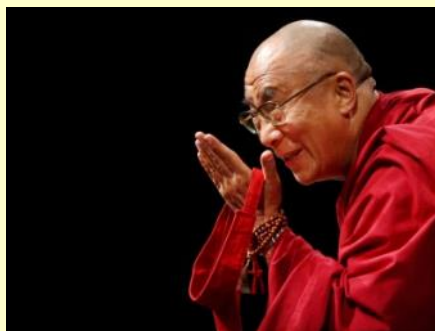
Đức Đạt lai Lạt ma chia buồn với gia đình ông Mandela

Đức Đạt lai Lạt ma đã gửi thư chia buồn đến gia đình cựu tổng thống Nam Phi Mandela, người vừa từ trần vào ngày 5-12-2013.

Đức Đạt lai Lạt ma nói ngài sẽ nhớ "người bạn thân mến" Mandela, và ngài ca ngợi người quá cố là một người đàn ông can đảm, nguyên tắc và toàn vẹn, một con người tuyệt vời, là một trong số những người mà chúng ta thật sự có thể nói: "Ông đã sống một cuộc đời đầy ý nghĩa."

Đức Đạt lai Lạt ma nói ngài cầu nguyện cho ông Mandela và gửi lời chia buồn chân thành của mình đến các thành viên của tang quyến và toàn thể nhân dân Nam Phi.

Ông Mandela, người được bầu làm tổng thống da đen đầu tiên của Nam Phi sau khi trải qua



gần 3 thập kỷ trong nhà tù, đã từ trần ở tuổi 95 sau các biến chứng từ nhiễm trùng phổi.
(novinite.com – December 6, 2013)



Ông Nelson Mandela
Photo: bbc.co.uk

PHÁP: Phim hoạt hình Đức Phật phần 2 sẽ chiếu ra mắt tại Bảo tàng Louvre

Trang web chính thức của bộ phim hoạt hình về Đức Phật của Osamu Tezuka (Nhật Bản) đã công bố rằng buổi chiếu ra mắt của phim Đức Phật 2 sẽ được tổ chức tại Bảo tàng Louvre, một trong những viện bảo tàng lớn nhất thế giới tại Pháp vào ngày 30-1-2014. Phần 2 của bộ 3 phim này có tên là Đức Phật 2: Owarinaki Tabi (Hành trình vô tận).

Trước đây, Bảo tàng Louvre đã tổ chức những cuộc họp báo cho các bộ phim và chiếu các bộ phim kinh điển, nhưng đây là lần đầu tiên họ tổ chức sự kiện ra mắt thế giới dành cho một phim mới. Đoàn làm phim sẽ tham gia sự kiện này để quảng bá cho bộ phim của mình.

Phim Đức Phật 2 sẽ được phát hành tại Nhật vào ngày 8-2-2014. Phần 1 có tựa đề 'Đức Phật: Cuộc Khởi hành Vĩ đại' đã được phát hành tại Nhật vào ngày 28-5-2011.

(crunchyroll.com – December 9, 2013)



Poster phim Đức Phật 2
Photo: Mikikazu Komatsu

Hàn quốc: Giáo hội Phật giáo Won cứu trợ nạn nhân bão Haiyan của Phi Luật Tân

Ngày 24-11-2013, một nhóm đại diện Giáo hội Phật giáo Won của Hàn quốc nói rằng họ đã tặng khoảng 100 triệu won (94.200 usd) để cứu trợ cho nạn nhân của trận bão Haiyan tại Phi luật Tân.

Vào ngày 16-11-2013, đội cứu trợ của Phật giáo Won – một trong những tôn giáo hàng đầu của Hàn quốc – cũng đã cử đội khẩn cấp của mình đến Tacloban, thành phố bị ảnh hưởng lớn nhất của quốc đảo Phi Luật Tân và trao hàng cứu trợ cho cư dân tại đây.

Các quan chức gia nhập giáo phái Phật giáo Hàn quốc này nói rằng họ sẽ nỗ lực hết mình để cung cấp cứu trợ cho các nạn nhân và sửa chữa các thiệt hại từ trận bão nói trên.

(Yonhap – December 9, 2013)



Nạn nhân của trận bão Haiyan ở Tacloban, Phi Luật Tân
Photo: VOA

CONGO: Phật giáo tại Congo

Tỳ kheo Bodhiraja, một công dân Congo, thọ giới cách đây chỉ 5 năm, nhưng ông đã phụng sự rất nhiều cho Phật sự tại Congo. Ông đã xây dựng và thành lập 4 tự viện Phật giáo tại các thành phố chính của đất nước này.

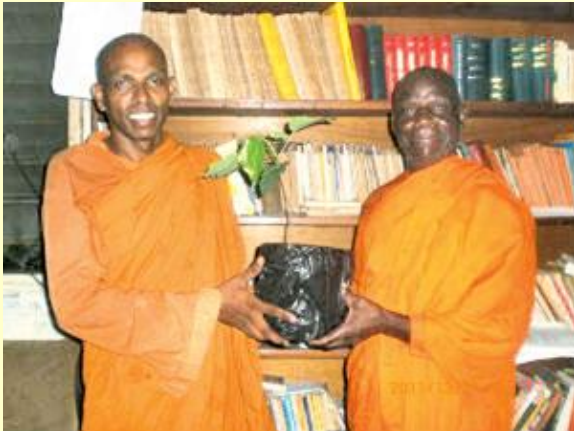
Tỳ kheo Bodhiraja đang hoạt động theo sự hướng dẫn của nhà sư Tích Lan là Thượng tọa Trưởng lão tăng Ilukpitiye Pannashekara, người hiện đang cư trú tại Tanzania.

Tỳ kheo Bodhiraja đã thu hút được sự chú ý đáng kể của người dân Congo, và nhiều người muốn tìm sự phát triển tâm linh đã trở thành những Phật tử sùng đạo.

Một cây bồ đề, là nhánh của cây bồ đề trồng ở Tanzania vào năm 1920, cũng đã được trồng tại Congo.

Vào tháng 9 năm nay, Tỳ kheo Bodhiraja đã viếng Tích Lan để tham dự một hội nghị thượng

đình Phật giáo.
(dailynews.lk - December
12, 2013)



Thượng tọa Ilukpitiye Pan-nasekara (bên trái) trao một cây bồ đề linh thiêng cho Tỳ kheo Bodhiraja.



*Các tiểu Phật tử tại Congo
Photos: Daily News*

NHẬT BẢN: Thành lập hội Tăng sĩ Không Biên giới

Một nhóm các tăng sĩ đã thành lập hội Tăng sĩ Không Biên giới tại Nhật Bản.

Cuộc họp khai mạc của nhóm này đã được tổ chức tại cố đô Kyoto vào ngày 11-12-2013 - sự trưởng Hiroaki Nakajima của chùa Joko-ji ở Kyoto nói.

Thông thường, Phật tử không có những sự tương tác thường xuyên với người từ các trường phái Phật giáo khác nhau, nhưng tôi nghĩ chúng tôi có thể hợp tác dưới tên của Phật giáo, sư trưởng Nakajima nói.

Ông nói việc thành lập của nhóm đã tạo được sự quan tâm ở nước ngoài, và ông tin rằng nó sẽ giúp cho sự phát huy bản thân vốn được nhiều Phật tử cố gắng thực hiện.

(Straits Times - December 13, 2013)

VƯƠNG QUỐC ANH: Giảng dạy các nguyên lý Phật giáo tại trường Tiểu học Đạo pháp Brighton

Brighton, Vương quốc Anh - Trường Tiểu học Đạo pháp ở Brighton là trường tiểu học duy nhất tại Vương quốc Anh cung cấp một nền giáo dục dựa trên những giá trị Phật giáo. Ngôi trường không có quỹ tài trợ này được mở cho trẻ em 3 đến 11 tuổi thuộc tất cả các tín ngưỡng tôn giáo và các nền văn hóa, cung cấp một nền giáo dục học tập có chất lượng kết hợp với giáo lý Phật giáo để hỗ trợ sự phát triển của chánh niệm, lòng từ bi và trách nhiệm công cộng.

Thông qua Phật giáo dựa trên những đặc tính, việc thiền định hàng ngày và sự thực hành chánh niệm, các tín ngưỡng khuyến khích học sinh trau dồi sự tập trung, tự kiểm, trí tuệ và lòng từ bi. Phật giáo không được dạy như là một 'tín ngưỡng', mà là như một tập hợp của các nguyên lý và các công cụ để sống một cuộc sống hữu ích và hạnh phúc.

(Mahabhodi IP - December 14, 2013)

Trường và học sinh trường Tiểu học Đạo pháp Brighton, Vương quốc Anh



Photos: Dharmaschool.com.uk



ĐẠO PHẬT VÀ CHÍNH TRỊ

K.S Dhammananda

THẢO HIỀN SUCITTO lược dịch



Đức Phật xuất thân từ giai cấp vương tướng, và do đó, Ngài có nhiều liên hệ với các vị quốc vương, hoàng tử, quan lại, trong triều đình. Mặc dù có nhiều liên hệ như thế, Ngài không bao giờ dùng các thế lực chính trị để truyền đạo, và Ngài cũng không bao giờ cho phép giáo pháp của Ngài bị lợi dụng cho các ý đồ chính trị.

Căn bản của tôn giáo là đạo đức, lòng trong sạch, và đức tin; trong khi đó, căn bản của chính trị là quyền lực. Trong tiến trình lịch sử, tôn giáo thường bị lạm dụng để biện minh cho chiến tranh và thôn tính, đàn áp, chém giết, tàn bạo, nổi loạn, tàn phá các công trình văn hóa và nghệ thuật.

Mục đích của Phật Pháp không phải nhằm đến việc thành lập các định chế và cơ cấu về chính trị mới. Trên căn bản, tôn giáo tìm cách giải quyết các vấn đề trong xã hội bằng cách giáo hóa mỗi cá nhân, vốn là thành viên của xã hội, và bằng cách đề nghị các nguyên tắc tổng quát để điều hướng xã hội tiến đến một phong thái nhân bản, cải thiện đời sống của mọi thành viên, và cổ động sự phân phối các nguồn vật lực một cách công bằng hơn.

Không một hệ thống chính trị nào, dù rằng có vẻ rất lý tưởng, có thể mang lại hạnh phúc và hòa bình, nếu người dân trong thể chế đó còn bị bao trùm bởi lòng tham, sân hận và mê si. Thêm vào đó, dù có theo một hệ thống chính trị nào đi nữa, cũng còn có những nhân tố phổ quát mà từng cá nhân trong xã hội phải trực diện: Kết quả của các nghiệp thiện và bất thiện của riêng mình, và sự khiếm khuyết và thiếu vắng của một nền an lạc trường cửu vì bản chất của thế gian vốn là hoạn khổ, vô thường, và vô ngã. Đối với những người con Phật, không một nơi nào trong cõi Ta bà này là có được một tự do, giải thoát thật sự, kể cả các cõi thiên của chư Thiên.

Một hệ thống chính trị tốt và công bằng—có những bảo đảm cho các quyền căn bản của con người, và có những định chế giám sát và cân bằng việc sử dụng quyền lực—là điều kiện quan trọng cho cuộc sống hạnh phúc trong xã hội. Tuy nhiên, tự do tuyệt đối không thể nào có được trong các định chế chính trị, mà chỉ có được trong tâm thức khi nó được giải thoát. Để được giải thoát, chúng ta cần nhìn vào nội tâm của chính mình, và nỗ lực giải phóng nó ra khỏi các gông xiềng của vô minh, sân hận và tham dục. Tự do trong ý nghĩa đích thực tuyệt đối chỉ có được khi nào chúng ta dùng Chánh Pháp để phát triển tâm lý qua lời nói và hành động hướng thiện, và để huân tập tâm ý, để phát triển tâm linh, đạt đến cứu cánh tuyệt đối của giác ngộ.

Có nhiều khía cạnh qua các lời dạy của đức Phật có những tương quan với các bộ phận chính trị ngày nay.

Thứ nhất, đức Phật đã giảng dạy về tính cách bình đẳng của con người cả mấy ngàn năm trước tuyên ngôn của Abraham Lincoln (Tổng thống Mỹ).

Ngài dạy rằng các giai cấp, tầng lớp trong xã hội chỉ là những hàng rào nhân tạo do xã hội dựng ra. Việc sắp xếp thứ bậc của xã hội loài người, theo lời Ngài, chỉ có thể dựa trên phẩm chất giới hạnh của họ mà thôi.

Thứ hai, đức Phật khuyến khích tinh thần hợp tác bình đẳng và tiếp tục tham gia đóng góp trong xã hội. Đây là một tinh thần đã được cổ võ trong tiến trình chính trị của các xã hội hiện nay.

Thứ ba, Ngài đã không chỉ định một người nào để kế thừa Ngài. Ngài chỉ dạy rằng mọi người phải tự mình mà tu học, lấy Chánh pháp làm nền tảng và làm nơi nương tựa. Các thành viên của Tăng đoàn chỉ chịu sự hướng dẫn của Giáo pháp và Giới luật như là một bộ luật sinh hoạt. Cho đến ngày nay, mỗi tu sĩ đều phải tuân thủ bộ Giới luật đó để làm kim chỉ nam hướng dẫn cho mọi sinh hoạt tu học của mình.

Thứ tư, đức Phật đã khuyến khích tinh thần tham vấn và tiến trình dân chủ. Điều này được thể hiện qua cộng đồng Tăng sĩ, trong đó mỗi thành viên đều có quyền quyết định về các vấn đề chung. Khi có một nghi vấn nghiêm trọng cần phải được giải quyết, các vấn đề có liên quan được đem ra giữa các tu sĩ để thảo luận trong một phương cách tương tự như trong hệ thống Quốc hội ngày nay. Tiên trình tự quản này có lẽ sẽ làm nhiều người ngạc nhiên vì nó đã được áp dụng trong các cộng đồng tăng sĩ Phật giáo tại Ấn Độ trong 2500 năm trước đây, và phương cách điều hành có rất nhiều điểm tương đồng với các thủ tục thảo luận trong Quốc hội.

Một tu sĩ, tương tự như vị "**phát ngôn nhân**," được chỉ định để có tiếng nói chung, đại diện cho cộng đồng. Một tu sĩ khác, tương tự như vị "**chủ tịch**," được bầu ra để điều hành diễn đàn. Các vấn đề được đưa ra như các nghị trình để được thảo luận công khai. Trong một vài trường hợp khi vấn đề có tính cách nghiêm trọng và phổ quát, thì nó có thể được đem ra thảo luận nhiều lần, tương tự như các vòng thảo luận của Quốc hội về các dự luật. Nếu qua các cuộc thảo luận mà còn nhiều ý kiến xung khắc, bất đồng thì vấn đề sẽ được biểu quyết qua một cuộc bỏ phiếu để lấy quyết định theo đa số.

Đạo Phật khuyến khích nền tảng đạo đức và việc sử dụng quyền lực công cộng với ý thức trách nhiệm. Đức Phật tuyên giảng về hòa bình và bất bạo động như là một thông điệp phổ quát. Ngài không chấp nhận bạo lực và hủy hoại sinh mạng. Ngài dạy: "**Người thẳng tạo kẻ thù, kẻ thù sống khổ sở. Người nào từ bỏ thẳng và bại thì người đó sống an vui và hạnh phúc.**" Chẳng những đức Phật dạy về hòa bình và bất bạo động, có lẽ Ngài cũng là vị Đạo sư đầu tiên và duy nhất đã ra tận chiến trường để tìm cách ngăn chặn chiến tranh. Ngài đã hóa giải xung đột giữa bộ tộc Sakya và bộ tộc Koliya khi họ muốn khởi sự đánh nhau vì tranh chấp nước sông



Rohina. Ngài cũng đã thuyết phục vua Ajatasanu bỏ ý định tấn công vương quốc của bộ tộc Vaiji.

Đạo Phật đã giảng dạy về sự quan trọng và về các điều kiện thiết yếu của một chính phủ tốt, Ngài dạy rằng khi người lãnh đạo tham nhũng và bất công thì xứ sở trở nên tham nhũng, băng hoại, và đau khổ. Ngài chống lại sự tham nhũng và đã dạy rằng chính phủ phải biết quản trị dựa trên các nguyên tắc nhân ái.

Ngài nói: **"Khi người lãnh đạo xứ sở có tính công bình và thiện ái thì triều đình có tính công bình và thiện ái. Khi triều đình có tính công bình và thiện ái thì các quan chức có tính công bình và thiện ái. Khi các quan chức có tính công bình và thiện ái thì các cán bộ hạ tầng có tính công bình và thiện ái. Khi các bộ hạ tầng có tính công bình và thiện ái thì người dân có tính công bình và thiện ái".** (Tăng Chi bộ kinh)

Trong kinh *Cakkavatti Sibananda* (Chuyển Luân Thánh Vương Sư tử Hống, Trường Bộ kinh), đức Phật nói rằng các điều hung ác và tội phạm, như ăn cắp, lường gạt, bạo lực, thù ghét, bạo tàn... đều bắt nguồn từ sự nghèo khó. Quốc vương và triều đình có thể sử dụng sự trừng phạt để kiềm chế tội phạm, nhưng không bao giờ có thể tiêu trừ các tội phạm bằng quyền lực của mình.

Trong kinh *Kutadanta* (Trường Bộ kinh), đức Phật chủ trương phát triển kinh tế, thay vì dùng quyền lực, để xóa giảm tội phạm. Triều đình phải biết sử dụng các nguồn tài nguyên để cải thiện điều kiện kinh tế trong nước. Họ phải biết phát triển nông nghiệp và thôn quê, trợ giúp giới buôn bán, cung cấp lương bổng đầy đủ cho công nhân để đảm bảo một đời sống tốt có nhân phẩm.

Trong kinh *Bốn sanh* (Jakata) đức Phật có đưa ra 10 nguyên tắc của một chính quyền tốt, gọi là "Thập Vương Pháp" (Dasa Raja Dhamma). Mười nguyên tắc này vẫn có thể áp dụng trong thời đại ngày nay cho bất cứ một chính quyền nào, để quản trị xứ sở một cách hài hòa. Đó là:

1. Phải cởi mở và không ích kỷ,
2. Duyệt xét đạo đức cao,
3. Sẵn sàng hy sinh lợi ích cá nhân để phục vụ an sinh của dân chúng,
4. Phải thành thật và ngay thẳng,
5. Phải dịu dàng và giàu lòng nhân ái,
6. Phải sống giản dị để làm gương cho dân chúng,
7. Phải vượt lên trên mọi hận thù,

8. Biết áp dụng tinh thần bất bạo động,
9. Biết nhẫn nại,
10. Tôn trọng ý kiến dân chúng, và biết phát triển sự hòa bình và hòa hợp.

Về cách hành xử của người lãnh đạo thì người giảng thêm (Kinh *Cakkavatti Sihanada*):

- a. Người lãnh đạo tốt phải biết cư xử công bình, không thiên vị bất cứ nhóm nào,
- b. Người lãnh đạo tốt không bao giờ gieo lòng thù hận trong dân chúng,
- c. Người lãnh đạo tốt không bao giờ ngăn ngại áp dụng luật pháp khi cần thiết,
- d. Người lãnh đạo tốt phải thông hiểu luật pháp rõ ràng mỗi khi áp dụng. Luật pháp không phải chỉ áp dụng vì người ấy có uy quyền, mà phải được áp dụng hợp tình hợp lý.

Bộ Mi Tiên Vấn Đáp (Milanda Panha) có viết: "Nếu người nào không có tài năng, không đạo đức, không phạm hạnh, không xứng đáng là vua, mà lại tự mình tôn xưng là vua hay người lãnh đạo với nhiều quyền lực thì người ấy bị nguyên phạt và trừng phạt bởi dân chúng, bởi vì người ấy, vì không xứng đáng và không tài năng, đã tự đặt mình một cách vô lý vào vị trí của người lãnh đạo. Người lãnh đạo cũng như những người đã vi phạm những nguyên tắc đạo đức và giới luật căn bản của xã hội loài người, sẽ bị trừng phạt như bao nhiêu người khác, nhất là đối với những người lãnh đạo ăn cắp tài sản của dân chúng." Kinh *Bốn Sanh* cũng có đề cập đến người lãnh đạo nào mà chỉ trừng phạt người vô tội và không trừng phạt người phạm tội thì người lãnh đạo ấy không xứng đáng lãnh đạo xứ sở.

Vì vậy, Trung Bộ kinh cũng có nói về vị quốc vương biết tự thăng tiến và lúc nào cũng nỗ lực gìn giữ hành động, lời nói và tâm ý, lúc nào cũng biết lắng nghe ý kiến của dân chúng về sự cai trị của mình, để biết mình có phạm lỗi lầm nào không trong khi điều hành đất nước. Nếu vị quốc vương ấy cai trị xấu, người dân sẽ than phiền rằng họ đang bị phá hoại bởi một vị lãnh đạo xấu vì các chính sách hà khắc, những lạm, bất công, sưu cao thuế nặng, và do đó, dân chúng sẽ có phản ứng chống lại vị vua ấy. Ngược lại nếu vị vua cai trị tốt thì dân chúng sẽ chúc tụng: "Cầu xin cho quốc vương của chúng tôi được trường thọ".

Lời dạy của đức Phật về các bốn phạm đạo đức của vua chúa để sử dụng công quyền, bảo đảm an sinh người dân đã giúp cho vua A Dục (Asoka) vào thế kỷ 3 B.C. (trước Công nguyên), cai trị đất nước của ông. Hoàng đế A Dục, là một thí dụ điển hình về nguyên tắc đạo đức này, đã sống và thực hành Chánh Pháp cho tất cả mọi người dân trong triều đại của ông. Ông quảng bá chính sách bất bạo động đến các vương quốc lân cận, cam đoan các thiện ý của ông, và gửi sứ giả đi khắp nơi để truyền bá thông điệp hòa bình và bất bạo động. Ông cố võ sự ứng dụng của các nguyên tắc đạo đức trong xã hội, như chân thật, tử bi, bác ái, bất bạo động, nhân từ không hoang phí, không chiếm đoạt và không gây sát hại cho mọi loài vật. Ông khuyến khích tự do tôn giáo và hành đấng tượng kính giữa mọi đức tin. Ông thường du hành thuyết giảng Đạo pháp đến người dân ở tận thôn quê. Ông thiết lập các công trình công cộng như bệnh xá, cung cấp thuốc men, trồng cây gây rừng, đào giếng, làm các công trình thủy lợi, và nhà tạm trú. Ông cũng đặc biệt ngăn cấm việc đối xử tàn ác với các loài thú vật.

Có người cho rằng đức Phật là một nhà cải cách xã hội. Trong các bài giảng, Ngài đã lên án hệ thống giai cấp và Ngài công nhận quyền bình đẳng của con người. Ngài giảng về nhu cầu cải thiện các điều kiện kinh tế xã hội, công nhận tầm quan trọng của việc phân bổ công bằng các của cải giữa người giàu và người nghèo, nâng cao vị trí của phụ nữ, khuyến khích việc áp dụng tinh thần nhân bản trong guồng máy hành chính. Ngài dạy rằng xã hội phải được điều hành trên tình thương và lòng từ bi, chứ không dựa vào lòng tham lam. Hơn thế nữa, sự đóng góp của Ngài cho nhân loại còn cao quý hơn, vì Ngài còn đi xa hơn các nhà cải cách xã hội thời đó, vì không ai có thể chỉ thẳng vào cốt lõi của các cơn bệnh trong tâm thức con người. Chỉ ở trong tâm thức thì sự cải cách mới thật sự có ý nghĩa. Các cải cách bên ngoài do các quyền lực áp đặt thì chỉ có hiệu quả ngắn hạn vì nó không có cội rễ. Chỉ có cải cách nào dựa trên căn bản cải thiện tâm thức thì nó mới có cội rễ vững chắc. Có cội rễ vững chắc thì các cành nhánh của cải cách xã hội mới được phát triển tươi tốt, vì chúng được nuôi dưỡng bởi nguồn sinh lực liên tục, đó là nguồn tâm lực của dòng sinh hóa trong cuộc đời. Như thế các cải cách xã hội chỉ có thể khả thi khi nào mà tâm ý của con người đã được sửa soạn sẵn sàng cho các việc đó. Các cải cách đó sẽ tiếp tục sống mạnh khi nào mà con người sẵn sàng nuôi dưỡng chúng qua sự chuyên cần và tôn trọng sự thật và công lý, và tôn trọng đời sống của đồng bào của họ.

Giáo thuyết của đức Phật không dựa trên một "Triết lý Chính trị" nào cả. Giáo thuyết này không khuyến khích con người đi vào con đường hành lạc vật chất. Giáo thuyết này vạch ra con đường đưa đến giải thoát tối hậu, là Niết bàn. Nói một cách khác, mục tiêu tối hậu của một Giáo thuyết ấy là đoạn diệt lòng tham ái vốn đã cột chặt con người trong vòng trầm luân, khổ ải. Một câu thơ trong kinh Pháp Cú (câu 75) đã tóm tắt điều này: "Con đường đưa đến thú đắc vật chất là một con đường, còn con đường đưa đến Niết bàn là một con đường khác."

Điều này không có nghĩa là các Phật tử không nên tham gia vào tiến trình chính trị, vốn là một thực tại xã hội. Đời sống của mọi người trong xã hội được uốn nắn bởi luật pháp và các quy định, bởi các bố trí kinh tế của quốc gia, bởi guồng máy quản trị hành chính, và như thế chịu ảnh hưởng của các bố cục chính trị của quốc gia đó. Tuy nhiên, **nếu người cư sĩ Phật tử có muốn tham gia chính trị thì người đó không nên lạm dụng tôn giáo để mưu đồ tạo các quyền lực chính trị cho mình.**

Tóm lại, đức Phật là bậc Giác Ngộ, vượt lên trên mọi vấn đề của thế gian. Tuy nhiên, trong suốt cuộc đời hoằng dương Chánh pháp, Ngài luôn luôn có những lời dạy quý báu cho các quốc vương và triều đình để quản trị tốt xứ sở của họ.

Thảo Hiền Sucitto

(Lược dịch bài "Buddhism and Politics" trong quyển sách "What Buddhist Believe" của Hòa thượng Dhammananda, trang 229-236, do Hội Buddha Educational Foundation ấn tống năm 1995)



DỌN RÁC TRONG TÂM

*Dọn rác siêng năng nhớ mỗi ngày
Biết bao phiền não khổ tâm thay!
Sống sao thanh thản không lo lắng
Hạnh phúc gia đình tốt cõi này.*

*Quá khứ đau buồn không nhớ chi!
Sống trong hiện tại biết làm gì...
Tương lai chưa đến không lo lắng
An trú bây giờ trước lúc đi..!*

*Không chấp thị phi, hờn giận ai...
Cuộc đời như số phận an bài?
Vô thường - vạn pháp luôn thay đổi
Chuyển hóa tâm mình quý lắm thay!*

*Không nhắc chuyện buồn - sống thanh thoi
Khoan dung làm lỗi đã qua rồi!
Thế gian huyền mộng không trường cửu
Tĩnh thức an vui với cuộc đời.*

*Không tham, sân hận, mãi si mê...
Biển khổ trần gian bớt nào nề!
Chấp nhận - an tâm không bám víu
Không màng danh lợi thật ê chề!*

*Quán chiếu mỗi ngày soi rọi tâm
An vui hiện tại ánh trăng rằm
Chạy theo vật chất đời thêm khổ!
Mạnh khỏe bình yên với tháng năm.*

*Hành thiền tĩnh lặng nhìn mây bay
Cảnh vật mùa thu mãi đổi thay
Nước chảy hoa trôi tâm chẳng động!
Cuộc đời như vậy thế gian này.*

*An lạc mỗi ngày chẳng khổ đau
Không cầu hạnh phúc ở nơi đâu
Tìm vui hiện tại tâm từ ái
Nhẹ gánh hành trang chuyển bước mau...!*

Minh Lương
TRƯỜNG MINH SUNG

thơ

BẢO VỆ TRÁI TIM PHÁI NỮ

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức



Hôm nay lang tôi xin "mách" với quý tỷ muội một sự kỳ thị nam nữ mà y giới đã "áp đặt" lên quý bà từ nhiều chục năm qua. Vâng, một kỳ thị đáng kể liên quan tới sức khỏe con người. Thưa đó là vấn đề phòng ngừa và điều trị bệnh của trái tim phải nữ.

Kỳ thị thứ nhất là y giới đã chú tâm nhiều hơn vào việc nghiên cứu các phương thức trị liệu, phòng ngừa bệnh tim mạch ở nam giới mà ít nghiên cứu bệnh này ở nữ giới. Đã vậy họ lại họ mang các tiêu chuẩn tìm thấy áp dụng cho quý bà mà không để ý rằng tim nam nữ có vài điểm khác nhau. Đó là kỳ thị thứ hai. Vì trái tim của tỷ muội dù chỉ bé nhỏ bằng bàn tay nắm chặt, nặng có 234 gr, nhẹ hơn trái tim nam những 76 gr. Tuy nhỏ nhưng tim tỷ muội đập nhanh hơn nam 5 nhịp mỗi phút và tình yêu từ trái tim của quý tỷ muội cũng dồi dào hơn ở nam giới nhiều chục lần.

Các kỳ thị này đã được công luận lên tiếng "báo động".

Ngày 2-2-2004 hãng truyền hình Mỹ CNN cho hay "Bệnh tim là nguyên nhân tử vong số một ở cả nam nữ giới bên Hoa Kỳ, vậy mà cho tới bây giờ đàn bà vẫn phải dựa vào các hướng dẫn phòng ngừa và điều trị bệnh của mình căn cứ trên các nghiên cứu về bệnh ở đàn ông".

Sau đó, ngày thứ Tư, mồng 4 tháng 2 năm 2004, lần đầu tiên Hội Tim Hoa Kỳ đưa ra một bản hướng dẫn để phụ nữ và bác sĩ căn cứ vào đó mà phòng ngừa và điều trị bệnh tim. Vì nhiều bà cứ nghĩ rằng mình ít bị cơn đau tim, rằng tai nạn này chỉ có ở đàn ông, nên họ đi tìm điều trị trễ hơn do đó chịu tổn thương nhiều hơn.

Mới đây, trong tạp san y khoa Global Heart vào tháng 6 năm 2013 của World Heart Federation (WHF), các bác sĩ Kavita Sharma và Martha Gulati, Đại học Ohio, đã phổ biến bản *Coronary Artery Disease in Women: A 2013 Update*, trong đó các tác giả cho hay:

- Nữ mập phì tăng rủi ro bị thiếu máu cơ tim infarctus tới 65% so với nam chỉ có 46%;

- Tử vong vì heart attack ở nữ dưới 50 tuổi nhiều gấp đôi ở nam giới.

- Với phụ nữ trên 65 tuổi, rủi ro tử vong vào 1 năm sau cao hơn: 42% nữ và 24% nam.

- Về điều trị, phụ nữ ít được nhận cách phòng ngừa như dùng thuốc giảm cholesterol, uống viên aspirin nhỏ hoặc thay đổi lối sống. Và họ cũng ít được áp dụng các phương thức y khoa phục hồi sau bệnh tim mạch như đàn ông...

Và theo giáo sư người Pháp Michel Desnos, bệnh viện George Pampidou, triệu chứng đau tim cũng không luôn luôn ở ngực hoặc cánh tay mà có thể những cơn đau bất thường, một sự mệt mỏi hoặc sự khó thở... khiến cho việc chẩn đoán bệnh trở nên khó khăn hơn.

Thực ra, trước đây đã có một ngộ nhận cho rằng bệnh tim mạch là của riêng đàn ông. Nhiều bà, và

ngay cả một số bác sĩ của họ, cũng cho là vậy. Thăm dò ý kiến cho hay có tới quá nửa các bà không biết rằng bệnh tim là nguyên nhân tử vong dẫn đầu ở nữ giới; nửa triệu mỗi năm hoặc mỗi phút có một vị vĩnh viễn ra đi. Trong khi đó thì nữ giới chỉ e ngại bị ung thư tấn công cấp nhũ hoa của mình. Thật là một ngộ nhận đáng tiếc.

Lang tôi xin cùng quý bà tìm hiểu về các rủi ro gây ra bệnh tim để bảo vệ trái tim bé nhỏ thân thương này.

Trước hết, xin thưa rằng tạo hóa đã ban riêng cho phụ nữ một khí giới để bảo vệ với bệnh tim: đó là kích thích tố estrogen, rất nhiều trong thời kỳ trung niên màu mỡ. Do đó, ở phụ nữ, bệnh tim thường xảy ra trễ hơn ở đàn ông tới dăm bảy năm và tử vong thấp hơn so với nam giới cho tới tuổi 75. Sau đó vì họ sống lâu hơn vào tuổi mãn kinh, estrogen giảm cho nên số phụ nữ chết vì bệnh tim cũng tăng.

Nhiều người ví kích thích tố như một tên lính gác cửa, không cho chất béo đóng vào thành động mạch gây cản trở lưu thông của máu. Theo một số khoa học gia, Estrogen tăng loại cholesterol lành HDL trong máu và đưa cholesterol không tốt LDL ra khỏi mạch máu.

Nên nhớ là bệnh tim mạch không phải xuất hiện đầu hôm sớm mai. Chúng đã manh nha từ khi ta còn nhỏ tới tuổi trưởng thành, nếu ta không để ý phòng ngừa các nguy cơ. Tất nhiên có những yếu tố như tuổi tác, di truyền, gia đình thì ta không làm thay đổi được, nhưng một số yếu tố khác liên quan tới nếp sống, thì ta có thể làm tốt hơn.

Các nguy cơ gây ra bệnh tim mạch gồm có cao cholesterol, cao huyết áp, hút thuốc lá, mập phì, không vận động cơ thể, tiền sử bệnh tim và tai biến não trong gia đình.

1- Cao huyết áp là một trong nhiều nguy cơ đưa tới cơn đau tim.

Đa số chúng ta đều đã có một số hiểu biết về bệnh này rồi nên người viết chỉ xin nhắc lại vài điều căn bản:

- Cao huyết áp vẫn được coi như một tên sát nhân thầm lặng, vì khi đột nhiên lên quá cao có thể đưa tới tử vong cho người bệnh.

- Do đó cần liên tục dùng thuốc để giữ huyết áp ở mức bình thường và áp dụng các phương thức trị liệu khác do thầy thuốc của mình chỉ dẫn;

- Tiêu chuẩn mới của cao huyết áp là từ 120/80 đã được gọi là Tiền Cao Huyết Áp rồi;

- Cần đo huyết áp mỗi khi đi khám bác sĩ.

2- Hút thuốc lá

Tuy không phải là vấn đề quan trọng với phụ nữ, vì quý bà cũng ít hút hơn nam giới, nhưng chúng ta cũng nên nhớ rằng rất nhiều hóa chất trong thuốc lá đã được chứng minh là nguy cơ gây bệnh tim mạch;

- rằng nhịp tim sẽ tăng nhanh, mạch máu co cứng dưới tác dụng của nicotine;
- rằng carbon monoxide trong khói thuốc lá chiếm chỗ của oxy ở hồng huyết cầu, cho nên dưỡng khí nuôi tế bào giảm;
- rằng người hút thuốc lá sẽ bị quy tim sáu lần nhiều hơn và dễ tử vong hơn;
- rằng hút thuốc lá mà uống thuốc ngừa thai lại tăng nguy cơ quy tim, tai biến não tới 20-30 lần; rằng hút nhiều ít bao nhiêu cũng nguy hại.

May mắn là khi ngưng hút thì nguy cơ bệnh tim mạch giảm hẳn. Theo hiệp hội Tim Hoa Kỳ, hút thuốc là là nguyên nhân thứ nhất đưa tới 1/5 các trường hợp tử vong trong cơn đau tim.

3- Không vận động cơ thể là nguy cơ quan trọng của bệnh tim.

Các nhà khoa học đã chứng minh rằng với vận động, ta có thể giảm bệnh tim mạch tới 30%.

Vận động:

- tăng máu lưu thông tới tim;
- tăng cường sức bóp của trái tim;
- tim đẩy ra nhiều máu mà không phải làm việc quá sức.

Ngoài ra vận động còn làm giảm cân nặng cơ thể, giảm cholesterol trong máu, giảm nguy cơ bệnh tiểu đường. Những "giảm" này đều làm tốt cho trái tim.

Cũng chẳng phải vận động gay go gì. Mỗi ngày quý bà chỉ cần 30-45 phút đi bộ bước nhanh là quá đủ.

4- Mập phì.

Người mập thì có nhiều tế bào mỡ. Với quý bà thì mỡ đọng tại đùi và mông, giống như hình quả lê.

Tế bào mỡ cần nhiều oxy và chất dinh dưỡng để sống và tim phải làm việc nhiều hơn để cung ứng. Máu sẽ lưu chuyển trong mạch máu nhiều hơn, tim sẽ phải đập nhanh hơn. Thế là tim mau mệt mau suy, mau bị cơn tim.

Đồng thời, người mập thì huyết áp cũng cao, cholesterol lên quá mức bình thường 200 mg và bệnh tiểu đường cũng dễ dàng xảy ra.

Cho nên xin quý tỷ muội giữ sức nặng cơ thể vừa phải với tuổi đời và thể tạng. Bằng cách nào ư? Thừa ăn vừa đủ năng lượng cần thiết cho các sinh hoạt, lao động của cơ thể cũng như vận động chân tay.

5-Tâm thần căng thẳng

Stress tăng huyết áp, tim đập liên hồi loạn nhịp, tim mau mệt hơn. Nếu stress kéo dài quá 7-8 phút là cơn đau tim có thể xảy ra. Tất nhiên đây là chuyện hãn hữu, nhưng thiết tưởng quý bà cũng nên biết để đề phòng.

6- Cholesterol

Điểm chốt mà lang tôi muốn nhấn mạnh là chất cholesterol trong máu. Cao cholesterol là nguy cơ quan trọng của bệnh tim mạch.

Khi nói tới cholesterol lành và không tốt là nói tới cái cholesterol lưu hành trong máu chứ không liên quan tới cholesterol trong thực phẩm.

Vì không hòa tan trong nước nên cholesterol không lưu thông trong máu được và phải nhờ một loại chất đạm cồng nó. Hỗn hợp cồng nhau đó được gọi là lipoprotein.

Có loại high density lipoprotein HDL chuyên trở cholestetrol từ mọi nơi trong cơ thể về gan để được hủy hoại, nên được coi như là tốt lành.

Còn Low density lipoprotein cholesterol LDL thì lại chuyên trở cholesterol từ gan tới tế bào. Dọc đường một số ngả lửng, bám vào thành động mạch và gây ra chuyện chẳng lành cho tim mạch. Vậy thì HDL và LDL chỉ có ở trong máu chứ không có trong thực phẩm.

Cholesterol trong máu:

Cholesterol
Dưới 200 mg/dL Dưới
5.2 mmol/L Lý tưởng

LDL
Dưới 70 mg/dL Dưới
1.8 mmol/L Lý tưởng

HDL
Dưới 40 mg/dL (nam)
Dưới 50 mg/dL (nữ) Dưới 1 mmol/L (nam)
Dưới 1.3 mmol/L (nữ) Xấu

Khoảng 80% cholesterol trong cơ thể do gan sản xuất. Phần còn lại do thực phẩm gốc động vật như thịt gà, thịt bò, thịt heo cung cấp.

Mỗi ngày không nên dùng quá 300 mg cholesterol. Một quả trứng cho 250 mg cholesterol, một Big Mac cho 75 mg.

Kết luận

Các nhà chuyên môn y khoa học đều đồng ý là ta có thể tránh được tới 85% các loại bệnh nếu ta hiểu rõ về dấu hiệu triệu chứng của chúng và biết các phương thức để phòng ngừa chúng. Với mấy lời "mách" tích cực xây dựng này, lang tôi chỉ mong quý tỷ muội tránh được 75% những hậu quả xấu do các nguy cơ bệnh tim gây ra, thì đã lấy làm vui mừng để "Happy Valentine" với nhau nhiều chục năm nữa là tốt lắm rồi.

Bác sĩ Nguyễn Ý-ĐỨC
www.bsnguyenyduc.com



BIẾT

Ngọc Bảo

Khi xưa còn bé, tôi nghe được một câu danh ngôn, không biết do danh nhân nào nói ra, nhưng đã để lại ấn tượng tới ngày nay, vì cho tới bây giờ tôi vẫn .. chưa hiểu hết được ý nghĩa của câu nói đó. Câu nói rằng:

"Khôn cũng chết, dại cũng chết, biết thì sống.."

Trong đời sống trần gian, thông thường người Khôn hay nham được thời cơ hành động nên dễ được thành công và có nhiều lợi thế trong mọi phương diện - người Dại trái lại ít khi nhận biết rõ vấn đề nên hay thất bại hoặc chịu thiệt thòi. Thế nhưng Khôn và Dại đều chết như nhau, chỉ có Biết mới sống. Thế thì Biết cái gì, và làm sao Biết?

Một cách diễn giải giản dị là: sự khôn ngoan sắc xảo quá sẽ tạo sự chú ý và dễ gây thù chuốc oán, còn ngu dại quá sẽ bị lợi dụng và phản bội trở thành vật hi sinh tế thần... Thế thì phải Biết như thế nào để có thể sống được tốt đẹp an lành?

Thắc mắc này đã nằm ngủ quên trong tôi mấy chục năm nay, bây giờ tự nhiên trỗi dậy, vì một cơ duyên nào đó... Làm sao định nghĩa được chữ Biết? Tìm nơi sách vở thánh hiền, trong Luận Ngữ của Khổng Tử, có một câu nói về Biết như sau:

Khổng Tử dạy Trọng Do: "Anh Do, ta dạy cho anh thế nào là Biết này. Biết điều gì thì nhận là biết, không biết thì nhận là không biết, như vậy là biết."

Câu này thoạt nghe có vẻ như ... huề vốn, nhưng nghĩ lại thấy cũng rất sâu sắc. Chỉ nói điều mình biết, và thẳng thắn thú nhận điều không biết, đó là đã tự biết mình, biết những gì làm được và không làm được, và thoải mái, thành thực với chính mình trong sự "biết mình" ấy. Chợt nhớ đến câu nói trong dân gian thật thâm thúy:

"Biết thì thưa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe.."

Tìm sự hiểu biết trong sách vở đã là điều khó, nhưng tuy sách vở nhiều vô biên mà biển học bao la lại còn vượt lên trên sách vở nữa, nhất là học về cuộc đời. Đời sống không đơn giản mà có rất nhiều liên hệ chằng chịt với nhau, cái biết chẳng phải chỉ có một mà có vô lượng, vô biên, nhưng nói chung, "biết người" để mà sống là điều cần thiết, như Khổng Tử nói: *"Đừng lo người ta không biết mình, chỉ lo mình không biết người."*

Biết người rồi lại còn phải tự xét mình, cẩn trọng trong lời nói và hành động để khỏi gây nên những hậu quả đáng tiếc. Khổng Tử nói:

Người quân tử có chín điều phải suy nghĩ:

1- Lúc nhìn, phải xem xét đã nhìn rõ chưa
2- Lúc nghe, phải xét xem đã nghe đúng chưa

3- Về sắc mặt, xét xem thần sắc có ôn hòa không

4- Về dáng dấp, xét xem có khiêm cung không
5- Lúc nói năng, xét xem có thành thực không
6- Lúc giải quyết công việc, xét xem có nghiêm túc không

7- Có điều nghi ngờ, xét lại coi đã thành giáo người khác chưa

8- Lúc phẫn nộ, có nghĩ tới hậu quả xấu liên lụy đến người thân chưa

9- Đạt được điều gì, phải xét xem có thích ứng không.

Theo lời dạy của Khổng Tử, trong nhân gian có hai hạng người, người cao quý và người thấp hèn. Quân tử là người cao quý, biết kỷ cương, sống theo luân thường đạo lý, còn tiểu nhân thì có lòng dạ hẹp hòi, chỉ biết đến quyền lợi mình mà bất kể người khác. Theo Luận Ngữ, người quân tử có một số hành động điển hình như sau:

Người làm trước những điều mình nói, rồi mới nói sau.

Người quân tử trông mong ở mình, kẻ tiểu nhân trông mong ở người.

Người quân tử thân với mọi người mà không kết đảng vì tư lợi, kẻ tiểu nhân kết đảng vì tư lợi mà không thân với mọi người.

Không oán trời, không trách người, học những điều phổ thông trong xã hội mà thấu hiểu thiên mệnh.

Cuộc đời của người quân tử theo khuôn mẫu của Khổng Tử là như sau:

"Ta mười lăm tuổi để chí vào việc học (đạo lý); ba mươi tuổi biết tự lập (biết khắc kỷ theo lễ nghĩa); bốn mươi tuổi không nghi hoặc (tức có trí đức, hiểu rõ nhân, nghĩa, lễ); năm mươi tuổi biết mệnh trời (biết những gì làm được, những gì không làm được); sáu mươi tuổi đã biết theo mệnh trời; bảy mươi tuổi sống tự nhiên theo ý mình mà không vượt ngoài khuôn khổ đạo lý."

Nói chung, cái Biết của Khổng Tử là cái biết về đạo lý lễ nghĩa để tạo lập một xã hội có kỷ cương trật tự. Cái biết ấy chú trọng vào những mặt nổi trong tương quan giữa người và người hơn là đi sâu vào đời sống tinh thần bên trong mỗi con người. Cá nhân chỉ là một thành phần mờ nhạt trong một tập thể vững chắc với nhiều thứ bậc.

Cao xa hơn Khổng Tử, Lão Tử phân tích đời sống tới tận nguồn gốc, đi vào một thế giới bao la và huyền nhiệm của vũ trụ. *"Đạo khả đạo phi thường đạo.."* Bản nguyên của vũ trụ, những gì tạo nên thế giới này là điều vượt ngoài ngôn ngữ luận bàn, không thể nói ra, không thể đặt tên được, chỉ tạm gọi đó là Đạo. Đạo sinh ra vạn vật, Đức bao bọc, nuôi dưỡng cho vạn vật sinh trưởng và phát triển. Ở

đây, chữ Đức được dùng với ý nghĩa khác với chữ Đức của đạo Khổng. Đức của đạo Nho mang ý nghĩa thiện ác, còn Đức của đạo Lão không có ý nghĩa thiện ác mà là lực tự nhiên của trời đất. Làm những gì hợp với lẽ tự nhiên của trời đất thì gọi là hợp với Đạo Đức.

Lão Tử chủ trương một đời sống phóng khoáng, không áp đặt kỷ cương lễ





nghĩa, cho rằng mọi sự nếu để tự nhiên sẽ đi theo một trật tự nhất định. Đó là cách sống Vô Vi thuận theo những quy luật thiên nhiên của trời đất. Một trong những quy luật căn bản là Luật Phản Phục. Phản phục tức là quay về. Mọi sự sinh ra trên thế giới này đều đi theo một vòng rồi trở về khởi điểm, sự sống cứ như vậy mà vận hành, luân chuyển và đổi mới mãi mãi, đó là quy luật thường hằng và vĩnh cửu (bất biến). Đạo Đức Kinh nói:

"Luật vận hành của Đạo là trở lại lúc đầu, diệu dụng của đạo là khiêm nhu.

Vạn vật trong thiên hạ từ "có" mà sinh ra; "có" lại từ "không" mà sinh ra."

Biết được cái "thường" của quy luật này thì sáng suốt, không vọng động mà gây họa:

"Vạn vật phồn thịnh đều trở về căn nguyên. Trở về căn nguyên thì tĩnh (bản tính của mọi vật), gọi là "trở về mệnh". Trở về mệnh là luật bất biến (thường) của vạn vật. Biết thường thì sáng suốt, không biết thì vọng động mà gây họa."

"Biết luật bất biến thì bao dung, bao dung thì công bình, công bình thì bao khắp, bao khắp thì phù hợp với tự nhiên, phù hợp với tự nhiên thì phù hợp với Đạo, hợp với Đạo thì vĩnh cửu, suốt đời không nguy."

Như thế, cái Biết của Lão Tử là cái biết Đạo, tức quy luật của thiên nhiên trời đất mà sống thuận theo đó, tạo lập một thế giới an bình hài hòa cho mình và cho mọi người. Thế giới đó là một "cõi tiên" lý tưởng, một chốn "non bồng, nước nhước" mà ngay cả thời Lưu Nguyễn ngày xưa cũng đã khó thể tìm thấy, bởi vì những người ở trong thế giới đó phải là những người thanh cao thoát tục, không nhuốm chút bụi trần. Thời xưa có những người đi vào chốn rừng sâu núi thẳm mà người đời cho là "tu tiên" để được trường sinh bất tử. Nhưng "cõi tiên" đó cũng có thể là một góc sâu kín nào đó trong tâm tư để ta trở về những khi mỏi mệt với những hệ lụy trần ai, muốn xa rời những lao xao của đời sống thế gian: *Ta đại, ta tìm nơi vắng vẻ*

Người khôn, người đến chốn lao xao

"Đại" và "Khôn" ở đây, dĩ nhiên chỉ có ý nghĩa tương đối và hàm chứa ẩn ý khác.

Trong chốn lao xao có biết bao điều phiền não khởi lên từ những đua tranh quyền lợi, từ những hơn thua, thắng bại. Mặc dù vậy, con người bao giờ cũng bị lôi cuốn trong những trò chơi ảo hóa thế gian, chạy theo hấp lực của thanh sắc, tình tiền và danh vọng. Mấy ai hiểu được những điều huyền vi màu nhiệm của đạo Lão, mà nếu có ai hiểu được chắc cũng chẳng muốn nói ra, vì nói với người không hiểu thì chỉ gây thêm ngộ nhận. Bởi vậy Lão Tử nói:

Người biết thì không nói, người nói thì không biết (Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri).

Nói chung, đạo Không thiên về đời sống thế gian thường nhật, đạo Lão đi vào một thế giới lý tưởng xuất thế gian. Cả hai điều này đều được bao gồm trong đạo Phật, như trong câu nói: "Phật Pháp bất ly thế gian giác" - có nghĩa pháp Phật không ở ngoài cái biết về thế gian. Nhưng cái Biết trong đạo Phật không chỉ là kiến thức, mà vượt trên giới hạn của kiến thức để trở thành cái Biết vô biên của Trí Tuệ, của Trí Thức chuyển thành Giác Ngộ.

Giác ngộ là mục tiêu đầu tiên trong đạo Phật. Giác có nghĩa là biết, Ngộ là gặp hay nhận ra - có nghĩa giác ngộ là nhận ra chân lý của đời sống đã có sẵn ngay nơi chính mình.

Danh từ "giác ngộ" đã được đạo Bà La Môn dùng trước khi đạo Phật được lập ra. Người giác ngộ được gọi là "Buddha", Việt Nam xưa đọc là "Bụt", sau theo tiếng Hán gọi là "Phật Đà". Tuy nhiên, sự diễn giải về giác ngộ vẫn còn rất nhiều mơ hồ, vì đó là một trạng thái không thể đem chữ nghĩa ra luận bàn, mà chỉ có thể được cảm nhận qua sự thể nghiệm của từng cá nhân.

Trong Trung Bộ Kinh có kể câu chuyện như sau: Vào thời Đức Phật tại thế, các đạo sĩ Bà La Môn thường hay bàn luận với nhau về câu hỏi thế nào gọi là một vị Phật, hay là người giác ngộ. Có một vị đạo sĩ già tên là Brahmayu, nghe tin Đức Phật Thích Ca là người đã giác ngộ đang du hành đến thị trấn của ông, nên quyết định đến thăm ngài để hỏi điều thắc mắc chính vẫn ấp ủ xưa nay: "Làm thế nào để được gọi là Phật, một người giác ngộ?"

Đức Phật trả lời qua bốn câu kệ như sau:

Những gì cần biết rõ, ta đã biết rõ

Những gì cần từ bỏ, ta đã từ bỏ

Những gì cần tu tập, ta đã tu tập

Do vậy, vị đạo sĩ kia, Ta là Phật.

Như vậy, sự giác ngộ của một vị Phật không chỉ là kinh nghiệm chứng đắc, mà là cả một quá trình vô hạn định để thực hành ba điều trong đời sống: biết những gì cần biết, bỏ những gì cần bỏ, và tu những gì cần tu.

Từ cung vàng điện ngọc Thái tử Tất Đạt Đa đã từ bỏ tất cả, quyết chí đi tìm chân lý để giải quyết cho nỗi vấn nạn muôn thuở của con người: sinh lão bệnh tử. Vì đâu con người sinh ra trên cõi đời này để phải chịu những khổ não không tránh khỏi trong vòng luân hồi vô tận? Có cách gì để xa lìa sinh tử, giải thoát khổ đau hay không?

Và chân lý ngài giác ngộ đã được trình bày trong bài pháp đầu tiên "Bốn chân lý cao thượng" (Tứ Diệu Đế), cũng được gọi là bài kinh Chuyển Pháp Luân:

1- Khổ: là một sự thực hiển nhiên của kiếp người- sinh lão bệnh tử là khổ, muốn mà không được là khổ, yêu mà phải cách xa, ghét lại phải ở gần là khổ ... Nói về bản chất, con người do năm uẩn tạo thành (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) nên sự hiện hữu là vô thường, giả tạm, nếu chấp con người mình là thực thì khổ...

2- Nguyên nhân sự Khổ (Tập): đó là lòng ham muốn, ái dục, tìm cầu những điều hoan lạc. Yêu và ghét đều kể là ái dục. Trong sự tham ái khởi lên lòng chấp thủ, trong lòng ham muốn khởi lên sự tìm cầu thỏa mãn - tất cả đều đưa đến đau khổ. Giác quan (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) là trung gian cho ta tiếp xúc với thế giới bên ngoài, nhưng vướng mắc trong những cảm giác của giác quan sẽ đưa đến cái khổ, vì thế trong kinh nói: "Thọ (cảm thọ) thì

khổ". Sâu xa hơn nữa, nguyên nhân đưa đến sự đau khổ trầm luân của con người là sự không biết rõ, hay biết sai lầm về bản chất sự hiện hữu của mình (vô minh), từ đó làm nhân cho luân hồi sinh tử.

3- Diệt khổ (Diệt): là sự đoạn trừ khổ đau bằng cách xả ly lòng tham ái, sự ham muốn nắm giữ. Buông xả được dục vọng sẽ được tự tại tự do, giải thoát khỏi những phiền não. Ý niệm buông bỏ chỉ khởi lên khi nhận thức được sự khổ và nguyên nhân gây khổ. Nhưng sự buông bỏ rốt ráo chỉ có khi có trí tuệ thấy biết được bản chất mọi tướng là Không (chiều kiến ngũ uẩn giai không) và tất cả những gì duyên hợp đều chỉ là huyền ảo, lúc đó mới có thể "vượt qua mọi khổ ách" (đồ nhất thiết khổ ách).

4- Con đường chân lý (Đạo): cũng gọi là Bát Chánh Đạo, là phương pháp diệt khổ và được giải thoát, gồm có tám phần: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mệnh, chánh tinh tiến, chánh niệm, chánh định.

Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo là cốt lõi của đạo Phật, bao hàm ba yếu tố chính để làm thành một vị Phật, một người giác ngộ, theo như lời Đức Phật nói: sự hiểu biết chân lý, từ bỏ và tu tập.

Đối với con người bình thường, quá trình hiểu biết chân lý và tu tập này dường như quá cao xa, nhưng thật ra điều đó cũng có thể tóm gọn trong bài kệ thật đơn giản sau đây:

*Buông mọi niệm ác
Năng giữ niệm lành
Giữ thân tâm thanh tịnh
Đó là lời chư Phật dạy*

Trong đó có đầy đủ ba yếu tố: Biết, Từ Bỏ và Tu.

Yếu tố đầu tiên và quan trọng nhất là Biết. Biết thế nào là niệm lành, niệm ác để giữ lại và từ bỏ. Điều đó bao gồm sự quán chiếu thân ý trong mọi lúc. Cái biết trong từng sát na là vòng đai bảo vệ con người khỏi bị lôi cuốn theo những cảm xúc khởi động. Cái biết đó là sự tỉnh giác, là cái nhìn khách quan về chính mình và ngoại cảnh. Và trong sự quán chiếu thân tâm mọi lúc đó, sẽ khai triển một cái Biết sâu xa hơn về bản chất của chính mình, để nhận thấy trong thân xác vô thường hoại diệt này vẫn thường hằng một cái gì bất sinh bất diệt - đó là cái Không cõi rê, nền tảng của mọi hiện hữu, không chứa chấp cái gì nhưng vẫn hàm chứa tất cả, vì từ đó vạn sự khởi lên và cũng ở đó vạn sự trở về. Nền tảng Không ấy chỉ có thể được cảm nhận qua cái Biết thuần túy và trực tiếp của Tánh Giác - và chỉ khi tiếp cận được cái Không ấy, ta mới cảm thấy bình an thực sự.

Con người sinh ra ai cũng có bản chất như nhau, nhưng có người chìm đắm trong mê muội khổ đau, người được tự tại giải thoát, chỉ vì khác nhau ở chỗ Biết (giác ngộ) hay Không Biết (vô minh). Dù khôn hay dại, thành công hay thất bại trong cuộc đời, ai rồi cũng đi theo một con đường chung nhất: sinh lão bệnh tử. Nhưng người đã hiểu được lý Không của đạo Phật thì thấy sinh tử chỉ là hai mặt khác nhau của sự sống, nên thường an nhiên tự tại ở ngay trong sinh tử. Phải chăng sự giác ngộ chân lý của đạo Phật đưa người ta đến chỗ "liều sinh thoát tử", hiểu rõ sự sống mà xa lìa sự chết, chính là cái Biết để sống trong sự sống vô tận, cái Biết vượt lên trên sự Khôn và Dại của thế gian?

Ngọc Bảo

(Nguồn: ngocbao.org)



Lạc Nẻo Đời

*Phố thị bây giờ thay đổi quá,
Thềm xưa nhà cũ vẫn không còn.
Người thân nay đã thành thiên cổ,
Sau những năm buồn chuyện nước non...
Ta đứng lặng nhìn trông xa lạ,
Giữa chốn trần gian lạc nẻo đời.
Nhà cũ không còn người cũ ở,
Đường xưa lạc dấu thấy chơi vơi.
Người về chân bước nghe đá nát,
Vàng cũng phai theo những đợi chờ.
Năm tháng ngậm ngùi thương tiếc cũ,
Trái lòng gom hết nỗi bơ vơ
Ta đem tất cả vào thương nhớ,
Dấu kín trong tim những ngậm ngùi.
Ta đứng bên dòng sông nước chảy,
Gửi lòng theo con nước trôi xuôi...*

Chợ Hoa Bolsa

*Chiều ngang qua phố Bolsa,
Bông dưong lòng thấy nhớ nhà quá thôi!
Ô hay xuân đã đến rồi,
Bao năm lưu lạc thấy đời quạnh hiu...
Xuân này nữa đã bao nhiêu,
Gợi lòng ta nhớ những chiều xuân xưa.
Dừng chân trước khu chợ hoa,
Mới hay tết đến với ta quê người.
Kể từ lê gót ngược xuôi...
Đón xuân trong nỗi ngậm ngùi chia xa,
Còn gì để lại trong ta.
Xuân đi, xuân đến, xuân qua một thời,
Xuân về vui khắp mọi nơi.
Riêng ta lặng đứng nhìn trời nhớ quê.*

thơ

QUỲNH DAO

CHUYỆN HAI NGƯỜI VÔ GIA CƯ

Tâm Minh Ngô Tăng Giao

Tháng 9 năm 2013, Glen James, một người vô gia cư (homeless), sống ở một nơi cư trú dành cho người không nhà (shelter) ở Boston. Ông bắt gặp kiểm thấy một cái ba lô (backpack) ai bỏ quên trong một thương xá. Ông vẫy tay chặn một viên cảnh sát lại và trao cái ba lô lượm được cho viên cảnh sát. Cái ba lô trong đó có chứa \$2,400 tiền Mỹ và gần 40,000 chi phiếu du lịch (traveler's check) cùng với số thông hành và một số giấy tờ cá nhân khác. James làm tù phạm tại một tòa án, vô gia cư từ năm 2005 sau khi bị mất việc. Ông bị bệnh trong lỗ tai, luôn gây ra chóng mặt nên không kiếm được việc làm nào khác. Ông sống bằng phiếu trợ giúp thực phẩm và xin tiền các người qua lại trên đường phố.

Về phần người mất của là một sinh viên người Trung Hoa. Anh đem chuyện sui sẻo của mình kể lại cho những nhân viên trong một cửa tiệm nghe. Những người này bèn giúp gọi báo cho cảnh sát. Cảnh sát kiểm tra thấy đúng nên trao trả chiếc ba lô cho khổ chủ.

Cảnh sát Boston tổ chức một buổi lễ tuyên dương James và trao bằng khen. Nhân dịp này James nói là mình cảm thấy rất thoải mái khi làm việc đó và cũng gửi lời nhắn cảm ơn đến tất cả những khách bộ hành lạ mặt đã từng cho ông tiền khi ông ngồi trên đường phố trong thời gian qua. James thổ lộ là ông không nói nhiều vì bị "cà lăm" nên trao cho cảnh sát một tờ giấy trong đó viết là "dù ông có quá nghèo chẳng nữa ông cũng không muốn giữ lại một xu nào của người khác khi tìm thấy..." James đeo kính, người nhỏ nhắn tỏ ra thân mật nhưng e thẹn. Khoảng trên 50 tuổi.

Sau khi biết tin đó trên internet, một người lạ mặt 27 tuổi, ở Midlothian, Va., làm giám đốc kế toán cho một cơ sở tiếp thị, tỏ ra thích phục sự lương thiện này. Anh tên là Whittington. Anh mở một quỹ lạc quyền cho James. Với ý nghĩ James đã hoàn trả \$40.000 thì đáng được quyền tới \$50.000. Kết quả tốt không ngờ. Chỉ trong một ngày đầu mà đã thu được hơn số tiền này.

Sau đó trong 2 ngày quyền được hơn \$100,000. Hơn 4,000 người gửi tặng. Sau 2 tuần lễ tiền quyền tặng đã lên tới hơn \$150,000. Hơn 6,000 người tặng. Cả ở Mỹ lẫn các nước khác như Ba Tây, Pháp và Úc v.v... Người ta tặng cả máy vi tính, quần áo, thực phẩm v.v... Anh Whittington nâng mục tiêu lên, hy vọng đạt tới \$250,000 để ông James có thể mua được một căn nhà làm nơi cư trú.

*

Nhân dịp này mọi người lại nhớ tới chuyện của một ông vô gia cư khác nữa, xảy ra khoảng hơn nửa năm trước, đó là ông Billy Ray Harris. Vào tháng 2 năm 2013, tại Kansas City, Mo., bà Sarah đi trên đường, có lòng tốt nên bỏ ít tiền lẻ vào trong chiếc ly để biếu cho một người "ăn mày vô gia cư" (homeless begger) ngồi ăn xin bên lề đường tên là Harris, 55 tuổi. Ông này thường ngủ dưới gầm một cây cầu.

Bà có hai chiếc nhẫn, một nhẫn đính hôn và một nhẫn cưới. Có lẽ đeo trên tay lâu năm làm tay bà chật chội khó chịu hay sao đó nên bà tháo ra và cất

trong ví tiền của mình. Khi thò tay lấy một nắm tiền lẻ trong cái ví tiền này để bỏ thì bà đã vô tình bốc theo luôn cả chiếc nhẫn đính hôn bỏ vào trong ly của người ăn xin.

Khi bà khách đã đi rồi ông Harris mới khám phá ra chiếc nhẫn. Ông biết ngay là có sự lầm lẫn. Thoạt tiên ông có ý định muốn bán chiếc nhẫn đi. Ông mang tới một tiệm kim hoàn tại địa phương và được đề nghị trả \$4,000. Nhưng sau khi suy nghĩ lại thời ông giữ chiếc nhẫn này kỹ càng, không bán nữa, chờ chủ nhân trở lại. Quả nhiên mấy hôm sau khi bà hào tâm quay lại ông đã vui vẻ hoàn trả ngay chiếc nhẫn. Không ngờ đây lại là một quyết định làm thay đổi cả cuộc đời ông về sau này.

Một người bạn của bà Sarah kể chuyện này cho một phóng viên đài tin tức ở địa phương. Thế là câu chuyện được phóng lên khắp nơi. Bill, chồng bà Sarah cảm động về sự thật thà và tử tế của Harris nên thiết lập ngay một cuộc quyên tiền cho Harris trong 90 ngày trên internet. Mong quyên được \$4,000. Không ngờ là Harris nhận được hơn \$190,000 sau 3 tháng quyên góp.

Khi hay biết hành động không tham lam của Harris và lòng biết ơn của vợ chồng bà Sarah nhiều người lạ tìm tới Harris để khen ngợi và biếu đồ ăn. Một người viết: "Thật là quý hóa khi thấy sự thật thà vẫn còn tồn tại mà ông Harris là một điển hình." Người này tặng 25\$. Một người khác tặng 100\$ và viết thêm: "Mọi người trên khắp thế giới đều hoan nghênh!" Những món tiền tặng đủ nhiều ít khác nhau - hơn 8,000 khoản - đến từ khắp nơi trên đất Mỹ, lẫn Đức, Thụy Điển, Úc, Ái Nhĩ Lan và các quốc gia khác. Thêm vào những lời chúc mừng và khen ngợi, một vài người tặng tiền cũng nói sẵn sàng giúp đỡ thêm cho Harris để quản lý số tiền nhận được.





Harris nhận được 758 cái ôm quý hóa (hugs) của khách qua đường.

Chính Harris thì tỏ ra sững sốt vô cùng và nói trong một cuộc phỏng vấn rằng không ngờ cả thế giới lại quan tâm như thế đối với một người hoàn trả lại một thứ gì đó không thuộc quyền sở hữu của mình. Harris nói: "Tôi không phải là thánh nhưng cũng chẳng phải là quý." Harris nay có một xe hơi và có tiền đặt cọc để mua một căn nhà. Ông dự định mở một công ty sơn nhà cửa.

Một điều không ngờ khác là nhân dịp này Harris trở nên nổi tiếng và sau khi xuất hiện trên đài truyền hình thời thân nhân ở phương trời xa nhận diện được ra ông và tìm cách báo tin. Ông có dịp đoàn tụ với các người em gái mình sau gần 16 năm mất liên lạc. Gia đình tưởng là Harris đã chết mất rồi.

*

Câu chuyện về lòng chân thật của James và Harris, hai người vô gia cư tuy nghèo khổ nhưng không tham lam này khiến chúng ta nhớ đến những lời Đức Phật từng dạy về "Tham, Sân và Si". Trong Kinh Pháp Cú Đức Phật dạy rằng tam độc "tham, sân, si" là những nguyên nhân gây ra bất hạnh và phiền não, ưu tư cho con người, cần phải tiêu diệt. Tham, sân, si có thể được tìm thấy một cách dễ dàng nơi hành động, ngôn ngữ, và ý nghĩ của chính mình cũng như của kẻ khác. Kinh nghiệm cho ta biết bất cứ ở đâu hay lúc nào, nếu tham sân si có mặt và ngự trị thì cuộc sống riêng hay chung đều trở nên xấu xa đau khổ. Tham sân si là sản phẩm của con người và xã hội và chính chúng là nguyên nhân làm hư hại cuộc sống an lành của loài người giống như bông tre nở từ cây tre và là biểu tượng suy tàn của cây tre, nghĩa là khi tre trở bông là lúc tre tàn lụi.

Việc thực hiện con đường đi ra khỏi "tham, sân, si" luôn luôn được Đức Phật quan tâm và khuyến khích các đệ tử của Ngài hành trì để từ bỏ các pháp an lạc được tăng trưởng và các pháp khổ đau được diệt trừ. Nếu không khéo hành trì thì không những các khổ đau tăng trưởng mà các thiện pháp cũng bị tiêu trừ. Nếu ai ráng tu tập và trau dồi trí tuệ để thoát khỏi vòng phiền não "tham, sân, si" tất nhiên người ấy sẽ được hoàn toàn giải thoát.

Đức Phật cũng nói cho chúng ta biết còn có ba pháp nữa là "Vô tham, Vô sân, Vô si" là những yếu tố tâm lý cần nên phát triển để xây dựng cuộc sống an lành. Muốn phát triển ba pháp thiện này chúng ta phải tu dưỡng theo chánh đạo gồm "Giới, Định và Tuệ". Lời khuyên thời thật dễ dàng, nhưng loài người đâu có dễ dàng phục thiện. Vì con người, đã lâu đời lâu kiếp bị những phiền não căn bản nhiếp phục chi phối. Theo Phật Giáo, pháp học sẽ không bỏ ích nếu

không thật sự thực hành điều đã học. Như vậy, Phật Giáo không phải là một triết học suông mà là con đường giác ngộ duy nhất.

Riêng về khoản tham thời cần hiểu rằng "Tham" là tham lam, là ham muốn thái quá. Lòng ham đó chẳng hề biết chán, càng được thời càng ham. Tham cho mình, rồi tham cho cả bà con quyến thuộc, quốc gia, xã hội của mình. Cũng vì lòng tham, mà nhân loại tranh giành giết hại lẫn nhau. Kẻ tham hay ghen ghét những người thành tựu. Nếu có tâm tham thời phải "tu tâm" ngay, phải tập tính "thiếu dục tri túc". Thiếu dục là muốn ít, tri túc là biết đủ. Người thiếu dục, tri túc thì có một đời sống giản dị, thanh cao và an toàn vì biết đủ với những thứ mình đã có. Bỏ dần lòng tham đi để đạt tới được "vô tham."

Ở đời, có năm món dục lạc, mà người ta thường ham muốn nhất là: tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. "Ngũ trần dục lạc" ấy, thật ra, vui ít mà khổ nhiều. Tham tiền thời phải đầy đọa thân sống, đôi khi còn dùng những phương tiện bất chính để chiếm đoạt và khi mất thì lại đau khổ. Đối với sắc đẹp nên quán thân là bất tịnh, tham sắc thì nhiều khi lại lao vào những mưu chước tồi tệ để thỏa lòng dục vọng. Tham danh vọng, quyền tước thì phải vào lòn ra cúi, lao tâm khổ trí. Tham ăn uống cao lương mỹ vị thì bị nhiều bệnh khó trị, thân thể mệt mỏi, mạng sống không thọ. Tham ngủ nghỉ thì trí não hóa đần độn. Ngũ trần dục lạc đó chính là những nguyên nhân ràng buộc kiếp người vào vòng sinh tử, luân hồi, sa đọa.

Truyện tích kể rằng một phú gia không con, chết đi, bỏ lại tất cả tài sản sự nghiệp lớn lao. Vua truyền lệnh cho nhập gia sản của ông vào quốc khố và đến hầu Đức Phật. Vua bạch lại tự sự với Đức Phật và ghi nhận rằng mặc dầu nhà phú gia này ở gần nơi Đức Phật ngự, không bao giờ ông để bát cúng dường Ngài. Nhân cơ hội này Đức Phật kể thêm về tiền kiếp của phú gia là đã từng làm việc thiện bằng cách cúng dường một vị Bích Chi Phật nhưng lại tiếc của đem cúng và còn phạm một tội ác là giết cháu ruột để giành gia tài của anh mình. Đức Phật nhân đó dạy trong Kinh Pháp Cú rằng:

(Pháp Cú 355)

*Giàu sang, tài sản đời dào
Chỉ làm hại được kẻ nào ngu thôi,
Để gì hại được những người
Đang cầu giác ngộ hướng nơi Niết Bàn,
Chỉ vì ham muốn giàu sang
Kẻ ngu tự hại bản thân đã đành
Hại thêm cả kẻ xung quanh.*

Đức Phật ngợi khen người không tham lam và



khuyến mọi người nên cúng dường các vị đó. Nhưng khi bố thí nên suy xét kỹ càng. Làm vậy sẽ tương tự như nếu đem hạt giống mà gieo trên đất lạnh, đất màu mỡ thời hạt mới đơm hoa, kết trái sum suê. Nếu gặp người thọ thí có đức hạnh mà bố thí sẽ được phước báu nhiều. Giảng về quả phúc của người cúng dường đến bậc hoàn toàn thanh tịnh, Đức Phật dạy tham như cỏ hoang làm hại ruộng nương, đây là làm hại “đất tâm” của người tu hành và trị tham chẳng gì hơn là việc bố thí:

(Pháp Cú 356)

*Cỏ hoang làm hại ruộng vườn
Tham lam gây hại nhiều hơn cho người,
Tham lam ai đã là rồi
Cúng dường vị ấy chẳng nơi nào bang
Hưởng về phước báu vô vàn.*

Đức Phật còn dạy là đừng để tham và sân, đừng để tội lỗi mình vào cảnh khổ. Tội lỗi ở đây nghịch nghĩa với chánh hạnh, là không theo giáo pháp, trong câu sau này có nghĩa là sân hận. Căn nguyên của điều ác là tham lam và sân hận:

(Pháp Cú 248)

*Các người nên biết rõ rằng
Để gì chế ngự việc làm ác đầu
Tham lam, tội lỗi hồ sâu
Kéo ta xuống chốn khổ đau đời đời.*

Không tham cũng được hiểu là không trộm cắp tức là không lấy những tài vật thuộc quyền sở hữu của người khác mà không có sự ưng thuận của họ. Đức Phật cấm trộm cắp vì lý do tôn trọng sự công bằng, tôn trọng sự bình đẳng, tôn trọng quyền tư hữu, diệt trừ lòng tham, nuôi dưỡng lòng từ bi và tránh nghiệp báo oán thù. Trong khi cố gắng lánh xa hành động trộm cắp con người cũng phát triển đức tính liêm khiết, chân thật và chính trực.

Một vị A La Hán trên đường đi khất thực về thấy một miếng vải bị gió bay rơi dưới đất, vừa lượm lên thì chủ khúc vải nhận thấy, tri hô là ngài lấy trộm. Ngài giải thích rằng ngài không có ý định trộm cắp và trao trả vải lại cho chủ. Nhưng người kia đem câu chuyện thuật cho các vị khác nghe, và các vị ấy cười chê ngài. Đức Phật giải thích rằng chư vị A La Hán không khi nào còn trộm cắp của người:

(Pháp Cú 409)

*Thế gian hề cứ một ai
Không hề lấy vật mà người không cho
Dài hay ngắn, nhỏ hay to
Dù tốt hay xấu, dù hư hay lành
Bà La Môn thật xứng danh.*

Không lấy của người, không lấy của không cho, mà trái lại còn lấy của mình để đem bố thí cho những kẻ thiếu thốn. Nếu không gian tham trộm cắp, mà lại làm hạnh bố thí thì theo kinh “Thập Thiện Nghiệp Đạo” được những pháp lành như sau: “Tiền của có dư không bị nạn giặc giã cướp mất hay bị chính quyền tịch thu, không bị nạn lụt trôi, lửa cháy và con cái phá tán; Được nhiều người tin cậy; Không bị lừa dối, gạt gẫm; Xa gần đều khen ngợi lòng ngay thẳng của mình; Lòng được an ổn, không lo sợ vì sự tổn hại gì cả; Khi chết rồi được sinh lên cõi trời”. Cũng được thành tựu những điều tốt đẹp sau đây: “Ba nghiệp thân, khẩu, ý được tự tại, của cải không bị mất mát, hưởng phúc đức và những sự tốt đẹp sẽ đến với mình, mặc dù mình không mong ước.”

Một điểm cần nói thêm nữa là vấn đề “nhân quả”. Trong báo chí, tờ Huffington Post nhận xét về sự lương thiện của ông James là: “Homeless Man Who Returned \$40,000 Finds Out That Karma Is Just The Greatest.” (Người vô gia cư trả lại 40 ngàn đã nhận chân rằng nghiệp quả là điều vĩ đại nhất). Báo đó đưa ra lời kết luận: “Karma really is a wonderful thing, isn't it?” (Nghiệp quả đích thật là một điều tuyệt hảo, phải không nào?)

Những tư tưởng và hành vi xấu xa tạo cho con người những hậu quả đen tối nhục nhã, khổ đau như thế nào thì trái lại những tư tưởng và hành vi đẹp đẽ sẽ tạo ra những hậu quả xán lạn, vinh quang và an vui cũng như thế ấy. Chuyện về hai người “vô gia cư” James và Harris nói trên đã chứng minh cho chúng ta thấy cái “quả” tốt đẹp, bất ngờ đã gặt hái được khi họ gieo “nhân” tốt, đó là tính chân thật, không tham lam, “vô tham.”

Tâm Minh Ngô Tăng Giao



ĐỒ GỐM ĐỜI LÝ-TRẦN, THỜI THĂNG HOA

Bùi Ngọc Tuấn

Sau khi Ngô Quyền dựng lại nền độc lập, nhà Đinh, nhà Tiền Lê bắt đầu mở mang đất nước, nhưng phải đến đời nhà Lý, văn hóa Việt Nam mới phát triển rực rỡ. Đời Lý, đời Trần là giai đoạn thăng hoa của đồ gốm Việt Nam. Khi Lý Thái Tổ dời kinh đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) vào Thăng Long, xây dựng thành trì, cung điện, tôn sùng Phật giáo thì một nhu cầu to lớn về đồ gốm diễn ra. Theo gót đời đô, những nhà làm đồ gốm ở khắp nơi hoặc dọn về gần kinh thành, hoặc tăng mức sản xuất. Dưới thời đó, với tinh thần dân tộc mạnh mẽ, với tinh thần Phật Giáo ảnh hưởng tràn ngập xã hội, nhu cầu xây dựng cung thành, nhu cầu của giới trưởng giả, của các đình chùa được xây dựng tăng lên bội phần. Từ đó tài năng, kỹ thuật, nghệ thuật của những lò gốm phát triển, đưa đến một cuộc bùng nổ rực rỡ của đồ gốm Việt Nam. Trong quyết tâm bảo vệ văn hóa dân tộc, họ đã phát triển đồ gốm thành một nghệ thuật tạo hình Việt Nam, riêng biệt, rực rỡ, phong phú, cũng như nền văn hóa Hoà Bình, Phùng Nguyên, Bắc Sơn, Đông Sơn trước đó. Người thợ đồ gốm Việt Nam đã tạo nên rất những dáng kiêu, sắc men và hoa văn rất Việt Nam, thể hiện tinh thần sáng tạo phóng túng và phong phú. Họ tạo nên những dáng kiêu, nước men và hoa văn đa diện, không thể thấy trong văn hóa Trung Hoa vốn nhiều khuôn khổ gò bó. Vì thế, cho dù họ có học được một vài kỹ thuật nghề nghiệp, nhưng phần nghệ thuật đã gần như không chịu ảnh hưởng của nghệ thuật đồ gốm Trung Hoa. Trong khung cảnh hứng khởi của nền tự chủ vừa tìm lại được, cùng các nhu cầu xây dựng thành quách, cung điện, đình chùa, ảnh hưởng mạnh của Phật Giáo, Lão Giáo và truyền thống văn minh Việt đã hội nhập trong các tô, chén đĩa, bình Việt Nam. Sự khởi đầu đơn giản, với các món đồ còn ảnh hưởng đồ gốm nhà Tống, bỗng vươn mạnh lên qua bàn tay sáng tạo của người thợ Việt Nam thành một nền văn minh rực rỡ, mà ngày hôm nay, khi nâng niu những món đồ tuyệt đẹp ấy trên tay, chúng ta còn cảm thấy bùng bùng sức sống mãnh liệt của dân Việt, như nhìn thấy cái phóng túng của bàn tay nghệ sĩ trên bàn xoay, hay trên nét vẽ nhanh, thoát như gió thổi, nước trôi dưới nước men mỏng. Người nghệ sĩ Trung Hoa vẽ đồ gốm một cách cẩn trọng, tỉ mỉ. Họ vẽ như người quan sát thiên nhiên một cách khách quan, tuân theo những quy luật nhất định, đường thẳng như kẻ thước, đường cong như cánh cung, bên phải bên trái đối xứng, bên trên bên dưới đều đặn. Đề tài rất tôn nghiêm: Long Ly Quy Phụng. Họ vẽ như cử hành

một nghi lễ. Trong khi đó, người nghệ sĩ Việt Nam vẽ tự nhiên, vẽ thoải mái, vẽ như chơi, như thả diều, như đánh đáo, vẽ tự nhiên như ăn như ngủ; đề tài là hoa, là lá, là chim, là thú, là côn trùng, là thảo mộc của đồng ruộng, thôn quê kề cận bên mình, như chim sẻ, như tôm, như cua, chuồn chuồn, cóc nhái. Tại sao rồng cứ phải bay với mây không thôi, rồng với hoa càng đẹp, càng thân cận chứ sao?! Vậy thì ta cứ bỏ mặc cái luật lệ của anh Tàu, ta vẽ rồng hoa chung nhau cho nó thích. Anh Tàu ảnh không có voi thì kê ảnh, xú mình nhiều voi thì mình làm bình voi voi chơi; mình thích bình con rồng, thì mình làm bình con rồng theo kiểu mình; mình thương con gà cục tác lá chanh, thì mình làm cái ấm con gà cho vui. Ngồi nặn tô, thấy mấy con cóc nhày quanh nhà, thì ta làm cái ấm hình con cóc, rồi tô cho nó một nước men xanh chơi, chao ơi là thú vị. Họ vẽ đời sống nông thôn của họ lên các món đồ gốm đó. Họ và đề tài của họ là một; Con chim sẻ, con cá bống, con chích chòe sống trong người họ rồi tràn ra nét bút tự nhiên, sống động, không cố gắng. Ôi! Khi cầm trên tay, làm sao mà ta không cảm thấy được cái khoái trá của người nghệ sĩ đầu đời Lý khi họ làm cái bình rượu nhỏ với dạng con tôm càng cưỡi trên lưng con cá chép. Con cháu Khổng Tử nghiêm túc với Kinh Lễ, Kinh Thư, nghe cái chuyện đó cũng hết vía rồi, làm sao mà dám nghĩ đến việc làm bình có cái hồn phóng khoáng đó được. Nét bút người nghệ sĩ Việt múa nhẹ, mũi tre cắt vào đất sắc mà nhanh, men chõ dày chỗ mỏng thì càng tự nhiên chứ đâu có sao; cái hình bên này nhỏ hơn cái phía bên kia một chút thì lại càng ngộ càng xinh chứ hề chi. (Trong trống đồng tên là "Sông Đà", khi chạm xong con chim hạc thứ mười sáu, người nghệ sĩ thời Đông Sơn mới thấy mình chỉ chia vòng tròn làm mười bảy phần, làm sao chạm mười tám chim hạc bây giờ? Thôi thì ta giải quyết bằng cách chạm chim hạc số mười bảy và mười tám sát nhau, mà đứng chứ không bay, cho đủ chỗ. Xin xem hình trống "Sông Đà" trong Những trống đồng Đông Sơn đã phát hiện ở Việt Nam của Nguyễn Văn Huyền và Hoàng Vinh, do Viện Bảo Tàng Lịch Sử Việt Nam ở Hà Nội xuất bản năm 1975. Ông thợ Trung Hoa mà gặp lỗi này thì phải bỏ hết để làm lại từ đầu chứ đâu có dám tự tiện như vậy. Nói như thế không phải là chê đồ gốm Tàu không đẹp, đồ Tàu cực đẹp là đẳng khác. Nhưng hai cách làm đẹp và hưởng đẹp rất khác nhau. Đồ gốm Tàu đẹp như một cô gái trang điểm lộng lẫy của dạ hội, đồ gốm Việt đẹp như cô gái hàng xóm thơ ngây, tươi mát. Cái đẹp của đồ Tàu là cái đẹp của thơ Lý Bạch: "Vân



Lư hương Đời Lý
(Bộ sưu tập của Bùi Ngọc Tuấn)



Ấm Lý trắng quai cá *Ấm Lý trắng quai rồng*
(Bộ sưu tập của Bùi Ngọc Tuấn)



Tô Lý lục
(Bộ sưu tập của Bùi Ngọc Tuấn)

tường y thường hoa tường dung - Xuân phong phát hạm lộ họa nung”, trong khi cái đẹp của đồ Việt là thơ Nguyễn Khuyến: “Sóng biếc theo làn hơi gợn tí - lá vàng trước gió sẽ đưa vèo”. Một bên đẻo gọt tinh xảo, một bên gắn gũi đơn sơ, một bên là cái đẹp của trí tuệ, một bên là cái đẹp của tâm hồn.

Gọi là đồ đời Lý, nhưng ta gồm cả nơi đây đồ gốm đời Trần, bởi vì đồ đời Trần tiếp tục truyền thống đặc sắc của đồ đời Lý. (Cho đến đời Hậu Lê, sự phát triển đặc sắc của đồ gốm Chu Đậu, Bát Tràng mới thực sự trở nên cá biệt, tạo những chiều hướng khác). Hoa văn đồ gốm đời Lý thường là ám họa, hoa văn vẽ màu chỉ thấy trên các món Lý Trắng mà cũng chỉ là một màu men xám. Phải chăng đây cũng là ảnh hưởng Phật giáo trong tinh thần đơn sơ của truyền thống thôn làng? Nền Phật giáo nơi đây là Phật giáo truyền theo đường phương Tây, phương Nam mà vào chứ chưa phải là nền Phật giáo truyền từ Trung Hoa xuống như sau này, tương ứng với thời Phật còn thường được gọi là bụt (Budha), cách ký âm Việt Nam, chứ chưa theo cách ký âm Trung Hoa và giọng đọc Hán Việt mà thành chữ Phật. Đa số đồ đời Lý thường để dấu con kê, đôi khi thấy có vành men cao. Những kỹ thuật thường dùng cho đồ khỏi dính vào nhau trong lò nung.

Ngoài cách phân loại theo dáng kiểu, người ta thường phân loại đồ gốm Việt ra theo nước men: Đồ men ngọc, đồ Lý trắng, Lý nâu, Lý lục.

1. Đồ men ngọc (celadon): ảnh hưởng Phật giáo chen kẽ với ảnh hưởng đồ men ngọc đời Tống. Hoa văn với những mô thức Phật giáo như cánh sen, hoa cúc. Đôi khi có ảnh hưởng đồ gốm nhà Tống nhưng đã Việt hóa (ám họa hình ảnh 2, 3 hay 4 em bé trai chơi trong một vườn hoa, ám họa hình 2 lực sĩ đấu vật...). Ngoài những bát, chén và đĩa men ngọc nhỏ, ta còn thấy có nhiều tước (hay bô), bình trà, nậm rượu nhỏ. Có những nậm rượu men ngọc chạm nổi hình 2 con cá chép đang bơi. Có những nậm rượu hình quả bầu. Các nậm rượu này nhỏ, chắc để dùng trên bàn thờ nhiều hơn là để dùng chứa rượu uống. Ngoài những đĩa trang trí bằng các ám họa hoa sen, hoa cúc, cũng có những đĩa nhỏ (5cm) chạm nổi hình cá chép đang bơi. Men ngọc màu xanh rêu với nhiều sắc từ nhạt đến đậm, có khi rất đậm, gần như xanh đen. So với đồ men ngọc đời nhà Tống, đồ men ngọc đời Lý thường dày hơn, nước men cũng khá dày, cốt men bằng đất sét trắng pha cát, cầm trên tay thấy nặng, tiếng gõ đục tiếng vang ngắn và nhỏ. (Đồ men ngọc đời Tống men mỏng, nhẹ, tiếng vang trong và ngân rất dài vì làm bằng đất pha đá nghiền). So với các món Lý trắng, Lý nâu thì đồ



Ấm men ngọc đời Lý
(Bộ sưu tập của Bùi Ngọc Tuấn)

Ấm Lý trắng
(Bộ sưu tập của Bùi Ngọc Tuấn)



Ấm Lý nâu chân chim
(Bộ sưu tập của Bùi Ngọc Tuấn)



men ngọc (cũng như đồ Lý lục) không còn nhiều, phải chăng vì không được làm nhiều?

2. Đồ Lý trắng: Bát chén Lý trắng cùng các bình ấm rất đẹp, một vẻ đẹp thanh nhã mà cao sang, càng nhìn càng ưa. Bình và ấm vẫn theo truyền thống Việt Nam, quai cầm chỉ có tính cách trang trí, không thực dụng. Nước men rất mịn, màu trắng tuyền, nhìn mát rượi, trắng hoặc có món men trắng thoảng ẩn sắc xanh dương. Có chén nhỏ lòng trắng men trắng, nhưng bên ngoài lại tráng men nâu. Bình men trắng đôi khi có phác họa một vài cánh hoa màu xám nhạt. Chúng tôi sưu tập được một bình Lý trắng (cao 15cm) có quai cầm là hình một con cá bống nhỏ màu trắng, mắt đen, rất linh động, nắp bình vẽ hoa cúc, thân bình vẽ cảnh trúc, cảnh mai

màu xám nhạt. Những bình khác có quai cầm hình xoắn ốc hay hình một con rồng chui từ trong thân bình ra rồi lại chui vào, tạo thành quai cầm để lại chui sang mé bên kia cất cao đầu trở nên vòi rớt. Rồng đây không phải là con rồng Trung Hoa, mà là một con rắn mình trơn, có kỳ trên lưng, đầu giống như hình linh vật Naga hay Makara của Ấn Độ. Miệng bình thường khá nhỏ, chỉ có thể dùng làm nậm rượu hay bình nước, chứ không thể thành ấm trà. Có những tô Lý trắng ám họa hình ảnh của văn hóa A Rập, hình ảnh trắng lưới liềm và các vì sao cùng với 2 đoạn đao bắt chéo... Có những bát, trong lòng toàn biểu tượng Phật giáo như chữ Vạn, như hình ảnh bát bửu, hay trong lòng chén, lòng đĩa là cả một bông hoa sen, bông hoa cúc đang nở. Có lu nhỏ cao 20cm rộng 15cm, nắp lu là cả một bông sen, miệng lu cũng chạm nổi những cánh sen đang nở. Có tô đường kính 12cm, đáy tô là một bông cúc nở, quanh lòng tô là những nhánh lá và hoa cúc. Bình ấm rất đẹp, nhiều cái hình quả dưa, quả bầu, hình con tôm càng cười trên lưng con cá chép...

3. Đồ Lý nâu: ta gọi chung là Lý nâu, nhưng ở đây màu nâu có rất nhiều sắc, từ nâu nhạt đến nâu đậm gần như là đen. Ngay trên cùng một món, men nâu cũng pha nhiều sắc. Có những bát, chén men nâu có gờ miệng không nhẵn mà lại gầy cạnh như hình hoa cúc, trong lòng bát là những ám họa hoa cúc khác, rõ ràng là chén bát dùng trên bàn thờ chứ không phải để dùng trong đời sống hàng ngày. Trong những số lượng sưu tập, bát chén có ám họa biểu tượng nhà Phật như hoa cúc, hoa sen... đồ men nâu có rất nhiều. Có phải đây lại là một ảnh hưởng Phật giáo khác? Bình ấm men nâu rất đặc sắc, có nhiều bình men nhoè (sau khi tráng xong men nâu, người ta tưới lên bình một sắc men nâu đậm hơn, rồi để cho tu chảy loang lổ, hoặc sau khi tráng men xong họ tạt nước lên cho men chảy nhoè). Nước men trên bát chén men nâu mỏng trong khi nước men trên bình men nâu dày, bóng sáng mịn, độ dày mỏng của nước men trên bình cũng không đều, tạo ra nhiều sắc đậm nhạt khác nhau. Có nậm rượu men nâu trang trí hình chân chim (do bút tre vạch lên nên men sau khi tráng). Nhiều bát men nâu có trang trí hình chạm nổi từ khuôn đúc rất đẹp. Cũng như đồ Lý trắng, bình ấm Lý nâu rất đẹp, hình dạng thay đổi từ tròn sang bầu hay hình con nghê...

4. Đồ Lý lục: Màu men lục nơi đây là màu men xanh cánh trà, trong biếc. Nước men mỏng, ám họa nổi. Số lượng đồ Lý lục còn lại không nhiều. Tìm được một món Lý lục đẹp rất khó. Bình Lý lục rất đẹp nhưng hiếm thấy, hoa văn nhánh rêu, vòi rớt hình đầu makara. Bát đĩa, bình ấm Lý lục cũng có nhiều sắc, hoặc xanh biếc, hoặc xanh rêu, hoa văn trên bát đĩa cũng vẫn là biểu tượng hoa cúc, hoa sen của nhà Phật hay hình cá chép theo kiểu song ngư của văn hóa nhà Tống. Tóm lại, đồ gốm thời Lý Trần là một giai đoạn rất quan trọng trong nghệ thuật đồ gốm cổ truyền Việt Nam. Đây chính là giai đoạn thăng hoa của nghệ thuật này. Khởi đi từ những món đồ không tráng men dưới thời Bắc Thuộc, sang đời Lý đồ gốm Việt Nam phát triển rực rỡ. Số lượng rất nhiều, đủ mọi thứ loại, đủ mọi sắc men, đủ mọi hoa văn với ảnh hưởng Phật giáo đậm đà tạo nên một thời cực thịnh của nền đồ gốm dân tộc để rồi lên đến tuyệt đỉnh với đồ gốm Chu Đậu vào thời Hậu Lê, thời nhà Mạc sau đó.

thơ HÀN LONG AN

BÀN TAY MẸ

*Con đã lớn khôn từ đôi bàn tay mẹ
Che chở đời con từ khi mới tượng hình
Chín tháng cưu mang cực nhọc mẹ hy sinh
Cho đến ngày chào đời cất tiếng khóc*

*Dù thân thể đôn đầu trào nước mắt
Dịu dàng nhìn con miệng nở nụ cười tươi
Chấp đôi tay mẹ khấn nguyện Phật Trời
Mong con nhỏ bình an mau khôn lớn*

*Con lớn lên như một bài ca hợp xướng
Có cung thăng, cung giáng lẫn cung trầm
Và có khi đàn tưng đút dây cung
Bàn tay mẹ bỗng âm thầm xuất hiện*

*Cũng vì thế mà bài ca không lối nhịp
Con ung dung dệt mộng với mây ngàn
Say men đời rong ruổi khắp trần gian
Quên bóng mẹ đang chờ con từng phút*

*Con vấp ngã mới nhận ra điều duy nhất
Trên đời này không ai bằng mẹ được đâu
Từ phương xa con đánh lễ cúi đầu
Bàn tay mẹ là bàn tay Bồ Tát.*

(Chùa Thiên Trúc, Bắc Cali, 2013)



LỄ HỎA TÁNG TIỀN ĐƯA CỔ TRUNG TƯỚNG TÔN THẮT ĐÌNH

Tường thuật của **Bình Sa**, ảnh của **Dzũng Nguyễn** Chùa Bát Nhã

Westminster (Bình Sa) - Lúc 3 giờ chiều Thứ Bảy 30 tháng 11 năm 2013 tại Phòng số 3 Peek Funeral Home, nghi thức di quan đến địa điểm hỏa táng đã được long trọng diễn ra với sự tham dự gần một trăm Chư Tôn Giáo Phẩm, Chư Tôn Đức Tăng Ni và hàng trăm các cựu quân nhân các cấp thuộc các quân binh chủng Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, các cựu viên chức chính quyền, quý vị cựu Dân Biểu, Cựu Thượng Nghị Sĩ Việt Nam Cộng Hòa, thân nhân, thân hữu và đồng hương.

Trước giờ di quan có phần tâm tình của thân nhân trong đó có lời tâm sự nói với Ba của hai cô con gái đó là Tôn Nữ Hoàng Linh và Tôn Nữ Hoàng Lan, trong lời tâm tình trước linh cữu của Ba cô Trưởng Nữ, Tôn Nữ Hoàng Linh đã làm mọi người không ngăn được dòng nước mắt trong đó có đoạn cô nói: "Ba ơi, các con thực sự mồ côi cả cha lẫn mẹ rồi. Ngay từ thuở nhỏ lớn lên, con biết con có người cha phi thường với phong thái và khí phách của một vị tướng anh dũng, tài ba và cũng từ ngày đó con nhận thức được Cha của con có một hoài bão lớn lao, chí hướng ngất trời, tầm mắt không thể giới hạn

trong phạm vi gia đình, vương bệ thê nhi. Trong địa vị của Ba không thể chu toàn hai phía công, tư. Nhìn lại đoạn đường Ba đi qua, con luôn cảm ơn ba đã để chữ công lên trên tất cả. Ba dạy các con không bằng lời nói, nhưng bằng đời sống của chính Ba, con học được nơi Ba lòng nhân ái và tánh rộng rãi ngay từ thuở nhỏ..."

Tiếp theo phần tâm tình của thân nhân, của những người đã từng làm việc với Cổ Trung Tướng, tất cả mọi người ai cũng ca ngợi tinh thần làm việc thẳng thắn, công tư phân minh và nhất là tinh thần Huỳnh Đệ Chi Bình của ông. Trong đó có Nhà Báo Nguyễn Trung đến từ San Jose nguyên là Tổng Thư Ký Nhật Báo Công Luận do Cổ Trung Tướng Tôn Thất Đình sáng lập và là Chủ Nhiệm. Ông Nguyễn Trung cũng cho biết về sự quan tâm của Cổ Trung Tướng trong vấn đề Truyền Thông và những hoài bão ông muốn thực hiện... Sau đó là lời phân ưu của quý vị đại diện các hội đoàn, đoàn thể và cộng đồng.

Cựu Đại Tá Lê Bá Khiếu thay mặt ban tổ chức lên cảm ơn sự hiện diện của tất cả quý Chư Tôn Đức, quý vị đại diện các hội đoàn, đoàn thể, cộng đồng đã



tham dự tang lễ.

Nghi thức di quan bắt đầu, với hàng dài đi đầu là quý Chư Tôn Giáo Phẩm, Chư Tôn Đức Tăng Ni tiếp theo quý vị đại diện các hội đoàn, đoàn thể, đi bên quan tài có các cựu Sinh viên Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam với lễ phục, phía sau quan tài, đoàn người đã kéo dài một vòng quanh khu Peek Funeral Home để trở lại khu lễ hỏa táng. Tại đây nghi thức lễ hỏa táng bắt đầu, trước khi đưa quan tài vào phòng hỏa táng, từng đoàn bồ câu được thả lên bầu trời bay lượn chung quanh khu hành lễ.

Trước đó lễ phủ Quốc Kỳ Việt Nam Cộng Hòa do Hội Võ Bị Nam California, Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam đã long trọng tổ chức vào lúc 3 giờ chiều Thứ Sáu ngày 29 tháng 11 năm 2013 với sự hiện diện của quý Chư Tôn Giáo Phẩm, Chư Tôn Đức Tăng Ni, quý cựu Trung Tướng Nguyễn Bảo Trị, cựu Thiếu Tướng Trần Văn Nhứt và phụ nhân, cựu Chuẩn Tướng Lê Văn Tư, Giáo Sư Nguyễn Thanh Giàu Hội Trưởng Hội Phật Giáo Hòa Hào Nam California, Mục Sư David Huỳnh, quý vị cựu Đại Tá Lê Bá Khiếu, Đ.T. Lê Khắc Lý, Đ.T. Lê Ngọc Hy, Đ.T. Trần Ngọc Thống, Đ.T. Nguyễn Văn Hạo, Đ.T. Nguyễn Kỳ Nguyễn, Đ.T. Bùi Hữu Đăng... Hải Quân Trung Tá Trần Đức Cử, Không Quân Trung Tá Trần Dật, và một số quý vị Sĩ Quan thuộc các Quân Binh Chủng. Ngoài ra còn có sự hiện diện rất đông các cựu Sĩ Quan Tuyền Uy Phật Giáo Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa một số quý vị đại diện Cộng Đồng, Hội Đoàn, Đoàn Thể và đồng hương.

Sau lễ hỏa táng, linh vị được đưa về an vị tại Chùa Bát Nhã.



NGƯỜI MỸ GỐC VIỆT LÀM GÌ VÀO NHỮNG NGÀY TẾT 2014?

Thích Nữ Giới Hương

(viết bằng song ngữ Anh - Việt)

Đây là năm thứ tư tôi ở miền Nam Cali. Năm Mới - Tết Nguyên Đán, là lễ quan trọng nhất đối nhiều người trên thế giới bởi vì Tết gắn liền với nhiều truyền thống tôn giáo và văn hóa. Mỗi đất nước tổ chức lễ Tết khác nhau theo phong tục văn hóa của dân tộc đó. Chúng tôi, người Mỹ gốc Việt, đang sống tại miền Nam Cali, cũng tổ chức Tết theo phong cách đa văn hóa của mình. Tết được sắp theo âm lịch chứ không theo dương lịch của Mỹ. Theo các nước Châu Á, Năm Mới thường rơi vào khoảng thời gian giữa tháng 1 và 2 dương lịch. Ví dụ, nửa đêm của ngày 30 tháng 1 năm 2014 là bắt đầu lễ Giao thừa và Tết của người Việt hay của các nước Châu Á khác. Có rất nhiều điều để chúng ta chuẩn bị cho ngày lễ Tết đặc biệt này.

Chúng ta phải trang hoàng nhà cửa, mua quà và làm mới mẽ tất cả mọi thứ. Chắc chắn không thể thiếu hoa mai, hoa đào, bánh chưng, bánh tét, mâm ngũ quả, mứt, câu đối liên, bao lì xì và nhiều thứ khác trong ngày Tết. Thêm vào đó, chúng ta sẽ tặng quà lẫn nhau, sẽ tổ chức ăn uống với gia đình và bạn bè, sẽ có lễ cúng gia tiên quá vắng và nhất định sẽ có đi chiêm bái nhà chùa hay các nơi tôn nghiêm nhất là vào những ngày đầu của Năm Mới. Nét văn hóa và tôn giáo này đã truyền từ nhiều đời ở Việt nam và ngay cả ở Mỹ cho những người Mỹ gốc Việt. Chúng ta gìn giữ nền văn hóa và tôn giáo quý giá này vì chúng ta tin mạnh mẽ rằng chúng sẽ mang đến sự may mắn và hạnh phúc cho chúng ta. Bất kể bạn thuộc tôn giáo nào, bạn nên đến viếng lễ các nơi tôn nghiêm của tôn giáo bạn để cầu nguyện cho một Năm Mới Tốt Đẹp.

Chúng tôi là những người con Phật, vào lễ Giao thừa, chúng tôi thường mặc quần áo mới và đến chùa để dự lễ sám hối. Chúng ta sẽ có vài phút để quán chiếu những điều tốt hay xấu mà thân

khẩu ý đã làm trong quá khứ. Chúng tôi hứa sẽ không làm điều xấu nữa và sẽ phát huy điều tốt hơn. Đây là một động cơ tốt giúp chúng ta bắt đầu một cuộc đời khả quan hơn ở năm mới. Tôn giáo sẽ giúp chúng ta trong vai trò này để chuẩn bị một tương lai phía trước tốt hơn. Khi đúng 12 giờ, chuông chùa sẽ đổ liên hồi để báo điểm quan trọng: *năm cũ đã qua và một năm mới bắt đầu.*

Đó là giây phút rất hồi hộp và thú vị mà chúng ta đã đang chờ đợi từ lâu. Đúng vào khởi điểm thiêng liêng này, chúng tôi bắt đầu tụng kinh Di Lạc để cầu ngài gia hộ. Di Lạc là một vị Phật tương lai sẽ giảng sanh xuống Ta bà, để mang thông điệp hạnh phúc cho tất cả chúng sanh. Sau lễ tụng kinh, quý thầy, quý sư cô sẽ tặng bao lì-xì và gởi lời chúc mừng năm mới cho tất cả chúng tôi. Rồi chúng tôi bắt đầu đi dạo ngoài vườn chùa để hưởng sự thanh tịnh và yên tâm và thanh bình của cảnh Phật.

Tết là một lễ có ý nghĩa nhất bởi vì Tết nối kết người Việt gốc Mỹ với tôn giáo và văn hóa truyền thống Việt Nam. Tết là thời gian quý báu để những người trong gia đình và cộng đồng có thể tìm hiểu và quán chiếu lẫn nhau. Những ngày đầu năm rất quan trọng vì mỗi ngày ấy chúng ta cố gắng giữ cho thiêng liêng và trong sáng để suốt năm chúng ta sẽ sống một đời sống trong sáng.

Chùa Hương Sen, 01.01.2014

HOW DO AMERICAN-VIETNAMESE PEOPLE ENJOY TET 2014?

This is the fourth year I am in Southern California. New Year (Tet Nguyen Dan) is the most favorite festival for all people in the world. The day is shaped by different traditions, religions and



cultures. Each country celebrates this holiday in its own unique way. We who are American-Vietnamese living in Southern California, have our own way to celebrate New Year. We don't go by the American calendar except the lunar calendar. Asian New Year is the period between January and February of the American calendar. For example, midnight of January 30th, 2014 is the New Year's Eve in Vietnam or Asian countries. There are many new things for us to prepare for this special occasion.

The preparation starts by decorating house, buying presents, and making a fresh look at everything. Definitely the Vietnamese New Year will not perfect without the symbols of New Year such as dao and mai flowers (the Peach and Apricot blossoms), tet and chung cakes (made by sticky rice with green bean), mam ngu qua (a five-fruit tray), mut (the candied fruits and seeds), cau doi lien (New Year wishes by calligraphist writing), bao li-xi (a small sum of lucky money wrapped in the red envelope), and so on. Addition, presenting gifts and enjoying party with family and friends, offering food to our ancestors, paying homage at the pagoda or church (hanh huong chiem bai) are also our traditional custom which we often to do at the first days of New Year. This culture is transcended from generation to generation in Vietnam and even in the United States for American-Vietnamese people. We cherish this valuable culture because we strongly believe the symbols of New Year will bring good fortune and happiness for us in whole

year. Regardless what religion you belong to, you should pilgrimage your religious place to pray for having a good New Year.

We, who are Buddhist followers in the new clothing, often gather together at a Buddhist temple at Giao Thua - the New Year's Eve (midnight of December 30 on the lunar year). We take few minutes to contemplate, mediate, and remember the bad and good speech, thought and deed that happen during the past year. At the last minute of the current year, we perform the confessional ritual for the negative things and make a promise to develop the positive things. It is a beautiful motive to start our life in a new year. Religion will help us in this role to prepare a better future ahead. Right exactly at twelve o'clock, the pagoda bell strikes at the turning point of the New Year's Eve, an awaited fantastic moment for us happens. We begin to chant the scripture of Maitreya Buddha, who will be the next Buddha, advents to the world, and who blesses for us in this moment. Then the celebration begins, we are going to receive the *li-xi* and best wishes from the Buddhist monks and nuns. After that we can head straight for the temple's garden to enjoy the inner peace and the surrounding bonsai view.

New Year is the most significant celebration, because it has the elements of enchantment of American-Vietnamese people and the Vietnamese traditional culture and religion. It is also a precious time for family and community to remembrance, reflection, and understanding one another. Each of the New Year's first days is important because it has its own pureness and sacredness to mark how New Year will go on.

Huong Sen Temple, Jan. 01st,
2014

Thích Nu Gioi Huong



Lời chúc đầu năm

thơ

*Đi Chùa lễ Phật đầu năm
Lòng xin thành kính mười phương đất trời
Tâm trong như tấm gương ngời
Nguyện cầu cho khắp chúng sanh thanh nhàn.*

Nếu

*Nếu ta không phải của nhau!
Đời vẫn vậy, tươi xanh tràn nhựa sống
Cây vẫn xanh, chim vẫn hót muôn nơi
Sóng vẫn xô ngàn năm ngoài biển rộng
Mây vẫn phong tình phiêu lãng cuối trời xa*

*Nếu ta không thể của nhau!
Nắng có phai khi hạ về hồi hả?
Lá bớt sâu khi thu khoác muôn nơi?
Và đông đến sương có còn giăng phủ?
Lúc xuân về chim én có còn vui?*

*Và nếu ta không thể của nhau!
Anh có nhớ cơn mưa chiều năm cũ?
Có còn thương đôi khóe mắt u huyền?
Còn thổn thức khi chạm vào chữ "nếu"?
Có đợi chờ theo dấu vết thời gian?*

NGUYỄN HẬU

Mùa Xuân đi qua Ý Xuân ở lại

NHƯ HÙNG



Cứ mỗi lần chia tay với nàng Xuân là mỗi lần khúc dạ vẫn vương, thương nhớ miền trường. Có ray rứt nào hơn khi pháo hoa rộn ràng vang vọng, để rồi trở nên im vắng trống trải lạ thường, ngàn hoa khoe hương sắc bay về đông ngập lối, để rồi lững lờ vụt đi về miền xa thăm thẳm. Đóa hồng hé nụ, mai vàng chớm nở, cảnh đào khoe sắc, cảnh đó người đây, người đó tôi đây, cõi đó bờ đây, tất cả quỵện lấy không gian, nhập vào lòng người, tô thắm khung trời hội củ, thồn thức cùng xuân trong đêm trường tịch lặng, tâm thức ẩn dấu trên từng bật ngôn trọn ý.

Bước chân trinh nguyên lên đường làm cuộc lữ thứ, em đi lễ chùa đầu năm mai vàng khép nhụy, tà áo em bay đượm cả một trời xuân, e ấp trong tay sen búp dâng lời ước nguyện, mắt lệ mờ hương trầm bay lan tỏa, đắng từ bị thương xót cõi nhân sinh. Mây độ quan sang, gió mây đành khép lại, quan hà mây nhịp tiếng vọng đây với, trần gian khung trời củ năm ấy, xuân mới bây giờ mãi còn lạc bước tìm nhau. Bốn mùa luân chuyển đợi mong, đất trời thì nhau nổi nhịp, đến rồi đi, đi rồi đến, có rồi không, không rồi có, cứ thế bám cứng vào nhau không

một kẻ hở. Không còn là sự ngẫu nhiên, bất chợt tình cờ, mà trở thành quy luật tự nhiên, hần nhiên, không cơ may thương lượng, đối chác, mặc cả trả giá. Tìm đâu điểm dừng, trong cuộc rong chơi với vô thường lữ thứ?

Giữa lúc mọi người hân hoan đón chào nàng xuân khoe sắc, nhà thơ Xuân Diệu phán một câu như sấm nổ bên tai.

"Xuân đang tới, nghĩa là xuân đang qua.

Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già.

Mà xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất".

Cõi lòng tái tê huyệt hổng, không còn dịp cùng nhau thưa hỏi, không một phút giây nào dừng lại, để thở, để cười, để cau có. Dù trông thấy được sự vô thường biến đổi, thì nhau đến đi, thì nhau thay áo, thì nhau khoe sắc, thì nhau tước đoạt, chưa nở vội tàn, chưa gặp đã phân ly, chưa về đã lỗi nhịp, vẫn là sự đơn điệu nghiệt ngã của thời gian, tâm thức nổi trôi, dòng đời bất định, số phận mong manh lạnh lũng, vô tình khép lại.

Trong sự bế bàng cô liêu, ngang trái phủ đầy ngập lối, ta vẫn làm kẻ lữ hành cô độc, trong đi về của mọi cuộc lữ, quán trọ

thời gian, tâm thức đợi mong, vẫn cứ lững lờ trôi trên dòng sạn diệt. Giấc mơ có đẹp là khi vẫn còn ở trong mơ, một khi bước ra là cả khung trời giá lạnh đang chờ đón, hạnh phúc cho dù có xót xa cũng vẫn là một thứ xa xỉ, về đầu đêm nay khi mưa bay giăng đầy ngập lối, khi dòng đời nghiệt ngã, khi cõi lòng tái tê? Mấy độ xuân sang, mấy mùa hoa nở, vẫn phải khóc cười một mình đơn độc, ai đi ai về, ai nhớ ai mong?

Cuộc lữ thứ mờ mờ nhân ảnh, đường thên thàng nhưng không có lối để vào, quá khứ tương lai, hiện tại bây giờ, vẫn đêm ngày réo gọi, vẫn mịt mù trao đổi, vẫn dẫn đo, do dự. Giọt nắng đầu sương, đóa hoa chợt mình nở nộ, chiếc áo trinh nguyên phủ trùm lên bóng thời gian, đọng lại trong tận cùng tâm thức, tô thắm cả một trời không, không còn cũ mới, mà là sự quán chiếu liên tục bền bỉ, đẩy bung cái cũ vắng xa, tái tạo và hoán chuyển làm mới thể vào, lấp đầy khoảng trống đơn côi, lạnh lẽo, bằng sự nở hoa của an lạc, hạnh phúc miền trường. Thiển sư thi sỹ Huyền Không từng nói:

"Sáng nay thức dậy choàng thêm áo

Vũ trụ muôn đời vẫn mới tinh."

Cõi lòng nhẹ tênh bưng sống dậy, bao nhiêu vương vấn mộng寐, bỗng vỡ cánh vụt bay. Ừ nhỉ! vẫn tinh khôi như ngày nào, mới toanh như thuở ban sơ, chưa một lần thay da đổi thịt, nhẹ nhàng và bất tận, khoác lên tâm thức chưa hề với, trao gửi đến nhân gian sự an bình thuần nhất. Kẻ lữ hành và cuộc lữ, không có chốn để đi, nẻo để về, từng bước nở hoa, xóa mờ mê lộ, một vì sao tô thắm khung trời hội tụ. Ở đó là cả một không gian rộng mở, tươi đẹp vô ngần, an tịnh phủ vây trong từng hơi thở. Hương quỵện của đất trời, sắc màu của trần gian, hai bờ của phân ly, hai ngã của mê ngộ, một sự thành thời nhẹ bước, không hành trang mộng寐 lôi kéo, không tâm thức đợi mong đón chờ, buông bỏ tự bao giờ, an nhiên sống giữa mưa buồn nắng quái,

giữa bất hạnh thương đau, có không một nỗi thông dong đi về.

Trong sự biến động, ngút ngàn tái tê của kiếp nhân sinh, đâu là lẩn ranh định mức, quay đầu là bờ, bên này lối kia, vượt thoát tử sinh? Khi nào, và lúc nào mới nhận ra được sự linh hiện phủ vậy, không có khởi đầu và chung cuộc, tìm đâu giữa chốn phong ba dị biệt? Thực tại thường hằng là lúc ta tỉnh thức trên từng biến động, buông bỏ và xả ly tất cả mọi ý niệm, xoá nhòa mọi biên cương, phá vỡ mọi giai tầng, đập đổ mọi thành trì ngăn cách. Sống và thở trong sự thể nhập vào tận cùng mọi hiện tượng, từ thân đến tâm, từ nội giới đến ngoại giới, trong sự phủ vây tròn đầy của giác ngộ, của vô sinh bất diệt, thường hằng của tự tánh. Một sự miên viên của chân thường trong cõi vô thường, sự an tịnh tuyệt diệu trong dòng trôi nổi.

Chờ rồi đợi, nhớ rồi thương, buồn rồi vui, không còn là sự dẫn đưa của ý thức, tìm về chốn xưa phố cũ, ước hẹn ngày ra đi không trở lại. Lời nguyện cầu chưa trọn, cõi xa xăm chưa có dịp lại gần, cơn lốc của vô thường, vẫn âm thầm đứng đợi, chờ dịp lẩn tới, không để cho ta còn dịp kêu gào mời gọi, xua đuổi khước từ, lắc đầu trốn chạy. Dù bằng lòng chấp nhận hay phản đối, cứ thế nó làm lủi hiện hữu, ngang nhiên lẩn bước. Chỉ có đối diện bằng tất cả hùng lực dũng cảm, thay đổi thói quen tật xấu, sống trọn trong sự hoan hỷ cùng tuyệt.

Thình thoảng trong ta nhận biết sự mong manh của vô thường, nhưng làm sao có đủ năng lực vượt qua, hiện ngang tồn tại, quyết lòng tiến về phía trước, sống trong sự phủ vây của tâm lành an lạc? Ta trôi theo dòng thời gian, nổi chìm ẩn hiện, tâm tư đong đầy vô minh, khắc khoải lụy phiền, nên mãi lang thang luân hồi đưa đẩy, chưa tìm ra cách sống, sự sống cho thật trọn vẹn với chính mình, hít thở năng lượng an lành, nỗ lực tìm phương vượt thoát. Lấy gì, có gì, tìm gì, được gì, để nuôi sống huệ mạng.

Xuân đã đi qua tự lúc nào, những mùa xuân ấy ta mãi rong chơi miên hỗn độn, đếm thời gian qua ánh mắt tiếc thương, chiếc áo mới ngày xưa nay đã sờn vai đứt chỉ, đợi mong nay cũng đã nhạt nhòa, hãy lấy hoa cỏ nhân gian làm hành trang lên đường đổi mới cuộc lữ. Ý xuân, hương xuân, tình xuân, mãi đơm thắm cả nhân gian và lòng người, trong niềm hoan lạc không hề với. Ở đó, ở đây, bây giờ, mai sau, vẫn là một mùa xuân an lành miên viên, trọn ý bất ngôn, đạt tình thấu lý, bằng lòng đi chúng ta hãy cùng nhau sống với những mùa xuân bất diệt.



MÙA XUÂN KÍNH DÂNG PHẬT

*Niềm tin con giữ gửi từ cha
Đau khổ bầy chìm chỉ nỗi ba
Di Lạc báo tin hoan hỷ nhập
Quan Âm cứu nạn hiểm nguy ra
Cát tường mãi mãi lưu nơi nghiệp
Thiện hảo luôn luôn đảo tại nhà
Bất cứ nơi nao đều có Phật
Tâm thành mặc niệm A DI ĐÀ.*

MÙA XUÂN KÍNH HIẾN CHA

*Con gửi mùa xuân kính hiến cha
Trái bao đau đớn kiếp bôn ba
Bão bùng đói nợ tung tiêu hết
Nắng ấm no dư tỏa tiết ra
Cầu nguyện nhân gian bên nghĩa đạo
Hoài mong trần thế vững tình nhà
Bây giờ thì đã người thiên cổ
Nhưng vẫn hoài nghinh ngưỡng đậm đà.*

(Nha Trang, 12.11.2013)

thơ

VÕ SĨ QUÝ

Khóm mặc lan

MINH ĐỨC TRIỀU TÂM ẢNH



Sáng nay, thức dậy lúc sao mai chênh xế nóc nhà, ông giáo già lụi cui nấu nước sôi, chế trà rồi độc ấm, thưởng trà cùng với sượng sẩm. Ông ngồi xếp bằng thể hoa sen, thẳng lưng, bưng chung trà cả hai tay, xoay xoay rồi nhấp từng ngụm nhỏ. Chậm rãi, cẩn trọng... ông uống trà, đồng thời, ông uống luôn cái vị, cái khí, cái không gian thanh bình, tĩnh lặng của miền quê cổ đô yên ả... Mùa đông mà trời lạnh nhẹ, khá khô ráo, cũng lạ. Thời tiết đất Thần Kinh mấy năm nay thay đổi khá thú vị; cái mưa dầm thối đất, sục sùi, sũng nước, không biết nó đã đi trú nơi nào, hay đã theo chân mù phượng những người xa Huế? Cũng nhớ...

Ông đã qua bình trà thứ hai. Cái trà Phổ Nhĩ Vân Nam này, vị không đậm mà ngọt hậu. Cũng rứa thôi, cũng như Thiết quan âm, Ô long, chẳng ngon gì! Ông đã quen với trà tuyết, lại thích chè xanh cây nhà lá vườn hơn. Vị nể ông bạn lai Tàu nên mua uống thử. Trà nào mà không thanh nhiệt, lợi tiểu, sáng mắt...! Bày đặt quảng cáo, sinh ra dị ứng tất thảy! Nhưng khóm mặc lan được mang về từ đó - học trò ông biểu tặng - hoa đang nảy chồi, là một giống lạ; nó không có hai đường chỉ trắng trên mép lá, trông khác với mặc lan cổ xưa Huế; có lẽ ta nên dành để dâng thầy thường xuân... Ông cúi đầu xuống, lòng rưng rưng...

Trời ứng sáng. Ông bước ra hiên. Không gian dùng dục. Sương mù lất vất, mơ hồ. Ông đưa mắt nhìn những chậu địa lan ngồi an bình, lưu niên trên dãy gì? đơn đầu voi trắng: Bạch ngọc, đại ngọc, tiểu kiều, mặc lan... lá xanh ngời như có thể soi mặt được. Ông gật gù, mỉm cười. Đây là thành quả tử công phu vượt lá ngày này sang ngày khác của ông và con trai. Cái hơi người - nhân điện - và tình cảm của người trồng chính là yếu tố quan trọng nhất. Thời này, chẳng còn ai chăm chút tỉ mỉ như vậy. Người ta không có thì giờ, kể cả không có thì giờ để thờ! Tội nghiệp! Ông vui thầm trong bụng, ta tỉ mỉ

chăm chút để bảo tồn vốn cổ, là cái mỹ học của cha ông đó chứ! Ai mà biết, phải không?

Ông nhớ, ông đã học được kỹ thuật trồng địa lan của một cụ Nghè. Địa lan của cụ ấy trồng nổi tiếng một thời, đến đôi cậu Cẩn cũng phải ghen tỵ. Nhìn những chậu địa lan ngời ngời xanh muốt, lẳng lầy, chồi hoa tuy gầy nhưng ẩn chứa một sinh lực khỏe khoắn, ông tò mò hỏi tuổi phân chi? Cụ Nghè cười cười trong ánh mắt lấp lánh, rồi hỏi ngược lại: Chú giáo, chú tưởng địa lan phàm phu tục tử lắm hay sao mà phải ăn phân này, phân nọ? Ông mở tròn mắt. Cụ Nghè ha hả cười, nắm tay ông kéo lên hiên, vào ngôi từ đường hương khói thời gian, sai bày bàn trà... Trong không gian cổ kính, mùi trầm, mùi văn chương thi phú, mùi của cốt cách tao nhã; mùi của nếp sống thư hương, kẻ sĩ... một lần ấy thôi - mà nó đã ngấm đẫm tâm hồn ông suốt cả nửa cuộc đời còn lại. Phân chi ư? Cái đó là bí truyền, phải giấu kín. Hằng ngày nó ăn và uống nước trong vắt, có than hoạt tính khử phèn. Tôi quý địa lan ở phong cách đó. Nó cho hương sắc, nhưng rất rất khiêm nhường. Sắc nó màu âm, màu lạnh; không phô trương, ồn ào như lan ngoại; lại càng không rực rỡ, trình diễn ngoại hình thời trang như hoa hồng. Nó rất lẳng lẽ, khiêm cung, từ tốn... Hương thì sâu, kín - đúng như chữ u hương trong Đường thi! *Tôi không trồng hoa mà tôi trồng một bài thơ Đường*. Nói xong, cụ Nghè cười sáng khoái! Suốt đời, ông giáo - có lẽ ông không bao giờ quên được nụ cười kỳ lạ của cụ Nghè. Một đời bình-sinh-thanh -cao-cốt-cách, nếu có được một nụ cười phiêu-diêu-khoát-hoạt, cũng lắm, cũng chỉ bằng nụ cười hôm ấy mà thôi! Thế còn địa lan Đà Lạt? Một hôm khác, ông hỏi. Cụ Nghè cất giọng xằng, địa lan Đà Lạt! Không phải, cái đó là thổ lan, gọi địa lan là phỉ báng địa lan! Cái thổ lan ấy là cái giống Tây, bậm bạp, to cao, chắc khỏe, uống ăn dụng tục; rồi cứ nhón gót mà nở, cứ vô ngục mà nở...

ồn ào, hỗn láo như một cậu thanh niên hippy hoa hòe, hoa sói? Làm sao sánh được với cốt cách văn vật, cao nhã cổ đô!

...Những ngày nắng to, ông ra sau hè, đánh trần, xắn quần xuống ao vớt bùn non - chỉ là bùn non thôi - rồi chuyển lên phơi trên một đám đất cao ráo. Nếu thiếu, ông đặt mua các ao đầm chỗ này, chỗ kia. Đứa con trưởng - lúc ấy đang là giáo sư chủ nhiệm phân khoa dân tộc học - trong giờ rảnh rỗi, thấy vậy, ra tay phụ giúp ông. Vị giáo sư hỏi, cha làm chi mà vất vả rứa, sao không thuê người làm? Ông cười ruồi, tao đang thật sự nghỉ ngơi đấy chứ! Sự nghỉ ngơi của một con ngựa già đã mỏi mệt sau những cuộc đua đường trường, một đời, lao nhọc! Đứa con dòng máu đại khoa, *gènè trí thức*, kính trọng vị cha già có một vài phút giây tự mãn dễ thương; ông gật đầu mỉm cười, nói tiếp - thể cha sẽ dùng bùn này vào việc gì? Bí mật, ông đáp, tao trân trọng lời hứa thiêng liêng với một linh hồn cũ xưa (*cụ Nghè đã mất*); nó đẹp như cái gì giấu kín đằng sau câu chữ của Đường thi, con không hiểu đâu! Quả thật, con ông không thể hiểu được! Thời đại này chúng không thể nào hiểu được cái tầng văn hóa ẩn mật trong cục đất, cục bùn - nơi những chậu hoa địa lan; mà ở đó, chúng chan chứa cái đẹp của nhân văn, cái mỹ diệu của nghệ thuật sống; cái ân nghĩa vô lượng của cuộc đời, với thiên nhiên ngoại vật!

...Đất bùn non gom lại, phơi khô đúng một năm nắng, ông lại lụi cui đập nhỏ, sần, rây cho mịn... Ông con trí thức lại hỏi, cha làm gì thế này, nghỉ tay một chút, vào góp ý giúp con cái đề cương mà con đã phát thảo về bảo tồn vốn

cổ của dân tộc... Ông ngược đầu lên, lấp lánh niềm vui trong ánh mắt; ừ, tốt, con đã không phụ lòng kỳ vọng của tiên tổ. Tốt, tốt... rồi ông lại cúi xuống, đập, sà, rây... Ông nói, tao cũng đang bảo tồn vốn cổ của dân tộc đây chứ! Tao cặm cụi làm với hồn đất, hồn văn đó thôi! Ông nướng mắt lên, cái kiếng trệ xuống: Những công trình hiện vật cổ xưa, tìm, điều nghiên thì sẽ còn, kể cả các giá trị phi vật thể - nhưng bí quyết trồng một bài thơ Đường thì sẽ thất truyền, xót xa lắm, con ơi! Ông con nói, cha lại nhạo con rồi! Thế cha không góp ý giúp con à? Ông cất tiếng như giảng bài, nhưng giọng trầm ấm, xúc động: Con là thanh niên thuộc thời đại mới - thời của internet - mà chân bước đi không hồng đất, mắt không đắm cái hào nhoáng, óc không lầy uế những giá trị ảo, *trí không nhiễm thói kiêu căng, hãnh tiến; sở học đã không coi thường vốn cổ của cha ông* mà còn có những công trình tầm cỡ để giữ gìn, bảo tồn nữa. Tốt, rất tốt! Người con có vẻ phân trần, giải thích: Công trình của con rất quan trọng, sẽ được đọc trong một cuộc hội nghị khoa học toàn châu Á do Unesco tổ chức. Người con nói tiếp, giọng buồn: Ở Huế này chỉ có cha mới có thể đọc, hiểu và góp ý giúp con những chỗ bất cập... còn, thưa cha, con biết tìm ai được đâu! Ông tháo mắt kiếng, lấy vạt áo màu nâu bạc chùi bụi: Con nói thế, biết bao nhiêu là giáo sư tiến sĩ thời đại mới; cha đâu có chút học hàm, học vị - nhưng già rồi, kiến thức thì quê mùa, lạc hậu rồi! Người con nói, giáo sư tiến sĩ ngày nay ấy à, chỉ một số nào đó thôi, thưa cha - còn không biết bao nhiêu là tiến sĩ giấy, tiến sĩ bù nhìn như thời Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương...! Con ông cất giọng bùi ngùi, con không có bạn, thưa cha! Thầy, cũng vậy, hiếm lắm! Ông bắt đờ đứng thẳng lưng dậy, quàng dụng cụ, giần dữ - hiếm lắm à? Không thấy đồ mầy làm nên. *Nhất tự vi sư, bản tự vi sư.* Con mà còn nuôi dưỡng ý tưởng kiêu mạn ấy thì sẽ làm ô nhiễm tâm hồn, ô nhiễm các giá trị thiêng liêng, con có biết không?

Ông con, giáo sư, hôm ấy, biết mình lỡ lời, sợ hãi, khép nép, im thin thít. Từ nhỏ, ông giáo huấn con rất nghiêm khắc; ông sử

dụng rất ít kiến thức sách vở, không thích dùng lý luận biện chứng sáo mòn; mà chỉ nói chừng mực, vừa phải - cốt gợi ý về đời sống cụ thể, giữ gìn tác phong, nhân cách và tâm thái văn hóa trong giao tiếp, ứng xử, công việc... Sớm nào ông cũng cùng con nấu nước sôi, chế trà, pha trà... Cả hai tập chờ đợi, tập để tâm rộng rang, tĩnh lặng; thường thức không gian và môi trường sống với thiên nhiên xung quanh. Ông trao đổi với con, nói về bản lãnh của kẻ sĩ là phải thể hiện cho bằng được đời sống tinh thần không bị nhiễm ô, đừng bị vấy bẩn bởi khói, bụi và các loại chất độc vi tế... Nghệ thuật sống là phải biết quán niệm, lắng nghe và tự chủ ngay từ hơi thở đầu tiên trong ngày... Và cũng từ tách trà sớm tinh sương ấy,



nó sẽ duy trì sinh lực để vô hiệu hóa những tư tưởng yếu hèn, bạc nhược - mà chúng thường lý luận rất hay ho để thỏa hiệp với những cái dung tục của đời thường... Ông đã mãn nguyện khi đã định hướng cho con ông đi theo con đường bảo vệ những giá trị truyền thống... Bây giờ, con ông bảo là thầy hiếm lắm. Nó không phải sai. Nó có cái lý của nó. Hoặc do nó buồn về tình trạng tha hóa, tụt dốc phẩm chất, khuyết tật kiến thức của quá nhiều giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ... thời nay! Nhưng không nên phui tay tuốt tuột như thế! Vong ân bội nghĩa quá! Thế hệ ông khác, một chữ cũng là thầy. Nó đâu có biết rằng... thế gian này có biết bao nhiêu là ông thầy!

...Bùn rây xong, ông nhờ mầy o mầy mẹ hàng xóm xin nước luộc nghêu, ốc, hến rồi hì hục bóp, nhồi; nhồi cho thật

nhuyễn, trộn thêm với than hoa cỡ hạt đậu, hạt bắp. Xong, dùng tay, ông trải đất ra trên tấm nilông, san bằng, chà láng, dày chừng năm phân; lại dùng bay, dùng thước cắt ngang, xen dọc từng tấm hình vuông đều đặn tương tự mặt bằng với từng ô ươm thuốc lá... Con ông lại hỏi, cha làm gì nữa đó? Giờ thì không bí mật nữa, cha chuẩn bị đất trồng đó con! Đợi đất khô, xén ra từng tấm, từng tấm, đặt vào lò nung, nung thủ công; nung sao đừng già lửa quá sẽ bị khô cứng, mà cũng đừng non lửa quá, dễ mùn! Địa lan được trồng với chất liệu này, quanh năm chỉ cần tưới nước sạch, nó sẽ phát triển xanh tốt, không cần một loại phân nào khác... Công phu quá, ông con giáo sư nói, phải cần có niềm vui, tâm tĩnh lặng, không còn vướng bận chuyện đời mới làm thế được. Ừ, con nói đúng! Là cái thú điền viên của người xưa đó con! Người con nói, hóa ra địa lan thích phân ngâm, như dồn tụ phẩm chất vào bên trong, thấm đẫm trong đất rồi nó ăn một lần thôi! Ừ, ông khen - con nói hoàn toàn chính xác, dồn tụ phẩm chất vào bên trong, hay lắm; rồi ăn một lần thôi, hay lắm; ăn nhiều quá, dung tục quá thì còn gì là "an bản lạc đạo" nữa! Người con hiểu, gạt đầu, lẩm bẩm: Ông già lúc nào cũng triết lý, không đọc nhưng cay và sâu... thì ta cũng phải nói năng cho có trọng, có lượng một tí chứ!

Mặc lan Vân Nam lá dài, dày, to... chắc hẳn chồi hoa sẽ đậm đặc, mập ú, vươn cao. Nó có cái đẹp riêng của nó. Cái đẹp của một đất nước - phải gọi là đế quốc - quá rộng lớn, đầy kiêu căng, đầy tự hào nên văn hóa dày sâu nhiều ngàn năm của mình nên cái gì cũng to, cũng lớn, cũng vĩ đại... cái gì cũng đại... Họ quý chữ đại! Ngược lại, ở ta, ở cái xứ đầu cứng mà *bụng lép này, cái gì cũng bé, cũng nhỏ*; mặc lan cổ xưa Huế bé nhỏ, xinh xắn, trông thanh nhã hơn nhiều. Lại còn thơm đậm, bền... Nói cho rôm rang chữ nghĩa một chút: Nó *bàng bạc, khinh diêu và du viễn... Tuyệt!* Mặc lan Vân Nam thô tháo, phàm tục quá; ta sẽ tặng thầy khóm mặc lan sáu chồi quý nhất, cốt cách nhất đất Thần Kinh này! Cứ quyết định vậy đi...

...Này con, hôm kia, ông nói - lúc cụ Nghè mất, bao nhiêu chậu địa lan quý nhất, ông sai con cháu



biểu tặng các ngôi chùa và các bậc cao tăng mà ông quý trọng... Cái thanh khiết phải tặng cho người thanh khiết... Tâm nào cảnh nấy... Chắc con hiểu chứ?

Ông con hiểu quá mà, nên nói, thể khóm mặc lan, công phu và tâm huyết của cha...? Ừ, ông giáo không trả lời mà chỉ cất giọng bùi ngùi: Cái gì quý mới cùng, mới thờ... phải không con? Ông con giáo sư lại một lần nữa không hiểu ẩn ý đằng sau câu chữ...

Lúc sương đã nhẹ hều trên cây lá, đã thoảng rạng giữa mây trời, ông chuẩn bị mọi thứ đầu đó xong xuôi. Hôm nay, lao chao giữa sương mù, có một vài mảng nắng ấm; ông đội mũ, chống gậy, mang giày thể thao, khóm mặc lan trong xách tay, lên đường. Ông con, giáo sư, thấy vậy hỏi, cha đi đâu, xa lắm à? Chứng mười cây số đường núi, cũng gần thôi, ông đáp, chiều tối hoặc sáng mai, ta sẽ về! Hay là con đi cùng với cha cho vui, ông con nói, con cũng muốn vận động thể thao một chút! Cũng được, con sẽ có dịp thấy tận mắt một loại lan khác - lan này, đặc biệt, có cái hương sắc dịu dàng và tĩnh lặng vô cùng! Lại khó hiểu! Ông già muốn triết lý gì nữa đây! Người con nghĩ thầm.

Thế rồi, cả hai người bắt đầu rời xa xóm làng, men theo chân núi, đi mãi... Nhà cửa thưa thớt dần... Ông bước từng bước dài. Ông con đã hụt hơi. Cha khỏe thật! Ông cười hề hề, ta có khí công và thiên định, con bì sao được. Tuổi trẻ của các con không biết mượn khí của trời đất, cũng không biết sử dụng năng lượng của tâm. Yêu đuối và bạc nhược là căn bệnh của thời đại... Văn minh vật chất cùng các tiện nghi của nó là giúp cho con người ngày càng làm biếng, lười suy nghĩ, khô cứng cảm xúc đi... Thiệt là tệ hại!

Người con thấy cha chỉ nói đúng hơn một nửa, nhưng không dám nói xen vào. Đi thêm một đoạn, đến cạnh một rừng tre, ông bảo nghỉ để ông con dưỡng cặp cẳng thư sinh. Một lát, ông nói, thiên nhiên, ngoại vật, cái gì cũng có cái đức của nó. Nếu biết nhìn, lắng nghe, chiêm nghiệm... thì dầu có học một đời cũng không hết đó con! Vâng, thưa cha, con hiểu! Ừ, tốt, vậy con thử nói đi? Dạ, nhìn núi, ta học được sự an nhiên và vững chãi. Nhìn nước, ta học được sự nhu nhuyễn, mềm dẻo, hoàn cảnh nào cũng trôi chảy, linh động, thích nghi được. Ông cười vui - Đúng vậy! Người con nói tiếp, cố ý phê bình thử - điều con vừa nói, lần này, cũng là tư tưởng cũ, chẳng hề mới mẻ gì! Ông giáo già không giận, nói, tưởng là thế mà không phải thế đâu con, vì cái biết của con là cái biết đang còn thuần túy kiến thức... Xin cha nói rõ hơn. Này nhé, ông nói, học an nhiên, vững chãi, mà con đã từng tu tập cho được an nhiên, vững chãi chưa? Người con ngỡ ra! Kiến thức sống, chưa đủ mà cần phải tu tập, cần phải hành trì; cái biết ấy cần phải biến thành máu huyết, thành đời sống; tri phải có hành, con biết chứ? Rất lâu, người con dè dặt nói, có lẽ cố gắng con cũng làm được, cũng hành được. Ừ, biết vậy là tốt, mà cũng không đơn giản đâu con. Bây giờ, nhìn khóm tre kia, con học được gì? Thưa cha, trúc ruột rỗng, tiết thẳng... Dầu hoàn cảnh nào, kẻ sĩ trong đời cũng phải giữ tiết tháo cho ngay thẳng, không cúi lườn, không xu phụ, không nịnh bợ trước bất kỳ một uy lực, một cảm dỗ nào... Đúng, đúng, ông gật, đây là tiết thẳng; còn ruột rỗng? Dạ, tâm không, ruột rỗng là bao dung, rộng lượng, buông xả, không chấp trước điều gì... Ông con chợt ngẩng hứng đọc vài câu cổ thi - phong lai sơ trúc, *phong khứ nhi trúc bất lưu thân*... Ừ, con đọc sách nhiều, dẫn chứng đầu đó thông thạo cả... lại còn căn bản Hán Nôm, thi phú nữa; nhưng mà này con, ông nói: Nhà sư có trông một bụi trúc, sáng nào ông cũng uống trà nơi cái chòi lá cạnh bụi trúc ấy... Thế mà, có một lần, ông nói với ta; hơn ba mươi năm, học cái đức của trúc, đến gần cuối đời, nhìn trúc ông mới không hổ thẹn... Hơn ba mươi năm, con nhớ đấy! Người con thấy mình lấm tấm đỏ

mồ hôi hột, sợ hãi... cái "hành" này thì quả thật, chàng phải tu tập cả đời!

Núi tiếp núi, chập chùng. Bò bình yên gặm cỏ. Người lác đác gánh củi. Họ lội qua những khe nước chảy, đá rêu trơn... Chốn này ít người qua lại, người con nói: Cha đi thăm thầy, ông thầy nào mà ở xa hút trong rừng sâu thế cha? Ừ, dầu chẳng thâm sơn cùng cốc gì lắm, nhưng cũng tầm tam lìa xa bớt cái hợm hĩnh, cái phù phiếm của chốn quan trường; ẩn trốn được cái ranh ma, cái xảo quyết quá quắt của con người văn minh đô thị! Ông con nói, ngôn ngữ của cha hôm nay léo lét như có lửa cháy! Ừ, trời lạnh, có lửa cháy mới ấm chứ con! Biết mình nguy hiểm, ông cười hi hi rồi tìm chỗ ngồi nghỉ chân cạnh hòm củi tàng nơi triển núi. Cả hai lấy nước ra uống. Cha chưa hề nói chuyện với con về vị thầy này? Thầy ra sao? Là một nhà sư chăng? Ừ, ông gật gật, một lão sư, cũng bình thường thôi, cả học hành và sở tri đều tầm tầm; nhưng được cái là ông gân guốc, quắc thước, xương kính như tùng, như trúc... Nhân duyên thầy trò như thế nào rứa cha? Cũng chẳng là nhân duyên chi ghê gớm lắm! Hồi xưa, nhà sư và cha là bạn đồng niên, đồng nghiệp... Sau ba mươi năm, gặp lại, qua câu chuyện, ta học được nơi nhà sư rất nhiều điều, ở ngoài sách vở, hoặc từ sách vở mà ông ta đã tiêu hóa kỹ, rất kỹ!

Họ lại lên đường. Người con nói, cha kể cho con nghe với chứ. Ừ, hôm đó, ta hỏi, đang dạy học ngon lành rứa, buồn chuyện chi mà ông đi tu? Nhà sư cất giọng nhẹ nhàng, nhẹ tựa làn gió xao qua cành liễu: Hóa ra, trong óc ông chỉ có chuyện vui, chuyện buồn mà thôi sao? Cha ngỡ ra, lát sau, hỏi tiếp, ông đi tìm cứu cánh tôi hậu là giải thoát, niết-bàn, có phải? Niết-bàn, giải thoát ấy ở mô trên mây xanh, nói thử nghe coi? Nhà sư lại cười, ông bạn nói giải thoát, nhưng phải xác định giải thoát là giải thoát cái chi chi mới được chứ? Cha lại bí, bực quá, không hỏi nữa... Mấy năm sau, cái thời mà xã hội bức xúc nhất, quá nhiều chuyện buồn, ta lại bị gây tội bộ lên núi. Nhà sư đãi ta cơm độn khoai và canh rau muống; ôi, ngon quá là ngon. Chúng ta uống nước lá rừng giữa trăng, sao, giữa thiên nhiên bình yên, mát mẻ. Một giấc ngủ ngon, bao nhiêu bực bội dường như tiêu tan cả, nhưng ta cũng nói, cũng hỏi. Đại khái là các giả trị đức lý,

những cái phi lý khoác mặt nạ hữu lý, sự quây lộn giữa các ý thức hệ... vân vân... quẩn quại quá, quẩn quá, phiền não quá... vân vân... Ông đi tu là giỏi đấy! Nhà sư ngồi yên lặng, chăm chú, rất chăm chú lắng nghe, thái độ đầy hiểu biết và đầy cảm thông... Sau đó, ông hướng dẫn ta cách ngồi, cách thở... Thế nào là thở của khí công, thế nào là thở của thiền định, thế nào là thở của thiền quán... Nó khác nhau nhiều lắm đó con! Thế phiền não của cha, nhà sư trả lời ra sao? Người con tò mò hỏi, ông nói; thườ đó, ta rất bực vì dường như nhà sư giả đồ, giả lơ đi, không đáp.

Xế trưa, hứng nắng, ai cũng toát mồ hôi. Con đường mòn bây giờ lại vắng qua một sườn núi, sâu hun hút... Câu chuyện được tiếp tục, ta muốn nhà sư giúp ta một lời khuyên. Nhà sư nói, chẳng ai khuyên ai được điều gì cả. Sao thế, ta nói, ít ra là cũng giúp giải quyết được một vài bế tắc chứ? Không có, nhà sư nói, giải quyết vấn đề chính là cố tạo thêm vấn đề cho phức tạp hơn! Không đồng ý, ta nói, vậy là cứ để yên như thế sao? Nhà sư lại cười, ông xem: Bên trong, bên ngoài, có cái gì đứng yên được đâu! Thế giả như tư phủ... mà! Con ơi! Thế là ta lại thua nhà sư một keo nữa!

Câu chuyện giữa hai người khá là thú vị, tuy ông giáo sư trẻ không ngạc nhiên gì lắm; triết lý, thiền học nào cũng nói về điều ấy; nhưng dường như nhà sư này thò tay chỉ đúng huyết đạo của ông già mà thôi!

Bây giờ là con đường sâm si lau lách, đá cò chen chúc nhau dẫn vào một thung lũng, cây cối tươi xanh như một bãi thơ mùa xuân. Tiếng suối chảy róc rách từ khe rãnh hang hốc nào đó dưới thấp; chim và mây và gió chao lượn đâu đó ở trên cao. Hương thông thơm ngát. Không khí như không dính một mảy trần. Con biết không, ông cúi đầu bước đi, tiếp tục; có cái gì đó bình thường, rất bình thường nhưng không phải thế tục, tỏa ra nơi con-người-nhà-sư mà ta không nắm bắt được. Có lần, ta hỏi, đức Phật giúp chúng sanh giải thoát phiền não, tôi cậy ông, thế mà ông lại quá hồ hững, tôi chê ông "bất cận nhân tình" đấy! Bất chợt, nhà sư cười lớn tiếng: Ông vu oan cho đức Phật rồi; ngài không cứu khổ, cứu nạn, không gỡ phiền não cho ai cả, đích thị ông đã bị kinh sách đầu độc! Hãy dứt chữ mà tìm xả-lợi đi! Con à, cha lại lúng túng. Nhà sư nói

tiếp, hôm qua, trong giấc ngủ ngon, ông đã tự xả bỏ phiền não rồi; sáng nay, tự ông, ông đã đeo mang nó lại, liền hệ gì đến đức Phật của tôi? Bây giờ thì nuốt lưỡi đi! Người con nghĩ, cái này cũng không mới, là tuệ tri như thực - là tặng phẩm của thiền quán vipassana± đó thôi! Nhưng mà cách nói của nhà sư thì rất đúng bệnh, đúng thuốc!

Con đường được nở rộng, không gian như được mở ra... Sắp tới rồi đó con, nhưng để ta kể tiếp; chiêm nghiệm, ta thấy nhà sư nói đúng, ông không dạy gì cho ta cả, nhưng ông đã xoay, đã xoay sâu vào óc não và kiến thức hàn lâm, một thời, đã đóng cục, đóng hờn ở nơi ta! Thế rồi, nó bung vỡ lả lẩn. Ta thấy ánh sáng lần lần... Lần gặp sau nữa, nhà sư nói: Ông bạn già, hôm nay, có bao nhiêu phiền não, khổ đau trên cuộc đời, ông bạn mang hết ra đây, chúng ta cùng nhau xem mặt mũi nó ra sao, nó như thế nào - mà làm cho thế gian bận lòng đến thế! Con biết không, ta tìm, ta tìm mãi mà chẳng thấy cái phiền não, khổ đau nào cả! Có lẽ nhà sư biết, biết rất rõ, nên ông cười, này, không có gì hết phải không? Đúng vậy, vì tất thảy chúng đều là "không tính"! Sung sướng quá, con ơi, ta thức ngộ tức thì. Từ đây, ta coi nhà sư như là bậc thầy vĩ đại nhất của ta! Con thấy đó, bao nhiêu năm nay, ta không còn một mảy may phiền não; nói như kiểu của Nam Tuyền lão sư là ta đã tìm được cái bình thường, bình thường tâm thị đạo. Người con im lặng rất lâu. Cái kia cũng chẳng mới mẻ gì, nhà sư lặp lại câu chuyện giữa Đạt Ma và Huệ Khả về cái tâm bất an, nhưng hay và thiết thực ở chỗ là đúng lúc, đúng thời! Người đạt ngộ, sống thiền, họ có thể nói lặp lại nhưng không sống lặp lại. Nhà sư vô danh này cũng là tay khả thủ đây! Ông giáo sư trẻ trầm nghĩ mà không dám nói với cha, nhưng một vài vấn đề tâm linh ở nơi chàng tự dung phơi phơi sáng tỏ...

Một am tranh xơ xác, tiêu điều; một bụi trúc lơ phơ, lá vàng rơi đầy... Người con mon men bước tới... vắng tanh, vắng ngắt... Nhìn chiếc cổng tre hai cánh mở bắm đầy rêu xanh, an nhiên giữa tuyết sương, năm tháng - bất chợt, người con nhớ đến một câu thơ của ai đó: *Cửa sài hai cánh mở, mây trắng bước vào ra, phù sinh chừ rồi việc,*

rong chơi suốt bốn mùa... Một cảm xúc vô danh tuôn trào! Ông giáo sư lặng lẽ đến ngồi xuống nơi bàn đá lạnh lẽo... Một tâm hồn cổ xưa nào đó dường như còn lảng vảng xung quanh đây!

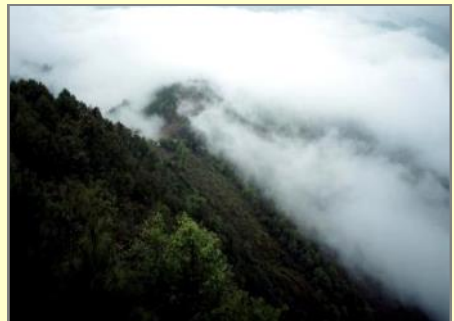
Có lẽ nhà sư đã đi du hóa phương xa, con à, bây giờ con hãy phụ ta một tay, trông khóm mặc lan rồi chừng nơi bàn đá này để cho nhà sư đón Tết... Mặc lan Huế u hương, thanh nhã, khinh diêu, du viễn; có nhà sư hay không có nhà sư thì hoa vẫn thanh thản đón xuân...

Lát sau, người cha đứng vòng tay, trầm tư bên chậu mặc lan đã trông xong. Người con đi quanh... cả một đôi lau trắng, quạnh hiu... Rồi ông bước vào am, thò tay kéo cái "bùng", lấy thanh tre chống lên. Rắn rắc... bụi một bay mịn mù. Ông con nhắm mắt lại một lát. Trống không, nơi này không có người ở đã lâu. Duy nhất, chính giữa nền đất, áp sát phen nứa là một tấm tọa cụ bằng nệm rơm đã meo mốc. Một bát nhang hờ hững, xiêu đổ mấy cọng hương...

Người cha bước vào, ba cây hương trên tay... rồi ông quỳ rất lâu, mắt hoe hoe đỏ... Ông con chấp tay đứng lặng, kính ngưỡng một tâm hồn thiên cổ... Ra sân, người con cũng đứng lặng rất lâu, nhìn ngấm bụi trúc duy nhất! Bụi trúc: Tâm không, tiết trực, một đời học làm người! Khóm mặc lan: U hương sâu kín, một đời học làm người! Và ông đã hiểu thêm, ở nơi này, một loài lan rừng: *Án móc, uống sương, cũng một đời học làm người!* Tất cả đều có thật.

Thôi, về con, ra giềng, Tết có nắng ấm, chúng ta lại lên thăm nhà sư, lúc ấy, chắc khóm mặc lan đã tàn hoa, nhưng hương thơm khinh diêu, du viễn vẫn còn... vẫn còn mãi giữa bông bành khói sương cuộc lữ.

Minh Đức Triều Tâm Ảnh



Đuổi bắt một mùi hương

PHAN TẤN HẢI

Đôi khi bạn nghe một dòng nhạc, và những âm vang này có thể đi theo bạn tới cả đời. Nó lảng vảng trong trí nhớ, nơi đâu đó, có khi ẩn xuống và rồi một đêm nào đó, một buổi chiều nào đó, dòng nhạc đó lại hiện lên với những nốt nhạc làm toàn thân bạn rung động.

Tôi đã trải qua những kinh nghiệm tương tự. Không hoàn toàn như thế. Không, không phải là nhạc. Tôi ưa thích nhạc, nhưng không giỏi về nhạc, cũng không say mê âm nhạc kiểu bỏ ăn bỏ ngủ. Ngay cả sau khi tôi đi dự một buổi hòa nhạc rất xuất sắc, với những nhạc sĩ tôi quý trọng, và những ca khúc của họ trình diễn bởi các ca sĩ tuyệt vời tôi ưa thích... những dòng nhạc đó có theo tôi thoang thoảng trong trí nhớ, và chỉ hôm sau là quên. Hết như là, tôi đã đưa tay chụp bắt được những dòng nhạc chạy theo trong trí nhớ, và rồi ném ra xa thật mạnh, thế là cho quên hẳn biệt để còn có thì giờ làm chuyện khác.

Trí nhớ là cái gì rất là bí hiểm. Có những cái chúng ta muốn lưu giữ, thì lại quên, và ngược lại. Nói chung, về âm nhạc, tôi chỉ là một kẻ ỉ ờ, tuy rằng cũng biết thưởng thức - nói "thưởng thức" cũng là điều nên dè dặt. Vì chỉ biết có nhạc hay, có nhạc dở, có nhạc trung bình. Và thế thôi, không nhiều hơn, và cũng không giải thích nổi vì sao nhạc này hay, nhạc kia dở. Thế là, đành dựa cột mà nghe.

Đôi khi đó cũng là điều tốt. Nên lắm. Vì có một lần, một anh bạn nhạc sĩ sáng tác nói với tôi rằng, anh từ sáng cho đến tối, cho tới cả trong giấc ngủ... lúc nào cũng nghe các dòng nhạc vang trong đầu. Tôi nghe và lo sợ. Vì đôi khi tôi làm thơ, đôi khi viết truyện... nhưng hề nói ngừng, là thôi, tất cả các dòng thơ và ý truyện không quấy rối mình nữa.

Tôi nghĩ, trong khi những dòng nhạc đuổi theo anh ta cả ngày đêm như thế, rồi đứng tim mà chết là sẽ bị dòng nhạc nâng chàng lên tức khắc, và đưa chàng



tái sinh vào một gia đình cũng say mê âm nhạc; như thế, có khi cũng nên nếu chàng muốn thế, nhưng có khi chỉ lại bận rộn thêm một đời tương tự. Đó là, chỉ nghĩ linh tinh thôi, nhưng làm sao dám nói ra. Thêm nữa, nói những chuyện ngoài khoa học vật lý là cái gì nên dè dặt.

Trong khi đó, tôi chỉ ngạc nhiên vì, thỉnh thoảng phảng phất quanh tôi là một mùi hương lạ, theo cả nhiều thập niên - nó thoang thoảng ở đâu đó, rồi có lúc ẩn, lúc hiện. Mùi hương lạ như tự trời xuống. Mùi hương lạ đấy, không phải mùi nước hoa đâu, cũng không phải kiểu văn chương mà người ta ưa nói là "mùi hương giai nhân" hay "mùi hương con gái" tuy rằng, đúng là có hình ảnh một cô bé nơi đây.

Nói đúng ra, có hai cảm giác chạy theo tôi nhiều thập niên. Nhưng tôi muốn nói mùi hương trước, vì như thế mới tinh tế. Và cảm giác kia là nằm ở bàn tay, khi một lần tôi chợt nắm tay một cô bạn gái, và tay tôi như điện giật tự nhiên rút về. Chính ngay lúc đó, tôi ngửi thấy một mùi hương từ cơn gió nhẹ trong sân chùa thoang qua. Và hai cảm

giác, mùi hương và cái nắm tay bất chợt đó đã theo tôi gần trọn cả đời. Không cố ý đâu. Bất chợt nắm tay thôi. Cả tôi và cô bé không biết gì hơn là một cái nắm tay. Đúng ra, có hình ảnh một đôi mắt nữa, có một bờ tóc, có một tà áo trắng, có lẽ, đôi khi trong mơ.

*

Nhưng tôi thích nói về mùi hương hơn. Vì mùi hương tinh tế hơn, còn cảm giác nắm tay lại có vẻ thô thô thế nào. Một lần, tôi kể cho tên bạn cùng ngồi học thi ở Chùa Xá Lợi, hẳn cười lên hô hố... nói rằng mới chỉ nắm tay là còn đỡ lắm. Sau đó, tôi chỉ muốn nói về mùi hương thôi, cho nó có chất thơ hơn. Và cảm giác sờ chạm, nói ra là dễ bị hiểu nhầm.

Năm đó, tôi 17 tuổi, vào ngôi sân Chùa Xá Lợi để học thi. Có một nhóm bạn cũng ưa vào đây ngồi lê la sân chùa, vì ngồi đây học thi là tuyệt vời. Tìm đâu ra bóng mát dưới những trưa nắng để ngồi học bài. Dĩ nhiên, là ngồi bệt xuống đất, tựa lưng vào tường... bởi vì thư viện chùa nhỏ lắm, không có chỗ, và thường là đóng cửa hoài. Đôi khi đói bụng, xuống bếp xin ăn chùa, nếu lúc đó đám bạn không ai còn dư tiền để từ bi ra mua thứ gì cho cả nhóm chia nhau ăn.

Trong sân chùa có hai nhóm, nhóm trẻ là tụi tôi học thi; còn nhóm già hơn, là các anh hầu hết đã học xong đại học, đã ra đi làm. Trong nhóm lớn tuổi đó, có anh luật sư Lộc, bây giờ cũng ở Little Saigon, đã bỏ nghề luật để vào nghề báo. Đó là nói người gần thôi, còn các bạn bây giờ ở xa thì nhiều lắm, kể không hết.

Cô bé lúc đó học Gia Long, sau tôi cỡ hai lớp -- hay một lớp, không nhớ rõ đâu. Giờ tan trường, cô bé đứng nơi hàng hiên bên hông chùa để chờ chị tới đón về nhà. Chỗ cửa tam quan cho người bộ hành vào, chứ không phải chỗ cửa cho xe hơi vào sân. Làm sao mà tôi quen được thì không nhớ nổi. Bởi vì tên nhóc khờ khờ nhất trong nhóm là tôi thôi. Có thể

quen vì mấy tên bạn giới thiệu. Mấy tên kia thì nhanh nhẹn, nói khéo; trong đó có tên đàn hay, hát giỏi, và vân vân. Trong khi tôi ngồi đầu là ngồi một chỗ, ưa lặng lẽ, một phần cũng vì thói quen tập thiền từ nhỏ -- lúc đó, đã tự mua sách về tập thôi, chưa theo thầy nào hay dòng phái nào hết; chỉ khi vào Đại học, mới theo bạn lên Chùa Tây Tạng Bình Dương.

Bấy giờ mà kể chuyện nhớ tới một mùi hương ra hẳn là bạn nó sẽ cười tới tắt thở, sẽ bảo là ngộ nhận rồi. Vì trong sân chùa có cây hoa ngọc lan. Có những đêm, mấy đứa ngủ lại trong chùa, nằm dưới hàng hiên trên lầu, thường có thoảng dịu dàng mùi hoa hoa ngọc lan. Các sư cấm bạn học trò vào chùa ngủ, nhưng chúng tôi chờ tới khoảng 9 hay 10 giờ tối là trèo cổng bên hông vào chùa, lên hiên tầng chánh điện ngồi học bài, tới mệt mới ngủ.

Hình ảnh ngồi học đêm ở hàng hiên nơi sân trên lầu, tầng chánh điện, đẹp y hệt như ở cõi nào khác. Ánh sáng trắng từ đèn hàng hiên tỏa xuống, mấy tên ngồi học bài trong không khí thình lặng, vắng vẻ. Chùa Xá Lợi chỉ có vài nhà sư, không nhiều. Đôi khi một thầy nửa đêm bước ra hiên, gặp, mới vào lấy mấy trái táo, trái cam ra cho bạn học trò. Nhưng rồi sư cũng dặn, trên nguyên tắc là cấm học trò vào ngủ đêm hiên chùa, vì như thế là phạm luật.

*

Để nói về mùi hương lạ. Một buổi chiều, lúc đó là chập tối. Cô bé vẫn còn đứng chờ chị tới đón về. Có lẽ vì lý do gì, nên trễ lắm. Các nữ sinh khác đã về cả rồi. Không hiểu tại sao bạn học trò lúc đó chỉ có một mình tôi. Như tiền

định, một mình tôi đứng, nói chuyện với cô bé. Chỉ có hai đứa thôi.

Cô bé bảo, bây giờ chơi trò này nhé, nhìn vào mắt nhau anh nhé.

Tôi nói, ừ thì nhìn vào mắt nhau.

Trời ạ, bây giờ tóc đổi màu trắng phau rồi, mới nghĩ lại, thấy mình sạo khờ khờ chi lạ. Đứng dưới cổng tam quan bên hông chùa lúc đó làm gì có bao nhiêu ánh sáng mà nhìn. Bóng tối nhiều hơn ánh đèn. Thêm nữa, con đường bên hông chùa tối lắm, chỉ có đèn đường nơi đầu một sớ Mỹ sau chùa thôi.

Tôi nhìn, chỉ thấy mắt nàng đen lánh, tóc xỏa chấm vai... Bất chợt, không hiểu sao, tự nhiên tôi nắm tay cô bé. Bấy giờ nhớ lại, tôi nghĩ, có thể lúc đó cô bé tự động nắm tay tôi trước.

Tay tôi như điện chạy tê rần, hốt nhiên giật lại. Một mùi hương từ sân chùa theo gió bay ra. Tôi không nhớ chính xác rằng chị cô bé tới khi nào. Cũng không hiểu tại sao không nhớ. Vì chị cô bé đi xe Honda dame, hể tới là mình phải thấy chớ. Khi nhìn lại, cô bé biến đi rồi.

*

Cảm giác từ bàn tay và mùi hương vẫn theo tôi về tận nhà đêm hôm đó. Giấc ngủ tối bỗng bình như bay. Sáng dậy, mùi hương vẫn thoang thoảng. Không phải hương hoa ngọc lan. Cũng không phải hương nước hoa hay gì hết, vì đây là hương từ sân chùa bay ra, tôi nghĩ, hẳn là hương trời. Nhưng, tại sao lại hương trời? Không hiểu nổi.

Hôm sau, tôi vào sân chùa, đi khắp mọi nơi, từ sân chùa, tới chính điện, từ tháp thư viện cho tới nhà bếp, từ hàng hiên dưới cổng tam quan cho tới đứng trên cao, nơi đầu gió và cuối gió... để tìm xem mùi hương lạ đó ở đâu ra. Hoàn toàn không hiểu được, hoàn toàn không có mùi hương nào như thế.

Cũng lạ, từ hôm đó trở đi, cô bé không ra đứng ở hiên chùa nữa. Có thể là cô chị tới đón ngay trước cổng, đứng giờ hơn. Cũng có thể, cô chị rầy tại sao đứng nơi hàng hiên tối dưới cổng chùa... xã hội này bất trắc lắm. Và cũng có thể, cô bé không mong đợi là tôi khờ khờ như thế.

Nhiều thập niên sau, khi đã đọc nhiều và xem phim nhiều, tôi nghiệm ra rằng, theo đúng

kịch bản ở truyện và phim, lúc đó là phải ôm hôn. Thế thì liều quá. Rồi tôi cũng tin rằng, hộ pháp đã không muốn tôi liều như thế, ai mà ôm hôn nơi cổng chùa nhi... Hay mùi hương lạ đó là một cách ngăn cản khéo léo, vì muốn làm tôi khựng lại? Ai mà biết được.

*

Liên tục hai kỳ thi hai bậc Tú Tài, tôi đều đậu dễ dàng. Ngồi làm bài thi, đôi khi tôi chợt thấy mùi hương lạ đó. Những lúc như thế, cứ bất chợt, tôi ngẩng đầu lên, như chờ đợi nhìn thấy đôi mắt của cô bé. Nhưng không, không phải. Và nghĩ tới bàn tay đã nắm tay cô bé, cảm xúc khi đó lại, mạnh như tươi mới.

Trong các buổi ngồi thiền ban đêm hay rạng sáng, mùi hương đó vẫn thoang thoảng quanh tôi. Và khi nghĩ tới bàn tay, cảm giác vẫn đầy rung động. Tôi không biết làm sao để kết thúc những cảm xúc lâng lâng nơi mùi hương và bàn tay như thế. Người khác có thể gọi mùi hương khi ngồi thiền là mầu nhiệm, hay linh tinh gì khác. Nhưng tôi biết không phải. Mình phải chạy trốn mùi hương này chứ, tôi nghĩ thế.

Tôi thuộc bài Bát Nhã Tâm Kinh, biết rõ rằng mùi hương và cảm giác bàn tay nắm bàn tay cũng nằm trong nhóm sắc thanh hương vị xúc pháp, và như thế cũng đều là không. Thế nhưng, tôi tự hỏi, tại sao với mình lại là có? Mà lại có như thật, như thiết. Hể nghĩ tới là hiện ra.

Tôi cũng nhớ lời Kinh Phật dạy là đừng lưu luyến các cảm thọ quá khứ, và đừng có vẽ vời gì cho cảm thọ tương lai. Nhưng làm sao được, vì mùi hương vẫn bay quanh tôi, thoang thoảng.

Liên tục hai mùa hè, tôi ngồi nơi ghế đá sân chùa. Cũng không thấy cô bé đâu hết. Tôi nghĩ, tuy là nghĩ hè, nhưng lẽ ra cô bé phải đi xe đạp tới thăm chùa, nơi cô bé phải biết là có tôi đang ngồi chờ. Nhà cô bé cũng nào có xa đâu, chỉ loanh quanh trong xóm Bàn Cờ thôi. Hay là, tôi nghĩ, có thể ba mẹ bắt buộc cô bé đi học hè để luyện thi. Ai biết được.

Có lúc ngồi ghế đá, thoảng thấy mùi hương lạ đó, tôi bất ngờ quay đầu lại để nhìn sau lưng. Không ai hết. Tôi hỏi thẳng Thành đang ngồi kế bên, có thấy mùi hương gì không.

Nó nói, không có gì cả, có





thể là mùi hương trên chính điện bay xuống, hay may mắn với mùi dầu cù là, tao có chai dầu trong túi áo...

Tôi im lặng, biết là không phải. Tôi nghĩ, có thể tên này không có chiếc mũi nhạy cảm như mình. Nhưng không phải, nhiều thập niên sau, tên này vào làm ở Ty Cảnh Sát Dallas; nghĩa là, thể lực phải tốt lắm, làm sao mà hồng mũi được.

*

Thế rồi năm 1975 tới. Tôi không nhớ tới cô bé nữa. Một đôi khi, tôi nghĩ những chuyện xưa như là cổ tích. Kể cả mùi hương và cái nắm tay. Lịch sử như một cuốn sách để giữa trời, và gió lật qua từng trang tàn khốc. Có trang lật qua nhẹ nhàng, khẽ khàng; có trang lật qua ào ào, như trận gió giận dữ ào tới. Không ai níu kéo được thời gian. Đã có vài tên bạn của tôi từ biệt cõi đời này.

Khoảng năm 1980, thỉnh thoảng tôi ghé thăm Thầy Đồng Nguyên ở Đại Tùng Lâm, khi có việc ra Vũng Tàu. Tuy cùng là học trò của Thầy Tịch Chiếu ở Bình Dương, nhưng tôi vẫn luôn xem Thầy Đồng Nguyên là nơi tôi cần học hỏi nhiều.

Một đêm ngủ lại ở Đại Tùng Lâm, tôi bước ra sân. Thời đó, chùa này hoang sơ lắm, không lớn như bây giờ. Đêm trăng sáng, tôi và Thầy Đồng Nguyên đi dạo trong sân chùa. Bất chợt, mùi hương lạ nằm cũ lại thoảng qua. Tôi hỏi Thầy Đồng Nguyên có thấy mùi hương gì lạ không. Thầy nói, chỉ có gió rừng, hương hoa và lá rừng như mọi ngày thôi.

Tôi nói rằng, có một mùi hương lạ theo tôi từ một buổi tôi nhìn vào mắt một cô bé. Tôi

không kể thêm là khi nhìn vào mắt cô bé một chớp, bất chợt tôi đã nắm tay cô bé. Nếu kể ra, thấy có gì kỳ kỳ. Ai mà đi kể chuyện nắm tay, nhất là kể với thầy chùa. Dĩ nhiên, mắt làm sao mà có mùi hương được.

Thầy Đồng Nguyên chậm rãi nói, như thể là em đang đuổi bắt một mùi hương, có phải không.

Tôi không trả lời chỗ này, vì không chính xác như thế, nhưng cũng không biết giải thích mình bạch ra sao.

Thầy Đồng Nguyên nói, ngay khi em đuổi bắt một mùi hương, là ngay khi đó tâm em đã bị mùi hương đó chụp bắt rồi.

Thầy nói tiếp, hiểu không.

Tôi đáp, em thấy lờ mờ.

Thầy nói, thí dụ, bây giờ em luyện nhớ tới một nụ hôn với cô ta...

Thế đấy, tôi không có khiêu giải thích chuyện gì hết. Chỉ mới hỏi một câu, là anh ra ngay một thí dụ đầy ngộ nhận.

Thầy Đồng Nguyên và tôi vẫn bước đi trong sân Chùa Đại Tùng Lâm, giữa tiếng gió rừng xô là xao xác, giữa những trận gió lịch sử khốc liệt đang thổi tung khắp đất nước.

Thầy nói tiếp, thế này nhé, khi em luyện nhớ một nụ hôn với cô ta, chính ngay lúc đó, tâm em đã bị nụ hôn đó chụp bắt.

Tôi nói, vâng, hẳn là thế, nhưng thiệt sự em chưa từng hôn gì hết.

Thầy cười và nói, chỉ là thí dụ mà.

Trong bóng trăng lờ mờ, tôi đoán được kiểu cười của Thầy Đồng Nguyên, người sư huynh tuyệt vời của tôi.

Thầy nói thêm, để anh nói cái này thì nó hàn lâm hơn. Thế này nhé. Sư Lâm Tế nói Tứ Liệu Gián, câu đầu nói là "Hữu thời đoạt nhân, bất đoạt cảnh." Có nghĩa là, có khi đoạt nhân, không đoạt cảnh. Nhân đây là tâm, cảnh đây là đối tượng của tâm. Đoạt nhân là khi em chủ động được tâm mình. Thế nào là chủ động được tâm mình? Đó là khi tâm em vô trụ. Nghĩa là, không trụ vào bất cứ gì hết, kể

cả trụ vào một mùi hương nào đó. Ngay khi em trụ vào một mùi hương nào, là em không còn ở thể đoạt nhân nữa, mà chính là tâm em đã bị mùi hương kia đoạt mất rồi. Đấy nhé, lúc đó mất tâm rồi nhé... Lúc đó, không phải là "đoạt nhân," mà là "bị nhân đoạt" vậy.

Thầy tiếp, hay nói thế này xem, rằng khi em giận dữ hay khi em thèm muốn gì đó, có nghĩa là tâm của em đã bị cái sân và cái tham đó chiếm đoạt rồi; đó là "nhân bị đoạt" chứ không phải là em đã "đoạt nhân," đúng không. Tôi chỉ trầm ngâm.

Lòng tôi rối bời bời. Lúc đó đất nước ngổn ngang, mình tu tập thiền định chẳng tới đâu, lại gặp ông sư huynh nói như thế. Tôi ngáp, nói thôi cho em vào ngủ.

Vị sư huynh này nói thêm, nhưng hề chạy trốn mùi hương đó cũng là hồng rồi đó, vì cả đuổi bắt và chạy trốn đều sai, đều trật.

Giấc ngủ đêm hôm đó, mùi hương bay tràn ngập trong hồn tôi. Sáng ra, khi ngồi uống trà với Thầy Đồng Nguyên và gật gù, tôi tự nhủ, đúng vậy hồn mình đã bị mùi hương kia đoạt rồi, ngay khi mình đuổi bắt hay chạy trốn là mình đã bị chụp bắt rồi. Nhưng tôi không nói thêm với ông anh chuyện này nữa.

*

Mấy ngày trước khi vượt biên, tôi lên Bình Dương thăm Thầy Tịch Chiếu. Chùa lúc đó vắng lắm, không bao nhiêu người. Quê nhà khi đó đang vào một thời kỳ say men xã hội chủ nghĩa. Không có lời nào mô tả được thời kỳ này. Nhà nước sau này, gọi đó là thời bao cấp. Nói như thế chỉ là phiến diện. Nhưng dù gọi gì thì gọi, thời đó nhiều chuyện cực kỳ đau đớn hơn bây giờ nhiều.

Khi tôi nói là tôi sắp rời nước ra đi, Thầy Tịch Chiếu nói tôi cùng đi dạo bước với thầy quanh chùa. Thầy dẫn tôi tới ngọn đồi sau chùa. Nơi đó, chim bay xao xác, nhiều loại chim. Tiếng chim kêu, hòa vào tiếng gió thổi.

Thầy nói với vị giới Huế của người đã vào Nam từ lâu, rằng tôi có nghe tiếng chim kêu với tiếng gió thổi xao xác không. Tôi nói, thưa Thầy, con nghe có tiếng chim kêu, tiếng gió thổi.

Thầy nói, tâm con trước giờ vốn lặng lẽ, trước giờ vốn không tịch, trước giờ không có tướng mạo, như tấm gương trong trẻo vậy, và bây giờ khi chim kêu thì tâm con mới khởi ra tiếng chim

kêu, khi tiếng gió xao xác thì tâm con mới khởi ra tiếng gió thổi. Do vậy, tiếng chim kêu không hề lìa tánh không tịch. Các pháp đều không hề lìa tánh không tịch. Các pháp đều hiện trong tâm, dù là những gì con thấy hay nghe, những gì con cảm thọ vui hay buồn, những gì con tham hay sân, đều từ tánh không tịch khởi lên, trụ lại, rồi hoại đi và rồi mất dạng về không tịch. Hãy thấy như vậy, đừng để tâm mình trụ vào bất kỳ thứ gì.

Tôi chỉ lờ mờ hiểu thôi. Nhưng tôi đoán rằng, cái gì lờ mờ đều là hồng.

Buổi chiều, trước khi rời chùa, tôi cũng kể cho thầy nghe về mùi hương lạ, vẫn thường khi phảng phất quanh tôi, trong cả mơ lẫn thực. Tôi hỏi, biết rằng các pháp sinh rồi sẽ diệt, sao mùi hương này như dường cứ còn hoài. Dĩ nhiên, tôi không kể cho Thầy nghe chuyện năm tay làm chi.

Tôi ngồi uống trà với Thầy. Chiếc bàn và chiếc ấm trà đều cũ kỹ, sứt mẻ. Ngôi chùa này hồi đó xiêu dột lắm. Trên mái, những viên ngói mọc rêu xanh, rêu đen như dường xưa cổ từ cả ngàn năm rồi.

Ngôi chùa vắng, cửa trống để gió luồn vào từng đợt khấp chùa. Hình ảnh như dường đang tái diễn từ một giấc mơ nào đó, như dường Thầy và tôi đã ngồi uống trà từ nhiều ngàn năm rồi, và bây giờ gặp lại để cùng uống trà...

Thầy cũng nói, khi con thấy có cảm thọ nào khởi lên, khi thấy có niệm tưởng nào khởi lên, hãy thấy rằng nó đang biến hiện, theo tuần tự thành trụ hoại không, rằng nó khởi lên, rằng nó đang trụ, rằng nó đang biến dần, rằng nó đã biến mất. Hãy thấy trong tâm mình các pháp thành trụ hoại không như thế.

Tôi nói, thế nhưng cái mùi hương lạ này, mùi hương theo con cả trong giấc ngủ nửa đêm.

Thầy Tịch Chiếu đưa tay chỉ về hướng ngọn đồi hồi trưa, nơi những cây cổ thụ vươn cao với các bóng chim bay núi vắng. Thầy hỏi tôi, bây giờ nơi đó, cũng vẫn còn những cánh chim bay, vẫn còn những cây lá uốn mình theo gió... vậy thì, tiếng chim kêu ở đâu rồi? Tiếng gió xao xác ở đâu rồi? Hãy nhìn vào tâm mình mà hỏi, mà xem, rằng ai nghe đó?

thơ

Chào nhau mùa XUÂN

*Viết bài thơ gửi
mùa xuân bên thềm
giao thừa mưa gió
quê người vắng im*

*người đi tìm mãi
một mùa xuân xưa
rượu nồng môi lạnh
niềm riêng cũng vừa*

*quanh đây quen thuộc
mà sao lạ lùng
ấm hơi lò sưởi
lạnh mối tình chung*

*đất trời lặng lẽ
người ngồi miên man
chúc nhau sức khỏe*



*chuyện văn đêm tàn
được thua vinh nhục
bọt rượu tràn ly
yêu thương hờn giận
quanh quẩn đi về*

*mộng đầy tay áo
buông bắt xoay vòng
sức mòn chân mỏi
lãng đãng long đong*

*phố mờ sương khuất
chào nhau cuối đường
mùa xuân vẫn thế
lòng hoài nhớ thương*

PHAN NHẬT TÂN

Tôi ngần ngừ. Thầy lắc đầu dụ dằng.

Đêm đó, tôi thấy được mùi hương bỗng nhiên hiện ra hình cánh chim, hình cây lá xao xác trước gió, và rồi mùi hương trở thành những tách trà trên bàn, nơi Thầy và tôi ngồi nói chuyện.

*

Vào năm 2006, tên Sơn từ Sài Gòn email sang cho tôi biết, rằng cô học trò Gia Long năm xưa ở xóm Bàn Cờ -- tức là cô bé đã từng thỉnh thoảng vào sân chùa Xá Lợi và thường ngồi nói chuyện với tôi, đứng ra là nói chuyện với cả nhóm chúng tôi - đã từ trần vì bệnh ngặt.

Hắn kể rằng cô ta thường tới sân Chùa Xá Lợi chơi, vài tháng trước khi cô ta biến mất trên đời này. Nói "cô ta" là theo thói quen, thực ra là cao niên cả rồi. Có khi cô ta tới một mình, có khi cùng đi với bà chị. Hai người thường ngồi nơi ghế đá chúng tôi ưa ngồi. Chùa lúc này khác lắm, không như ngày xưa.

Tên Sơn lúc này chuyên dịch

kinh sách Phật Giáo Tây Tạng từ các bản Anh ngữ sang Việt ngữ. Thường khi nhận được những bản kinh sách Anh ngữ tôi hay các bạn trong nhóm Viet Nalanda gửi về là Sơn cầm vào sân chùa ngồi đọc, nghiền ngẫm rồi một thời gian sau mới bắt đầu dịch. Chính những lần ngồi sân chùa như thế, Sơn mới gặp lại cô bé. Thế rồi bằng một thời gian, theo lời Sơn, bà chị cô ta gặp Sơn và nói rằng cô ta từ trần rồi.

Không ngờ em lại ra đi trước chị. Chị kể với tên Sơn, rằng trong những ngày cuối đời, khi bệnh chưa tới lúc liệt giường, cô ta bảo bà chị thỉnh thoảng chở ra sân chùa ngồi. Khi chị hỏi chi vậy, cô ta trả lời là cô ta nhớ một mùi hương. Chị mới nói, muốn có mùi hương ngọc lan, chị sẽ chở tới một sân chùa khác, nơi có trồng nhiều cây ngọc lan hơn, thêm nữa Chùa Xá Lợi bây giờ không còn vắng vẻ để ngồi như những ngày thơ trẻ nữa. Cô ta lắc đầu, theo lời chị kể với tên bạn tôi. Khi đến tới đó, tôi ngạc nhiên tự hỏi, sao cô nàng lại nhớ mùi hương, vì như thế, mùi

hương kia là có thật...

Tôi điện thoại về hỏi Sơn, thế bà chị kia có kể những gì nữa không. Tên này nói là không, không nghe kể gì nữa hết. Hình như có vẻ tôi hỏi kiểu tra vấn hơi nhiều. Tên bạn nói, thôi thì từ trần là chuyện bình thường, tuổi nào cũng có thể ra đi cả, Thầy Đồng Nguyên tịch rồi, rồi tên Hiến cũng chết rồi... sinh bệnh lão tử mà. Tôi lặng lẽ, không hỏi gì thêm.

*

Đêm đó, trong khi ngồi thiền, đôi mắt cô ta hiện ra, và bàn tay tôi rung động như đang nắm tay cô ta, và mùi hương lại bay thoảng quanh tôi. Tôi mở to mắt, nhìn vào bức tường trắng trước mặt, tôi có cảm giác như thấy được mùi hương. Thấy được mùi hương? Đúng vậy. Mùi hương này không phải là làn khói, không mang hình dạng gì hết... Tôi tự hỏi, tại sao lại có cảm giác thấy được bằng mắt.

Nhưng đúng là thấy được, mùi hương hiện quanh mình, trong khi đàn chim từ ngọn núi Bình Dương về bay xao xác quanh tôi. Nhắm mắt cũng thấy chim bay, và cũng thấy mùi hương phảng phất.

Tôi đứng dậy, vào bàn và nghĩ rằng mình phải vẽ lại mùi hương trên giấy. Tôi đã từng học vẽ hai thập niên trước, nhưng bỏ lâu rồi, vì không có thì giờ. Mùi hương là vô hình mà, tôi tự nhủ, nhưng sao mình lại có cảm giác là thấy mùi hương. Không phải vẽ làn tóc, không phải vẽ tà áo, không phải vẽ bất kỳ thứ gì khác mùi hương. Phải vẽ đúng mùi hương khi tôi nắm tay cô bé, tôi tự nhủ như thế.

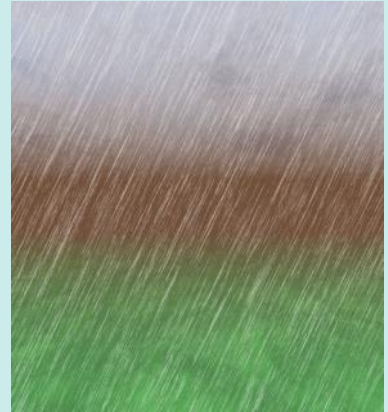
Ngay khi cầm cọ lên, tôi mới nhận ra rằng không có gì tự có trên đời này cả. Không có mùi hương nào là tự có cả. Tôi nhớ lời Thầy Tịch Chiếu nói năm xưa, rằng khi tôi trở về sân chùa ngồi và khi trên đời vẫn còn chim kêu và vẫn còn gió thổi ào ào, vậy thì tiếng chim kêu và tiếng gió bạt ở đâu.

Tôi vẽ vòng tròn Thiên Tông lên giấy. Mực tàu loang trên giấy, và tôi thấy mình hiện ra trên đó, trên nét mực đó, có khuôn mặt của tôi, có khuôn mặt của nàng, có tiếng cười của mấy tên bạn đùa nghịch sân chùa Xá Lợi, có tiếng chim kêu trên núi Bình Dương, có tiếng Thầy Đồng Nguyên nói vọng lại từ Đại Tùng Lâm, có tiếng sóng biển Vũng Tàu, và trong nét mực

M
U
A

P
H
Á
P

Đ
ẤT
T
ÂM



MUA phùn nhẹ hạt thoảng hương xuân,
PHÁP giới an nhiên rủa nghiệp trần.
ĐẤT nây mầm thơm hoa tình thức,
TÂM nhuần sương ngọt nước trong ngân.

thơ

CHÂN MINH TRÍ

trước mặt tôi đã tắt cả những âm thanh của trần gian này...

Tôi mỉm cười trước trang giấy với nét vẽ vòng tròn Thiên Tông. Vậy à, khi không có một ai đứng nơi đôi chim đó, những âm thanh đó ở đâu. Tôi nghe lại giọng từ tốn của Thầy Bình Dương, rằng khi không có một tâm nào nơi đó, cảnh kia ở đâu hiện ra. Vâng, thưa Thầy, con biết, sắc tức là không, và không tức là sắc.

Buổi trưa hôm đó, khi tôi tới một ngôi chùa Quận Cam và nhờ một vị sư ghi tên cô ta vào danh sách cầu siêu trong 49 ngày. Lúc đó, tôi mới nhớ rằng mình đã quên tên cô ta rồi, điều rất lạ vì hôm qua khi viết email cho tên bạn, tôi còn ghi đầy đủ cả tên lẫn họ cô nàng, trong khi tên bạn chỉ nhớ mỗi tên cô ta thôi.

Tôi lấy iPhone ra, mở email cũ xem lại. Tiếng tụng kinh không ngớt từ chính điện vọng ra, trong khi vị sư và tôi ngồi nơi bàn khách giữa hàng người đi tới đi lui. Một điều lạ nữa xảy ra: email tôi trả lời tên bạn về cô ta cũng biến mất, không còn nơi đâu cả, kể cả trong nơi lưu giữ các email đã xóa. Tôi nghĩ, bây

giờ còn trong hạn 49 ngày vừa ra đi, hẳn là cô ta giấu email để giỡn với mình trước khi đi xa.

Vị sư già hỏi lại, Phật tử đó họ gì. Tôi ghi xuống giấy một vòng chữ tròn, như hình vòng khuyên và đáp rằng con không biết cô này họ gì.

Tôi nói thêm, lúc xương họ tên cô ta, thầy chỉ cần gõ một một tiếng chuông nhỏ là đủ. Vị sư già mỉm cười. Bởi vì câu siêu thiếu tên họ là bình thường, vì đất nước đã trải qua quá nhiều cuộc chiến tranh.

Khi tôi bước ra cổng chùa, mùi hương lạ kia lại thoảng thoảng. Nhưng tôi biết rồi, là hoàn toàn không có ai đuổi bắt mùi hương cả, và cũng không thực sự có mùi hương nào để được đuổi bắt hay chạy trốn cả. Và các pháp tự thân đã là vắng lặng, dù mùi hương có đến hay đi. Lúc đó, tôi chợt nhớ đôi mắt lấp lánh của cô nàng.

Tiếng tụng kinh từ chùa vọng ra, sắc bắt dị không, không bắt dị sắc...

Phan Tấn Hải

Ở một nơi không có Tết

HOÀNG MAI ĐẠT



Càng về đêm, những lớp sương mù càng dày đặc hơn. Nam California ít khi có sương mù. Vậy mà đêm 31 Tháng Chạp hôm ấy, đường Bolsa ở góc Magnolia chỉ có những tia đèn mờ ảo từ mấy chiếc xe lẩn thắt chậm, không chói lọi với rừng ánh sáng từ những bóng đèn vàng hoặc đỏ nổi đuôi trên các dòng xe hồi hải trời qua khu phố Little Saigon. Tôi rẽ tay lái ở góc đường đó, phóng về hướng biển với lòng nôn nao khôn tả, bất chấp tai nạn có thể xảy ra. Tôi lèo lách giữa những chiếc xe phải rà thẳng trong sự cẩn thận, lao xe trong màn sương mù đang trôi cuộn cuộn từ đại dương vào đất liền. Tôi lái xe nhanh vì sợ đến trễ, không kịp giờ thăm em trong một dưỡng viện dành cho người lâm bệnh hiểm nghèo.

Hơn một tuần trước, tôi từng đạp ga trên chiếc Honda để chạy theo xe cứu thương đến bệnh viện Fountain Valley. Đêm hôm ấy em tôi bị tai biến mạch máu não, tê liệt nửa người bên phải. Bước vào căn phòng tối trong một khu mobile home, tôi đau lòng khi thấy đứa em thân thương mấy chục năm trước nay là một ông trung niên đang nằm bất động trên sàn nhà, đưa một tay quờ với trong không khí như mong nằm lại sự sống. Tôi nắm tay em trong lúc chờ các nhân viên cấp cứu đến giúp. Đợi đến sau nửa đêm tôi mới rời bệnh viện để về nhà, thăm cầu nguyện cho em thoát bàn tay của tử thần.

Em thoát lần này, nhưng mà thân thể bị nhiều vết cào cào trong cơn vật lộn trước móng vuốt của định mệnh để sống còn. Bác sĩ nói rằng ngoại trừ buồng phổi, hầu hết các bộ phận khác đều nát bét, hư hỏng tận cùng. Gan, bao tử, tim, thận ố mà nhất là thận ố đã đến giai đoạn gần như vô phương cứu chữa. Đêm Giáng Sinh trôi qua với em tôi nằm gần như bất động trong một phòng bệnh, miệng không thể nói mà ánh mắt có lúc như giận dữ với số phận. Đến chiều 30 tháng Chạp,

họ chở em tới một dưỡng viện có y tá chăm sóc. Tôi đến thăm em đêm hôm ấy sau giờ làm việc.

Chiều hôm 31, tôi rời tòa soạn lúc 7 giờ rưỡi, mong đến dưỡng viện kịp thời trước 8 giờ, giờ đóng cửa. Mặc dù từng có kinh nghiệm lái xe trong giông tố và trong mưa tuyết, tôi vẫn thăm lo trong lúc lướt nhanh về hướng dưỡng viện. Sương mù quá dày, không cho tôi thấy xa hơn vài chục bước ở trước mặt. Vậy mà tôi vẫn chạy với tốc độ nhanh gấp mấy lần so với những chiếc xe bị tôi qua mặt. Đến khi dừng xe trong bãi đậu và bước ra ngoài, tôi lại chùn bước, e rằng em không muốn thấy tôi.

Lần cuối cùng mà anh em chúng tôi còn hòa thuận với nhau có lẽ đã hơn 20 năm trước, mà cũng có thể là đã quá 30 năm, ngày chúng tôi mới đến Mỹ. Giờ nhìn lại, tôi mới nhận ra những giây phút hạnh phúc nhất của hai anh em là những dịp chơi banh football với mấy đứa bạn Mỹ ở Rillton, một thị trấn nằm trên đồi ở miền Tây tiểu bang Pennsylvania.

Trong mấy năm đầu mới tị nạn tại Mỹ, tham dự môn thể thao football là cơ hội cho anh em chúng tôi hòa nhập với đời sống của người địa phương. Hai anh em đều được người láng giềng trợ giúp để gia nhập một đội thiếu niên ở Rillton. Em tôi khỏe mạnh hơn anh, có tài ném banh bầu dục nên được giao vai trò quarterback. Tôi gầy ốm, chạy nhanh, giữ được một chân receiver để chụp banh. Mùa đầu năm ấy em tôi ném được nhiều cú tuyệt, khiến cả xóm reo hò trong những trận đấu với các đội thiếu niên khác. Phần tôi, thỉnh thoảng tôi cũng chụp được vài trái ngoạn mục ở cuối sân nhờ chạy nhanh hơn mấy đứa Mỹ mập ú.

Mùa Thu thời niên thiếu ấy qua mau. Anh em chúng tôi rời Rillton theo việc làm của mẹ đến một xóm lao động ở thành phố

Pittsburgh. Xóm này không có sân banh, đường chật chội, đông xe, thiếu chỗ chơi cho trẻ em. Thỉnh thoảng hai anh em lần xuống một bãi đất trống gần một xưởng thép bị đóng cửa trong cơn suy thoái kinh tế vào cuối thập niên 1970. Bên dưới một cây cầu bắc ngang sông, em ném banh và tôi chạy chụp banh hàng giờ không biết mệt. Có khi chơi trong đêm tối, có lúc trong ngày bão tuyết, có khi trong một trưa Mùa Đông lạnh dưới 0 độ Fahrenheit, chỉ hai anh em với một trái banh xoáy trên không trung. Em ném mỗi lúc một mạnh, tôi phải chạy nhanh và xa hơn để chụp bắt, tạm quên những phiền não đang bủa vây trong đời sống của chúng tôi. Mỗi khi thấy tôi bắt được trái banh mà em ném vào những nơi hiểm hóc, giữa mấy chiếc xe đậu dưới chân cầu hoặc sát tường rào của xưởng, em đưa hai tay như ăn mừng một chiến thắng giữa thao trường với tiếng reo hò của hàng vạn người.

Ngày tôi bước vào đại học cũng là ngày những tiếng reo vui lắng xuống và tan biến vào trong quá khứ. Tình thân giữa hai anh em trôi xa dần như những đám bèo bị đánh vỡ giữa sông, mỗi đứa đến một bến bờ xa lạ. Cả hai đều mang những nỗi hoài nghi về mọi giá trị trong cuộc sống, tinh thần cũng như vật chất. Thế nhưng mỗi đứa hướng về một nơi. Tôi phấn đấu để tìm cái đẹp bên trên cuộc sống của đời thường, em lún dần trong thế giới của bạo động. Tôi cố gắng đóng góp cho đời, em thách thức định mệnh với lối sống ngoài vòng xã hội, bất chấp thành kiến. Trong hơn hai thập niên xa cách, thỉnh thoảng tôi nhận được những cú điện thoại vào giữa đêm khuya khoắt, để rồi sau đó phải tìm đường đến một sở cảnh sát hoặc một nhà thương để đưa em về một nơi nào đó mà em đang tạm trú. Có khi những cú điện thoại đến từ một tiểu bang xa, có khi rất gần, ngay tại khu phố Little Saigon này.

Tôi chùn chân trước khi bước vào dưỡng viện vì nhớ tới ánh mắt

hận đời của em mà tôi từng thấy trong những lần thăm em trong bệnh viện. Trong ánh mắt đó cũng có sự đốn đau trước số phận khắc nghiệt giáng xuống một tuổi thơ bị búng ra khỏi quê hương và không thể bám rễ ở mảnh đất mới.

Chỉ còn mười phút trước giờ đóng cửa, tôi nhất quyết bước vào để thăm em, cầm theo một cuốn sách nhỏ nằm gọn trong lòng bàn tay. Bước trong hành lang qua những phòng có những người nằm ngủ thiêm thiếp tưởng chừng như đang hấp hối, tôi chợt nghe có lời chúc mừng năm mới xuất phát từ một máy truyền hình. Lời cầu chúc tươi vui độ tan biến trong khoảng không của khổ đau mà tôi cảm nhận từ những thân xác đang nằm liệt trên giường. Ngay cả những người làm việc trong dưỡng viện này cũng ít cười, ít nói, chỉ yên lặng làm phận sự quen thuộc của một y tá, một điều dưỡng viên hoặc một thư ký.

Căn phòng có ba giường, một bệnh nhân. Em nằm ở giường giữa, đang mê man ở một thế giới khác. Canh giường là bình đựng chất dinh dưỡng được truyền vào cơ thể của em. "Đó là thức ăn cho ông ấy," một y tá nói cho tôi biết.

Nhìn thân hình hốc hác, toát mùi bệnh, tôi càng thương xót em. Sức khỏe của em sẽ yếu hơn vì mỗi tuần em cần được lọc thận ba lần. Bà y tá nói nhỏ điều đó với ánh mắt lo ngại dành cho tôi. Phòng chỉ có một chiếc ghế xếp cất trong góc. Tôi mang ghế ra ngồi sát bên giường, nói thì thầm những lời an ủi tưởng chừng như em đang lắng nghe. Lần giở cuốn sách nhỏ cầm trong tay này giờ, tôi lầm rầm đọc Kinh Cửu Khổ cho em nghe. Từ một khởi đầu giống nhau mấy chục năm trước, chúng tôi đã đi hai hướng khác xa. Chúng tôi từng hoài nghi những niềm tin tôn giáo, cho đó chỉ là những thói quen mê tín. Thế nhưng từ khởi điểm đó, em xem thường cuộc đời, luôn tìm những khiếm khuyết trong cuộc sống. Còn tôi, từ những ngỡ vực, tôi cất công đi tìm một ý nghĩa cao quý hơn trong cuộc sống hàng ngày.

Trong năm phút cuối trước giờ đóng cửa, có lúc tôi ngưng đọc kinh, ngậm ngùi quan sát một cánh tay vạm vỡ từng ném banh cho tôi chụp nay nằm bất động, mang những vết bầm của thuốc và bệnh tật. Tôi không chắc những lời kinh sẽ cứu em, nhưng tôi biết đó là những gì mà tôi có thể làm cho em trong giây phút

Bái biệt Pháp hữu Tịnh Minh Đặng Ngọc Chức

*Được tin,
Pháp hữu ra đi không già biệt
Ôi! Khó ngăn giọt lệ tiếc thương
"Tam-Pháp-Tạng" (1) chuyển sang tiếng Việt
Kể từ nay vắng bóng một tài nhân
"Sanh - Lão - ... Tử" vốn vô phân biệt
Người tài hoa giàu có nghèo bản
"Giọt Nắng Hồng" (2) rơi tâm Phật tử Việt
Muôn đời sau vẫn rực rỡ sáng trong.*

Nguyễn cầu Pháp hữu sớm về cõi Tây Thiên
San Diego, 18 giờ 30 phút ngày 12 tháng 11 năm Quý Tỵ (2013)
Pháp hữu cư sĩ

NGUYỄN THẦN Nguyễn Thiện Thông

Ghi chú:

- (1) "Tam-Pháp-Tạng": Giáo sư Tịnh Minh là 1 trong những dịch giả ban dịch thuật Pháp Tạng từ ngoại tự ra Việt ngữ do Hòa Thượng Đồng Minh thành lập.
- (2) Nguyễn tác Kinh Pháp Cú - Giáo sư Tịnh Minh dịch sang tiếng Việt với đầu đề "Từng Giọt Nắng Hồng".

này. Có lẽ lời kinh sẽ cứu tôi hơn là cứu em. Những mỗi bận tâm trong đời thường tan biến khi tôi cất lời cầu nguyện. Tôi có thể mất hàng giờ để lo lắng về tiền nhà, về công việc, về những chuyện linh tinh ở sở làm. Thế nhưng lời kinh nhắc tôi nhớ giây phút dành cho em mới là điều quan trọng nhất trong lúc này.

Em vẫn không mở mắt lúc tôi xếp lại ghế và rời phòng. Bước trong hành lang của dưỡng viện, một lần nữa tôi nghe những lời chúc mừng năm mới phát ra từ một máy truyền hình. Nhìn vào phòng, tôi thấy một bà cụ da trắng đang ngủ gục trên xe lăn trước màn ảnh truyền hình. Tôi nói nhỏ một lời cầu nguyện cho bà, xong bước ra cửa mà không dám nhìn lại, sợ yếu lòng trước những cảnh khổ của kiếp người mà tôi không thể nào hiểu được.

Sương mù trắng đục vẫn phủ kín khu phố Bolsa khi tôi chạy ngang với tốc độ thật

chậm. Về đến nhà, tôi ngồi lại trong xe và quan sát cây sung ở trước sân. Thân cây lớn hơn một vòng tay ôm, có lẽ từng nảy mầm hơn một trăm năm trước. Những chiếc lá màu nâu úa của một loại sung California có hình dạng giống lá phong đã rơi rụng gần hết. Từ ngày dọn về căn nhà này, vào mỗi đầu Mùa Xuân tôi đều chờ xem những nhánh cây khô bắt đầu nảy mầm xanh. Lần nào cũng vậy, tôi đều nhận thấy có sự kỳ diệu ở những mầm xanh non, vui mừng trong cơn hội ngộ với niềm tin ở sự sống sau một Mùa Đông chết lặng.

Mùa Xuân sẽ trở về với cỏ cây. Những gì giúp cho cây sung trước nhà nảy lộc cũng sẽ mang đến niềm sống cho tôi. Tôi biết vậy, mà sao lòng vẫn bùi ngùi trong đêm Giao Thừa, thương cho một kiếp người phải nương tựa vào lời kinh, lần đường trong sương mù.

Hoàng Mai Đạt



Giữa đời

BIÊN THỊ THANH LIÊM

Chiếc valise cuối cùng vừa xong, khóa lại. Như đời Nguyễn cũng khóa lại từ đây. Căn phòng nhỏ và hẹp nhưng tràn đầy ánh sáng. Một bên, cửa sổ mở ra buổi sớm nhìn ra khoảng sân rộng với đám cỏ bình an, xanh mướt. Bên kia, là phía cửa khép lại buổi chiều để tránh nắng gắt như từng đợt sóng luồng nóng vào phòng. Tự nhiên Nguyễn cười, tránh cách nào thì sức nóng cũng đã âm i len thốc vào bên trong. Tràn lấp. Sức nóng đã làm héo rũ những đợt hoa tươi Nguyễn đặt trên bàn ở mỗi cuối tuần, như chút phần hương tô vẽ trên khuôn mặt cuộc đời mình những thoáng vui cần thiết. Rồi cũng chầy tan, mất hút. Như cuộc chia tay đã đến lúc phải thành hình. Nguyễn và Ninh, chồng nàng. Hai người đã đồng ý ly hôn.

...Không người đàn bà nào lại muốn mình giữa đời phải rẽ ngã phân ly. Một nửa cuộc đời như hai lối trên cùng hướng đi, mộng và thực vẫn là bước thứ thách đầy cam go của những tâm hồn nhiều cảm xúc như Nguyễn. Nàng là người con gái đầy lãng mạn, nhiệt tình. Yêu Ninh, như một tự nhiên vì Ninh rạng rỡ. Ninh say sưa trong những tác công tác Thanh niên thiện nguyện. Ninh hăm hở như những thiên thần trên mặt đất. Giữa đám đông bạn bè trai gái vui chơi Ninh là đôi cánh của nàng trong ước mơ tô thắm cuộc đời. Ninh cũng là bước chân lặng lẽ nhưng vững chắc đầy thương yêu trên đoạn đường tưởng chừng muôn phần trắc trở. Họ lấy nhau, bình an như hai con nước cùng xuôi thẳng về nguồn. Nhưng cuộc đời không phải là một ước tính an bình.

Đời sống vợ chồng không trải thảm êm êm như giấc mơ niên thiếu. Thực tế như những trận mưa dai dẳng đã xoi mòn hình ảnh năm xưa nàng ướm mộng đắp xây. Nụ hoa đã rụng dần cánh sắc thắm tươi để trở ra những đợt cành héo hơon cần cỗi. Với nàng, bằng cách nào đó Ninh đã xoay lưng lại phía gia đình. Công việc mới, bạn bè thêm, và những bận rộn hút hơi khiến Ninh như quên lãng nàng. Căn phòng

như rộng. Lạnh ngắt những nỗi niềm cô đơn của tháng ngày đã mất hút âm hao xưa cũ. Một mình Nguyễn miên man lời cầu kinh lặng lẽ như nhắc nhở về một quá khứ yên lành không dự tưởng được ngày mai của bất trắc đổi thay. Nguyễn như vậy. Âm thầm. Như người nữ tu trong ngôi đền hoang phế tưởng tiếc một thời xanh ngát hương yêu. Bao tháng đã qua. Bao năm đã tới ? Nguyễn không còn nhớ để nghe ngưng đợi chờ. Nguyễn không còn tin để giữ cho mình nhịp tim bình thản.

Và họ chia tay. Lặng lẽ. Như thể Nguyễn chuẩn bị cho một chuyến du hành cùng bề bạn. Như thể Nguyễn sắp xếp cho Ninh chuyển công tác từ hãng xưởng đi xa. Không vội vã như những lần va chạm giận hờn, Nguyễn thu xếp vài thứ mang theo đến nhà người bạn trốn núp cơn đau cơ hồ ngọn lửa đang hoành hành nàng mệt thấu rã rời. Gian phòng bên ngoài, trống trải đến ngậm ngùi. Ninh bỏ đi đâu đó... chừng như lánh mặt để Nguyễn tĩnh yên thu xếp. Hay phút cuối của một đoạn đường, vết thương vấp ngã đang khuấy đau thân thể của những kẻ một thời đã cột chặt bên nhau? Khăng khít.

Nguyễn đặt mảnh giấy trên bàn. Lá thư viết vội đêm qua như trận mưa, hắt tạt qua hiên nhà đã kéo tâm tư Nguyễn lan man qua từng khoảng những bến bờ kỷ niệm. Nàng đã quên không biết là mình có khóc hay không? Vì nước mắt... Nguyễn nghe như đôi lúc thoát gần gũi như có thể cất dấu đi bao điều phiền muộn nhưng đôi lúc lại cay nồng những điên đảo hận thù. Nguyễn thấy Ninh xa lắc đổi thay. Chàng đứng vững như cây khô trở trọi giữa đời. Dường như có một đời sống khác đang cuốn lối chàng mạnh mẽ hay chính hôm nay chàng đã như người chiến binh già thức thủ qui hàng? Nguyễn không biết vì nàng cũng không cần muốn biết. Nguyễn chỉ nghe mình như lằm mòm mõi, nhọc nhằn.

"Anh, như những giọt nước đã đến lúc đầy tràn. Mình phải

chia tay vì những điều không thể. Tiếc hối hay thân nhiên? Dường như bây giờ em chưa thấu được tận tường. Em không chờ đợi... vì không ai đủ can đảm đợi chờ những điều bất hạnh sẽ úp chụp đến mình trong khi chúng ta cố quá nhiều khoảng trống như để lẫn tránh nhau. Em biết em, một điều rất thật là mình không thể sống mãi bên nhau như mình đang sống. Như là mình đang có nhau, hạnh phúc. Nên anh và em, mình đã đồng ý chia tay. Giữa đời, em như kẻ trắng tay loay hoay mãi với bóng mình bên anh cô độc. Chắc là mình rồi cũng không thể quên nhau. Nhưng ngặt một điều sự nhớ nhau cũng không thể làm mình đối mặt. Thật lòng thì em vẫn mong anh bình an hơn... sau ngày ta thật sự không còn dính dấp đến nhau..."

* Ninh trở về khi biết chắc Nguyễn đã ra đi. Khoảng đường dài làm người bộ hành thẫm mệt. Sự mệt mỏi như một lực cuốn hút người ta cứ lầm lũi bước đi quên khuấy người song hành cũng giống như mình, mệt lả. Ai cũng thấy rằng mình là kẻ cần phải được nâng đỡ ủi an mà quên đi một điều phải nhớ, là kẻ sống bên mình cũng trông chờ nơi mình như phép lạ dắt dìu nhau qua thác ghềnh của cuộc đời dâu bể. Ninh mím cười cay đắng, sao cuộc đời giống như một trò chơi thí mạng khi ai cũng rắp tâm kiếm tìm hạnh phúc mà con đường đi thì chỉ thấy có dốc ngược và đặng cay. Dường như Ninh đã chạy trốn chính mình, cũng như chính Nguyễn bằng mọi cách. Ninh viết lách này nọ giải khuấy hay vui đầu đọc sách hoặc mài miết trên phím máy thậm chí đôi lúc gây hấn nhau trên phone với bạn vì những bất đồng quan điểm nọ kia...

Ninh đau đớn vì Nguyễn đã chính thức bước khỏi cuộc đời mình. Sự chia tay nào mà không làm thương tổn trái tim những kẻ yêu nhau. Nguyễn của một thời cũng là nỗi ước mơ của bao chàng trai cất công theo đuổi nhưng Nguyễn đứng đưng và khiêm hạ. Giản dị và hiền hòa Nguyễn như đã là của Ninh khi họ gặp gỡ và yêu thương. Vậy mà bây giờ... Ninh mất Nguyễn. Một cuộc chia tay êm thắm vì không có kẻ thứ ba lạc vào khuấy động, mà Ninh ư? Chàng vụng về cô độc, đã xô ngã Nguyễn. Chàng như thu nhỏ lại, mất tầm để Nguyễn bỗng thênh thang vắng ngắt. Và Nguyễn phải thoát thân....

Lắng nghe triều sóng

LAM KHÊ

Ngày cuối tuần, Văn -bồng nổi hứng rủ tôi đi chùa. Là kẻ giang hồ lãng tử, thích ngao du nơi sơn cùng thủy tận, nhưng tôi chưa từng thấy hẳn bước chân đến những chốn trang nghiêm thờ tự bao giờ. Văn còn bảo: "Một ngôi chùa ẩn mình bên dòng sông, đậm nét cổ kính u nhân, rất phù hợp với người ưa tư duy hoài cổ như cậu."

Dừng chân bên cổng tam quan, tôi choáng ngợp trước cánh rừng nguyên sinh được lưu giữ đầu cả hàng trăm năm rồi. Một ngôi chùa cổ như bao ngôi chùa, nhưng cảnh sắc ở đây thật khác biệt. Ngôi chánh điện lọt thỏm giữa rừng cây cổ thụ. Những dãy nhà ngang dọc được trang hoàng tu tạo mới mẻ mà vẫn không làm mất vẻ cổ kính thâm u lâu đời. Nhà tổ nối liền với nhà chúng, nhà khách, theo các lối đi lát gạch tàu có mái che lợp ngói âm dương, hành lang qua lại treo lủng lẳng những chậu phong lan, mấy hàng dây leo nở hoa tím vàng rực rỡ. Mặt sân râm mát. Cỏ mọc xanh um. Rải rác trên thảm cỏ, có vô số đá tảng với nhiều hình thù quái dị lạ mắt. Chùa thuộc dạng di tích lịch sử. Ngày thường vắng vẻ. Nhưng nghe nói vài năm trở lại đây, những ngày rằm lớn, trước cổng chùa tràn ngập người buôn bán hàng rong và cả hàng quán ăn uống. Do danh tiếng của ngôi chùa cổ nên khách hành hương thích tìm tới chiêm bái. Và cũng bởi ngay trước mặt chùa có bến đò đưa khách du lịch qua cù lao nổi trên sông. Nơi ấy người ta cho xây dựng nhiều công trình vui chơi giải trí.

Tôi vừa định bước vào chánh điện thì Văn kéo tay lại:

- Chúng ta đến chào Sư ông trước đi.

- Sư ông trụ trì chùa à?

- Sư ông là bậc đại lão tôn túc. Là viện chủ chùa. Người ở riêng tịnh thất yên tu, chuyên tâm dịch kinh viết sách...

Không hiểu Văn đi chùa từ lúc nào mà biết rành những từ chuyên môn nhà Phật đến thế. Vừa đi Văn vừa giới thiệu chỗ này chỗ kia, y như hẳn là người ở vùng này vậy. Gian tịnh thất của

Sư ông tọa lạc trên ngọn đồi, hướng mặt ra dòng sông, tách biệt giữa rừng cây dương cao lớn. Leo chưa hết mấy bậc tam cấp, tôi đã nghe mùi hoa lý thơm nồng sóng mũi. Dòng sông trôi bên dưới, lững lờ xanh biếc, vài con đò nhỏ đưa khách đang rẽ bến vào bờ.

Sư ông dáng người tầm thước, vẻ mặt trang nghiêm, phong thái tự tại. Người vừa xả thiền, thấy khách liền bước ra sân. Văn chấp tay xá chào:

- Chúng con đến vãng cảnh chùa và thăm Sư ông đây.

Sư ông chấp tay đáp lễ:

- Mô Phật. À! Văn đấy à!

Mắt sư lúc này kém lắm rồi... nhìn từ xa cứ ngỡ là ai.

- Nhưng Sư ông vẫn còn minh mẫn, suốt ngày ngồi thiền dịch kinh viết sách, còn chơi cờ thật khó ai qua được.

Sư ông cười:

- Ấy! Chơi cờ... dịch kinh viết sách cũng là phương tiện. Mục đích của người tu sĩ là chuyên tâm vào việc tu hành giải thoát!

- Bạch sư ông! Vậy thì môn chơi cờ là phương tiện có ý nghĩa nhất đối với con. Nhờ nó mà con biết đến chùa, được sư ông cảm hóa.

Tôi vẫn đứng yên lặng... lắng nghe. Chừng như nhớ ra, sư ông quay sang hỏi:

- À! Cậu bé này là bạn của Văn phải không?

Tôi chưa kịp thưa thì Văn đã hốt lời:

- Dạ... thẳng bạn mà con đã thưa với sư ông hôm trước đó. Là nhà văn kiêm nhà khảo cổ khảo cứu gì nữa đấy. Hẳn thích sưu tầm tìm hiểu mấy ngôi chùa cổ. Sư ông đem mấy tập văn thơ ra cho hẳn chỉnh sửa...

Tôi không ngờ Văn lại đưa tôi vào tình thế này. Tôi chỉ biết viết lách đôi chút mấy chuyện thể sự đời thường, làm sao dám chỉnh sửa văn của bậc tu hành đạo thâm uyên bác. Tôi chưa kịp thoái thác thì sư ông đã vui vẻ nói:

- Thật may quá. Sư ông nghe Văn nói nhiều về con. Tập văn này sư ghi lại công trạng của

Tổ sư, người khai sáng ngôi Tổ Đình cách đây đã hơn hai trăm năm. Sư nhờ con đọc rồi chỉnh văn chỉnh ý...

- Dạ bạch Sư... con thật sự không dám. Con không am hiểu mấy về sự tích kinh điển nhà Phật...

- Có gì đâu - Văn chen vào - Cậu chỉ là sửa văn thôi mà. Giao chút duyên lành đi, rồi sẽ gặt được quả Phật như mình vậy nè...

Sư ông bước vào trong lấy ra quyển vở mỏng đưa cho tôi:

- Con cầm lấy rồi về nhà đọc thử... Mà con có biết chơi cờ không?

Tôi ấp úng:

- Dạ thưa không.

Văn nhanh nhẩu:

- Vậy cậu lại nằm võng dưới dàn hoa thiên lý mà đọc sách ngắm hoa. Hoặc là đi xuống dưới chùa khảo sát phong cảnh địa thế. Còn mình sẽ đánh cờ với sư cụ. Bao giờ tới đây mình cũng chơi vài ván cờ...

Văn thường có kiêu ra lệnh như thế. Song tôi chẳng chút phật lòng, chỉ hơi thắc mắc không biết cơ duyên nào đã đưa Văn đến chùa. Chẳng lẽ vì môn chơi cờ. Văn thuộc loại người đa tài lắm tật. Thi ca hội họa là sở trường. Giỏi thư pháp còn chơi cờ thì cừ phách. Có thể hẳn mến sư ông vì cùng sở thích, hoặc nể phục gặp được bậc uy đức thượng thừa. Không mấy hứng thú với môn giải trí thời thượng này, tôi cầm bản thảo bước tới giàn hoa thiên lý. Gió thu hiu hiu thổi. Mùi hương hoa tỏa ngát. Lần giở từng trang sách, tôi thoảng nghe một làn cỏ thơm thâm ý diệu màu hiện ra...

"... Mặt trời vừa khuất sau rặng cây um tùm rậm lá, cảnh sắc bên sông nhuộm màu khói lam u tịch. Có người lữ khách vừa dừng chân ghé lại, ngẩn ngơ nhìn trời nước bao la. Gió chiều miên man thổi. Sóng nước chập chùng. Không một mái chèo khua động. Không một tiếng vọng từ cõi bờ xa dội lại. Bỗng hoàng hôn che khuất mọi nẻo đường nơi bến cô liêu.

Lữ khách là một thầy tu độ tuổi trung niên. Thầy vốn người phương bắc, theo đoàn di dân Nam tiến đi tìm vùng đất mới.

Rong ruổi trên đường địu vợ, chỉ với mở hành trang nhẹ gánh phiêu bồng. Biết bao lần vượt thác băng rừng, bao lần đối mặt với hiểm nguy. Xóm làng phố thị đi qua, nhưng bước chân đời lẫm tử chưa muốn dừng lại. Trời đất trải rộng mặc sức cho lòng người tiêu dao cùng sơn thủy hữu tình.

Leo trở lên bờ dốc thấp, thầy đến ngồi nghỉ chân trên tảng đá bằng phẳng rồi mở dây lấy gói lương khô ra dùng bữa. Một chiếc ghe nhỏ qua dòng sông rộng lúc này là điều bất khả. Đêm nay có lẽ phải nghỉ lại đây. Đêm cuối tháng bên dòng sông vắng, chỉ có gió trời lồng lộng cùng một vũ trụ đầy sao.

Trời tối dần. Thầy lần mò xuống bờ sông gột rửa hết lớp bụi đường. Nước sông mát lạnh. Không khí trong lành. Một vùng đất cận nam nhiều sông rạch, cảnh sắc tiêu sơ nhưng phong thủy xem ra cũng có phần đắc lợi. Nhìn chiếc bè trôi sông, thầy chợt nhớ đến cuộc hành trình phía trước: "Sáng mai mình sẽ kết lại mấy chiếc bè để sang bờ bên kia. Đây là miền hoang dã chướng khí, không thể lưu trú ..."

Lót mớ cỏ khô lên mặt đá, thầy ngồi định tâm giây lát rồi nhanh chóng chìm sâu vào giấc ngủ. Nửa đêm trở trời lạnh buốt. Cảnh núi rừng yên ắng bỗng trợn cuồng phong ầm ầm nổi dậy. Gió núi rít lên từng hồi. Tiếng sóng vỗ xa xa nghe như tiếng kinh ngư khuấy động. Giây lát thầy trở giấc mơ màng. Cảm giác có ai đó kéo chiếc y mỏng đắp choàng qua vai, thầy vội đưa tay giữ lấy... bỗng giật mình vì nhận ra một bóng người vàng rực cùng tiếng nói thoảng nhẹ qua tai:

- Đại Đức sao không vào chùa nghỉ, lại nằm ngoài trời, đêm hôm sương gió lạnh lẽo...

Tâm thức còn chập chờn, thầy lên tiếng:

- Ở nơi hoang vắng núi rừng này, làm gì có được cảnh chùa để lưu trú.

- Có một ngôi chùa gần đây. Nếu Đại Đức không phiền xin hãy theo tôi.

Thầy mở mắt kinh ngạc hỏi:

- Có chùa ở gần đây thật sao? Nhưng người là ai? Thiên thần hay ma quái?

- Là bực chân tu thì ngại gì ma quái hay thiên thần. Người giữ tâm chánh định thì dù gặp ma chướng hay cảnh nghịch cũng hóa giải hết. Đại đức là người ở xa mới đến, xin hãy theo tôi đến ra mắt vị Bồ Tát chủ trì mảnh đất này.



- Bồ Tát... sao lại ở chốn này?

Thầy buột miệng hỏi rồi định thần nhìn kỹ người đối diện. Một chú đạo ba chòm, dáng vẻ tự nhiên ra chiều thông thả. Một phong tư đạo mạo khác phàm. Vốn tính hiếu kỳ lại ưa thích chuyện phiêu lưu, thầy liền gặt đầu:

- Được gặp Bồ Tát quả là túc duyên kỳ ngộ. Lại viếng cảnh chùa xa, có nơi tá túc qua đêm thì còn diễm phúc nào hơn.

Chú đạo nhẹ gót quay lưng. Vị thầy cũng vội cầm y quảy đẩy bước theo. Trước mặt hiện ra con đường dài rộng lối thềm thang. Những hàng cây cao vút như không thể cao hơn được nữa. Phướn lộng, đèn hoa giăng mắc khắp nơi. Rồi tiếng linh tiếng trống dồn dập vang dậy giữa không trung. Một nghi lễ sắp bày để tiếp rước ai đó. Thầy chưa kịp hỏi thì cảnh Già Lam đã hiện ra. Quả là nơi Thánh cảnh huy hoàng tráng lệ chưa từng thấy. Mái chùa cong vút, óng ánh màu bạch kim. Cả bầu trời lúc này tỏa sáng như có cả ngàn ánh thái dương cùng hội tụ. Không ngờ nơi chốn núi rừng hoang vắng lại có một mái chùa trang nghiêm bề thế đến vậy.

Vị thầy theo chân chú đạo vào chánh điện. Điện Phật rộng lớn, rực màu vàng chói. Ngoài tượng Phật Bổn Sư ra thì không chứng bày gì khác. Bước xuống nhà Tổ, nhìn thấy có Bồ Tát ngồi trên chiếc ghế đầu bọc vải, thầy

liền bước tới xá chào. Bồ Tát hỏi:

- Ông biết ta sao?

- Dạ... con chưa từng biết. Nhưng nghe chú đạo nói, con nghĩ ngài là Bồ Tát Trì Địa. Vị Bồ Tát chuyên đi nối những cây cầu gãy và đắp lại những con đường bị hư hoại... trên vùng đất mà ngài chủ trì giáo hóa.

Bồ Tát mỉm cười không đáp.

Một lúc lâu mới cất tiếng:

- Vùng đất này là nơi chư Bồ Tát thường qua lại kết giao pháp lữ. Nay ông đã đến đây, vậy thì hãy ở lại, vì chúng sanh gieo pháp lành lợi lạc về sau.

Vị thầy nghe vậy liền vội thưa :

- Ngài là Bồ tát chủ trì cuộc đất này. Con được hội ngộ quả là phước duyên hy hữu. Song con biết mình khó mà đảm trách được hạnh nguyện lợi tha to lớn như ngài. Là người du phương hành đạo, con chẳng ngại gian nan vất vả. Nhưng đây là vùng núi sông hiểm trở xa cách xóm làng... chỉ thích hợp cho người ẩn dật chuyên tu.

- Nếu ông phát tâm lập đạo tràng hóa độ chúng sanh ở chốn này ắt có Long Thiên Hộ Pháp gia hộ, lo gì sự nghiệp hoằng pháp không thành tựu. Ngày sau nơi đây sẽ trở thành chốn danh lam thắng tích. Chúng sanh và hàng môn đồ nhờ ông mà thấm nhuần ân đức..."

...Ánh nắng chiều soi bóng xuống dòng sông. Sân chùa đã vắng người qua lại. Trời đất bao la. Sóng triều lên xuống. Bến đò què



yên vắng chợt vang lên khúc tiêu cầm diu đặt mênh mông như hư như thật. Tôi tỉnh thức giữa bốn bề thanh âm trầm lắng hòa nhã, mà ngỡ mình lạc bước vào một cõi thần tiên mộng ảo. Nhìn quanh... Sư ông còn ngồi xem kinh bên chiếc bàn nhỏ. Vẫn không biết đã biến đâu mất rồi. Ngồi bật dậy, tôi nói trong tiếng ngáp dài:

- Khung cảnh yên tịnh và gió mát làm con ngủ ngon quá. Mà Văn đâu rồi thưa sư ông?

Sư ông ngược nhìn lên, khẽ đáp:

- Văn xuống chánh điện ngồi thiền đã gần một giờ rồi. Cũng sắp xong. Thấy con ngủ ngon quá, cậu ấy không nỡ đánh thức. Văn bảo lần tới sẽ dẫn con tới dự khóa tu thiền...

Quyển sách trên tay tôi suýt rơi xuống đất. Thẳng Văn làm tôi ngạc nhiên quá đỗi. Chưa bao giờ nghe hẳn đi chùa, chứ nói gì đến chuyện tu thiền. Tôi lắp bắp hỏi:

- Văn mà ngồi... thiền. Thật là chuyện lạ. Lâu nay hẳn chẳng hề hở miệng với con...

Sư ông chậm rãi nói:

- Khuôn viên chùa có nhiều cây cao thoáng mát yên tịnh, cách xa dân cư phố thị. Cuối tuần có nhiều thanh thiếu niên tìm tới tu tập thiền quán. Mọi người có thể đến chùa bất cứ lúc nào, chỉ để được ngồi yên lặng trong một vài giờ... vừa thư giãn vừa tận hưởng bầu không khí trong lành. Khi đối diện với nhiều bất ổn lo âu trong cuộc sống, con người ta thường có khuynh hướng trở về nội tâm. Ngồi thiền là một học phương pháp an tâm, sống trong chánh niệm. Sư cùng quý thầy

hằng tuần đều có giảng pháp và hướng dẫn phương pháp tu thiền định tâm.

Tôi dè dặt hỏi:

-Thưa sư ông, lúc mới đến, con có nhìn thấy nhiều người đang thiền hành, có người thì yên tọa trên băng đá hoặc ngồi ngay dưới thảm cỏ. Thật là một chốn thiên môn an tịnh. Nhưng con nghe nói... chùa được xếp hạng di tích lịch sử nên khách thập phương chiêm bái ngày một đông, kéo theo những người buôn bán xô bồ phức tạp. Người ta còn cho xây bến đò ngay trước mặt chùa đưa đón khách du lịch qua cù lao. Như vậy chẳng những làm ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường và mái chùa cũng dần mất đi sự thanh tịnh yên tĩnh.

Sư ông gật đầu tiếp lời:

- Xã hội phát triển. Thời đại công nghiệp cũng tác động ít nhiều đến cửa chùa. Nhưng đó là cuộc sống bon chen bên lề xã hội. Mọi chuyện buôn bán vui chơi đều diễn ra bên ngoài. Người đã bước chân vào cổng chùa, dù chỉ để dạo cảnh xem hoa cũng phải biết giữ lòng thanh tịnh, đi đứng nhẹ nhàng, lời nói cử chỉ hòa nhã tử tôn. Những ngày rằm lớn có đông khách vãng lai vào lễ chùa, một khi đã bước vào đây thì ai cũng biết tuân thủ giữ mình. Cửa Phật từ bi rộng mở. Giáo lý Phật đà luôn nói đến thuật ngữ tùy duyên. Tùy duyên mà vẫn bất biến. Bất biến mà lại tùy duyên. Chơn lý suốt mấy ngàn năm vẫn vậy. À! Sư ông thấy con có đọc qua quyển sách...

- Dạ con mới đọc có ít

trang. Theo con biết thì đây là tập truyện vừa có giá trị lịch sử vừa mang tính nhân văn thời đại. Viết về một con người, một sự kiện có thật với mạch văn lưu loát, diễn cảm y như người trong cuộc đã sống cách đây mấy trăm năm thật là sống động. Sư tổ ngày xưa đứng chân bên dòng sông, giữa cảnh hoang vu bốn bề cây xanh nước bạc, Người ắt đã nhận ra thiên thời địa lợi. Người trước mở đường. Người sau tiếp nối. Chỗn Già Lam ngày một phát triển đúng với tâm hạnh và nguyện lực của Tổ sư... Thưa Sư ông! Thật thú vị khi biết về lịch sử của một ngôi chùa cổ. Song con chỉ hiểu bấy nhiêu. Ngoài ra không dám có ý kiến gì ạ...

Sư ông mỉm cười:

- Con nhận xét thật tinh ý.

Sư ông viết theo tài liệu để lại hằng trăm năm và qua lời kể của Tôn Sư. Chỉ là ghi chép vài sự kiện về công trạng đức độ của vị Tổ khai sơn Tổ Đình. Công trạng của người xưa nói sao cho hết. Người vì pháp quên thân càng không muốn lưu lại dấu tích. Nhưng hậu thế chúng ta không có quyền quên. Ghi nhớ ân đức của người xưa để tiếp nối truyền thừa. Ghi nhớ và học theo hạnh nguyện của Tổ sư mà lo vun bồi đạo nghiệp, lợi lạc quần sanh. Vạn pháp đều là mộng ảo giai không. Nhưng từ có mà chuyển thành không phải trải qua bao kiếp tu hạnh đạt đạo. Nói gì thì lịch sử vẫn luôn mang một giá trị truyền lưu nhất định.

Trời đã chiều lắm rồi, thấy tôi sốt ruột nhìn ra bờ sông, Sư ông vội nói:

- Con xuống dưới xem Văn xả thiền chưa. Nếu có duyên ngày nào đó con ghé lại học thiền và chúng ta lại có dịp bàn luận về văn chương Phật pháp, cũng là cơ duyên để con học hỏi.

... Văn ngồi thiền trên chánh điện. Anh chàng xưa nay có lối sống buông thả vô định. Không ngờ chỉ qua vài khóa tu thiền mà tư tưởng đã biến đổi nhanh như vậy. Văn muốn cho tôi thấy sự thay đổi một cách bất ngờ. Và tôi đã thật sự bất ngờ.

Bên dòng sông... từng đợt sóng triều xuống lên không dứt. Chỉ có lòng người trở về là hoàn toàn tĩnh lặng an vui thanh thản ngay giữa bến bờ sanh diệt.

Lam Khê

Sân trước một dáng mai

VĨNH HỮU



Gia đình tôi dọn về nhà mới vào lúc gần Tết, cách đây ba năm, ba mùa Xuân vui tươi ở chốn phù hoa đô hội. Hồi đó, khi mới đặt chân vào ngôi nhà mới, gia đình tôi ai cũng reo mừng khi thấy bên cửa ngõ ra vào có sẵn một cây mai cao chừng hai thước, nhánh cành nụ lá xum xuê. Tôi được cha tôi giao việc lật lá cho cây mai, để kịp đâm nụ nảy chồi nở hoa đón cái Tết đầu tiên ở nhà mới. Đến ngày lật lá, tôi chưa kịp làm gì thì cây mai đã tự rụng lá cả rồi. Cả nhà tôi ai cũng tưởng tôi lật. Cha tôi khen, hỏi:

– Mới chiều tối hôm qua, ba còn thấy cây mai đầy lá. Vậy ra con đã một mình lặt lá cho nó vào hồi khuya, phải không?

Tôi định phủ nhận, nhưng không hiểu sao tôi lại mím cười gật đầu. Được khen, được thưởng công, đại gì mà từ chối kia chứ?! Tết năm đó, cây mai nở hoa vàng rực cửa ngõ, ai cũng trầm trồ trước vẻ đẹp sang trọng của cây hoàng mai chốn sơn lâm xa vắng. Riêng tôi, tôi cứ băn khoăn trước câu hỏi chưa được giải đáp: “Ai chính là người lật lá cho cây hoàng mai?” Xuân qua, Tết tàn. Thời gian trôi đi mang theo nỗi băn khoăn khắc khoải trong tôi vào lãng quên...

Mùa Xuân thứ hai đến. Một sáng thức dậy sớm, tôi kinh ngạc đứng chôn chân trở mắt nhìn cây mai trước ngõ khi thấy lá của nó đã tự rụng hết xuống quanh gốc. Tôi ngơ ngẩn đứng nhìn cây mai trơ trụi những nhánh chi mảnh khảnh. Chỉ qua một đêm mà cây mai đã trút bỏ được xiêm áo cũ để chuẩn bị khoác lên mình chiếc áo vàng rực mới mẻ! Ai đã lật lá cho nó, nếu không phải là tôi? Tôi im lặng. Cả nhà lại tưởng tôi đã lật lá mai, lại khen, không ai trong nhà tôi tự nhận mình làm công việc đó, vì đó là việc của tôi phải làm. Tôi bắt đầu khổ sở vì dấu hỏi to tướng cứ lớn vờn chấp chờn trong đầu, trước mắt. Không lẽ cây mai này thuộc một giống mai rừng có đặc điểm... tự rụng lá? Tôi ngâm thơ đi tìm tòi trong sách thư viện, hỏi thăm những

bậc cao niên chuyên gia về cây cảnh, nhưng tuyệt đối không được một thông tin nào xác nhận có một loại mai rụng tự rụng lá. Mấy bác ở câu lạc bộ chim cây cá cảnh cười khề khà gọi tôi là thằng nhỏ “mát dây”. Tôi quá thật muốn “mát” vì chuyện lá mai rụng. Tôi ghi vào sổ nhật ký để nhớ ngày tự rụng lá của cây hoàng mai bí hiểm. Ghi để mùa xuân năm sau, tôi sẽ theo dõi. Tôi quyết phải khám phá bí mật... Mùa xuân lại về, về đến cổng nhà tôi, bên ngõ ra vào cây mai đang đứng đó chờ tôi lật lá. Tôi xem lại sổ, đã đến ngày cây mai tự rụng lá. Tôi bồn chồn nôn nóng suốt từ sáng tới chiều, mong cho mau đến tối để âm thầm theo dõi cây mai. Tối đến, mọi người đều đã yên giấc cùng với phố xá tĩnh mịch. Tôi ngồi lặng lẽ giữa sân, nhìn chăm chăm về phía cây mai với nỗi phập phồng chờ đợi. Đã hơi 10 giờ đêm rồi, cây mai vẫn đứng đó lặng câm, không hề động đậy. Tôi chán nản định bỏ cuộc, nhưng rồi sự ấm ức khó chịu đã bắt tôi phải kiên nhẫn. Tôi tự nghĩ: “Ai dám bảo cây cỏ vô tình vô tri? Phải chăng cây mai kia cũng biết xấu hổ then thùng khi đang cởi bỏ xiêm áo mà có tôi ngồi sờ sờ ra đó ngắm nghĩa?”. Nghĩ vậy, tôi đi vào nhà, đóng cửa và làm ra vẻ như đang đi ngủ. Tôi nín thở đứng sau cửa, nhìn qua khe ra sân trước, tập trung nhãn lực vào cây mai. Im ắng. Tôi nghe rõ tiếng tim mình đập thom thóp. Nghe cả tiếng muỗi bay vo ve. Muỗi bầu vào cắn tay chân tôi, tôi cắn răng chịu đựng, không dám đập đuổi vì sợ kinh động. Chờ khoảng nửa giờ, khi lũ muỗi chắc đã no nê, tôi ngửa ngáy và mở cay cả hai mắt, định đầu hàng phút, đi ngủ một giấc cho khỏe thân nhàn trí. Bất chợt, tôi giật mình lạnh gáy khi kịp nhìn thấy một bóng người xuất hiện thấp thoáng ngoài cửa ngõ. Tôi nín thở, mở trừng hai mắt lên, trừng hết cỡ trừng, nhìn ra không chớp mắt. Một bóng người nhỏ nhắn vừa leo qua tường nhảy vào nhà tôi,

nhảy xuống sân, bước lại đứng bên cây mai. Người lạ có mái tóc dài. Con gái. Ma hay người? Ma ư? Tôi không dám nói là mình không tin vào chuyện ma quỷ, cũng không dám nói là tin, vì xưa nay tôi chỉ được nghe và đọc chuyện ma, chứ chưa bao giờ thấy ma. Tôi lại rất tin vào Phật. Không phải tôi tin vào những tượng Phật, mà tin vào giáo pháp nhiệm màu của bậc Chánh đấng Chánh giác. Học pháp Phật để áp dụng vào cuộc sống là những điều mà tôi đã và đang làm. Những kinh chú của Mật tông tôi cũng đã thuộc nhiều, thuộc để phòng thân, sẽ mang ra dùng khi lâm vào những tình huống, hoàn cảnh nguy nan bối rối. Vậy mà tôi vẫn không sao bình tĩnh được khi thấy tận mắt một bóng ma đang lên vào sân nhà mình. Tôi không nhớ gì đến chú Chuẩn đề, chú Dược Sư, hay chú niệm cầu đức Bồ tát Quan Thế Âm. Tôi kinh hãi đến trợn tròn, há hốc mồm. Người con gái đang đứng bên cây mai, miệng nói lầm bầm, lầm râm những lời gì không rõ. Rồi, người ấy bước lại sát bên cây mai, bắt đầu... lật lá. Tôi nhìn chăm chăm vào hai chân người con gái lạ, nhìn để xem thử có hồng đất hay không. Tôi thường nghe nói ma quỷ đi chân không chạm đất. Nhưng, trước mặt tôi là con người. Tôi hít một hơi thật sâu để lấy được bình tĩnh, niệm lầm râm “An ma ni bát mê hồng” mấy lần, rồi mở nhẹ cửa, bước nhanh ra, băng qua sân, tiến về phía cây mai. Nghe động, người con gái giật mình quay phắt lại. Qua ánh sáng từ ngọn đèn đường hắt xuống sân nhà, tôi nhận ra trước mặt mình là một người con gái trẻ khoảng mười lăm, mười sáu tuổi có dung nhan xấu xí. Tôi hơi chột dạ, đứng khựng lại. Hai đứa tôi nhìn nhau thật lâu, không thốt một lời. Sau cùng, tôi phá tan bầu không khí im ắng đến rợn người, hỏi:

– Bạn làm gì ở đây vậy? Bạn là ai?

Người con gái ngập ngừng, rồi hỏi với giọng yếu ớt:

– Anh có thật sự nhận tôi làm

bạn hay không?

- Ừ, bạn thì bạn. Có thêm bạn thì tốt chứ sao đâu!

- Cảm ơn anh. Anh đừng có đuổi em ghen!

- Tại sao phải đuổi?

- Vì em đã tự tiện vào đây, lật lá cho cây mai, mà không hỏi ý kiến của chủ nhà!

- Lật lá mai là nhiệm vụ của tôi, cha tôi đã giao cho tôi. Nếu bạn lật giùm, tức là đã giúp đỡ tôi, tôi phải cảm ơn và mời bạn vào nhà chơi, chứ sao lại đuổi đi được!

- Anh tốt quá, cảm ơn anh rất nhiều.

- Nhưng bạn chưa nói tên cho tôi biết. Tôi là Hưng.

- Em là Hoàng Mai, bằng tuổi với cây mai vàng này, thua nó năm tháng!

- Ừa? Vậy ra...

- Đây là nhà cũ của gia đình em. Cha em mất đi, anh Hai bê tha rượu chè cờ bạc đến độ nợ, buộc mẹ em phải bán nhà để chia gia tài...

- À, thì ra là vậy. Nhưng... tại sao Mai lại đến đây lật lá mai?

- Chuyện dài lắm anh ơi. Em không thể quên những kỷ niệm ở ngôi nhà này. Bây giờ, gia đình em đã xa nó, sống ở một vùng quê yên tĩnh cách đây trên 30 cây số, hàng năm cứ đến ngày này, em phải đón chuyến xe đầu tiên trong ngày, về tá túc ở nhà một người bạn của anh Hai em, chờ đến giờ này, em lại lật lá cho mai, xong việc, em về ngủ, mai sáng lại đón chuyến xe sớm nhất về nhà...

- Tại sao Mai lặn lội cực khổ như vậy?

Giọng Hoàng Mai trầm buồn, kể:

- Cây mai này do cha em trồng, trồng khi em đang còn nằm trong bụng mẹ, sau này khi em chào đời, cha em đã đặt tên cho em trùng với tên cây mai. Nó thuộc mai rừng, ở chốn rừng thiêng nước độc, học trò của cha em đã tặng cho ông trong thời gian ông dạy học ở một trường miền núi. Cha em xuất thân từ một gia đình bần cùng ở thôn quê, bà con trong dòng họ đều dốt chữ, nên ông càng quyết tâm ăn học... Em rất thương quý cha, nhớ cha rất nhiều, nhất là mỗi độ xuân về, nhìn cây mai là nghĩ tới cha...

Tôi lặng người vì xúc động. Giọng nghẹn ngào của Hoàng Mai giữa đêm khuya chầm chầm như một khúc nhạc u buồn.

- Em nhớ cha nên hàng năm



phải về đây lật lá cây mai. Nó đã thuộc về quyền sở hữu của nhà anh, nên em phải lén lút như vậy. Những năm cha em còn sống, ông thường gọi em ra phụ một tay lật lá mai, khi Tết đến, hai cha con cùng đứng ngắm cây mai với lòng vui sướng tưởng không gì bằng... Hoàng Mai khóc thút thít. Tôi cũng nghẹn ngào trước tâm sự của cô gái xấu xí nhưng bên trong có một tâm hồn cao đẹp, một trái tim trong sáng đến tuyệt vời. Hai đứa tôi cùng lật lá cho cây mai giữa đêm hôm khuya khoắt. Tôi hỏi:

- Mai còn đi học chứ?

- Học chứ, anh, em đang học lớp 10 ở trường ngoại thành. Cha em trong những ngày cuối đời nằm liệt giường vì chứng ho lao tai ác, đã căn dặn em không biết bao nhiêu lần: "Đừng bao giờ làm một người dốt. Và phải luôn luôn giúp đỡ cho người khác đừng bao giờ dốt!". Em ghi nhớ lời cha răn dạy, đó cũng đúng là lời trăng trối quý báu, nên em quyết tâm học đến nơi đến chốn, sau này em sẽ theo học ngành sư phạm, mai sau nổi nghiệp cha lành nhận thiên chức "trông người". Nếu khó khăn quá, em sẽ chọn con đường... xuất gia, vào chùa vừa được đi tu vừa được học, sau này thế nào cũng có dịp phụng sự chúng sanh bằng kiến thức và tình thương của mình, đó cũng là một ý nguyện của ba má em. Nhất quyết em sẽ không đầu hàng, em sẽ đi theo đến cùng dù cuộc sống gian truân vất vả!

- Mai có thể sẽ trở thành nhà văn, hay thi sĩ không chừng, đừng có đi tu mà ... uống. Vì khi Mai nói chuyện, nghe rất văn chương, có câu cú, có vần điệu chẳng thua gì thi sĩ!

Hoàng Mai tươi cười. Một nụ cười sáng rực trong đêm Xuân. Có lẽ Mai cười vì tôi đã nói một câu ngớ ngẩn "đi tu mà uống". Mà thiệt, tôi ngớ ngẩn quá, không hiểu con ma nào nhập mà khiến tôi buộc miệng nói ra cái câu vô duyên ngu muội đó, khi

chính mình rất tôn kính những người đi theo con đường tu học chánh đạo. Mà đi tu cùng có thể trở thành nhà văn, nhà thơ được vậy, chứ có ai cấm cản? Hai đứa tôi chia tay nhau khi cây mai vàng trước ngõ không còn một chiếc lá trên thân...

...Mùa xuân lại về. Tôi nôn nóng đến tối để gặp lại Hoàng Mai sau một năm trời không hề nhận một tin tức gì về cô bạn gái. Tôi ray rứt, tự trách mình đã vô tình không hỏi nơi ở của Hoàng Mai, để khi cần sẽ liên hệ. Đã đến ngày lật lá cho cây mai rồi, tôi bỗng dưng nhớ Hoàng Mai kỳ lạ. Tối đến, tôi kê một chiếc bàn con trước thềm hiên, đặt hai chiếc ghế mây song song với nhau, trên bàn là bánh mứt và hạt dưa, trà thơm và bánh mì thịt để ăn khuya. Tôi mở toang cửa để Hoàng Mai đi vào, khỏi phải leo trèo tường như mọi năm. Tất cả đang chờ Hoàng Mai đến. Tôi chờ, cây mai vàng đang chờ. Nhưng Hoàng Mai đã không đến.

Thôi thì, cứ tin vào nhân duyên. Mọi sự trên đời đều do nhân quả cơ duyên, mà giáo lý của Phật đã nói có đến "thập nhị nhân duyên" lận kìa! Khi duyên lành hội đủ, ắt có ngày mình cũng gặp lại cô gái mang tên loài hoa mai vàng của rừng xa... tôi tự nhủ lòng mình như vậy cho đỡ tủi buồn. Một chút hi vọng sáng lên vẫn hay hơn là tối thui tối mò vô vọng và thất vọng.

Đến mười hai giờ khuya, tôi buồn bã lê bước nặng nề đến bên cây mai. Tôi thở dài một hơi đánh sượt vào khuya vắng lặng. Và, một mình tôi bắt đầu lật lá cho cây mai. Chỉ một mình tôi. Sương dầm trên những chiếc lá nhỏ nhắn. Sương lạnh ngắt. Lòng tôi cũng lạnh buồn, lạnh đến tê buốt, buồn đến bản thân rã rượi. Có những giọt sương khuya từ đầu rơi xuống mặt tôi lại nóng hổi. Tôi đưa tay sờ rầm, và biết rằng đó là những giọt nước mắt của chính mình. Tôi đã khóc. Kệ, khóc được cứ việc khóc. Trong "thập nhị nhân duyên" có vô minh, có thọ, có xúc, có thủy, có hữu, có ái, có gì gì nữa không nhớ hết nổi, bấy giờ tôi chỉ biết là tôi đang bị vô minh che lấp, đang thọ cái sự "ái biệt ly khổ" thì phải khóc chứ biết làm sao?

Tôi khóc thật lặng lẽ. Và cây mai vàng cũng lặng lẽ như tự bao giờ...

Vĩnh Hữu

Việc đời qua trước mắt

THỊ GIỚI

Cúng Giao Thừa xong, tôi ngồi uống trà. Cành mai giả được cắm vào một chiếc đũa bình cao đen vẽ hoa sen hồng đơn giản. Mai giả vì không tìm đâu ra cành mai thật ở Bắc Mỹ, nhất là trong mùa Đông. Nhưng cũng tạm cho tôi một cảm giác ấm áp. Ngày xưa khi còn ở trong nước, ngày Tết thế nào Thầy tôi cũng mua về một cành mai, chăm sóc làm sao để hoa nở rộ đúng ngày mừng một.

Cả nhà đã đi ngủ. Căn phòng yên tĩnh còn một mình tôi. Ngọn đèn sáp trên chiếc bàn cúng Giao Thừa tỏa ánh sáng mờ mờ. Trên vách, khung hình Thầy Má tôi hiện ra trong ánh sáng lung linh của ngọn đèn sáp, không rõ nét, như quá khứ đã qua không làm sao giữ lại được trọn vẹn.

Đã trên nửa thế kỷ của một cuộc đời.

Tuổi thơ của tôi là hình ảnh chạy nhảy chơi đùa với cỏ cây đất cát, với dòng sông Vệ nước trong nhìn thấy cá bống bơi lội, có rừng thông, bờ xe nước... của ông tôi. Tôi đã có những buổi chiều đi dạo với Thầy Má tôi theo bờ sông gió mát. Qua bờ xe nước, bụi nước từ bờ xe tỏa ra như đi trong mưa phùn. Có những lần tắm sông suối chất dưới rồi có người kéo lên, Má tôi dắt tôi đến để cảm ơn và đền ơn. Có những lần Má tôi liều mạng nhảy vào dòng sông để ẵm tôi vào rồi cũng suối bị hụt chân khi tôi lí lắc nhảy xô vào dòng nước không kể cạn sâu. Nhiều lần Thầy tôi đưa tôi qua con sông này về nội để theo anh chị con bác tôi đi học lớp vỡ lòng. Khi Thầy về, tôi chạy theo rồi dừng lại bên chiếc cầu tre vịn, nhìn theo và khóc. Nhiều lần tôi lén Thầy Má trốn theo chơi với đám bạn chăn bò, thả Nhơn, thả Tịnh, con Chung, thả Phước... ăn với bọn nó những con sùng cát, những con bọ rầy trên cây được nướng bằng những que củi khô trên bãi cát, cùng bọn nó moi khoai lang non ăn sống, rồi vật giỡn vui đùa... cho đến khi bị Thầy tôi kêu về, bắt nằm sấp cho roi vào mông...

Rồi Nha Trang êm đềm của những năm mới lớn. Trường Bồ Đề có chiếc ao lớn bên kia con đường

nhỏ phía trước, hình như chỉ có bèo mọc. Chùa Tịnh Hội gần trường Bồ Đề có Thầy Trụ Trì mà bao nhiêu năm hình ảnh vẫn không thay đổi. Đó là hình ảnh của một vị chân tăng tâm không hề có tăng có giảm, dù chùa Tịnh Hội là nơi xảy ra nhiều sự đến đi tăng giảm. Rồi Võ Tánh với hai hàng cây cảnh lá hai bên đan nhau thành vòm trên con đường trước trường dẫn ra bãi biển. Mỗi khi đạp xe đến trường trên con đường đó, tôi thường nghĩ đến con đường dẫn vào tương lai, vì trước mặt cuối con đường là không gian bao la của biển lớn. Dọc theo biển, những cây bàng hai bên đường Duy Tân mùa thu lá vàng rơi xuống đường và bãi biển với những cây thông thấp lá xanh bốn mùa.

Rồi Sài Gòn với Vạn Hạnh. Khổng Mạnh, Lão Trang, Nietzsche, Heidegger, Krishnamurti. Suzuki, Thiền, luận văn về Huệ Năng, tuần báo Mầm Sống Mới, những vị Thầy, anh em Thất Tử, nhiều người bạn, mấy bạn ở tù sau 75, vượt biên không thành...

Rồi Bắc Mỹ... Thầy tôi mất. Lần đầu tiên anh em tôi cảm nghiệm về sự ra đi vĩnh viễn của một người thân. Con trai tôi lúc đó sáu tuổi âm thầm đứng khóc trong góc nhà. Rồi Má tôi qua đời khi tôi còn cầm bàn tay lạnh của Má trên giường bệnh viện, bên cạnh là bà xã và các em tôi. Con trai tôi buồn nhưng không còn khóc nữa. Con gái tôi thì lúc nào cũng khóc nhiều, có lẽ nhờ vậy mà mau quên nỗi buồn mất mát hơn em. Tôi không biết bà xã và các em tôi có khóc thầm hay khóc lén không. Hầu hết những người phụ nữ Đông phương thường dồn sâu những cảm xúc vào lòng để rồi âm thầm khóc một mình, còn đàn ông thì luôn tỏ ra bình thản để rồi có hàng giờ ngồi một mình lặng yên cô tịch... Các em trai, em gái tôi lần lượt có gia đình, mỗi đứa mỗi ngả, mỗi đứa một hướng đi. Thân, thương, hờn giận, rồi thân, thương, hờn giận... như những ngày còn con nít, chưa có cái gì

riêng tư. Không gian và thời gian không ngăn cách tụi nó. Bông dáng Thầy Má tôi vẫn còn đâu đây trong những sợi dây vô hình của sự gắn bó.

Và Tết này là Tết đầu tiên của cháu ngoại tôi vừa tròn một tuổi. Mới cách đây vài giờ, hai ông cháu mặc quốc phục chụp hình bên cành mai...

Ngồi một mình với bao nhiêu việc đời đã trôi qua trước mắt. Tôi thả ý nghĩ miên man.

Cháu tôi rồi sẽ không có cảm hứng gì với nhánh mai, với bộ quốc phục giống như tôi. Nhưng cháu cũng sẽ có những giờ phút giao hưởng với đất trời, với thời gian không gian, với tổ tiên đã khuất theo nhơn duyên của cháu. Cháu sẽ cảm nghiệm cuộc sống khác với ông ngoại, cũng như ông ngoại đã cảm nghiệm cuộc sống khác với ông cố. Cháu có thể sẽ tôn trọng những cảm nghiệm không giống mình của người khác hơn. Cháu có điều kiện để dễ có sự cảm thông hơn vì không gian và thời gian của cháu sẽ rộng và xa hơn. Chỉ mong rằng cháu sẽ vượt qua sự khó khăn hơn trong nhu cầu tìm về Cái Một, vì cháu sẽ lớn lên trong xã hội cá nhân chủ nghĩa cực mạnh của nền văn hóa Tây phương. Khi con người đủ trưởng thành, chấm dứt giai đoạn cá thể hóa để thực hiện những chức năng trong đời sống, nhu cầu trở về với sự hợp nhất, với Cái Một sẽ lớn lên. Đó là nhu cầu trở về trạng thái an bình khi chưa tách rời mẹ để nhận diện một cái ngã biệt lập. Đó là nhu cầu kết nối. Nhu cầu kết nối là nhu cầu vượt ra khỏi mình để đến với cái bao la, rộng lớn hơn, để được hạnh phúc hơn. Cảm ơn những người mẹ đã cho những đứa con, trong đó có cháu, cảm nghiệm đầu tiên trong cuộc đời về sự kết nối.

Ngĩ đến Má tôi khi nằm trên giường bệnh đợi giờ vĩnh viễn ra đi. Có lần má mở mắt hỏi: "B đó hả con?" rồi lại im lìm nhắm mắt. Sau đó lại có lần mở mắt hỏi: "Chưa chết hả?" rồi lại im lìm nhắm mắt. Giấc ngủ và những lần mở mắt để hỏi của má như đi theo một giọng mạch lạc không vương bận, cũng tự nhiên như tình mẹ con, như cái chết là việc sẽ đến với mọi người. Tôi vui vì biết má tôi đã sẵn sàng với cái chết. Lúc đó, tôi chỉ tập trung vào cái chết yên lành cho má tôi. Nhưng sau đó, ngồi một mình, bao nhiêu tâm cảm lại khởi lên. Tôi không biết

má có mê hay không, nhưng dù mê hay không, chắc chắn má đã an tâm với cái chết khi có những đứa con bên cạnh, khi tất cả những đứa con của má đã đầu vào đó. Việc cuối cùng phải làm cũng đã được làm sáng hôm đó, là tổ chức gọn đăm cưới cho đứa em út của tôi sớm hơn ngày dự định khi má tôi còn biết... Và tôi biết chắc chắn một điều rằng con có thể tách rời khỏi mẹ nhưng mẹ không bao giờ tách rời khỏi con...

Nghĩ đến nhu cầu tinh thần và tâm linh không lúc nào nguôi của con người từ ngàn xưa cho đến mãi về sau. Nhu cầu đó luôn luôn giống nhau nhưng có lẽ sẽ nhiều hơn trong đời sống vật chất càng ngày càng bề bộn. Nghĩ đến một vị Bồ tát sẽ đưa một hình thức Phật giáo khế lý khế cơ mới cho những thế hệ mai sau. Nghĩ đến Đức Từ Thị Di Lạc vẫn quanh quần đầu đây trong thế gian này để chuẩn bị cho một sự thành tựu lớn.

Nghĩ đến những nơi chốn, những người sản xuất ra loại trà tôi đang ngồi uống. Đến những ân tình xa hút trong không gian và thời gian. Nghĩ đến những ngộ nhận, những ân oán muôn đời xảy ra đã bay xa như những cánh hạc bay xa trong không gian, như những huyền thoại mờ khuất trong thời gian. Nghĩ đến vô số sự việc "thấy vậy mà không phải vậy" trong cuộc đời mà chỉ có nụ cười và sự im lặng mới đưa chúng hòa tan vào không gian và thời gian.

Nghĩ đến bài thơ của Thiền sư Mãn Giác:

*Xuẩn đi trăm hoa rụng
Xuân đến trăm hoa tươi
Việc đời qua trước mắt
Trên đầu già đến rồi...*

Nghĩ đến hồi chung cục, mọi sự rồi cũng đều sẽ trở về trong một cái thấy chung, một thể nghiệm chung...

Nghĩ đến sự đi tìm suốt mấy mươi năm. Nghĩ đến Ngài Linh Vân Chí Cẩn một hôm nhìn thấy hoa đào nở mà ngộ đạo:

*Ba chục năm đi tìm kiếm báu
Khi làm lá rụng, lúc cành lay
Kể từ khi thấy hoa đào nở
Cho đến bây giờ sạch hết nghi.*

*(Tam thập niên lai tầm kiếm khách
Kỷ hồi lạc diệp hựu trừu chi
Tứ tông nhứt kiến đào hoa hậu
Trực đảo như kim cánh bất nghi)*

...



Bất hoại

*Tay xương vóc bụm tro tàn
Hỏi người thiên cổ đâu vàng, đâu thau?
Nghìn xưa cát bụi nghìn sau
Tâm Bi-Tri-Dũng nhiệm mầu: kim cương!*

Duyên

*Tôi tìm tôi khắp trần gian
Gặp em thơ thân địa đàn thơm hương
Nửa tôi vừa té xuống đường
Nửa tôi còn lại lên giường nằm mơ!*

Mơ màng

*Phù dung mờ mịt thư phòng
Nhũn nhão vàng trán mơ hồng nhan xưa
Bức thư chưa gửi sợ thừa
Ngoài hiên bà lão cũng vừa mơ tiên!*

Con tim

*Triều dương rộn rã tiếng gà
Đàn chim rít rít mái nhà rêu phong
Yêu từ bóng tối sáng trong
Con tim có mắt nhớ mong bóng hình.*

Thinh lặng

*Chất chiu từng giọt uyên huyền
Thăng lên thiên giới, lặn chìm u minh
Gió mây đảo động vòm xanh
Tâm vô chấp trước lặng thinh với Thiên!*

thơ

TÂM KHÔNG

CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT CỦA PHẬT GIÁO TRONG NĂM 2013

Tâm Huy tổng hợp

Iran Tịch Thu Tượng Phật Bán Tại Các Tiệm Vi Sợ Phật Giáo Phổ Biến



Báo the Guardian ra ngày 17 tháng 2 năm 2013 cho biết rằng các giới chức thẩm quyền Iran phúc trình là họ đã tịch thu nhiều tượng Phật tại các cửa hàng ở Thủ Đô Tehran

để chặn đứng việc phổ biến Phật Giáo, theo tường trình của báo độc lập Arman.

Các tượng Phật cùng với các kiểu búp bê Barbie từ công ty The Simpsons đã bị cấm bán ở Iran.

Nước Cộng Hòa Hồi Giáo Iran từ lâu đã chống lại việc phổ biến những tượng này cũng như các búp bê đồ chơi để ngăn chặn ảnh hưởng của tây phương, nhưng đây là lần đầu tiên các nhà cầm quyền bày tỏ sự chống đối với các hình tượng từ đồng phương.

Tờ báo trích lời Saeed Jaber Ansari, viên chức trách nhiệm bảo vệ di sản văn hóa Iran, nói rằng các tượng Phật là biểu thị của "sự xâm lược văn hóa."

Ông tuyên bố rằng nhà cầm quyền sẽ không cho phép một niềm tin đặc biệt nào được khuyến khích qua các tượng như thế.

Một số người Iran mua những tượng Phật để trang hoàng trong nhà và trên xe. Hầu hết những tượng này đều được làm ở Trung Quốc và đến từ các thị trường tự do tại vùng Vịnh.

Một khách hàng là bà Marjan Arbabi nói rằng cá nhân bà không thích những tượng này, "nhưng ba mẹ tôi có để 5 tượng Phật trong nhà đơn giản vì họ nghĩ rằng những tượng Phật này đẹp."



Bồ Đề Đạo Tràng Tại Ấn Độ Bị Nổ Bom Khủng Bổ

Vào sáng ngày 7 tháng 7 năm 2013, 6 vụ nổ bom đã xảy ra liên tiếp tại Bồ Đề Đạo Tràng, tiểu bang Bihar, Ấn Độ, gồm 4 vụ nổ trong khu vực Chùa và 2 vụ nổ bên ngoài, làm cho 2 người bị thương.

Cảnh sát Ấn Độ đã phát hiện thêm trái bom thứ 7 cũng trong khu vực Bồ Đề Đạo Tràng cùng ngày.

Nhưng cây Bồ Đề và ngôi Đại Tháp đã không bị thiệt hại gì qua các vụ nổ bom này.

Được biết Bồ Đề Đạo Tràng là thánh địa ghi dấu nơi đức Phật Thích Ca thành đạo giác ngộ dưới cội cây Bồ Đề. Nơi đây hàng năm các Phật tử khắp thế giới đến hành hương để chiêm bái. Thánh địa này đã được Tổ Chức UNESCO công nhận là di tích văn hóa lịch sử thế giới vào năm 2002.



Hội Nghị Liên Minh Phật Giáo Thế Giới Lần Thứ Nhất

Từ ngày 9 đến 13 tháng 9 năm 2013, hội nghị của Liên Minh Phật Giáo Thế Giới (International Buddhist Confederation) đã diễn ra tại khách sạn Hyatt Regency, thủ đô Delhi, Ấn Độ.



Hội nghị quy tụ khoảng 600 đại biểu gồm 100 phái đoàn của 39 nước Phật Giáo trên thế giới với sự tham dự của nhiều vị Tăng Thống, Pháp Chủ, lãnh đạo Phật Giáo tại các quốc gia thành viên, và nhiều viên chức chính quyền Ấn Độ, theo Đạo Phật Ngày Nay.



Trong lễ khai mạc, Hòa Thượng Trưởng Ban Tổ Chức Lama Lobzang cho biết mục đích của hội nghị và Liên Minh Phật Giáo Thế Giới như sau: "Sự kiện các lãnh tụ Phật giáo toàn cầu có mặt tại đất nước đã khai sinh ra đạo Phật hôm nay là một điểm phúc lớn đối với cộng đồng Phật giáo tại đây. Ngoài việc cùng nỗ lực tạo ra tiếng nói thống nhất của Phật giáo trên tinh thần trí tuệ tập thể trong các diễn đàn thế giới, sự ra đời của Liên minh Phật giáo toàn cầu là nỗ lực góp phần bảo vệ và phát triển các Phật tích Ấn Độ và Nepal và các di sản văn hóa Phật giáo," theo Đạo Phật Ngày Nay.

Ngày Về Nguồn Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư Lần Thứ VII

Tiếp tục truyền thống cao đẹp của Tăng Già Việt Nam tại hải ngoại từ 6 năm qua, Ngày Về Nguồn Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư lần thứ 7 đã được long trọng tổ chức tại Chùa Cổ Lâm, thành phố Seattle, tiểu bang Washington, Hoa Kỳ vào các ngày 27, 28, và 29 tháng 9 năm 2013 với sự quang lâm tham dự của hàng trăm chư tôn đức Tăng, Ni từ Úc Châu, Âu Châu, Hoa Kỳ và Canada.



Ngày Về Nguồn lần thứ 7 ngoài những buổi thuyết trình về các chủ đề liên quan đến lịch sử chư tổ, tình hình tổng quát của Phật Giáo Việt Nam tại hải ngoại, những đề án Phật sự khả thi mà Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại có thể thực hiện trong năm tới,

còn có những thời khóa bố tát tụng giới, sám hối thù ân, tụng kinh, ngồi thiền, niệm Phật, và đặc biệt lần này còn có Giới Đàn Huyền Quang truyền trao giới pháp cho Tăng, Ni và Phật tử.

Ngày Về Nguồn lần thứ 7 cũng đánh dấu sự mất mát lớn lao của vị Trưởng Ban Điều Hợp Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại đầu tiên là Cố Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Minh Tâm. Cũng trong dịp này chư Tăng, Ni tham sự Ngày Về Nguồn 7 đã cung thỉnh Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thắng Hoan lên làm Trưởng Ban Điều Hợp để điều hợp các Phật sự; và theo tổng kết được công bố trong Lễ Bế Mạc, Tăng đoàn đã ủy nhiệm chư tôn đức Tăng Ni tại Úc Đại Lợi – Tân Tây Lan đứng ra tổ chức Ngày Về Nguồn - Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư lần thứ VIII vào năm 2014.

Được biết, Ngày Về Nguồn Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư được tổ chức nhằm mục đích tạo cơ hội cho chư Tăng, Ni Việt Nam đang hành đạo tại hải ngoại không phân biệt giáo phái, hệ phái, giáo hội cùng ngồi lại để sách tấn, nhắc nhở ân đức sâu dày của đức Phật và lịch đại Tổ Sư, để thảo luận các vấn đề Phật Pháp và Phật sự, chia sẻ kinh nghiệm hành đạo, cũng nhằm mục đích kết chặt mỗi đạo tình pháp lữ và quan trọng nhất là để bảo tồn và phát huy bản thể thanh tịnh và hòa hợp của Tăng Già.

Khám Phá Ngôi Chùa Cổ Thế Kỳ Thứ 6 Trước Tây Lịch Tại Lâm Tỳ Ni

Vào ngày 25 tháng 11 năm 2013 các báo chí quốc tế đồng loạt đưa tin về việc các nhà khảo cổ đã khai quật địa điểm nơi đàn sinh của đức Phật là một ngôi Chùa Hoàng Hậu Maya tại Lâm Tỳ Ni thuộc nước Nepal tìm thấy tấm gỗ xây chùa có niên đại vào thế kỷ thứ 6 trước Tây Lịch.



Ngôi chùa có lẽ là nhà của một cái cây. Điều này liên kết tới câu chuyện đàn sanh của đức Phật. Chuyện kể rằng lúc sinh thái tử Tất Đạt Đa thì Hoàng Hậu Maya vịn tay vào một cành cây.

Sự khám phá này có thể làm chấm dứt cuộc tranh luận về ngày đàn sinh của đức Phật, theo nhóm phóng viên của tạp chí Antiquity.

Cho đến nay, chứng cứ sớm nhất về thời gian cấu trúc Phật Giáo của Lâm Tỳ Ni là không sớm hơn thế kỷ thứ 3 trước Tây Lịch, trong kỷ nguyên của hoàng đế A Dục. Những phỏng đoán trước đây nói rằng ngày đàn sinh của đức Phật là vào năm 623 trước Tây Lịch, nhưng nhiều học giả tin rằng vào khoảng từ năm 390 lui về 340 trước Tây Lịch.

Các nhà khảo cổ đã khai quật một đền thờ bằng gỗ không có mái. Những ngôi chùa gạch xây sau này trên nền đền cổ cũng bao quanh khu đất chính này.

Nhà khảo cổ Prof Robin Coningham của Đại Học Durham University, là đồng lãnh đạo nhóm khảo cổ, nói rằng, "Bây giờ, lần đầu tiên, chúng ta có kết quả khảo cổ học tại Lâm Tỳ Ni cho thấy ngôi đền có vào đầu thế kỷ thứ 6 trước Tây Lịch."

Ông nói tiếp rằng, "Đây là chứng cứ sớm nhất về ngôi chùa Phật Giáo tại bất cứ nơi nào trên thế giới. Điều này rọi ánh sáng vào cuộc tranh luận kéo dài thật lâu, dẫn đến những khác biệt trong giáo pháp và truyền thống của Phật Giáo."





ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 4:

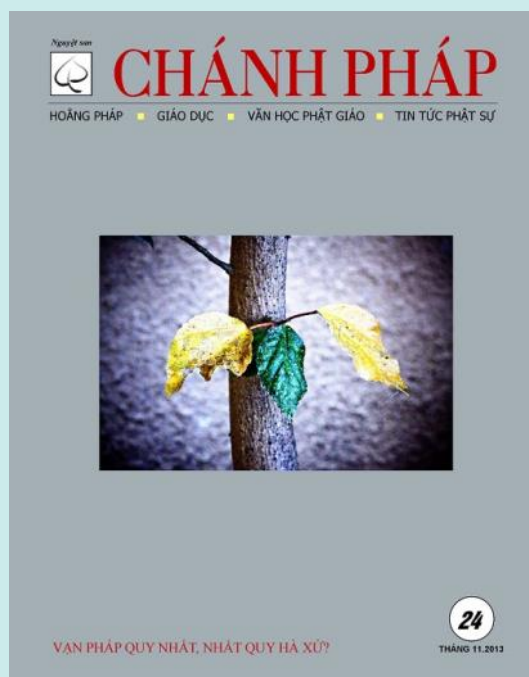
TOWN AND COUNTRY RESORT HOTEL
500 HOTEL CIRCLE NORTH
SAN DIEGO, CA 92108
Liên lạc Chùa Phật Đà: (619) 283-7655



ĐỌC, CỒ ĐỘNG VÀ ỦNG HỘ

BÁO CHÁNH PHÁP

**LÀ GIÁN TIẾP GÓP PHẦN
HOẰNG TRUYỀN PHẬT ĐẠO,
LỢI ÍCH CHÚNG SANH,
BẢO TỒN VĂN HÓA DÂN TỘC.**



Về vườn

VĨNH HẢO



(Bài này viết từ tháng 12.2005, khi người ta khởi sự cho những sự kiện khác thường, vọng động, làm tan nát cả ngôi từ đường do tiền nhân để lại. Chẳng phải ngoại nhân làm tán gia bại sản; chỉ là do con cháu trong nhà mà thôi. Nhân dịp ngôi từ đường xiêu vẹo bị xô đẩy cho sụm luôn, xin trích đăng lại để tặng những ai vẫn còn tâm huyết, si diện và khả năng gầy dựng lại một ngôi nhà đồ nát.)

Về đây, sáng sớm mặt trời soi nơi vườn trước, buổi chiều nắng xiên ở vườn sau. Trên cao độ của vùng đồi núi chập chùng, mây trắng giăng ngang tầm mắt. Chung quanh trống trải, nhìn đâu cũng thấy trời xanh. Gió lồng lộng xua cây lá lao xao. Hàng xóm dầm ba căn nhà đất rộng thênh thang. Lũ trẻ chơi đùa trên con đường nhỏ chỉ rộng lên một lúc rồi trả lại không khí êm đềm của khu ngoại ô im vắng.

Bên nhà người hàng xóm, con ngựa con mấy tháng tuổi trông thật dễ thương; nó cuồng chân chạy rông trong khoảng chuồng rào bằng lưới mắt cáo, trong khi ngựa mẹ thì sục đầu vào cái thùng phuy nhựa tìm nước uống. Thùng trống, ngựa mẹ dùng mõm hất qua hất lại lẫn lóc, tạo tiếng kêu lục cục để nhắc nhở chủ quan tâm. Ha, mấy nhà hàng xóm này nhà nào cũng nuôi ngựa. Ít nhất cũng hai con. Thế mà chưa ai làm cái chuồng cho dàng hoàng. Họ mượn hàng rào mắt cáo của vườn nhà để làm chỗ "nhốt" ngựa. Trong khi đó, sân sau của mình lại có cái chuồng ngựa thật rộng đóng bằng loại nhựa đặc màu trắng. Chuồng ngựa kiên cố, có cổng cài then đăng hoàng, mới tinh au, sáng lên giữa nền đất vàng sậm. Ừ, thì có chuồng, để làm chi đây? Người có ngựa lại không có chuồng; người có chuồng lại chẳng nuôi ngựa!

Đâu phải mình cố ý sở hữu cái chuồng ngựa này đâu. Chỉ tại chủ nhà trước đóng chuồng nuôi ngựa, bây giờ bán nhà, mang ngựa đi, bỏ lại cái chuồng nơi đây, thế thôi!

Nếu không thích khuôn khổ thì đừng bày chuyện đặt ra những khuôn thước đạo đức, những điều lệ nội quy, những đường hướng, qui tắc, qui luật... đòi hỏi hoặc ép buộc người này người kia phải nghiêm chỉnh tuân theo, trong khi chính mình lại bê bối, lem nhem, chẳng tôn trọng ngay cả những điều lệ căn bản tối thiểu! Còn nếu không theo được qui ước chung thì hãy im lặng, sống nơi hoang vu rừng rú, chẳng cần luật tắc gì của tổ chức con người và xã hội. Ngựa hoang thì cần gì chuồng. Ngựa nhà thì phải có chuồng tươm tất. Không đủ khả năng làm chuồng thì đừng nuôi ngựa. Không thích nuôi ngựa thì đừng làm chuồng. Chuyện chỉ có vậy thôi, sao lại làm cho trở thành rối rắm cuộc đời!

Lâu lắm rồi mới trở lại công việc cuốc cỏ, dọn vườn. Khu vườn người trước để lại sao mà um tùm, rậm rịt. Vườn trước họ còn cố gắng cắt tỉa, dọn dẹp cho được mắt và tránh sự phiền hà của hàng xóm cũng như của sở vệ sinh thành phố--nhưng cũng chỉ được xem là tạm tạm thôi--còn vườn sau thì quả là giống một khu rừng thu gọn. Cỏ gai và những giây leo tràn lan, lẫn lút những giống cây quý. Đồ đạc trong nhà không dùng được nữa cũng vất bừa đầu đó chung quanh, bất cứ chỗ nào còn được khoảng trống. Hi hục cả tháng trời dọn dẹp, khu vườn vẫn chưa gọn sạch như ý muốn.

Chẳng phải sự ngăn nắp, gọn gàng, thứ tự, sạch sẽ... là điều mà ai cũng ưa thích, mong muốn. Có khi sự bừa bãi, vô trật

tự, dơ nhớp, bầy hầy... lại cho người ta niềm thú vị, thoải mái nào đó. Như ý của mình không hẳn sẽ như ý người khác, ngược lại cũng thế. Cứ theo tính khí và thói quen của mình mà tạo nên thế giới của riêng mình, như ý mình; rồi hồn nhiên mà sống trong sự bày vẽ đó. Trật tự không hẳn là tốt đẹp; vô trật tự cũng không hẳn là tồi tệ. Trật tự là sự bày biện theo công thức; vô trật tự là thứ trật tự ngoài công thức qui định của con người và xã hội. Có thể nào chọn một trong hai thứ trật tự này không nhỉ? Nếu được thì tại sao phải lo vườn trước tươm tất để che mắt thiên hạ, còn vườn sau thì bừa bãi, luôm thuộm, hoàn toàn trái ngược? Hay là sống ở cuộc đời này phải đi hàng hai, bề ngoài thì sống với thiên hạ, bề trong thì sống cho mình? Ôi, chẳng lẽ con người trong tư cách một phần tử của xã hội và nhân loại, đều phải như thế? Và ngay cả những người lãnh đạo quốc gia, tôn giáo, đoàn thể... cũng phải như thế? Nếu phóng khoáng với người, khắc kỷ với mình thì là điều đại hạnh cho cuộc đời. Chỉ sợ là ngược lại. Mà thực tế đã cho thấy, chỉ toàn là ngược lại.

Mùa đông, mặt trời lặn sớm. Mới năm giờ chiều mà mây xa đã tím ửng cả nửa vòm trời. Ngồi ở hiên sau, lắng nghe âm thanh của hoàng hôn rơi xuống theo gió nhẹ. Tiếng chó sủa đầu đó khi xe chạy qua đường. Một đàn chim bay vội về phương bắc, nơi dãy núi trùng trùng giăng ngang ẩn hiện sau màn mây mờ đục. Cuộc sống của con người dường như ngưng tụ trong khoảnh khắc, nhường chỗ cho sự tịch lặng của màn đêm huyền diệu. Muôn sao bắt đầu ánh lên những chớp lờ lình động của những thế giới bí ẩn xa xăm.

Về vườn, vui thú điền viên, thực chất chỉ là ảo vọng sắp xếp cuộc đời theo ý mình, trong khả năng giới hạn của mình. Một mảnh

vườn nhỏ bừa bộn cỏ gai và rác rưởi không hẳn là phải cần đến sự chăm sóc của bàn tay và khối óc con người. Dọn dẹp sắp xếp thì là vườn. Để cỏ cây tha hồ trời dậy thì là rừng. Có gì đẹp, xấu, sạch, dơ? Chỉ là theo ý mình hay không mà thôi. Nhưng nếu chủ tâm tạo dựng vườn tược thì cũng nên chăm sóc vườn sau như là vườn trước, trong nhà cũng như ngoài sân. Không phải vì bên trong và bên sau, khuất mắt thiên hạ thì cầu thả bê bối; không phải vì bên ngoài và hàng trước trình diện láng giềng mà cần trọng vun quén chăm lo. Cỏ rác, bụi bặm, có bao giờ ngưng sinh sôi, tràn lấn? Cuộc đời và thuộc tính của nó có bao giờ là sự bất hoại, thường nhiên? Chính sự bất toàn khổ đau là trật tự muôn đời của con người và xã hội. Vô trật tự là trật tự của nó. Ai cũng hiểu điều này và đã từng phát biểu nhiều lần về điều này. Như thế, nguyện làm giảm thiểu khổ đau cho cuộc đời, có thể nói nôm na chỉ là ước vọng dọn vườn: không phải để có một mảnh vườn tuyệt đối đẹp đẽ, ngăn nắp, sạch sẽ, không bao giờ có rác rưởi, cỏ gai... mà để tiếp tục công việc của một người dẫn thân đi trên con đường dài bất tận. Còn cỏ rác thì còn dọn dẹp, chẳng làm sao mà gọi là về vườn, vui thú điền viên được. Cũng vậy, cuộc đời còn khổ đau bất toàn, thì chẳng làm sao mà nghỉ ngơi, hưởng nhàn được.

Về đây, một mình ngồi lặng ở hiên sau ngắm bóng chiều tà mù lạnh hơi sương và những đốm dài huyền hoặc bóng ngàn sao. Trong bóng đêm, không có sự sạch-dơ, tốt-xấu; không có vườn hay rừng; không có phố thị hay ngoại ô. Chỉ có niềm tịch lặng. Và tôi, tuy về vườn, lại chẳng có về gì là cách xa với con người và cuộc đời bên ngoài thêm hiên nhỏ nơi đây. Con đường vẫn như thế, dài bất tận. Không thể không đi.

(Chiều ngoại ô, San Bernardino, Nam California, 12-2005)



HÔM NAY THẦY VỀ ĐÂY!

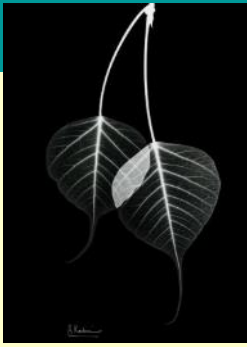
(Cảm niệm Công đức Hòa Thượng Thích Nguyên Trí Chùa Bát nhã CA, về chứng minh Khóa Tu Bát Quan Trai tại Chùa Tây Thiên, Colorado Oct.19, 2013)

*Phật tử Tây Thiên mừng đón Thầy
Cali nắng ấm Ngài về đây
Mạng lờ Phật dạy gieo tâm chúng
Vẳng tiếng kinh văn thánh nhĩ đây
Dần dắt chúng con tìm nẻo giác
Nương thuyền Bát nhã đến phương Tây,
Bao thời pháp thoại xin ghi nhớ
Kẻo uổng công Thầy đã đến đây.*

*Đến đây Thầy chẳng ngại xa xôi
Phật pháp hoàng dương khắp mọi nơi
Mong muốn quân sanh cùng liễu đạo
Nhắc cho bá tánh hãy am đời
Quan trai, thọ bát trì tu tập
Giới luật, quá đường tỏ khúc nôi
Bổn tự chúng con xin cảm niệm
Ân dày muôn thuở chẳng phai phai.*

Chùa Tây Thiên
Trọng Thu, Quý Ty 2013

HUYỀN CẦU TRẦN MINH CHÂU



GIỚI THIỆU KINH DUY-MA-CẬT

Tuệ Sỹ

(tiếp theo trang 31)

Theo ý nghĩa tôn giáo, người ta nói rằng một, và duy nhất chỉ có một, thế giới là một tác phẩm sáng tạo của một đấng Sáng Tạo Tối Cao. Đấng Sáng Tạo ấy có quyền lực vô biên và tuyệt đối để sáng tạo ra một thế giới theo ý muốn của mình, thì cũng có quyền lực như vậy để hủy diệt thế giới theo ý muốn. Ý nghĩa ấy phản ánh sự thành lập một quốc gia và một Nhà nước quân chủ. Vua là sở hữu chủ của đất nước. Đất nước là của vua.

Phật không tự nhận Ngài là đấng Sáng Tạo, mà chỉ là vị Đạo sư của trời và người. Phật không phải là sở hữu chủ của thế giới, thế thì, làm sao có thể nói là có thế giới của Phật?

Để có thể nhận thức rõ ý nghĩa này, chúng ta không thể không có một ít khái niệm về sự hình thành một quốc gia, sự xuất hiện của Nhà nước, trong lịch sử xã hội loài người, theo quan điểm Phật giáo, nói một cách tổng quát.

Tất nhiên, ý thức về sự tồn tại của một quốc gia, sự xuất hiện một cơ cấu Nhà nước, không phải là ý thức tiên nghiệm. Trong ý thức tôn giáo, đó là sự giao ước giữa đấng Sáng Tạo và con người. Trong quan điểm xã hội học, đó là sự giao ước giữa người và người.

Xã hội loài người và các định chế của nó là một hình thái sinh hoạt ý thức trong một giai đoạn nhất định trong toàn bộ quá trình sinh thành và hủy diệt của thế giới. Vì vậy, khi luận về ý nghĩa tồn tại của xã hội và các định chế của nó, không thể không đề cập đến nguồn gốc của thế giới, và như một hệ luận, nguồn gốc của loài người.

Đức Phật đã nhiều lần từ chối trả lời về nguồn gốc và sự hình thành của thế giới. Sự từ chối ấy hoặc được giải thích là do lập trường thực dụng, hoặc do giới hạn nhận thức luận. Thế nhưng, khi cần giải thích nguồn gốc các định chế xã hội, mà quan niệm tôn giáo đương thời cho thiên định, đức Phật đã nói rõ về nguồn gốc và quá trình tiến hóa của con người và xã hội con người.

Nếu đọc thẳng vào nhiều kinh điển Phật giáo, người ta có cảm tưởng thế giới quan Phật giáo bị bao phủ bởi lớp sương mù huyền thoại dày đặc. Nhưng, cũng nên hiểu rằng, lớp huyền thoại ấy không phải đơn giản là hư cấu của ý thức, mà là một hình thái ngôn ngữ. Sự thật hay huyền thoại tùy thuộc vào cách đọc, hay cách giải mã, ngôn ngữ ấy. Trong nhận thức luận chung của các khuynh hướng tư tưởng Phật giáo, không hề có khởi điểm và tận cùng của thời gian, cũng không hề có tâm điểm và biên giới của không gian, mà chỉ có tận cùng giới hạn của trí năng. Tất nhiên là trí năng của nhận thức duy lý, dù là nhận thức triết học hay nhận thức khoa học. Trong khoảng thời gian và không gian vô cùng và vô tận ấy, nói về sự xuất hiện và tồn tại của một thế giới, trong vô số thế giới khác, cũng có nghĩa là đặt thế giới vào một hệ quy chiếu đặc biệt nào đó.

Chúng ta cần đứng trên một nền tảng tư duy về thế giới quan như thế để phân tích những vấn đề chính trị và xã hội trong các truyền thống và xu hướng tư tưởng khác nhau của Phật giáo.

Trong quá trình tiến hóa, từ một vi sinh vật tồn tại và phi hành trong ánh sáng,[21] xuất hiện vào một thời điểm nhất định trong một chu kỳ thành -trụ-hoại-không của thế giới, con người cũng chỉ là một sinh vật trong các sinh vật khác, nhưng do thừa hưởng kết quả quá khứ mà bẩm sinh với một hữu thể tồn tại được phát triển dần thành hai yếu tố vừa độc lập vừa bất phân là danh và sắc. Trên cơ sở đó, ý thức được phát triển càng lúc càng cao do vừa lấy ngoại giới làm đối tượng vừa phản chiếu trên chính nó như là chuỗi tồn tại liên tục của một tự ngã.

Cho đến khi ý thức về sự tồn tại của một tự ngã được hình thành, con người tự tách mình ra khỏi thế giới quanh mình, phân biệt những gì thuộc về ta và những gì không thuộc về ta. Cũng như để tăng lớn thể tích của thân xác, con người, như các sinh vật khác, cần hấp thu các dưỡng chất từ ngoại giới; cũng vậy, để tăng lớn tự ngã, con người cần chinh phục và chiếm hữu. Từ đó, hình thành một ý thức về sự tích lũy. Tích lũy như vậy không phải là một khái niệm tiên thiên, không phải là ý thức tiên nghiệm, mà là một hình thái đặc biệt của ý thức xuất hiện vào một thời điểm có ý nghĩa trong quá trình tiến hóa.

Tích lũy tất nhiên dẫn đến xung đột, cạnh tranh. Mâu thuẫn xã hội bắt đầu, trật tự cũ bị đảo lộn. Một định chế mới cần được thiết lập để điều hòa những mâu thuẫn, xung đột, do hệ quả của cạnh tranh. Chính quyền đầu tiên được gọi theo tiếng Pali là Mahāsammato, được bầu lên bởi đại chúng.[22] Người đứng đầu cơ cấu mới này được gọi là Rājā, mà sau này thường được hiểu là vua, hay người cai trị. Nhưng theo định nghĩa của Pāli, rājā có nguồn gốc từ động từ rājati, «nó làm vui lòng.»[23] Như vậy, chính quyền hay vua là trọng tài xã hội, được bầu lên và được ủy quyền điều hòa những mâu thuẫn xã hội.

Song song với hình thái chính quyền nguyên thủy như trên, các kinh luận còn nêu lên một hình thái chính quyền khác, đứng đầu là một Chuyển luân vương (Cakravartin),[24] không phải do dân chúng bầu lên để bảo vệ quyền lợi của họ, mà do phước báo tích lũy từ nhiều đời của vị ấy. Cả hai quan điểm cùng được lưu truyền trong một hệ Thánh điển. Nhưng theo cách nhìn từ lập trường xã hội và sử quan duy lý, cả hai đại diện cho hai thời kỳ phát triển khác nhau của tư tưởng Phật học về nguồn gốc và hình thái chính quyền.

Hình thái chính quyền Chuyển luân vương là quan niệm, và cũng là lý tưởng phổ biến, trong cả hai truyền thống Đại và Tiểu thừa. Đó là một chính quyền đức trị,[25] và nhân dân được giáo hoá thuần thiện, với đầy đủ mười phạm trừ đạo đức, hay mười nghiệp đạo thiện. Lý tưởng về một chính quyền đức trị và một xã hội đạo đức phản ánh ước mơ của các Phật tử vào các thời kỳ suy thoái của xã hội. Và lại, về mặt tiêu cực, như được thấy trong nhiều kinh luận, trong nhiều truyện truyền kỳ, sự suy thoái của con người về mặt đạo đức, và kéo theo đó là sự suy thoái về mặt thể chất, rồi như là hậu quả tất nhiên của cả hai là suy thoái xã hội toàn diện, là những xu hướng đương nhiên trong một giai đoạn tiến hoá của thế giới. Tất nhiên, đó không phải là tiến hóa luận theo chiều tuột dốc, cũng không phải theo chiều

hướng thượng. Tuột dốc hay hướng thượng tùy theo từng thời kỳ; chúng nối tiếp nhau lên xuống như những đợt sóng trong đại dương sinh tử bao la.

Trong Duy-ma-cật, và trong nhiều kinh điển Đại thừa khác, hình ảnh một quốc gia lý tưởng, và nói rộng ra là một thế giới lý tưởng, là hình ảnh một Phật quốc. Dù theo nghĩa đen thì cũng không thể hiểu đó là một quốc gia Phật giáo. Một cách chính xác, từ ngữ ấy cần được diễn theo hai nghĩa: quốc gia Phật tính và quốc gia Phật hóa. Cả hai tổng hợp thành một ý nghĩa duy nhất: tư tưởng tịnh độ.

Nhưng cũng cần phân biệt tịnh độ tha lực và tịnh độ Bồ-tát. Tịnh độ tha lực nhằm mục đích thoát khỏi thế giới Ta-bà được coi là uế trước này để sinh về một thế giới tốt đẹp hơn. Tịnh độ Bồ-tát là thế giới lý tưởng mà Bồ-tát xây dựng. Bồ-tát trước hết sinh ra trong một thế giới xấu xa, thoái hóa. Bằng ý chí, bằng hành động, «năng hành nan hành,» làm những việc khó làm, Bồ-tát biến đổi thế giới ô trước ấy thành tịnh độ. Vì rằng, tự bản chất, hết thảy các pháp vốn thanh tịnh.

Tự bản chất, hết thảy các pháp đều thanh tịnh. Đó là tiền đề căn bản cho tư tưởng tịnh độ Bồ-tát. Đây không phải là điều mới mẻ và riêng biệt của Đại thừa. Trong A-hàm và Nikāya, đức Phật trước khi nhập Niết-bàn cũng đã nhiều lần ca ngợi vẻ đẹp những nơi Ngài đi qua, xác nhận ý nghĩa rằng, với những ai đã giác ngộ thì thế giới này luôn luôn được nhìn thấy là thanh tịnh. Đây cũng là điều được khẳng định trong phẩm Phật quốc.

Cõi tịnh độ mà Bồ-tát phát nguyện xây dựng, nói một cách tổng quát, có những đặc điểm như dưới đây.

Về thiên nhiên, đó là thế giới không có những vật chất xấu xa, dơ bẩn và hôi thối. Người với người sẽ không bị gián cách nhau bởi không gian vật lý, do đó sự giao thông và giao tiếp không hề bị chướng ngại. Sự biến đổi khuôn mặt thế giới như vậy là do sự cải hóa tư tưởng của chúng sinh tồn tại trong đó. Nếu tâm chúng sinh là một tập hợp thiện và ác lẫn lộn, thì thế giới vật chất mà chúng sống trong đó cũng gồm đủ các thứ đẹp và xấu. Vì, như Phật đã nói: “Chúng sinh là kẻ thừa tự những hành vi mà nó đã làm trong quá khứ.” Nói cách khác, với những hành vi được thúc đẩy bởi tham. Chúng sinh sẽ sáng tạo ra những thứ xấu xa, hôi thối mà chính nó là kẻ thừa hưởng. Bằng những hành vi bị chi phối bởi thù hận, chúng sinh sẽ sáng tạo những vật chất chướng ngại để làm gián cách người với người.

Thiên nhiên phản ánh hình thái ý thức. Cho nên, một thế giới được cấu thành bởi thiên nhiên xinh đẹp là cõi sống của các loại chúng sinh thuần thiện, bao gồm mười nghiệp đạo thiện. Trong một quốc gia mà đứng đầu là Chuyển luân vương, thì nhân dân trong đó cũng thuần thiện. Điểm khác biệt với chúng sinh trong tịnh độ Bồ-tát là ở chỗ, trong cõi này ngoài sự thành tựu mười nghiệp đạo thiện, chúng sinh thầy đều được giáo hoá Bồ đề tâm, hướng ước nguyện đến cứu cánh là thành Phật.

Một điểm đặc biệt nữa là, trong tịnh độ Bồ-



tát, không tồn tại một quốc vương hay một hình thức Nhà nước hay chính quyền. Duy chỉ có Phật hiện hữu như là vị Đạo sư giảng dạy chân lý chứ không có chức năng cai trị. Chúng ta đã biết rằng, cơ cấu chính quyền hay hình thái Nhà nước chỉ xuất hiện khi mà mâu thuẫn xã hội tiến đến mức độ gay gắt. Xung đột và mâu thuẫn diễn ra trong quá trình cạnh tranh để tích lũy. Tích lũy được thúc đẩy bởi tham. Tham là yếu tố tăng trọng bản ngã.

Không phải tất cả chúng sinh trong tịnh độ Bồ-tát đều đã diệt trừ ngã chấp, đạt đến trình độ vô ngã. Nhưng do bởi không tồn tại những chất liệu nuôi dưỡng, nên tham phiền não chìm sâu

dưới đáy biển ý thức, không phát huy tác dụng để chi phối con người. Nếu không được thúc đẩy bởi tham, ý niệm tích lũy không tồn tại. Không tích lũy, do đó không cạnh tranh, và xã hội không bị cuốn hút vào những xung đột mâu thuẫn. Trong trường hợp đó, sự tồn tại của một cơ cấu chính quyền là không cần thiết, và không hợp lý.

Nhưng, tịnh độ Bồ-tát không phải là ước nguyện chủ quan của Bồ-tát. Vì đó là môi trường tồn tại của những chúng sinh có chung những hình thái ý thức giống nhau, do đó tịnh độ Bồ-tát là công trình tập thể. Chừng nào chúng sinh chưa được giáo hóa đầy đủ để tự mình xác lập Chánh đạo, chừng ấy Bồ-tát vẫn chưa thể thành viên mãn hạnh nguyện «tịnh Phật quốc độ.» Cho nên, để tịnh Phật quốc độ, Bồ-tát đồng thời cũng nỗ lực để thành tựu chúng sinh. Trả lời câu hỏi của Bảo Tích về ý nghĩa tịnh độ của Bồ-tát, đức Phật nói: «Chúng sinh loại là tịnh độ của Bồ tát.» Và sau đó Ngài nêu ví dụ: Một người có thể xây dựng tùy ý cung điện lâu đài trên khoảng đất trống, không có các thứ chướng ngại làm vướng bận. Nhưng người đó không thể dựng các thứ hoặc bằng gỗ hoặc bằng đất giữa hư không. Chúng sinh chính là nền tảng để Bồ-tát xây dựng tịnh độ.

Nói cách khác, Bồ-tát hành đạo để tịnh Phật quốc độ vì biết rằng tất cả các pháp bản lai thanh tịnh. Đó là Đại trí. Đồng thời Bồ-tát cũng thành tựu chúng sinh, vì mục đích hành đạo của Bồ-tát là vì muốn đem sự an lạc đến cho tất cả. Đó là Đại bi. Cổ xe Đại thừa luôn luôn phải được vận chuyển bằng hai bánh: Đại trí và Đại bi.

Tuệ Sỹ

Chú thích:

[1] Pali: Vesāli, thủ phủ của bộ tộc Licchavi. Huyện Trảng, Đại Đường Tây vực kỷ, q.7 (T.2087,tr.908a. ff): «Vệ-xa-ly...từ cung thành đi về phía tây bắc 5, 6 dặm có một ngôi tăng-già-lam... đông bắc già-lam 3 dặm có một ngôi tháp. Đó là nền của nhà cũ của Tỳ-ma-la-cật (Vimalakīrti: Vô Cấu Xưng), có nhiều linh di. Cách đó không xa, có một miếu thần, hình trạng như đồng gạch. Truyền thuyết gọi là đá đồn (tích thạch), là chỗ trường giả Vô Cấu Xưng hiện bệnh, thuyết pháp. Cách đó không xa, có một ngôi tháp, là nhà cũ của trường giả Bảo Tích. Cách đó không xa có một ngôi tháp, là nhà cũ của

Yêm-một-la nữ (Amrapālī). Di mẫu của Phật và các bí-sô-ni chứng nhập Niết-bàn ở đây.»

[2] Mahāparinibbāna-suttanta, D.ii. tr 96: yesaṃ, bhikkhave, bhikkhūnaṃ devā Tāvatisā adittapubbā, aloketha, bhikkhave, Licchaviparisāṃ. «Này các tỳ kheo, những tỳ kheo nào chưa nhìn thấy các thiên thần Tāvatisā, các người hãy nhìn chúng Licchavī.»

[3] Pāli: Ambapālī, hay Ambapālikā. Hán, phiên âm: Am-bà-bà-lị; Huyền Tráng: Yêm-một-la nữ; dịch nghĩa: Nại Nữ: cô gái vườn xoài.

[4] Skt., Pāli: Bimbisāra, Hán, phiên âm: Tần-bà-sa-la, hoặc Tần-tỳ-sa-la; vua nước Ma-kiệt-đà (Magadha).

[5] Tài liệu Hán, Xuất diếu kinh, T. 212, đó là y sỹ Kỳ-bà, cũng là con trai một kỹ nữ ở thành Vương xá. Theo tài liệu Pāli, Kỳ-vực tức Jīvaka-Komārabhacca cũng là con một kỹ nữ ở Rājagaha tức Vương xá, nhưng mẹ là Sālavatī và cha là Abhayarājakumāra (Vương tử Vô Uùy). - Dictionary of Pali Proper Names.

[6] Tức trưởng lão Vimāla-Koṇḍañña, A-la-hán, thi kệ được chép trong Theragāthā, bài số 64.

[7] T. 1775, tr 327b.

[8] Chỉ 500 vị công tử dẫn đầu bởi Bảo Tích (Ratna-rāsi), giới thiệu trong phẩm 1 «Phật quốc.»

[9] Đề cập ở phẩm 12 «Kiến A-súc Phật» (La-thập); «Quán Như lai.» (Huyền Tráng).

[10] T.1775, tr. 327c8.

[11] T. 1780, tr 865a.

[12] T. 1780, tr 853a.

[13] Phẩm 14 «Chúc lụy.» Chú Duy-ma-cật kinh, T. 1775, tr 327c. Tên Skt. giả định: Acintya-vimokṣa-paryāya.

[14] T. 1777, tr 519b.

[15] Xem chánh văn, phẩm 2 «Phương tiện.»

[16] Xem chánh văn, phẩm 3 «Đệ tử.»

[17] Xem chánh văn, phẩm «Bồ-tát.»

[18] Cullavagga xi.1.10. Tứ phần luật 54. T.1424, tr.967b13; Thập tụng luật 60, T.1435, tr.449b15.

[19] Cullavagga xii.1.1. Tứ phần luật 54, T.1428, tr.968c19; Thập tụng luật 60, T.1435, tr.450a 28: sau Phật Niết-bàn 110 năm.

[20] araṇvihāriṇāṃ agro; (Vajracchedika, Mahāyāna-sūtra-saṅgraha, tr. 28). Câu-xá 27 (Đại 29, tr.141c15: «A-la-hán quán sát rằng khổ của hữu tình phát sinh từ phiền não. Tự biết bản thân là thù thắng trong các phước điền, nhưng sợ phiền não của kẻ khác duyên nơi thân mình (A-la-hán) mà phát sinh, nên bằng ý chí (=tự) mà dẫn khởi tướng trí như vậy, để do bởi đó mà hữu tình không duyên nơi thân của ngài khiến phát sinh các thứ tham, sân vv. Vì hành này (vihāra) có thể dập tắt phiền não của các hữu tình, nên được gọi là vô tránh..»

[21] Aggañña-sutta (D.iii.tr.84).

[22] Aggañña-suttanta (D.iii.93): Mahājana-sammato ti kho... mahā-sammato.

[23] Ibid., dhammena pare rañjetī ti kho... rājā.

[24] Cf. Cakkavatti-sīhanāda-suttanta, iii.58ff.

[25] Ibid., tr.59: ..ahosi cakkavatti dhammiko dhammarājā... so imaṃ paṭhavim sāgara-pariyantaṃ adaṇḍena asatthena dhammena abhivijjya ajjhāvasi.

Lại một mùa Xuân

thơ

Lại một mùa xuân mới
Vạn tâm lòng vui, niềm tin phơi phới
Này bạn ơi!
Xuân xinh tươi, xuân thật rạng ngời
Nhưng cuộc đời còn lắm nỗi gian nan
Cõi trần gian muôn vạn kẻ hoang tàn
Vui xuân mới chớ quên người bất hạnh
Con trẻ lang thang
Người già cô quạnh
Bao mảnh đời ảm lạnh giữa trần ai
Xuân hôm qua

Xuân hôm nay

Xuân của ngày mai

Vẫn mãi đẹp bao hương hoa bát ngát
Và muôn loài cùng cất điệu hoà ca
Xuân ơi xuân, xuân đến khắp muôn nhà
Giục cuộc đời bừng lên rộn rã.

HIỀN NGUYỄN



Xa lộ

Ào ào, vun vút xe lao
Ngược xuôi ngang dọc lối nào thành thoi?
Mênh mang xa lộ - cuộc đời
Chuyến xe lừng từ chở người viễn du!

Ông Tăng

Ông tăng chót đỉnh rừng thiền
Ghé thăm phố thị cười liên tù tì
Thì ra: cạp dử-nhu mì
Hoàng lương giác mộng còn y như là.

Lão bà

Lão bà niệm Phật nhất tâm
Cười lên núi cả chẳng làm sư ông
Trời xanh xuất đám mây hồng
Sắc vàng Cực Lạc nhuộm không gian này!

DU TÂM LÃNG TỬ

NĂM UẨN VÀ THIỀN

Tâm Hạnh

(tiếp theo trang 21)

Vấn đề ở đây là, muốn không còn lệ thuộc vào vô minh, ái dục để không bị đau khổ sợ hãi thì phải nhận thức bằng lý tác ý chứ không bằng phi lý tác ý. Muốn nhận thức bằng lý tác ý thì phải thấy được thật tại và quy luật vận hành của chúng. Muốn thấy được thật tại, trạng thái và quy luật vận hành của chúng thì phải học đúng, hiểu đúng và thực hành đúng theo nguyên lý của thiền chi và thiền quán tùy theo khả năng, hoàn cảnh, điều kiện, thời gian của từng cá nhân.

- Thiền (Pali Jhana) là chú tâm bám sát vào đề mục hoặc có nghĩa thiếu sót các chướng ngại làm ngăn trở sự tiến bộ tinh thần. Thiền có hai cách là thiền định (samatha) là đặt tâm liên tục bằng niệm trên một đối tượng trên tâm để tâm ổn định, trong sáng, tạm thời không còn tâm tham ái, đau khổ. Niệm Phật cũng thuộc về thiền định. Niệm Phật khác với trì danh hiệu Phật như thường được biết. Trì danh là đọc, nhớ nghĩ đến tên của vị Phật nào đó như: "nam Mô Thích Ca mâu ni Phật" hay "Nam mô A di đà Phật." Niệm Phật là hiểu rõ, nhớ, nghĩ đến năng lực giải thoát giác ngộ của chư Phật bằng mười hiệu Thế tôn, ứng cúng... Thiền quán (Vipasana) bằng chánh niệm thấy rõ thực tại, quy luật vận hành và thực tánh vô thường, khổ, vô ngã của đối tượng đó bằng nhiều cách.

Nói cụ thể hơn, **hành thiền là quá trình tu tập không còn lệ thuộc vào ngoại giới đạt được an lạc từ nội tâm và khám phá con người thật của chính mình bằng cách khảo sát hoạt động về tự thân của năm uẩn và sự vận hành của chúng để đi đến đạo quả giải thoát.**

A. Thiền định (samadhi): chánh định, chánh thọ), mục đích tập trung tâm trên một đối tượng trên ý nghĩ của ta, làm cho tâm có thể hướng đến một đối tượng để có thể ngăn chặn những phiền não chưa sinh, khống chế những phiền não đã sinh, không cho chúng hoạt động, làm cho thân tâm ta được quân bình, không còn bị đau khổ sợ hãi bởi sáu trần và hành uẩn (ly dục sinh hỷ lạc).

Có nhiều phương pháp để thực hành thiền định. Theo kinh sách thì có đến 40 đề mục để thực hành thiền định. Ở đây, chúng tôi xin giới thiệu một phương pháp đơn giản là đếm hơi thở được nói đến trong Thắng pháp tập yếu của Ngài Bhadanta Anuruddhacariya, Thanh tịnh Đạo của Ngài Buddhaghosa và Lục diệu pháp môn của Ngài Trí Khải. Những đề mục khác, chúng ta sẽ đề cập cụ thể trong từng lớp học.

Bước một chú ý: có thể tập bằng cách đếm hơi thở vào 1 ra 1, 22, 33, 44, 55, bỏ, đếm lại từ đầu đến 66 thì bỏ, làm lại đến 77 thì bỏ, v.v... đến 1010 thì bỏ... và làm lại từ đầu.

Hành giả có thể tập giai đoạn này bằng cách chú ý theo đối sự hoạt động của cơ bụng hay hơi thở vào ra ngay trong từng giây phút trong hiện tại.

Giai đoạn này, hành giả tập trung trên cái gì đang xảy ra với mình. Hành giả buông bỏ hết kinh nghiệm quá khứ, hy vọng tương lai, tất cả lịch sử của mình mà chỉ sống với số đang đếm. Chính sự



buông bỏ sẽ đưa hành giả vào thiền định. Giai đoạn này rất quan trọng vì nó chính là nền tảng để hành giả tiếp tục những bước kế tiếp. Nếu xem thường hay bỏ qua giai đoạn này mà bước sang giai đoạn sau thì sẽ không thể đi vào thiền được.

Bước hai: tâm tập trung bằng ý chí trên hơi thở hay hình ảnh đang xuất hiện trên ý nghĩ của ta (mitta) ngay trong giây phút hiện tại. Khi hành giả an trú trên giây phút hiện tại với một đối tượng thì tất cả gánh nặng do kinh nghiệm, ký ức, sợ hãi từ quá khứ hay ước vọng, lo lắng về tương lai sẽ bị vứt bỏ xuống. Khi ấy hành giả đang sống với sự tinh thức của chính mình trong giây phút hiện tại. Đây là nền tảng vững chắc và quan trọng để đi vào thiền. Do đó, trong giai đoạn này, hành giả cần nỗ lực rất nhiều rất nhiều với sự nhiệt tâm và tinh cần.

Nói chung, thiền định (samadhi): bắt đầu tâm chú ý trên một đối tượng ở bên ngoài (Pari-kammanimittam: chuẩn bị tướng), từng bước từng bước, khi mắt nhắm lại nhưng hình ảnh của đối tượng ấy xuất hiện rõ trên ý nghĩ của mình. Hình ảnh này (Uggahanimitta: thô tướng) mới là đối tượng của thiền định. Tâm tiếp tục bám chặt vào thô tướng ấy không gián đoạn thì thô tướng ấy sẽ chuyển sang quang tướng (Patibhaganimitta). Hành giả tuần tự loại bỏ năm triền cái với các thiền chi để đi vào các tầng thiền.

Thiền định diễn tiến qua năm thiền chi, loại trừ năm triền cái.

5 thiền chi loại trừ	5 triền cái
Tâm -	hôn trầm thụ miên
Tứ -	nghi
Hỷ -	sân
Lạc -	trạo hối, (trạo cử)
Nhất tâm -	dục
Sơ thiền -	có tâm tứ.
Nhị thiền -	không tâm tứ, có hỷ lạc
Tam thiền -	bỏ hỷ còn lạc
Tứ thiền -	chỉ còn xả, nhất tâm

Tuy nhiên, thiền định chỉ là phương tiện đưa đến kết quả tâm tập trung. Tâm tập trung bằng ý chí kết hợp với kiến thức, được gọi là trí (nana). Trí cũng có khả năng làm tâm ổn định và khống chế phiền não không phát triển, nhưng không thể làm hết phiền não. **Tuy nhiên, nhờ tâm tập trung (định trong từng sát na) thì niệm hợp với tuệ trí mới có thể trở thành chánh niệm trong thực hành thiền quán.**

B. Thiên quán (vipassana_ quan sát, thấy thực tánh vô thường, khổ, vô ngã của đối tượng bằng nhiều cách) quan sát vật lý, sinh lý, tâm lý của ta và sự vận hành của chúng theo pháp. Theo Kinh Đại niệm xứ, có 4 đề mục để hành thiên quán là quán thân trên thân, quán thọ trên thọ, quán tâm trên tâm, quán pháp trên pháp. Bốn đề tài trên được Kinh Niệm Hơi Thở Vào Hơi Thở Ra (Trung Bộ 118) và một số kinh khác khai triển khai triển thành 16 đề tài. Thân có 4, thọ 4, tâm 4, pháp có 4.

Quán thân trên thân: quan sát chỗ nào trên thân đang hoạt động trên **toàn thân**. Kinh Đại Niệm xứ có giới thiệu về một số cách niệm thân như theo dõi hơi thở, sự hoạt động đi đứng nằm ngồi, các hoạt động của thân, từng chi phần của thân, bốn đại chủng v.v... để thấy sự sinh diệt trên thân.

Ví dụ: đầu tiên, hành giả chú tâm vào hơi thở trong giây phút hiện tại (niệm thân) của toàn thân. Hít vô dài thì biết hít vô dài, thở ra dài thì biết thở ra dài (niệm). Khi đi đứng hay làm gì thì theo dõi bộ phận nào trên thân (**niệm thân**) đang hoạt động với đối tượng của nó trong giây phút hiện tại trên **toàn thân**. Ví dụ khi đang đi thì biết chân đang tiếp xúc với mặt đất. Đang rửa tay thì biết rõ đang rửa tay (niệm). Như vậy, hành giả đang thực hành **niệm về hoạt động của thân trên thân của mình**. Nhờ niệm được phát triển cao mà hành giả tuệ tri được đối tượng. Hành giả tiếp tục phát triển tuệ tri thấy rõ sự sinh diệt của phong đại hay sự sinh diệt của sắc (thực tại) mà không phải là hơi thở (xem lại phần giải thích về sắc uẩn và sắc ở trên). Khi đang đi, nhờ tuệ tri, hành giả biết rõ sự sinh diệt của phần đại đi (cứng mềm trên nội thân) đang tiếp xúc với địa đại bên ngoài (cứng mềm trên ngoại thân), tuệ tri rõ cả sắc pháp cả nội thân và ngoại thân, mà không thấy có bàn chân đang di động hay chân ta đang bước. Hành giả **phát triển tuệ tri trở thành chánh niệm** thấy rõ được sự vô thường, khổ, vô ngã trên sắc pháp mà không hề có ta, tôi hay bản ngã nào cả.

Quán thọ trên thọ: quan sát **cảm giác (thọ)** nào đang xảy ra trên **mười tám thọ (trên thọ)** của sáu giác quan. Ví dụ: khi giác quan tiếp xúc với đối tượng của nó, theo phản ứng tự nhiên cho ta một trong ba cảm giác. Đó là cảm giác dễ chịu mà ta muốn kéo dài (lạc thọ) hay cảm giác khó chịu mà ta muốn mất đi (khổ thọ) hay cảm giác dửng dưng bình thường không nằm trong hai loại trên (xả thọ). Khi giác quan tiếp xúc với đối tượng, phát sinh cảm

giác, hành giả biết rõ thọ này thuộc loại nào trong ba loại thọ, biết rõ thọ này thuộc về vật chất (từ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân căn) hay thuộc về không phải vật chất (từ ý căn). Đó là tuệ tri. Hành giả tiếp tục tu tập phát triển tuệ tri thành chánh niệm, thấy rõ vô thường sinh diệt, khổ, vô ngã trên các cảm thọ thuộc về danh mà không còn có ý niệm về cảm giác của tôi hay bản ngã nào cả.

Quán tâm trên tâm: quan sát **tâm nào** đang hoạt động trên **hệ thống các tâm** đang vận hành. Khi tâm tham phát sinh thì biết rõ (tuệ tri) đang có loại tâm tham nào phát sinh. Khi tâm sân phát sinh thì biết rõ đang có loại tâm sân nào phát sinh. Khi có tâm si phát sinh thì biết rõ đang có loại tâm si nào phát sinh (xem lại phần tham sân si thuộc hành uẩn). Khi tâm loạn thì biết rõ tâm đang loạn. Khi tâm định thì biết rõ tâm đang định. Hành giả phát triển tuệ tri thành chánh niệm thấy biết rõ sự vô thường, khổ, vô ngã trên tâm.

Quán pháp trên pháp: quan sát pháp nào (trong các pháp) đang xảy ra và diễn ra với ta. Hành giả quán sát thấy rõ tánh sinh khởi, tánh diệt tận, tánh sinh diệt của năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới, bảy giác chi, bốn thánh đế... Do chánh niệm, hành giả thấy được vô thường, khổ, vô ngã của các pháp.

Ở đây, chúng ta cần ghi nhận rõ sự khác nhau giữa niệm (sati), tuệ tri (paññati) và chánh niệm (samma sati).

Niệm: Theo Kinh Mi Tiên vấn đáp_ bản dịch H.T Giới Nghiêm_ (dịch của Kinh Na Tiên tỷ kheo) _ chương II, phần 12 (lược) Niệm có hai chức năng. Một là nhắc nhở tâm. Khi một sự việc gì phát sinh với ta, niệm nhắc nhở tâm ghi nhận sự việc ấy. Hai là giúp tâm cầm nắm. Khi sự việc gì đang xuất hiện, niệm trình cho tâm biết rõ về pháp ấy như thế nào. Theo Thanh Tịnh Đạo luận chương XIV, 141_ bản dịch Ni sư Trí Hải_ trang 795_ (lược) Niệm là tâm sở nhờ đó ta nhớ lại, hoặc chính nó nhớ lại. Hoặc, niệm là sự nhớ lại. Nó có đặc tính không tuột mất. Nhiệm vụ của nó là không quên. Nó được biểu hiện là sự duy trì hay trang thái tiếp xúc với đối tượng.

Tuệ tri: Để hiểu về tuệ tri, chúng ta cần hiểu về thức tri và tướng tri. Thức tri (vijñāti_ consciousness) là sự biết trực tiếp của các giác quan tiếp xúc với đối tượng. Chính thức tri hợp tác với căn và trần do tâm sở xúc. Tướng tri (sañjānāti_ perception) là sự biết bằng khái niệm do học vấn, kiến thức và cho ta biết đó là vật gì tên gì. Ví dụ mắt ta tiếp xúc với một đối tượng. Thức tri chỉ biết sự khác nhau về hình dáng và màu sắc của đối tượng nhưng nó không biết đó là cái gì, hình gì, màu gì. Tướng tri cho ta biết ngay đó là tấm bảng viết hình chữ nhật màu đen. Thức tri và tướng tri chỉ biết pháp tục đế hay khái niệm.

Tuệ tri (paññati_ insight, wisdom): thấy biết trực tiếp bản chất của đối tượng (pháp) trong thực tại chứ không phân biệt qua khái niệm, ý niệm, kiến thức hay kinh nghiệm của lý trí. Ví dụ: khi đi biết rõ sự hoạt động của bốn đại chủng đại thủy hòa phong thuộc nội thân và ngoại thân chứ không có ý niệm tôi đi hay chân tôi đang đi.

Tóm lại, thiên quán là phương pháp tu tập bằng tâm sở niệm tập trung tâm nghĩ đến, chú tâm đến đối tượng, sự việc đang xuất hiện với ta. Tâm sở Niệm có năng lực đưa tâm đến định từng sát na. Nhờ định sát na, niệm trở thành tuệ tri ghi nhận rõ pháp đang xuất hiện, hoạt động, diễn tiến, sinh diệt, nhân quả theo thực





tại của chính nó mà không hề bị móp méo bởi ý niệm của ta. Từ tuệ tri phát triển thành chánh niệm. Chánh niệm là thấy rõ ba trạng thái vô thường, khổ, vô ngã trên đối tượng.

Ở đây, chúng ta cần phải biết rõ, tuệ tri khác với kiến thức. Tuệ tri là thấy biết trực tiếp vào thực tại của đối tượng (ví dụ thấy rõ bốn đại chủng đang hoạt động). Kiến thức là thấy biết đối tượng bằng ý niệm của ta từ sách vở, học vấn. **Hành giả nhờ công phu nỗ lực kiên định tu tập và buông xả theo tiến trình giới định nên có niệm và tuệ tri. Từ tuệ tri phát triển thành chánh niệm. Do chánh niệm, hành giả thấy biết thực tánh vô thường, khổ, vô ngã trên sắc pháp, tâm pháp chứ không phải là kiến thức hiểu về chúng do học văn, sách vở.** Nếu chỉ biết và thuộc lòng về vô thường, khổ, vô ngã theo kiến thức thì đó không phải là tuệ tri với chánh niệm và tất nhiên chỉ tăng thêm ngã mạn, kiến chấp nếu cho đó là sự thấy pháp. Trong trường hợp đó thì chỉ tăng thêm đau khổ, sợ hãi không liên quan gì đến giác ngộ giải thoát cả.

Khi hành thiền, hành giả nên loại bỏ những ý niệm tìm kiếm chân tâm, Phật tánh, niết bàn, an lạc theo kinh nghiệm hay khái niệm của mình mà chỉ cần nhiệt tâm, tinh cần, chánh niệm và tinh giác, từng bước thấy rõ phần vật lý (4 đại chủng địa thủy hỏa phong) của nội thân và ngoại cảnh; phần sinh lý (các cảm giác khổ, lạc, xả); tâm lý (tâm); các pháp hoạt động với tướng và hành uẩn luôn luôn vận hành theo quy luật nhân duyên quả với ba trạng thái vô thường, khổ và vô ngã mà không hề có cá nhân nào hoạt động cả, mà cũng không hề vận hành theo ý muốn của ta.

Nhờ tu tập thiền quán, hành giả tuệ tri trên đối tượng, chánh niệm thấy rõ sự sinh diệt của đối tượng theo quy luật nhân duyên quả với ba trạng thái vô thường, khổ và vô ngã thì sẽ đi vào ba tùy quán và ba giải thoát vô tướng, vô nguyện hay vô tác và không.

Thấy được vô thường từ thực tại các pháp, hành giả tiếp tục tu tập Vô tướng tùy quán, quán sát về vô thường, đạt đến vô tướng giải thoát, **loại trừ ảo kiến về hình tướng, không còn khổ khổ.**

Thấy được sự khổ từ thực tại các pháp, hành giả tiếp tục tu tập theo vô nguyện hay vô tác tùy quán để đi vào vô tác giải thoát **loại trừ tâm lệ thuộc vào duyên ái không còn bám víu vào gì cả, không còn hoại khổ.**

Thấy được sự vô ngã từ thực tại các pháp, hành giả tu tập không tánh tùy quán đi vào không giải thoát, **loại trừ sự chấp thủ về linh hồn, bản ngã, không còn hành khổ.**

Đi vào ba cửa giải thoát này, hành giả được gọi là bậc kiến đạo, kiến đế, hay tùy pháp hành, trừ được ba phiền não là thân kiến, nghi, giới cấm thủ,

đắc quả dự lưu là tầng thánh thứ nhất, tối đa là bảy lần sinh tử trở lại Dục giới sẽ chứng quả A-la-hán. Theo tiến trình giới (sila), định (samadhi), tuệ (panna), giải thoát (Vimutti không còn 3 phiền não trên), giải thoát tri kiến (Vimutti nana dassana hiểu rõ về sự giải thoát của ta là không còn ba phiền não trên chi phối).

Hành giả tiếp tục tu tập làm nhẹ tham và sân đắc tầng thánh thứ hai_Tứ đà hàm_chỉ còn một lần trở lại Dục giới là chứng quả A-la-hán.

Hành giả tiếp tục tu tập đoạn trừ hết tham và sân, không còn năm hạ phần kết sử, đắc tầng thánh thứ ba A-na-hàm. Nếu không chứng quả A-la-hán trong đời này, vị này sẽ sinh lên cõi Bất hoàn thiên (thuộc tầng thiên thứ tư) và chứng A-la-hán ở đó.

Hành giả tiếp tục tu tập, đoạn trừ năm thượng phần kết sử là sắc ái, vô sắc ái, mạn, trạo cử và vô minh, đắc quả A-la-hán không còn luân hồi sinh tử nữa.

Dự lưu đạo (còn gọi là hướng) thuộc bậc Hiền.Tử quả vị Dự lưu (còn gọi là bậc Kiến đạo hay Đốn ngộ) cho đến A-la-hán đạo gọi là bậc thánh Hữu học (bậc Tiệm tu) (Đốn ở đây chỉ cho Tu đạo sơ đoạn; không có nghĩa như Đốn và Tiệm theo Thiền tông trung Hoa). Quả vị A-la-hán gọi là vị thánh Vô học. Tổng cộng có bốn đời, tám vị, một bậc hiền, bảy bậc thánh.

Các đề mục thiền định và phương pháp, xin tham khảo đầy đủ ở phần Định trong bộ Thanh tịnh đạo luận của Buddhaghosa bản English và bản dịch Ni sư Trí Hải; Thắng pháp tập yếu luận tập 2 Chương 9: Nghiệp xứ hay đối tượng tu hành_H.T Thích Minh Châu dịch); kinh Đại niệm xứ thuộc Trường bộ kinh, Trung bộ kinh, Trung A hàm.

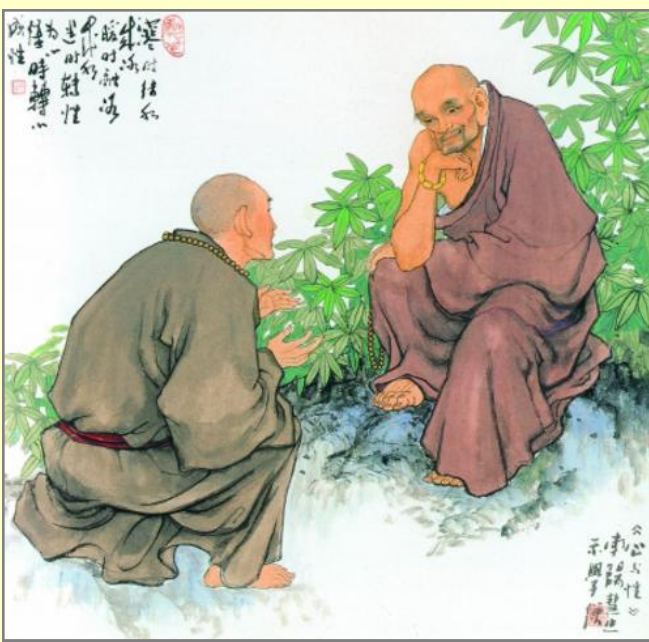
Tóm lại, tất cả chúng ta có thể học và thực hành thiền định và thiền quán với khả năng của chính ta trong bất cứ thời gian nào, bất cứ ở đâu, bất cứ đối tượng nào, bằng sự học đúng, hiểu đúng và nhiệt tâm kiên nhẫn thực hành đúng pháp thì ta sẽ có kết quả ngay ở đây, trong hiện tại, thay đổi đời sống đau khổ sợ hãi thành bình an hạnh phúc mà không cần đi tìm đến một thế giới nào cả.

Khi thiền cận một đối tượng hay một đối tượng nào đó đang xuất hiện trong ý nghĩ, ta tiếp thu chúng, chú ý (định), tiếp tục quan sát (nhiệt tâm, tinh cần), ghi nhận (tuệ tri) thực tại của chúng đang là gì (chánh niệm); thấy được quy luật hoạt động của chúng và ứng xử thích hợp theo pháp (tinh giác) mà không phản ứng theo thói quen hay tiếng gọi của tâm.

Như vậy, ta có thể học và thực hành thiền định và quán bằng sự nhiệt tâm, tinh cần, chánh niệm, tinh giác trong khi lau nhà, nấu ăn, tiếp khách, làm việc, nghỉ ngơi, v.v... với sự thoải mái nhẹ nhàng, bình tĩnh với bất kỳ lúc nào, ở đâu, đối tượng nào đang xảy ra.

Thế thì, khi tâm sân, hay nổi buồn, hay đau khổ đang phát sinh thì ta phải làm sao?

Ta phải chấp nhận, nhìn thẳng vào tâm sân ấy, nổi buồn ấy, sự đau khổ ấy mà không hề muốn xóa bỏ chúng, phớt lờ chúng, không hề quay lưng lại với chúng (định và niệm), biết rõ chúng thuộc về khổ khổ, hoại khổ hay hành khổ (tuệ tri, chánh niệm), quan sát sự diễn tiến của chúng và biết phải làm gì (tinh giác). Tâm sân, tâm buồn, tâm đau khổ, tâm sợ hãi cũng là một pháp thực tại, đã là thực tại thì khi nó đã sinh tất nhiên chúng phải diệt. Nó sinh không do ta mời đến thì khi nó đi ta cũng không thể giữ lại. Tuy nhiên, về mặt tu tập để có trí tuệ xử lý



chúng, bên ngoài thì giới hạn sự hoạt động của chúng trên thân bằng chánh nghiệp, chánh mạng, trên miệng bằng chánh ngữ. Với bên trong tâm thì bằng chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Hay nói cách khác, chúng ta không phủ nhận chúng, không muốn chúng lui về quá khứ (quá khứ không truy tìm), cũng không chạy trốn, muốn chống lại, xóa tan chúng để mong được an lạc, không còn khổ đau, sợ hãi, buồn lo (tương lai không ước vọng), vì làm như thế chúng ta càng tăng thêm một trong ba loại khổ. Hiện tại đang sân, đang buồn, đang khổ thì phải tuệ tri là đang sân, buồn, khổ, sợ, lấy chúng làm đối tượng để quan sát (quan tâm trên tâm), lấy chúng làm cơ hội để tu tập (an trú trong hiện tại). Như thế, sân, khổ, sợ hãi, buồn, lo lắng sẽ không còn là kẻ thù nữa mà trở thành cơ hội, bạn pháp giúp ta tu tập, giúp ta thấy được chính mình, để không còn lệ thuộc chúng hay hợp tác với chúng để tạo ác nghiệp để tiếp tục chịu đau khổ nữa.

Có người đặt câu hỏi: Trong đời sống, có biết bao nhiêu người không học Phật, không học và hành thiền mà họ vẫn sống. Nếu chúng ta có học, có hiểu, có thực hành môn học này thì đời sống của ta có thay đổi gì khác với khi ta không học? Sự khác nhau đó có quan trọng gì, có chi phối gì trong đời sống của ta?

Để trả lời, chúng ta có ví dụ: Chúng ta có một chiếc xe. Dù ta có sử dụng nó hay không thì nó vẫn chiếm một khoảng không gian trong nhà, tốn công chăm sóc, trả tiền bảo hiểm... Trong trường hợp phải sinh sống, ta phải đi làm. Do đó nhu cầu dùng xe là không thể thiếu. Không có xe, ta không thể đi làm được gì cả. Ta phải đi xe bus hay đi nhờ xe của người khác. Vậy là biết bao sự lo sợ, đau khổ, buồn phiền, bất an đến với ta vì sự đi lại.

Hiện tại, ta đang có một chiếc xe, vậy ta phải làm gì để nó giúp ta vượt qua những khó khăn, lo âu, sợ hãi, đau khổ trong cuộc sống không dễ dàng đang tiếp diễn này? Thay vì để nó chật nhà, vùi tích sự, gây phiền phức thì ta phải biết dùng nó phục vụ cho ta.

Muốn dùng nó thì:

1, Ta phải biết nó là loại xe gì? Để dùng cho phù hợp với bằng lái xe mà ta sẽ có trong điều kiện của ta. Học thuộc và thi đậu kỳ thi viết về những quy định về lái xe, những biểu tượng, ký hiệu, chữ viết trên đường xe chạy mà người lái xe phải tuân theo (khái niệm)

2, Tìm hiểu và biết rõ từng chức năng, từng

công dụng của từng bộ phận trên xe theo nó mà không theo ý niệm của mình, hay theo hiệu xe (thực tại)

3, Học hiểu, kiên tâm tập lái từng ngày cho đến khi biết sử dụng chính xác từng bộ phận của xe, cả chiếc xe theo quy luật hoạt động của nó và quy luật dành cho xe, người lái và những quy định trên đường khi lái xe. Thi đậu kỳ thi lái xe và có bằng lái chính thức. Khi đó, ta có thể lái xe chạy trên đường với sự tự do, thích thú, thoải mái.

Khi có đủ 3 điều kiện trên thì ta có thể sử dụng chiếc xe làm công cụ phục vụ cho ta, cho đời sống ta, mà nó không còn là gánh nặng, không còn là chướng ngại, không còn gây lo sợ, đau khổ khi ta dùng nó. Nó giúp ta vượt lên đời sống hiện tại để tiến đến tương lai tốt đẹp.

Thân ta cũng vậy, nếu ta không biết rõ về nó, không biết quy luật hoạt động của nó thì nó chính là nguyên nhân của biết bao đau khổ, sợ hãi, bất an, khó khăn, gánh nặng cho chính ta, cho gia đình, cộng đồng, xã hội v.v... trong hiện tại và tương lai.

Nếu ta học hiểu biết rõ về khái niệm, thực tại và quy luật hoạt động về thân tâm ta thì ta có thể dùng nó làm công cụ để chạy trên đường đời, sống hạnh phúc bình an với chính nó, vừa đem đến hạnh phúc, bình an, cho gia đình, cho cộng đồng trong hiện tại và tương lai.

Mời các bạn hãy sử dụng chiếc xe của mình nhưng nhớ trước tiên nên học thật vững lý thuyết lái xe, quy luật lái xe. Sau đó, bạn phải cố gắng kiên nhẫn tập luyện lái xe, thi lấy driver licence. Khi biết rõ cách sử dụng chiếc xe của mình thì các bạn có thể tự mình lái xe chạy trên đường đời một cách thoải mái, không còn sợ về nó nữa... Nếu các bạn thật sự muốn dùng xe thân tâm này làm công cụ để thành công trên đường đời thì các bạn sẽ là người lái xe rất giỏi, với chiếc xe của mình chạy trên con đường mà mình đã chọn mà không cần thay đổi xe khác hay theo con đường của người khác.

Chúc các bạn thật sự hạnh phúc và bình an trên chiếc xe của mình chạy trên con đường đã chọn để đến mục đích.

Tâm Hạnh

Tu viện Đạo Tâm_Carrollton, Texas
www.mindfulwaymonastery.org

Tài liệu tham khảo:

- 1, Kinh Đại niệm xứ (Trường bộ kinh, Trung bộ kinh_H.T T Minh Châu dịch) và Trung A hàm (bản dịch Hải Đức)
- 2, Thanh tịnh đạo_ Buddhaghosa, Ni Sư Trí Hải dịch
- 3, Thắng pháp Tập yếu luận _ H.T T. Minh Châu dịch
- 4, A tỳ đạt ma câu xá luận_(Hán)_ Đại chính_Luận bộ
- 5, Luận ngũ uẩn_Thế thân_ bản dịch Tâm Hạnh_Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam
- 6, Giáo án thiền học của thầy Viên Minh_VNC
- 7, Lục diệu pháp môn, Tu tập tọa thiền chỉ quán (Hán)_Tùy, Trí Khải_ Đại chính, Chư Tông bộ_Thiền.
8. Kinh Nhập tức Xuất tức Niệm (Anapanasati sutta, Trung Bộ Kinh118)
9. Kinh Mi Tiên Vấn Đáp_ bản dịch của H.T Giới Nghiêm.



KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ CHƯƠNG TRÌNH HỌC PHẬT

Trong Kinh Du Hành của Trường A Hàm, Đức Thế Tôn dạy rằng, “Người nào biết lãnh thọ và thực hành đúng Chánh pháp, mới là người cúng dường Như Lai.” Bởi vì có lãnh thọ và thực hành đúng Chánh pháp mới có thể chuyển hóa tận gốc vô minh, phiền não, và khổ đau để đạt đến giác ngộ và giải thoát cho mình và người. Làm được như vậy có nghĩa là thực hành đúng bản nguyện chuyển mê khai ngộ và cứu khổ quần sinh của đức Phật, và cũng là thắp sáng ngọn đuốc Chánh pháp giữa đêm trường đại mộng để nêu cao giá trị thù thắng của Đạo Giác Ngộ.

Chính trong ý nghĩa ấy, từ năm 2011, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada đã phối hợp tổ chức các Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ để tạo thẳng duyên cho quý đồng hương Phật tử lãnh thọ và thực hành Chánh Pháp. Cho đến nay, Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ đã đi vào nề nếp sinh hoạt của cộng đồng Phật tử Việt Nam tại vùng Bắc Mỹ nhằm đáp ứng đúng nhu cầu học Phật và mang lại lợi lạc tâm linh vô giá cho hàng Phật tử tại gia.

Trong cuộc họp đặc biệt vào tối thứ Bảy, ngày 02 tháng 11 năm 2013 tại chùa Phật Đà, San Diego, California, Ban Chủ Trưởng Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ đã soạn thảo và thông qua Chương Trình Học Phật tổng quát như sau:

- *Chương Trình Học Phật của Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ gồm 3 khóa Phổ Thông và 1 khóa Chuyên Đề. 3 khóa Phổ Thông được dạy trong vòng 9 năm nếu học viên bắt đầu vào chương trình từ Khóa Một năm thứ 1. Khóa Chuyên Đề sẽ hướng dẫn pháp môn tu tập hoặc giảng dạy các bộ Kinh và thời gian của khóa này là vô hạn.*
- *Ngoài ra còn có 2 lớp Anh ngữ: lớp 1 dành cho thiếu niên và lớp 2 dành cho người lớn. Các vị giáo thọ đảm trách các lớp này do Ban Giám Học cung thỉnh tùy theo mỗi năm; và một chương trình cụ thể cho hai lớp này sẽ do chính các vị giáo thọ soạn thảo với sự đồng thuận của Ban Giám Học.*
- *Riêng Tăng Ni, có 2 lớp dành: a) lớp Sơ Cấp: dành cho những vị Tăng Ni mới xuất gia hoặc*

xuất gia đã lâu nhưng chưa có điều kiện tham dự các Phật học viện; b) lớp Hội Thảo: dành cho Tăng Ni có trình độ trung đẳng đến cao đẳng, đại học và hậu đại học. Chủ đề và nhóm thuyết trình viên của lớp Hội Thảo do Ban Giám Học đề nghị và thỉnh cử. Thuyết trình viên nộp đề cương tham luận cho Ban Giám Học 3 tháng trước khi khóa học bắt đầu.

- *Học viên của tất cả các Khóa và các Lớp được tự do chọn lựa khóa học và môn học thích hợp. Sau các khóa học mỗi năm, học viên được phát một tin chỉ để ghi nhận và lưu niệm sự cầu học Phật Pháp của mình; không có khảo hạch hay thi cử.*
- *Ngoài các khóa Phổ Thông và Chuyên Đề, tất cả học viên sẽ được thỉnh pháp trong một buổi giảng mở rộng (do Ban Giám Học cung thỉnh giảng sư) tại hội trường hoặc chánh điện; và được tham dự một buổi Phật Pháp Vấn Đáp do Ban Giám Học điều hợp.*

BAN GIÁM HỌC:

Trưởng ban: HT. Thích Thái Siêu
 Phó trưởng ban: HT. Thích Nguyên Siêu, HT. Thích Bốn Đạt
 Thư ký: TT. Thích Tâm Hòa

THÀNH PHẦN GIÁO THỌ VÀ GIẢNG SƯ:

HT. Thích Thăng Hoan, HT. Thích Tín Nghĩa, HT. Thích Nguyên Hạnh, HT. Thích Minh Đạt, HT. Thích Tịnh Từ, HT. Thích Nguyên Trí, HT. Thích Nguyên An, HT. Thích Thái Siêu, HT. Thích Nguyên Siêu, HT. Thích Thiện Quang, HT. Thích Bốn Đạt, HT. Thích Thông Hải, HT. Thích Tâm Hạnh, TT. Thích Minh Dung, TT. Thích Hạnh Tuấn, TT. Thích Giác Như, TT. Thích Nhựt Huệ, TT. Thích Tâm Hòa, TT. Thích Nhật Trí, TT. Thích Thiện Mỹ, TT. Thích Thánh Minh, TT. Thích Đức Trí, TT. Thích Minh Tuệ, TT. Thích Hạnh Đức, ĐĐ. Thích Đạo Quảng, ĐĐ. Thích Thông Lý (Tennessee), ĐĐ. Thích Tín Mãn, ĐĐ. Thích Tâm Lương, ĐĐ. Thích Pháp Tánh, ĐĐ. Thích Thiện Long, ĐĐ. Thích Huệ Nhân, ĐĐ. Thích Thông Lý (CA), ĐĐ. Thích Chánh Trí, ĐĐ. Thích Hạnh Tuệ, Ni sư Thích nữ Giới Châu, Ni sư Thích nữ Giới Hương, v.v...
 (danh sách còn bổ sung)



A. PHỔ THÔNG:

KHÓA MỘT:	KHÓA HAI:	KHÓA BA:
<u>NĂM THỨ 1</u> <ul style="list-style-type: none">- Tổng quan về Đạo Phật- Quy Y Tam Bảo- Ngũ Giới- Thờ Phật, Lạy Phật, Cúng Phật- Tụng Kinh, Trì Chú, Niệm Phật- Sám Hối	<u>NĂM THỨ 1</u> <ul style="list-style-type: none">- Tổng quát về Tứ diệu đế- Khổ đế- Tập đế- Diệt đế- Đạo đế (tổng quát)	<u>NĂM THỨ 1</u> <ul style="list-style-type: none">- Tam Pháp Ấn- Lục diệu pháp môn (2 buổi)- Mười đại nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền- Lục độ (Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục)- Lục độ (Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ)
<u>NĂM THỨ 2</u> <ul style="list-style-type: none">- Nhân quả- Luân hồi- Vô thường- Thiểu dục và Tri túc- Giới thiệu tổng quát về Tứ Diệu Đế (2 buổi)	<u>NĂM THỨ 2</u> <ul style="list-style-type: none">- Tứ niệm xứ- Tứ chánh cần- Tứ như ý túc- Ngũ căn Ngũ lực- Thất bồ đề phần- Bát chánh đạo	<u>NĂM THỨ 2</u> <ul style="list-style-type: none">- Nhân sinh quan Phật giáo- Vũ trụ quan Phật giáo- Kinh An Ban Thủ Ý (2 buổi)- Kinh Bát Đại Nhân Giác (4 buổi)
<u>NĂM THỨ 3</u> <ul style="list-style-type: none">- Bát Quan Trai Giới- Thập thiện nghiệp- Lục hòa- Tứ nhiếp pháp- Tổng quan Thiền, Tịnh và Mật (2 buổi)	<u>NĂM THỨ 3</u> <ul style="list-style-type: none">- Quán Số Tức- Quán Bất Tịnh- Quán Tử Bi- Quán Nhân Duyên- Quán Giới Phân Biệt- Tứ Vô Lượng Tâm	<u>NĂM THỨ 3</u> <ul style="list-style-type: none">- Giới thiệu tư tưởng Kinh Nikàya- Giới thiệu tư tưởng Kinh Pháp Hoa- Giới thiệu tư tưởng Kinh Bát Nhã- Giới thiệu tư tưởng Kinh Duy Ma Cật- Giới thiệu tư tưởng Kinh Thắng Man- Giới thiệu tư tưởng Kinh Hoa Nghiêm

B. CHUYÊN ĐỀ:

(Ban Giám Học đưa ra ít nhất 2 chủ đề cho mỗi khóa tu học, rồi cung thỉnh 2 vị giáo thọ thích hợp. 2 vị giáo thọ nộp giáo án đề cương đến Ban Giám Học 3 tháng trước khi khóa học bắt đầu. Mỗi chủ đề ở đây sẽ được giảng dạy trong 3 buổi và tùy theo kinh được chọn, chủ đề ấy có thể được tiếp tục qua khóa học năm sau. Danh sách pháp môn tu tập và kinh luận sau đây chỉ là gợi ý và không sắp theo thứ tự. Danh sách có thể được bổ sung)

- Thiền Minh Sát
- Tổ Sư Thiền
- Pháp môn Tịnh Độ
- Mật tông
- Duy Thức Học
- A tỳ Đạt ma Câu Xá Luận
- Đại thừa Khởi Tín Luận
- Kinh Na Tiên Tỳ kheo
- Kinh A Di Đà / Vô Lượng Thọ
- Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật
- Kinh Thủ Lăng Nghiêm
- Kinh Thắng Man
- Kinh Duy Ma Cật
- Kinh Đại Bát Niết Bàn...

Theo Chương Trình Học Phật nêu trên, Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần IV – năm 2014 sẽ là Khóa khởi đầu, với năm học thứ 1, cụ thể với 3 Khóa và các môn học như sau:

KHÓA MỘT:

NĂM THỨ 1

- Tổng quan về Đạo Phật
- Quy Y Tam Bảo
- Ngũ Giới
- Thờ Phật, Lạy Phật, Cúng Phật
- Tụng Kinh, Trì Chú, Niệm Phật
- Sám Hối

KHÓA HAI:

NĂM THỨ 1

- Tổng quát về Tứ diệu đế
- Khổ đế
- Tập đế
- Diệt đế
- Đạo đế (tổng quát)

KHÓA BA:

NĂM THỨ 1

- Tam Pháp Ấn
- Lục diệu pháp môn (2 buổi)
- Mười đại nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền
- Lục độ (Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục)
- Lục độ (Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ)

Ban Giám Học sẽ cung thỉnh chư vị giáo thọ đảm trách các môn học cho các Khóa Phổ Thông, Chuyên Đề và các lớp theo đúng chương trình qui định. Những thay đổi hay bổ sung sẽ được thông báo sau.

Vì lợi lạc của việc thọ lãnh và thực hành Chánh Pháp trong đời sống hàng ngày, mong quý đồng hương Phật tử hoan hỷ ghi danh tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ IV.

Nguyện cầu chư Phật gia bị cho chư tôn đức Tăng, Ni pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ và Phật sự thành tựu; đồng kính chúc quý đồng hương Phật tử thân tâm an lạc, bồ đề tâm kiên cố.



KÍNH THỈNH CHƯ TÔN ĐỨC VÀ PHẬT TỬ ĐIỀN PHIẾU GHI DANH NƠI TRANG 142 & 143.